GIẢNG LUẬN
TIẾNG NÓI VÔ THINH

Annie Besant
Và
C. W. Leadbeater

(Sửa chữa xong tháng 8 năm 2016)

Ấn bản thứ nhất 1926

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Sách này chỉ là một số ghi chép các bài thuyết giảng của ông C.W.Leadbeater và chính tôi dựa trên ba quyển sách trứ danh – sách tuy nhỏ về kích thước, nhưng lớn về nội dung. Cả hai chúng tôi đều hy vọng rằng, chúng sẽ hữu ích cho người tìm đạo và ngay cả cho những ai vượt trên trình độ đó, vì lẽ những người thuyết giảng đều lớn tuổi hơn người nghe và đã có được ít nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống của hàng đệ tử.

Các bài thuyết giảng này không phải chỉ được đưa ra ở một nơi duy nhất. Chúng tôi đã bàn bạc cùng các bạn đạo, ở những thời điểm và nơi chốn khác nhau, nhất là ở Adyar, London và Sydney. Một số lớn các chú giải đã được thính giả ghi lại. Tất cả những gì có trong các chú giải này đều được gom góp và sắp xếp lại. Sau đó, chúng được đúc kết, và các chỗ trùng lắp được loại ra.

Điều không may là có rất ít các ghi chú về quyển Tiếng Nói Vô Thinh, Đoạn I, thế nên, chúng tôi đã sử dụng các ghi chú này được ghi lại ở một lớp học của vị đạo hữu có thiện tâm của chúng tôi, ông Ernest Wood ở Sydney và nhập chung các ghi chú này vào các bài trần thuyết của Giám Mục Leadbeater ở cùng một tiết mục. Không có ghi chú nào về các

https://thuviensach.vn

bài thuyết trình của riêng tôi về quyển này, mặc dù tôi có thuyết giảng khá nhiều, song các bài này không thể tìm lại được. Không một bài nào trong số các bài này được xuất bản trước kia, ngoại trừ một số các diễn văn của Giám Mục Leadbeater dành cho các đạo sinh chọn lọc nơi quyển "At The Feet of The Master" ("Dưới Chân Thầy"). Một quyển sách có tiêu đề Giảng Luận Dưới Chân Thầy được xuất bản cách đây vài năm, chứa các bài trần thuật chưa đầy đủ của một số các bài giảng luận này của ông ấy. Sách đó sẽ không được in lại. Tài liệu chính trong quyển đó có ở nơi đây, được cô đọng lại và biên tập một cách thận trọng.

Mong cho sách này giúp ích được một số các huynh đệ trẻ tuổi hiểu được nhiều hơn về các giáo huấn vô giá này. Càng nghiên cứu và càng sống nhiều, các huynh đệ đó càng tìm được nhiều điều hữu ích trong các giáo huấn đó.

Annie Besant

https://thuviensach.vn

MỤC LỤC

	Anh ngữ/Việt ngữ
Đoạn I: Tiếng Nói Vô Thinh 1	**7**
1- Lời tựa.....3	9
2- Quyền năng cao và thấp 25	34
3- Kẻ giết sự thật.....43	55
4- Chân và giả 54	70
5- Tiếng nói cảnh báo 62	79
6- Ngã và Toàn Ngã 75	96
7- Ba căn phòng.....89	113
8- Đức Mẹ Thế Gian 108	135
9- Bảy âm thanh 121	149
10- Trở thành Thánh đạo.....134	165
11- Con đường duy nhất 146	178
12- Các giai đoạn cuối cùng 157	190
13- Mục tiêu.....168	202
Đoạn II: Hai con đường.....175	211
1- Cánh cửa mở rộng.....177	213
2- Minh triết do học tập và mtriết do Lhồn….. 189	228
3- Sự linh hoạt của hành động.....200	240
4- Con đường bí mật 216	258
5- Vòng Luân Hồi 225	268
6- Con đường của vị La Hán.....236	280
Đoạn III: Bảy cánh cổng.....253	299
1- Các đỉnh Ba La Mật.....256	301

https://thuviensach.vn

2- Điều hợp tâm 274 323
3- Ba cổng đầu tiên 293 345
4- Cổng thứ tư 304 357
5- Cổng thứ năm và thứ sáu 325 384
6- Cổng thứ bảy 342 403
7- Thánh Đạo Arya 363 428
8- Tam thân.....375 442

https://thuviensach.vn

ĐOẠN I

TIẾNG NÓI VÔ THINH

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 1

LỜI TỰA

C.W.L.- Cho dù xét theo quan điểm bên ngoài và hoàn toàn hồng trần, quyển Tiếng Nói Vô Thinh vẫn là một trong các sách nổi bật nhất trong văn liệu Minh Triết Thiêng Liêng (Theosophical literature) của chúng ta, bất luận chúng ta xem xét về nội dung, văn phong (style) hoặc cách thức viết ra sách đó; và khi chúng ta nghiên cứu sâu hơn một ít và kêu gọi đến sự trợ giúp của năng lực tìm tòi bằng nhãn thông, sự thán phục của chúng ta cũng vẫn còn. Chúng ta sẽ không nhầm lẫn chút nào khi xem quyển này như một thánh thư (sacred-scripture), mọi lời trong sách phải được chấp nhận không chút nghi ngờ. Như chúng ta sẽ thấy ngay sau đây, không có cách nào để cho các sai sót và các hiểu nhầm nhỏ nhặt khác len lỏi vào được trong sách này. Nhưng, bất cứ ai, vì lý do nào đó, cho quyển kinh này là không đáng tin cậy hoặc vô tình gán chung như thế, cũng sẽ tạo ra một lỗi lầm khó tha thứ.

Bà Blavatsky luôn luôn sẵn sàng thừa nhận, thậm chí nhấn mạnh sự thật rằng có những điều sai sót (inaccuracies) trong mọi tác phẩm của bà; và trong những thời kỳ đầu, khi chúng tôi gặp một phát biểu nào đó đặc biệt không chắc có thực là của bà, thì đương nhiên chúng tôi kính cẩn để nó sang một bên, vì có lẽ đây là một trong các sai sót đó. Điều đáng

https://thuviensach.vn

ngạc nhiên là ở một số các trường hợp như thế, khi được nghiên cứu kỹ càng hơn, chúng tôi thấy rằng, sau rốt, bà Blavatsky lại đúng, cho nên, hiện nay, do kinh nghiệm có
4 được, chúng tôi trở nên thận trọng hơn trong vấn đề này, và biết tin tưởng vào kiến thức tinh tế và rộng rãi phi thường của bà về mọi loại vấn đề độc đáo khác thường này. Dù sao không có lý do nào để nghi ngờ một ý nghĩa ẩn giấu trong một lỗi hiển nhiên là do ấn loát (misprint), như một số đạo sinh quá cả tin đã phạm, và chúng ta không cần do dự khi thừa nhận rằng kiến thức sâu sắc của nhà sáng lập vĩ đại của chúng ta về các vấn đề huyền linh không ngăn được bà đôi khi viết sai một từ ngữ Tây Tạng, hoặc thậm chí dùng sai một từ ngữ Anh văn.

Trong bài tựa, bà đưa ra cho chúng ta một số chi tiết về nguồn gốc của quyển sách – những chi tiết mà lúc đầu dường như bao hàm một số khó khăn trầm trọng, nhưng dưới ánh sáng của các sưu khảo gần đây, chúng trở nên dễ hiểu hơn nhiều. Nhiều điều trong số những gì bà viết ra thường được hiểu theo một nghĩa rộng hơn là bà dự tính, và theo cách đó, người ta cho rằng dường như là bà đã đưa ra các đòi hỏi quá đáng, nhưng khi có đủ các dữ kiện về trường hợp được nói đến, người ta mới nhận ra rằng không có một nền tảng nào để qui trách như thế cả. Bà nói:

– *"Những trang sau đây được trích từ Kim Huấn Thư (The Book of the Golden Precepts), một trong các tác phẩm được đem ra dạy cho các đạo sinh huyền học (mystic students) ở Đông Phương. Việc học hỏi các Châm Ngôn Vàng ấy có tính cách bắt buộc trong các đạo viện này, các giáo huấn đó cũng được nhiều nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng (Theosophists) chấp nhận. Do chỗ tôi thuộc lòng nhiều câu châm ngôn đó, nên việc phiên dịch là công*

https://thuviensach.vn

việc tương đối dễ đối với tôi". Thêm nữa: *"Tác phẩm mà tôi phiên dịch ở đây chính là một thành phần của cùng một loạt như các đoạn của bộ Thiền Kinh (Book of Dzyan) được chọn làm nền tảng để soạn ra bộ Giáo Lý Bí Nhiệm (The Secret Doctrine)"*. Bà cũng nói: *"Pho Kim Huấn Thư….chứa vào khoảng chín mươi tiểu luận riêng biệt"*.

Vào những ngày đầu, chúng tôi nghiên cứu sâu hơn những gì bà muốn nói đến, chúng tôi đưa ra giả thuyết là tác phẩm này được dạy ra cho mọi đạo sinh huyền học Đông Phương và cũng đặt giả thuyết rằng câu nói của bà "*đạo viện mà trong đó các châm ngôn này được dạy ra*" có nghĩa là đạo viện (school) của chính Huyền Môn (Great White Brotherhood)[1]. Do đó khi gặp được các nhà huyền linh học tiến hóa cao, được các vị này cho biết là không bao giờ nghe nói về Kim Huấn Thư, chúng tôi rất ngạc nhiên và hơi có vẻ nhìn họ một cách ngờ vực, đồng thời vô cùng nghi ngờ không rõ họ có cùng đi theo các đường lối đúng đắn hay không, nhưng từ đó, chúng tôi đã học được nhiều điều, một số các điều đó có phần sáng tỏ hơn lúc đầu.

Cuối cùng, chúng tôi cũng có thêm thông tin về các Đoạn Thiền Kinh (Stanzas of Dzyan), và, càng khảo sát về chúng và về vị thế độc đáo của chúng, điều càng trở nên rõ ràng hơn đối với chúng tôi là không phải Tiếng Nói Vô Thinh, mà cũng không phải bất cứ sách nào khác có thể có được bất cứ ý nghĩa thực sự nào có cùng cội nguồn như chúng đã có.

---

[1] Thuật ngữ này được dùng để chỉ Đại Đoàn các Chân Sư (great Brotherhood of Adept), không liên quan gì đến màu sắc (color) cả.

https://thuviensach.vn

Bản gốc của Thiền Kinh đang ở trong tay của Đấng Lãnh Đạo Đại Đoàn Huyền Linh (Head of the Occult Hierarchy) và không một ai nhìn thấy cả. Không một ai biết được nó có tự bao giờ, nhưng có lời đồn đãi rằng phần đầu của kinh đó (gồm sáu đoạn đầu), có nguồn gốc hoàn toàn trước thế giới (world) này, thậm chí nó không có lịch sử nữa, mà đây là một loạt các chỉ dẫn – đúng hơn là một công thức để sáng tạo (formula for creation) hơn là một tài liệu về sáng tạo. Một bản sao của Kinh đó được giữ trong tàng cổ viện (museum) của Thánh Đoàn, và chính bản sao đó (chính nó có lẽ là quyển sách cổ nhất được tạo ra trên hành tinh này) mà
6 bà Blavatsky và một vài môn đệ (pupils) của bà đã thấy – bà có mô tả một cách rất sinh động trong bộ Giáo Lý Bí Nhiệm. Tuy nhiên, quyển sách có vài đặc điểm mà bà không đề cập đến ở đây. Nó dường như được luyện từ điển rất mạnh (very highly magnetized), vì ngay khi người nào lấy tay lật một trang, y thấy ngay trước mắt mình diễn ra một linh ảnh (vision) gồm các biến cố mà trang sách đó được dự định mô tả, trong khi cùng lúc đó, y dường như nghe thấy một lối mô tả nhịp nhàng về các biến cố đó bằng chính ngôn ngữ của mình, đến mức mà ngôn ngữ đó sẽ gợi ra các ý tưởng được bao hàm. Các trang sách đó không chứa một chữ nào, trừ các biểu tượng (symbols). Khi đã tìm hiểu sách này một cách đầy đủ, chúng tôi có phần sửng sốt khi thấy một quyển sách khác được cho là có cùng nguồn gốc như các Đoạn Thánh Kinh Dzyan nói trên, và cảm xúc đột ngột trước tiên của chúng tôi là giả dụ rằng có một lầm lẫn kỳ lạ nào đó hẳn đã xảy ra. Thực ra, chính sự bất đồng (discrepancy) lạ kỳ này lần đầu tiên đưa đến cho việc nghiên cứu của chúng tôi câu hỏi về tình trạng tác giả đích thực của Kim Huấn Thư; và khi câu

https://thuviensach.vn

hỏi này được nêu ra thì cách giải thích xuất hiện một cách cực kỳ đơn giản.

Chúng ta đọc thấy trong các tiểu sử khác nhau của bà Blavatsky rằng bà có lần trải qua một thời kỳ độ ba năm ở Tây Tạng, và cũng trong một dịp khác bà đã cố gắng thâm nhập vào vùng đất cấm đó nhưng không thành công. Ở một lần thăm viếng khác, dường như bà đã ở lại trong một thời gian đáng kể ở một tu viện nào đó trong dãy Himalayas, vị đứng đầu tu viện đó là một đệ tử của Chân Sư Morya. Theo tôi, địa điểm này dường như ở Nepal hơn là ở Tây Tạng (Tibet), nhưng thật khó biết chắc điều này. Tại đây bà vô
7 cùng chuyên tâm học hỏi nên đạt được mức phát triển tâm linh đáng kể. Chính ở giai đoạn này trong cuộc đời mà bà học thuộc lòng nhiều luận thuyết khác nhau (various treatises) mà bà có nhắc đến trong bài tựa. Các đạo sinh của tu viện đặc biệt này bắt buộc phải học các luận thuyết đó, và kinh sách chứa các luận thuyết đó được xem là thiêng liêng và cực kỳ quí giá.

Đạo viện này có niên đại rất cổ. Nó được lập ra vào những thế kỷ đầu của kỷ nguyên Cơ Đốc do nhà thuyết giảng và nhà cải cách vĩ đại của Phật giáo, thông thường vị này được biết dưới danh xưng là Aryasanga. Tôi nghe nói rằng đạo viện đó tồn tại được hai hoặc ba thế kỷ trước thời của Ngài. Nhưng cho dù thế nào đi nữa, lịch sử của đạo viện chỉ bắt đầu có liên quan với chúng ta khi Đức Aryasanga tạm cư ở đó. Ngài là một người có quyền năng to tát và học vấn cao thâm, đã tiến xa trên Thánh Đạo (Path of Holiness). Trong một tiền kiếp, dưới danh xưng là Dharmajyoti, Ngài là một trong các đệ tử thân cận của Đức Phật, và sau đó, dưới danh

https://thuviensach.vn

xưng Kleinias, Ngài là một trong các đệ tử hàng đầu của Đức Thầy Kuthumi trong kiếp Đức Kuthumi đầu thai làm Pythagoras[1]. Sau khi Đức Pythagoras qua đời, Kleinias lập ra một trường phái để nghiên cứu triết lý của Đức Pythagore ở Athens – một cơ hội mà một số thành viên Minh Triết Thiêng Liêng hiện tại của chúng ta tận dụng được. Vài thế kỷ sau, Ngài tái sinh ở Peshawar (vào thời bấy giờ được gọi là Purushapura) dưới thánh danh là Vasubandhu Kanushika. Khi Ngài được thu nhận vào hàng tu sĩ, Ngài lấy danh xưng là Asanga – tức là "người không còn gặp chướng ngại"("the man without hindrance") – về sau các đệ tử ngưỡng mộ Ngài, mới kéo dài danh xưng này thành Aryasanga, với danh xưng này Ngài được biết rất nhiều với vai trò nhà trước tác và nhà
8 thuyết giảng. Có lời đồn đãi rằng Ngài sống rất lâu – gần một trăm năm mươi năm, nếu truyền thuyết nói đúng – và mất ở Rajagriha [2].

Ngài là nhà trước tác nhiều, tác phẩm chính của Ngài được chúng ta biết đến là Yogacharya Bhumishatra. Ngài là nhà sáng lập Trường phái Phật Giáo Yogacharya, dường như Trường Phái này bắt đầu cố gắng dung hòa hệ thống triết lý

---

[1] Pythagoras (570 – 480 tr. T.C): triết gia và nhà toán học Hy Lạp, cha đẻ của định lý Pythagore: trong tam giác vuông, bình phương của cạnh huyền bằng tổng số bình phương của hai cạnh góc vuông. (ND)

[2] Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn, thì Ngài Vasubandhu (còn gọi là Thiên Thân hoặc Thế Thân Bồ Tát) sống vào thế kỷ V sau T.C. có *người anh ruột* là Asangha (dịch là Vô Trứ/ Vô Trước). Ngài Vasubandhu có soạn bộ Duy Thức Luận (Vidya-mâtra-siddhi-zastra-kârita). Ngài Vasubandhu là Tổ thứ 21 trong số 28 tổ lãnh đạo Phật giáo Ấn Độ. (ND)

https://thuviensach.vn

Yoga vĩ đại với Phật giáo, hay có lẽ đúng hơn, thừa nhận trong hệ thống yoga những gì có thể được dùng và diễn giải trong Phật giáo. Ngài du hóa (travelled) nhiều nơi và là một động lực mạnh mẽ trong việc cải cách Phật giáo. Thực ra, tiếng tăm của Ngài đạt được mức cao đến nỗi thánh danh của Ngài được liên kết với các thánh danh của Đức Nagarjuna và Arya deva và các vị này được gọi là ba vầng thái dương của Phật giáo, vì hoạt động của các Ngài là tuôn đổ ánh sáng và vinh quang của Phật giáo xuống thế gian.

Niên đại (date) của Đức Aryasanga được đưa ra một cách mơ hồ là một ngàn năm sau Đức Phật. Các học giả Âu Châu có vẻ hồ nghi về niên đại mà Ngài sống, nhưng không một ai cho rằng Ngài ra đời muộn hơn thế kỷ thứ bảy sau T.C. Đối với chúng tôi trong Hội Thông Thiên Học, trong kiếp sống này, Ngài được biết dưới danh xưng một huấn sư kiên trì và chuyên giúp ích, tức Chân Sư Djwal Kul – theo chúng tôi, Ngài có một vị thế độc đáo, ở cương vị đó khi một số huynh đệ chúng tôi có được cái hân hạnh biết được Ngài vào khoảng bốn mươi năm trước, lúc Ngài chưa đạt được giai đoạn vốn là mục tiêu tiến hóa của nhân loại tức là cuộc điểm đạo Aseka([1]). Thế nên, trong số các Đức Thầy của chúng ta, Ngài là vị duy nhất mà chúng tôi biết trong kiếp lâm phàm này trước khi trở thành Chân Sư (Adept) khi Ngài vẫn còn là môn đồ đứng hàng đầu của Chân Sư Kuthumi. Sự kiện đáng chú ý là trong kiếp lâm phàm dưới danh xưng Aryasanga, Ngài đã truyền bá Phật giáo vào Tây Tạng, có thể là lý do giải thích tại sao trong kiếp này Ngài chọn một thể xác thuộc

9

[1] The Aseka initiation, tức là cuộc điểm đạo 5, đắc quả vị Aseka hay quả vị Chân Sư - (ND)

https://thuviensach.vn

chủng tộc Tây Tạng; có lẽ có các can dự hay là liên kết về nghiệp quả mà Ngài muốn giải quyết xong (dispose) trước khi nhận cuộc điểm đạo sau cùng, đạt quả vị Chân Sư.

Ở một trong các chuyến đi hoằng pháp (missionary journeys) quan trọng của Ngài trong kiếp mang tên Aryasanga, Ngài đã đến Đạo Viện ở Himalaya này và lưu lại đó. Ngài ở lại gần một năm, giảng dạy cho các tăng sĩ, tổ chức lại tôn giáo theo qui mô rộng lớn cho cả xứ, và biến Đạo Viện này thành một loại trung tâm chỉ huy cho việc cải tổ tôn giáo, Ngài đã để lại ở địa điểm này một ấn tượng và một truyền thống còn kéo dài cho đến ngày nay. Trong số các thánh tích khác của Ngài còn được giữ lại có một quyển kinh, kinh này được chiêm ngưỡng với niềm tôn kính sâu xa, đây chính là quyển kinh mà bà Blavatsky nói đến dưới tên là Kim Huấn Thư. Dường như Đức Aryasanga soạn thảo kinh đó thành một loại kinh sách bình thường (commonplace book), hay là một loại trích cú kinh (book of extracts), trong đó Ngài ghi lại bất cứ điều gì mà Ngài nghĩ là sẽ hữu ích cho các môn đệ của Ngài, và Ngài bắt đầu với các câu Thiền Kinh (stanzas of Dzyan) – không ở dưới hình thức biểu tượng (symbol), như trong bản gốc, mà dưới hình thức chữ viết. Nhiều trích đoạn khác mà Ngài tạo ra – một số từ các tác phẩm của Đức Nagarjuna, theo lời bà Blavatsky.

Sau khi Ngài ra đi, các môn đệ của Ngài đưa thêm vào kinh đó một số các trần thuật (reports) – hay có lẽ đúng hơn là các trích yếu – về các bài giảng (lectures) hay thuyết pháp (sermons) của Ngài dành cho các môn đệ, và đây chính là các "bài tiểu luận" ("little treatises") mà bà Blavatsky nói đến.

Trong kiếp vừa qua, chính Alcyone đã soạn và đưa vào Kim Huấn Thư các bài trần thuật về các thuyết giảng của Đức

https://thuviensach.vn

Aryasanga, ba bài trong số đó tạo thành chủ đề nghiên cứu hiện nay của chúng ta. Cho nên nhờ Alcyone gia công biên soạn, chúng ta mới có được quyển sách nhỏ vô giá này, cũng như trong kiếp sống này chúng ta mang ơn Alcyone vì đã đem lại cho chúng ta quyển cẩm nang tuyệt diệu "Dưới Chân Thầy" vậy. Kiếp sống đó của Alcyone bắt đầu vào năm 624 sau T.C. và được trải qua ở miền Bắc Ấn Độ.

Trong kiếp đó, Alcyone gia nhập đẳng cấp (order) tăng sĩ Phật giáo vào lúc còn trẻ và trở nên gắn bó sâu xa với Đức Aryasanga. Đức Aryasanga đem Alcyone vào Đạo Viện với Ngài ở Nepal, và để cho Alcyone giúp và điều khiển các nghiên cứu của cộng đồng (community) mà Ngài đã tổ chức lại – một công cuộc phụng sự mà Alcyone hoàn tất với sự thành công xuất sắc trong khoảng hai năm. ([1])

Chính theo ý nghĩa này, và chỉ với ý nghĩa này mà quyển Tiếng Nói Vô Thinh được cho là có cùng nguồn gốc như các Đoạn Thiền Kinh (Stanzas of Dzyan) chỉ vì cả hai đều được chép trong cùng một quyển sách. Chúng ta cũng đừng nên quên rằng, mặc dầu chắc chắn chúng ta có nhiều bài giảng của Đức Aryasanga trong các luận giải này, nó không những chỉ bị nhuốm màu sắc một cách đáng kể bởi các thiên kiến (prepossessions) của những kẻ biên tập nó, mà có lẽ ít nhất trong một số đoạn, kẻ biên tập hiểu sai ý Ngài và không truyền đạt được nguyên ý của Ngài. Khi nghiên cứu kỹ tác phẩm, chúng ta sẽ tìm thấy đây đó có những câu diễn tả các tình cảm mà Đức Aryasanga khó có thể có được, chứng tỏ sự thiếu hiểu biết mà một bậc minh triết như Ngài không thể nào mắc phải.

[1] Xem The Lives of Alcyone (Các kiếp sống của Alcyone).

https://thuviensach.vn

Cũng nên để ý rằng bà Blavatsky nói đến cách dịch các câu châm ngôn – một nhận xét làm nảy sinh một số câu hỏi lý thú, vì chúng ta biết rằng bà không biết bất cứ ngôn ngữ Đông Phương nào trừ tiếng Ả Rập. Quyển sách được viết bằng một thứ chữ xa lạ đối với tôi, mà tôi cũng không biết
11 thứ ngôn ngữ nào được dùng. Có thể là Sanskrit, Pali hoặc thổ ngữ Prakrit, hoặc có thể tiếng Nepal, tiếng Tây Tạng, còn chữ viết cũng không phải là bất cứ thứ chữ nào mà hiện nay thường được dùng để viết ra các ngôn ngữ này. Dù gì đi nữa có thể tin chắc rằng trên cõi trần không có thứ chữ cũng như không thể có ngôn ngữ nào trong số đó mà bà thông thạo.

Với một người có thể hoạt động trong thể trí một cách tuỳ ý thì có các phương pháp hiểu được ý nghĩa của quyển sách hoàn toàn khác với cách đọc thông thường. Cách đơn giản nhất là đọc từ trí của người đã nghiên cứu sách đó; nhưng phương pháp này bị bài bác rằng người đọc sẽ không tiếp nhận được ý nghĩa thật sự của tác phẩm, mà đó chỉ là ý tưởng của người nghiên cứu, vốn có thể khác với ý tưởng trong sách. Cách thứ hai là khảo sát hào quang của sách – câu nói này cần một ít giải thích đối với những ai không thực sự quen thuộc với khía cạnh ẩn giấu của sự vật. Về mặt này thì bản chép tay cổ xưa ở vào một vị thế hơi khác với một quyển sách hiện đại. Nếu đó không phải là công việc ban đầu của chính tác giả, thì có thể là sách đó đã được sao chép lại từng chữ một bởi một người có một trình độ giáo dục và hiểu biết nào đó, người này biết rõ đề tài của quyển sách và lại có các ý kiến riêng của chính y về quyển sách. Cần phải nhớ rằng, việc sao chép đó thường được làm bằng một mũi nhọn (stylus, ngòi bút), tất phải chậm chạp và thu hút sự chú ý (emphatic)

https://thuviensach.vn

giống như điêu khắc vậy; thế nên người viết tất nhiên là in tư tưởng của mình một cách mạnh mẽ lên tác phẩm của mình.

Do đó, bất cứ thủ bản nào, cho dẫu một thủ bản mới đi nữa, cũng luôn luôn có một loại hào quang-tư tưởng (thought-aura) chung quanh thủ bản đó, chính hào quang này gợi ra ý nghĩa tổng quát của thủ bản đó hay đúng hơn, ý
12 tưởng của một người về hàm ý và sự đánh giá của người đó về giá trị của thủ bản đó. Mỗi lần có người đọc, hào quang-tư tưởng được đưa thêm vào, nếu được nghiên cứu kỹ lưỡng, phần thêm vào đó dĩ nhiên là rộng lớn và có ích. Một quyển sách được chuyền qua nhiều bàn tay, sẽ có một hào quang tư tưởng thường thường được thăng bằng, viên mãn và đầy đủ hơn bởi các quan điểm khác nhau do những người đọc sách ấy mang lại. Tất nhiên, phương pháp trắc tâm (psychometrization) một quyển sách như thế thường tạo ra được một hiểu biết khá đầy đủ về nội dung quyển sách, mặc dầu có một phần bên ngoài (fringe) đáng kể gồm các ý kiến không được trình bày trong sách, mà chỉ do các độc giả khác nhau của sách đưa ra.

Với một quyển sách in thì trường hợp cũng gần giống như thế, trừ việc không có người sao chép ban đầu, cho nên lúc đầu, quyển sách thường thường không mang tính chất gì đặc biệt, ngoại trừ các mảnh vụn rời rạc của tư tưởng người đóng sách và người bán sách. Ngày nay, chỉ có một số ít người đọc sách có vẻ nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện như người xưa đã làm, vì lý do đó mà các hình tư tưởng liên kết với một quyển sách hiện đại hiếm khi chính xác và rõ ràng như các hình tư tưởng bao quanh bản viết tay của thời cổ.

https://thuviensach.vn

Một phương án thứ ba, cần các quyền năng khá cao, đó là hoàn toàn ở đàng sau quyển sách hoặc thủ bản và tiếp xúc với vị trí của tác giả. Nếu quyển sách được viết bằng một ngôn ngữ xa lạ nào đó, chủ đề của sách hoàn toàn không được biết, và không có hào quang nào quanh nó để cung cấp bất cứ gợi ý hữu ích nào, thì cách duy nhất là đi ngược trở lại lai lịch của sách để xem coi nó được chép từ đâu (hoặc được tạo nên theo mẫu nào, tuỳ trường hợp), và thế là vạch ra con đường đi xuống của nó cho đến khi đến được tác giả của nó. Nếu biết được chủ đề của tác phẩm, thì một phương pháp ít nhàm chán là trắc tâm chủ đề đó, quan tâm tới dòng tư tưởng
13 chung về đề tài đó, và như thế tìm ra tác giả đặc biệt cần biết và thấy được những gì tác giả ấy tưởng nghĩ. Theo một ý nghĩa trong đó mọi ý tưởng có liên quan đến một đề tài đã chọn có thể được cho là có tính cách địa phương – được tập trung chung quanh một điểm nào đó trong không gian, cho nên khi khảo sát bằng trí, người ta có thể tiếp xúc được với tất cả các luồng tư tưởng hội tụ chung quanh đề tài đó, mặc dù điều dĩ nhiên là các luồng tư tưởng này được liên kết bằng hàng triệu đường hướng đủ mọi loại của các đề tài khác.

Giả dụ, vào lúc đó các năng lực nhãn thông (claivoyant powers) của bà Blavatsky phát triển đầy đủ, thì bà có thể chọn bất cứ phương pháp nào trong các phương pháp này để đạt đến ý nghĩa của các luận đề trong bộ Kim Huấn Thư, mặc dầu phương pháp đó sẽ là một sự hơi lừa dối khi coi bất cứ câu châm ngôn nào trong đó như là bản dịch mà không cần nói rõ xuất xứ. Các khả năng đáng xem xét khác còn hơi xa. Hiện nay, trong Đạo Viện Hy Mã Lạp Sơn đó không có một ai nói được thứ ngôn ngữ Châu Âu nào, nhưng có lẽ ít nhất bốn mươi năm qua từ khi bà Blavatsky đến đó, hẳn đã có nhiều

https://thuviensach.vn

thay đổi. Người ta ghi nhận được rằng thỉnh thoảng, dù rất hiếm, các đạo sinh Ấn Độ đã đến để uống tận nguồn tri thức nghìn xưa ấy, nếu chúng ta có thể phỏng đoán rằng cuộc viếng thăm của một đạo sinh nào đó trùng hợp với cuộc viếng thăm của bà, thì cũng có thể xảy ra trường hợp cả hai bên đều biết Anh ngữ và ngôn ngữ của thủ bản, hay ít nhất ngôn ngữ của người cư ngụ trong Đạo viện, nên những người này có thể tự đọc thủ bản, và như thế có thể dịch ra cho bà.

Trường hợp khá ly kỳ là có thể bà được dạy bằng chính
14 ngôn ngữ mẹ đẻ của bà. Ở phần đất Nga Âu (European Russia), trên bờ sông Volga có một nơi định cư khá rộng lớn của các bộ lạc Phật giáo, có lẽ nguồn cội của họ là người Tartar, và dường như là, mặc dầu rất cách xa với Tây Tạng, những người này vẫn còn xem Tây Tạng như là Thánh địa của họ và thỉnh thoảng tổ chức các cuộc hành hương đến đó. Đôi khi những người hành hương này ở lại trong nhiều năm dưới hình thức các đệ tử trong các Đạo viện Tây Tạng hoặc Nepal, và khi một trong các đệ tử đó có thể biết rành tiếng Nga cũng như thổ ngữ Mông Cổ của chính họ, thì hiển nhiên là ở đây chúng ta có một cách thức khác có thể xảy ra, đó là bà Blavatsky có thể giao tiếp với các chủ trọ (hosts) của bà.

Dù xảy ra trường hợp nào đi nữa, chúng ta cũng đừng nên mong đợi có được một phiên bản chính xác của những lời mà Đức Aryasanga giảng dạy lúc đầu dành cho các môn đệ của Ngài. Thậm chí trong chính quyển cổ thư, chúng ta cũng không có các lời của Ngài, mà chỉ có bài góp nhặt của các môn đệ Ngài, và hiện giờ chúng ta có trước mắt chúng ta hoặc là một bản dịch của một bản dịch các góp nhặt đó, hoặc

https://thuviensach.vn

là phần ghi chép về ấn tượng chung của thể trí về mặt ý nghĩa. Dĩ nhiên sẽ rất dễ dàng đối với một trong các đức Thầy của chúng ta hay là đối với chính tác giả khi dịch trực tiếp và chính xác ra tiếng Anh, nhưng vì bà Blavatsky tuyên bố rõ ràng chính bà là tác giả bản dịch, hiển nhiên là phương án này không phải là phương án (plan) được thừa nhận.

Đồng thời tài liệu mà chúng tôi có được nơi một nhân chứng về mức độ nhanh chóng mà quyển sách được ghi lại, chắc chắn gợi ra cho chúng ta ý tưởng rằng có một sự trợ giúp nào đó được đưa đến cho bà, cho dù chính bà có thể cũng không hay biết.

Bà Besant viết về việc này như sau:

Bà (tức bà Blavatsky – ND) viết ra quyển sách đó ở Fontainebleau, và phần lớn công việc diễn ra khi tôi ở bên bà, tôi ngồi trong phòng trong khi bà viết quyển đó. Tôi thấy bà viết mà không có tham khảo bất cứ quyển sách nào, bà miệt mài viết hết giờ này đến giờ khác, nói một cách chính xác giống như bà viết lại hoặc là từ trí nhớ, hoặc là do đọc trong một cuốn sách vô hình tại nơi đó. Đến chiều bà đưa ra bản chép tay đó mà tôi đã chứng kiến bà viết trong khi tôi ngồi một bên bà, bà nhờ tôi và nhiều người khác nữa chữa lại phần Anh ngữ, vì bà nói rằng bà đã viết nhanh đến nỗi chắc là phần đó không được suôn sẻ.

Chúng tôi chỉ thay có vài chữ trong đó và nó vẫn là một tác phẩm văn chương tuyệt diệu kiểu mẫu.

Một trường hợp khác có thể xảy ra, ấy là bà Blavatsky đã dịch ra Anh ngữ trước đây trong khi còn ở Đạo viện, nên lúc ở Fontainebleau, bà thực ra chỉ đọc quyển đó ở một khoảng xa đúng như bà Besant nói là bà Blavatsky có vẻ làm

https://thuviensach.vn

như vậy. Tôi đã thường thấy bà làm chính điều đó trong các dịp khác.

Sáu triết phái Ấn Độ mà bà nhắc đến trên trang đầu của phần lời tựa là Nyaya, Vaiseshika, Sankhya, Yoga, Mimamsa và Vedanta. Bà nói rằng mỗi huấn sư Ấn Độ đều có lề lối huấn luyện riêng biệt, mà thường thường họ giữ rất bí mật. Họ giữ bí mật cũng là điều tự nhiên thôi, vì họ không muốn chịu trách nhiệm trước các hậu quả xảy ra, nếu những hạng người không thích hợp, kém tiết chế cũng cố luyện tập.

Không một huấn sư chân chính nào ở Ấn Độ chịu thu nhận đệ tử, trừ phi vị huấn sư có thể đặt đệ tử dưới sự giám sát của mình, để cho khi huấn sư ấn định cho đệ tử một bài thực hành nào đó, thì vị huấn sư có thể xem xét hiệu quả của bài học đó và kiểm soát đệ tử ngay lập tức nếu huấn sư thấy có điều gì diễn tiến sai lầm. Đó là tập tục rất xưa trong các vấn đề huyền linh học này, và chắc chắn đây là cách duy nhất mà trong đó sự tiến bộ thực sự có thể được tạo ra một cách nhanh chóng và an toàn. Nhiệm vụ đầu tiên và khó khăn nhất của đệ tử là đưa các hỗn độn trong chính mình vào trật tự, để loại bỏ cả khối các chú tâm nhỏ nhặt, kiềm chế những
16 tư tưởng vẩn vơ, và điều này hẳn phải đạt được bằng áp lực vững vàng của ý chí, tác động lên mọi hiện thể của y qua một thời kỳ nhiều năm dài.

Tác giả cũng cho chúng ta biết rằng, nếu hệ thống giảng dạy ở phía bên này của dãy Himalayas (Tuyết Sơn) trong các trường Bí Giáo rất khác nhau, thì ở bên kia Tuyết Sơn, chúng lại giống nhau. Ở đây, chúng ta phải nhấn mạnh từ ngữ bí giáo (esoteric), vì chúng ta biết rằng trong tôn giáo công truyền (exoteric religion), các thối nát và các thực hành tà

https://thuviensach.vn

thuật thì tệ hại ở triền núi phía bắc hơn là phía nam. Có lẽ chúng ta nên hiểu thành ngữ "bên kia (beyond) dãy Tuyết Sơn" theo một ý nghĩa tượng trưng hơn là theo ý nghĩa địa lý một cách chặt chẽ, và nhiều người cho là chính ở trong các trường trung thành với các Đức Thầy của chúng ta mà giáo lý mới không khác nhau. Điều này rất đúng theo một ý nghĩa nào đó – ý nghĩa quan trọng nhất, nhưng có thể làm cho độc giả hiểu lầm nếu không được giải thích cẩn thận. Ý nghĩa cho rằng tất cả đều giống nhau là mọi người công nhận cuộc sống đức hạnh chính là con đường duy nhất đưa đến sự phát triển huyền linh, còn việc chinh phục dục vọng chỉ là cách để tống khứ dục vọng. Có các trường phái tri thức huyền linh chủ trương rằng cuộc sống đức hạnh áp đặt các giới hạn không cần thiết. Các trường đó giảng dạy một vài hình thức phát triển tâm linh, nhưng lại không để ý gì đến việc sử dụng kiến thức mà các môn đồ của họ có thể thu lượm được sau đó. Có những trường khác chủ trương rằng các loại dục vọng cần được buông thả đến tối đa, ngõ hầu có thể đạt đến sự thờ ơ lãnh đạm qua sự chán chường (satiety). Nhưng không một trường phái nào nắm giữ được một triết lý nào dưới sự dẫn
17 dắt của Huyền Môn cả. Trong mọi huyền viện (establishment) cho dù có liên hệ xa xăm với Huyền Môn đến đâu đi nữa, *sự thanh khiết trong đời sống và mục đích cao quý* đều là các điều kiện tiên quyết tối cần thiết.

Đoạn kế tiếp trong bài tựa có chứa hai sai sót nhỏ mà tôi có nói đến. Tác giả của chúng ta ghi nhận rằng "*tác phẩm rất thần bí được gọi là Paramartha (Chân Lý Cao Thâm), mà người đời tin rằng do các Nagas truyền lại cho Đức Nagarjuna*". Quyển sách vĩ đại của Đức Nagarjuna (Đức Long Thọ) không phải là Paramartha, mà là Prajna Paramita – nghĩa là minh triết đưa

https://thuviensach.vn

đến bờ bên kia; nhưng điều chính xác là đề tài được bàn đến trong sách đó là thắng-nghĩa-đế (paramartha satya, chân lý tuyệt đối), đó là tâm thức của bậc thánh hiền (sage), tâm thức này khắc phục được ảo tưởng (illusion). Như đã nói, Đức Nagarjuna là một trong ba đại-huấn-sư bên Phật Giáo vào các thế kỷ đầu của kỷ nguyên Cơ Đốc Giáo. Người ta tin rằng Ngài mất vào năm 180 sau T.C. Đối với các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng (Theosophists) ngày nay, Ngài được biết dưới thánh danh Chân sư Kuthumi. Đôi khi các nhà trước tác ngoại môn mô tả Đức Aryasanga như là kẻ đối địch với Ngài, nhưng vì chúng tôi biết mối liên hệ mật thiết của hai Ngài trong một tiền kiếp ở Hy Lạp, và giờ đây một lần nữa trong kiếp hiện tại, chúng tôi thấy ngay là việc đối địch giữa hai Ngài không thể xảy ra. Rất có thể là, sau khi hai Ngài bỏ xác phàm, các môn đồ của hai Ngài cố đưa ra giáo lý của vị này chống lại giáo lý của vị kia, như các đệ tử có lòng nhiệt thành thiếu phân biện thường làm thế; nhưng thật ra chính các Ngài hoàn toàn hòa hợp, điều đó được chứng tỏ bởi sự kiện là Đức Aryasanga quý trọng nhiều tác phẩm của Đức Nagarjuna và ghi lại trong tập sách trích đoạn (book of extracts) để giảng dạy cho các môn đệ của Ngài.

Tuy nhiên, không chắc là bộ Bát Nhã Ba La Mật Đa (Prajna Paramita) là tác phẩm của Đức Nagarjuna, vì truyền thuyết dường như cốt để chứng tỏ rằng các Nagas hay minh triết xà (serpents) đã truyền cho Ngài bộ kinh này. Bà Blavatsky lý giải rằng tên gọi này chỉ là một danh xưng dành cho các Điểm Đạo Đồ thời cổ, và điều đó có thể đúng như thế, mặc dầu có một giả thuyết khác rất lý thú. Tôi đã thấy rằng danh xưng Nagas hay minh triết xà được người Aryans dành để chỉ một trong các bộ lạc (tribes) hay thị tộc (clans)

https://thuviensach.vn

lớn của phụ chủng Toltec của giống dân Atlantis, bởi vì khi ra trận đánh nhau, họ vác ra phía trước đoàn quân một con rắn vàng cuộn quanh cây cột làm cờ hiệu (standard). Cây này có thể là một loại vật tổ (totem) hay là biểu tượng của bộ lạc hay có lẽ chỉ là huy hiệu (crest) của một gia đình vọng tộc. Bộ lạc hay gia tộc này hẳn đã có một vai trò quan trọng trong chương trình thuộc địa hóa đầu tiên của người Atlantis đối với xứ Ấn Độ và các đất đai nằm ở phía đông nam Ấn Độ lúc đó. Chúng ta thấy danh xưng Nagas được nhắc đến trong số các cư dân ban đầu của Tích Lan (Ceylon)([1]), được tìm thấy khi Vijaya và các kẻ đồng hành với ông đổ bộ lên đó. Thế nên có thể có một cách lý giải khác về truyền thuyết này, đó là Đức Nagarjuna tiếp nhận kinh này từ một giống dân có trước, nói cách khác, đó chính là kinh sách của người Atlantis. Và nếu như người ta nghi ngờ, có một vài đoạn của các kinh Upanishads xuất phát từ cùng một cội nguồn, sẽ là một lý do nhỏ nhặt nếu lấy làm ngạc nhiên trước sự giống nhau của giáo lý mà bà Blavatsky đề cập trên cùng một trang.

Kinh Gnyaneshwari (được viết là Dhyaneshwari trong lần in đầu) không phải là một tác phẩm Bắc Phạn, mà được viết bằng chữ Marathi vào thế kỷ mười ba trong kỷ nguyên chúng ta.

Ở trang kế, chúng ta thấy trích dẫn trường phái Yogacharya (hay chính xác hơn là Yogachara) của Đại Thừa (Mahayana). Tôi đã nhắc đến thành quả (attempt) của Đức
19 Aryasanga, nhưng có lẽ nên nói vài lời về vấn đề gây tranh luận là Yanas.

[1] Ceylon: ngày nay là Sri-Lanka.(ND)

https://thuviensach.vn

Ngày nay, Giáo Hội Phật giáo tự phân làm hai tông lớn (great divisions), đó là Bắc Tông và Nam Tông. Bắc Tông gồm các nước Trung Hoa, Nhật Bản và Tây Tạng; Nam Tông thịnh hành ở Tích Lan, Thái Lan (Siam)([1]), Miến Điện (Burma)([2]) và Cambodia (CamBốt)([3]). Người ta thường cho rằng Giáo Hội Bắc Tông theo Đại Thừa, còn Giáo Hội Nam Tông theo Tiểu Thừa (Hinayana)([4]), nhưng điều này tuỳ thuộc vào sự hơi khác nhau của ý nghĩa (shade of meaning) mà chúng ta gắn vào một từ ngữ gây nhiều tranh cãi này. Yana có nghĩa cổ xe ([5]) và người ta đều đồng ý rằng nghĩa này được gắn vào Dhamma hay là Thiên Luật (Law, Pháp) giống như chiếc thuyền (vessel) chở chúng ta vượt qua đại dương sự sống để vào Niết Bàn. Nhưng ít ra có năm thuyết nói về ý nghĩa đích thực của nó cần được xét đến:

1- Ấy là nó chỉ liên quan đến loại ngôn ngữ mà theo đó Giáo Pháp (Law, Pháp) này được ghi lại, theo thuyết này, thì Cổ Xe Lớn (Greater Vehicle, Đại thừa) là tiếng Bắc Phạn, còn Tiểu Thừa (Lesser Vehicle) là tiếng Nam Phạn, theo tôi, thuyết này có vẻ không vững.

---

[1] Thái Lan ngày nay được viết là Thailand, xưa kia viết là Siam nên còn được diễn âm là Xiêm La, hoặc Tiêm La -(ND).

[2] Miến Điện xưa là Burma, nay là Myanmar. (ND)

[3] Sách này được in từ năm 1929, thời ấy chữ Cambodia đã có dùng rồi (ND).

[4] Thường thường được biết dưới tên gọi Theravada (Phật Giáo Nguyên Thủy).

[5] Cổ xe: (vehicle) tiếng Hán Việt là "thừa" hoặc "thặng", do đó Đại thừa còn được gọi là Đại thặng, Tiểu thừa còn gọi là Tiểu thặng-(ND).

https://thuviensach.vn

2- Hina, theo bề ngoài có thể được xem như có nghĩa thấp kém (mean) hoặc dễ dàng (easy) cũng như nhỏ bé (small). Do đó có một cách lý giải là xem Hinayana (Tiểu Thừa) như là con đường thấp hơn (meaner) hoặc dễ hơn đưa đến giải thoát – chỉ cần có tri thức tối thiểu, tối đơn giản và có đức hạnh là đủ đạt đến giải thoát (liberation) – trong khi đó Mahayana (Đại Thừa) là triết lý đầy đủ hơn, bao gồm nhiều tri thức bổ sung về các lãnh vực cao siêu của thiên nhiên. Không cần nói ra cũng biết cách lý giải này xuất phát từ nguồn gốc Đại Thừa.

3- Với ý thức luôn luôn tôn trọng các tôn giáo khác, Phật Giáo xem các tôn giáo này như là các con đường giải thoát, mặc dầu Phật giáo xem các phương pháp do Đấng Sáng Lập Phật Giáo dạy ra là con đường ngắn nhất và chắc chắn nhất. Theo quan điểm này thì Phật giáo là Cổ Xe lớn, còn Cổ Xe nhỏ (Hinayana) bao gồm Bà La Môn giáo (Brahmanism), Bái Hỏa giáo (Zoroastrianism), đạo Jain (Jainism) và các tôn giáo khác đang hiện hữu vào lúc mà định nghĩa này được đưa ra.

4- Hai triết lý nói trên chỉ là hai giai đoạn của một triết lý duy nhất, Tiểu thừa (Theravada) dành cho các Shravakas hay là đệ tử thinh văn (hearers)([1]), còn Đại Thừa (Mahayana) dành cho các đạo sinh tiến hóa hơn.

5- Từ ngữ Yana không nên hiểu theo nghĩa ban đầu là "cổ xe"("vehicle") một tí nào, mà đúng hơn nên hiểu theo nghĩa thứ hai, gần tương đương với Anh ngữ là "career"

[1] Thinh văn: Thinh: thanh, tiếng nói; văn: nghe. Chỉ bậc đệ tử tu hạnh xuất gia, thường hầu theo Phật mà nghe pháp. (Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn).

https://thuviensach.vn

(nghề nghiệp, sự nghiệp). Theo cách lý giải này thì Mahayana đặt (puts) trước mặt một người "cái sự nghiệp vĩ đại" ("grand career") là trở nên một vị Bồ Tát (a Boddisattva) và xả thân cho hạnh phúc của thế gian, trong khi đó, Theravada tự lộ ra chỉ là "sự nghiệp nhỏ" ("smaller career") là sống như thế nào để đạt đến Niết Bàn cho chính mình mà thôi.

Phật giáo Bắc Tông và Nam Tông có thể hiểu giống như là Thiên Chúa Giáo La Mã (Catholics) và Tin Lành (Protestants) trong Cơ Đốc Giáo (Christians). Bắc Tông giống như Giáo Hội La Mã. Nó bổ sung thêm vào giáo lý của Đức Phật. Thí dụ nó thừa nhận nhiều sự thờ cúng nơi bản địa (aboriginal worship) vốn có sẵn trong xứ – chẳng hạn các nghi lễ thuộc loại tôn vinh các tinh linh thiên nhiên (nature-spirits) hay các sức mạnh được thần thánh hóa (deified forces) của thiên nhiên. Khi các nhà truyền giáo Cơ Đốc đến nơi có tín đồ Phật Giáo Bắc Tông, họ thấy các nghi lễ giống với nghi lễ của chính họ đến nỗi họ nói đó là một sự bắt chước (plagiarism) do ma quỉ gây ra, và khi được chúng minh rành rẽ rằng các nghi lễ này có trước kỷ nguyên Cơ Đốc giáo, thì họ lại nói rằng đó là "bắt chước nhờ tiên đoán" ("plagiarism by anticipation")!

21 Giống như trong mọi kinh sách khác, trong các kinh sách Phật giáo cũng có các phát biểu mâu thuẫn; thế nên Giáo Hội Nam Tông tự xây dựng dựa trên một số nguyên bản (texts); vì lo tránh những chỗ dư thừa (excrescences), Giáo hội này không biết đến các nguyên bản khác, hoặc gọi các nguyên bản này là các đoạn thêm vào (interpolations). Điều này khiến cho Giáo Hội Nam Tông trở thành hẹp hòi hơn Giáo Hội Bắc Tông ở phạm vi nghiên cứu (scope). Hãy đơn

https://thuviensach.vn

cử một thí dụ. Đức Phật luôn luôn thuyết giảng ngược lại với ý tưởng đang thịnh hành rõ rệt vào thời của Ngài là sự trường tồn (continuation) của phàm ngã. Khái niệm đó cũng thường thấy nơi những người theo Cơ Đốc Giáo, họ cho rằng phàm ngã (personality) của chúng ta sống mãi đến vô tận. Nhưng trong khi Đức Phật dạy rằng không có bất luận thứ gì, mà con người thường đồng hóa với chính mình, trường tồn cả, Phật đã đưa ra các phát biểu rõ ràng nhất về các kiếp sống nối tiếp của con người. Ngài nêu ra các thí dụ về các tiền kiếp. Khi có một ông vua hỏi Ngài phục hồi ký ức của các tiền kiếp giống như cái gì, Ngài đáp việc đó giống như nhớ lại những gì con người đã làm ngày hôm qua và những ngày trước nữa khi đi thăm ngôi làng này hoặc ngôi làng khác. Tuy nhiên, ngày nay Giáo Hội Nam Tông dạy rằng chỉ có nghiệp tồn tại mà thôi, Chân Ngã không tồn tại (only karma persists, not an ego), mặc dầu trong một kiếp, con người tạo ra một số nghiệp, rồi khi chết, không có gì còn lại nơi y, nhưng một người khác được sinh ra lại phải mang lấy nghiệp quả mà người này không hề gây ra.

Còn nữa, trong khi Phật Tử Nam Tông dạy rằng chỉ có Karma tồn tại, đồng thời họ cũng nói tới việc đạt đến Niết Bàn. Cho nên, nếu bạn hỏi một tu sĩ tại sao ông ta mặc áo vàng (tức là đi tu - ND), tu sĩ này sẽ trả lời: "Để đạt tới Niết Bàn", và nếu bạn hỏi thêm: "Trong kiếp này phải không?" ông ta trả lời tức khắc: "Ồ, không đâu, cần nhiều kiếp sống mới đạt được". Cũng thế đó, sau mỗi bài thuyết pháp, tu sĩ
22 chúc tụng bằng các lời:"Nguyện cầu quí vị đến được Niết Bàn", và một lần nữa, nếu bạn hỏi ông ta có phải họ có thể đạt tới Niết Bàn trong kiếp sống này không, ông ta sẽ nói "không đâu, họ phải cần đến nhiều kiếp".

https://thuviensach.vn

Thế đó, một tin tưởng thực tế vào sự hiện tồn liên tục của một cá nhân vẫn tồn tại, mặc dầu giáo lý bề ngoài có mâu thuẫn nhau.

Bà Blavatsky dành hết hai trang cho vấn đề các hình thức viết khác nhau được nhìn nhận trong các Đạo viện ở Tuyết Sơn. Ở Âu Châu và Mỹ Châu, mẫu tự La Tinh (Roman alphabet) được nhiều người biết, được dùng rộng rãi đến nỗi có lẽ nó trở thành thuận lợi, vì lý do các độc giả Tây phương của chúng ta cần phải giải thích rằng ở Đông phương có tình trạng sự việc khác hẳn đang thịnh hành. Mỗi một trong số các ngôn ngữ Đông phương – Tamil, Telugu, Sinhalese, Malayalam, Hindi, Gujarati, Canarese, Bengali, Burmese, Nepalese, Tibetan, Siamese và nhiều ngôn ngữ khác – có mẫu tự và phương pháp viết riêng của nó, một văn sĩ thuộc một trong các ngôn ngữ này, khi trích dẫn một ngôn ngữ nước ngoài, thì diễn tả ngôn ngữ đó bằng chữ viết của nước mình, giống như một văn sĩ Anh, nếu trích dẫn một câu tiếng Đức hoặc tiếng Nga, có lẽ sẽ không viết câu đó theo kiểu Đức hoặc Nga, mà viết bằng chữ La Tinh. Thế nên khi bàn đến một thủ bản Đông Phương, chúng ta luôn luôn có hai điểm cần xét: ngôn ngữ và chữ viết, hai điểm này luôn luôn không trùng nhau chút nào.

Ở Tích Lan, nếu tôi chọn một quyển kinh bằng lá cọ ([1]) chẳng hạn, thì hầu như chắc chắn là kinh này được viết bằng chữ Sinhalese đẹp đẽ, nhưng không phải là nó theo đúng ngôn ngữ Sinhalese. Rất có thể nó hoàn toàn bằng Pali,

[1] Lá cọ: palm-leaf, xưa dịch là lá buông. Cây cọ là một cây được trồng để lấy dầu (palm oil) tại Indonesia, Malaysia… giống như cây dừa tại Việt Nam.

https://thuviensach.vn

23 Sanskrit hoặc Elu. Sự tương tự cũng đúng đối với bất cứ chữ viết nào khác.

Thế nên, khi bà Blavatsky nói rằng các châm ngôn này đôi khi được viết bằng chữ Tây Tạng, rất có thể là bà ám chỉ bằng các ký tự (character) Tây Tạng, chớ không nhất thiết bằng Tạng ngữ (Tibetan language). Tôi không gặp trong bất cứ trường hợp nào về các bản văn mã hóa (crypto graphs) kỳ lạ mà bà mô tả, trong đó các màu (colours) và các con vật (animals) được dùng để thay cho chữ (letters). Trong cùng một đoạn, bà nói đến ba mươi chữ đơn của mẫu tự Tây Tạng.

Các mẫu tự này được nhận biết rộng rãi, nhưng thật là không rõ ràng đối với những gì được nói đến bằng sách tham khảo một ít lâu sau đó về ba mươi ba chữ đơn, vì nếu bà chọn chúng không có bốn nguyên âm mà chỉ có ba mươi, trong khi nếu các nguyên âm được gộp lại, dĩ nhiên chúng ta sẽ có không phải ba mươi ba mà là ba mươi bốn. Về phần các chữ kép, số lượng của chúng được đưa ra có thể khác nhau; một sách văn phạm trước mắt tôi đưa ra trên một trăm, còn bà Blavatsky có lẽ chỉ nói đến những chữ được dùng rộng rãi thôi.

Tôi còn nhớ một minh hoạ lý thú về phát biểu của bà đối với một trong các cách viết chữ Trung Hoa. Khi tôi còn ở Tích Lan, một ngày nọ có hai vị tu sĩ Phật giáo từ bên trong Trung Hoa đến thăm chúng tôi – những người này không thể nói được loại ngôn ngữ nào để chúng tôi hiểu được họ. Nhưng may mắn là chúng tôi có một số đạo sinh trẻ người Nhật ở lại với chúng tôi, đó là theo sáng kiến tuyệt diệu của Đại Tá Olcott, mỗi Giáo Hội, Nam cũng như Bắc, đều gửi một số các tân đệ tử (neophytes) của mình để học hỏi đường lối và giáo lý của nhau. Các thanh niên này không thể hiểu được

https://thuviensach.vn

24 một lời gì mà các tu sĩ Trung Hoa này nói ra, nhưng họ có thể trao đổi ý tưởng với nhau bằng cách viết. Đối với họ, các ký hiệu được viết ra đều có ý nghĩa như nhau, mặc dầu họ có thể gọi chúng bằng các tên hoàn toàn khác nhau, giống như một người Pháp và một người Anh sẽ hoàn toàn hiểu được một hàng số, mặc dù một người có thể gọi các số đó là "un, deux, trois"([1]), còn người kia gọi là "one, two, three"([2]). Điều này cũng đúng đối với các nốt nhạc. Thế nên tôi đã có một cuộc trò chuyện rất kỳ lạ và lý thú với các tu sĩ này, mỗi câu hỏi mà tôi đưa ra, trước hết nó được một trong các thành viên chúng tôi dịch ra tiếng Sinhalese để cho đạo sinh người Nhật có thể hiểu được câu đó; kế đó đạo sinh này dùng cọ viết câu hỏi này ra dưới hình thức diễn tả thông thường đối với người Trung Hoa và người Nhật; vị tu sĩ người Hoa đọc và viết câu trả lời của ông ta bằng cùng loại chữ đó, bấy giờ đạo sinh Nhật dịch ra tiếng Sinhalese, còn người của chúng tôi dịch ra Anh ngữ.

Trong các tình huống này, cuộc đàm thoại có phần chậm chạp và hơi kém đích xác, nhưng lại là một kinh nghiệm lý thú.

[1] Un: một (phát âm là "on"); deux: hai (phát âm là "đơ"; trois: ba (đọc là "troa"), đây là tiếng Pháp.

[2] One: một (đọc là "oan-nờ"); two: hai (đọc là ("tu"); three: ba (đọc là phờ-ri); tiếng Anh

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 2

25

Các Quyền Năng Cao và Thấp

1.- Các huấn điều này dành cho những ai không biết đến các nguy hiểm của Iddhi thấp (1).

C.W.L.- Câu mở đầu của Đoạn I này có một chú thích của bà Blavatsky như sau:

Nam Phạn ngữ Iddhi đồng nghĩa với Bắc Phạn ngữ Siddhis, tức là các năng lực thông linh (psychic faculties), tức các quyền năng phi thường nơi con người. Có hai loại Siddhis một nhóm gồm các tinh lực (energies) trí tuệ thông linh thấp kém, thô sơ, trong khi nhóm kia được chọn lựa ra các quyền năng tâm linh (spiritual powers) do việc huấn luyện cao cấp. Trong kinh Shrimad Bhagavat, Đức Krishna có nói:

"Kẻ nào chuyên tâm thực hành Yoga, kẻ nào khống chế được các giác quan của mình và định trí vào ta (Krishna), các nhà Yogis đó sẵn sàng sử dụng mọi Siddhis".

---

[1] Trong quyển Giảng Luận Tiếng Nói Vô Thinh này, các câu kinh không có đánh số, người dịch mạn phép đánh số thứ tự cho giống số thứ tự của quyển Tiếng Nói Vô Thinh không có phần giảng lý để dễ tra cứu.

https://thuviensach.vn

Về vấn đề quyền năng tâm thông này có một số lớn người hiểu sai, đạo sinh sẽ tránh được rất nhiều phiền toái nếu y cố gắng đạt được một khái niệm hợp lý về việc đó.

26 Trước tiên, đạo sinh đừng bám vào cách lý giải sai lầm đối với từ ngữ "abnormal" ("phi thường, khác thường"). Các quyền năng này chỉ khác thường theo ý nghĩa là hiện tại chúng hiếm có (uncommon) – tuyệt nhiên không hề mang ý nghĩa là chúng không theo lẽ thường (unnatural) về bất cứ mặt nào. Chúng hoàn toàn tự nhiên đối với mọi người – hiện tại chúng thực sự tiềm phục trong mọi người. Một số ít người đã phát triển được các quyền năng này từ trạng thái tiềm tàng (latency) sang trạng thái hoạt động (activity), nhưng đa số người, cho đến nay, không đưa ra cố gắng nào theo hướng đó, thế nên các quyền năng này vẫn còn chưa tỉnh thức (dormant).

Cách đơn giản nhất để hiểu được ý niệm tổng quát là nhớ rằng con người là một linh hồn, và con người tự biểu lộ trên các cõi khác nhau qua các thể thích hợp với các cõi này. Nếu con người muốn hành động, muốn thấy hoặc muốn nghe trong cõi trần, thì con người chỉ có thể làm được như thế qua một thể làm bằng chất hồng trần mà thôi. Tương tự như thế, nếu muốn biểu lộ trong cõi cảm dục, con người phải có thể cảm dục (astral vehicle), vì thể xác không dùng được nơi cõi cảm dục, và thậm chí còn vô hình nữa đối với cõi này, giống như thể cảm dục vốn vô hình đối với thị giác hồng trần của chúng ta. Cũng tương tự như thế, muốn sống trên cõi trí, con người phải dùng thể trí.

Mở được khả năng tâm thông có nghĩa là học cách sử dụng các giác quan của các thể khác nhau này. Nếu một

https://thuviensach.vn

người chỉ có thể dùng các giác quan hồng trần của mình, thì y chỉ thấy và nghe các đối tượng ở cõi trần này mà thôi. Nếu người đó học cách sử dụng các giác quan thuộc thể cảm dục của mình, thì y có thể thấy và nghe chỉ những đối tượng cũng thuộc cõi cảm dục. Đó chỉ là vấn đề học cách đáp ứng với các rung động ngày càng cao. Nếu nhìn vào bảng tần số rung động của bất cứ quyển sách vật lý học nào, bạn sẽ thấy rằng một số lớn các rung động không gợi được nơi chúng ta một đáp ứng nào. Một vài rung động tác động vào tai chúng ta, và chúng ta nghe được các rung động đó dưới hình thức sóng
27 âm thanh (waves of sound, âm ba); một số rung động khác tạo ấn tượng lên mắt chúng ta, chúng ta gọi chúng là các tia sáng. Nhưng ở giữa hai nhóm này, ở bên trên và bên dưới cả hai nhóm, là hàng ngàn các nhóm dao động khác (sets of oscillations), chúng không tạo được một ấn tượng nhỏ nào trên các giác quan hồng trần của chúng ta. Con người có thể tự mình phát triển để trở nên bén nhạy với tất cả các làn sóng này của chất dĩ thái (undulations of the ether) và của chất liệu còn tinh anh hơn cả chất dĩ thái nữa. Chúng ta gọi người làm được điều đó là kẻ có nhãn thông (clairvoyant) hoặc kẻ có nhĩ thông (clairaudiant), bởi vì người này có thể thấy và nghe nhiều hơn là người chưa mở được khả năng đó..

Các lợi ích của việc khai mở nội nhãn (innersight) như thế rất đáng kể. Người nào có được nội nhãn sẽ thấy như chính mình thoát vào một thế giới khác, khoáng đạt hơn, hay nói một cách chính xác hơn, y thấy rằng thế giới mà y luôn luôn sống trong đó, có các mở rộng và các khả năng đủ loại mà trước kia y không hề biết đến. Các nghiên cứu của y có thể cho y biết chung quanh y có sự hiện hữu của một sự sống phi vật chất, phức tạp và rộng lớn của các giới thiên thần và

https://thuviensach.vn

các tinh linh thiên nhiên, của vô số huynh đệ y, những kẻ đã để sang một bên các thể trọng trược khi ngủ hoặc khi chết, các mãnh lực và các ảnh hưởng thuộc nhiều loại vốn có thể được gợi ra và được sử dụng bởi những người hiểu được chúng. Nhưng khi chính mình thấy được tất cả các đối tượng này thay vì chỉ tin có chúng, khi có thể tiếp xúc trực tiếp với chúng và trải qua kinh nghiệm với chúng, người ta sẽ thấy cuộc sống trở nên phong phú hơn và lý thú hơn. Như vậy, người nào có thể theo dõi trên các cõi cao các kết quả của tư tưởng và hành động của mình thì người đó nhờ vậy trở thành một người đắc dụng và hữu ích hơn. Lợi ích của việc khai mở tâm thức như thế rất là rõ rệt, nhưng mặt trái của câu chuyện
28 ra sao? Bà Blavatsky có viết về các nguy cơ của sự phát triển này, bà nói đến hai loại nguy cơ đó, một loại thấp và một loại cao. Chúng ta hãy xem loại thấp trước. Mọi thông tin từ bên ngoài đến được với con người đều nhờ mức độ rung động. Các rung động của không khí truyền âm thanh đến lỗ tai, trong khi các rung động của ánh sáng giúp cho mắt nhìn thấy được. Nếu con người thấy được đồ vật và sinh vật của cõi cảm dục và cõi trí, thì điều đó chỉ có thể xảy ra nhờ sự tác động của các rung động của chất cảm dục và chất trí trên các thể lần lượt có khả năng đáp ứng với chúng. Con người có thể thấy cõi cảm dục chỉ qua các giác quan của thể cảm dục, và thấy được cõi trí qua các giác quan của thể trí mà thôi.

Giống như ở cõi trần, ở mỗi cõi này đều có các loại chất thô trược và tinh anh. Nói một cách khái quát, các phóng quang (radiations) thuộc loại tinh anh đều được ưa thích, trong khi các phóng quang thuộc loại thô trược đều rõ ràng không được ưa thích. Con người có cả hai loại chất liệu này trong thể cảm dục của mình, do đó, con người có khả năng

https://thuviensach.vn

đáp ứng với cả hai loại rung động cao và thấp; chính con người phải chọn loại rung động nào trong số đó để chuyển sự chú tâm của mình vào đấy. Nếu quyết tâm gạt bỏ mọi ảnh hưởng thấp kém, chỉ đón nhận các ảnh hưởng cao siêu, thì con người có thể được trợ giúp rất nhiều bởi các ảnh hưởng cao đó thậm chí ở cõi cảm dục và cõi trí. Nhưng bà Blavatsky sẽ không hài lòng loại nào trong số các loại này – ngay cả không hài lòng với các trợ giúp nhất thời. Bà gom chúng lại với nhau dưới tên gọi "các năng lực trí tuệ và tâm thông thấp kém, thô lậu", bà thôi thúc chúng ta hãy lướt qua các cõi cao hơn nữa, các cõi này vượt ngoài các hão huyền (illusions) của phàm ngã. Hiển nhiên là bà xem việc phát triển tâm thông thông thường chứa nhiều nguy cơ hơn là các lợi ích của nó,
29 nhưng trong diễn trình tiến hóa của đệ tử, một số phát triển này chắc chắn sẽ xảy đến, bà cảnh báo chúng ta về một số điểm cần phải hết sức lưu tâm.

Theo kinh nghiệm riêng của chúng tôi trong bốn mươi năm qua kể từ lúc bà Blavatsky viết ra điều này, chúng tôi nhận thấy có một số các nguy cơ này trong nhiều trường hợp của các đạo sinh khác nhau. *Kiêu hãnh* là nguy cơ thứ nhất và chiếm số lượng rất lớn. Việc có được một quan năng, mặc dù đó là di sản của toàn thể nhân loại, mà cho đến nay chỉ thỉnh thoảng mới được biểu lộ, thường khiến cho người có nhãn thông nhưng còn vô minh (ignorant clairvoyant) cảm thấy chính mình (ở nữ phái thường hơn) như là cao siêu hơn huynh đệ của mình, như là được Đấng Cao Cả tuyển chọn cho một nhiệm vụ có tầm quan trọng khắp thế gian, như là được ban cho khả năng phân biệt không bao giờ có thể sai lầm, được chọn lọc dưới sự dẫn dắt của thiên thần để trở thành người tạo lập một hệ thống tôn giáo mới (new

https://thuviensach.vn

dispensation) vv…. Nên nhớ rằng, bên cõi kia luôn luôn có rất nhiều các sinh linh (entities) thích đùa cợt và ranh mãnh, chúng sẵn sàng và thậm chí mong muốn nuôi dưỡng mọi ảo tưởng (delusions) thuộc loại đó, để phản chiếu (reflect) và hiện thân (embody) vào mọi tư tưởng như thế, và để đóng bất cứ vai trò gì mà tổng thiên thần (archangel) hoặc người dẫn dắt tinh thần (spirit-guide) có thể gợi ra cho chúng.

Không may là thật quá dễ dàng, đến nỗi trở thành tai hại, khi thuyết phục một kẻ thường nhân rằng y thực sự là một người bạn rất tinh tế và hoàn toàn xứng đáng trở thành người nhận lãnh một khai mở đặc biệt, cho dù do sự thiếu hiểu biết hoặc do thành kiến, bạn bè của người này từ trước đến giờ không đánh giá cao y.

Còn một nguy cơ nữa có lẽ lớn hơn tất cả, bởi vì đó là nguồn gốc của mọi nguy cơ, chính là *sự thiếu hiểu biết*. Nếu người có nhãn thông biết được bất cứ điều gì về lai lịch của
30 đối tượng của mình, nếu y hiểu được chút nào về tình trạng của những cõi khác này mà nhãn quan của y đang xâm nhập vào, thì dĩ nhiên y không thể tự cho mình là nhân vật duy nhất được ban cho đặc ân cao như thế, y cũng không có thể cảm thấy với sự chắc chắn tự mãn rằng y không thể lầm lẫn được. Nhưng giống như rất nhiều người khác, khi y hoàn toàn không biết gì lai lịch, tình trạng và mọi điều khác nữa, thì trước tiên y có thể chịu trách nhiệm tạo ra mọi loại lỗi lầm đối với những gì mà y thấy được, và thứ hai là y dễ trở thành miếng mồi cho mọi loại thực thể xảo quyệt và gạt gẫm của cõi cảm dục. y không có được tiêu chuẩn nào để căn cứ theo đó mà phán đoán những gì y thấy, hoặc tưởng là mình thấy, không có được cách trắc nghiệm nào để áp dụng vào những

https://thuviensach.vn

cái thấy hay là những giao tiếp của y, và như thế y không có được giác quan nào có được sự cân xứng tương đối hoặc là thích hợp với các đối tượng, và rồi y phóng đại một châm ngôn trong sách thành một đoạn văn chứa minh triết thiêng liêng, phóng đại một câu nói thuộc loại tầm thường nhất thành một thông điệp của thần linh. Lại nữa, do thiếu kiến thức thông thường về các vấn đề khoa học, y sẽ thường hoàn toàn hiểu sai những gì mà các quan năng của y cho phép y nhận thức được, hậu quả là y sẽ công bố một cách trang trọng những điều phi lý thô thiển nhất.

Nguy hại thứ ba là nguy hại do *thiếu trong sạch* (impurity). Người nào giữ được trong sạch trong tư tưởng và cách sống, giữ được trong sạch trong ý định và không còn dấu vết ích kỷ, thì nhờ chính hành động đó, người ấy được bảo vệ khỏi ảnh hưởng của các thực thể bất hảo của các cõi khác. Nơi người này sẽ không có gì để cho các thực thể bất hảo dựa vào đó mà tác động; y không còn là phương tiện thích hợp cho chúng nữa. Trái lại, mọi ảnh hưởng tốt lành đương nhiên bao bọc quanh một con người như thế, và các ảnh hưởng tốt lành này cũng nhanh chóng sử dụng y như là một vận hà để có thể tác động qua đó, và như thế thêm một bức tường nữa được dựng lên chung quanh y, chống chọi lại tất cả những gì không tốt, thấp kém và tà vạy. Trái lại, người nào có cuộc sống hoặc động lực thiếu trong sạch, tất nhiên sẽ thu hút vào chính mình tất cả những gì xấu xa trong thế giới vô hình, đang vây chặt chung quanh chúng ta; người này sẵn sàng đáp ứng với cái xấu xa đó, trong khi các mãnh lực tốt lành sẽ khó có thể tạo ra bất cứ ấn tượng nào lên y.

Nhưng một người có nhãn thông sẽ ghi nhớ tất cả các nguy cơ này và cố gắng tránh xa chúng, người này sẽ chịu

https://thuviensach.vn

khó nghiên cứu lịch sử và căn nguyên của hình thức nhãn thông, người này sẽ cố gắng giữ cho lòng mình được khiêm tốn, động lực của mình được trong sạch. Một người như thế chắc chắn có thể học được rất nhiều điều từ các quyền năng này nếu y sở đắc được, và có thể tạo ra lợi ích rất lớn cho mình trong công việc mà y phải thi hành.

Các thần thông (siddhis) được liệt kê khá dài trong chương thứ ba của Yoga Sutras của Patanjali. Ông nói rằng có thể đạt được thần thông theo năm cách: do bẩm sinh (by birth), do dùng thuốc (by drugs), do thần chú (by mantras), do giới hạnh ([1])(by tapas) và do đại định (by samadhi).

Chúng ta được sinh ra trong một loại thể xác đặc biệt theo kết quả các hành động của chúng ta trong các lần luân hồi trước, nếu chúng ta thấy chính mình tự nhiên có được các quyền năng tâm thông, thì chúng ta có thể dám chắc rằng chúng ta đã từng khổ luyện chúng theo một cách nào đó trong các tiền kiếp. Ngày nay, nhiều người có nhãn thông, nơi họ, quan năng này đã được khơi hoạt một cách dễ dàng, nhưng có thể họ chưa đạt được mức phát triển cao về tâm linh, họ đã từng ở các vị trí như là vị trí của các trinh nữ giữ lửa([2]) của Hy Lạp và La Mã, các nhà yogis sơ cơ ở Ấn Độ, hoặc ngay cả các pháp sư (medicine-men) của nhiều bộ lạc bán khai, hoặc là các "bà cốt" ("wise woman") của thời trung

[1] Tapas: Giới hạnh (giới luật để tạo ra đức hạnh).

[2] Trinh nữ giữ lửa: vestal virgins. Một trinh nữ được hiến dâng cho nữ thần Vesta và nguyện giữ trinh bạch, trinh nữ này góp phần vào việc duy trì ngọn lửa thiêng (sacred fire) đang cháy trên bàn thờ của nữ thần (Tự điển Oxford 1992)

https://thuviensach.vn

cổ (middle ages); luôn luôn có một phạm vi rất rộng lớn trong các vấn đề này.

32 Điều gì sẽ xảy ra cho những người như thế, sự sống tâm linh của họ sẽ được hình thành như thế nào, phần lớn tùy thuộc vào những người mà chính nghiệp quả của họ đưa đến sự tiếp xúc. Nếu nghiệp đó đủ tốt lành để dắt dẫn họ đến với Minh Triết Thiêng Liêng, thì họ sẽ có được cơ hội để học hỏi một điều gì đó về các khả năng mới hé mở này, và để được dạy dỗ trong Trường Bí Giáo của Khoa Minh Triết Thiêng Liêng về phẩm tính ban đầu của cá tính và sự tinh khiết của sự sống vật chất và sự sống có sức hấp dẫn (magnetic life) mà tất cả các nhà huyền linh học chân chính được ấn định, để cho ít lâu sau đó họ có thể phát triển các quyền năng tâm thông của họ một cách an toàn và trở nên rất hữu dụng cho nhân loại. Trái lại, nếu họ tiếp xúc với trường phái tư tưởng của giáng ma học (spiritualistic school of thought), họ rất có thể thấy chính mình đi theo một đường lối thường đưa tới kết quả là trạng thái đồng cốt thụ động, rất trái ngược với những gì mà chúng ta đang cố gắng đạt tới.

Có những người chuyển sang huyền linh học giả hiệu (pseudo-occultism) để đạt đến các khả năng huyền thuật hầu thỏa mãn tham vọng cá nhân. Con đường đó đầy dẫy các hiểm nguy nghiêm trọng. Đôi khi những người như thế rơi vào một tình trạng thụ động và mời gọi các thực thể không biết rõ của cõi cảm dục tác động vào hào quang và cơ thể của họ để làm cho chúng thích nghi với mục đích của họ. Đôi khi họ thực hành các hình thức Hatha-yoga khác nhau gồm phần lớn là các cách hô hấp đặc biệt, mà rủi thay, đã được giảng dạy nhiều trong thế giới Tây Phương vào những năm gần đây. Các tiến trình đó dẫn tới hậu quả là các rối loạn tâm thần

https://thuviensach.vn

và thể xác có tính chất nghiêm trọng thường xảy ra; trong khi may mắn lắm thì có được sự tiếp xúc với các cõi giới bên trong nhưng ít khi vượt quá các phân cảnh thấp của cõi cảm dục, mà không một điều gì xuất phát từ đó có thể nâng cao
33 nhân loại.

Về cách thứ hai – tức là dùng dược chất – trong phần giảng luận về Yoga sutras, có một ghi nhận của Đức Vyasa rằng các dược chất này được "đám asuras" dùng với mục đích khơi hoạt thần thông. Asuras ngược với suras, asuras có thể được dịch một cách sơ sài là "kẻ vô thần" ("the ungodly"); suras là kẻ thuận thiên, tức những người làm việc cho Thiên Cơ hướng về sự sống tiến hoá.

Patanjali không khuyên đi theo phương pháp này. Ông chỉ liệt kê những cách thức có thể đạt được thần thông mà thôi. Khi nghiên cứu các sutras, người ta thấy rõ là ông chỉ thích phương pháp chót trong danh sách năm phương pháp của ông – đó là phương cách đại định (samadhi hay là contemplation).

Chúng ta có thể hiểu ở một chừng mực nào đó tác động của dược chất trên thân thể khi dược chất được dùng như là một phương tiện để thức động các quyền năng tâm thông, nếu chúng ta nhớ rằng trong căn chủng thứ tư, xuyên qua hệ thần kinh giao cảm, nhãn thông là tình trạng thường xảy ra. Lúc bấy giờ, lớp vỏ cảm dục (astral sheath) chưa được tổ chức một cách thích hợp thành một thể (body) hay hiện thể (vehicle) của tâm thức nên chỉ đáp ứng theo một cách tổng quát với các ấn tượng được tạo ra nơi nó bởi các đối tượng của cõi cảm dục. Các ấn tượng này vào lúc đó được phản chiếu lại trong các trung tâm giao cảm trong thể xác sao cho

https://thuviensach.vn

tâm thức trong thể đó nhận được các ấn tượng cõi cảm dục và cõi hồng trần chung với nhau và thường thường hiếm khi phân biệt được giữa hai thứ. Thực ra, trong buổi ban đầu của giống dân đó và trong giống dân Lemuria, hoạt động của hệ
34 giao cảm rộng lớn hơn hoạt động của hệ thần kinh não tủy rất nhiều, cho nên các kinh nghiệm ở cõi cảm dục nổi bật hơn là kinh nghiệm ở cõi trần. Nhưng từ khi hệ não tủy trở thành cơ cấu chủ yếu của tâm thức trong xác thân, và hậu quả là con người ngày càng chú ý nhiều hơn đến các kinh nghiệm ở cõi trần vì chúng trở nên ngày càng mạnh hơn. Do đó, hệ giao cảm với vai trò là một tác nhân cung cấp (purveyor) các ấn tượng, đã từ từ mất đi, công việc hiện nay của nó là tiến hành một cách không chủ tâm nhiều chức năng của thể xác mà con người không cần chú ý đến, bởi vì sự sống của nó thuộc về trí tuệ, tình cảm và tâm linh hơn là vật chất.

Do đó, lý do bài bác việc dùng dược chất, không những chỉ vì dược chất làm đảo lộn hoạt động lành mạnh của thể xác và đưa hệ thần kinh giao cảm một lần nữa vào một tình trạng nổi bật mà nó không nên có, mà thậm chí theo quan điểm về việc đạt được các quyền năng tâm thông, thuốc men chỉ khơi trở lại hệ giao cảm và một lần nữa đưa trở lại vào tâm thức hồng trần các ấn tượng hỗn độn từ cõi cảm dục. Thường thường các ấn tượng này xuất phát từ các cõi phụ thấp của cõi cảm dục, đó là nơi tập hợp của mọi chất cảm dục (astral matter) và mọi tinh chất hành khí (elemental essence) có liên quan đến việc kích thích các đam mê và các thôi thúc thấp kém. Đôi khi chúng đến từ các vùng hơi cao hơn có các khoái cảm nhục thể, như được mô tả bằng các linh ảnh của Bá Tước Monte Cristo trong quyển tiểu thuyết nổi tiếng của

https://thuviensach.vn

Dumas ([1]) hoặc trong quyển "*Lời thú tội của một người ghiền Nha Phiến*" của De Quiney ([2]); nhưng các ấn tượng này hiếm khi tốt đẹp hơn các ấn tượng khác.

Tất cả đều hoàn toàn đi ngược lại với cơ tiến hoá được đưa ra cho nhân loại. Tất cả chúng ta đều được dự kiến khai mở nhãn thông và các quyền năng có liên quan khác nhưng
35 không phải theo cách đó. Trước tiên cần phát triển thể cảm dục và thể trí, sao cho chúng có thể trở thành các hiện thể rõ rệt của tâm thức trên các cõi riêng của chúng; kế đó có thể đến việc khơi hoạt các luân xa (chakras) trong thể dĩ thái để nhờ đó tri thức có giá trị thu lượm được qua các thể cao này có thể được đưa xuống tâm thức ở cõi trần. Nhưng mọi điều này chỉ được làm khi nào có Đức Thầy chỉ dẫn.

Nên nhớ, trong quyển Dưới Chân thầy, Chơn Sư có dạy: *Đừng ham muốn các quyền năng thông linh*".

Phương pháp thứ ba được nói đến là dùng linh từ (mantras). Thuật ngữ linh từ được dùng để chỉ một vài quyền lực từ (words of power) vốn được dùng trong lúc tham thiền hoặc trong các nghi thức lễ bái, thường được lặp đi lặp lại nhiều lần. Các quyền lực từ này được tìm thấy trong các nghi thức Cơ Đốc giáo cũng như ở Đông Phương, như đã được giải thích trong quyển "*Khoa học về các Bí Tích*" (*The Science of the Sacraments*). Trong nhiều tôn giáo, âm thanh được sử dụng như thế, và được kết hợp với các hình ảnh, các biểu

[1] Alexandre Dumas, còn gọi là Dumas-Cha (1802-1870): tiểu thuyết gia người Pháp.

[2] Thomas De Quincy (1785-1859), văn sĩ người Anh. (ND).

https://thuviensach.vn

tượng, dấu hiệu (signs) và động tác (gestures, điệu bộ) và đôi khi các vũ điệu (dance).

Thuật ngữ tapas được dùng để mô tả phương pháp thứ tư, thường được nối kết với các ý tưởng về sự cực kỳ khổ hạnh (extreme austerity) và thậm chí tự hành hạ (self-torture), chẳng hạn phương pháp giơ thẳng cánh tay lên trời cho đến khi cánh tay khô đét (wither), hoặc là nằm trên bàn chông (bed of spikes). Các cách thực hành này chắc chắn là làm phát triển được ý chí, nhưng có các cách khác và hay hơn để làm được điều đó. Các phương pháp Hatha yoga này phạm phải lỗi lầm lớn đó là làm cho thân xác trở thành vô ích, không phụng sự được nhân loại, vốn là điều quan trọng cho công việc của Chân Sư hơn hẳn những điều khác. Ý chí cũng có thể được phát triển một cách có hiệu quả khi đối phó với các khó khăn của cuộc sống vốn xảy đến cho chúng ta
36 một cách tự nhiên và xuyên qua nghiệp quả; không cần phải tạo thêm khó khăn.

Trong Chí Tôn Ca (Gita), Đức Shri Krishna mạnh mẽ chống lại sự mê tín này. Ngài nói:"***Người nào thực hành khổ hạnh quá đáng mà Kinh điển không qui định, tức là người ấy còn gắn liền với lòng kiêu căng và ích kỷ, còn bị thôi thúc bởi sức mạnh của dục vọng và các đam mê của họ, do thiếu sáng suốt mà họ hành hạ nhóm ngũ hành tố tập hợp lại tạo ra thân thể họ, đó cũng là hành hạ Ta, vì Ta ở bên trong thân xác đó – nên biết những người có các quyết tâm như thế chẳng khác gì asura***".

Các trò hề như thế không thể là giới hạn chân chính. Từ ngữ này theo nghĩa đen là "hơi nóng" ("heat"), và có lẽ tiếng Anh gần nhất tương đương với nó khi nó được dùng để chỉ cách hành xử của con người là "effort" ("nỗ lực"). Ý nghĩa

https://thuviensach.vn

thực sự của lời dạy này dường như là: "*Hãy làm cho thân xác điều gì mà con biết là hữu ích cho nó, đừng chỉ để ý đến sự thư thái mà thôi. Đừng để cho tật lười nhác, ích kỷ hoặc lãnh đạm cản trở con làm những gì mà con có thể làm để cho cá nhân con được mạnh khỏe và có hiệu quả trong công việc phải làm cho thế gian*".(1)

Trong Kinh Gita, Đức Shri Krishna nói:

"***Tôn Kính các Đấng Thiêng Liêng, các bậc trưởng thượng, các huấn sư, các hiền giả, quí trọng sự khiết bạch, tính thẳng thắn, sự tiết chế và tính vô tổn hại là giới hạnh của xác thân; lời nói chân thật, tạo sự vui vẻ và hữu ích, học hỏi thánh ngữ là giới hạnh của ngôn ngữ; vui tươi, quân bình, trầm mặc, tự chủ, chân thật với chính mình là giới hạnh của trí tuệ".*** (2)

Các mô tả này được dạy ra bởi Đấng mà hầu hết người theo Ấn Giáo xem như là hóa thân vĩ đại nhất của Thượng
37 Đế, chắc chắn là không cho thấy bất cứ phát triển ghê gớm nào của những gì mà đôi khi chúng ta xem như là các tấm gương đáng buồn như thế.

Phương tiện thứ năm, tức nhập định (samadhi), mà Kim Huấn Thư tán thành, và, giống như trong Yoga Sutras và các tác phẩm tiêu chuẩn khác, phương pháp này phải theo sau dharana và dhyana, mà người ta thường dịch là định trí (concentration) và thiền định (meditation), trong khi samadhi được dịch là nhập định (contemplation, đại định).

---

1 Xem Raja Yoga của Ernest Wood.

2 Gita, xvii, 14-16.

https://thuviensach.vn

Các lối phiên dịch bằng từng chữ này (one-word translation) từ chữ Bắc Phạn, tuy thế thường thường có phần thiếu thỏa đáng; dù đến với chúng ta qua bao thời đại rồi, Bắc Phạn ngữ vẫn có một tính chất phức tạp kỳ diệu, đã đưa thêm vào chính chúng nhiều ý nghĩa có sắc thái tinh tế vốn không thể tìm thấy trong bất cứ thành ngữ tiếng Anh hiện đại nào. Cách thực sự duy nhất để hiểu được các sắc thái này là nghiên cứu các thuật ngữ đó theo ngữ cảnh của chúng trong các cổ thư.

Siddhis có thể được chia thành hai loại, không những theo loại cao và thấp, mà còn theo các quan năng (faculties) và năng lực (powers). Thế giới tác động vào chúng ta qua các giác quan, qua các quan năng của chúng ta như thị giác, thính giác, và các giác quan còn lại. Nhưng chúng ta cũng tác động vào thế giới nữa. Tính chất song đôi (duality) này cũng áp dụng được với các thành quả siêu phàm. Chúng ta thu nhận được các ấn tượng qua các năng lực mới khai mở của các hiện thể cảm dục và hạ trí, nhưng chúng ta cũng có thể tác động qua chúng.

Thông thường trong kinh sách Ấn giáo có đề cập đến tám loại thần thông:

1- Vi hoà thức (anima), tức năng lực đặt chính mình vào vị trí (position, cương vị) của một nguyên tử (atome) để trở nên bé đến độ có thể xem xét vật rất nhỏ đó.

2- Đại hòa thức (mahima), tức quyền năng trở thành dường như là có kích thước khổng lồ để xem xét các vật khổng lồ mà không gặp bất lợi.

3- Khinh hòa thức (laghima), tức quyền năng trở thành nhẹ như sợi bông bay theo gió.

https://thuviensach.vn

38 4- Trọng hòa thức (garima), tức quyền năng trở thành đặc (dense) và nặng (heavy) theo bất cứ vật gì.

5- Tri hòa thức (prapti) tức quyền năng để mở rộng nhận thức (reaching out) ngay cả đến tận nguyệt cầu.

6- Quyền năng ý chí (prakamya), tức sức mạnh ý chí (will power), nhờ đó thực hiện được mọi khát khao và mong ước.

7- Ishatwa, tức quyền năng chi phối và tạo tác (the power to control and create).

8- Vashitwa, tức quyền năng điều khiển (power of command) mọi đối tượng.

Các quyền năng này được gọi là "đại quyền năng" ("great powers"), nhưng còn có các năng lực khác được nhắc đến, như là sự điềm tĩnh (steadiness) và tỏa chiếu trong thân thể (effulgence in the body), kiềm chế các giác quan và các ham muốn, cái đẹp và cái duyên dáng v…v…

Chúng ta, tức những kẻ nghiên cứu về sau này, tiếp cận với tất cả các vấn đề này theo một quan điểm hoàn toàn khác với quan điểm của các nhà trước tác Ấn giáo cách đây hàng ngàn năm, cho nên đôi khi chúng ta khó mà hiểu được họ. Chúng ta đều là sản phẩm của thời đại chúng ta và việc dạy dỗ hầu như theo khoa học, mà tất cả chúng ta đều trải qua, đang biến quan điểm đó thành một nhu cầu tinh thần cho chúng ta để cố gắng phân loại tri thức của chúng ta. Mỗi người nên cố gắng tạo ra cho chính mình một loại kế hoạch làm việc nào đó, cho dù có thể thô thiển đi nữa, và khi bất cứ sự kiện mới mẻ nào được trình bày cho y, thì y cố gắng tìm

https://thuviensach.vn

thấy chỗ đúng trong kế hoạch của mình dành cho sự kiện đó. Nếu thấy thích hợp, dễ chịu, thì y chấp nhận sự kiện đó; nếu y không thể làm cho nó trở nên hoà hợp, thì y hoàn toàn có quyền bác bỏ nó, cho dù sự kiện đó đến với y với bằng chứng thuyết phục nhất. Có một số người dường như có thể tin tưởng – một cách rất là sung sướng – những gì mâu thuẫn nhau, còn có những người khác không thể làm được như thế, và thường khi thật là một tiến trình đầy đau khổ cho họ khi xây dựng lại tòa nhà tư tưởng (thought-edifice) để chấp nhận một sự kiện mới – đau khổ đến nỗi họ thường xuyên tránh né nó, theo cách thuận tiện là quên đi hoặc phủ nhận sự kiện đó. Theo tôi, dường như các huynh đệ Ấn Độ của chúng ta thời
39 cổ đã có lập danh mục các điều quan sát của họ rồi để nguyên đó, không có cố gắng đặc biệt nào để liên kết các quan sát đó lại với nhau hoặc để phân loại chúng theo các cõi mà các biến cố xảy ra, hoặc loại quan năng nào mà họ cần đạt được.

Chúng ta không gặp khó khăn nào trong việc nhận ra các quyền năng thứ nhất và thứ hai trên danh sách các thần thông này; chúng là các trường hợp điển hình của sự thay đổi điểm tập trung tâm thức; đôi khi chúng ta gọi chúng là các quyền năng phóng to (magnification) và thu nhỏ (reduction). Các quyền năng ấy có nghĩa là tâm thức thích nghi với các đối tượng mà tâm thức phải đối phó – một kỳ công (feat) vốn không bộc lộ một chút khó khăn nào đối với nhà huyền linh học lão luyện, mặc dầu ở trên cõi trần, không dễ gì mà giải thích một cách chính xác cách làm việc đó ra sao. Quyền năng thứ ba và thứ tư nói đến khả năng trở nên nhẹ hoặc nặng tùy ý; có được khả năng này nhờ hiểu biết và sử dụng lực đẩy (repulsive force), vốn đối nghịch với trọng lực (gravity). Tôi

https://thuviensach.vn

không biết chắc về thần thông thứ năm; có thể nó chỉ nói đến năng lực di chuyển trong thể cảm dục, vì giới hạn của việc di chuyển ở cõi cảm dục được nêu ra bằng việc nhắc đến mặt trăng, nhưng tôi hơi ngờ rằng nó có nghĩa là quyền năng để tạo ra một kết quả rõ rệt ở một khoảng cách bằng một nỗ lực của ý chí. Quyền năng thứ sáu và thứ tám chỉ là các mở rộng quyền năng ý chí, dù là các mở rộng rất đáng kể. Quyền năng thứ bảy cũng tương tự, nhưng có thêm tri thức đặc biệt cần thiết để làm tan rã (dematerialization) và làm tái hiện (rematerialization) các đối tượng. Trong danh sách này dường như không có đề cập trực tiếp đến nhãn thông chút nào, dù là trong không gian hoặc trong thời gian.

Cần ghi nhận rằng Tiếng Nói Vô Thinh không cho rằng các thần thông thấp, tức là các thần thông thuộc về thể cảm dục và thể hạ trí, nên bị bỏ quên hoàn toàn, mà chỉ nêu ra
40 rằng có các nguy cơ nghiêm trọng đi liền với chúng. Chúng ta sẽ bàn thêm một ít về các thần thông đó, vì ai muốn trèo lên thang, cũng phải bước lên từng nấc.

2- Kẻ nào muốn nghe được tiếng của Nada, tức là "tiếng vô thinh" ("soundless sound") và hiểu được nó, kẻ ấy phải học hỏi bản chất của Dharana.

Có hai cước chú dưới câu này như sau:

"Soundless Voice" tức là "voice of the silence" ("Tiếng Nói Vô Thinh"). Theo nghĩa đen, có lẽ phải hiểu là "Tiếng Nói ẩn trong Âm Thanh Tâm Linh" ("Voice in the Spiritual Sound"), vì Nada là từ ngữ tương đương trong Bắc Phạn ngữ (Sanskrit) thay cho thuật ngữ bằng tiếng Senza.

https://thuviensach.vn

Dhrana (định trí) là tập trung thể trí mãnh liệt và hoàn toàn vào một đối tượng nào đó ở bên trong, được kèm theo bằng việc hoàn toàn rút ra khỏi mọi sự việc liên quan đến vũ trụ bên ngoài (external universe) hay là thế giới của giác quan (word of the senses).

Thuật ngữ dharana mà ở đây được dịch là concentration (định trí), xuất phát từ ngữ căn dhri, có nghĩa là nắm giữ (to hold). Dharana, với một nguyên âm ngắn ở cuối có nghĩa là nắm giữ (holding) hay là chống đỡ (supporting), nhưng ở đây chúng ta có một danh từ đặc biệt giống cái, với một nguyên âm dài ở cuối, dưới hình thức một thuật ngữ chuyên môn có nghĩa là sự tập trung hay kềm giữ thể trí. Ở một vài nơi, thuật ngữ đó được mô tả như là một cách thức để suy gẫm hay nghiền ngẫm vào một tư tưởng hoặc đối tượng đã định, và trong các kinh điển của Ấn giáo còn nói rằng việc thiền định (meditation) và quán tưởng (contemplation) sẽ không thành công nếu không thực hành việc định trí trước tiên. Hiển nhiên là trong khi trí não còn
41 đáp ứng với biết bao tiếng gọi của cõi trần, cõi cảm dục và cõi hạ trí, thì nó cũng không nghe được thông điệp mà Chân Ngã đang cố gắng truyền đạt cho phàm ngã từ các cõi cao của chính Chân Ngã.

Cần phải định trí để cho sự chú tâm (attention) có thể được đặt vào đối tượng được chọn, chớ không đặt vào sự hoạt động không ngưng nghỉ của các hiện thể thấp. Thường thường nên bắt đầu thực hành việc định trí với các sự vật (things, đối tượng) đơn giản.

Có lần, một số người đến gặp bà Blavatsky, và xin bà chỉ dẫn họ nên tham thiền về cái gì. Bà ném một bao diêm lên bàn và nói:

https://thuviensach.vn

"Hãy tham thiền về bao diêm đó!"

Câu nói ấy làm cho họ có phần kinh ngạc, bởi vì họ đã chờ đợi bà bảo họ thiền định về Đấng Parabrahman hoặc là Đấng Tuyệt Đối (the Absolute). Điều rất quan trọng là việc định trí này đừng nên để cho xác thân bị căng thẳng. Bà Besant có kể lại với chúng tôi rằng khi lần đầu tiên bà Blavatsky dạy bà Besant tập định trí, thì bà Besant bắt đầu bằng một cố gắng mãnh liệt, nhưng bà Blavatsky ngăn lại và nói:

– "Này em, đừng nên tham thiền với mạch máu của em!"

Điều cần làm là giữ cho tâm trí được an tĩnh, sao cho kẻ hành thiền nhìn vào đối tượng của tư tưởng với tâm trạng hòan toàn an tĩnh, giống như một người muốn xem đồng hồ của mình để biết giờ vậy, trừ phi người đó tiếp tục tìm khoảng thời gian được qui định cho giai đoạn định trí. Người ta thường than phiền về chứng đau đầu và các chứng đau khác do hậu quả của tham thiền; sẽ không bao giờ có hậu quả nào như thế cả; nếu họ chú ý giữ cho thể xác được yên tĩnh và tránh được bất cứ loại căng thẳng nào, ngay cả trong hai mắt, có lẽ họ sẽ thấy sự định trí của họ dễ dàng hơn và thành công nhiều hơn, đồng thời tránh khỏi rối loạn và nguy hại cho xác
42 thân. Có nhiều sách đã được viết ra về đề tài này, và một số các sách đó đưa ra các gợi ý cực kỳ nguy hại. Bất cứ ai muốn có thêm thông tin về đề tài này nên đọc sách của giáo sư Wood, quyển "*Thực Hành Định Trí*", trong đó bà Besant có viết:"*Thực hành định trí không gây một mảy may tai hại nào về thể chất, trí tuệ hoặc đạo đức cho người cố gắng thực hành cả*".

https://thuviensach.vn

Trong phần cước chú, bà H.P.B. kết hợp việc định trí với cõi thượng trí, vì bà nói thể trí phải được tập chú vào một đối tượng bên trong và tách ra khỏi thế giới giác quan; nghĩa là tách khỏi cõi trần, cõi cảm dục và cõi hạ trí. Đó là một lời khuyên dành cho người đã ở trên Thánh Đạo và đang nhắm hướng đại định (samadhi, nhập định) trên cõi Niết Bàn (nirvanic or atmic plane). Nhưng ba thuật ngữ định trí, thiền định và đại định cũng còn được dùng theo một nghĩa tổng quát. Tập trung tư tưởng vào một đoạn kinh, đó là định trí. Xem xét đoạn kinh đó dưới mọi ánh sáng có thể có và cố gắng hiểu thấu ý nghĩa của nó, để đạt tới một tư tưởng mới mẻ và sâu xa, hoặc nhận được tia sáng trực giác nào đó dựa vào đó – đó là tham thiền (meditation).

Tập trung sự chú ý một cách vững vàng trong một thời gian vào ánh sáng đã nhận được, đó là nhập định (contemplation). Nhập định được định nghĩa như là định trí ở chỗ tận cùng cao nhất (top end) của dòng tư tưởng hay của thiền định. Đạo sinh Đông phương thường bắt đầu việc thực hành của mình dựa trên một đối tượng đơn giản bên ngoài nào đó, rồi từ đó đưa tư tưởng của mình đi vào hoặc hướng lên các đối tượng cao siêu.

https://thuviensach.vn

43

CHƯƠNG 3

Kẻ Sát Hại sự thật

(The slayer of the real).

3- Khi đã trở nên lãnh đạm với các đối tượng của tri giác, vị đệ tử còn phải tìm ra Chúa Tể (Raja) của các giác quan, tức Chủ Thể Tạo Ra Tư Tưởng (Thought-Producer), tức kẻ khơi dậy huyễn tưởng (illusion).

4- Thể Trí (Mind) là Kẻ Đại Sát Hại Sự Thật.

5- Đệ Tử hãy trừ bỏ tên Sát Hại Sự Thật đó.

Đoạn này đề cập đến những gì cần phải làm trong lúc thực hành định trí. Trong các kinh sách Ấn giáo liên quan đến đề tài này có giải thích rằng trước khi định trí thực sự, đạo sinh phải tập rút sự chú ý của mình ra khỏi các đối tượng của giác quan. Đạo sinh phải học cách không chú ý đến bất cứ cảnh vật hoặc âm thanh nào có thể đến trong phạm vi của mình; y đừng nên để cho bị thu hút bởi ai hoặc bất cứ cái gì xuất hiện trong tầm mắt của mình, hoặc tác động đến xúc giác của mình. Lúc bấy giờ y mới sẵn sàng để quan sát xem những tư tưởng và cảm giác gì hiện lên trong chính trí mình để đối phó với chúng.

Như tôi đã giải thích, nơi hầu hết con người, thể hạ trí và thể cảm dục luôn luôn ở trạng thái hoạt động, đầy các trốt xoáy, các xoáy này phải được loại bỏ mới có thể tiến bộ thực

https://thuviensach.vn

44 sự. Chính các xoáy này tạo ra hàng loạt ảo tưởng đến quấy rầy kẻ thường nhân và làm cho hạng người này phải cực kỳ khó khăn mới có được một cái nhìn đúng đắn về bất cứ điều gì. Một châm ngôn trong giáo huấn của Đức Shri Shankaracharya ([1]) cho rằng: giống như con mắt hồng trần thấy được sự vật rõ ràng khi nó được giữ ổn định, nhưng không còn nhìn rõ nữa khi nó lượn lờ khắp nơi, thì cũng thế, thể trí chỉ có thể hiểu được mọi vật một cách rõ ràng khi nó được giữ phẳng lặng. Nếu thể trí đầy dẫy các trốt xoáy thì chắc chắn là các xoáy này sẽ làm méo lệch cái thấy, và thế là tạo ra ảo tưởng.

Thể trí được gọi là Chúa tể của các giác quan. Đôi khi thể trí được nói đến như là một trong các giác quan, như trong kinh Gita:

Một phần nhỏ của chính Bản Ngã của Ta được biến đổi trong cõi sự sống thành một Tinh Thần bất tử, thu hút các giác quan lại quanh chính nó, trong đó thể trí là giác quan thứ sáu bị che khuất trong vật chất. (Gita,v,7).

Hiển nhiên là thể trí không tác động như một loại giác quan, vì nó điều chỉnh bằng chứng của năm giác quan, đồng thời cũng nêu ra sự hiện hữu của các đối tượng vượt quá tầm

[1] Shankaracharya (Shankara, Sankara) (788? - 820?). Triết gia theo Ấn giáo (Hindu philosopher), một trong các nhà thần học nổi tiếng nhất của Ấn Độ (Indian theologians). Có lẽ Ngài có sinh quán ở Malabar, vân du khắp Ấn Độ, sau cùng đến Kashmir, và siêu hóa ở Kedarnath trong dãy Tuyết Sơn (Himalayas). Ngài sáng tác ra bộ đại luận về triết học Vedanta, vẫn còn được tôn kính ở Ấn Độ, triết lý của Ngài là Nhất Nguyên Luận kỳ cựu và chính thống (ancient and orthodox Monoism). (Trích Webster's Biographical Dictionary, 1971) .

https://thuviensach.vn

của các giác quan, thí dụ, khi có một cái bóng vắt qua ngưỡng cửa của bạn, bạn có thể suy đóan rằng có ai đang ở nơi đó.

Thể trí là gì mà người tìm đạo (aspirant) phải hành xử với nó một cách nghiêm nhặt đến thế? Khi định nghĩa việc thực hành yoga, Patanjali([1]) nói đến thể trí như là chitta – vritti – nirodha, có nghĩa là hạn chế (restraint, nirodha) các trốt xoáy (whirpools, vritti) của thể trí (mind, chitta). Trong số các người theo triết hệ Vedanta (the Vedantins) tức là ở trong trường phái của Shri Shankaracharya, thuật ngữ antahkarana không được dùng như chúng ta thường dùng, mà nó chỉ thể trí theo nghĩa đầy đủ nhất. Đối với họ, theo nghĩa đen, thuật ngữ này có nghĩa là toàn bộ cơ quan hay vận cụ bên trong giữa Chân Ngã tận bên trong (innermost Self) với thế giới bên ngoài và luôn luôn được miêu tả như gồm
45 bốn phần: "chủ thể tạo Ngã" (the "I-maker", ahamkara); khả năng nội quán (insight), tức trực giác hay lý trí thuần tuý (buddhi); tư tưởng (manas); và phân biện đối với các đối tượng (chitta). Chính hai phần chót này mà người Tây Phương thường gọi là thể trí với các năng lực suy tư cụ thể và trừu tượng của nó; khi nghĩ đến các tiến trình khác, họ cho rằng đó là cái còn cao hơn thể trí.

[1] Patanjali:Học giả và nhà ngữ pháp Ấn Độ, sống vào hậu bán thế kỷ thứ II sau T.C., tác giả bộ Mahabhashya (Đại Luận, Great Commentary). Ông cũng được các học giả Ấn Độ xem như là nhà sáng lập hệ thống Yoga và là tác giả của bộ Yoga Điển Tắc (Yoga Sutras). Nhưng có một số học giả khác tin rằng bậc hiền giả về yoga là một người khác sống vào thế kỷ thứ IV sau T.C. (Trích Webster's Biographical Dictionary 1971).

https://thuviensach.vn

Người nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng hẳn là nhận ra trong bốn phần chia theo triết phái Vedanta này có các thể quen thuộc của chính họ: atma (linh thể), buddhi (tuệ giác thể), manas (thượng trí), và lower mind (hạ trí). Bà Blavatsky gọi thể cuối cùng là Kama-manas (trí-cảm-thể), bởi vì đó là phần manas tác động với dục vọng và do đó có dính dáng với các đối tượng vật chất. Kama phải được xem như không những chỉ liên quan với các ham muốn và các đam mê thấp kém, mà còn liên quan đến loại dục vọng hoặc sở thích ở thế giới bên ngoài vì lợi ích của riêng nó. Theo quan điểm này thì toàn bộ Chân Ngã tam phân (triple higher self) chỉ là antahkarana (hay là môi giới bên trong: internal agency) giữa Chân Thần (Monad) với phàm ngã (lower self). Nó trở thành một bộ tứ (tetrad), bởi vì trong lúc luân hồi, thượng trí (manas) ở trạng thái kép (dual). ([1])

Ba thành phần này của Chân Ngã được xem như là ba trạng thái của một đại tâm thức (great consciousness) hay là trí (mind), tất cả đều là các cách nhận thức (modes of cognition). Atma không phải là self, mà là tâm thức này nhận biết được Self; buddhi là tâm thức này nhận biết sự sống trong các hình hài bằng chính tri giác trực tiếp (direct perception) của nó; manas cũng là tâm thức đó nhìn ra thế giới ngoại cảnh (word of objects), còn kama-manas là một phần tử (portion) của manas, bị chìm trong thế giới đó và bị tác động bởi thế giới đó. Cái Ngã đích thực (true self) chính là Chân Thần, mà sự sống của Chân Thần là một cái gì đó còn vĩ đại hơn cả tâm thức, Chân Thần vốn là sự sống của thể trí

[1] Manas ở trạng thái kép vì lúc đó nó tạo thêm lower manas (hạ trí để hoạt động ở cõi hạ trí. (ND)

https://thuviensach.vn

toàn vẹn này (complete mind)([1]), tức Thượng Ngã (Higher
46 Self). Do đó Patanjali và Shankara([2]) hoàn toàn hợp ý nhau; chính chitta, tức kama-manas, tức hạ trí, mới là tay giết hại sự thật và phải bị diệt trừ.

Nhiều điều mà hiện giờ các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng gọi là thể cảm dục, phải được bao gồm trong quan niệm của người Ấn, đó là kama-manas tức là chitta (hạ trí). Bà Blavatsky cũng nói đến bốn tách phân (four divisions) của thể trí. Trước nhất có manas-taijasi, tức trí tuệ chói lọi hay trí tuệ được soi sáng, vốn là buddhi thực sự hay ít ra là trạng thái của con người khi manas của người này trở nên hoà nhập vào buddhi, không còn ý chí riêng của chính nó.

Kế đó là thể trí thực sự, tức thượng trí, tức là trí suy tư trừu tượng.

Kế tiếp có antahkarana (giác tuyến), một thuật ngữ được một mình bà Blavatsky dùng để chỉ mắt xích, hay con kênh hay nhịp cầu bắc giữa thượng trí với hạ trí trong thời gian con người còn luân hồi.

Sau cùng, có Kama-manas, mà theo cách chia này, đó là phàm ngã

Đôi khi bà gọi manas là deva-ego, tức là chân ngã thiêng liêng để phân biệt với phàm ngã. Thượng Trí vốn thiêng liêng, vì thượng trí có tư tưởng tích cực, vốn là Kriya-shakti, tức quyền năng tạo tác. Thực ra, tất cả mọi công việc của chúng ta đều được thực hiện bằng quyền năng của tư tưởng;

---

[1] Complete mind: trí toànvẹn, trí đầy đủ, tức là thể trí có đủ Thượng Trí và Hạ Trí (ND).

[2] Shankara: cách viết khác của Shankaracharya (ND).

https://thuviensach.vn

không phải bàn tay của nhà điêu khắc làm nên công việc, mà sức mạnh của tư tưởng điều khiển bàn tay làm công việc điêu khắc đó. Thượng trí vốn thiêng liêng, vì thượng trí là chủ thể tư tưởng tích cực, sử dụng tính chất của chính sự sống của nó, vốn đang tỏa chiếu từ bên trong; đó là những gì mà từ ngữ "thiêng liêng" (divine) hàm ý, vì "divine" do "div", nghĩa là chiếu rọi, soi sáng (to shine). Còn hạ trí chỉ là một gương phản chiếu; giống như mọi đồ vật vật chất khác, hạ trí không có ánh sáng của riêng nó; nó là một vật mà qua đó ánh sáng truyền đến, qua đó âm thanh đạt đến, chỉ là một cái mặt nạ mà thôi.

47 Trong các tác phẩm Minh Triết Thiêng Liêng, antahkarana (giác tuyến) thường được xem như khoen nối giữa Chân Ngã hay là Chân Ngã thiêng liêng với phàm ngã. Trong phàm ngã đó, chitta (hạ trí) đặt nó dưới sự thao túng của các sự vật, cho nên sự sống của chúng ta ở cõi trần này có thể so sánh với kinh nghiệm của một người đang vật lộn để bơi trong chỗ nước xoáy. Nhưng dù sớm hay muộn, kinh nghiệm này cũng sẽ được theo dõi sau khi chết bằng một giai đoạn ở cõi thiên đường. Con người bị cuốn đi theo mọi hướng; y nghe thấy biết bao điều, tuy vậy y không trụ được vào các điều đó bằng một thể trí an tịnh, vững vàng, mà là bằng kama-manas, do đó y không hiểu được ý nghĩa của chúng đối với linh hồn. Nhưng ở cõi trời, Chân Ngã có thể mở rộng giác tuyến, vì lẽ giờ đây tất cả trở nên tĩnh lặng; không còn kinh nghiệm mới nào cần phải được thu thập. Các kinh nghiệm cũ có thể được lật giở trở lại và nghiền ngẫm trong trạng thái tĩnh lặng, và tinh hoa của chúng dường như là được đón nhận vào Chân Ngã thiêng liêng, giống như là phần thưởng dành cho con người. Thế nên, rất thường khi

https://thuviensach.vn

Chân Ngã thực sự bắt đầu chu kỳ sống của riêng mình bằng việc tiến nhập vào cõi trời, còn trong giai đoạn thu thập kinh nghiệm, Chân Ngã chỉ đặt chú tâm rất ít vào phàm ngã.

Trong trường hợp này trạng thái của thể trí lúc đó là antahkarana (theo cách phân loại của bà Blavatsky) chỉ hoạt động rất ít trước khi bắt đầu chu kỳ sống ở cõi trời.

Nhưng nếu một người nào đó muốn trở nên thông thạo trên cõi cảm dục và cõi trí trong khi còn sống trong xác thân, thì người đó phải đưa các năng lực tích cực của Chân Ngã xuống qua con kênh đó, bằng cách thực hành định trí, nhờ thế mới hoàn toàn làm chủ được phàm ngã của mình. Nói cách khác, người ấy phải dọn sạch các trốt xoáy trong thể cảm dục và thể hạ trí. Một người có tài đặc biệt theo một đường
48 lối nào đó có thể thấy dễ dàng định trí mãnh liệt vào loại công việc đặc biệt, nhưng khi người đó nới lỏng ra khỏi công việc đó, cuộc sống thông thường của y có thể hoàn toàn vẫn còn đầy các trốt xoáy này. Đó là điều mà chúng ta không mong muốn. Chúng ta nhắm mục đích là huỷ diệt hoàn toàn các trốt xoáy, để thanh tẩy, lọc sạch hạ trí, khiến cho nó trở nên an tịnh và thành kẻ phụng sự ngoan ngoãn cho Chân Ngã vào mọi lúc.

Các trốt xoáy này có thể và chắc chắn là luôn luôn kết tinh thành các thành kiến lâu bền, tạo ra các tắc nghẽn thực sự của vật chất, rất giống với bướu (warts) trên thể hạ trí. Lúc đó, nếu con người cố gắng nhìn ra ngoài xuyên qua chỗ đặc biệt đó của thể hạ trí, thì không thể nhìn thấy rõ ràng được, mọi vật đều bị vặn vẹo, méo lệch, vì ở điểm đó, chất trí không còn sinh động và uyển chuyển nữa, mà bị ngưng trệ và hư hoại đi. Cách chữa trị là đạt được nhiều hiểu biết hơn để đưa

https://thuviensach.vn

chất liệu đó vào hoạt động trở lại, để rồi, dần dần các thành kiến sẽ bị tẩy rửa và tan biến đi.

Chính do chỗ này mà thể trí trở thành tay đại phá hoại sự thật, vì xuyên qua nó, chúng ta không thấy được bất cứ đối tượng nào theo đúng thực tướng của nó. Chúng ta chỉ thấy được các hình ảnh mà chúng ta có thể muốn thấy, và mọi việc tất nhiên là bị nhuốm màu theo ý chúng ta bởi các hình tư tưởng này thuộc về sáng tạo riêng của chính chúng ta. Hãy để ý làm thế nào mà hai người có thành kiến, khi thấy một loạt các trường hợp giống nhau và đồng ý về các biến cố thực sự xảy ra, tuy thế họ sẽ thuật lại các câu chuyện hoàn toàn khác nhau. Một cách chính xác, loại sự việc này đang xảy ra vào mọi thời đại với mọi con người thông thường, và điều chắc chắn là chúng ta không hiểu được tại sao chúng ta lại làm lệch lạc các sự việc một cách vô lý như thế. Vị đệ tử phải khắc phục được việc này; y phải "tiêu diệt kẻ giết sự thật
49 đó đi". Dĩ nhiên vị đệ tử không phải hủy diệt thể trí của mình, vì y không thể sống và làm việc (get along) mà không có thể trí, nhưng y phải chế ngự nó, chính là thể trí của y, chớ không phải là y, thể trí đó cố bắt y phải tưởng nghĩ như thế. Cách hay nhất để khắc phục tính lang thang bất định (wandering) của thể trí là sử dụng ý chí. Giống như hạ trí, thế cảm dục luôn luôn cố thuyết phục bạn rằng các ham muốn của nó chính là các ham muốn của bạn, bạn phải đối phó với cả hai loại theo một cách chính xác như nhau.

Cho dù khi các trốt xoáy vốn lấp đầy thể trí bằng thành kiến và sai lầm, đã mất đi, nhiều ảo tưởng vẫn còn đó. Bắc Phạn ngữ "avidya" được dịch thành "vô minh" ("ignorance") có lẽ không được thích hợp lắm, mặc dầu cách dịch đó được nhiều người thừa nhận. Trong Bắc Phạn ngữ rất thường có

https://thuviensach.vn

nhiều sắc thái tinh tế về ý nghĩa khó truyền đạt sang Anh ngữ một cách thỏa đáng. Trong trường hợp này có lẽ những gì được dự trù nói đến là kém minh triết (unwisdom) hơn là hoàn toàn vô minh. Một người có thể có kiến thức rất rộng, tuy thế lại kém minh triết (unwise), vì kiến thức (knowledge) có liên quan với các đối tượng và các mối liên hệ của các đối tượng đó trong không gian và thời gian, trong khi minh triết liên quan với linh hồn hoặc tâm thức được thể nhập (embodied) trong các đối tượng này. Chính trị gia khôn ngoan hiểu được ý của người dân, người mẹ khôn ngoan hiểu được ý của các con mình. Tuy nhiều người có thể hiểu biết về các sự việc vật chất, nếu người đó chỉ có thị lực-vật chất (matter-sight) chớ không có được thị lực-sự sống (life-sight), thực ra người đó chỉ thiếu minh triết hay là vô minh. Bà Blavatsky có nói: "Chính là nhờ vào minh triết mà trí tuệ mới thường được linh hoạt". Kế đó, do kém minh triết hoặc vô minh mà bốn chướng ngại lớn lao khác mới nảy sinh trên con đường phát triển tâm linh, tạo thành cả thảy là năm Kleshas ([1]) (chướng ngại).

50 Nếu avidya (vô minh) là chướng ngại thứ nhất, thì chướng ngại thứ nhì là asmita, tức vọng niệm (notion) "Tôi là cái này" ("I am this") hay là cái mà có lần một Đức Thầy gọi là "self-personality"("vị ngã")([2]). Qua sự sống, phàm ngã phát triển thành một thực thể hoàn toàn riêng biệt, với thể

[1] *Klesha* (B. Phạn): yêu sống, nhưng theo nghĩa đen là "đau khổ" ("pain and misery"), Lúc nào cũng gắn bó với sự sống, giống như kama. (Ngữ Giải Minh Triết Thiêng Liêng, 1971)

[2] *Vị ngã* (self-personality): Chỉ biết có mình, chỉ nghĩ đến mình, đồng nghĩa với ích kỷ (selfishness, I-am-ness, Asmita) (ND).

https://thuviensach.vn

xác, thể cảm dục và hạ trí nhất định, có các bận tâm và các tập quán nhất định, đồng thời không có một phản bác nào đối với phàm ngã đó nếu nó thuộc về hạng tốt lành. Nhưng nếu sự sống ngự bên trong để cho bị thuyết phục tin rằng mình là phàm ngã đó, thì sự sống đó sẽ bắt đầu phụng sự cho lợi lộc của phàm ngã đó, thay vì chỉ dùng phàm ngã đó làm một dụng cụ cho các mục tiêu tinh thần của chính sự sống.

Hậu quả của sai lầm thứ hai này là con người cố đạt cho được của cải, quyền thế và tiếng tăm một cách quá đáng. Khi một người nào đó xem xét lại nhà cửa ở đồng quê và nhà cửa ở thành thị của mình, nhìn lại đoàn du thuyền và đoàn xe hơi của mình, các nông trại và các cơ xưởng của mình, người đó trở nên kiêu hãnh; tự nghĩ rằng mình là nhân vật quan trọng vì được gọi là chủ nhân của các tài sản đó; hoặc là y nghe thấy tên tuổi của mình ở trên môi mọi người, và cảm thấy rằng hàng ngàn người đang nghĩ đến mình với sự tán dương (hay là thậm chí cả sự lên án nữa, vì chuyện tai tiếng thường làm hài lòng kẻ không thể có được tiếng tăm, và y nghĩ rằng chính mình thực sự là một nhân vật rất quan trọng. Đó là "tính vị ngã", một trong các mê tín lớn nhất trong đời và là cội nguồn phiền toái lớn cho tất cả con người. Mặt khác, con người thiên về tinh thần lại cho là mình may mắn nếu y có thể làm chủ được bàn tay và bộ óc của mình, y muốn giữ hình ảnh của hàng ngàn người khác trong trí của mình mà y có thể trợ giúp họ, còn hơn là lấy làm thích thú với ý tưởng hình ảnh của y được nhân lên và thổi phồng trong trí những người này. Do đó tính vị ngã là chướng ngại to tát nhất cho việc Chân Ngã sử dụng phàm ngã và như thế là chướng ngại cho sự phát triển tâm linh.

https://thuviensach.vn

51 Chướng ngại thứ ba và thứ tư có thể được xét chung với nhau. Đó là raga và dwesha, tức là yêu (liking) và ghét (disliking), hút (attraction) và đẩy (repulsion). Cả hai cũng nảy sinh từ cùng tính vị ngã này. Điều mà tính vị ngã sẽ biểu lộ các ưa thích của nó là không thích hợp. Cũng như một chiếc xe hơi sẽ có một âm thanh riêng của nó, và sẽ đưa ra âm thanh đó dưới hình thức rất là không được êm tai khi chủ nó lái xe qua một đoạn đường hư xấu, hoặc là phát ra tiếng êm ái dễ chịu khi chủ xe lái qua đoạn đường tốt. Con đường có thể là một con đường xấu đối với chiếc xe, nhưng theo quan điểm của người cầm lái thì có được con đường là một điều tốt lành rồi, bởi vì y muốn đến được một nơi nào đó, sẽ là một vấn đề nan giải nếu không có một con đường. Thật là tiện lợi khi có được ghế bành, lò sưởi, đèn điện, máy tắm hơi, nhưng kẻ nào muốn được tiến bộ đều phải vượt qua vùng đất mới, đôi khi bằng vật chất và luôn luôn bằng tư tưởng và cảm xúc.

Con người thích các đối tượng nào thích hợp với các tiện nghi và thói quen dễ chịu của họ; bất cứ điều gì làm xáo trộn cho các điều này đều là "xấu", bất cứ điều gì xứng hợp với chúng và nâng cao chúng đều là "tốt". Một cách nhìn như thế về cuộc sống không phù hợp với tiến hóa tinh thần. Chúng ta không từ chối tiện nghi khi nó đến, nhưng chúng ta phải học cách lãnh đạm với nó và học cách chấp nhận mọi việc khi chúng xảy tới; sự chú trọng vào việc thích và không thích không còn nữa, Chân Ngã sẽ bình tâm phán đoán xem điều gì là tốt lành và điều gì là xấu xa.

Chướng ngại thứ năm là abhinivesha, kết quả của chướng ngại cuối cùng, tình trạng bị gắn chắc, định tụ vào (settled in), dính mắc vào một hình thức hoặc cách sống, hoặc

https://thuviensach.vn

52

vào phàm ngã. Từ trạng thái này mới sinh ra việc sợ tuổi già, sợ chết – các diễn tiến vốn không bao giờ tồn tại đối với chính con người, nhưng tất phải đến với phàm ngã vào đúng thời điểm. Một cái chết thực sự trong cuộc đời có thể nảy sinh từ chướng ngại thứ năm này. Con người tốn phí tuổi thanh xuân của mình để chuẩn bị cho tiện ích và an toàn trong tuổi già, rồi sau đó tốn phí tuổi già của họ để tìm lại tuổi xuân đã mất, hoặc là e ngại khi dùng đến xác thân, vì sợ thân xác hao mòn. Họ giống như một người mua được một chiếc xe hơi đẹp, rồi mãi ngồi trong nhà xe, ngắm nhìn chiếc xe mới đó, mà không dám tự mình lái chiếc xe đó ra đường, sợ là xe hư đi. Bổn phận chúng ta là làm những gì mà Chân Ngã muốn, và phải hoàn toàn sẵn sàng chết để phụng sự Chân Ngã nếu cần.

Tất cả các trốt xoáy đều xuất phát từ năm chướng ngại này. Định trí và tham thiền là cách để hoàn toàn làm cho chúng tan đi. Khi kama-manas không còn hút xuống dưới nữa, thì manas mới có thể chuyển lên trên để trở thành manas-taijasi.

Một thuật ngữ Bắc Phạn khác có liên quan với tính vị ngã này là mana, đôi khi được dịch là tự mãn (pride), nhưng có lẽ đúng hơn nên dịch là cao ngạo (conceit, ngạo mạn). Cội rễ này xuất hiện trong chữ nirmanakaya, có nghĩa là một bậc cao nhân (being) vượt qua được ảo tưởng – nirmana.

Bà Blavatsky dạy rằng có ba loại hay ba cách hóa thân (incarnation):

Cách thứ nhất: hóa thân của bậc avatar, tức là các Đấng đến từ các bầu cao hơn (higher spheres), nhờ đã đạt đến các bầu này trong một chu kỳ tiến hóa trước chu kỳ của chúng ta.

https://thuviensach.vn

Cách thứ hai: thuộc loại bình thường, khi một người vượt qua cõi cảm dục và cõi trí và lúc đó lấy một xác thân mới.

Cách thứ ba: cách của bậc nirmanakaya, vị này hóa thân trở lại, không có thời gian tạm nghỉ (interlude), đôi khi có thể chỉ sau một vài ngày.

Trong "Giáo Lý Bí Nhiệm", bà Blavatsky có dẫn chứng Đức Hồng Y De Cusa thuộc về trường hợp này, Ngài được
53 sinh trở lại một cách nhanh chóng dưới tên Copernicus ([1]), và bà còn nói rằng sự tái sinh nhanh chóng như thế không phải là một điều khác thường. Bà nói đến những người này như là các cao đồ (adepts), bà không dùng từ ngữ này hoàn toàn như chúng ta dùng từ adepts ngày nay, mà hàm ý rằng các vị này là các bậc cao đồ hay là người lão luyện (expert) trên cõi cảm dục và cõi hạ trí. Bà còn nói rằng đôi khi các vị này hành xử như là các vong linh ở các buổi cầu đồng (seances) và rằng họ đặc biệt đối nghịch với các Huynh Đệ Hắc Đạo, có lẽ vì sự tiến bộ mà các vị này đang tạo ra cho chính họ và cũng cho nhân loại nói chung.

Bà còn giải thích rằng có hai hạng nirmanakaya: hạng trước từ chối cõi trời, như có giải thích ở trên, còn hạng sau ở trình độ cao hơn, từ chối những gì mà bà Blavatsky gọi là

[1] Copernicus, Nicolaus: hình thức La Tinh hóa của Mikolaj Kopernik, tên gọi theo Pháp ngữ: Nicolas Copernic (1473- 1543), nhà thiên văn học Ba Lan, được xem như là nhà sáng lập khoa thiên văn học hiện đại khi đưa ra thuyết địa cầu quay trên trục của nó, và các hành tinh quay trong các quỹ đạo xung quanh mặt trời (Tự Điển Tiểu Sử Webster).

https://thuviensach.vn

Niết Bàn tuyệt đối (absolute Nirvana) để vẫn ở lại giúp vào sự tiến bộ của thế gian. Văn liệu Minh Triết Thiêng Liêng hiện đại giới hạn thuật ngữ này vào hạng sau, nhưng ở đây chúng ta đang bàn đến hạng thấp này. Kẻ nào tiêu diệt được tên sát hại sự thật thì kẻ ấy đã tiêu diệt được phần lớn năm chướng ngại này, và trở thành kẻ phụng sự Chân Ngã, không một điều gì nơi người này mà không trở thành những gì thích hợp cho các mục tiêu của Chân Ngã. Giác tuyến của người này mở rộng đến nỗi trong khi còn sống trong xác thân, y vẫn giao tiếp đầy đủ với Chân Ngã, và lúc nào cái ngã đó cũng tiếp nhận được những gì nó cần. Con ong kia có thể bay đến cành hoa khi nó muốn vì không còn cơn cuồng phong nào quấy rối nữa; khi xác thân chết đi, *thành phần tinh anh của phàm ngã* có thể được dùng trở lại trong lần đầu thai kế tiếp([1]), bởi vì phần đó không còn mang đầy các trốt xoáy tiêu biểu cho các dục vọng trước kia và các ý tưởng cứng nhắc, các thói quen ích kỷ của cảm giác và tư tưởng nữa.

[1] Ý tưởng này có lẽ không được chính xác lắm, lý do: Khi thể xác chết đi thì các thành phần tạo nên phàm ngã, dù tinh anh hay không, đều phải tan rã theo thời gian. Nếu trong kiếp sống này, con người thanh luyện được các thể của phàm ngã mình đến một mức tinh anh nào đó; thì qua kiếp sau, lúc linh hồn khoác lấy phàm ngã mới, các thể của phàm ngã mới này đương nhiên có cùng mức tinh anh với phàm ngã cũ, do chỗ các thể mới này được tạo ra theo đúng mức rung động mà linh hồn đưa ra. Chỉ có phần Thượng Trí hay Nhân Hồn (Human Soul) mới không bị tan rã như phàm ngã. (ND).

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 4

CHÂN VÀ GIẢ

Vì rằng:

6- Khi nào hình hài của đệ tử dường như không có thật đối với chính đệ tử, giống như mọi hình hài mà y thấy trong các cơn mơ không có thật lúc y tỉnh dậy;

7- Khi nào đệ tử không còn nghe thấy cái đa tạp nữa, đệ tử mới phân biệt được Đấng Duy Nhất (the One) – tiếng bên trong tiêu diệt tiếng bên ngoài.

C.W.L. Lối so sánh mộng và thực thường được triết học Đông phương dùng đến. Cách đó có công dụng của nó, nhưng chúng ta phải cẩn thận đừng để nó đưa chúng ta đến chỗ hiểu lầm. Khi ra khỏi một giấc mơ bình thường, chúng ta mới nhận thức được rằng các giác quan của chúng ta đã bị lừa, những gì mà vào lúc đó chúng ta tưởng như là một kinh nghiệm đích thực, thực ra không có gì cả. Nhưng điều này cũng không nhất thiết phải xảy ra khi chúng ta bắt đầu nhận biết một thực tại tâm linh. Chúng ta tỉnh thức trước một sự sống cao siêu và khoáng đạt hơn; lần đầu tiên chúng ta nhận ra được các hạn chế đang đè nặng mà chúng ta hoàn toàn không ngờ tới, từ trước đến giờ chúng ta mải mê sống dưới các hạn chế đó. Nhưng điều đó không có nghĩa là trước đó, sự sống của chúng ta không là gì cả mà chỉ là một sự phỉnh

https://thuviensach.vn

lừa vô tích sự (useless deception). Khi thức tỉnh trước các điều cao siêu; ta thấy các trạng thái trí tuệ trước kia của chúng ta có vẻ phi lý, nhưng, sau rốt, điều đó cũng chỉ có tính cách tương đối. Thế thì chúng ta hành động theo khả năng hiểu biết của chúng ta, dựa vào kiến thức nào mà chúng ta có được; giờ đây chúng ta có quá nhiều kiến thức đến nỗi mọi đường lối suy tư và hành động của chúng ta hoàn toàn thay đổi.

Ngay đến các nhà nghiên cứu Kinh Veda (Vedantist) cũng nhìn nhận rằng giấc mộng ở cõi trần của chúng ta cũng có giá trị cho việc tạo ra giác ngộ. Một người mơ thấy một con rắn đang đe dọa cắn mình, nên cảnh giác về chuyện đó. Sau rốt trong giấc mơ, con rắn tấn công y, y choàng tỉnh dậy vì cú sốc đó và nhẹ nhõm cả người khi thấy rằng toàn thể kinh nghiệm chỉ là ảo tưởng. Tuy nhiên, chính sự tấn kích của con rắn ảo đó đã khơi dậy nơi y một cuộc sống thiết thực hơn.

Tương tự như thế, trong Kinh Gita, Đức Shri Krishna dạy đệ tử của Ngài rằng minh triết còn quý giá hơn là của cải ở thế gian, vì Ngài giảng: "***Toàn thể mọi hành động đều dẫn đến minh triết***" (Gita IV, 33). Vị Đại Huấn Sư này không phản đối một cuộc sống hoạt động, mà còn cổ vũ nó đến tối đa. Tuy nhiên, Ngài nói rằng người ta không nên để bị dính mắc vào các hoạt động và các sự việc mà họ đang đối phó, mà chỉ nên tìm ra cái minh triết vốn có thể nhận được từ các hoạt động đó. Chính nhờ vào minh triết mà con người mới có bản chất đích thực của riêng mình, vì con người là một phần của Thượng Đế. Nếu lắng nghe tiếng nói minh triết, con người sẽ dần dần trở thành chủ nhân của chính mình và sự sống của mình; có như vậy tiếng nói bên trong sẽ át được tiếng huyên

https://thuviensach.vn

náo bên ngoài, chính tiếng huyên náo này chi phối các hoạt động sôi nổi của con người thông thường.

Một điều rất đúng là con người sẽ không còn chú ý vào nhiều đối tượng chung quanh đang tác động vào y và sẽ chuyển sự chú ý đó vào bên trong, đến chứng nhân độc nhất của mọi đối tượng này. Nhưng y có hoàn toàn tự do để làm như thế chỉ khi nào y hoàn thành đầy đủ thiên chức (dharma) của mình ở thế giới bên ngoài. Bất cứ lúc nào, bất cứ người nào, dù cho bổn phận của y có thể là gì đi nữa, cũng đều có
56 thể đặt tình thương của mình vào các đối tượng cõi trên mà không dựa vào các đối tượng cõi trần. Nhưng y không thể tự do dốc hết đời sống của mình vào công việc cao siêu mãi cho đến khi y đã đáp ứng xong các đòi hỏi của karma mà y đã tạo ra trong các tiền kiếp, hoặc là trong thời gian đầu của hiện kiếp. Chắc chắn là y có thể cảm nhận được nhu cầu từ bỏ (vairagya), nhưng trong khi y vẫn còn bất cứ nhiệm vụ nào ở trần gian, thì y phải chú tâm đầy đủ vào các nhiệm vụ đó để thi hành một cách hoàn hảo với hết khả năng mình.

Nếu ý muốn giải thoát của y đủ mạnh, và nếu karma của y không đặt một chướng ngại không thể vượt qua trên đường tiến tới của y, thì y có thể thấy rằng con đường đưa đến giải thoát chẳng bao lâu sẽ mở rộng trước mắt y. Bản thân tôi đã có loại kinh nghiệm này rồi. Tôi nhận được một thông điệp của Thầy tôi, đem tới cho tôi một vài cơ hội mà tôi nhận lãnh một cách biết ơn. Nhưng nếu đề xuất ân huệ đó được đưa ra sớm hơn một ít, tôi sẽ không thể chấp nhận được, vì lúc đó tôi chưa có tự do; có một nhiệm vụ rõ rệt được giao cho tôi mà tôi không thể chểnh mãng.

https://thuviensach.vn

Vairagya (từ bỏ/xả ly) có hai phần, apara hay xả ly thấp và para hay xả ly cao (higher vairagya).

Có ba giai đoạn trong việc rời bỏ các dính mắc với các đối tượng bên ngoài. Trước tiên con người trở nên nhàm chán các đối tượng thường mang lại cho y hứng thú, tuy y vẫn còn tiếc rẻ các đối tượng mà y đã nhàm chán đó, y vẫn còn muốn hưởng thụ nữa song không thể. Kế đó, do cảm giác chán chê, y tìm kiếm nơi khác để thỏa mãn. Sau cùng, khi thoáng nhận ra được các đối tượng cao cả thì các ước muốn tâm linh của y được khơi hoạt, chúng tỏ ra có sức thu hút y đến nỗi y không còn nghĩ đến điều gì khác nữa. Nếu không thì, do biết được sự hiện hữu của các đối tượng cao siêu và quyết định đi theo
57 các đối tượng đó, trong giai đoạn thứ hai này, y sẽ đặt chính mình quan sát các khuyết điểm của các đối tượng thấp, ngõ hầu tạo ra một sự kinh tởm giả tạo đối với các khuyết điểm đó, hoặc là y đặt ý chí mình trong một quyết định cứng rắn để loại bỏ sức thu hút của chúng và ngăn chận lòng khao khát đối với chúng.

Sau rốt, giống như trong trường hợp trước, có thể sau nhiều biến đổi, con người thấy được cái cao siêu, nghe được tiếng bên trong nó làm tiêu tán tiếng bên ngoài. Kế đó, con người có được tính từ bỏ cao siêu (higher vairagya).

Vào giữa giai đoạn tranh đấu, thường hay xảy ra sự kiện là con người nhận ra một sự kinh tởm cực độ đối với các đối tượng khoái lạc trước đây của y. Điều đó thường là một dấu hiệu chỉ rằng y chỉ mới thoát khỏi ràng buộc vào chúng và y vẫn còn e sợ sức thu hút của chúng; y cảm thấy rằng y có thể bị lây nhiễm do sự gần gũi với chúng, vì thế y run sợ và né tránh chúng, hoặc là y tấn công và cố hủy diệt chúng một cách quyết liệt nhưng thiếu suy xét. Tất cả các trạng thái lạ

https://thuviensach.vn

thường này của giai đoạn hai đều là các hình thức từ bỏ loại thấp.

8- Chỉ bấy giờ, chỉ lúc bấy giờ, đệ tử mới rời cõi Asat, tức cõi giả, để vào cõi Sat, tức cõi Chân.

Ở đây chúng ta hãy cẩn thận để đừng hiểu sai. Nhiều người cho rằng đoạn văn này hàm ý rằng các cõi thấp chỉ là cõi ảo, nhưng đoạn đó chẳng chút dụng ý nào nói về việc đó cả. Tôi có bàn về cõi chân và cõi giả và có giải thích rằng mỗi cõi đều là thật đối với loại tâm thức đang hoạt động ở cõi đó(1). Chỉ khi nào con người có thể nghe được tiếng nói bên trong và xem xét sự sống theo quan điểm ở các cõi cao, thì
58 con người mới thực sự hiểu được chân lý ẩn đàng sau mọi biểu lộ phức tạp đang bao quanh chúng ta.

9- Trước khi có được năng lực thấy, Linh Hồn phải đạt cho được sự hài hòa bên trong, còn các con mắt hồng trần (nhục nhãn) phải được luyện sao cho không còn thấy mọi hão huyền nữa.

10- Trước khi Linh Hồn có được năng lực nghe, cái bóng (image) của nó (tức là con người) phải gạt ngoài tai tiếng ầm ĩ, lẫn tiếng thì thào, tiếng voi rống, lẫn tiếng vo ve trong thanh của đom đóm vàng.

11- Trước khi có được năng lực hiểu và nhớ, Linh Hồn phải trở nên hợp nhất với Đấng Ban Tiếng Vô Thinh (Silent Speaker), giống như hình dạng của đất sét dùng để nắn hình trước tiên phải hợp làm một với tâm ý của người thợ gốm.

---

1 "The Occult Path and the Interest of the World", trong quyển thứ nhất Giảng lý về Con Đường Huyền Linh Học.

https://thuviensach.vn

Hài hòa bên trong là hài hòa giữa Chân Ngã với các hiện thể của Chân Ngã, và dĩ nhiên cũng là hài hòa giữa chính các hiện thể này nữa. Nơi kẻ thường nhân, luôn luôn có sự căng thẳng giữa thể cảm dục với hạ trí, giữa các dục vọng với trí tuệ; không một thể nào trong các thể này điều hợp tối thiểu với Chân Ngã, hoặc được chuẩn bị để hoạt động với vai trò là hiện thể của Chân Ngã. Phàm ngã phải được thanh luyện, còn vận hà (channel) giữa phàm ngã với Chân Ngã phải được khai thông và mở rộng. Khi nào chưa làm được điều này, thì phàm ngã chỉ nhìn thấy mọi việc, mọi người theo quan điểm rất hạn hẹp của riêng nó. Chân Ngã không thể thấy được những gì đang thực sự xảy ra; Chân Ngã chỉ nhận được hình ảnh méo mó nơi phàm ngã mà thôi, điều này giống như một máy ảnh có thấu kính hỏng, làm lệch lạc các tia sáng, để rồi tấm kính ảnh hay là phim hư, đưa đến kết quả là mọi hình ảnh bị nhòe không còn rõ ràng nữa.

59 Đó là lý do giải thích tại sao nơi đa số người, Chân ngã không thể có được bất cứ sự hài lòng nào từ nơi phàm ngã cho đến khi Chân Ngã vào được thiên đàng. Chân Ngã có khả năng phân biệt chân với giả, khi thoáng thấy điều chân, Chân Ngã nhận ra ngay, và bài bác điều giả. Nhưng thường khi nhìn xuống phàm ngã, Chân Ngã thấy một đám hỗn độn gồm các hình tư tưởng không có lớp lang, làm cho điên đầu đến nỗi Chân Ngã không thể phân biệt được điều gì rõ ràng. Chân Ngã thất vọng quay đi và quyết định chờ cho bao giờ có được sự tĩnh lặng như cõi trời trước khi thử tìm cách góp nhặt các mảnh vụn chân lý từ trong đống hỗn mang khó nhìn ra này. Dưới các trạng thái tĩnh lặng hơn này, khi các xúc cảm và các tư tưởng của kiếp sống hồng trần mới đây lần lượt đi đến và hiện ra hoàn toàn dưới ánh sáng linh hoạt của cõi trời,

https://thuviensach.vn

chúng sẽ được khảo sát bằng cái nhìn sáng suốt, chất cặn bã bị ném ra, chất quý báu được giữ lại. Vị đệ tử phải cố gắng tạo ra trạng thái này trong khi vẫn còn ở trong xác thân, bằng cách thanh luyện phàm ngã và làm cho phàm ngã hài hòa với linh hồn.

Các tiềm năng sai sót của phàm ngã hầu như vô hạn. Giả dụ rằng một con sâu, một con chim, một con khỉ và một lữ khách cùng nhìn vào một cây. Con sâu sẽ nghĩ đến cây như là thức ăn, con chim nghĩ đến cây như một tổ ấm, con khỉ xem cây đó như nơi tập thể dục, còn người lữ khách xem cội cây như một loại ô che nắng. Tất cả các hình ảnh này sẽ hoàn toàn khác nhau, và lần nữa lại khác với quan niệm của chính cây đó.

Trong khi việc nhìn thấy có liên quan đến dáng vẻ bên ngoài, thì việc nghe thấy lại liên quan đến những gì xuất phát từ bên trong. Nếu muốn nghe được diệu âm (still small voice), con người phải có được tĩnh lặng. Việc định trí sẽ tạo ra được trạng thái tĩnh lặng này.

Nếu Linh Hồn muốn nghe được tiếng nói bên trong
60 (inner voice) một cách chắc chắn và chính xác, thì con người bên ngoài phải không bị lay chuyển bởi mọi sự việc ở ngoại giới – tức là bởi tiếng ồn ào của các lượn sóng to ào ạt trong cuộc sống đổ ập vào người, cũng như bởi tiếng thì thào êm ái của các gợn sóng nhỏ dịu dàng hơn. Linh Hồn phải học cách giữ cho hoàn toàn tĩnh lặng, không dấy lên một ưa thích hoặc ghét bỏ nào.

Có thể ít khi kêu gọi đến trực giác trừ khi con người rất muốn nhận lệnh của trực giác làm kẻ hướng dẫn tuyệt hảo và

https://thuviensach.vn

đáng chấp nhận nhất, mà không xâm phạm vào các ưa thích riêng tư của con người. Chẳng được lợi ích bao nhiêu khi đòi hỏi nơi trực giác bất cứ giải pháp nào đối với vấn đề hành xử, nếu cùng lúc con người muốn câu trả lời nên là thế này hoặc thế kia. Ngoại trừ vào những dịp hiếm hoi khi trực giác đặc biệt mạnh, chỉ khi nào các ưa thích và ghét bỏ của cá nhân không còn nữa, chỉ khi nào tiếng nói của ngoại giới không còn tác động đến con người nữa, thì con người mới có thể nghe được tiếng nói bên trong, tiếng này mới là kẻ dẫn dắt đáng tin cậy của y.

Trước khi linh hồn có thể hiểu toàn thể điểm mấu chốt của mọi bài học từ bên ngoài đến với linh hồn, và trực giác đến từ bên trong, thì một tiến trình hài hòa khác phải xảy ra, trong tiến trình này, thượng trí (manas) từ từ trở nên điều hợp với ý chí, nó đưa ra hướng đi cho sự sống của linh hồn.

Có ba giai đoạn trong việc phát triển tâm thức. Trên con đường dự bị, tâm thức cao nhất của con người hoạt động trên cõi thượng trí. Sau Cuộc Điểm Đạo Thứ Nhất và mãi đến Cuộc Điểm đạo Thứ tư, tâm thức đó từ từ leo lên cõi Bồ Đề; ở cuối giai đoạn này, nó tiến nhập vào Niết Bàn tức cõi tinh thần. Lúc bấy giờ nó trở nên hợp nhất với ý chí, tức là tác
61 nhân điều khiển, kẻ kiểm soát vận mệnh của nó. Trong giai đoạn giữa, con người có thể nói: "***Ý của Ngài, chớ không phải ý của con, đã được thi hành***", còn giờ đây, con người nói: "***Ý của Ngài, và ý của con là một***".

Giống như phác đồ (design) của cái lọ hoa phải được tạo ra trước tiên trong trí của người thợ gốm, và giống như mô hình cho một giống dân của nhân loại được tạo ra trước

https://thuviensach.vn

tiên trong trí của Đức Bàn Cổ (Manu)([1]), Ngài nhận được phác đồ đó từ cõi trên, thế nên mục tiêu phải đạt đến đối với mỗi người trong chúng ta đã được Chân Thần vạch ra, và kế đó được đưa xuống sự sống đang tiến hóa thăng thượng của con người hữu thức bằng nguyên khí tinh thần (spiritual principle) bên trong con người.

Thế nên, từ ngữ linh hồn được dùng trong ba câu kinh trên là hợp lý. Chính linh hồn mới bước đi trên con đường tiến hóa chứ không phải phàm ngã. Ở nửa đầu của con đường, chính linh hồn hợp nhất ngày càng chặt chẽ hơn với thể Bồ Đề, tạo ra hồn tinh thần (spiritual soul, hồn thiêng), tức manas-taijasi. Nhưng mọi công việc đều được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Linh Thể (Atma), tức Tiếng Nói Vô Thinh.

[1] Bàn Cổ: Đấng Cao Cả đã đạt được mức Điểm Đạo thứ bảy. Mỗi căn chủng có một Đức Bàn Cổ riêng. (ND).

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 5

TIẾNG NÓI CẢNH GIÁC

12- Vì lúc bấy giờ Linh Hồn mới nghe và ghi nhớ.

13- Và lúc bấy giờ, Tiếng Nói Vô Thinh sẽ phát biểu với nội nhĩ (the inner ear).

Và nói:

14- Nếu Linh Hồn con mỉm cười trong khi đang tắm mình trong ánh dương cuộc đời con; nếu Linh Hồn con ca hát bên trong ổ kén bằng nhục thân và vật chất của nó; nếu Linh Hồn con khóc lóc bên trong lâu đài hão huyền của nó, nếu Linh Hồn con tranh đấu để bứt đứt sợi chỉ bạc đang buộc Linh Hồn với Chân Sư, thì hỡi đệ tử, hãy biết rằng Linh Hồn con còn thuộc về cõi trần.

C.W.L.- Trong kinh sách huyền linh học chúng tôi thường thấy có đề cập đến tiếng nói vô thanh, và chúng tôi thường thấy những gì được nói đến ở nơi này lại không phù hợp với những gì xuất hiện ở các nơi khác. Trong thuở ban sơ của Hội Thông Thiên Học chúng tôi thường phải vắt óc tìm ra ý nghĩa chính xác của nó, cố công để làm cho nó luôn luôn có cùng một nghĩa. Chỉ sau nhiều nghiên cứu, chúng tôi mới khám phá ra rằng thuật ngữ này chỉ có ý nghĩa tổng quát mà thôi.

https://thuviensach.vn

Tiếng vô thanh đối với bất cứ người nào chính là tiếng nói xuất phát từ phần thâm sâu của người ấy vốn cao hơn nơi mà
63 tâm thức của người này có thể đạt đến, dĩ nhiên tiếng nói đó thay đổi theo mức tiến hóa của người này.

Đối với những ai còn hoạt động vì phàm ngã, thì tiếng nói của Chân Ngã là tiếng vô thinh, nhưng khi con người đã hoàn toàn chế ngự được phàm ngã và đã làm cho phàm ngã hợp nhất với Chân Ngã, để cho Chân Ngã có thể hoàn toàn hoạt động xuyên qua phàm ngã, thì tiếng vô thinh chính là tiếng của Linh Thể (Atma) – tức là tinh thần tam phân trên cõi Niết Bàn. Khi đạt đến trình độ này rồi, thì vẫn còn một tiếng nói vô thinh nữa – đó là tiếng của Chân Thần (Monad) nơi cõi trên. Khi con người (the man) huyền đồng (identifies) được Chân Ngã với Chân Thần và đạt đến Quả Vị Chân Sư (Adeptship), thì vị Chân Sư sẽ vẫn tìm thấy một tiếng nói vô thinh từ bên trên xuống đến với Ngài, nhưng lúc đó, có lẽ tiếng nói đó sẽ là tiếng nói của một trong các Thiên Sứ (Ministers) của Thái Dương Thượng Đế (Deity), tức một trong các Hành Tinh Thượng Đế (Planetary Logoi) theo cách gọi dành cho các Ngài. Có lẽ đối với Hành tinh Thượng Đế, tiếng vô thinh lúc đó sẽ là tiếng của chính Thái Dương Thượng Đế (Solar Logos); và thậm chí đối với Thái Dương Thượng Đế, nếu có một điều gì như là tiếng vô thinh, thì đó hẳn phải là tiếng của một Thượng Đế cao cấp hơn nữa([1]). Nhưng ai có thể giải đáp được câu hỏi này ?

[1] Các Đấng cao hơn Thái Dương Thượng Đế là Vũ Trụ Thượng Đế (Cosmic Logos, Đấng cai quản bảy Thái Dương Hệ), Tinh T òa Thượng Đế (The Unknown- Đấng cai quản bảy chòm sao (tinh tòa), mỗi chòm có ít nhất là hai Thái Dương Hệ) và Thái Cực Thượng Đế

https://thuviensach.vn

Câu "Ánh dương của đời con" ám chỉ các giai đoạn này trong cuộc sống cá nhân của chúng ta khi cơ may mỉm cười với chúng ta, và mọi việc dường như sáng sủa và tốt đẹp. Chân Ngã tận hưởng được niềm vui này, và ngộ nhận niềm vui đó với chân hạnh phúc của Chân Ngã, vì chưa có tính dứt bỏ cao để tiêu diệt các thanh âm bên ngoài.

Trong quyển *Minh Triết Nghìn Xưa*, bà Besant có giải thích làm thế nào mà một người, vốn không cảm thấy có gì
64 trên cõi trần có thể làm thỏa mãn được mình, ngay cả các sự việc mang lại niềm vui to tát nhất cho hạng thế nhân thông thường, lại có thể, nhờ một nỗ lực mạnh mẽ song bình tĩnh của ý chí, vươn lên và kết hợp chính mình với tâm thức cao và thấy chính mình không còn bị ràng buộc vào thân xác; nhưng điều đó chỉ xảy ra cho những ai tuân theo điều kiện thứ nhất, tức là kẻ không thể thỏa mãn với bất cứ điều gì không đưa tới hợp nhất.

Ba thể thấp là xác thân, cảm dục và hạ trí hợp với các thói quen của chúng, tạo thành phàm ngã, thật ra chỉ là cái kén, mà trong đó một con bướm từ từ được tạo ra. Trong trạng thái con sâu hiện thời của chúng ta, linh hồn phải nằm trong thể xác và ở trong thế gian; tuy nhiên, linh hồn không phải *thuộc về* chúng. Linh hồn không bắt buộc chấp nhận sự sống đó như là sự sống của riêng nó, mà phải hiểu rằng linh hồn không lệ thuộc vào các hiện thể của nó. Ở đây, một lần nữa chúng ta phải thận trọng để đừng hiểu sai. Thực ra đúng

---

(Parabrahman). Trong văn liệu của phong trào Minh Triết Thiêng Liêng, chỉ có tôn danh Parabrahman, hai tôn danh còn lại được Chân Sư D.K. đề cập đến trong bộ "Treatise on Cosmic Fire" (Luận Về Lửa Càn Khôn). (ND)

https://thuviensach.vn

là điều tốt lành, thậm chí còn là điều cần thiết nữa khi linh hồn vui vẻ đi trên con đường hướng thượng, linh hồn nên vui cười, nên ca hát bên trong cái kén của nó; không có gì hại khi làm như thế, thậm chí còn có nhiều tốt lành nữa. Điều mà linh hồn đừng nên làm là ca hát vì cái kén, hoặc vì bất cứ điều gì xảy đến với lớp vỏ ngoài đó. Sẽ là một điều sai trái, sai trái khủng khiếp nếu linh hồn khóc than trong lâu đài huyễn tưởng của nó, vì ngã lòng và buồn rầu luôn luôn là sai trái. Nhưng thật ra, đó không phải là những gì được đề cập đến ở đây. Những gì mà Đức Aryasanga đang cố truyền đạt cho chúng ta trong cách nói văn nhã, thi vị của Ngài, ấy là linh hồn không nên hân hoan, cũng không nên thương tiếc về bất cứ điều gì có liên quan đến cái kén hoặc tòa lâu đài, hay bất cứ hình tướng bên ngoài nào. Linh hồn phải dửng dưng trước hình tướng đó, không bị ảnh hưởng bởi những gì xảy ra cho nó. Nếu linh hồn không tập được tính dửng dưng, thì nó vẫn còn thuộc về cõi trần, vẫn còn dính mắc với cõi thấp này, và vì thế linh hồn chưa sẵn sàng để được tự do hoàn toàn.

Khắp chung quanh ta luôn luôn diễn ra các thay đổi, nhưng linh hồn phải kiên tâm tiến bước trên con đường không cưỡng lại được của mình, không nao núng trước sự đổi thay, vì để bị ảnh hưởng bởi các sự việc bên ngoài này là
65 tỏ ra yếu đuối. Hãy nhớ vì sao mà Shakespear(1) viết ra các khổ thơ Sonnets sau:

Khi tôi thấy do bàn tay hủy diệt của Thời Gian,
Mà giảm đi giá trị của tuổi đời bị chôn lấp

[1] Shakespeare/ Shak'spere, William (1564-1616), thi sĩ và là kịch tác gia Anh.

https://thuviensach.vn

Đôi khi tôi thấy biết bao tháp cao nay trở thành bình địa,
Cả cột đồng muôn thuở cũng quy phục cơn thịnh nộ thế nhân.
Khi tôi thấy đại dương cuồng nộ,
Giành lấy phần của bờ biển xa,
Và vùng đất rắn thắng được biển khơi,
Thịnh tiếp nối suy, rồi suy nối tiếp thịnh.
Khi tôi thấy biết bao tang thương biến đổi,
Lòng xiết bao kinh ngạc trước cảnh hoang tàn.
Vẻ tang thương dạy tôi biết trầm tư,
Rằng Thời Gian bắt tôi lìa thương mến
Không thể chọn ý tưởng này giống như là cái chết,
Nhưng than khóc để có lại những gì sợ mất đi.
Vì cột đồng, không cả đất, đá, không cả biển khơi,
Mà thần chết thảm sầu ngự trên uy quyền của chúng,
Làm sao hỡi nỗi cuồng dại mà cái đẹp là biện minh,
Với hành động không có sức mạnh hơn là một cành hoa?
Làm sao hỡi vị ngọt ngào của mùa hè vẫn còn hơi thở,
Chống lại sự bao vây công phá của ngày thảm hại đã qua,
Khi bao tảng đá vững vàng không còn kiên cố nữa,
Cả đến cổng thép kiên cường là thế,
Chẳng bị Thời Gian hủy phá sao?[1]

Nhưng thời gian mới thực sự là bạn của người tìm đạo, vì chính xác là các sự vật càng tinh anh, càng cao siêu, càng thâm trầm thì ít chịu các tác hại của thời gian nhất. Nhà huyền linh học nên học hỏi chân lý này như là một vấn đề kinh nghiệm và tri thức vững chắc, có như thế các thay đổi

[1] Các khổ thơ Sonnets, XLIV, XLV.

https://thuviensach.vn

nơi các sự vật bên ngoài sau rốt không còn gây phiền toái chút nào cho y nữa.

Sợi chỉ màu bạc – vì xứng đáng là một biểu tượng của sự thanh khiết – nối liền linh hồn với Chân Ngã; mọi lưu thông mà linh hồn có với sự thiếu tinh khiết của xác thân, tình cảm hoặc tư tưởng, là một sự đấu tranh để làm đứt đoạn ngân quang tuyến đó, một sự cám dỗ để bỏ qua tiếng nói vô thinh (still, small voice)

66 Bà Blavatsky thêm các cước chú sau:

. "Chân Sư cao cả" ("great Master") là thuật ngữ được các vị đệ tử dùng để chỉ Thượng Ngã (Higher Self) của con người. Thuật ngữ này tương đương với Avalokiteshvara, giống như Adi-Buddha với Phật Giáo Đồ Nội Môn, Atma với giáo đồ Bà La Môn (Brahmanas), và là Christos với những người theo phái Ngộ Đạo (Gnostics) thời cổ.

. Linh hồn (Soul) ở đây được dùng để chỉ human Ego (Bản Ngã con người) hay Manas (Thượng Trí) là những gì được đề cập đến trong cách phân chia thất phân theo huyền linh học của chúng ta dưới tên gọi Nhân Hồn([1]) (human

[1] *Nhân Hồn*: còn có tên là Chân Ngã, Thượng Trí, Nguyên khí thứ năm, Jivatma, Chân Ngã luân hồi, Chân Ngã hữu thức.

https://thuviensach.vn

Soul), để phân biệt với Hồn Thiêng(1) (Spiritual Soul) và Sinh Hồn (Animal Soul)(2).

Ở đây bà Blavatsky dùng từ ngữ Chân Sư theo một nghĩa đặc biệt tức là nghĩa thường được các bậc đệ tử hay dùng. Trong văn liệu Minh Triết Thiêng Liêng sau này, danh xưng ấy được dùng cho một số giới hạn các thành viên của Đại Đoàn Chân Sư có thu nhận đệ tử trong số những người còn đang sống ở cõi trần. Số các Chân Sư đó còn ít. Dường như là một Chân Sư trên mỗi cung được ấn định đảm đương công việc đó, và tất cả những ai đang tiến hóa theo cung đặc biệt của mình đều qua sự hướng dẫn của Chân Sư này. Không một ai chưa đạt tới mức Chân Sư mà được phép đảm trách đầy đủ việc thu nhận đệ tử, mặc dầu những người này đã có vị thế đệ tử trong một số năm và thường được vận dụng với vai trò là những người được ủy quyền, và nhận được đặc ân giúp đỡ và chỉ dạy những người tìm đạo trẻ có triển vọng. Các đệ tử lâu năm này được huấn luyện từ từ cho công việc tương lai của họ khi đến phiên họ sẽ trở thành các Chân Sư, đồng thời họ học cách tách rời công việc thông thường ngày càng nhiều hơn ra khỏi tay các Chân Sư của họ, để cho các Chân Sư này có thể rảnh rang nhận những công

67

[1] *Hồn Thiêng Liêng*: luôn luôn ở trên cõi Thượng trí, còn gọi là Hồn Thiêng, Hồn Tinh Thần, Trí tuệ quang huy (Manas-taijasi), Hồn Phù Trì (over-shadowing).

2 Sinh hồn: Làm linh hoạt và đem sinh khí cho hình hài và tạo ra sự sống tạm thời của hình hài. Sinh hồn còn được gọi là ý thức động vật (animal consciousness).

Các chú thích trên được rút trong "*Chữa Trị Nội Môn*", "*Luận Về Lửa Càn Khôn*", "*Tâm Lý Học Nội Môn II*", "*Giáo Lý Bí Nhiệm III*". (ND)

https://thuviensach.vn

việc cao hơn mà chỉ các Ngài mới có thể đảm trách được. Hiện nay, việc chọn lựa sơ khởi các ứng viên làm đệ tử, phần lớn được trao vào tay các đệ tử kỳ cựu này và các ứng viên tạm thời được liên lạc với các đệ tử đó hơn là liên lạc trực tiếp với các Chân Sư cao cả. Nhưng các đệ tử và Chân sư có được sự hợp nhất kỳ diệu đến nỗi có lẽ đây hầu như là "*một sự khu biệt (distinction, tách biệt) mà không có dị biệt (difference*)".

Các thuật ngữ mà bà Blavatsky dùng trong các cước chú này sẽ được hiểu rõ hơn nếu chúng ta nghiên cứu chút ít về ba ngôi (trinities) khác nhau trong vũ trụ và trong con người. Kinh nghiệm của mọi người cho thấy luôn có một cặp đi đôi, đó là chủ thể tri giác (the knower) và đối tượng tri giác (the known), người quan sát và vật được quan sát, chủ thể (subject) và khách thể (object). Đây là cách phân chia thành hai phần có từ lâu trong cõi giới kinh nghiệm, tức tinh thần và vật chất, khi dùng các thuật ngữ này theo một nghĩa tổng quát hay nghĩa thông thường. Tinh thần tức tâm thức và vật chất là một cặp đối hợp (pair of opposites), tinh thần là nguyên khí hoạt động (active principle), vật chất là nguyên khí thụ động; tinh thần có một tâm điểm (centre) nhưng không có chu vi, vật chất có chu vi nhưng không có tâm điểm; tinh thần tự hoạt động (self-moving), vật chất được thúc đẩy hoạt động (moved) từ bên ngoài. Trong hai nguyên khí này, chúng ta cũng có cách phân chia theo thực tế thành nguyên khí thiêng liêng và nguyên khí vật chất; nguyên khí tự do và nguyên khí bị ràng buộc; những gì tỏa chiếu bằng ánh sáng của riêng nó và những gì chỉ có ánh sáng được phản chiếu.

https://thuviensach.vn

Khi xem xét chặt chẽ hơn, người ta thấy rằng dường như là hai nguyên khí này đang tác động trên diễn trường trước con người, rằng chúng không phải là nguyên khí số 1 và nguyên khí số 2 như nhiều người nghĩ, mà chúng là nguyên khí số 2 và nguyên khí số 3, vì giờ đây người chứng kiến sự tương tác của chúng là nguyên khí số 1. Nguyên khí số 2 là Thượng Đế hiển lộ (seen), còn nguyên khí số 1 là Thượng Đế vốn là Cái Ngã đích thực (real Self), Ngài là nguyên nhân của mọi tương tác giữa nguyên khí số 2 và số 3.
68

Theo thuật ngữ học Cơ Đốc Giáo, Christ là Thượng Đế hiển lộ. "Chưa hề có ai thấy Đức Chúa Trời" (I John 4,12). Tuy nhiên Đức Christ có nói: "***Ta và Cha Ta là Một***"(St John, X,30).

Điều đó đưa chúng ta đến thuật ngữ Avalokiteshvara. Chữ này là sự kết hợp của avalokita (seen, hiển lộ) và Ishvara (Chúa, Đấng Cai Quản). Như thế nó hàm ý Chân Ngã ở trong lưỡng nguyên gồm tinh thần và vật chất trong vũ trụ. Thánh John nói: " ***Có ba ngôi tạo ra trên trời, Chúa Cha, Ngôi Lời Và Chúa Thánh Thần***" (1 John, 5, 7).

Ngôi Lời (The Word), tức Logos, Avalokiteshvara, là Ngôi Hai. Ngài là Christos, Thượng Đế hiển lộ. Đây là tinh thần đại đồng (universal spirit) hay là purusha, được xem như phân biệt với vật chất, hay là prakriti. Con người trở thành tâm thức đang nhìn vào vật chất, và Thượng Đế này là Con Người được vinh danh hay là Con Người vũ trụ, chủ thể tối thượng. Hãy tự mình phân tích, bạn sẽ tìm thấy hình ảnh của việc này – tức Thượng Đế nội tâm trong chính bạn. Dù sao đi nữa Thượng Đế hiển lộ đó cũng chỉ là chứng cứ cho Thượng Đế đích thực mà thôi – trong con người đối với Chân

https://thuviensach.vn

Ngã (the Self), "cái Ta" (the "I") vốn bao hàm cả chủ thể (subject) lẫn khách thể (object).

"Cái Ta" này không hẳn là một chủ thể mới, và làm chứng cho chủ thể và khách thể cũ, gộp chung lại và giờ đây tạo thành một khách thể hỗn hợp mới. Chính là "cái Ta" – đó là tất cả những gì được nói ở đây. Mọi con người biết suy tư đều có thể nhìn vào chính xác thân của mình, và trong một số trường hợp, nhìn vào thể cảm dục và thể hạ trí của mình nữa, và gọi nó là "cái đó" ("it"), nghĩa là, người đó có thể xem đó như là một khách thể. Y cũng có thể có một khái niệm đối với tâm thức hay chủ thể nơi người lân cận, và suy ra rằng nó có cùng bản chất như tâm thức đó (chứa đựng ý chí, tình cảm và tư tưởng) mà y tìm thấy nơi chính mình. Nhưng dựa trên điểm này, bây giờ y tạo ra một lỗi lầm lớn, bằng cách đưa ra hai tên gọi khác nhau để chỉ cùng một sự việc – y gọi cùng sự vật là "anh" ("you") khi thấy nó ở trong người lân cận của mình, nhưng gọi là "Tôi"("I") khi nhìn thấy nó trong chính y! Hãy để cho y xem tâm thức hay chủ thể trong chính y (tất cả) như y đang xem tâm thức đó nơi những kẻ khác, và gọi nó là "you", xem nó như chỉ là một giọt nước của đại dương "yous" đang hợp thành Thượng Đế, giống như các giọt nước tạo thành biển cả, và y sẵn sàng vượt qua tâm thức đó, đạt đến "cái Tôi" đích thực, tức cái Ngã (Self) hay Thượng Đế vô hiện([1]).

Tâm thức, tức"you", là một phần của Avalokiteshvara, Thượng Đế hiển lộ, Đức Christ, ánh sáng soi tỏ mọi con

[1] Luận cứ này được trình bày tỉ mỉ trong "Bảy Cung" của Ernest Wood, chương XXI.

https://thuviensach.vn

người đến với thế gian, giống như biết bao các thể là thành phần của đại dương chất liệu vũ trụ, và cả hai đều không phải là Bản Ngã (Self). Không một ai thấy được Thượng Đế tối cao bao giờ, ngay cả Đức Chúa Con.

Ba Ngôi này được xem xét theo nhiều cách khác nhau: Swami T. Subba Rao có mô tả Avalokiteshvara như sau: "*Chính Parabrahman không thể được nhìn thấy theo đúng thực tướng. Dẫu cho Thượng Đế cũng chỉ thấy Parabrahman với một bức màn vắt ngang qua đó, và bức màn đó là bầu trời bao la hùng vĩ (mighty expanse) bằng Vũ Trụ Chất*". Thêm nữa:

70 "*Sau khi xuất hiện dưới hình thức Ego ở một mặt, còn mặt khác dưới hình thức Mulaprakriti, Parabrahman tác động dưới hình thức năng lượng độc nhất qua Thượng Đế*".

Cái nguy hại của mọi mô tả như thế thật là to tát; việc dùng từ ngữ "it"("nó") một mình trong mối liên hệ này có thể làm hỏng (undo) mọi điều. Trong sự giải thoát chính mình, hẳn phải tìm ra chân lý – chỉ có ta vì ta có thể giải được bí mật này, vốn rất dễ dàng, nhưng chỉ e con người sẽ không thấy được. Thậm chí cũng còn có việc bài bác rất mạnh mẽ từ ngữ God khi dùng để chỉ Parabrahman nữa – vì nghĩ đến Thượng Đế là nghĩ đến Thượng Đế hữu hình, nghĩ đến Avalokiteshvara; và sau rốt, Thượng Đế đó là một "you", hoặc đúng hơn là tất cả các "Yous".

Khái niệm về một chủ thể (subject) hay là "you" có liên quan đến một giới hạn về thời gian; khái niệm về một khách thể (object) hay là "it" có liên quan đến một giới hạn về không gian. Nhưng chuyển động (motion) trong cả thời gian lẫn không gian là một bí nhiệm. Một số cổ nhân tranh luận rằng không có gì thực sự có thể chuyển động, "*bởi vì nó không*

https://thuviensach.vn

thể chuyển động trong không gian nơi mà nó hiện hữu, và chắc chắn rằng nó không thể chuyển động trong không gian nơi mà nó không hiện hữu".Nhưng các chủ thể có thể chuyển động trong thời gian, còn các khách thể có thể chuyển động trong không gian, vì tất cả đều chuyển động trong Parabrahman. Nói một cách chính xác, cả thời gian lẫn không gian đều phụ thuộc vào chuyển động ([1]).

"***Và cả ba cái*** này ***đều là một***" ([2])

Mulaprakriti, cội rễ của biểu lộ, chất liệu căn bản, thực thể bên ngoài (external being), không phải là một cái gì đó khác hơn là Parabrahman, mà là y như thế, như được thấy qua các giới hạn thời gian đối với tâm thức. Parabrahman vượt qua giới hạn thời gian đó, và do đó dường như trở thành tĩnh tại (still), và từ đó hiện ra cái bề ngoài (appearance) – của không gian, đặc điểm của Mulaprakriti – thực ra đó là một không gian chứa mọi vật bao giờ cũng tồn
71 tại hay sẽ tồn tại trong ba giai đoạn (periods) của thời gian – quá khứ, hiện tại và tương lai. Kế đó tâm thức đại đồng, Con Người vĩ đại, cũng được gọi là Daiviprakriti (biểu lộ thiêng liêng), trong khi ngược lại với Mulaprakriti (biểu lộ vật chất), là Avalokiteshvara, tức Ishvara hay là Đấng Cai Quản (Ruler) hay là Thượng Đế hiển lộ, trái ngược với Parabrahman, ngôi thứ nhất trong Ba Ngôi, Đấng không hiển lộ trực tiếp cho dù bởi Ishvara.

Giờ đây, nơi tâm thức của con người, trong tam thượng thể, chúng ta có một phản ảnh của Ba Ngôi vĩ đại này. Do đó,

[1] Xem "Bảy Cung" (The seven Rays), chương VII

[2] I John, 4, 12.

https://thuviensach.vn

Bà Blavatsky nói rằng Bản Ngã Cao Siêu (Higher Self) – khi dùng Higher Self bà hàm ý là buddhi hay là tình thương do trực giác – thì tương đương với Avalokiteshvara. Bất cứ sự mơ hồ nào trong ý tưởng về thực tại vũ trụ với atma, buddhi và manas – tức là ba cách thức biểu lộ của tâm thức trong con người – sẽ đưa đến kết quả sai lầm nghiêm trọng, nhưng có một tương đồng giữa hai bên. Ba Ngôi vĩ đại được phản chiếu trong con người theo nhiều cách khác nhau, và xuất hiện dưới một hình thức trong ba trạng thái này của tâm thức con người. Cũng thế, trong phạm vi nhỏ của chúng, atma, buddhi và manas phản chiếu lại các đặc điểm của Ba Ngôi vũ trụ. Atma là tâm thức của Chân Ngã (Self) và cũng là ý chí, vốn mang lại sự tự định hướng. Ở cực khác, Manas là tâm thức của thế gian, sức mạnh tư tưởng của nó làm ra mọi công việc của chúng ta, ngay cả đến những gì được tạo tác qua bàn tay. Nhưng ở giữa cả hai, Buddhi là chính tinh hoa của tâm thức, của phần nội tâm (subjectivity). Ba Ngôi vĩ đại được tạo ra trong tâm thức của Chân Ngã như thế đó.

Ngoài thành phần trung gian này, Chân Thần trong con người có cả ba tính chất, tiêu biểu cho Parabrahman nơi con
72 người, tức là trạng thái Niết Bàn đích thực và tuyệt đối của con người, vượt ngoài sự nhận thức. Atma là trạng thái Niết Bàn giả tạm và tương đối của con người thuộc cõi Niết Bàn, ảo tưởng cuối cùng của con người, vẫn còn giữa cuộc điểm đạo thứ tư và thứ năm. Vì Chân Thần nằm trên tam bộ (trinity) của tâm thức, thế nên các thể của con người đều nằm ngoài hay dưới Chân Thần – các thể này chỉ được nhận biết bằng hình ảnh trong Thượng Trí (Manas). Trên nửa đoạn đầu của Thánh đạo (từ cuộc điểm đạo thứ nhất đến cuộc điểm đạo thứ tư) con người bận lo trút bỏ ra khỏi chính mình các

https://thuviensach.vn

giới hạn của phàm ngã, khỏi cái hão huyền về "cái đó"("it"). Trên nửa đoạn đường sau, con người đặt hết tâm trí vào việc giải thoát chính mình ra khỏi ảo tưởng về "nhân xưng thứ hai" ("you").

Vẫn còn một vài điểm nữa cần nghiên cứu trong các chú thích của bà Blavatsky.

Về việc bà đề cập đến Adi-Buddha và Atma, cần có một vài bình luận, dù rằng đối với Christos của các Triết Gia Thần Bí, vấn đề sẽ trở nên rất rõ ràng theo những gì đã nói ở trên. "Atma của Thánh Kinh Ấn giáo" (Brahmanas) đúng hơn những gì mà người theo Phật Giáo nghĩ rằng Thánh Kinh Ấn Giáo muốn nói đến bằng danh xưng đó (và có lẽ những gì mà nhiều người theo hệ phái Bà La Môn, do thiếu hiểu biết đúng về triết học của họ, đã thực sự nghĩ tới); đó chính là hồn tinh thần (spiritual soul) trong con người mà Đức Phật đã dạy rằng nó không hoàn toàn thường tồn (not utterly permanent). Đúng thế, ngay đến nguyên khí Christ (Chân Ngã) trong con người sau cùng cũng không sống mãi được. Tuy đẹp đẽ và huyền diệu, nằm ngoài tầm nhận thức của con người thông thường, sau cùng nguyên khí này cũng phải từ bỏ sự sống của riêng mình, để hợp nhất với Từ Phụ (Father). Đó là "ngôi hai"("you") cải trang (masquerading) làm "cái tôi"("I") trong con người tâm linh – giống như vào thuở ban đầu của bước tiến hóa, phàm ngã ngu ngốc (absurd), tức "cái đó"("it") đòi làm "cái tôi"("I"). Nhưng khi người Phật giáo cho rằng niềm tin của người Bà La Môn giáo vào Atma là sai lầm, thì người Phật Tử chính tông không hiểu được chỗ sâu xa của tư tưởng Brahmana đích thực, nhất là giáo lý dạy về điểm này của Đức Shri Shankaracharya, giáo lý này là một với giáo lý của Đức

https://thuviensach.vn

Phật trong triết lý anatma của Ngài, bởi vì khi dùng chữ Atma, Đức Phật muốn nói tới Chân Thần (Monad), tức là trạng thái Parabrahman không thể tả của con người. Đức Phật thấy rằng con người gọi "nhân xưng thứ hai"("you") là Atma, tức Chân Ngã (Self) và cố đánh bật chúng ra khỏi sai lầm đó bằng cách nói rằng những gì mà họ gọi là "cái Tôi" đều có thể bị hủy diệt.

Trong phần cước chú, bà Blavatsky nói rằng Avalokiteshvara cũng giống như Adi-Buddha. Bà đưa thêm chi tiết về đề tài này trong bộ Giáo Lý Bí Nhiệm như sau:

Trong Phật giáo bí truyền, ngay cả Phật Giáo công truyền Bắc Tông, Adi-Buddha, … Đấng Huyền Vi Duy Nhất (the One Unknown), vô thủy vô chung, tương đồng với Parabrahman, phát ra Linh Quang chói lọi (bright Ray) từ cõi U Minh (Darkness). Đây là Logos, Ngôi Một (the First), hay là Vajradhara, Tối Thắng Phật (the Supreme Buddha), cũng gọi là Dorjechang. Với cương vị là vị Chúa (Lord) của mọi Bí Nhiệm (Mysteries), Ngài không thể biểu lộ, mà phóng vào cõi biểu lộ Quả Linh Tâm (Heart) của Ngài – tức "Kim Cương Tâm" ("Diamond Heart"), tức Vajrasattva hay Dorjesempa. Đây là Thượng Đế Ngôi Hai, tức Thượng Đế Sáng Tạo. (GLBN I, 624)

Trong đoạn trích này, bà trình bày một cách minh bạch rằng Thượng Đế Ngôi Một và Ngôi Hai theo thứ tự là Adi-Buddha và Avalokiteshvara, vì danh xưng sau cũng là Vajrasattva. Do đó khi bà nói đến các Ngài như là một thì điều đó có thể cũng chỉ như người Cơ Đốc Giáo nói đến Đức Christ như là một với Chúa Cha. Về đề tài này, tôi có viết như sau trong quyển The Inner Life, Phần II:

https://thuviensach.vn

Có nhiều tranh cãi về ý nghĩa chính xác của các thuật ngữ Adi-Buddha và Avalokiteshvara. Tôi không có nghiên cứu chuyên biệt về các điều này theo quan điểm triết học, nhưng nhờ có thể tập hợp các ý kiến từ việc thảo luận về vấn đề này với các bậc lỗi lạc đương thời về tôn giáo, thì Adi-Buddha dường như là mức tột đỉnh của một trong các đường lối phát triển vĩ đại siêu nhân loại – cái có thể được gọi là
74 nguyên lý trừu tượng (abstract principle) của chư Phật. Avalokiteshvara là một danh xưng của Phật Giáo Bắc Tông và dường như trở thành tên gọi mà tín đồ Phật Giáo dùng thay cho khái niệm về Thượng Đế (Logos) của họ. Các học giả Âu Châu đã dịch thuật ngữ đó thành: "Đấng từ cõi cao nhìn xuống", nhưng cách dịch này có vẻ mang một ý nghĩa có phần thiếu chính xác, vì điều luôn luôn rõ ràng là Thượng Đế có biểu lộ; đôi khi Thượng Đế của một Thái Dương Hệ và đôi khi Đấng còn cao hơn nữa, nhưng luôn luôn có biểu lộ. Chúng ta đừng nên quên rằng trong khi các nhà sáng lập của các tôn giáo lớn thấy và biết các điều mà các Ngài đặt tên, thì thường thường các tín đồ của các Ngài không thấy biết gì cả; họ chỉ có các tên gọi và họ lúng túng (juggle) với các tên gọi đó giống như những vật trao đổi trí tuệ (intellectual counters) và rồi tạo nên nhiều điều thiếu chính xác và mâu thuẫn nữa. GLBN I, 169).

Chúng ta đã thấy bà Blavatsky dùng thuật ngữ Higher Self (Chân ngã) với nghĩa Buddhi (thể Bồ Đề) trong con người, tức phần chủ yếu của Tam Thượng Thể (Trinity) thuộc tâm thức bất tử của con người. Đó là minh triết trong con người. Nhưng đó chỉ là một phản ảnh của minh triết vũ trụ (universal wisdom), mà nếu không có nó, thì không thể có minh triết con người. Một cách tương tự, nếu không có Thiền

https://thuviensach.vn

Định Phật (Dhyani-Buddha) Avalokiteshvara, tức "trung tâm năng lượng"("centre of energy") của minh triết tối hậu, tức Adi-Buddha, thì không có một vị Nhân Gian Phật (human Buddha) nào có thể đạt chánh quả. Việc đắc đạo của vị thánh triết Gautama do đó không nhất thiết là việc viên mãn (flowering) của một con người trở thành một thần thánh (a god), mà là do sự hợp nhất của một tâm thức của con người hoàn thiện với minh triết của Thượng Đế.

Cước chú thứ hai đang xem xét không chỉ nói đến Manas (Thượng Trí) như là Nhân Hồn (Human soul), mà cũng nói đến sinh hồn (animal soul) trong con người. Đây là hạ trí (lower manas) tức kama-manas. Các hồn khóm (group-souls) của loài vật ẩn trú trên cõi riêng của loài đó, trong khi các hồn khóm của giới thực vật ở cõi dưới, còn hồn khóm của loài khoáng thạch còn ở thấp hơn nữa. Đối với nghĩa của các thuật ngữ Linh hồn, Chân Ngã,v..v.., bà Blavatsky vẫn giữ được sự nhất quán hoàn toàn suốt quyển sách.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 6

NGÃ VÀ TOÀN NGÃ.
(Self and All-Self)

15- Khi Linh Hồn đang nảy nở của con lắng nghe tiếng huyên náo của thế gian; khi Linh Hồn con đáp ứng với tiếng gào thét của đại hão huyền; khi bị kinh hãi trước cảnh các giọt lệ nóng tuôn rơi vì đau khổ; khi bị điếc tai bởi các tiếng kêu thống khổ, Linh Hồn con co rút lại giống như con rùa nhút nhát bên trong cái mai của lòng ích kỷ, thì hỡi đệ tử, hãy hiểu rằng, Linh Hồn con không xứng đáng là thánh điện cho vị Thượng Đế yên lặng (silent God) của nó.

16- Khi trở nên mạnh mẽ hơn, Linh Hồn con thoát ra khỏi chỗ ẩn an toàn của nó; và khi tách khỏi thánh điện bảo bọc đó, Linh Hồn kéo dài ngân quang tuyến của nó và bay vút lên cao; khi chiêm ngưỡng hình ảnh của mình trên các lượn sóng không gian, Linh Hồn thì thầm: "Đây là Ta", thì hỡi đệ tử, hãy công bố rằng Linh Hồn con bị vướng vào các mạng lưới ảo tưởng.

C.W.L.- Bắt đầu đoạn này, trong thành ngữ "linh hồn đang nảy nở"("budding soul") chúng ta có một gợi ý về quan niệm tiến hóa. Trong nhiều thế kỷ ở Âu châu, con người không nghĩ đến sự tiến hóa; họ chỉ có ý tưởng rằng thế giới và tất cả

https://thuviensach.vn

các tạo vật sống trong đó đã được tạo ra một cách hoàn toàn bất ngờ, và họ không nghĩ rằng các hình hài phức tạp đã tiến
76 hóa từ các hình hài thấp kém hơn và sẽ tiến hóa thêm lên để trở thành hoàn hảo hơn nữa.

Một ý niệm kế tiếp xuất hiện trong vòng một thế kỷ rưỡi vừa qua, đó là các hình hài vật chất của mọi sinh vật đều đang trải qua giai đoạn tiến hóa, một phát triển mà một số người tin rằng đó là do sự thôi thúc của cuộc sống nội tâm, còn những người khác chỉ tin rằng đó là do tác nhân chọn lọc (selective agent) của môi trường tự nhiên.

Nhưng từ lâu vẫn tồn tại một thuyết tiến hóa của Linh Hồn, mà từ lúc bắt đầu đã trở thành một triết lý chính yếu của các truyền thống Ấn Giáo và Phật Giáo, và đã bành trướng rộng rãi trong thế giới Tây Phương nhờ các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng cùng lúc với thuyết luân hồi. Thuyết này được đưa ra như là một lý thuyết hợp với đạo đức nhất và hợp lý nhất về số mệnh con người, vì nó được thiết lập dựa trên các nền tảng tôn giáo hoặc khoa học, đó là Linh Hồn của một người vẫn tồn tại sau khi xác thân của người đó chết đi. Linh Hồn luân hồi nhiều lần để học hỏi kinh nghiệm, sau mỗi lần luân hồi, linh hồn nhờ đó không những trở thành một người kiệt xuất trong lãnh vực tư tưởng hoặc công việc nào đó, mà còn trở thành một con người hoàn thiện, sẵn sàng cho thiên tính hữu thức viên mãn.

Có hai giai đoạn lớn trên con đường tiến hóa của linh hồn. Giai đoạn thứ nhất được gọi là pravritti marga, tức là con đường ly nguyên (the way of forth going). Còn giai đoạn thứ hai được gọi là nivritti marga, tức là con đường phản bổn hoàn nguyên (the way of return). Trong giai đoạn thứ nhất, sự phát triển của phàm ngã xảy ra, kèm theo bằng việc tích

https://thuviensach.vn

lũy nhiều nghiệp quả khi linh hồn không ngừng đeo đuổi việc tìm kiếm sự thỏa mãn vô số dục vọng của nó ở ngoại giới. Trong giai đoạn thứ hai, dần dần linh hồn quay lưng lại với ngoại giới, và hướng nhìn về chốn thiêng liêng, tức là cội
77 nguồn và mục đích của linh hồn, nối tiếp công việc tự làm cho hoàn thiện để kết thúc giai đoạn tiến hóa trong con người của linh hồn.

Chính giai đoạn thứ hai này, tức nivritti marga, mà con đường đó được chia thành con đường dự bị và con đường điểm đạo, có mô tả đầy đủ trong các sách "Con Đường Đệ Tử", "Điểm Đạo","Sự Hoàn Thiện Của Con Người", "Chân Sư và Thánh Đạo". Đường đạo (marga) này hàm chứa một diễn trình tiến hóa tự nguyện, trong đó hành giả cố tình tự huấn luyện mình theo những đức tính cao cả. Sự tiến hóa của các sinh vật thấp kém và của con người trên con đường ly nguyên đều là không có chủ tâm, họ tìm kiếm và đáp ứng với kinh nghiệm, và học hỏi mà không có được nhận thức rõ ràng nào về điều gì đang xảy đến cho mình.

Trong phần cước chú về từ ngữ "illusion", bà Blavatsky gọi nó là Maha Maya, tức đại-ảo-tưởng, tức vũ trụ biểu lộ bên ngoài (objective universe). Ý nghĩa của thuật ngữ "illusion", khi được dùng chỉ thế giới bên ngoài đã được bàn thảo. Thuật ngữ đó không mang cùng ý nghĩa như thuật ngữ được đề cập đến trong đoạn văn như là "các mạng lưới ảo giác" ("webs of delusion") vốn ám chỉ đến, như một cước chú khác nói, "Sakkayaditthi, là ảo giác của phàm ngã".

Khi Đức Phật tiết lộ cho con người Bát Chính Đạo (Noble Eightfold Path), tức con đường dẫn đến giải thoát, phương pháp thực tiễn để chấm dứt phiền não, Ngài cũng

https://thuviensach.vn

giảng cho con người về mười xiềng xích (fetters, kiết sử) mà kẻ tu tập phải tháo bỏ, hết cái này đến cái khác. Xiềng xích thứ nhất gọi là sakkayaditthi, tức ảo giác của phàm ngã. Chúng ta hãy xem ảo giác này hiện ra như thế nào. Một đứa trẻ được sinh ra đã phải chịu lệ thuộc vào nghiệp quả – tức là kết quả của các hành vi trong các tiền kiếp của đứa trẻ. Đứa trẻ có một loại xác thân nào đó và các sự việc khác nhau xảy đến cho nó. Theo thời gian qua, nó hiểu được những gì mà người ta nói về nó, nó thấy được những gì nó có thể làm và những gì nó không thể làm. Nó thấy chính mình trong các sự việc này giống như trong một tấm gương – một trong các tấm gương méo mó này mà đôi khi người ta đặt trong các cuộc triển lãm để giúp vui người xem bằng các hình ảnh kéo dài hoặc dẹp xuống một cách quái dị của chính họ. Đứa trẻ nhận được các ý tưởng về chính nó như thế đó – việc đó làm cho đứa trẻ trở nên khéo léo hoặc khờ dại, đẹp đẽ hoặc xấu xí, yếu đuối hoặc mạnh mẽ. Khi sự học hỏi của nó tiếp diễn, đứa trẻ đạt được địa vị xã hội hoặc có được tính tình nào đó, thu nhận các thói quen về thể xác và trí tuệ của một bác sĩ, một luật gia, bà nội trợ – cho dù nó có thể là gì đi nữa – và như thế nó có một nhân cách đã được an bài (settled personality). Khi đứa trẻ nghĩ nó là nhân vật đó, thì nó có cái đã được gọi là "nhân cách tự tạo" ("self-personality") – giống y như cùng loại ảo giác đang ám ảnh những người bất hạnh trong các bệnh viện tâm thần, họ tưởng tượng họ là bình trà, là màng nhĩ, là bắc cực, nữ hoàng Elizabeth và Nã Phá Luân.

Một tập hợp các thể nhất định được huấn luyện tốt, và phàm ngã với các thói quen hữu ích, dĩ nhiên là một điều tốt đẹp, giống như một bộ dụng cụ tốt, hoặc một chiếc xe hơi tuyệt hảo.

https://thuviensach.vn

Chúng ta không muốn có những phàm ngã yếu ớt hoặc không có gì nổi bật. Tuy nhiên, cho dù phàm ngã chúng ta có thể toàn hảo đi nữa, chúng ta cũng không nên nghĩ nó là chính chúng ta, nếu có thể, chúng ta nên dùng năng lực tư tưởng, năng lực bác ái, năng lực ý chí bẩm sinh của chúng ta trong khi sử dụng nó cho các mục tiêu của chúng ta, cho sự sống tinh thần của chúng ta trong cõi vật chất. Các phàm ngã này đừng nên xem mình là những người bất tử và cố gắng cố thủ chống lại các tàn phá do việc sử dụng và thời gian, vốn bao vây mọi sự vật vật chất.

Một khi kia, có một đứa con muốn làm thay cho cha mình một số công việc, cha anh ta là một người trung niên,
79 nói với người con: "Không con ạ, luôn luôn tận dụng người già trước đã !"

Các phàm ngã phải sẵn lòng để được sử dụng, để được thích ứng với các mục đích tâm linh của thời điểm, để trở nên tiêu mòn đi – và phải tỏ ra hài lòng với phần thưởng độc nhất về một cõi thiên đàng lâu dài và huy hoàng, cõi này sẽ theo sau cái chết của xác thân bên ngoài trong trường hợp của tất cả những ai đã phụng sự Bản Ngã thiêng liêng bên trong như thế. Dĩ nhiên, ngoại trừ những người phụng sự các Chân Sư, vì những người này khước từ phần thưởng này và chọn việc tái sinh nhanh chóng ngõ hầu làm việc cho thế gian.

17- Hỡi đệ tử, cõi trần này là phòng phiền não, nơi đây, dọc theo con đường thử thách đầy gian lao, các cạm bẫy được giăng ra để gài bẫy Chân Ngã con bằng ảo giác được gọi là "đại tà niệm".

https://thuviensach.vn

Cõi hồng trần là một chốn phiền não, đó là một ý tưởng được biết đến nhiều trong Phật Giáo và Ấn giáo. Một công việc lao động không thích hợp và thường gây biến dạng hoặc làm suy nhược, sự đàn áp, bệnh tật, sự sĩ nhục và sự sợ hãi giáng xuống đa số nhân loại. Những kẻ mà vận may đã đặt họ vào các vị thế dễ chịu có thể nói rằng họ tìm thấy nhiều thích thú trong đó; nhưng Patanjali có nói: "***Đối với người giác ngộ, mọi sự việc đều là đau khổ***".

Có nhiều điều không mang lại chút khó chịu nào cho người tương đối kém tiến hóa – chẳng hạn như mùi rượu, thịt, hoặc mùi củ hành, tiếng ồn của còi nhà máy hoặc âm nhạc thô thiển, cách cư xử thô bạo, quần áo và nhà cửa xấu xí, còn hàng ngàn sự việc khác nữa đều có ảnh hưởng đến những người nhiều nhạy cảm. Thêm vào các sự việc trên, lại thêm nỗi khát khao có được những gì chúng ta cần, rồi lại sợ mất đi khi đã có trong tay, lại còn đau khổ vì những kẻ khác chung quanh chúng ta, nếu không phải vì chính chúng ta. Chắc chắn con người phải điên lên khi bám chặt vào các xiềng xích như thế này. Chắc chắn cõi đời này thực ra là một
80 phòng phiền não. Hãy nghĩ xem điều đó đáng thương biết bao dưới con mắt của những người biết được các cõi cao.

Nhưng sự việc là như thế nhất là bởi vì con người đã làm cho nó trở thành như thế. Hãy nghĩ đến đại dương mênh mông của sự sống đang ngập tràn các giới khoáng vật, thực vật và động vật của thiên nhiên, và mọi vật đang rộn ràng vui sướng như thế nào. Thậm chí cái hình ảnh kinh khủng của thi nhân về "thiên nhiên, với hàm răng đỏ và móng vuốt giữ con mồi" làm mất đi hầu hết sắc màu rực rỡ của thiên nhiên khi chúng ta nhận thức rằng loài vật không "suy tính trước sau" như con người, với sự khao khát và sợ hãi đầy đau khổ, và

https://thuviensach.vn

trong khi cuộc chiến đấu của chúng đang diễn ra, cảnh máu đổ thịt rơi làm cho người chứng kiến phải đau buồn, thì sự phấn khích của ý thức thú tính lên tới cực độ của nó, và thường trải nghiệm sự vui sướng tột cùng.

Cõi trần là một phòng phiền não chỉ đối với kẻ nào mà với tính tham lam và sân si, bắt nguồn từ một sự tưởng tượng mạnh mẽ vốn cung cấp những ngọn lửa dục vọng cuồng nhiệt, đã bị đầu độc với vô số sợ hãi về cuộc sống cá nhân lẫn cuộc sống xã hội của y.

Tuy nhiên, chỉ cần chiến thắng *tính ích kỷ* để loại bỏ mọi nỗi sợ hãi này, và mở ra cho mọi người những niềm vui của cõi đời này – sự rung cảm và sự an bình mạnh mẽ sâu xa của cái đẹp, của việc khám phá, của công tác sáng tạo, của phúc lợi xã hội và thể chất.

Kế đó, cước chú của bà Blavatsky nói đến:

Attavada, tức tà thuyết của niềm tin vào Linh Hồn, hay đúng hơn là tin vào sự tách biệt của Linh Hồn hay Chân Ngã với Cái Ngã vũ trụ vô hạn duy nhất.

Atta là tiếng Nam Phạn tương đương với Atma trong Bắc Phạn ngữ, còn *vada* có nghĩa là triết lý (doctrine).

81 Triết lý về Atma mà chúng ta đã nghiên cứu là cội nguồn chia rẽ lớn lao giữa những người theo Ấn Giáo với người theo Phật Giáo, nhưng thật ra chỉ là sự chia rẽ về ngôn từ mà thôi, bởi vì khi người theo Ấn Giáo nói rằng Self hay Atma nơi con người là một với Đại Ngã (Universal Self), thì người này không có ý nói rằng từ ngữ đó cũng mang ý nghĩa thông thường mà con người thường hiểu khi họ nghĩ hoặc nói đến chúng, nhưng hàm chứa một ý nghĩa hoàn toàn sâu

https://thuviensach.vn

sắc hơn mà thậm chí chỉ có nhà luyện yoga tiến hóa mới có thể hình dung được. Có một đoạn trong kinh Shri Vakya Sudha cảnh báo người tìm đạo rằng khi y lặp lại công thức tôn giáo vĩ đại "Tôi là Cái Đó", y phải coi chừng những gì y muốn nói khi dùng chữ "Tôi" ("I"); điều đó giải thích rằng cái ngã tách biệt (separate individual) nên được hiểu là có ba phần ([43]), và chính sự hợp nhất với Brahman chỉ xảy ra với phần cao nhất trong ba phần này, vốn được tuyên bố bằng câu "Ngươi là Cái Đó" ("Thou art That") và những câu tiêu ngữ đại loại như thế.

Như đã có giải thích, phàm ngã (personality) không phải là "Ta" ("I"), ngay cả chữ "ngươi" trong ta ("you" in me) cũng không phải là "Ta", nhưng chữ "Ta" là một cái gì đó không thể phân biệt được với Đại Ngã, trong đó cái vạn thù (the many) và Cái Duy Nhất (the One, Nhất Thể) là đồng nhất (one). Giáo lý của Đức Phật phủ nhận tính thường tồn (permanency) của "ngươi" ("you") mà con người gọi là "Ta" ("I").

Thật là một điều không may khi hai tôn giáo lớn như là Ấn Giáo và Phật Giáo lâm vào chỗ chia rẽ phần lớn do bởi một hiểu lầm rất nhỏ, và cũng vì chỗ đó mà phong trào Minh Triết Thiêng Liêng hiện đại đã lan truyền rất chậm trong số người theo Phật Giáo. Chúng tôi đã khai triển nhiều tài liệu Minh Triết Thiêng Liêng phong phú, trong đó các từ ngữ atma, Self được đề cập tới một cách rộng rãi, và điều này đã làm cho một số lớn Phật tử trở nên cách xa chúng tôi, những người này đã không chấp nhận sự phiền lòng để phá tan trở

[43] Ba phần này là phàm ngã, linh hồn và Chân Thần (ND)

https://thuviensach.vn

ngại về ngôn từ này mà chúng tôi do vô ý đã đặt trên đường tìm chân lý của họ.

18- Hỡi đệ tử vô minh, cõi trần này chỉ là lối vào ảm đạm dẫn đến cảnh tranh tối tranh sáng, báo trước thung lũng có ánh sáng chân thực – thứ ánh sáng mà không ngọn gió nào có thể dập tắt, thứ ánh sáng cháy mà không cần tim bấc hoặc nhiên liệu.

Trong câu kinh này và một số câu theo sau, chúng ta có các tên gọi đầy thi vị dành cho các cõi của thiên nhiên. Như có nói trước kia, thông thường các nhà huyền linh học Đông phương hay gom chung cõi cảm dục và cõi hạ trí lại với nhau, nên bà Blavatsky thường theo cách đó trong bài giảng của bà. Việc kết hợp hai cõi này được đưa ra bằng hình ảnh "cảnh tranh tối tranh sáng (twilight) đi trước thung lũng ánh sáng thật". Chính cách mô tả thung lũng ánh sáng đích thực cho thấy đó là vùng của Linh Hồn và Chân Ngã, trú cảnh của thể Bồ Đề và Thượng Trí.

Nếu chia các cõi bằng một đường phân cách hạ trí với thượng trí, chúng ta thấy rằng có một sự dị biệt cơ bản giữa các cõi nằm bên dưới đường phân cách này với các cõi nằm bên trên. Trong phần dưới, vật chất chiếm ưu thế; đó là cái đầu tiên đập vào mắt; tâm thức tỏa chiếu một cách khó khăn xuyên qua các hình tướng. Nhưng, nơi các cõi cao, sự sống là cái nổi bật, còn hình tướng nơi đó chỉ dùng cho mục đích biểu lộ sự sống mà thôi. Nơi các cõi thấp, cái khó khăn là phải giúp cho sự sống biểu lộ trong hình hài, còn ở các cõi cao thì hoàn toàn ngược lại – duy trì và cung cấp hình hài cho dòng sự sống mới là cái khó. Chính là ở phía trên đường phân chia đó thì ánh sáng của tâm thức mới không bị lệ thuộc vào ngọn

https://thuviensach.vn

gió nào và tỏa chiếu bằng chính sức mạnh của nó. Biểu tượng
83 của một ngọn lửa tinh thần là rất thích hợp đối với tâm thức ở các cõi này, khi phân biệt với các cõi thấp, nơi mà biểu tượng về ngọn lửa đốt nhiên liệu lại thích hợp hơn.

19- Định Luật vĩ đại có nói: "Muốn trở thành kẻ biết được Đại Ngã (the knower of All-Self), trước tiên ngươi phải trở thành kẻ biết được Chân Ngã (Self)". Để đạt tới tri thức về Chân Ngã đó, ngươi phải giao bản ngã cho phi ngã (give up self to non-self), giao hữu thể cho phi hữu thể (being to non-being).

Trong một cước chú, bà Blavatsky đưa ra cách phân biệt giữa Atmajnani (được bàn đến ở đây) với Tattvajnani. Nói chung, trong văn liệu Ấn Giáo, việc phân biệt chỉ sơ sài và thường bị bỏ qua, nhưng bà nói: "*Tattvagnani là người hiểu biết hoặc là người phân biệt các nguyên khí (44) trong thiên nhiên và trong con người; còn Atmajnani là người biết về Atma hay là Đại Ngã Duy Nhất (the Universal One Self)*". "Jnani" có nghĩa là một người hiểu biết, còn "tattva" có nghĩa là sự thật hay là bản chất thật của các sự việc.

Minh Triết Thiêng Liêng luôn luôn dạy rằng muốn tiến hóa, chúng ta phải áp dụng định thức cổ Hy Lạp: "***Hãy tự biết mình***" ("Know thyself"). Vì thế, một phần rất lớn văn liệu Minh Triết Thiêng Liêng hiện đại của chúng ta đều bàn đến sự cấu tạo, lịch sử và vận mệnh của con người. Chính bằng cách nghiên cứu các nguyên khí và các thể khác nhau của con người nên chúng ta có thể từ từ phân biệt con người

---

44 Nguyên khí: Thuật ngữ "principle" được bà Annie Besant định nghĩa là "các phương thức để biểu lộ sự sống" ("modes of manifesting life) trong quyển The Ancient Widom, trang 89. (ND)

https://thuviensach.vn

là gì, và, bằng ý tưởng, tách y ra khỏi các thể mà y đang sử dụng, cho đến cuối cùng, chúng ta đạt đến Chân Ngã (real Self). Kế đó, nhờ Chân Ngã đó trong chúng ta, chúng ta sẽ nhận thức được Toàn Ngã (Universal Self); thực ra, cả hai chỉ là một.

Nhưng để biết được Chân Ngã trong con người, phải đặt phàm ngã sang một bên, xem như chẳng có.

84 Như chúng ta đã thấy, việc hủy diệt hoàn toàn "tính vị ngã" ("self-personality") là công việc ưu tiên số một của vị Điểm Đạo Đồ trên Thánh Đạo thực sự, vì sakkayaditti, tức ảo giác về bản ngã cá nhân, là xiềng xích thứ nhất cần phải được loại bỏ.

20. ***Và bấy giờ ngươi có thể nghỉ ngơi giữa đôi cánh của Đại Điểu. Quả vậy, sự an nghỉ êm ái giữa đôi cánh của cái vốn bất sinh, bất tử, chỉ là AUM qua khắp thời gian vĩnh hằng.***

Về con Đại Điểu, vì nó chiếm một vị trí nổi bật trong biểu tượng học của tôn giáo Đông phương, nên bà Blavatsky có cước chú sau:

Kala Hamsa, tức là chim hay thiên nga. Kinh Nadavindupanishat (Rig Veda) do Hội Minh Triết Thiêng Liêng Kumbakonam có dịch ra là:

"*Vần A được xem như cánh bên phải của chim Hamsa, Vần U là cánh bên trái, vần M được xem như là đuôi của chim, còn*

https://thuviensach.vn

Ardhamatra([45]) *(một nửa âm trình còn lại, half metre) được cho là đầu của chim*".

Thánh ngữ AUM, thường được phát âm là OM, được dùng vào lúc bắt đầu của mỗi tư tưởng hay công việc lành, bởi vì đó là một quyền lực từ, tượng trưng cho sự sáng tạo thiêng liêng. Vô số kinh sách bằng tiếng Bắc Phạn đều lặp lại phát biểu sau: thính giác, xúc giác, thị giác, vị giác và khứu giác đều lần lượt có liên hệ với các thứ lớp vật chất gọi là *akasha* (chất ether hoặc bầu trời), *vaju* (phong), *tejas* hay *agni* (hỏa), *apas* hay *jala* (thủy) và *prithivi* (thổ), vốn là năm cõi biểu lộ quen thuộc của nhân loại chúng ta, tức là các cõi Niết Bàn, Bồ Đề, cõi trí, cõi cảm dục và cõi trần. Các cõi này được tạo ra theo trật tự trên, bắt đầu bằng cõi Niết Bàn, nơi mà âm thanh được dùng như quyền năng sáng tạo. Dĩ nhiên, âm thanh đó không thể giống như âm thanh ở cõi trần chúng ta, vì âm
85 thanh hồng trần vốn là một rung động trong không khí hoặc vật chất hồng trần khác nào đó; nó có bản chất của tiếng vô thinh, tức là ý chí của linh thể (atma). Tuy thế, ngay cả trên cõi trần của chúng ta, âm thanh cũng là một tác nhân vĩ đại tạo nên các hình tướng, như mọi sinh viên khoa học sơ đẳng đều biết, họ đã tạo ra các hình ảnh của Chladni (Chladni's figures)([46]) hoặc đã thực hiện các thí nghiệm tương tự. Trong

---

[45] Ardhamatra (Bắc Phạn): gồm ardha: half, một nửa, và matra: khoảng thời gian ngắn nhất dùng để chỉ việc kéo dài của âm thanh (duration of sounds) tương đương với cái chớp mắt (The Theosophical Glossary). Bán âm trình.

[46] Ernst Florens Friedrich Chladni (1756-1827): nhà vật lý học Đức, có uy tín về âm thanh học (acoustics). Ông có nghiên cứu về tần số rung động của các thứ dây và các loại que (strings and rods) và của các bản mỏng (plates) nhờ vào các hình bằng cát (sand

https://thuviensach.vn

các Kinh của Ấn Giáo có một số lớn hệ thống ký hiệu liên quan đến ý tưởng này, đó là thế giới đã được tạo ra bởi âm thanh.

Thánh ngữ AUM được cho là có giá trị đặc biệt giống như một thần chú (mantra) vì đó là linh từ hoàn hảo nhất của nhân loại. Linh từ này bắt đầu bằng nguyên âm A ở cổ họng, tiếp theo là nguyên âm U phát ra ở giữa miệng và khép lại bằng phụ âm M với hai môi mím lại. Như vậy linh từ này trải qua toàn bộ tiến trình ngôn ngữ của nhân loại và như thế tiêu biểu trong con người toàn bộ linh từ sáng tạo. Ba phần của linh từ này cũng được xem như tượng trưng cho sự biểu lộ của Ba Ngôi (the Trinity), theo những cách khác nhau, để giải thích điều mà người ta có thể viết ra đầy một quyển sách. Thế thì chúng ta có Parabrahman, Daiviprakriti và Mulaprakriti; Shiva, Vishnu và Brahma; Ý chí, Minh Triết và Hoạt động; Ananda, Chit và Sat hoặc là Hạnh Phúc, Tâm Thức và Hiện Tồn (Being); Atma, Buddha và Manas; Tamas, Rajas và Sattva, còn nhiều nữa.

Như vậy linh từ AUM luôn luôn nhắc đến tam bộ (triplicity) tràn ngập khắp mọi vật; do đó linh từ này là một chìa khóa giải được nhiều điều bí nhiệm, cũng như là một quyền lực từ. Đầu của chim bấy giờ được xem như cội nguồn chưa biểu lộ của linh từ tam phân này.

---

figures), do đó mới có tên gọi hình của Chladni. Ông cũng đo tốc độ của âm thanh trong các chất khí khác hơn là không khí. Ông sáng chế ra một loại nhạc khí bằng đồng là kèn tuba (euphorrium).
(Webster's Biographical Dictionary 1971).

https://thuviensach.vn

Kala, một từ ngữ có nghĩa là "thời gian", là một trong các danh xưng của Vishnu hay Avalokiteshvara. Do đó, Kala-hamsa có nghĩa là con thiên nga của thời gian hoặc trong thời
86 gian, hamsa là thiên nga. Biểu tượng về một con chim chứa đựng hàm ý về thời gian, vì nó đang hoạt động qua không gian. Đó là một đặc điểm của tâm thức vì rằng tâm thức đó phát triển hay tiến hóa, và vì thế tâm thức hiện hữu trong thời gian. Tâm thức của Thượng Đế *là* thời gian, nó không bắt đầu mà cũng không chấm dứt trong thời gian, do đó không sinh không diệt.

Vì vậy chim này là một biểu tượng của Thượng Đế Ngôi Hai, vốn cũng là Đại Minh Triết. Có một truyền thuyết nổi tiếng của Ấn Giáo liên kết con thiên nga với ý tưởng minh triết này, vì truyền thuyết đó kể về con chim này như sau: khi một hỗn hợp nước và sữa được đặt trước con thiên nga, nó có thể tách sữa ra khỏi nước. Cũng như minh triết tác động ngay trong đời sống con người, lựa chọn từ trong kinh nghiệm hỗn hợp của chúng ta, lấy ra chất dinh dưỡng thiết yếu cho linh hồn. Minh triết vẫn còn lại trong hồn tinh thần([47]) của con người khi các kinh nghiệm đã tàn phai, vì, như kinh Bhagavad-Gita có nói: "*Toàn bộ mọi hành động đi đến điểm tối hậu trong minh triết*" (*Bhagavad-Gita* IV, 33).

Trên Thánh Đạo, người đã vượt qua lần Điểm Đạo thứ ba cũng được gọi là một Hamsa hay thiên nga (swan). Người này bận loại bỏ raga và dvesha, tức là các xiềng xích thứ tư và thứ năm, là sự ưa thích (liking, ái) và không ưa thích (disliking, ố) và do đó đang chuyên tâm thực hành minh triết.

[47] Linh hồn con người gồm ba trạng thái: thấp nhất là sinh hồn, kế đến là nhân hồn và trạng thái cao nhất là hồn tinh thần. (ND).

https://thuviensach.vn

Trong cõi đời, người nào cũng tràn đầy các ái ố, do đó, họ chịu nhiều đau khổ do các quan điểm riêng của họ về các vấn đề đó. Khi tháo bỏ được hai xiềng xích này, thì vị Hamsa trở nên giống như bậc hiền giả được mô tả trong Kinh Gita: người mãn nguyện với minh triết và tri thức, đối với người, một hòn đất, một cục đá và vàng đều như nhau; người xem
87 bạn, thù, kẻ công chính và người không công chính chẳng khác gì nhau. Không phải rằng người này không xem trọng vàng và bạn bè đấy chứ? Có chứ, nhưng người cũng xem trọng đất sét và kẻ thù nữa. Bậc hiền giả có thể lợi dụng mọi loại kinh nghiệm, tất cả đều hữu ích cho linh hồn. Epictetus đã xác quyết điều này khi bảo rằng: "*Thượng Đế đã phái tôi xuống cõi trần chỉ vì một mục đích duy nhất: giúp tôi hoàn thiện tính hạnh của riêng tôi, nên không có gì trong trong toàn thế giới mà tôi không thể sử dụng cho mục tiêu đó*" ([48]).

Ngoài ra, Hamsa cũng là một hình thức của tiêu ngữ "Aham Sah" hay "Tôi là Cái Đó"("I am That"), hay, như nó thường được dùng, "Soham", vốn gồm có cùng các từ ngữ đó được đảo ngược. Thế nên, khi người tìm đạo lặp lại câu này, thì y cũng nhớ rằng cách thức cưỡi Hamsa, hay là sinh điểu (bird of life), là để nhận thức rằng y là Chân Ngã. Người ta đồn rằng nhà yogi sùng đạo thốt ra câu này ở mỗi hơi thở, được cho là lên tới 21.600 lần trong một ngày và đêm, vì

[48] *Epictetus*: (Pháp:Epictete) Triết gia phái Khắc Kỷ của Hy Lạp, sống vào thế kỷ I sau T.C. Lúc đầu ông là một nô lệ, sau được giải phóng và được học khoa triết tại Rome cho đến năm 90. Tuy không để lại tác phẩm nào, song triết lý của ông được người đời biết đến qua Discourses và Enchiridion của môn đệ ông là Flavius Arrian. (Webster's Biographical Dictionary).

https://thuviensach.vn

không khí được xem là đi vào với âm "sah" và đi ra với âm "ha".

Chừng nào chim này còn đang bay, linh từ sáng tạo này đang ngân lên, thì thời gian vẫn tồn tại. Mặc dù thời gian này không có lúc bắt đầu, cũng như không có lúc kết thúc, tuy thế, nó lại là một thời kỳ có thể đo được – đó là một đại bí nhiệm. Về điểm này, bà Blavatsky có chú thích sau:

Với người Đông Phương, chữ "ngươn"(eternity) có ý nghĩa hoàn toàn khác với ý nghĩa mà chúng ta hiểu. Nó thường có nghĩa 100 năm hay đời (age) của Brahma, kỳ gian của một Đại Thiên Kiếp (Maha-Kalpa) hay một thời kỳ 311.040.000.000.000 năm.

88 Phần chủ đề này được kết thúc bằng các lời:

20- Hãy cưỡi lên con Sinh Điểu, nếu ngươi muốn hiểu biết.

21- Hãy từ bỏ Sự Sống của ngươi, nếu ngươi muốn sống.

Các chú thích sau được thêm vào hai câu kinh trên:

Cũng Kinh Nadavindu giảng giải: "Một vị Yogi cưỡi trên Hamsa (như thế là suy ngẫm về Thánh ngữ AUM) thì không bị các ảnh hưởng của nghiệp quả hoặc các crores tội lỗi tác động đến được".

Hãy từ bỏ sự sống của phàm ngã vật chất nếu ngươi muốn sống trong Tinh Thần.

Một crore là mười triệu (ten millions).

Tuy nhiên không được cho rằng nhà yogi được phép phạm vào các tội này, nếu y phạm tội, thì y không phải là nhà yogi. Cách diễn đạt này chỉ là một cách theo Đông Phương để

https://thuviensach.vn

chỉ rằng y hoàn toàn thoát khỏi sự ô uế của cõi vật chất. Người nào suy tư và hành động mà không có dục vọng cá nhân, với sự vị tha hoàn toàn, người đó sẽ không hứng chịu các hậu quả của karma. Thành quả của mọi cố gắng của y sẽ nhập vào kho chứa vĩ đại của mãnh lực tinh thần để giúp đỡ thế gian, như đã được giải thích.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 7

BA CĂN PHÒNG

22- Này kẻ hành hương mỏi mệt, ba căn phòng này dẫn tới sự kết thúc những nỗi nhọc nhằn. Này kẻ chinh phục Ma Vương (Mara), ba căn phòng này sẽ đưa ngươi vượt qua ba trạng thái để vào trạng thái thứ tư, rồi từ đó đi vào bảy cõi (seven worlds), tức là những cõi yên nghỉ muôn đời.

23- Nếu ngươi muốn biết tên các căn phòng đó, hãy lắng nghe và ghi nhớ.

24- Tên của phòng thứ nhất là Vô Minh (Ignorance) – tức Avidya.

25- Đó là phòng mà nơi đó ngươi nhìn thấy ánh sáng, nơi đó ngươi sống và sẽ chết.

26- Tên của phòng thứ hai là Phòng Học Tập (Hall of Learning). Trong phòng đó Linh Hồn ngươi sẽ tìm thấy các đóa hoa sự sống, nhưng dưới mỗi hoa có một con rắn cuộn khúc.

27- Tên của phòng thứ ba là Minh Triết, bên kia phòng này là vùng biển Akshara vô bờ bến, dòng suối toàn tri không thể hủy diệt.

https://thuviensach.vn

C.W.L. Ba căn phòng này có thể được lý giải theo hai cách: theo các cõi khách quan, hoặc theo tình trạng chủ quan của con người.

90 Theo trường hợp đầu, Phòng Vô Minh là cõi trần, còn Phòng Học Tập, được mô tả ở một cước chú dưới tên là "Phòng Học tập Dự Bị" ("Hall of Probationary Learning"), đó là những gì có thể được gọi là cõi trí cảm (astro-mental plane, gồm cõi cảm dục và cõi hạ trí gộp chung lại).

Khi tôi viết quyển *The Inner Life*, tôi cho rằng có thể khi dùng tên gọi Phòng Học Tập, bà Blavatsky ám chỉ cõi cảm dục, còn Phòng Minh Triết là ám chỉ cõi hạ trí, nhưng nhờ nghiền ngẫm vấn đề và bàn bạc nhiều lần kể từ lúc đó, giờ đây tôi nghiêng về ý tưởng cho rằng chúng ta sẽ trình bày chính xác hơn ý tưởng của bà nếu chúng ta xem Phòng Học Tập chẳng những gồm cõi cảm dục, mà còn có cả cõi hạ trí nữa, và cũng thế nếu chúng ta nâng Phòng Minh Triết lên để bao gồm cõi thượng trí và cõi Bồ Đề.

Về phần Đức Aryasanga, Ngài không cho cõi cảm dục có vai trò là Phòng Học Tập và cõi hạ trí là Phòng Minh Triết, khi Ngài nói đến Phòng Minh Triết như là "phòng không còn bóng tối nào nữa, và là nơi mà ánh sáng chân lý rạng ngời với vẻ huy hoàng không bao giờ tàn". Cõi hạ trí không thích hợp với cách mô tả này. Tuy rực rỡ và tinh anh hơn cõi cảm dục thật đấy, nhưng cõi hạ trí vẫn là một cõi thuộc về vật chất và là trú sở của phàm ngã con người. Thêm nữa, Đức Thầy cũng dạy rằng những gì vốn tự hữu (uncreate) mới ngự được trong Phòng Minh Triết, và chính Chân Ngã (Ego) chớ không phải phàm ngã, mới là tự hữu. Và trong cõi hạ trí cũng như trong cõi cảm dục, đều có con rắn khoanh tròn dưới mỗi đóa hoa;

https://thuviensach.vn

nếu đam mê và dục vọng cuồng nhiệt tràn đầy ở cõi cảm dục, thì kiêu hãnh và thành kiến lại đặt trú sở nơi cõi hạ trí.

91 Trong cõi thượng trí, mặc dù có nhiều điều mà Chân Ngã chưa biết hết, nhưng điều gì mà Chân Ngã biết được, thì Chân Ngã biết một cách chính xác, còn cõi hạ trí là cõi của phàm ngã và của sai lầm.

Ở mức độ nào đó, các cõi thấp trở thành các cõi ảo tưởng, thì mức độ đó cũng được nhìn thấy theo cách mà các giác quan và năng lực của chúng ta hoạt động được trong các cõi đó. Lấy một ví dụ về thị giác chẳng hạn, chúng ta nhìn thấy bởi vì thị giác của chúng ta bị cản trở. Nếu có thể nhìn thấy hoàn toàn xuyên qua bức tường, thì người ta không thể thấy được bức tường nữa. Điều này cũng giống với việc bước đi. Chúng ta có được mức độ tự do nào đó khi di chuyển đây đó, bởi vì trái đất kháng lại chuyển động tự do (free motion) của đôi chân chúng ta. Ở các cõi cao, người ta sống trong ánh sáng.

Việc kết hợp cõi cảm dục và cõi hạ trí không phải là điều khác thường trong các trường dạy về huyền linh học ở Đông Phương. Người theo triết phái Vedanta (Vedantins) có nói đến một thể (gọi là manomaya kosha[1]), tức thể được làm bằng chất trí) (xem GLBN I, 181), trong lúc văn liệu Minh Triết Thiêng Liêng chúng ta thường phân biệt hai thể (thể cảm dục và thể hạ trí) và đối với thể đó khi được khơi hoạt và

[1] Manomaya Kosha (BP): Một thuật ngữ của triết phái Vedanta, có nghĩa là thể (sheath, kosha) của Manoyama, một nguyên khí tương đương với nguyên khí thứ tư và năm trong con người. Theo triết học nội môn, thể này tương ứng với Thể Trí kép (dual Manas). Thể túc trí (The Theosophical Glossary).

https://thuviensach.vn

hoạt động, chúng cung cấp các kinh nghiệm thích hợp cho cả hai cõi. Trong các trường Raja Yoga, đạo sinh luôn luôn được huấn luyện cách hoạt động từ thể trí xuống đến thể cảm dục. Phương pháp rất thận trọng này cũng được chỉ ra trong cách giảng dạy của Patanjali, vị đạo sư này đề ra hai giai đoạn đầu tiên của ông phải có tính chất đạo đức (moral), và đòi hỏi có sự tiến bộ trong các giai đoạn này trước khi chọn các quyền năng do yoga mang lại. trong *"Raja Yoga: The Occult Training of the Hindus"*, Giáo Sư Wood đã gọi các giai đoạn đầu này là
92 "Thập giới"("The ten commandments") và diễn đạt chúng thành ngũ giới (five restraints): "*Không gây tổn hại, không nói láo, không trộm cắp, không tà dâm, không tham lam*"("*Thou shalt not injure, lie, steal, be incontinent, be greedy*") và năm hạnh tuân thủ (five observances): "*Thanh khiết, lạc phận (vui với số phận), biết tự kiềm chế, tinh tấn (cần mẫn, siêng năng và tận tụy*"("*Thou shalt be clean, content, self-controlled, studious and devoted*").

Các phương pháp này đã được xiển dương đầy đủ từ lâu trước thời của Đức Aryasanga. Học giả N. Bhashyacharya và một số học giả Bắc Phạn khác chủ trương rằng Patanjali không phải là người khai sáng hệ thống đó, dù là đã đưa ra các Điển Pháp (Sutras) trứ danh cho thế gian mãi tận thế kỷ thứ IX trước T.C.

Trong quyển "Chân Sư và Thánh Đạo", tôi có giải thích rằng trong các cuộc điểm đạo thời cổ, điều thường xảy ra là cần nhiều thì giờ để dạy cho các đạo sinh về công việc ở cõi cảm dục (astral work), vì việc khơi hoạt cho đạo sinh làm việc ở cõi đó bị dời lại đến một giai đoạn tương đối muộn hơn thông lệ trong số các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng

https://thuviensach.vn

Liêng hiện đại, tức là những người đã thường làm nhiều công việc ở cõi cảm dục và như thế đã học được chi tiết của cõi này từ lâu trước khi được điểm đạo.

Về mặt chủ quan, nếu chúng ta nghĩ đến ba phòng này như là các giai đoạn tiến bộ trong sự phát triển của con người, thì chúng ta sẽ có được các phân chia quen thuộc như sau:

1- Con người sống một cách mê muội trong thế gian, bị thu hút và bị xô đẩy bởi các sự việc quanh y, bị thúc đẩy hành động bởi các đam mê và các ham muốn không được kiềm chế của chính mình, đây là giai đoạn vô minh.

2- Con người đang học biết rằng thiên nhiên có các định luật rõ rệt, và đang nhận ra rằng, bằng cách hành động theo các định luật đó, con người có thể đạt được nhiều quyền năng hơn so với những quyền năng mà y đã có trong thời kỳ y còn vô minh, đây là Phòng Học Tập.

3- Con người đã nhận thức rằng có các định luật tinh thần và đang học cách tuân theo các định luật đó. Con người biết về luân hồi và nghiệp quả, và các luật luân lý, đạo đức đang chi phối sự tiến bộ của chính linh hồn y và linh hồn của bao kẻ khác. Y biết được rằng các sự việc bên ngoài chỉ tồn tại vì các mục đích tiến hóa của linh hồn, và y sống theo sự hiểu biết này. Y đang ở trong Phòng Minh Triết.

Bà Blavatsky mô tả bốn giai đoạn tâm thức:

Ba trạng thái tâm thức, đó là Jagrat, tức tỉnh thức; svapna, tức mơ (dreaming); sushupti, tức trạng thái ngủ say. Ba trạng thái yoga này đưa đến trạng thái thứ tư, tức Turiya,

https://thuviensach.vn

vượt quá trạng thái mơ, trạng thái trên hết, tức là trạng thái tâm thức tinh thần cao siêu.

Các trạng thái tâm thức này không cố định, mà có thể được liên kết với các nhóm cõi (sets of planes) hay các phòng khách quan (objective halls) đã nói ở trên, trong trường hợp của đạo sinh đang được chuẩn bị nhận cuộc điểm đạo La Hán. Trong trường hợp này, trạng thái thức tỉnh có thể xảy ra ở cõi trần, trạng thái mơ có thể xảy ra ở cõi cảm dục – hạ trí, trạng thái ngủ say ở cõi thượng trí và Bồ Đề, còn trạng thái turiya ở cõi Niết Bàn.

Các thuật ngữ khá kỳ lạ như thức tỉnh, mơ và ngủ say dường như đã được chọn theo quan điểm hồng trần để đặt tên cho các đỉnh cao của tâm thức mà đạo sinh đạt đến vào các thời điểm khác nhau. Khi con người đang bắt tay vào nhiệm vụ ở cõi trần, với tất cả các quan năng của y tỉnh táo đối với cõi này, thì y ở vào trạng thái thứ nhất. Để hiểu được trạng thái thứ hai, chúng ta phải nhớ rằng có hai loại giấc mơ – các sản phẩm thường là vô nghĩa của não bộ (thuộc xác
94 thân và thể dĩ thái), và các kinh nghiệm thực sự của con người lúc tách khỏi xác thân của y, hoạt động và học hỏi ở cõi cảm dục và hạ trí. Thuật ngữ "mơ"("dreaming") này dùng để chỉ các kinh nghiệm sau mới đúng. Đạo sinh đang ngủ, hoặc gần như đi vào giấc ngủ trong lúc mơ mộng (day-dream), sau đó sẽ nhớ lại một số kinh nghiệm như thế, và bấy giờ gán cho các kinh nghiệm đó thuộc về "tâm thức của trạng thái mơ". Tuy nhiên, hãy giả sử rằng người tìm đạo ở ngoài thân xác, sẽ, vào bất cứ lúc nào, tiến vào cái có thể được gọi là một giấc ngủ thứ hai, và đi lên vào nhóm các cõi kế tiếp, trở nên có ý thức một thời gian ở cõi cao đó. Khi thức tỉnh ở cõi trần, có lẽ

https://thuviensach.vn

y sẽ không nhớ được những gì đã xảy ra bên ngoài xác thân – não bộ của y không được điều hợp để ghi nhận các kinh nghiệm xuất phát từ các cõi cao hơn "trạng thái mơ" của y. Vì thế, dường như đối với y, y đã trải qua một giấc ngủ say không mộng mị, và cảm giác duy nhất của y thường sẽ là một cảm giác về sự sảng khoái và phúc lạc lớn lao. Do đó, "trạng thái ngủ" là tâm thức ở cõi còn cao hơn nữa.

Bây giờ, trạng thái thứ tư đôi khi được gọi là *trạng thái xuất thần (trance*) vì lý do sau. Người ta thường giải thích rằng khi ở ngoài xác thân, một người tìm đạo có thể nâng tâm thức lên một mức cao hơn lúc còn ở trong xác thân. Trong cơn thiền định thâm sâu, trong trạng thái xuất thần, vị đệ tử cũng có thể nâng tâm thức lên trạng thái cao hơn, rồi sau đó đưa kinh nghiệm đó xuống vào trong ký ức tỉnh thức. Như vậy, vị La Hán có thể tiếp xúc với cõi Bồ Đề trong khi ở trong thể xác, và tiếp xúc với cõi Atma hay Niết Bàn khi ở ngoài xác thân, hoặc trong cơn thiền định thâm sâu hay xuất thần. Thuật ngữ akshara, mà ở đây được dùng để chỉ cõi thứ tư này, chỉ ám chỉ những gì không tan đi, đó là thứ không tàn tạ.

95 Cùng một nhóm các thuật ngữ trên có thể được dùng như là loạt thuật ngữ có liên quan cho các đạo sinh huyền học ít tiến hóa hơn. Người thì có thể có tâm thức tỉnh thức trên cõi trần, trạng thái mơ của y trên cõi cảm dục, trạng thái ngủ say của y trên cõi trí; một kẻ khác lại có thể dùng các quan năng thuộc thể cảm dục (astral faculties) của y trong tâm thức tỉnh táo trong thể xác của mình, sẽ có tâm thức mơ của y trên cõi hạ trí, và tâm thức ngủ say của y trên cõi thượng trí, và v.v… Turiya là một trạng thái tâm thức cao siêu được đạt đến trong mỗi trường hợp bằng một cố gắng đặc biệt của ý chí và thiền định, vốn là một phương tiện để sau rốt nâng toàn thể

https://thuviensach.vn

nhóm ba trạng thái này lên một trình độ cao hơn trước. Trong khi giai đoạn chuyển tiếp này đang tiến hành, trước khi thiết lập được trình độ mới này, thì luôn luôn sẽ có giai đoạn thứ tư này.

Điều này được thấy rõ trong khi thiền định. Đạo sinh sẽ ngồi yên, tập trung tâm thức tỉnh thức của mình vào một đối tượng nào đó – giả dụ là một con mèo. Kế đó, đạo sinh sẽ nâng tâm thức lên "trạng thái mơ", và cố gắng hình dung ra dáng dấp bằng chất cảm dục (astral aspect) của con vật. Tiếp theo, đạo sinh sẽ nâng tâm thức lên đến "trạng thái say ngủ" và đặt chú tâm của mình vào thể trí con mèo. Giai đoạn thứ tư là nhập định – hay đại định – cố gắng nhận ra ý nghĩa và thực tại của nó đối với Chân Ngã, để vượt qua ba hình tướng của con mèo, đi vào ý nghĩa chủ quan (bên trong) của nó. Trong trường hợp thứ nhất; việc gắn chặt thể trí vào con mèo là định trí (concentration); tiến trình nâng cao tâm thức là tham thiền; việc tập trung cuối cùng (final concentration) vào lãnh vực hình dung cao hơn, vượt qua những gì đã được đạt đến trước đây, là nhập định (contemplation, hay đại định, samadhi). Cố gắng cuối cùng có thể giống như xuyên thủng
96 qua một đám mây hay sương mù, từ đó, tầm nhìn mới sẽ dần dần tự hình thành, hoặc từ đó, nó có thể xuất hiện như một tia chớp. Trong cả hai trường hợp, người thực hành cũng phải giữ cho chính mình rất tĩnh lặng (very still) để giữ lại ấn tượng càng lâu càng tốt – một tư tưởng về bản ngã (self), về sự tương đối già cỗi của cá nhân mình, cũng có thể xua tan toàn bộ công lao, đến mức không còn lại gì, ngay cả một ký ức về việc nó như thế nào.

https://thuviensach.vn

Người ta nói rằng ba phòng này dẫn đến sự kết thúc các công việc vất vả – chớ không phải kết thúc công việc, phải nhận xét điều đó. Nơi các cõi thấp này, chúng ta có một ý thức đối với công việc chắc chắn hoàn toàn khác với công việc của các cõi cao hơn. Đối với chúng ta, ở cõi trần, từ ngữ công việc (work) hầu như đồng nghĩa với công việc vất vả (toil) và thường đồng nghĩa với sự cực nhọc (drudgery), nhưng theo một quan điểm cao siêu, công việc thực ra là sự vui chơi (play). Sự cực nhọc (drudgery) chỉ là một hành động; nó không tạo ra người làm công việc ấy. Nhưng một chút công việc nhỏ nhất mà được làm theo ý nghĩa huyền linh, tức là được làm một cách thật lòng "như cho Thượng Đế, chớ không phải cho con người", được làm giỏi hơn từ trước đến giờ, sẽ có lợi cho sự tiến hóa của kẻ thực hiện công việc ấy. Nếu, khi viết một bức thư chẳng hạn, người viết hết sức thận trọng để viết kỹ lưỡng, thậm chí đẹp đẽ và diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng và duyên dáng nữa, đó là ta đã làm phát triển bàn tay, con mắt, bộ óc, sức mạnh tư tưởng, sức mạnh tình thương và sức mạnh ý chí nữa. Công việc chân chính như là công việc của một nghệ sĩ, chứa đầy ảnh hưởng sáng tạo và đầy sự hân hoan. Chúng ta thấy có một số công việc vất vả cho dù ở trong các điều này, tuy nhiên vì đó là các trở ngại thuộc các cõi thấp. Tuy thế thậm chí ngay ở cõi trần này cũng không có đường phân chia rõ ràng giữa công việc vất vả với thú vui. Chẳng hạn, nếu ta có một chuyến đi dài bằng ngựa, thì phần đầu của chuyến đi sẽ đầy thích thú cho cả người và ngựa, nhưng rồi từ từ, một cách không thể nhận thấy, sự thích thú qua đi khi sự mệt mỏi tăng lên, cho đến lúc bất ngờ người đó nhận ra rằng, lúc đầu cuộc du hành là một thú vui, giờ đây trở thành một công việc hay đúng hơn công việc nặng nhọc.

https://thuviensach.vn

Trong những trường hợp khác có thể có một công việc
97 tuy không kéo dài, nhưng hơi vượt quá sức chịu đựng của chúng ta, thế là chúng ta có cảm giác đó là công việc khó nhọc. Nhưng thực ra mọi công việc đều là thú vui khi có sự tự nguyện và không có sự mệt mỏi hoặc quá căng thẳng (over strain).

Về khía cạnh này, chúng ta có nhiều điều phải học hỏi nơi loài vật và thậm chí nơi cây cỏ nữa.

Trong "*Ánh Sáng Trên Thánh Đạo*" có ghi: "***Hãy tăng trưởng như đóa hoa tăng trưởng, hãy mở rộng tâm hồn con với ánh mặt trời".***

Đức Christ có nói: "***Hãy ngắm nhìn loài hoa huệ ngoài đồng xem chúng tăng trưởng ra sao; chúng không làm việc vất vả, chúng cũng không se chỉ; nhưng ta nói cùng ngươi rằng ngay cả vua Solomon với tất cả mọi vinh quang đi nữa, cũng không mặc được quần áo lộng lẫy như chúng***". (St. Matthew VI, 7).

Chính sự lo âu quá mức cho ngày mai mới khiến cho công việc của con người thành một việc vất vả, mới khiến cho con người khổ nhọc đắng cay. Nhưng Thiên Luật ghi rõ: "***Hãy làm điều khôn ngoan và chính trực ngày hôm nay, mặc cho kết quả có xảy đến như thế nào***". Đây không phải là một triết lý biện minh cho sự thờ ơ (idleness), mà là triết lý xem công việc như một thú vui thay vì là khổ hình.

Một minh họa của triết lý trên cũng được nhìn thấy trong cách mà nhiều người khác nhau chọn một chuyến đi dài. Một người sẽ lấy chuyến xe lửa ở Chicago, ở lại trong xe với lòng nóng nảy thiếu kiên nhẫn cho thời gian đi xe đến

https://thuviensach.vn

San Francisco. Người này gắn chặt tâm trí mình vào một việc mà y muốn làm tại đó, trong thời gian đó cuộc hành trình của y là một công việc vất vả và đau khổ.

Một người khác lại tìm thấy hàng ngàn điều lý thú trong chuyến đi, như phong cảnh, con người và chính chuyến xe; đối với người này, chuyến đi là một kỳ nghỉ hạnh phúc. Và vào cuối cuộc hành trình, người này hoàn tất được nhiều điều hơn là người kia.

Người dân quê xứ Ấn sống rất gần với thiên nhiên và chắc chắn tăng trưởng theo sự tăng trưởng của đóa hoa. Một người rời khỏi làng, đi lấy thư hoặc bỏ vài lá thư ở Trạm Bưu
98 Chính có thể cách xa làng mười sáu hoặc hai mươi dặm. Y không lê bước một cách nặng nề cực nhọc, không bị chấn động các dây thần kinh vì những hoạt động kém thanh bai nảy sinh từ một tâm trí thiếu vừa lòng hoặc thiếu kiên nhẫn. Cái hình ảnh đối với thư từ của y không phải là thú say mê đến mức ngăn chận mọi thứ lôi cuốn khác, và khiến cho y nguyền rũa nỗi đường xa. Không hẳn như thế đâu; có bao nhiêu là côn trùng, chim chóc, bông hoa, cây cối, dòng suối, những áng mây trời, các cánh đồng, nhà cửa, con người và muông thú, và cuối cùng là chính mặt đất an lành, khi nằm dài trên đó trong chốc lát, người ta có cảm giác như nằm trên thảm nhung trong những vòng tay thánh thiện. Người da trắng hiểu biết về cái nhàn của cuộc sống ít oi biết bao nhiêu, trong khi cái vất vả của kiếp sống thì họ lại biết nhiều biết là bao!

Từ lâu người Ấn Giáo tin rằng Thượng Đế đang tham dự vào các trò chơi (plays). Lila hay là trò chơi của Shri Krishna, theo cách người ta gọi nó, là công cuộc tiến hóa vĩ đại, có vẻ nhọc nhằn đối với chúng ta đến nỗi chúng ta còn

https://thuviensach.vn

rùng mình vì sợ trước các kỷ nguyên dài đăng đẳng của công việc đang ở phía trước, và chúng ta đòi hỏi được nghỉ ngơi. Hãy thử nghĩ đến con số 311.040.000 triệu năm của đại thiên kiếp (mahakalpa) của chúng ta. Thật là một sự đánh lừa! Khi chúng ta kết thúc các công việc nhọc nhằn, sự sống của chúng ta sẽ trở nên toàn là sự vui chơi, toàn là hạnh phúc.

Khi đạo sinh tiến vào Thánh Đạo thứ tư, tức là vào cõi Niết Bàn, thì chấm dứt các công việc vất vả, mặc dù không chấm dứt sự làm việc. Y đã kết thúc được công việc vất vả là tháo bỏ được năm xiềng xích đầu tiên – tính vị ngã, tính nghi ngờ, thói mê tín, sự yêu thích và ghét bỏ – tất cả các xiềng xích này đều đánh dấu sự lệ thuộc của đạo sinh vào các sự việc vật chất, mà cuộc sống của y là một cuộc đấu tranh lâu dài trên con đường lên dốc cùng với chúng. Giờ đây, năm xiềng xích còn lại của đạo sinh thuộc về bên trong; đạo sinh phải thực sự chinh phục được chúng, nhưng vũ khí của đạo sinh sẽ là sự thanh thản (serenity), trầm mặc (quietness), điềm tĩnh (calmness) – việc dùng ý chí, vốn là cái trầm lặng nhất trên thế gian. Các xiềng xích này là muốn sống trong hình tướng và muốn có sự sống không sắc tướng (formless life), kiêu hãnh, xao động (agitation) và vô minh. Ở đây, nếu
99 khảo sát các xiềng xích này một cách kỹ lưỡng sẽ không có lợi bao nhiêu. Để ý đến tính chất bên trong của chúng là đủ, còn khi nói rằng muốn hủy diệt chúng, con người phải làm tĩnh lặng được chính mình và các hiện thể của mình bên trên con đường phân chia phàm ngã với chân ngã.

Ở các giai đoạn đầu, trước khi kết thúc các công việc khó nhọc, đạo sinh phải làm việc một cách kỹ lưỡng để sắp xếp cách sống của mình một cách khôn khéo, sao cho công

https://thuviensach.vn

việc phụng sự Chân Sư của mình có thể đạt được hiệu quả càng rộng càng tốt. Đó sẽ là niềm vui thuần khiết, hạnh phúc toàn vẹn, một tình huống như thế sẽ làm cho sự tiến bộ trở nên nhanh nhất. Công việc cực nhọc không phải là công việc đáng ca ngợi cũng không nhất thiết là công việc lợi ích, mặc dù đôi khi có thể là cần thiết. Khi tham thiền, một đạo sinh cũng thường khi cảm thấy đó là một việc chán ngắt, nhưng vẫn xem đó như là một bổn phận phải làm, mặc dầu làm với cố gắng nhọc nhằn (travail) và với sự đau khổ. Hãy thực hành việc tham thiền một cách vui mừng hạnh phúc, như niềm vui, hoặc ít nhất mong mỏi đến lúc đó khi bạn có thể làm thế. Một số người chìm đắm một cách tự mãn vào các cánh tay của hiện tại và nói: "Chúng ta hãy vui vẻ với hiện tại, còn thì để mặc cho tương lai tự lo lấy". Những kẻ khác đứng biệt lập bằng sức mạnh kiêu hãnh và nói "Chúng ta từ chối không chịu đáp ứng với những gì có thể làm chúng ta lo lắng". Nhưng người đệ tử vẫn phải đưa lưng hứng chịu các tác động mạnh của thời gian (strokes of time), hân hoan với tương lai lâu dài, hân hoan với cuộc chơi mà nơi đó mỗi động tác đều có thể trở thành một bài vũ thi đem lại hứng thú (a dancing poem of delight).

Về chủ đề bảy cõi giới, bà Blavatsky nói:

Một số nhà huyền học Đông Phương xác định vị trí bảy cõi hiện tồn, tức các Lokas hay các cõi tinh thần trong thân (body) của Kala Hamsa, tức con thiên nga ở ngoài thời gian và không gian, có thể chuyển đổi thành con thiên nga trong thời gian, khi nó trở thành Brahma thay vì Brahman.

Trong Thiên Nhiên, mọi biểu lộ đều theo qui mô thất phân, chẳng hạn có bảy nguyên khí nơi con người, hoặc là bảy cõi trong vũ trụ, bắt nguồn từ cách phân chia thất phân

https://thuviensach.vn

xuất phát từ Parabrahman. Ba trong số bảy nguyên khí hiện rõ trong tâm thức vũ trụ, còn ba nguyên khí nữa ở trong mulaprakriti (nhất nguyên khí). Một cái vẫn ở lại nơi cội nguồn của nó và hàm tàng (includes, chứa) tất cả các nguyên khí kia, vì sự hiện hữu (the presence) của cái đa tạp (many) không làm hỏng tính đơn nhất (unity) của Cái Đó (That) vốn thực sự là Độc Nhất (One). Thế nên, ở trình độ thấp của mình, người nào vượt qua được nhóm trung gian (middle set) hay các nguyên khí ở giữa của mình (tức là atma-buddhi-manas) và lên tới nguyên khí thứ nhất (tức Monad), mặc dầu người đó thoát khỏi các thế giới hay cõi này, nhưng vẫn tìm được tất cả các cõi đó hiện trở lại trong trạng thái mới này, tức trạng thái Niết Bàn thực sự, trạng thái này nằm ngoài trạng thái tâm thức thông thường cũng nhiều như trạng thái đang ở ngoài trạng thái vật chất đơn thuần. Khi chúng ta nói đến nó ở ngôi thứ ba như thế, chỉ vì nhân nhượng cho sự vô minh và phải chỉ ra rằng những gì đã được nói đến nên được đối dịch bằng các thuật ngữ "you" để chỉ tâm thức, và "I" để chỉ sự sống thực sự của trạng thái Niết Bàn siêu thức, nếu muốn hiểu được điều đó. Tuy nhiên, các vị La Hán không tiến nhập vào "các cõi" ("worlds") này được, mà chỉ có vị Chân Sư hoàn thiện thôi.

Có nhiều cách khác nhau để cho vị La Hán có thể nghĩ đến việc tiến nhập vào bảy cõi yên nghỉ vĩnh cửu:

Theo một cách, các cõi này đều là các cõi phụ của cõi nguyên tử (atomic plane), mà vị La Hán bắt đầu trèo lên. Đặc điểm của người an trụ được trong các cõi đó là sự bình thản bất biến (changeless serenity) vì mọi vật đều được nhìn thấy như là ở trong Bản Ngã Độc Nhất (One Self), và đó là nơi mà

https://thuviensach.vn

những gì được nhận thức như là sợ sệt và lo âu không hề xảy ra.

101 Kinh Gita ghi: "Đối với bậc hiền giả đã đạt đến tột đỉnh (enthroned) trong yoga([1]), sự bình thản được xem như là phương tiện" (Gita, VI, 3).

Chẳng phải là không có bất cứ hoạt động nào nơi các vùng đó – đó là một làn sóng bao la chứa sự sống luôn luôn hoạt động – mà là không có một chướng ngại nào đối với ý chí của Đấng Duy Nhất.

Trên cõi Bồ Đề chúng ta vẫn có nhị nguyên tính (duality) theo một ý nghĩa nào đó, vì nơi đó người ta cảm nhận được (sees) những người khác, mặc dù cùng một Cái Ngã được nhận ra đang an trụ nơi họ cũng như trong chính chúng ta. Nhưng tuệ giác thể (buddhi, thể Bồ Đề) phải được siêu việt, vì tình thương (love) ngụ ý tính chất nhị nguyên. Sự thanh thản mà vị Arhat có được ngày càng nhiều đang làm thay đổi các cõi giới tồn tại thông thường của chúng ta. Vị La Hán có được nơi các cõi giới đó một sự tự do mà những người khác không biết được; Ngài đã tìm thấy rằng công việc là một niềm vui. Nhờ tiếp xúc được với thung lũng chí phúc (vale of bliss), vị La Hán khám phá được rằng không chỉ ở nơi đó, mà còn ở trên tất cả mọi cõi, sự sống là một sự vui thích thuần túy. Chẳng những Ngài thấy được và yêu thương sự sống đang tiến triển đàng sau các hình tướng dễ hư hoại, mà Ngài còn cảm nhận được và hân hoan về cái Ý Chí Thiêng Liêng ở đàng sau kiếp sống vô thường nữa. Sự an nghỉ lâu dài mà Ngài vui hưởng không phải là sự thờ ơ (idleness) mà là sự an bình hoàn toàn bên trong của kẻ biết được rằng mọi

[1] Yoga" Khoa học về sự hợp nhất. Sự hợp nhất (ND).

https://thuviensach.vn

sự đều hoàn hảo, biết được rằng Thiên Ý hiện hữu ngay trong những gì mà đối với những kẻ khác có vẻ như là các chướng ngại cho sự tiến bộ, cũng như trong chính sự tiến bộ ở bề ngoài. Có lần một triết gia nọ thoáng thấy được ý tưởng này khi ông ta nói:

"Hãy bình thản, vì nếu bạn thất bại không phải do lỗi của chính bạn, thì sự thất bại đó lại là một thành công thú vị hơn là bạn biết được, vì Thiên Ý được hoàn thành".

Vị La Hán biết được phần nào về cái an bình vốn vượt quá sự hiểu biết, vì Ngài đang bắt đầu an trú trong cái Vĩnh Hằng (the Eternal). Về điều này, bà Blavatsky có nói: "*Đó là*
102 *lãnh vực của linh thức viên mãn (full spiritual consciousness), vượt quá lĩnh vực đó thì không còn một nguy hại nào nữa đối với kẻ đạt đến đó*".

28- Nếu ngươi muốn vượt qua Phòng thứ nhất một cách an toàn, thì đừng để cho tâm trí ngươi nhầm lẫn các ngọn lửa ham muốn đang bừng cháy nơi đó là ánh dương của sự sống.

29- Nếu ngươi muốn vượt qua Phòng thứ hai một cách an toàn, thì chớ dừng lại để hít vào hương thơm của các loài hoa làm cho mê muội nơi đây. Nếu ngươi muốn thoát khỏi các xiềng xích của nghiệp quả, thì đừng tìm vị Guru nào của ngươi ở những chốn hão huyền này.

30- Những người thông thái không lưu lại ở các nơi dạo chơi của các giác quan.

31- Những người thông thái không quan tâm đến giọng lưỡi ngọt ngào của ảo tưởng (illusion).

https://thuviensach.vn

32- Hãy tìm kiếm Đấng sẽ sinh ra ngươi trong Phòng Minh Triết, Phòng này nằm phía bên kia, nơi không còn mọi bóng tối, và là nơi mà ánh sáng chân lý chói rạng với sự rực rỡ không tàn phai.

Vị Guru được nói đến ở đây là Chân Sư, vị Huấn Sư. Bà Blavatsky viết như sau:

Vị Cao Đồ (Initiate) dẫn dắt đệ tử, nhờ tri thức mà Ngài truyền đạt, đến việc hóa sinh tinh thần (spiritual birth) hay là việc sinh ra lần hai (second birth) của người đệ tử; vị Cao Đồ này được gọi là Cha, Guru hay là Chân Sư.

Quyển "Chân Sư và Thánh Đạo" có nói đến đời sống và hoạt động của các Guru hay các Chân Sư. Một cái nhìn lướt qua về các quyền năng cao quý của các Ngài được thấy trong đoạn nói về một cuộc tham thiền của Chân Sư Kuthumi. Trong khi Ngài ngồi trong vườn hoặc trong phòng của Ngài,
103 dường như Ngài đang thiền định, nhưng thực ra là Ngài đang quan tâm đến hàng triệu người, đối xử với từng người như một người bình thường có thể làm nếu y muốn dành sự chú tâm hoàn toàn của y cho người đó.

Mỗi Chân Nhân đều được một trong các Chân Sư trợ giúp, cho nên người nào có thể làm sinh động (vivify) mối liên kết giữa phàm ngã với Chân Ngã trong y, đều có thể nhận được sự trợ giúp đó trong cuộc sống riêng của y. Các vị gurus mà chúng ta sẽ gặp trên cõi trần thường thường là các Điểm đạo đồ, tức là các đệ tử tiến hóa cao của các Chân Sư hoàn thiện (full Adepts), như đã nói ở trên ([1]).

[1] Trong đoạn này, nếu độc giả tinh ý sẽ nhận ra hai nghĩa của từ guru theo cách dùng của ông Leadbeater. Đoạn trên ông viết: "Guru hay là Chân Sư"("Guru or Master") và lặp lại đến hai lần,

https://thuviensach.vn

33- Hỡi đệ tử, cái Tự Hữu (cái tự thân mà có, that which is uncreated) đang ngự nơi ngươi, vì nó đang ngự trong Phòng đó. Nếu ngươi muốn đạt tới cái Tự Hữu và hòa lẫn ngươi vào nó, thì ngươi phải tự gạt bỏ các lớp vỏ ảo tưởng đen tối của ngươi. Hãy ngăn chận tiếng nói của nhục thân, không để cho bất cứ hình ảnh nào của các giác quan chen vào giữa ánh sáng của cái Tự Hữu với ánh sáng của ngươi, có như thế cả hai ánh sáng mới có thể hòa nhập làm một. Và, khi đã biết được Sự Vô Minh (Ajnana) của chính ngươi, hãy thoát ra khỏi Phòng Học Tập. Phòng này vốn nguy hiểm trong vẻ đẹp giả trá của nó, và chỉ được cần đến cho thời kỳ dự bị của ngươi mà thôi. Hỡi đệ tử, hãy coi chừng, đừng để bị lóa mắt bởi cái vẻ rực rỡ hão huyền, Linh Hồn ngươi sẽ chần chừ và rồi bị dính mắc vào cái ánh sáng phỉnh phờ của nó.

34- Ánh sáng này tỏa chiếu từ viên bảo ngọc của tên đại bịp (tức Mara, Ma Vương). Ánh sáng đó làm mê muội các giác quan, làm mờ mịt tâm trí và làm cho kẻ thiếu cảnh giác thành người tàn phế bị bỏ rơi.

Cái tự hữu là ám chỉ Tam Thượng Thể (Higher Triad) tức là Atma-Buddhi-Manas, khi được phân biệt với phàm ngã và các thể của phàm ngã. Câu "Phòng Học Tập chỉ cần cho
104 tình trạng dự bị", cũng áp dụng cho Phòng Vô Minh nữa. Nhóm các cõi vật chất, tức cõi hồng trần, cõi cảm dục và cõi hạ trí, chỉ là các công trình xây dựng và thiết bị của một ngôi trường dành cho con người, trong đó y được giảng dạy bằng

---

còn trong câu này ông lại viết "các Gurus … thường thường là các Đệ Tử Được Điểm Đạo/ Đạo Đồ (Initiates), tức là các đệ tử tiến hóa cao (advanced pupils) của các Chân Sư hoàn thiện…" Chú ý là Adept cũng có nghĩa là Chân Sư. (ND)

https://thuviensach.vn

các đồ chơi. Không có kinh nghiệm nào mà không sửa đổi được linh hồn và mang lại cho linh hồn minh triết nào đó; nhưng kẻ nào nhận ra được mục đích giáo dục của mọi kinh nghiệm đó, và khát khao học hỏi và rút ra, từ kinh nghiệm của sự sống được thể hiện, các bài học sống động có giá trị vĩnh cửu, thì những kẻ đó sẽ không còn thấy các món đồ chơi có tính hấp dẫn nữa. Người đó sẽ xử sự giống như con ong, đến lấy mật hoa rồi bay đi, không để cho mùi hương và màu sắc của hoa đầu độc.

Ma Vương (Mara)([1]) là một sự hiện thân của sức thu hút của các sự vật bên ngoài. Bà Blavatsky mô tả Mara như sau:

Theo các tôn giáo công truyền, Mara là một loài quỷ (demon), một Asura (A tu la), nhưng theo triết học nội môn, đó là sự cám dỗ được nhân cách hóa xuyên qua các tật xấu của con người, và được dịch theo nghĩa đen là "cái tiêu diệt" linh hồn. Nó được hình dung như một ông vua (của các Maras) với một vương miện, trong đó có một viên ngọc chiếu ra ánh rực rỡ đến nỗi làm mờ mắt kẻ nào nhìn vào nó, dĩ nhiên ánh rực rỡ này ám chỉ sự quyến rũ do tật xấu dựa trên những bản chất nào đó tạo ra.

Trong quyển "*Ánh Sáng Á Châu*" (Tập VI), Sir Edwin Arnold đã cho chúng ta thấy một bức tranh sinh động của ông hoàng bóng tối này, khi hắn ta xuất hiện, dẫn đầu mười tội lỗi chính, tức các tà thần của hắn, chống lại Đức Phật khi

---

[1] Mâra (B.Phạn). Chúa của cám dỗ, tay cám dỗ (seducer) cố lôi kéo Đức Phật ra khỏi Thánh Đạo của Ngài. Tay này được gọi là "Kẻ Hủy Diệt" ("Destroyer") và là "Thần Chết" ("Death") (của Linh Hồn). Một trong các tên gọi của Kâma, Chúa của tình thương (God of love). (The Theosophical Glossary, 1971)

https://thuviensach.vn

Phật tọa thiền dưới cội Bồ Đề, khi Ngài đang tiến gần đến Sự Giác Ngộ.

105 ***35- Vì bị thu hút vào ngọn lửa sáng chói của ánh đèn đêm nên con bướm đêm phải chịu số phận bỏ mạng trong chất dầu nhày nhụa. Linh hồn nào thiếu cảnh giác không thể vật ngã con quỷ bắt chước của hão huyền, thì sẽ phải quay lại cõi trần làm nô lệ cho Ma Vương.***

36- Hãy xem đám đông linh hồn. Hãy quan sát chúng đang lượn lờ như thế nào trên mặt biển đầy bão tố của kiếp người, và, bị kiệt sức, máu tuôn, cánh gãy, chúng lần lượt rớt như thế nào vào các lượn sóng đang trào dâng. Bị những ngọn gió hung dữ nhồi dập, bị cơn bão rượt đuổi, chúng trôi giạt vào các xoáy nước và biến mất trong xoáy nước lớn đầu tiên.

Chủ đề "mất linh hồn" ("lost souls") rất là phức tạp. Một số linh hồn giống như trẻ con trong một lớp học, chúng không sẵn sàng để cùng với đa số bạn học của chúng vượt lên lớp cao hơn vào cuối năm học, vì chúng quá trẻ tuổi, hoặc vì lười nhác. Cũng thế, có những trường hợp mà phàm ngã thường bị dính mắc sâu vào vật chất lúc sống trong thân xác đến nỗi phàm ngã đó không có được gì để cống hiến cho Chân Ngã, và lúc bấy giờ nó có thể bị cắt đứt khỏi Chân Ngã. Thứ ba là do các hậu quả khủng khiếp của việc thực hành tà thuật. Chủ đề này quá dài nên không thể đem ra bàn nơi đây. Tôi có bàn đến đề tài này khá dài nơi mục Mất Linh Hồn trong quyển I của bộ sách "The Inner Life".

Một số cách diễn tả trong các đoạn này đều dựa vào cách tưởng tượng theo Đông Phương. Chúng ta đừng nên hiểu "vật phế thải bỏ đi" ("abandoned wrecks") và "cánh

https://thuviensach.vn

gãy" ("broken wings") hoàn toàn theo nghĩa đen. Kẻ nào rời khỏi Thánh Đạo vì các ham muốn vật chất, chắc chắn là kẻ đó
106 không làm hỏng hoàn toàn các triển vọng tâm linh của mình vào lúc đó, mà thậm chí dù xảy ra trường hợp đó đi nữa (tức lìa xa Thánh Đạo. ND), người ấy cũng học được một điều gì đó, mà điều này sẽ trở thành hữu ích cho linh hồn về sau. Trong mọi trường hợp, điều hay nhất đối với một con người là học hỏi với ý tưởng khôn ngoan, chỉ khi nào không để ý đến ý tưởng đó, thì kinh nghiệm đắng cay mới cần phải xảy đến.

Mỗi người không nhất thiết là phải trải qua mọi loại kinh nghiệm. Một người càng trở nên tiến hóa và khôn ngoan, thì y sẽ càng thấy biết trong mọi việc và y sẽ học được nhiều điều từ những chuyện nhỏ nhặt mà biết bao người khác có thể bỏ qua xem như là vô nghĩa. Có câu ví von rằng một người dại không thể học hỏi được gì ngay cả học với người khôn, nhưng một người khôn thì luôn luôn có thể học hỏi, ngay cả học với người dại. Muốn biết lửa nóng, không nhất thiết phải cho tay vào lửa; kẻ dại có thể làm thế, nhưng người khôn thì có bao nhiêu cách khác để học biết được sự kiện lửa nóng đó. Tuy nhiên thực là một đặc ân lớn đối với những người không chịu suy tư và tự nguyện học hỏi như thế, vì họ sẽ được dạy dỗ trong một ngôi trường nghiêm minh, đó là ngôi trường kinh nghiệm, mà nếu không có ngôi trường đó, họ sẽ không học được chút gì cả và không tiến hóa được.

Luật karma mang lại cho con người các kinh nghiệm mà chúng đã cung cấp cho kẻ khác, như vậy luật này là một kẻ ban ân, và rốt lại là một kẻ giải thoát, chứ không hề là một công cụ trả thù hoặc trừng phạt gì cả. Chẳng hạn, có một tên

https://thuviensach.vn

thảo khấu chận đường một lữ khách, đánh ngã người này, có thể giết đi và cướp tiền bạc của lữ khách đó nữa. Theo luật nghiệp quả, sớm hay muộn gì, tên cướp cũng sẽ phải gặp kinh nghiệm đau khổ như thế với chính mình. Tên cướp có thể làm được hành động như thế vì bản thân hắn là một người thô bạo, thiếu nhạy cảm và thiếu tưởng tượng; nếu không y sẽ nghĩ đến tình cảm của nạn nhân của y hoặc của vợ
107 con và gia đình nạn nhân, và ý tưởng như thế sẽ ngăn chận được bàn tay của y. Bởi vì y là kẻ thô bạo, đần độn, thiếu óc tưởng tượng, nên tên thảo khấu phải cần loại kinh nghiệm dữ dội mà y đem lại cho kẻ khác; không có loại kinh nghiệm nào khác làm lay chuyển được y. Sau này, xuyên qua sự trừng phạt của nghiệp quả, y gặp phải một số đau khổ, y sẽ nhớ lại điều đó khi sắp sửa tấn công một người khác, và sẽ nói với chính mình: "Thật là một điều không may cho con người khốn khổ đó". Lúc bấy giờ y sẽ bắt đầu tu tỉnh, cám ơn luật karma, vốn luôn luôn là một luật có tính chất giáo huấn chớ không bao giờ trừng phạt.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 8

ĐỨC MẸ THẾ GIAN

37- Nếu ngươi muốn đến thung lũng phúc lạc xuyên qua Phòng Minh Triết, thì hỡi đệ tử, ngươi hãy đóng chặt các giác quan lại, chống chọi với đại tà thuyết tệ hại là tính chia rẽ, vốn làm cho ngươi xa lìa với thế giới còn lại.

C.W.L.- Herbert Spencer([1]) tiến rất gần đến việc khai mở chân lý thiêng liêng về sự tiến hóa khi ông mô tả sự tiến hóa như là một thay đổi tiệm tiến, từ một trạng thái thuần trạng rời rạc (state of incoherent homogeneity) đến trạng thái dị trạng có mạch lạc (coherent heterogeneity) về mặt cơ cấu và chức năng. Theo ông, sự tiến hóa hàm ý rằng mọi vật vào lúc ban sơ đều tương tự và riêng rẽ, sau đó trở nên khác nhau nhưng kết hợp lại. Sự chuyên hóa này được thấy rõ trong xác thân con người, thân xác này có nhiều cơ quan khác nhau nhưng đều hoạt động cho tổng thể; thế nên hệ tiêu hóa (digestive system) giúp tiêu hóa thức ăn cho toàn cơ thể, còn

[1] Herbert Spencer (1820-1903): Triết gia Anh, một trong số ít các tư tưởng gia hiện đại có khuynh hướng sắp xếp có hệ thống tất cả các hiện tượng vũ trụ, kể cả các nguyên lý xã hội và trí tuệ; có ảnh hưởng lên triết học, tâm lý học và đạo đức học trên khắp Âu Châu, Mỹ Châu, Ấn Độ, Nhật Bản. Trong quyển Principles of Psychology (1855), ông bắt đầu áp dụng thuyết tiến hóa. Ngoài quyển này, ông còn viết rất nhiều sách khác. (Trích Webster's Biographical Dictionary 1971).

https://thuviensach.vn

tay dùng để cầm, chân để đi, mắt để nhìn, không phải chỉ riêng cho tay, chân và mắt mà thôi, mà là cho toàn thân. Tương tự như thế, xã hội ngày càng được tổ chức hoàn bị hơn theo thời gian qua. Con người trở nên ngày càng phân hóa với nhau, khi các nghề nghiệp trong cuộc sống cải tiến về mặt tri thức và khéo léo. Thí dụ thầy thuốc chuyên chữa trị, thầy giáo chuyên dạy học, chuyên viên cầu đường lo xây cầu. Khi một người làm việc vì lợi ích cho nhiều người, thì công lao của nhiều người sẽ tuôn chảy trở lại để đem lại lợi ích cho người ấy.

109 Khi nhiều người có được ý thức và tâm trạng liên kết chặt chẽ đối với đồng loại mình, thì những người đó không còn là một đám đông gồm những người thuần trạng nhưng rời rạc nữa, mà họ trở thành những người dị trạng nhưng biết liên kết. Người nào có được tinh thần đó thì sẽ làm việc hết sức mình cho cộng đồng của mình, hoặc cho quốc gia, hoặc cho nhân loại, phó mặc cho luật hợp nhất (law of unity) đưa y đến những gì y cần từ các bộ phận khác của tập hợp lớn (great body). Những yếu tố thuần trạng nhưng rời rạc của vật chất hoặc của xã hội không thể tự tổ chức; chính cái nguyên lý bên trong mới lôi kéo chúng lại với nhau và khiến cho chúng có thể tiến bộ nhanh chóng qua sự tương trợ. Sự hợp nhất là tình thương, là mãnh lực ở phía sau sự tiến hóa, là *năng lượng* sự sống; đó là buddhi, sự minh triết vĩ đại nhất. Có một dị biệt sâu xa giữa sự hợp tác với tình huynh đệ – sự hợp tác nảy sinh từ một cách đánh giá sáng suốt về các mối liên quan hỗ tương của con người; tình huynh đệ xuất phát từ một nhận thức bằng cảm giác rằng cùng một sự sống đang ngự trong vạn hữu (all).

https://thuviensach.vn

Trong bước tiến hóa của một cá nhân, theo thông lệ, tinh thần hợp tác phát triển trước tiên; công việc của thế gian đem con người lại gần nhau, sau đó, do sự tiếp xúc, lửa thiêng của tuệ giác được khơi dậy. Giả dụ có hai người cùng đi điều tra và trợ giúp lẫn nhau trong công việc. Tình bạn chân thật chợt đến. Nhưng nếu tình cờ tình huynh đệ đến trước, như đôi khi xảy ra trường hợp này, nó sẽ không phát triển thành sự hợp tác hoàn hảo và hữu ích, trừ phi sự thông minh cũng được khơi dậy và áp dụng vào công việc sinh sống. Một trường hợp điển hình là tình thương đẹp đẽ giữa David Copperfield với người vợ thiếu thực tế của ông ta, tên Dora, mà nhà viết tiểu thuyết buộc lòng phải cho khai tử để nhường chỗ cho người vợ thực tế hơn là Agnes, nhờ thế đưa câu chuyện đến một kết thúc có hậu hơn.

Trong cuộc sống huyền linh, các đạo sinh nào phát triển được trí thông minh cao độ để cho họ có được một đánh giá sắc bén về nguyên tắc hợp tác và về các định luật thiêng liêng, thường thường vẫn tự nhận là buồn tẻ và có vẻ không thể tiến bộ nhanh chóng. Họ chờ đợi khơi hoạt nơi chính họ tình thương chân chính, tức buddhi. Đó là năng lực mạnh mẽ của con người nội tâm. Mặc dù vậy, trong giai đoạn thứ hai của việc khai mở tâm linh đích thực này sẽ thường xảy ra nhiều dao động và bối rối; năng lượng thiêng liêng tuôn ra một cách bất thường và không phải luôn luôn theo cách khôn khéo nhất, gây ra nhiều phiền não cho kẻ có được nó – mãi cho đến giai đoạn tâm linh thứ ba, tức là giai đoạn đạt tới chốn thanh tĩnh. Vì tính chất thanh tĩnh đó là mục tiêu mà tiếng vô thinh đang hướng dẫn đạo sinh tiến đến nó, nên đạo sinh được dạy là phải đi xuyên qua Phòng Minh Triết để vào thung lũng chí phúc. Ngay cả trên cõi Bồ Đề cũng còn một

https://thuviensach.vn

tính chất nhị nguyên nhất định, hay tính chia rẻ. Chúng ta không thể yêu chính chúng ta, lòng yêu thương cần một đối tượng, cho dù đối tượng đó không phải là một đối tượng vật chất, mà là sự sống thiêng liêng được biểu lộ trong nhiều hồn tinh thần (spiritual souls, hồn thiêng). Buddhi (tuệ giác thể) là bức màn (veil) thứ nhất, là Avalokiteshvara của Chân ngã, chứ không phải là Parabrahman." Tà thuyết tệ hại về tính chia rẻ" ("the dire heresy of separateness") phải lần lượt được vứt bỏ trên từng cõi, là cõi trần, cõi tình cảm, cõi trí và ngay cả cõi Bồ Đề nữa.

111 ***38.- Đừng để cho "vật do trời sinh ra" của ngươi bị hòa vào trong biển Hão Huyền, tách rời khỏi Cội Nguồn vũ trụ (tức Đại Hồn, Soul), mà hãy để cho sức mạnh của lửa thiêng rút vào phòng thâm sâu nhất, tức là phòng của trái tim, và là nơi ẩn ngự của Mẹ Thế Gian.***

39.- Lúc bấy giờ, từ nơi tim, sức mạnh đó sẽ vươn lên đến vùng thứ sáu, là vùng ở giữa, vốn là vị trí giữa hai mắt của ngươi, khi nó trở thành linh khí (breath) của Linh Hồn Duy Nhất, là tiếng nói lấp đầy mọi nơi, đó là tiếng nói của Chân Sư của ngươi.

"Vật do trời sinh ra" ("The heaven-born") là chitta, tức hạ trí. Hạ trí được sinh ra từ linh hồn bên trên, khi trí tuệ (manas) phân đôi lúc nhập thế. Các cõi của Atma - Buddhi - Manas được dùng làm điển hình cho cõi trời, trong khi các cõi của phàm ngã được nói đến như là cõi trần.

Chúng ta đã tuân theo cách phân biệt về đặc tính để chia năm cõi biểu lộ của nhân loại thành hai nhóm. Cõi Chân

https://thuviensach.vn

Thần và cõi Thiêng liêng(1) nằm ngoài năm cõi này, được đặt chung lại thành phân nhóm thứ ba. Như thế bảy cõi cũng có thể được tập hợp lại thành ba phân nhóm. Phân nhóm thấp nhất thuộc vào vùng chúng sinh hay vùng luật lệ (region of sattva or law). Ở đây chúng ta thấy mọi sự vật đều được quy định (regulated), nhưng con người có được sự tự do nào đó vì "vật do trời sinh ra" đang ở trong y – thế nên nhiều năng lượng của Đấng Tạo Luật (Lawmaker) đang tác động qua y. Chính vì con người có tự do và quyền năng này để đi theo con đường riêng của y, cho nên cuộc sống của y thường hỗn loạn hơn, ít được kiểm soát hơn so với cuộc sống của các giới thấp của thiên nhiên bên ngoài.

Nhóm các cõi ở giữa gồm các cõi chứa năng lượng tinh thần, tức là sự sống nội tại, mà nếu không có nó, các cõi còn lại sẽ thiếu sinh khí và bất động. Đó là các cõi của thánh thần, những Đấng tỏa sáng, Avalokites hay là Thượng Đế "hữu hình" ("seen") – tức là sự sống được nhìn thấy bằng minh triết, không phải như sắc tướng được nhìn thấy bằng tri thức.

Nhóm các cõi cao nhất là nhóm cõi của Chân Thần, tức Chân Ngã, vốn là sự chí phúc và tự do, nơi mà các thực tại nằm đàng sau mọi lý tưởng của con người và sự xuất thần vượt quá tâm thức vốn là tinh hoa được trích ra từ cái mỹ, cái
112 thiện, cái chân, sự hòa hợp, sự thấu hiểu, sự hợp nhất và sự tự do.

Ở đây, cái được gọi là mãnh lực lửa thiêng (fiery power) chính là mãnh lực được gọi là Kundalini (hỏa xà) theo Bắc Phạn ngữ. Mãnh lực này có thể được mô tả như là tiềm hỏa

---

1 Cõi Chân Thần còn gọi là cõi Đại Niết Bàn. Cõi Thiêng Liêng còn gọi là cõi Tối Đại Niết Bàn. (ND)

https://thuviensach.vn

(latent fire), cuộn lại giống hình con rắn đang ngủ ở chót xương sống trong mọi người, trừ nơi một ít người mà hỏa xà được đặc biệt khơi hoạt và đang hoạt động tích cực trong thể dĩ thái. Sẽ không chút khó khăn nào khi tìm hiểu về sự hiện hữu của loại lửa như thế, vì chúng ta đã biết rõ rằng trong phổi chúng ta hơi thở luôn luôn cung cấp một loại lửa chậm (slow fire) và sự tiêu hóa cũng là một loại lửa. Kundalini giống với lửa điện – một lực phát triển thành nhiệt nơi nào có sự cản trở(1) – nhiều hơn là với lửa dùng đốt cháy nhiên liệu, tuy nhiên nó không thuộc cùng loại lực như điện.

Tôi có viết về chủ đề này trong các mục nói về "Hỏa Xà và Các Trung Tâm Lực" trong quyển "*The Inner Life*" và về "Sinh Lực" trong chương IV của quyển "*The Hidden Side of Things*", tôi hy vọng sẽ sớm công bố một nghiên cứu khá là đầy đủ, được minh họa bằng các phụ bản màu(2).

Về đề tài này cũng có tài liệu đầy đủ, dù là có phần tối nghĩa bằng Bắc Phạn ngữ, gồm Shatchakranirupana, Ananda Lahari và nhiều tác phẩm khác nữa.

Trong số các tác phẩm này, có một bản dịch tuyệt hảo của quyển thứ nhất, có phần giảng luận của Arthur Avalon, đó là *The Serpent Power*, do nhà Ganesh & Co. ở Madras xuất bản.

Sau đây là một tóm lược rất ngắn về đề tài này.

---

1 Có lẽ câu này để giải thích hiện tượng "lửa do ma sát" ("fire by friction") mới đúng hơn là "lửa điện" (ND).

2 Sách về Các Luân Xa (Chakras) đã được T.P.H., Adyar phát hành từ lâu.

https://thuviensach.vn

Kundalini là đoạn cuối thấp của một dòng thần lực thuộc loại nào đó của Thượng Đế và thông thường nó ở dưới trạng thái ngủ trong luân xa hay trung tâm lực ở chót xương sống. Nếu hỏa xà được khơi hoạt sớm, nghĩa là trước khi con
113 người lọc sạch tính tình hết mọi vết bẩn về tính dục và sự ích kỷ, nó có thể chạy xuống bên dưới và làm linh hoạt một vài bí huyệt thấp trong xác thân (chỉ được sử dụng dưới một số hình thức đáng chê trách bên tà đạo), đồng thời đưa kẻ bất hạnh một cách không thể cưỡng lại được, đi vào một cách sống khủng khiếp không thể tả. May lắm là nó sẽ làm mạnh thêm tất cả những gì mà con người có nơi mình, kể cả những tính chất như tham vọng và kiêu hãnh. Chỉ nên khơi hoạt Kundalini theo sự chỉ dẫn riêng biệt của một Chân Sư, Ngài sẽ dạy đạo sinh về cách dùng ý chí để khơi dậy nó, về cách thức mà nó sẽ được thôi thúc khi được khơi dậy, và về con đường xoắn ốc mà hỏa xà phải được đưa đi xuyên qua các luân xa hay các trung tâm lực, từ luân xa nằm gần chót xương sống, đến các luân xa nằm trên mặt của thể dĩ thái nơi lá lách([1]) nơi rún, tim, cổ họng, giữa hai mày và ở đỉnh đầu. Đường đi này khác nhau tùy theo mẫu người và chắc chắn đó là một điều hoàn toàn thuộc về thể chất, vì theo nghĩa đen, mãnh lực này phải thiêu đốt để mở một lối đi cho chính nó xuyên qua những chỗ thiếu thanh khiết của thể dĩ thái.

Trong thể tình cảm cũng có các luân xa, chúng đã được hỏa xà khơi hoạt trong khi luồng hỏa này hoạt động trong cõi cảm dục nơi tất cả những người khá tiến hóa. Tiến trình phát

[1] Các kinh sách Ấn Giáo thường nói đến luân xa ở gốc (root) của
114 cơ quan sinh dục như là luân xa thứ hai. Chúng tôi công nhận có một trung tâm như thế, nhưng chúng tôi theo người Ai Cập cổ khi cho rằng nếu luân xa đó được khơi hoạt, nó sẽ gây tai hại vô cùng.

https://thuviensach.vn

triển các trung tâm lực này đã làm cho thể cảm dục trở nên bén nhạy với cõi đó, khơi hoạt các giác quan của thể cảm dục, thể này có được khả năng đi đây đó, có được sự đáp ứng đồng cảm với các thực thể ở cõi này, thấy và nghe được ở cõi cảm dục, nói chung là có được các năng lực cảm dục. Nhưng ký ức về các kinh nghiệm này hay là việc sử dụng các quan năng cảm dục trong khi còn ở trong thể xác chỉ có thể xảy ra theo cách thức rõ rệt và được kiểm soát kỹ lưỡng khi luồng hỏa xà trong thể dĩ thái được đưa đi qua các luân xa tương ứng.

Trong tài liệu của chúng tôi có đề cập một cách đặc biệt về vị trí giữa hai mắt, vị trí này có liên quan đến tuyến tùng quả và tuyến yên (pituitary body). Các luồng lực từ cả hai trung tâm lực cảm dục thứ sáu và thứ bảy (nằm ở giữa hai mày và trên đỉnh đầu) thường hội tụ nơi tuyến yên, khi bí huyệt dĩ thái được khơi hoạt, và lúc bấy giờ làm cho nó sinh động và tác động qua nó. Nhưng có một mẫu người nào đó (mẫu người này được nhắm đến trong tài liệu của chúng tôi) mà nơi họ, luân xa cảm dục thứ bảy lại làm linh hoạt tuyến tùng quả thay vì tuyến yên, và trong trường hợp này, nó tạo nên một đường thông thương trực tiếp với cõi hạ trí, mà không theo bề ngoài vượt qua cõi cảm dục như cách thông thường. Đối với những người này, các giao tiếp đến từ bên trong, xuyên qua vận hà đó, trong khi đối với mẫu người kia, các giao tiếp đến xuyên qua tuyến yên.

Khi luồng hỏa hầu tự khơi hoạt lấy một mình, điều này ít khi xảy ra, hoặc thình lình được khơi hoạt, nó thường cố vượt lên bên trong xương sống, thay vì đi theo đường xoắn ốc mà nhà huyền linh học được huấn luyện để hướng dẫn nó.

https://thuviensach.vn

Trong trường hợp này có thể nó sẽ đổ xô qua đầu, và người gặp trường hợp đó sẽ hứng chịu không có gì tệ hại hơn là tạm thời mất ý thức.

Các kinh sách Ấn Giáo chỉ nói bóng gió đến hơn là giải thích cặn kẽ những gì xảy ra. Các kinh đó không đề cập đến
115 các bí huyệt ở trên mặt của thể dĩ thái; mà chỉ nói đến cội nguồn của chúng trong xương sống. Trong xương sống có một thứ gọi là Meruranda, tức cây gậy Meru (rod of Meru), tức trục sáng tạo trung ương (central axis of creation). Trong cây gậy đó có con kênh gọi là sushumna, rồi trong sushumna đó (còn gọi là trung hỏa kỳ kinh) lại có một vận hà (đường dẫn truyền) gọi là chitrini, đường dẫn truyền này "thanh mảnh như tơ nhện". Trên đó có gắn các luân xa, giống như mắt tre. Luân xa thấp nhất có tên là muladhara, nằm ở chót xương sống, bên trong là hỏa xà đang nằm yên như ngủ, đóng chặt ngõ thông thương của Merudanda.

Mục tiêu của người tìm đạo là làm cho hỏa xà đi lên, xuyên qua tất cả các luân xa, cho đến khi hỏa xà lên đến luân xa nằm giữa hai mày. Lúc đó, đạo sinh sẽ thấy rằng dường như mình ở lại sau, trong khi hỏa xà lao vào phía trước, tiến vào sahasrara, tức hoa sen lớn "có ngàn cánh" ở đỉnh đầu. Nếu đạo sinh hòa hợp được với hỏa xà, y sẽ tách mình ra khỏi xác thân và tạm thời ngưng việc thiền định trong thể xác. Hỏa xà dần dần bò lên chitrini khi đạo sinh dùng ý chí của mình trong lúc tham thiền. Trong một lần thực hành, đạo sinh không thể tiến xa được, nhưng trong lần kế tiếp, y sẽ đi xa thêm một ít, cứ tiếp tục như thế. Khi hỏa xà tiến đến một trong các luân xa hay hoa sen, hỏa xà đi xuyên qua luân xa, còn hoa sen, vốn đang rủ xuống, giờ đây lại hướng lên. Đạo sinh thiền định về hỏa xà dưới một hình thức nào đó và dựa

https://thuviensach.vn

vào hỏa xà mà liên kết bằng cách lắp hỏa xà vào hoa sen đó. Một lần thiền định kỹ càng, đầy biểu tượng phong phú, được ấn định cho mỗi hoa sen (luân xa). Khi thiền định xong, đạo sinh dẫn kundalini (hỏa xà) đi ngược trở lại theo cùng con đường đi vào muladhara; nhưng theo một số trường phái,
116 hỏa xà được đưa trở lại tốt nhất là cách xa bí huyệt tim, nơi đây, hỏa xà đi vào nơi được gọi là phòng (chamber) của hỏa xà.

Có thể khơi hoạt hỏa xà bằng nhiều cách khác nhau, nhưng việc khơi hoạt chỉ nên làm dưới sự hướng dẫn của một guru hay một đạo sư có năng lực tức là một Chân Sư chịu trách nhiệm trước Huynh Đệ Đoàn về việc huấn luyện đạo sinh. Chân Sư chỉ có thể hướng dẫn việc khơi hoạt này chỉ khi nào ba xiềng xích đầu tiên trên Thánh Đạo đã bị hủy diệt bằng năng lực của chính đạo sinh, có như thế đạo sinh mới không còn bị lâm vào cảnh nguy hại vì bị thôi thúc bởi các sự việc thuộc về giác quan hoặc vật chất nữa. Bấy giờ, "vật trời sinh" (tức hạ trí – ND) của đạo sinh, nhờ được liên kết chặt chẽ hay là được hài hòa với thượng trí, mới có thể vẫn là chủ của ngôi nhà có ba phần của phàm ngã, và khi năng lượng của hỏa xà được phóng thích trong cơ thể, nó cũng sẽ chạy vào các vận hà tinh khiết để phụng sự cho Chân Nhân. Do đó việc khơi hoạt hỏa xà thường sẽ xảy ra khoảng chừng gần Cuộc Điểm Đạo thứ ba, hay là, vào thời mạt pháp ngày nay (present kali yuga), được cho là còn muộn hơn nữa. Thậm chí vào lúc đó, nó được khơi hoạt trong các lớp khác nhau (various layers) sao cho trong các giai đoạn đầu, nó có thể đem lại không gì khác hơn là một mức độ nhạy cảm chung đối với các cõi cao.

https://thuviensach.vn

Kundalini được hiểu như là một nữ thần. Nó được gọi là shabdabrahman trong xác thân. Trong đó shabda có nghĩa là âm thanh. Như đã mô tả trước đây, âm thanh chính là mãnh lực sáng tạo. Ngôn ngữ được xem như là hình thức ngoài cùng của âm thanh. Đó là một sự biểu lộ tư tưởng, mà dưới hình thức tích cực thật sự của nó, thì là kriyashakti (quyền năng tạo tác). Một vài chữ cái (letters) trong bảng mẫu tự, vốn dĩ là cơ sở của ngôn ngữ nhân loại, được cho là nằm trong mỗi luân xa, và quyền năng của các chữ cái này (phần từ ngữ sáng tạo của chúng) được khơi hoạt khi hỏa xà tiến nhập vào chúng sau khi hỏa xà hợp nhất với Shiva trong bí
117 huyệt cao nhất, khiến cho chúng tỏa chiếu rực rỡ bằng ánh sáng của hỏa xà. Ngôn từ sáng tạo của Brahma, tức Thượng Đế Ngôi Ba, có bốn hình thức hay giai đoạn, do đó Ngài được gọi là Đấng Tứ Diện (có 4 mặt). Khi hỏa xà đại diện cho Ngài trong xác thân, thì hỏa xà cũng bộc lộ bốn hình thức này khi nó đi lên xuyên qua các luân xa.

Kundalini được gọi là Mẹ thế gian bởi vì tác động bên ngoài (outward action) của các quyền năng của tâm thức luôn luôn được xem như là nữ tính. Như thế, ý chí, minh triết và hoạt động là nữ tính, là các shaktis hay các quyền năng, tức là các trạng thái thiêng liêng hướng ra bên ngoài. Hỏa xà là đại diện của tất cả các trạng thái này, khi chúng được biểu lộ trong sự sáng thế, tức trong sự hoạt động của Brahma, là Thượng Đế Ngôi Ba.

Hỏa xà cũng được cho là mẹ thế gian bởi vì chính qua hỏa xà mà các cõi khác nhau được mang vào sự tồn tại hữu thức đối với nhà huyền linh học.

Cước chú sau đây của bà Blavatsky cũng sẽ làm sáng tỏ cho các giải thích ở trước.

https://thuviensach.vn

– Phòng bên trong tim được gọi là Brahmapura theo Bắc Phạn ngữ. "Quyền năng lửa" ("fiery power") là Kundalini.

– "Quyền năng" và "mẹ thế gian" là các tên gọi dành để chỉ Kundalini – một trong các quyền năng của vị Yogi thần bí. Chính nguyên khí Bồ Đề được xem như một nguyên khí hoạt động thay vì là một nguyên khí thụ động (vốn thường là thế khi nguyên khí Bồ Đề chỉ được xem như là hiện thể hay là bình đựng (casket) của tinh thần tối cao (supreme spirit) hay Linh Thể (Atma)). Đó là một lực điện-tinh thần (electro-spiritual force), một quyền năng sáng tạo mà khi được đánh thức để đưa vào hoạt động, nó có thể dễ dàng tiêu diệt cũng như nó có thể sáng tạo.

118 Chính vì không có cách nào chắc chắn để biết bà Blavatsky ám chỉ điều gì khi nói rằng kundalini là buddhi hoạt động, mà nhiều suy đoán có thể được đưa ra:

Trong con người bình thường, buddhi không ở trạng thái hoạt động tích cực (not positively active) trong cuộc sống bên ngoài, nhưng khi ba loại xiềng xích đầu được phá bỏ, thì phàm ngã trở nên thanh khiết đến nỗi thể cảm dục sẽ không còn hoạt động chỉ riêng cho chính nó nữa, mà sẽ đáp ứng một cách trung thực với thể Bồ Đề (Buddhi) mà hiện giờ đang hoạt động. Ở vào hay là gần giai đoạn này, hỏa xà thường được khơi hoạt, như chúng ta đã thấy, và khi các năng lực của thể cảm dục lúc đó được khai mở đối với đạo sinh trong khi người này còn ở trong thể xác, thì đó là một thể cảm dục đang phản chiếu thể Bồ Đề, mà giờ đây đang trở thành một ngọn lửa bác ái thực sự trong sự sống con người.

https://thuviensach.vn

Nhãn thông và các quyền năng tâm thông khác không cần được khơi hoạt trong bộ óc hồng trần ngay cả ở giai đoạn tiến hóa này của nhân loại, cũng được bà Besant nêu ra trong quyển "*Initiation, the Perfecting of Man*" ("Điểm Đạo, sự Hoàn Thiện Con người") của bà. Trong đó bà phát biểu rằng trước khi có thể tiến đến mức điểm đạo ba, con người phải học cách đem tinh thần của trực giác (buddhi) xuống tâm thức hồng trần của mình, sao cho nó có thể ở lại với y và dẫn dắt y. Rồi bà viết thêm: "Tiến trình này thường được gọi là 'sự phát triển các khả năng tâm thông', và đó là như thế, theo ý nghĩa đích thực của từ ngữ 'tâm thông' ('psychic'). Nhưng điều đó không có nghĩa là phát triển nhãn thông và nhĩ thông, vì hai phát triển này thuộc về một tiến trình khác"

Toàn bộ tam thượng thể (Atma-Buddhi-Manas) chỉ là bộ phận trung tâm, hay là Buddhi của tam bộ còn bao quát hơn gồm Monad (Chân Thần), Ego (Chân Nhân) và phàm nhân.
119 Thể Buddhi lớn đó gồm ba trạng thái (ý chí, minh triết và hoạt dộng), và giờ đây trạng thái thứ ba của nó (là hoạt động, tức kriyashakti) bắt đầu hoạt động trong thể xác để đánh thức các cơ quan của nó và giải phóng các mãnh lực tiềm tàng của nó.

40- Chỉ lúc bấy giờ ngươi mới có thể trở thành "một người đi trên cõi trời" ("a walker of the sky"), tức là kẻ bước lên gió ở trên sóng mà bước chân không hề chạm nước.

Bà Blavatsky giảng về câu này như sau:

– Kechara, tức "người đi trên cõi trời" ("sky-walker" or "goer"). Như có giải thích ở phần Adhyaya thứ sáu của kinh Jnaneshvari, chúa tể của các tác phẩm thần bí, thân thể của nhà yogi trở thành như một thể được tạo bằng gió; giống như "một đám

https://thuviensach.vn

mây mọc ra tứ chi", sau đó "nhà yogi trông thấy các vật thể vượt quá biển cả và tinh tú; ***nhà yogi nghe và hiểu được ngôn ngữ của các Thiên Thần, biết được những gì đang diễn ra trong trí con kiến".***

Thuật ngữ "Người bước đi trên cõi trời" có nhiều cấp độ ý nghĩa khác nhau. Thí dụ trong chuyện kể của dân gian Ấn, nó được dùng để chỉ nhà đại hiền giả Narada, với vai trò là một Thiên Sứ, Ngài có thể đi xuyên qua tinh chất akasha từ bầu hành tinh này đến bầu khác. Trên các cõi thấp, thể cảm dục hay là mayavirupa có thể được xem như một minh họa, vì chúng có thể được dùng để di chuyển trong không khí hoặc bầu trời đối với người thường.

Trong cõi tình cảm (cảm dục), con người bình thường là một loại mây, một con người đầy kama, tức là dục vọng và xúc cảm, chớ chẳng chút nào là một thực thể rõ rệt như khi y ở cõi trần. Nhưng khi con người làm chủ được kama của
120 mình và mang lại cho nó nét rõ ràng (definiteness), thì cảm dục thể được tổ chức lại như là một hiện thể; nó không còn là kama nữa mà là kamarupa. Hơn thế nữa, vào lúc mà ba xiềng xích đầu bị tống khứ đi thì Huyễn thể (mayavi-rupa) được tạo thành, và chính nó giúp cho con người hoạt động với thể trí trong cõi tình cảm cũng như trong cõi hạ trí. Điều này có thể được xem như là một lý giải cho câu nói rằng bước chân của y "không chạm nước", vì nước tượng trưng cho cõi tình cảm.

https://thuviensach.vn

121

CHƯƠNG 9

BẢY ÂM THANH

41- Trước khi đặt chân lên nấc thang cao hơn của thang âm thanh huyền nhiệm, ngươi phải nghe được tiếng của Thượng Đế nội tâm theo bảy cách.

C.W.L.- Như trước có nói, quyển Tiếng nói Vô Thinh được dự trù hướng dẫn đạo sinh đến tận Cuộc Điểm Đạo Thứ Tư. Ở trình độ đó, tâm thức đạo sinh được nâng lên đến nguyên khí thứ bảy và bắt đầu tác động trong cõi Niết Bàn. Lúc bấy giờ con người dễ dàng bước lên những gì mà câu kinh gọi là nấc thang cao hơn, để vượt qua con đường luyện tập, chuẩn bị cho Cuộc Điểm Đạo Thứ Năm, là cuộc Điểm Đạo cho bậc Chân Tiên (Asekha). Con Đường này có hai phần bằng nhau, vốn dĩ có thể được gọi là các nấc thang thấp và nấc thang cao.

Được biết rằng vị Đạo Đồ trên nấc thang thấp phải nghe được tiếng của Thượng Đế nội tâm của mình theo bảy cách. Ở trình độ hiện tại của vị Đạo Đồ, Thượng Đế nội tâm đó là Chân Ngã (higher self), nguyên khí Bồ Đề, tức nguyên khí thứ hai. Trong lúc thiền định, người tìm đạo có thể hay không thể nghe được một loạt bảy âm thanh, đánh dấu việc đạt đến bảy cõi phụ của cõi Bồ Đề; việc đó tùy thuộc vào bản
122 chất tâm thông của người tìm đạo. Nhưng trong mọi trường hợp, những gì mà y *phải* làm là đưa ảnh hưởng của tuệ giác (buddhi) đi xuống, vào trong sự sống của mình trên mỗi cõi thấp, sao cho hoạt động của tất cả các nguyên khí của người

https://thuviensach.vn

tìm đạo sẽ bị tuệ giác chế ngự, và như thế Thượng Đế nội tâm của y sẽ luôn luôn hiện hữu trong đời sống của y.

Giai đoạn sau được gọi là cái thang của những âm thanh huyền nhiệm; có lẽ đó là bởi vì chúng là các thanh âm của tiếng vô thanh, ẩn tàng trong Atma hay Chân Ngã (Self). Ta đừng nên đưa đi quá xa lối diễn dịch chính xác của bất luận từ Anh ngữ nào trong bản văn này, vì nó chỉ là bản dịch; mặc dù mỗi từ ngữ Bắc Phạn và Nam Phạn đều phong phú ý nghĩa chuyên môn trong nó. Tuy nhiên, thuật ngữ mystic (huyền bí), xuất phát từ một nguồn cội (a root) vốn có nghĩa là nhắm mắt lại (to close the eyes), ở đây biểu thị một vài âm thanh vốn không lẫn vào cuộc sống bên ngoài chút nào, mà đưa ra hướng dẫn như là từ bên trên, theo cách thức đầy quyền lực của lương tâm thuần túy. Nó hàm ý rằng các âm thanh sắp được đề cập đến thì dễ hiểu hơn, chứ không phải là những sự kiện "huyền bí" chút nào đối với đạo sinh ở giai đoạn đang được xem xét. Lương tâm thật sự không bảo cho bạn phải làm *gì* như người ta thường cho như thế, mà nó *yêu cầu* bạn noi theo những gì bạn thực sự đã biết là tốt đẹp nhất, khi tâm trí bạn cố bịa ra một bào chữa nào đó để làm khác đi. Nó phát biểu với uy quyền của ý chí tinh thần, quyết định con đường của chúng ta trong cuộc sống. Nó không phải là Atma, mà là Buddhi, tức nguyên khí thứ hai, vốn mang lại cho chúng ta tri thức trực giác đối với cái đúng và cái sai. Thượng trí (Manas) đưa ra nguồn cảm hứng, Bồ đề (buddhi) thì về cái đúng và cái sai, còn Atma thì là lương tâm hướng dẫn (directing conscience).

42- Âm thanh thứ nhất giống tiếng hót du dương của chàng họa mi, hát lên khúc nhạc chia tay cô bạn tình.

https://thuviensach.vn

123 ***43- Âm thanh thứ hai hiện ra như tiếng chũm chọe bằng bạc của các Đấng Dhyanis, đánh thức các vì sao lấp lánh.***

44- Âm thanh kế tiếp nghe như tiếng thở than êm ái của một hải tiên (ocean-sprite) bị cầm tù trong lớp vỏ cứng của nó.

45- Tiếp theo là âm thanh của đàn vina [1]

46- Âm thanh thứ năm giống như âm của cây sáo trúc vi vu trong tai của ngươi.

47- Kế tiếp nó chuyển sang một tiếng kèn trumpet.

48- Âm thanh cuối cùng rung động giống như tiếng vang rền âm ỉ của đám mây mang sấm sét.

49- Âm thứ bảy nuốt chửng mọi âm khác. Các âm thanh tắt ngấm và rồi không còn nghe được âm nào nữa.

Loạt bảy âm thanh được nói đến ở đây đã gây nên nhiều bối rối cho những ai từng nghiền ngẫm về quyển sách nhỏ này. Trước tiên, chúng ta phải chú ý đến đặc tính của các âm thanh; kế đó chúng ta sẽ thấy rằng có nhiều cách diễn giải về chúng. Theo thứ tự được đưa ra ở đây, các âm thanh ngày càng tăng thêm tính vật chất (materiality) và mất đi tính chất thấu nhập. Thí dụ, người ta có thể để ý sự dị biệt giữa đàn vina với một cây kèn Ấn độ thuộc loại cổ. Hầu như luôn luôn là một kinh ngạc đối với người Âu Châu, khi mà lần đầu tiên họ nghe được loại âm nhạc tao nhã một cách kỳ diệu của đàn vina, có thể trong một sảnh đường rộng lớn và đông người, không có chút phô diễn sức lực nào, làm thế nào mà tiếng

[1] *Vina:* Một nhạc khí có dây của Ấn Độ, giống như đàn lute. (Trích lại chú thích của quyển "Tiếng Nói Vô Thinh"- ND)

https://thuviensach.vn

đàn lại lọt đến mọi ngóc ngách, và làm sao mà tiếng đàn lại mang cảm giác âm thanh khác biệt với các cõi vật chất của chúng ta.

Âm thanh cao nhất trong loạt âm thanh nói trên được so sánh với tiếng hót của chim họa mi. Người ta cho rằng có những lúc mà tiếng hót của loại chim này có độ cao ngày
124 càng tăng lên cho đến lúc vượt quá tầm nghe của con người, mặc dầu người ta có thể vẫn còn thấy cổ họng của loài chim biết hót này đang rung động với điệu hót. Các sinh viên khoa học đều biết rõ có các âm thanh cao như thế(1). Thí dụ nốt của một cái còi có thể được nâng cao bằng cách tăng áp suất của không khí hoặc hơi nước, cho đến khi những người đang nghe, cho biết rằng họ không còn nghe được nữa. Có một loại còi(2) có thể gọi chó cảnh sát (police dogs) của người Đức. Khi người ta thổi vào còi này (nó giống như một chiếc còi thông thường), không ai có thể nghe được cho dù là âm thanh nhẹ nhất, nhưng con chó được huấn luyện đó, đang ở trong một phòng khác hoặc ở khỏang cách nào đó, sẽ tức khắc vểnh tai lên và phóng chạy đến đúng địa điểm mà có lẽ theo nó là nơi phát ra âm thanh.

Các thể hiện của những âm thanh nói trên chia thành hai nhóm. Âm thanh thứ nhất được đề cập trong danh sách có thể miêu tả âm thanh cuối cùng mà đạo sinh nghe được. Các âm thanh được liệt kê từ trên xuống theo thứ tự tạo ra chúng, theo cách của Đông Phương, sao cho âm thứ nhất

---

1 Tai con người chỉ nghe được các âm thanh trong khoảng 20 Hz đến 20.000 Hz. Quá 20.000 Hz là siêu âm. Loài chó và ngựa nghe được siêu âm. (ND)

2 Còi phát ra siêu âm. (ND)

https://thuviensach.vn

trong sáng tạo là âm thứ bảy khi người tìm đạo tiến gần đến Vị Chúa của sự sáng tạo đó. Vì thế, tiếng vang rền âm ỉ của đám mây mang sấm sét xuất hiện trước nhất, vốn là một âm thanh tiêu biểu hay có liên quan đến nguyên khí hồng trần nơi con người, tiếng đàn vina ở giữa, tượng trưng cho antahkarana (theo cách phân loại của bà Blavatsky), và sau cùng là tiếng thánh thót của họa mi, được liên kết với Atma, là sự tĩnh lặng. Tiếng đó tiêu biểu chính xác cho âm thứ bảy, tức tiếng vô thinh, tất cả các âm khác phải được nâng lên vào âm thanh đó, cho đến khi chúng tắt đi và không còn nghe gì nữa. Đạo sinh phải học nghe thấy Thượng Đế trong tiếng vang rền âm ỉ của cõi trần, kế đó trong tiếng kèn trumpet của cõi cảm dục, rồi trong âm thanh của cõi hạ trí giống với nhạc của cây sáo trúc, và tiếp tục lên đến cõi giới của nguyên khí cao nhất của y.

Theo một cách khác, cũng các âm thanh đó có thể được xem như tiêu biểu cho *độ mạnh* của tiếng nói Chân Ngã mà người tìm đạo nghe được. Đó là một tiếng nói, nhưng được nghe thấy theo bảy *cách*. Thoạt tiên, tiếng đó thanh nhẹ và ngọt ngào, giống như tiếng hót của họa mi và nó thường tan biến vào trong yên lặng. Kế đó nó trở nên mạnh mẽ hơn, giống như "tiếng chũm chọe bằng bạc của các Dhyanis". Tiếng đó trở nên ngày càng mạnh hơn, cho đến cuối cùng nó luôn được nghe thấy, như tràn ngập khắp không trung giống như tiếng vang rền âm ỉ của một đám mây sấm sét. Trong các giai đoạn đầu của quá trình tiến hóa của chúng ta, tiếng nói của Chân Ngã dường như có vẻ yếu ớt và mơ hồ, nhưng về sau, đối với chúng ta, nó thật sự giống như tiếng sấm.

Ngoài ra, trong đoạn văn trên, việc diễn giải các âm thanh này đề cập đến kundalini khi nó được đưa đi qua các

https://thuviensach.vn

luân xa. Thần lực đó thức dậy theo bảy tầng hay cấp độ (layers or degrees), và như thế mang lại các kết quả về mặt tâm linh đã nói ở trên với sức mạnh ngày càng tăng. Tiếng nói, vốn được nghe thấy khi kundalini lên đến vị trí giữa hai mắt, do đó tiếng nói này sẽ được nghe theo bảy mức cường độ, được tượng trưng bằng bảy âm thanh được nói đến ở đây.

Xin lặp lại, thật là tự nhiên khi ở cõi trọng trược nhất, đạo sinh sẽ chỉ nghe tiếng nói nội tâm một cách yếu ớt, giống như tiếng hót của chim họa mi. Khi đạo sinh lên đến cõi kế tiếp, nơi mà lớp phủ ngoài của Chân Ngã bên trong không dày đặc lắm, thì tiếng nói của Chân Ngã sẽ trở nên dễ nghe thấy hơn; cho đến sau cùng khi đạo sinh vươn lên đến nguyên khí cao nhất thì tiếng nói của Chân ngã sẽ giống như tiếng vang rền của đám mây sấm sét. Chỉ có ảo tưởng ở nơi
126 các cõi thấp mới khiến cho chúng ta gán tính chất mong manh cho các sự vật cao siêu. Sau rốt chúng ta sẽ thấy rằng chúng đều có đầy đủ hình thể và thực tại (the full body and reality) của tiếng sấm.

Các cách lý giải này không loại trừ lẫn nhau. Tất cả các kinh nghiệm mà chúng gợi ra đều có thể hữu ích cùng một lúc cho đạo sinh.

Tôi còn nhớ vào một dịp kia có một câu hỏi về các âm thanh này được đưa ra ở một trong các buổi thảo luận của chúng tôi trên sân thượng ở Adyar. Hội Trưởng và tôi lần lượt trả lời như sau:

A.B. - Trong lúc tham thiền, một trong các âm thanh mà bạn bắt đầu nghe (thí dụ, một điều mà tôi nghe rất rõ) là một âm

https://thuviensach.vn

thanh giống như tiếng vỗ trống trong một ngôi làng ở Ấn Độ. Khi tôi tả lại âm đó cho bà H.P.B. nghe, bà bảo: "Tốt lắm, cứ tiếp tục". Kế đó tôi nghe một số khúc nhạc êm dịu, rồi một cái gì đó giống như tiếng chuông bạc… Một âm thanh nữa giống như chuông ngân trong đền thờ, như bạn thường nghe ở Benares. Tôi không bao giờ tìm hiểu xem các âm thanh này có ý nghĩa gì hơn là việc tôi đang bắt đầu có thể nghe thấy ở cõi tình cảm.

Ở Ấn Độ có một ngôi trường được tạo lập bởi một người mà Đức Thầy M. rất đề cao. Người học ở trường đó, sau một thời gian thực hành, có thể nghe các âm thanh rất rõ ràng trong óc, nhưng tôi không bao giờ thấy được người nào nhờ đó mà tiến xa hơn. Ở miền Bắc (nước Ấn - ND), nhiều người đến gặp tôi, hỏi xem các âm thanh đó có ý nghĩa gì. Tôi đáp: "Tôi nghĩ đó không có gì khác hơn là bạn đang bắt đầu có nhĩ thông".

Tôi không bao giờ có thể lựa ra bảy thứ âm thanh mà bà H.P.B. nhắc đến. Có thể chúng hàm ý là bạn phải khơi hoạt tâm thức bạn hết cõi này đến cõi khác, và rằng mỗi cõi được hàm ý là tượng trưng cho nốt của một cõi đặc biệt, giống như ở cõi trần, nốt Fa là sự kết hợp của vô số âm thanh trong cõi trần hòa lẫn vào nhau. Nhưng điều đó không thực sự giải thích được các vấn đề.

C.W.L.- Tôi không thể làm cho các âm thanh đó phù hợp một cách chính xác với các cõi; có khả năng là chúng có thể thuộc về các cõi phụ. Cũng có thể chúng được dự trù để tượng trưng cho các âm thanh vốn đi kèm việc khơi hoạt bảy trung tâm lực của hỏa xà, vì âm thanh là một trong các cách biểu hiện những gì xảy ra trong trường hợp đặc biệt đó. Tôi không bao giờ cảm nhận một cách hoàn toàn chắc chắn những gì bà

https://thuviensach.vn

127 muốn ám chỉ. Người ta dễ có khuynh hướng cho là với các âm điệu khác nhau, chập chỏa bằng bạc sẽ tạo được tất cả các âm thanh.Tiếng sấm dường như không chắc thích hợp lắm.

A.B.- Dĩ nhiên có một số âm thanh trong đầu hoàn toàn thuộc về hệ thống mạch máu. Nếu người nào nghe thấy các âm thanh như thế, chắc chắn điều đó có nghĩa là người này đang lâm vào tình trạng thiếu máu nguy hiểm.

Các âm nói trên không theo mức lũy tiến. Bà H.P.B. rất thường diễn đạt sự việc một cách vòng vo; đôi khi bà bắt đầu bằng số bốn, rồi quay sang hai bên. Cũng có thể bà đưa ra các âm thanh này mà không theo một loại trật tự nào cả. Bạn có thể bắt đầu bằng tiếng sấm, kế đó tiếng kèn trumpet, kế đó tiếng của loài hải tiên, rồi tiếng xập xỏa là âm thanh thứ tư, tiếng sáo thứ năm và tiếng đàn vina vốn là âm thanh tinh tế hơn, đứng thứ sáu, rồi tiếng họa mi, thứ bảy, đứng trên hết.

C.W.L. - Nếu chúng ta được phép chuyển đổi các âm theo vòng như thế, thì chúng sẽ bắt đầu có ý nghĩa xác định.

A.B. - Khi bàn về cõi cảm dục (astrally), bà H.P.B. nói: "Nếu tất cả quý vị hiểu các âm thanh theo cách đó thì không khôn ngoan (fools) lắm: thà quý vị sắp chúng như sau còn hơn: tiếng sấm, tiếng kèn trumpet, tiếng vỏ sò biển (ocean-shell([1])), tiếng não bạt, tiếng sáo, tiếng đàn vina, tiếng họa mi". Bà nói rằng chúng ta theo nghĩa đen một cách tệ hại.

[1] Trong bản Anh Văn, chỗ này là "shell", chứ không phải là "sprite" như đoạn trên, (ND)

https://thuviensach.vn

C.W.L. - Danh sách các âm thanh tương tự cũng được tìm thấy trong các tác phẩm Bắc phạn khác. Chúng tôi lấy thí dụ sau đây trong Shiva Samhita:

Âm thanh thứ nhất giống như tiếng vo vo của con ong say mật, kế tiếp là âm thanh của cây sáo, rồi âm của thụ cầm (harp). Sau đó, nhờ từ từ tu luyện yoga, kẻ diệt trừ bóng tối của thế gian, y nghe được các âm thanh của những cái chuông đang rung; kế đó là các âm giống như tiếng sấm. Khi người nào đặt hết chú tâm vào âm thanh này, nhờ không còn sợ hãi, người ấy đạt được sự hợp nhất (gets absorption), hỡi Đấng yêu thương của con! Khi tâm trí của nhà yogi đặt hết vào âm thanh này, y sẽ quên hết mọi sự việc bên ngoài và được thu hút vào âm thanh này". (Shiva Samhita V, 27 – 8).

50- Khi sáu bị giết chết và rạp ở dưới chân của Chân Sư, thì lúc đó đệ tử được hòa nhập vào Cái Duy Nhất (the One), trở nên Cái Duy Nhất đó và sống trong đó.

Bà Blavatsky nói đến sáu (the six) như sau:

Sáu nguyên khí (the six principles); nghĩa là khi phàm ngã bị hủy diệt và cá tính (biệt ngã, individuality) bên trong bị hòa nhập vào và tan mất trong nguyên khí thứ bảy hay Tinh Thần.

128 Về Cái Duy Nhất được nói đến ở đây, bà nói: ***Vị đệ tử là một với Brahman hay Atma.***

Khi sáu nguyên khí bị "hủy diệt"("Slain"), nói cách khác, khi chúng không còn đòi hỏi sự độc lập của chúng nữa, mà trở nên hoàn toàn tuân theo ý chí của Chân Ngã, thì người tìm đạo sống trong Cái Duy Nhất đó. Tiếng nói thứ bảy của tuệ giác thể (buddhi) sẽ đưa người tìm đạo lên đến

https://thuviensach.vn

Atma (Linh Thể). Bà Blavatsky dùng thuật ngữ Brahman để chỉ Atma của con người theo cách tương suy. Brahman (trung tính, neuter) là Cái Duy Nhất chứa cả Ba (the One containing the Three); cũng thế Atma chứa Buddhi và Manas trong chính nó, khi con người đã trở thành một vị La Hán, và đã học cách sống trong tinh thần tam phân.

51- Trước khi đi vào con đường đó, ngươi phải hủy diệt nguyệt thể, thanh tẩy thể trí và giữ cho tâm được trong sạch.

Bà Blavatsky đưa thêm chú thích sau vào thuật ngữ "nguyệt thể" ("lunar body"):

Thể cảm dục (astral form) được tạo ra bằng nguyên khí kama, tức kama Rupa, hay là thể của dục vọng.

Về thuật ngữ "thể trí" ("mind body"), bà giảng: ***Manasa Rupa gồm hai phần. Phần thứ nhất chỉ phàm ngã (the astral or personal self); phần thứ hai chỉ Biệt Ngã (individuality) hay là Chân Ngã luân hồi (reincarnating Ego), mà tâm thức của nó ở trên cõi của chúng ta, hay là hạ trí, phải bị tê liệt.***

Ba Blavatsky không lưu tâm đến các cõi một cách cặn kẽ như hầu hết các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng ngày nay đang làm. Bà chú trọng nhiều hơn vào các nguyên khí và quan sát chất liệu thuộc các cõi khác nhau đó đang hình thành dưới ảnh hưởng của chúng.

129 Ở đây bà nói đến "cõi của chúng ta", với ý là vùng của sự sống phàm ngã – đó là cõi hồng trần, cõi tình cảm và cõi hạ trí. "Astral form" không nhất thiết là thể cảm dục (astral body) mà đúng hơn là sắc tướng phàm ngã (personal form) được tạo nên nơi các vùng bên trong (subjective regions) của sự sống phàm ngã chúng ta (cõi tình cảm và cõi hạ trí) vì lý

https://thuviensach.vn

do hình hài xác thân chúng ta và các cảm xúc cùng các tư tưởng thuộc về phàm ngã đều có liên kết với sự sống phàm ngã đó. Trong quyển sách nhỏ của tôi, "*Cõi Devachan*" và trong quyển "*Minh Triết Nghìn Xưa*" của bà Besant có một dữ kiện được đưa ra về bốn kiểu mẫu sự sống ở cõi trời này:

1.- Tình bạn cá nhân (personal friendship).

2.- Lòng sùng tín cá nhân (personal devotion).

3.- Tinh thần truyền giáo chân chính (true missionary spirit)

4.- Thành tựu của con người (human achievement).

Tất cả các kiểu mẫu trên đều có bản chất tình cảm (emotive) – mặc dù không ích kỷ (unselfish), song chúng thiếu vô tư (not impersonal), mà lại thiên về dục vọng (kamic). Chúng khoác hình thức do tính chất của kinh nghiệm ở cõi trần. Nhưng hạ trí tinh khiết sẽ là antahkarana – nó sẽ trở thành trí của linh hồn, chứ không phải trí của xác thân. Hoạt động của nó chỉ được kích hoạt từ bên trên. Giờ đây nó phải được tẩy sạch hết mọi dục vọng (kama), để trở thành một vận hà tinh khiết cho linh hồn.

Bàn về tình trạng thể cảm dục của một người tiến hóa. Nó gần như không đáp ứng trực tiếp với các tác động từ bên ngoài. Tự nó, nó không còn quan tâm đến thế gian. Nó không có sự sống riêng biệt của chính nó; nó đã bị "hủy diệt" ("slain"). Nếu một người bình thường bị đánh đập. có lẽ thể tình cảm của người đó sẽ tức khắc bùng lên ngọn lửa giận dữ, đó là sự đáp ứng ngay trước mắt.

Với người tiến hóa thì không phải như thế. Trong trường hợp của người này thì sự tác động sẽ đi vào bên trong, xuyên qua thể cảm dục đến thể Bồ Đề. Thể Bồ Đề sẽ đáp ứng lại theo cách riêng của nó. Kế đó tác động của thể Bồ

https://thuviensach.vn

Đề lên trên thể cảm dục sẽ tạo ra các màu sắc đẹp đẽ của các cảm xúc yêu thương vốn là các tương ứng của nó trong thể tình cảm. Bà Besant thường giải thích rằng hào quang thể cảm dục của một người tiến hóa thì không màu, hay đúng hơn có màu hơi trắng sữa, khi an tĩnh, nhưng mà tất cả các màu sắc đáng yêu nhất mà cõi đó có thể phô bày, đang tuôn chảy qua thể cảm dục khi đáp ứng với sự đáp ứng trong thể Bồ Đề của người cao cả đối với thế giới.

52.- Nguồn nước tinh khiết của sự sống vĩnh hằng, trong suốt như pha lê, không thể trộn lẫn với dòng nước lũ đầy bùn của mùa mưa bão.

53.- Giọt sương trời lấp lánh dưới tia nắng đầu tiên của buổi bình minh, nằm trong lòng của hoa sen, khi rơi xuống đất, trở thành mảnh đất sét; hãy nhìn xem, viên ngọc giờ đây trở thành một vết bùn.

54.- Hãy đấu tranh với các ý tưởng thiếu trong sạch của ngươi trước khi chúng áp đảo được ngươi. Hãy lợi dụng chúng giống như chúng sẽ lợi dụng ngươi, vì nếu ngươi dung dưỡng chúng, chúng sẽ bén rễ và tăng trưởng, ngươi thừa biết là các tư tưởng này sẽ áp đảo và hạ gục ngươi. Hỡi đệ tử, hãy cảnh giác, dù là cái bóng của chúng cũng đừng cho phép đến gần ngươi, vì nó sẽ phát triển trở nên lớn mạnh, và lúc đó vật tối tăm này sẽ thâm nhập vào bản thân ngươi trước khi ngươi nhận diện được con quái vật bẩn thỉu hắc ám đó.

Trên thế gian này, có một số người tưởng rằng có thể tiếp tục làm những điều thấp hèn mà vẫn tiến bộ trên Thánh đạo được. Đôi khi họ thực sự nghĩ rằng bằng các hình thức khích động xấu xa khác nhau, họ có thể làm sinh ra một số

https://thuviensach.vn

lớn năng lượng để giúp đưa họ tiến lên cao. Họ sợ trở thành người thiếu cá tính (colourless), nếu họ đè nén hoàn toàn các hoạt động thấp kém. Dĩ nhiên, vì có lời đồn đại rằng, người thiếu cá tính, tức là người tốt lành nhưng nhu nhược, không thể tiến hóa được. Trong sách Khải Huyền, có lời phán của Đấng A-men[1](the Spirit): "*Ngươi không lạnh cũng không nóng. Vậy, vì ngươi hâm hẩm, không nóng cũng không lạnh, nên ta sẽ nhả ngươi ra khỏi miệng ta*" (Khải Huyền 3, 15 – 16. Bản dịch Thánh Kinh 2003, trang 264)

Đoạn này trình bày rất rõ các sự thật, Những người có triển vọng nhất theo thứ tự ưu tiên là:

1.- Người hiền lành có ý chí (vigorous good man)

2.- Người xấu xa có ý chí (vigorous bad man)

3.- Người hiền lành thông thường (ordinary good man).

Không một ai có thể trở thành kẻ tội phạm nổi bật (effective criminal) trừ phi người đó có một sự phát triển mạnh mẽ tính chất thiêng liêng nào đó. Tính xấu của y là kết quả của sự mất thăng bằng – ví dụ có được sức mạnh ý chí lớn lao và nhiều can đảm, hoặc là thông minh xuất chúng, mà thiếu tình thương đối với đồng loại của mình. Hoặc là có nhiều tình thương và sức mạnh ý chí, nhưng thiếu thông minh, có thể biến thành một người nguy hiểm và có hại, vì người này có thể trở thành một nhà lãnh đạo cuồng tín của các lực lượng bất mãn và gây xáo trộn. Một người chỉ có lòng tốt, nhưng kém cỏi về mọi tính chất – về ý chí, trí thông minh và tình thương – cũng tiến được chút ít mặc dù tiến bộ đó có

[1] *Đấng A-men:* Đấng làm chứng thành tín chân thật, Đấng làm đầu cội rễ cuộc sáng thế của Đức Chúa Trời (Thánh Kinh, 2003, trang 264)

https://thuviensach.vn

thể ổn định. Các vĩ nhân dù có các khuyết điểm lớn, nhưng họ có thể tống khứ các khuyết điểm đó một cách mau lẹ; kẻ tầm thường dù có các khuyết điểm nhỏ, nhưng khuyết điểm đó thường kéo dài rất lâu. Trong trường hợp nào đi nữa cũng không có việc khuyến khích cho cách sống xấu xa. Điều đó cho thấy rằng chỉ ức chế các khuynh hướng thấp sẽ không tạo được tiến bộ nhanh, mà phải có nỗ lực tích cực và mạnh mẽ để biểu lộ những gì cao thượng và tốt đẹp. Trong khi đưa ra nỗ lực đó, một người có thể gặp thất bại. Chính quyền năng của ý chí hay là tri thức hoặc là tình thương mà người đó thu lượm bằng các nỗ lực của mình mới làm cho sự thất bại của con người trở nên sâu xa và khủng khiếp hơn, nếu y trở nên
132 thiếu quân bình. Thế nên mức độ to lớn của tội lỗi một người có thể là một dấu hiệu của sự tiến bộ nhanh chóng có thể xảy ra trong tương lai cho người này; nhưng sự tiến bộ đó sẽ chỉ bắt đầu khi mà nhờ đau khổ do nghiệp quả, con người mới nhận ra sai lầm của mình và tẩy xóa đi các điều không tinh khiết xảy ra do sự sa ngã của mình. Tuy nhiên, không thể làm được gì nhiều nếu không có sự thanh luyện. Bà Blavatsky đã mạnh mẽ bàn đến điểm này trong quyển "*First Steps in Occultism*" của bà như sau:

Có những người mà khả năng suy tư của họ bị các ảnh hưởng bên ngoài làm cho lệch lạc đến nỗi họ tưởng tượng rằng các thị dục thấp kém có thể được chế ngự và nâng lên cao đến nỗi có thể nói là sự tức giận, sức mạnh và sự hăng hái (fire) có thể được chuyển vào bên trong, để rồi chúng có thể được chất chứa lại và cất giấu trong lòng con người, cho đến khi sức mạnh của chúng không bị trải rộng ra, mà được chuyển sang các mục tiêu cao siêu và thánh thiện hơn, nghĩa là, cho đến khi sức mạnh tổng hợp và không mở rộng của

https://thuviensach.vn

chúng cho phép kẻ có các mục tiêu như thế được tiến vào Thánh Điện đích thực của linh hồn và trụ lại trong đó trước sự hiện hữu của Đức Thầy – tức Chân Ngã. Vì mục đích này mà họ sẽ không tranh đấu với các thị dục của họ, mà cũng không tiêu diệt chúng. Bằng một nỗ lực mạnh mẽ của ý chí, họ chỉ sẽ hạ thấp những ngọn lửa hung hãn và tránh xa chúng, nhưng lại để cho lửa cháy âm ỉ dưới một lớp tro mỏng. Họ vui vẻ hứng chịu cực hình của cậu bé thành Sparta[1] (cậu bé này thà để cho con chồn ăn ruột gan của mình hơn là lìa bỏ con chồn). Ôi, thật đáng thương cho những kẻ có ảo tưởng mù quáng!

Cũng như hy vọng rằng một toán thợ cạo ống khói đang say khước, chịu nóng bức và lem luốc mình mẩy vì công việc, có thể được đưa vào trong một Thánh Điện giăng vải lanh trắng tinh khiết, và thay vì sự có mặt của họ làm cho nơi đó bị nhiễm trược và biến thành một đống giẻ bẩn thỉu, họ lại trở thành những thầy tu ở bên trong và hòa mình vào chốn linh thiêng đó, để sau cùng khi bước ra khỏi nơi đó, họ trở thành thánh khiết như là chốn linh thiêng đó vậy. Tại sao không tưởng tượng thêm rằng một tá chồn hôi (skunks) bị nhốt ở trong bầu không khí tinh khiết của một Dgonpa (một tu viện, a monastery), khi chạy ra khỏi tu viện lại được tẩm vào mình tất cả các mùi thơm của nhang trầm đã đốt bên trong? Thật là sự lầm lạc lạ lùng của trí óc con người. Đoạn này kết thúc bằng các câu kinh văn quyết liệt sau đây:

55.- Hỡi đệ tử, trước khi mãnh lực thần bí có thể làm cho ngươi thành một Đấng Cao Cả, ngươi phải đạt cho được năng lực tiêu diệt thể cảm dục của ngươi theo ý muốn.

[1] Sparta: một thành phố của Cổ Hy Lạp. (ND)

https://thuviensach.vn

56.- Bản Ngã vật chất và Bản Ngã Tinh Thần không bao giờ có thể gặp nhau. Một trong hai phải biến mất, không có chỗ cho cả hai.

57.- Trước khi linh trí của Hồn ngươi có thể hiểu được, mầm mống của phàm ngã phải được nghiền nát, con sâu của giác quan phải bị hủy diệt đến mức không còn sống lại được.

Một lần nữa mãnh lực thần bí chính là hỏa xà, là đại diện trong xác thân của "sức mạnh nguyên sơ vĩ đại đang nằm bên dưới tất cả mọi chất hữu cơ và vô cơ". Chú giải của bà Blavatsky về chủ đề này như sau:

Kundalini, là mãnh lực hỏa xà (serpent power) hay lửa thần bí (mystic fire); sở dĩ nó được gọi là sức mạnh hình rắn (serpentine power) hay là mãnh lực hình vòng (annular power) do bởi cách hoạt động hay tiến lên theo hình xoắn ốc của nó trong cơ thể của vị tu sĩ khổ hạnh đang mở quyền năng nơi chính mình. Đó là mãnh lực lửa điện huyền bí hay thần lực Fohat, loại mãnh lực nguyên sơ vĩ đại đang nằm dưới mọi chất hữu cơ lẫn vô cơ.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 10

TRỞ THÀNH THÁNH ĐẠO.

50.- Ngươi không thể bước trên Thánh đạo trước khi ngươi trở thành chính Thánh Đạo đó.

C.W.L.- Cước chú sau đây được đưa vào câu kinh trên:

Thánh Đạo này được nhắc đến trong mọi tác phẩm huyền bí. Như Đức Knishna nói trong Kinh Jnaneshvari: "Khi trông thấy được con đường này… dù cho người ta lên đường đến chỗ rực rỡ của phương đông hoặc đến chỗ hang hốc của phương tây, không hề lay chuyển, hỡi người cầm cung tên, là cuộc hành trình trên con đường này. Trên con đường này, bất cứ chỗ nào người ta muốn đến, thì chỗ đó trở thành chính người đó". "Ngươi là con đường", là câu nói được thốt ra cho Đức Thầy, để rồi Đức Thầy nói với đệ tử sau cuộc điểm đạo. Một Đức Thầy khác thì nói "Ta là con đường và là thánh đạo"

Trong phần bình giảng quyển Dưới Chân Thầy, chúng tôi có giải thích rằng tư tưởng và các xúc động, vào lúc đầu vốn khó nắm bắt và duy trì, cuối cùng trở nên hoàn toàn dễ dàng. Khi người tìm đạo dốc sức và tự phát triển đến nỗi triển vọng và sự đáp ứng bằng tuệ giác đối với sự sống trở nên hoàn toàn tự nhiên và tự phát đối với y, thì chúng ta có

https://thuviensach.vn

thể nói là y đã trở thành chính Đường Đạo. Kết quả của nỗ
135 lực và thực hành không ngừng như thế đôi khi được gọi là "bản tính thứ hai" ("second nature"). Tuy nhiên cách nói đó mang lại cho người ta một cái gì đó tựa như cảm giác rằng các tính chất mới đã được đưa vào và sau đó trở thành thói quen. Quả là đáng tiếc. Đó chính là bản chất ban đầu và tốt đẹp nhất của chúng ta, bản chất cao siêu của chúng ta, bản chất đó tự biểu lộ trong nếp sống cao cả; nó dường như trở thành một điều mới mẻ đối với chúng ta, chỉ vì từ trước đến giờ nó bị che khuất bởi các vỏ vật chất bọc bên ngoài và sức ép của các hoàn cảnh trong thế giới con người chúng ta.

Một chân lý siêu hình lý thú được nêu ra trong phần cước chú. Bước tiến hóa của chúng ta không phải là một sự chuyển di, cũng chẳng phải là một sự tăng trưởng. Đó không phải là một tiến trình đi đến nơi nào, cũng không phải là một sự gia tăng kích cỡ. Đó là sự khai mở các quyền năng tiềm tàng trong các kiếp sống của chúng ta. Như đã nói, trong các cõi của Chân Ngã, tính vật chất (materiality) chiếm hàng thứ yếu, các quyền năng của tâm thức – ý chí, minh triết và hoạt động (hoặc ý chí, bác ái và tư tưởng) – hầu như chi phối hoàn toàn vật chất của các cõi. Do đó không gian không phải là người cai tù (jailor) mà chính là cõi trần này, và tâm thức không cần đi xuyên qua nó để xuất hiện ở nơi khác. Cuộc đạo đàm sau đây giữa một Đạo Sư (Guru) với đệ tử của ông có liên quan với việc làm sáng tỏ quan điểm này. Vị Guru bảo đệ tử cuốc bộ qua hết căn phòng, rồi hỏi:

"*Con đang làm gì thế? Có phải đang hoạt động không*? " Sau một hồi ngẫm nghĩ, vị đệ tử đưa ra câu trả lời sau đây được cho là chính xác:

https://thuviensach.vn

"Thưa không, không phải con đang hoạt động, mà con đang nhìn thấy xác thân con hoạt động. Còn con thì đang suy tư, đang cảm nhận, đang mong muốn; chỉ có xác thân con mới đang hoạt động"[1].

136 Sự kiện này quả là đúng đối với tất cả chúng ta. Chúng ta biết được hoạt động của xác thân chỉ nhờ quan sát nó bằng các giác quan, giống như chúng ta làm điều đó đối với bất cứ đối tượng nào khác. Thí dụ, trong một chiếc xe hơi mở toang cửa, khi người ta nhắm mắt lại, cái cảm giác chạy nhanh tự chuyển đổi thành một cảm giác hiện có về luồng không khí đang chạy ùa vào, và một cảm giác về cái sức mạnh đang tác động qua sự tưởng tượng, đem lại sảng khoái cho xác thân. Cũng kinh nghiệm đó có thể được tạo trở lại bằng cái máy thích hợp, gồm có luồng gió và các máy tạo chuyển động (motion machines), mà không cần có sự di chuyển nào của xác thân.

Thêm một thí dụ nữa, đa số du khách có dịp du lịch ban đêm trong toa xe hạng sang có giường nằm (pullman berths) đều trải qua kinh nghiệm lúc thức giấc, họ tự hỏi không biết mình đang di chuyển mà đầu về phía trước hay chân về phía trước, hoặc ngay cả họ tự hỏi không rõ xe lửa đang chạy hay đang ngừng, và họ thường giải đáp câu hỏi bằng cách vén màn lên và định hướng của mình bằng cách quan sát ánh sáng và bóng tối đang chạy qua.

Trong thực tế, muốn đi từ nơi này đến nơi khác, Chân Ngã không cần di chuyển, điều này cũng được chứng tỏ bằng cách là Chân Ngã có thể đồng thời xuất hiện bằng các hình

[1] Bảy Cung (The Seven Rays).

https://thuviensach.vn

ảnh ở Devachan của một số người trong cõi hạ trí ở các phần khác nhau trên thế giới.

Dù vậy, ở giai đoạn phát triển được giả định trong phần giảng giải này, đạo sinh đang làm việc cho sự hoàn thiện phàm ngã của mình, cùng lúc đó công việc bên trong của đạo sinh có liên quan đặc biệt với sự phát triển của buddhi, tức là hồn tinh thần([1]). Nói khác đi, đạo sinh đang leo lên xuyên qua cõi Bồ Đề. Do đó, việc trở nên Đường Đạo của đạo sinh được chứng tỏ bằng một phát triển lớn lao về sự đồng cảm (sympathy) và tình thương đối với những kẻ khác như được nêu ra trong các câu kinh sau:

59.- Hãy để cho Linh Hồn ngươi ân cần lắng nghe mọi tiếng kêu than, giống như hoa sen mở rộng lòng để uống ánh nắng ban mai.

60.- Đừng để cho ánh dương gay gắt sấy khô một giọt nước mắt đau khổ nào trước khi chính ngươi đã lau dòng lệ nơi mắt kẻ đau khổ.

61.- Nhưng hãy để cho mỗi giọt lệ nóng của thế nhân rơi vào lòng ngươi và đọng lại đó; đừng bao giờ phủi nó đi cho đến khi nỗi đau khổ đã gây ra nó bị loại bỏ.

62.- Hỡi kẻ có lòng từ bi bao la, những giọt lệ này là các dòng suối tưới vào các cánh đồng từ thiện bất tử. Cho đến khi trên mảnh đất đó mọc lên đóa hoa bán dạ (midnight blossom) của Đức Phật, khó tìm và khó gặp hơn là hoa của cây Vogay. Đó là mầm mống để thoát luân hồi. Nó tách vị La Hán ra khỏi sự tranh đua lẫn ham muốn, nó dắt vị La Hán vượt qua

[1] Hồn tinh thần hay hồn thiêng (spiritual soul) là trạng thái cao nhất trong ba trạng thái của linh hồn (ND).

https://thuviensach.vn

các cánh đồng hiện tồn (of being) đến tận chốn an bình và phúc lạc chỉ được biết đến trong vùng đất tịch lặng và phi hiện tồn (non-being).

Khi Đức Christ nói: "***Ta là đường đi, và chân lý, và sự sống; chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha***" (S. John, 14, 6), lúc đó Ngài đã tuyên bố một chân lý huyền nhiệm, vì Christ là một với trạng thái Bồ Đề của tâm thức thế gian (world-consciousness). Chỉ có một tâm thức duy nhất; khi hoàn toàn nhận thức được sự thật này thì vị Điểm đạo đồ có thể trở thành La Hán – nhưng chỉ khi nào vị đạo đồ kinh qua nguyên khí Christ đó thì ngài mới có thể đến được với Cha, tức Atma, ở bên trên. Chân lý đó, được giảng giải một cách
138 minh bạch và cảm hứng tuyệt diệu trong quyển "*Esoteric Christianity*" ("*Cơ Đốc Giáo Nội Môn*") của bà A. Besant, tuy thế lại chỉ là một khía cạnh của vấn đề, vì Đấng Christ lúc lâm phàm lại là hiện thân của cùng một nguyên khí trong cuộc sống đời thường (outward life) của Ngài ở Palestine, cuộc sống này đã làm thức động đến hàng nhiều triệu người – bởi vì Ngài không chùn bước trước đau khổ. Hầu hết con người cố tránh đau khổ tới mức tối đa, còn Đức Christ chẳng những chấp nhận đau khổ riêng của Ngài, mà còn đưa thêm vào đó nỗi đau khổ của tất cả những người khác nữa. Những ai đi theo con đường Bồ Tát (Buddhic path) khi gặp khó khăn xảy đến, theo bản năng, đều nói: "Bao người đang chịu đau khổ, tại sao ta lại muốn được miễn trừ?" Hơn thế nữa, với tấm lòng đầy thiện cảm, họ cảm thấy rằng đau khổ khác đưa đến chỗ gián đoạn, trước khi họ đạt đến sự thanh tĩnh của quả vị La Hán, thì sự giác ngộ đặt tử thần dưới chân họ, làm cho họ trở nên nhiệt tình với nỗi hân hoan của tự do, dù sự đau khổ có thể xảy đến. Cái tự do như thế sẽ dẫn đến sự an

https://thuviensach.vn

tĩnh tắc trách, con người có thể có được nó trước khi trải qua kinh nghiệm đau khổ của Đấng Christ, trong đó nỗi đau vì thập giá được xem như không đáng gì so với nỗi đau do sự đáp ứng bởi lòng từ bi của Ngài trước tiếng kêu than của thế gian đang đau khổ. Kế đó đến trình độ mà con người lên tiếng nói: "Dù tôi có đau khổ hay không thì có gì là quan trọng?" Tâm trí con người bận vào việc phụng sự đến nỗi y ít quan tâm đến chính mình.

Chỉ có những ai thật tâm suy tư về các thực tại siêu hình mới có thể hiểu được cách diễn tả như là "an bình và chí phúc chỉ được nhận biết trong mảnh đất tịch lặng và phi hữu thể (non-being)". Hầu hết các cách diễn đạt theo Đông Phương như thế đều được dựa trên ý tưởng căn bản rằng Thượng Đế phổ quát tự biểu hiện dưới hình thức sat, chit và ananda, tức là hữu thể (being), tâm thức (consciousness) và toàn phúc (bliss).

139 Hữu thể được hiểu rõ; mọi người đều thấy nó chung quanh mình; con người cũng biết được tâm thức bằng kinh nghiệm; nhưng con người đang tìm kiếm hạnh phúc. Mọi người đang tìm kiếm chính mình. Hạnh phúc không phải là cái gì đó mà chúng ta sẽ giành lấy, đạt được và chiếm hữu; nó là trạng thái đích thực của Chân Ngã chúng ta. Nhưng bên kia cả vật chất và tâm thức là sự sống nội tâm đích thực, vốn ở trạng thái tĩnh lặng (silence) và phi hữu thể (non-being) theo quan điểm của cái ngoại tại (the external), tuy thế lại là chí phúc của hữu thể đích thực (true being).

63.- Hãy diệt lòng ham muốn; nhưng nếu ngươi diệt nó rồi thì phải coi chừng, kẻo từ xác chết nó sẽ sống lại.

https://thuviensach.vn

64.- Hãy diệt lòng ham sống; nhưng nếu ngươi diệt lòng khát sống (Tanha), thì hãy làm điều này không phải vì khao khát sự sống vĩnh cửu, mà vì muốn thay thế cái phù du bằng cái thường tồn.

65.- Chớ ham muốn một thứ gì. Chớ bực dọc với Nghiệp quả, cũng như với các định luật bất biến của thiên nhiên. Nhưng chỉ đấu tranh với chính bản thân (the personal), với cái vô thường, cái phù du và cái dễ hư hoại.

Sự ham muốn thông thường là sự yêu thích các sự vật ngoại giới vì thú vui của thể cảm dục hay giác quan. Chúng ta đã thấy rằng vị đệ tử đừng nên tìm cách làm thỏa mãn các ham muốn như thế, mà phải dành hết mọi năng lượng của phàm ngã mình – thuộc thể xác, thể tình cảm và hạ trí – cho công việc tiến hóa tâm linh và cho việc phụng sự sự sống nội tâm nơi chính mình và nơi những người khác.

Lòng khát sống là căn cội của các ham muốn này, bởi vì nó chính là việc khao khát sự sống hữu cảm thức (sentient life). Trên cõi riêng của mình, Chân Nhân không có ý thức một cách đầy đủ một chút nào, nhưng loại tâm thức mà nó đang có, đang mang lại cho nó một cảm giác vui thích lớn lao, và khơi dậy một loại khao khát về một nhận thức đầy đủ hơn đối với sự sống. Chính đó là những gì ở đàng sau cái đòi hỏi
140 lớn của thế gian để có một cuộc sống sung mãn hơn. Như có giải thích ở trước, các mãnh lực của cõi thượng trí đi xuyên qua thể nguyên nhân (causal body) hầu như là không tác động vào thể này trong trường hợp những người thường, vì Chân ngã chưa được phát triển và được tập luyện để đáp ứng được nhiều hơn một ít với các rung động thô trược trên cõi đó, giống như loại rung động mà Chân Ngã có thể đáp ứng được trong những ngày còn non trẻ của nó, vì thế Chân Ngã

https://thuviensach.vn

đi xuống các cõi thấp với lý do để cảm nhận được linh hoạt đầy đủ hơn. Vì lẽ đó, trong một thời gian dài, tâm thức của Chân Ngã linh hoạt nhiều nhất khi các sự việc của cõi trần được trình bày với nó, nhưng sau đó, khi bản chất cảm dục được khơi hoạt, các hứng thú của cõi đó tỏ ra còn mạnh mẽ hơn nữa.

Ở trong thể xác không thể nào nhận thức được các nỗi vui thích (delights) của cuộc sống cõi cảm dục mãnh liệt đến mức nào. Chẳng qua đó là trường hợp mà các vui thích đó thường chuyển sang một bên và làm chậm trễ những người đã vượt qua được cùng một loại thú vui như thế ở cõi trần. Tuy nhiên nguy hiểm đó không lớn lắm đối với những ai mà trong cuộc sống hồng trần đang dứt khoát mưu tìm các sự việc trên Thánh Đạo, nếu họ là những người thuộc hạng tiến hóa, vì họ đang ở vào vị thế có thể nhận thức được các lạc phúc còn cao hơn nữa, các lạc phúc này có một sức thu hút lớn lao hơn. Lần lượt trên mỗi cõi, sự việc như trên vẫn đúng.

Tuy thế, vị đệ tử phải cảnh giác, không nên từ bỏ các lạc thú thấp chỉ vì các lạc thú tương đối cao hơn, mà luôn luôn trông chừng vào mục tiêu lý tưởng của mình, vượt lên trên mọi lạc thú nhất thời. Đệ tử đừng nên khao khát hưởng thụ các lạc thú lâu dài nơi cõi trời, mà phải từ bỏ tất cả những gì giả tạm và riêng tư. Trong khi đó, một mặt, y sẽ không tìm
141 cách có được các đối tượng ưa thích, mặt khác y sẽ không lùi lại trước các bài học mà nghiệp báo đặt trước mặt y. Y sẽ không ước muốn rằng lãnh vực kinh nghiệm của y sẽ là lãnh vực nào khác hơn là hiện nay. Y biết rằng chính vì các định luật của tạo hóa đều không thay đổi cho nên y có thể tận dụng kinh nghiệm để phát triển. Nếu kinh nghiệm đó không theo trật tự tự nhiên của thế gian, thì trí tuệ không thể phát

https://thuviensach.vn

triển tức là con người không thể vận dụng các năng lực của mình được chút xíu nào. Thế nên vị đệ tử sẵn lòng chấp nhận nghiệp quả, vì nghiệp quả là hiện thân của Thiên Luật.

66.- Hãy trợ giúp và cộng tác với thiên nhiên thì thiên nhiên sẽ xem ngươi như là một trong những người sáng tạo của nó và thể hiện sự phục tùng.

67.- Đồng thời thiên nhiên sẽ mở rộng cánh cửa của các căn phòng bí mật của nó ra trước ngươi, phơi bày trước sự chú mục của ngươi các kho tàng ẩn giấu trong tận các nơi sâu thẳm của nơi che chở hoàn toàn trinh nguyên của nó. Không bị vấy bẩn bởi bàn tay vật chất, thiên nhiên chỉ để lộ các kho tàng của mình trước con mắt Tinh Thần – con mắt không bao giờ nhắm lại, mà đối với con mắt đó, thì không còn bức màn che nào nữa trong mọi vương quốc của thiên nhiên.

68.- Bấy giờ, thiên nhiên sẽ cho ngươi thấy phương tiện và con đường, cánh cổng thứ nhất, thứ hai, thứ ba, đến tận cổng thứ bảy. Và rồi đến mục tiêu; mà vượt qua đó, được bao phủ trong ánh dương của Tinh Thần là các vinh quang không kể xiết mà không con mắt nào thấy được trừ con mắt của Linh Hồn.

Tất cả các đạo sinh của khoa học vật chất đều quen thuộc với sự thật này: "*Thiên nhiên chỉ bị chinh phục bằng cách tuân theo nó" ("Nature is conquered by obedience"*). Tất cả các mãnh lực mà chúng ta sử dụng trong đời sống hiện nay, như là áp suất của hơi nước hoặc điện lực, đều là các thí dụ về việc chúng ta thuận theo thiên nhiên. Dùng thuật ngữ "bị chinh phục" ("conquered") có lẽ không được thích hợp lắm, khi mà sự thật là mọi năng lực của chúng ta trong cõi đời này đều là kết quả của sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên.

https://thuviensach.vn

Trong một con thuyền, người ta phải điều chỉnh cánh buồm sao cho có thể đi ngược gió, đó không phải là chế phục gió, mà là làm cho công việc của người được hài hòa với các định luật của gió. Nhờ thuận theo thiên luật chớ không phải đi ngược thiên luật mà con người mới đạt được quyền năng.

Nhà huyền linh học biết rằng cùng một nguyên tắc như nhau thì đều đúng trên mọi cảnh giới, và không những về mặt vật chất của mỗi cõi giới mà còn về các sinh linh trú nơi đó nữa, dù ở trên thang tiến hóa cao hoặc thấp. Do đó, kiến thức về các định luật cơ học của thiên nhiên, vốn đã đưa đến bao nhiêu là quyền lực và tài nguyên cho nhân loại, chỉ trình bày một trạng thái hài hòa nên tồn tại giữa thiên nhiên với nhân loại. Một tình cảm thân thiện đối với thú vật, cỏ cây và ngay cả khoáng thạch, đối với các tinh linh thiên nhiên và thiên thần, cũng quan trọng ngang bằng, nếu không muốn nói là nhiều hơn, cho sự tiến hóa của con người. Thiên nhiên gồm có sự sống cũng như vật chất, và chính nhờ tình cảm thân thiện này mà con người mới hiểu biết sự sống đó và làm cho nó hài hòa với sự sống của con người. Thói quen đáng tiếc của thời đại chúng ta là xem thế giới này như là một nơi chứa đầy các sinh linh không thân thiện, nhưng người nào đối xử với sự sống bằng một hảo cảm đối với vạn vật, thì chẳng những sẽ thấy và học được nhiều điều hơn những kẻ khác, mà còn sẽ vượt qua được biển đời một cách trôi chảy êm ái hơn. Ở Ấn Độ, có truyền thuyết về "bàn tay may mắn"("lucky hand") của một số người có hảo cảm này, đối với họ, cây trồng sẽ mau lớn sởn sơ (grow well), trong khi đối với những người khác, cây trồng lại èo uột, chậm lớn (ail).
143 Điều này cũng đã được các vị có uy tín trong khoa huyền môn lý giải nhiều lần rằng vì lòng yêu thương đối với vạn vật

https://thuviensach.vn

mà vị yogi chân chính hay là sannyasi([1]) có thể đi lang thang trong núi rừng mà hoàn toàn không bị dã thú hoặc rắn rít làm hại.

Trong cuộc sống thông thường của con người, lòng thiện cảm này tác động theo nhiều cách. Nhà kinh doanh thời nay đều biết rằng điều cần thiết đầu tiên cho sự thành công của mình là tạo được tình thân hữu với những người mà mình muốn giao dịch. Tính chất đó cũng cần trong việc dạy dỗ trẻ con, vì trẻ con thường xem người lớn như kẻ xa lạ, độc đoán, không cùng tầng lớp với chúng, mà có phần xa lạ, giống như một người ở địa cầu có thể nhìn một người trên Hỏa Tinh theo trí tưởng tượng của ông Well. Nhưng khi thiết lập được tình cảm thân thiện, thì mọi sự xa lạ đó không còn nữa, công việc giáo dục thật sự mới có thể tiến hành.

Các tinh linh thiên nhiên đều ở cùng tình huống giống như trẻ con, ngoại trừ một điều là chúng không tùy thuộc vào chúng ta và có thể dễ dàng tránh ở gần chúng ta, giống như các loại tinh linh dễ chịu hơn thường làm, khi con người văn minh hiện đại đi đến, mang theo họ các phong cách ồn ào, dung tục và tàn bạo, cùng với hào quang và đám mây hình tư tưởng thiếu trong sạch, gây kinh tởm. Thật sự là nếu con người đồng cảm với các giới khác, nếu con người trồng rừng chứ không tiêu hủy rừng, và nếu con người tỏ ra thân ái với thiên nhiên nói chung, thì chúng ta sẽ hưởng được khí hậu ôn hòa hơn và việc trồng trọt dễ thành công hơn. Dĩ nhiên, phải

[1] *Sannyasi* (B.Phạn): Một tu sĩ khổ hạnh trong Ấn Giáo, người đã đạt đến tri thức thần bí cao siêu nhất; người mà tâm trí chỉ an trụ vào chân lý siêu việt và đã hoàn toàn từ bỏ mọi điều của thế tục, của trần gian. (Theosophical Glossary,1971).

https://thuviensach.vn

nói rằng hiện có phong trào ủng hộ lập vườn chung quanh nhà, trồng cây và hoa ngay trên các con đường của các đô thị chúng ta, tất cả đều theo chiều hướng đúng đắn, thêm nữa, các cách đặc biệt để vun trồng đất đai, vun trồng các loại hoa, quả, hạt và cây cỏ đặc biệt, thậm chí các loài động vật nữa, khi thi hành những việc nói trên tức là con người đã làm được nhiều điều để giúp vào công việc của tinh linh thiên
144 nhiên. Nhưng với tình cảm thêm vào, các kết quả còn tốt đẹp hơn nữa sẽ tăng lên.

Đôi khi sự đồng cảm này đã được xiển minh, nhất là bởi các thi sĩ. Các tiểu luận và thi phẩm của T.S. Rabindranath Tagore([1]) trình bày điều đó ở một cấp độ rất cao. Quả thực, việc quảng bá tính chất này có thể được xem gần như là cách đóng góp đặc biệt của ông vào nền văn minh hiện đại.

Một trường hợp được biết rõ khác là trường hợp của triết gia Emerson, ông này, sau những chuyến đi diễn thuyết mùa đông, khi trở về nhà ở Concord, thường lấy tay vuốt ve các cành cây thấp trồng ở nhà ông. Ông cho biết rằng ông có thể cảm nhận các cây đó tỏ ra vui mừng lúc ông trở về, và chắc là tính chất thiện cảm đó trở thành một trợ giúp lớn cho nguồn hứng cảm của ông.

Những người sống với vườn tược như Luther Burbank ở California, thường nói rằng họ đặc biệt biết được cảm giác

[1] *Rabindranath Tagore* (1861-1941): thi sĩ người Ấn, sinh ở Calcutta, sang Anh học về luật năm 1877. Được giải Nobel về văn chương năm 1913. Năm 1919 từ bỏ tước hiệp sĩ để phản đối các biện pháp hà khắc ở Punjab. Tác giả của khoảng 60 thi phẩm. Ngoài thi ca, ông còn sáng tác nhiều tác phẩm bằng tản văn. (Webster's Biographical Dictionary, 1971)

https://thuviensach.vn

đến được với họ từ một số cây nhỏ lẫn cây to. Những người ở Canada, vì nhiệm vụ phải sống thường xuyên trong rừng để kiểm tra, đánh dấu cây và làm công việc khác, đã cho tôi biết rằng họ cảm nhận có một sự sống trong rừng riêng biệt với sự sống ở nơi khác, họ cũng biết được rằng có một số địa điểm và cây cối ưa thích con người, còn nơi khác, cây khác thì trái lại.

Mối thiện cảm như thế hoàn toàn tự nhiên. Nếu bạn cảm thấy đặc biệt yêu thích và ngưỡng mộ đối với một người nào đó, thì người đó cũng có khuynh hướng quan tâm đến bạn và yêu thương lại bạn. Ở trình độ thấp hơn, nếu bạn yêu mến con thú, nó trở nên rất quyến luyến bạn. Ở trình độ thấp hơn nữa, trong giới thực vật và khoáng vật, định luật đó vẫn đúng, mặc dầu hiệu quả kém rõ rệt hơn. Từ đó mới phát sinh truyền thuyết cho rằng hoa lá và cỏ cây sẽ phát triển tốt tươi đối với một số người này hơn là đối với số người khác, các sự việc khác cũng giống như thế. ***Chính là từ điện con người gây ra việc đó, và đó là cái mà ở trình độ cao, chúng ta gọi là tình thương***. Ở đây, không cần nói gì về bảy cái cổng được nhắc đến trong đoạn này, vì toàn bộ Đoạn thứ ba của quyển này được dành cho bảy cái cổng, và ở đó, chúng ta sẽ khảo sát chúng một cách tỉ mỉ.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 11

CON ĐƯỜNG DUY NHẤT

69.- Chỉ có một con đường đưa đến Thánh đạo. Chính riêng tại cuối con đường đó, con người mới nghe được Tiếng Vô Thinh. Cái thang mà đạo sinh leo lên được tạo bằng các bậc thang đau khổ. Các bậc thang này chỉ có thể được làm cho im lặng bằng tiếng nói của đức hạnh. Hỡi đệ tử, lúc bấy giờ nỗi bất hạnh sẽ đến với ngươi nếu còn một tính xấu nào mà ngươi chưa bỏ lại ở sau, vì lúc đó thang sẽ rơi ra, hất ngã ngươi, chân thang ngập sâu trong bùn lầy của tội lỗi và sa đọa của ngươi, và trước khi ngươi có thể cố vượt qua cái hố vật chất rộng lớn này, ngươi phải rửa chân trong dòng nước từ bỏ. Hãy coi chừng kẻo ngươi lại sẽ đặt chân còn bẩn trên nấc thang thấp nhất. Bất hạnh cho kẻ nào dám làm bẩn một nấc thang với đôi chân lấm bùn. Chất bùn bẩn thỉu và nhày nhụa sẽ khô lại, trở nên bền chắc, rồi gắn chặt chân y vào điểm đó, và giống như con chim dính vào lớp nhựa của người bẫy chim tinh quái, y sẽ bị chặn lại không còn tiến xa hơn được. Các tật xấu của y sẽ hình thành, lôi y trở xuống. Các tội lỗi của y sẽ cất cao giọng, giống như tiếng tru của loài sơn cẩu sau khi mặt trời lặn xúông; tư tưởng của y trở thành môt đạo quân và mang y đi như tên nô lệ.

https://thuviensach.vn

147 **C.W.L.-** Trong Chân Sư và Thánh Đạo, chúng ta thấy có bốn cách để tiến vào con đường dự bị:

- nhờ tiếp xúc với những người đã đi trên Thánh Đạo.
- nhờ trầm tư sâu xa
- nhờ nghe và đọc thánh ngữ
- nhờ lập hạnh (CS và TĐ, chương VI)

Kế đến, trên con đường dự bị, có bốn tính chất phải đạt cho được, trong đó tính chất cuối cùng được nêu ra trong quyển Dưới Chân Thầy đó là Bác Ái (Love), nếu không có đức tính này thì các tính khác đều vô bổ. (Quyển I, chương 24, Giải Thoát, Niết Bàn và Moksha).

Vậy, đây là con đường duy nhất đưa đến Thánh Đạo thực sự, con đường của tình thương, của lòng vô kỷ trong tư tưởng, lời nói và hành động.

Tất cả các thói quen ích kỷ xưa cũ của thể xác và thể trí phải bị chế phục bằng đức hạnh tích cực. Thuật ngữ đức hạnh (virtue) được dùng ở đây không thể chỉ có ý nghĩa là tính tốt thụ động (passive goodness) hoặc là không làm điều xấu. Thuật ngữ này phải được xét theo ý nghĩa cổ xưa của nó là sức mạnh. Đức hạnh (virtues) là các hình thức của sức mạnh (strength) linh hồn. Khi linh hồn chi phối sự sống phàm ngã, nó sẽ được nhận thấy có đầy đức hạnh như thế. Trong lúc đó cần có một trận chiến lớn. Trong rất nhiều trường hợp, đạo sinh phải dốc hết mọi quyết tâm của mình để loại trừ hoàn toàn bất cứ lỗi lầm do ích kỷ mà y có thể tìm thấy trong chính mình trong thời gian tự thẩm xét hằng ngày của mình. Điều này có thể thực hiện có hiệu quả nhất bằng cách hình dung ra một lỗi lầm đã phạm phải, kế đó tạo lại lỗi đó trong trí tưởng tượng, sao cho trong đó đức tính tương ứng được nêu rõ; rồi nghiền ngẫm về tính đó trong một ít lâu

https://thuviensach.vn

và quyết tâm rằng từ đây trở đi, theo các hoàn cảnh như thế, đức hạnh, chứ không phải lỗi lầm, sẽ được biểu lộ.

148 Đôi khi rất khó vượt qua các lỗi lầm quen thuộc; do đó sự đau khổ thường được nhắc đến. Chẳng hạn nỗi đau lớn đối với kẻ nghiện rượu là chống lại "chỉ một ly nữa thôi, một ly cuối cùng".

Nhưng nếu anh ta giữ vững quyết tâm của mình không bao giờ uống rượu trở lại, dù chỉ một lần, thì lập tức đau khổ sẽ biến mất, anh ta sẽ biết được một thứ lạc thú còn cao siêu hơn lạc thú mà anh ta có được do sự kích thích mà rượu mang lại. Điều này cũng đúng đối với các tư tưởng và các xúc cảm ích kỷ hoặc thiếu trong sạch. Nhiều người thất bại vì nghĩ mãi ý tưởng không chánh đáng "chỉ thêm một lần thôi". Đúng ra đó là điều mà người ta phải từ bỏ và không được ấp ủ, chứa chấp trong trí. Muốn bỏ được các lỗi lầm của mình, đôi khi con người phải chịu đựng các vết thương lớn cho lòng kiêu hãnh của họ. Trong tất cả các trường hợp này, lòng khiêm tốn là sự trợ giúp lớn lao, bởi vì nó làm cho con người sẵn sàng thay đổi chính mình.

Tuy nhiên, có nhiều người mà các kiếp sống của họ đã được thanh luyện một cách đáng kể, thì họ cảm thấy ít hoặc không có sự đau khổ này. Quả thật, có người cho rằng trong đoạn này Đức Aryasanga đã phóng đại sự đau khổ. Không phải như thế, nhưng Ngài diễn tả điều đó bằng các thuật ngữ nổi bật nhất ngõ hầu không một ai sẽ gặp đau khổ trên Thánh Đạo mà mong chờ điều ngược lại sẽ xảy ra, đồng thời tất cả mọi người sẽ sẵn sàng trả nợ tiền khiên([1]), sẵn sàng trực diện

[1] Nợ tiền khiên: toll to the past (toll: thiệt hại, tổn thất). Khiên: dính líu; nợ tiền khiên: nợ dính líu, truyền nối từ kiếp trước. (Việt Nam Tự Điển, Lê văn Đức – Lê Ngọc Trụ)

https://thuviensach.vn

với đau khổ nào đang xảy đến, và sẵn sàng kết thúc đau khổ mãi mãi bằng cách thực hành đức hạnh. Ở đây, chúng ta nên nhớ lại những lời cổ vũ của kinh Gita: "***Dù cho ngươi là kẻ phạm tội nhiều nhất đi nữa, tuy thế ngươi vẫn sẽ vượt qua mọi tội lỗi bằng chiếc bè minh triết. Vì ngọn lửa đang cháy biến nhiên liệu thành tro, hỡi Arjuna, ngọn lửa minh triết cũng biến mọi karmas thành tro tàn***"(Gita IV,36-37)

149 Thêm nữa; ***"Hỡi con, bất cứ kẻ nào đã làm điều công chính rồi, thì không bao giờ còn bước vào 'con đường phiền muộn' nữa***"([1]) (Gita, VI, 40).

Như đã nói ở trước, mọi hệ thống yoga đều nhấn mạnh vào chuyện thiết yếu là tống khứ đi các tật xấu (trang 91 ở trước) ở chính điểm khởi đầu. Chỉ khi nào các đức hạnh được thiết lập một cách vững chãi trong tính tình của mình, thì đạo sinh mới có thể được phép chuyển qua các giai đoạn sau của Thánh đạo, bao gồm việc thực hành các tư thế, hít thở, kiểm soát các giác quan và thiền định. Lý do của việc đòi hỏi này chính là vì khi vị đệ tử tiến bộ trên Thánh Đạo, thì các sức mạnh của ý chí và tư tưởng người đệ tử trở nên mạnh mẽ nhiều hơn là từ trước đến giờ, và sẽ đến lúc mà Chân Nhân trút thần lực vào xác thân. Nếu vẫn còn dấu vết của bất cứ tật xấu nào trong xác thân thì thần lực đó sẽ mang lại cho xác thân sức mạnh mới, cho nên sự sa ngã của người tìm đạo sẽ trở thành trầm trọng hơn so với bất cứ điều gì có thể xảy đến cho một người không tiến hóa nhiều lắm. Quyền năng là sức mạnh, đối với cả điều thiện lẫn điều ác, thế nên đạo sinh cần nên thanh luyện chính mình trước khi tìm kiếm quyền năng, kẻo e đạo sinh làm hại kẻ khác và hại cả chính mình. Trên

[1] Con đường phiền muộn; con đường tai ương: path of woe

https://thuviensach.vn

Thánh Đạo, có một giai đoạn nằm ngay sau Cuộc Điểm đạo Thứ Hai là nguy hiểm nhất, đặc biệt là tật xấu do kiêu hãnh, điều này đã được giải thích đầy đủ trong "Chân Sư và Thánh Đạo".

70.- Hỡi đệ tử, hãy diệt hết các ham muốn của ngươi, hãy làm cho các tật xấu của ngươi mất hết sức mạnh trước khi đặt bước chân đầu tiên vào cuộc hành trình trọng đại.

71.- Hãy kiềm hãm các tội lỗi của ngươi, làm cho chúng câm nín mãi mãi trước khi ngươi nhấc chân để leo lên thang.

150 ***72.- Hãy giữ cho tư tưởng ngươi tĩnh lặng và hoàn toàn chú tâm vào Chân Sư của ngươi, dù ngươi chưa được diện kiến, nhưng ngươi vẫn cảm nhận được Ngài.***

73.- Hãy nhập các giác quan của ngươi thành giác quan duy nhất, nếu ngươi muốn được an toàn chống lại kẻ địch. Cho đến khi bằng một mình giác quan đó – nó ẩn trong hốc não – mà con đường dốc dẫn đến Chân Sư ngươi mới có thể được phơi bày ra trước đôi mắt lờ mờ của linh hồn ngươi.

Khi lặp lại huấn dụ là hãy tống khứ các ham muốn và tật xấu, Đức Aryasanga muốn cho thấy sự quan trọng mà Ngài đã liên kết với phần này của công việc. Không những các khuyết điểm như thế trở nên mạnh thêm rất nhiều khi các quyền năng của đạo sinh phát triển, mà trách nhiệm của đạo sinh cũng tăng lên, và đạo sinh có khả năng tạo rất nhiều nghiệp hơn trước kia.

Giác quan thứ sáu, tức thể trí, có cơ quan hồng trần của nó ở trong não. Con người không thường dùng giác quan này, khi đối mặt với các đối tượng và các kinh nghiệm của sự sống. Họ sống quá nhiều trong thể tình cảm của họ. Họ "ưa

https://thuviensach.vn

thích" ("like") một số điều này và "ghét bỏ" ("dislike") các điều khác mà hoàn toàn không có lý do, hoàn toàn không xem xét coi chúng là gì, cái nào thực sự tốt và xấu, hoặc hữu ích và vô ích. Dĩ nhiên, điều đó sẽ không thích hợp cho bất cứ người nào muốn đi trên con đường huyền linh học. Y phải xem xét mọi việc một cách khách quan và đánh giá lại chúng tùy theo sự hữu ích của chúng đối với linh hồn.

Trong não bộ cũng có các cơ quan mà nhờ đó con người mới có được khả năng nhận thức trực tiếp các sự việc vượt
151 ngoài tầm của các giác quan hồng trần. Tuyến yên là một khoen nối giữa thể xác với thể tình cảm, và v.v… Ở trong cùng hốc đó trong não bộ, nhưng xa hơn về phía sau một ít là tuyến tùng quả, tuyến này có liên hệ trực tiếp với thể trí và dùng để mang các ấn tượng từ cõi trí xuống não bộ. Một số người phát triển tuyến yên trước, một số người thì phát triển tuyến tùng quả trước, mỗi người phải tuân theo phương pháp do vị guru của mình ấn định.

74.- Hỡi đệ tử, con đường trước mắt ngươi còn dài và gian khổ. Chỉ một ý nghĩ về quá khứ đã bỏ lại đàng sau cũng sẽ kéo ngươi xuống, và ngươi sẽ phải bắt đầu leo lên trở lại.

75.- Hãy tiêu diệt nơi chính ngươi mọi ký ức về kinh nghiệm đã qua. Đừng nhìn lại đàng sau, kẻo ngươi lại thất bại.

Thêm một lần nữa chúng ta thấy Đức Aryasanga nhấn mạnh về khía cạnh xấu nhất của vấn đề, để cho không ai sẽ thấy con đường gian khổ hơn so với những gì y có thể đã nghĩ về nó trước khi tiến vào. Con đường đó tương đối không dài, khi người ta coi như nó chỉ là mười bốn kiếp sống cuối cùng, trong số một loạt nhiều trăm hay ngay cả nhiều

https://thuviensach.vn

ngàn kiếp, vốn thường được trải qua giữa Cuộc Điểm Đạo thứ nhất và thứ năm. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp, công việc của mười bốn kiếp sống này được hoàn thành chỉ trong vài kiếp, nếu được chọn luân hồi liên tiếp, không trải qua các thời gian chuyển tiếp ở Devachan – điều này làm cho thời gian thực sự ngắn đi.

Thật sự là "con đường quanh co luôn lên dốc", nhưng không nhất thiết là mõi mệt. Chính là khi người ta chỉ nghĩ đến mục tiêu, thì cuộc hành trình mới là mệt nhọc. Một sinh viên khi vào đại học sẽ thấy ba hay bốn năm học ở đó là cực kỳ mệt nhọc nếu sinh viên này chỉ nghĩ đến việc lấy được
152 bằng cấp và vào đời với mảnh bằng đó, chớ không thực sự chú tâm vào việc học của mình. Nhưng nếu sinh viên này hoạch định công việc của mình, công việc đó đương nhiên sẽ đưa y đến chỗ đạt được học vị, nếu được tiến hành đúng đắn và nếu y thực sự quan tâm đến vấn đề học hành của mình, lúc đó y có thể quên đi tất cả những năm sẽ đến và có thể có được một thời gian lý thú. Trên đường đạo cũng thế, công việc đầy sự thích thú cho tâm hồn và trí tuệ, và người nào thấy nó như thế thì sẽ làm cho con đường đó ngắn hơn, trong thực tế cũng như trong biểu hiện bên ngoài, hơn là những kẻ chỉ lo lắng để đạt đến một mục tiêu đã định nào đó.

Trong việc thiền định cũng thế. Một số người chuyên cần thiền định, cảm thấy đó là một việc buồn chán, nhưng dầu sao cũng cố làm vì muốn có kết quả của nó. Có những người khác thấy việc thiền định đầy lý thú, do đó họ đạt được nhiều kết quả hơn. Đạo sinh đừng nên nghĩ đến tiến bộ riêng của mình trên Đường Đạo, họ thường được khuyến cáo như thế, hãy quên mình và làm việc cho thế gian, rồi sự tiến bộ tự nó sẽ đến. Việc tự vấn (self-examination) và tự luyện

https://thuviensach.vn

tập đều cần thiết, nhưng điều đó chỉ giống như chuẩn bị và vô dầu mỡ cho bộ máy; đừng nên để mất nhiều thì giờ, cách hoạt động mới là điều quan trọng.

Đúng là đôi khi người ta thấy cần phải tự buộc mình trước tiên theo một số đường lối làm việc, suy tư, hoặc tham thiền nào đó, mà họ cảm thấy rằng họ nên chọn. Được lắm, cứ tiếp tục với việc nhàm chán đó, nếu nó hiện ra như thế đó, và nếu động cơ thúc đẩy là trong sạch, thì chẳng bao lâu bạn sẽ thấy rằng sự buồn chán biến mất, một hứng thú mới mẻ xuất hiện, đồng thời công việc trở thành đầy thích thú.

Khi nói rằng chỉ một ý tưởng quay ngược về quá khứ cũng có thể hoàn toàn lôi đạo sinh ngã xuống đất trở lại, chắc chắn lời nói này sẽ gây ngại ngần cho bất cứ người nào dự
153 định bước vào nẻo Đạo, nhưng lại không sẵn sàng từ bỏ một thói tật đáng yêu (pet vice) nào đó, dù là nhỏ nhặt. Không phải hành động, mà chính ý tưởng về điều đó mới lôi kéo người ta đi xuống mà thôi. Trong bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm*, bà Blavatsky viết:

"Sự trong sạch của trí não quan trọng hơn so với sự trong sạch của xác thân. … Một hành động có thể được làm mà ít hoặc không chú ý tới nó, thì tương đối ít quan trọng. Nhưng nếu cứ nghĩ đến, nghiền ngẫm mãi trong trí, thì hậu quả sẽ mạnh hơn cả ngàn lần. Tư tưởng phải được giữ cho trong sạch" (GLBN III, 570)

Tôi nhớ lại một câu chuyện về Đại Tá Olcott([1]) để minh họa cho quan điểm này. Một thanh niên rất muốn sống cuộc

[1] *Henry Steel Olcott (1832 – 1907):* Đại Tá trong quân đội Mỹ. Theo lệnh của các Chân Sư trong Đại Đoàn Chưởng Giáo, ông cùng bà

https://thuviensach.vn

đời cao thượng hơn, một ngày nọ đến gặp ông và hỏi ý kiến của ông xem anh ta có phải bỏ hút thuốc hay không. Đại Tá trả lời: "Nào, nếu anh bạn không thể bỏ được thì anh phải bỏ, nhưng nếu anh có thể bỏ được, thì anh không cần hút".

Chắc chắn là sức mạnh của ý chí và sự trong sạch của tư tưởng là điều quan trọng bậc nhất, và không có chúng, sẽ không có tiến bộ, bất luận xác thân có tinh khiết như thế nào, và Đại Tá đã nhấn mạnh sự thật này một cách rất thành công. Nhưng có lẽ cũng cần nói thêm rằng việc hút thuốc là một thói quen không sạch sẽ; nó làm bẩn các thể, và thường gây nhiều phiền hà và khó chịu cho kẻ khác. Cái tệ hại nhất của tính ích kỷ dơ bẩn về mặt thể chất của việc hút thuốc là ở chỗ khói thuốc bị làm ẩm bằng nước bọt và rồi bị phóng ra để vào phổi người khác. Đó là nét đáng ghê sợ của đời sống hiện đại mà chúng ta thường bị bắt buộc phải tiếp xúc và hít thở khói thuốc đã bị xử lý như thế.

Đối với hậu quả của một tư tưởng có tính chất thuộc về quá khứ, bà Blavatsky có viết:

Đạo sinh phải trông chừng các tư tưởng của mình. Ý tưởng kéo dài trong năm phút có thể làm hỏng công khó của năm năm tu tập; và dù cho công khó của năm năm tu tập đó sẽ được hoàn thành nhanh chóng hơn vào lần thứ hai, tuy thế vẫn mất thời gian. (GLBN III, 573).

154 Ở đây cần phải phân biệt giữa một ý tưởng vốn chỉ là một hình tư tưởng phất phơ (floating form) đã đi vào trí, với tư tưởng đích thực (thought proper) vốn là một hành động có tính toán. Chính tư tưởng loại sau mới có thể gây nhiều tai

---

Blavatsky thành lập Hội Thông Thiên Học thế giới năm 1875. Ông giữ chức vụ Hội Trưởng cho đến cuối đời. (ND)

https://thuviensach.vn

hại. Một ý tưởng thấp hèn có thể trôi dạt vào trí, nhưng nếu nó không được nghiền ngẫm, không được khuyến khích cho phát triển và làm mạnh thêm, thì ít gây hại.

Như thế, kẻ nào vấp ngã mà có thể nhanh chóng đứng lên trở lại mới là kẻ đáng khích lệ. Một dụ ngôn cổ của Hy Lạp có nói: "Mỗi lần người anh hùng ngã xuống đất vì bại trận trong cuộc chiến đấu, anh ta sẽ lấy thêm sức mạnh mới từ lòng đất", dụ ngôn này có thể áp dụng được cho con người. Tốt hơn là vị anh hùng đó nên thắng cuộc chiến dứt khoát một lần mà không để cho thất bại; nhưng trong bất cứ trường hợp nào đi nữa, định mệnh dành cho con người là sau rốt sẽ chiến thắng. Người học sinh thông minh và có chí có thể học được nhiều điều mà không cần qua kinh nghiệm đắng cay, cũng như người ta có thể biết lửa nóng mà không cần cho tay vào lửa; tất cả những gì cần thiết đều sẽ được học hỏi không sớm thì muộn, bằng cách này hoặc cách khác mà thôi.

76.- Đừng tưởng rằng lòng tham dục có thể mãi mãi bị diệt trừ nếu được chiều theo hay được quá thỏa mãn, vì đây là một điều ghê tởm do Ma Vương (Mâra) đưa ra. Chính nuôi dưỡng tật xấu mà nó mới bành trướng và lớn mạnh, giống như con sâu trở nên to béo khi ở trong lòng hoa.

77.- Cây hoa hồng phải lại phát triển mầm non, được sinh từ nơi cành mẹ, trước khi loài ký sinh ăn xuyên qua tâm nó và hút đi nhựa sống của nó.

78.- Cây vàng cho ra những chồi ngọc trước khi thân cây bị bão táp làm cho tàn lụi.

79.- Đệ tử phải trở lại trạng thái trẻ thơ mà y đã mất trước khi tai y có thể nhận được diệu âm đầu tiên.

https://thuviensach.vn

155 Ngài Edwin Arnold nói đến Ma Vương, theo nhận thức của tín đồ Phật giáo, bằng các danh xưng mạnh mẽ và sinh động, liên quan đến việc Đức Phật bị cám dỗ trước lúc Phật đạt được toàn giác.

"*Nhưng Chúa Tể của U Minh, tức Ma Vương – biết được điều này, ấy là Đức Phật sẽ giải cứu con người, giờ đây là lúc Ngài sẽ tìm ra Chân Lý (Diệu Đế) và cứu độ thế gian – đã ban lệnh cho toàn bộ tà lực của mình. Lập tức bọn ma quỉ từ mọi ngõ ngách sâu thẳm tụ tập về, bọn quỉ này chiến đấu chống lại Minh Triết và Ánh Sáng, Arati, Trishna, Raga, và đám quỷ tham dục, quỷ ác cảm, quỷ vô minh, quỷ sắc dục, quỷ hắc ám; tất cả đều oán thù Đức Phật, đang tìm cách làm lung lạc tâm trí Ngài".* (Light of Asia, q. 6).

Mặc dù vậy, bà Blavatsky lại nói: "*Nhưng Mâra cũng là kẻ thúc đẩy vô tình giúp khai sinh ra Tinh Thần*". Trở lực mà Ma Vương đưa ra chống lại người tìm đạo lại giúp cho người này phát triển thêm sức mạnh của mình. Nói cho cùng, một vận động viên có thể cất tay lên xuống dễ hơn nhiều lúc không có tạ hơn là lúc có tạ, tuy nhiên anh ta sẽ không phát triển được cùng một sức mạnh một cách nhanh chóng như nhau.

Một vị tiến hóa về tâm linh và được điểm đạo cao, đã có lần nhận xét rằng thậm chí điều ác còn được tận dụng cho điều thiện nữa. Vì trước kia, vị này đã bị vu khống khủng khiếp, còn công việc quan trọng mà người đã đặt hết tâm trí vào đó đã bị phá hỏng. Vào một ngày nọ có người đến bày tỏ lời cảm thông với ngài, nhưng điều này không cần thiết vì ngài nói: "Thật ra, tôi mang ơn những người cố làm hại tôi, mặc dù lúc đó tôi không nhận thức được việc đó, vì nếu không có sự giúp đỡ của họ, tôi sẽ không được điểm đạo lần đó". Một người bình thường hẳn đã đầy phẫn nộ hoặc đầy chán nản, nhưng nơi một người như thế, Ma Vương lại làm

https://thuviensach.vn

156 thức động một sức mạnh ngang bằng chỉ do lòng thương xót, nhân từ. Như thế, ngay cả kẻ thâm thù của chúng ta, cũng có thể trở thành bạn hữu của chúng ta khi chúng ta đi chung đường với người đó.

Dĩ nhiên, không phải sự vô minh mà chính là sự ngây thơ hồn nhiên của thời trẻ con mới là cần thiết cho việc tiến bộ tâm linh thực sự. Chỉ có lòng tốt (goodness) không thôi thì không phải là tiến bộ, đó chỉ là sự thanh luyện ban đầu. Tiến bộ là sự phát triển của Chân Ngã trên các cõi riêng của nó, mà, khi thể hiện ra trong phàm ngã, nó xuất hiện dưới hình thức sức mạnh tính cách – trong ý chí, tình thương và tư tưởng. Trong ba giai đoạn liên hệ của một đệ tử đối với Sư Phụ của mình, chính giai đoạn thứ ba và là giai đoạn cao nhất mới chứa đựng ý tưởng về thời trẻ thơ, vì trước tiên y là một đệ tử dự bị, kế đó là đệ tử chính thức và thứ ba là Con của Đức Thầy.

https://thuviensach.vn

157

CHƯƠNG 12

CÁC GIAI ĐOẠN CUỐI CÙNG

80.- Ánh sáng từ vị Chân Sư duy nhất, tức ánh kim quang bất diệt độc nhất của Tinh Thần, phóng chiếu các tia sáng rực rỡ của nó lên đệ tử ngay từ lúc đầu. Các tia sáng của nó xuyên thấu qua các đám mây vật chất dày đặc tối đen.

81.- Đó đây, các tia sáng này chiếu sáng nó, giống như tia mặt trời soi sáng mặt đất xuyên qua tán lá dày của rừng già. Nhưng, hỡi đệ tử, trừ phi nhục thân trở nên thụ động, đầu óc bình tĩnh, linh hồn rắn chắc và tinh khiết như viên kim cương chói lọi, còn không thì sự rực rỡ sẽ không đến được phòng trong, ánh mặt trời của nó sẽ không sưởi ấm quả tim, cũng như các thanh âm huyền bí của các đỉnh cao akasha sẽ không đến được tai, cho dù có khao khát muốn nghe ở giai đoạn ban đầu.

C.W.L. – Giống như mặt trời luôn luôn tỏa chiếu sau các đám mây, cũng thế Chân Ngã luôn luôn tuôn rải ánh sáng của nó lên người tìm đạo. Thỉnh thoảng các chớp lóe của linh hứng và trực giác giáng xuống, vào tận chỗ tối đen của tâm trí chúng ta, nơi cái mà chúng ta gọi là thời điểm huy hoàng nhất của chúng ta, các tia chớp này xuất phát từ cội nguồn
158 cao siêu đó. Cách khôn ngoan là cố gắng nắm bắt các thời

https://thuviensach.vn

điểm tuyệt diệu đó, giữ chúng lại trong tâm trí, trụ vào chúng trong lúc tham thiền, và như thế đưa toàn bộ sự sống vào trạng thái như kim cương vốn có nhắc đến trong kinh văn.

Về câu "các thanh âm huyền bí của các đỉnh cao akasha", bà Blavatsky thêm vào cước chú sau:

"Các thanh âm huyền bí tức là các thanh âm du dương mà vị tu sĩ khổ hạnh nghe được vào lúc bắt đầu chu trình thiền định của mình, được các yogis gọi là Anahatashabda. Anahata là luân xa thứ tư".

Trung tâm lực thứ tư tức là luân xa ở tim. Khi tâm thức được tập trung ở tim trong lúc tham thiền, thì tâm thức đó dễ thụ cảm nhất với ảnh hưởng của hồn tinh thần (spiritual soul) tức là Chân Ngã (Higher Self). Tim là trung tâm trong thể xác dành cho Tam thượng thể tức Atma - Buddhi - Manas. Đầu là trung tâm của con người thông linh trí tuệ (psycho-intellectual man). Đầu có các chức năng khác nhau ở trong bảy xoang trong đó có tuyến yên(1) và tuyến tùng quả. Khi định trí, người nào có thể đưa tâm thức từ não đến tim, thì người ấy có thể hợp nhất thể trí-cảm (kama-manas) với thượng trí qua hạ trí, vì khi trở nên thanh khiết và thoát ra khỏi dục vọng thì hạ trí trở thành giác tuyến (antahkarana). Bấy giờ, người ấy sẽ ở vào vị thế có thể tiếp nhận một số thôi thúc của tam thượng thể. Tâm thức cao đó cố dẫn dắt y,

[1] Tuyến yên (pituitary body) sở dĩ được đặt tên như thế là vì tuyến này giống hình yên ngựa. Tuyến yên nằm trong não tiết ra một hormon giúp cơ thể tăng trưởng là Thyrio Stimuli Hormon gọi tắt là T.S.H. Có một số sách dịch sai là "hạch mũi", tính từ "pituitary" ở đây có nghĩa là "thuộc về tuyến yên", chứ không có nghĩa "thuộc về chất nhày, đờm giải" (ND)

https://thuviensach.vn

thông qua lương tâm; y chỉ có thể dẫn dắt tâm thức cao đó khi y hợp nhất với Buddhi - Manas.

Cách giảng giải ở trên được đúc kết lại từ các chú thích dựa trên một số bài nói chuyện (oral teachings) của bà
159 Blavatsky, được thêm vào quyển ba của bộ Giáo Lý Bí Nhiệm (trang 582 – 584).

Về đề tài này, truyền thống Ấn Độ nói rằng khi luồng hỏa xà đi lên, nó sẽ hòa tan các tính chất của các luân xa khác nhau mà nó đi ngang qua và đưa tinh túy của các luân xa lên trên. Khi hỏa xà lên đến luân xa thứ tư, tức là luân xa tim, thì vị yogis nghe được diệu thanh từ bên trên, gọi là anahata-shabda. Shabda là âm thanh, anahata có nghĩa là "không bị va đập" ("not beaten"); đó là vì âm thanh đó được tạo ra mà không có hai vật chạm vào nhau(1). Do đó, thuật ngữ này tượng trưng cho những gì ở bên trên các cõi của phàm ngã. Người hành đạo bắt đầu tiếp xúc với tam thượng thể ở điểm này. Những ai muốn làm tăng sự tiếp xúc giữa thượng trí với hạ trí, thì trong lúc thiền định, đừng nên trụ vào bất cứ điều gì dưới điểm đó. Phương pháp tham thiền sau đây được dịch từ kinh Gheranda Samhita, là một trong các cách thiền định dành cho bí huyệt tim. Nó minh họa cách mà nhà yogi từ từ triệt thoái sự chú ý của mình ra khỏi môi trường chung quanh và tập trung sự chú ý đó vào lý tưởng của mình.

Người tham thiền hãy nhận thấy trong tim mình có một biển rộng đầy nước thánh.

---

[1] Câu này làm cho chúng ta nhớ lại Công Án (Koan) của thiền sư Hirata: "Tiếng vỗ của một bàn tay" hay là "Chích thủ diệu thanh" (chích: đơn; thủ: tay; diệu thanh: âm thanh huyền diệu). (ND)

https://thuviensach.vn

Bên trong biển đó có một hòn đảo xinh đẹp với nhiều ngọc, nơi mà cát vàng rực rỡ và các báu vật nằm rải rác đó đây.

Các hàng cây xinh xắn viền theo bờ với vô số hoa thơm.

Còn trong đảo là những bụi cây, cây to, dây leo và cây cói thuộc loại quý hiếm. Hương thơm ngạt ngào tỏa ra mọi hướng. Ai muốn nếm được vị ngọt của sự hoàn mãn thiêng liêng, phải hình dung nơi đó có một cây vô cùng kỳ diệu,

Trên các nhánh vươn dài của cây mọc ra quả của mọi điều tưởng tượng,

Ấy là bốn giáo huấn vĩ đại đang chống đỡ thế gian,

Nơi đây quả lẫn hoa không hề biết đến chết chóc phiền não,

Trong khi đó với chúng chỉ có tiếng ong bay vo vo và tiếng gáy dịu dàng của chim tu hú.

160 *Giờ đây, dưới bóng của lùm cây an bình đó*

Một thánh điện cẩn hồng ngọc rực rỡ nhất xuất hiện

Và kẻ đang tìm kiếm sẽ gặp được nơi đó trên thánh tòa tuyệt diệu,

Đấng vô cùng Kính Yêu của mình ngự nơi đây.

Y hãy trụ hết tâm trí của y theo chỉ dẫn của Sư Phụ mình,

Vào Bóng Hình Thiêng Liêng đó, cùng với cung cách và biểu hiện của Ngài. (Xem *Concentration*, chương X, 2, tr 59)

82.- Nếu như ngươi không nghe, thì ngươi không thể thấy.

83.- Nếu như ngươi không thấy, thì ngươi không thể nghe. Nghe và thấy, đây là giai đoạn thứ hai.

……..

Chúng ta đã xem xét ý nghĩa của việc thấy và nghe. Nếu như đạo sinh không đáp ứng với tiếng nói bên trong, nghĩa là nếu y không hiểu được các định luật thiêng liêng, y sẽ không bao giờ thấy được các sự vật bên ngoài theo đúng thực tướng

https://thuviensach.vn

của chúng. Y phải học cách nhìn các sự vật vật chất bằng đôi mắt tinh thần, như một Đức Thầy đã từng giảng dạy. Khi nhìn các đối tượng vật chất hay là các ngoại vật theo cách đó, đạo sinh sẽ ngày càng hiểu được tiếng nội tâm. Điều này giống như sự luân phiên cần phải có giữa tham thiền với kinh nghiệm. Khi trải qua sự sống theo một cách bận rộn mà không chịu dừng lại để suy nghiệm về nó, ấy là bỏ qua nhiều ý nghĩa của các sự kiện của nó; ta nên dành ra một ít thì giờ mỗi ngày để cho ánh sáng nội tâm chiếu rọi vào các diễn biến đó. Mặt khác, tự đóng kín trong việc nghiên cứu của mình và dành trọn thời gian của mình cho việc suy tư cũng không có lợi bao nhiêu, với cách đó, người ta có thể chuốc lấy vô số quan niệm sai lầm, vì cần phải có kinh nghiệm để điều chỉnh và mở rộng việc thiền định của chúng ta. Y phải tìm kiếm sự tương tác có thăng bằng giữa nội tâm với ngoại giới. Y phải nhắm mục đích tạo ra sự hài hòa, đó là cách diễn tả được nhắc đi nhắc lại trong kinh *Gita*.

Các thế giới bên trong và bên ngoài tương ứng một cách hoàn hảo với một thế giới khác nữa, từng điểm một, trong hệ thống của Thượng Đế. Trong bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm*, bà Blavatsky có nói:

Trong lãnh vực các mãnh lực ẩn tàng, một âm thanh có thể nghe được chỉ là một màu sắc thuộc bên trong (subjective, chủ quan), còn một màu sắc có thể thấy được (perceptible colour) chỉ là một âm thanh không thể nghe được. (GLBN III, 508).

Ở đây màu sắc (colour) được nói đến chứ không phải sắc tướng (form); chữ đó làm cho phát biểu được chính xác

https://thuviensach.vn

hơn, vì thực ra chúng ta chỉ thấy các màu sắc, chứ không phải các sắc tướng.

Không thể nói một cách chắc chắn tại sao trạng thái nghe và thấy này khi được hòa hợp với nhau lại được gọi là giai đoạn thứ hai. Chúng ta không thể nói Đức Aryasanga đang trình bày một hệ thống các giai đoạn nào. Vì ở điểm này có một bức màn che được kéo lên trên các giáo huấn của Ngài. *Đường chấm chấm* ([1]) tượng trưng cho một đoạn thiếu có liên quan với giai đoạn thứ ba. Khi giáo lý xuất hiện trở lại (sau chỗ ngắt đó) chúng ta thấy Đức Aryasanga bàn đến các giai đoạn sau này một cách chính xác giống như Yoga Sutra đưa ra, đó là:

5.- pratyahara: hoàn toàn kềm chế các giác quan
6.- dharana: định trí
7.- dhyana: thiền định
8.- samadhi: nhập định (đại định)

84.- Khi đệ tử thấy và nghe, và khi y ngửi và nếm, mắt nhắm lại, tai đóng lại, với miệng và mũi bị bịt lại; khi bốn giác quan phối hợp và sẵn sàng để chuyển vào giác quan thứ năm, tức là nội xúc giác, thì bấy giờ đệ tử đã chuyển vào giai đoạn thứ tư.

Có một số nhà yoga theo nghĩa đen bịt miệng và mũi khi đi vào thiền định hoặc xuất thần. Các ngón tay được đặt sao cho mắt, mũi và miệng đóng kín lại, và những người này lại còn luyện cái lưỡi sao cho họ có thể uốn lưỡi lên trên và hướng ra sau, vào khoảng trống phía trên miệng, và như thế ngăn không khí đi vào. Cách làm này được nhà luyện hatha yoga thực hành và được gọi là khechari mudra. Nhà luyện

[1] Đường chấm ở dưới câu kinh 83 (ND)

https://thuviensach.vn

Raja yoga không làm theo cách này, và ở đây người ta cũng không khuyên dùng. Có một giai đoạn mà lúc đó đạo sinh có thể nhắm mắt lại và tái tạo trong chính y, hoặc trải nghiệm trong vùng trí cảm (astro-mental region) các cảm giác ngửi, nếm, nhìn và tiếp xúc. Bây giờ, để triệt thoái chính mình đến một trạng thái còn cao siêu hơn, đạo sinh phải chú tâm vào nội xúc giác, đó là thính giác. Bằng cách đưa sự chú ý vào âm thanh bên trong, và dõi theo âm thanh đó vào những nơi sâu kín ngày càng tinh anh hơn, đạo sinh đưa chính mình đến mức độ mà y có thể thực hành pratyahara, tức là sự kiềm chế mọi cảm giác, bên trong cũng như bên ngoài, cảm giác của phòng học tập, cũng như cảm giác của phòng vô minh. Cách thực hành này được mô tả trong câu kinh kế tiếp:

85.- Hỡi kẻ diệt tư tưởng của mình, trong giai đoạn thứ năm, mọi tư tưởng này lại phải bị diệt trừ sao cho nó không còn linh hoạt trở lại được.

Đối với hầu hết con người, điều rất thông thường ấy là sự chú ý được triệt thoái ở mức độ rộng lớn, thí dụ khi họ đặc biệt chú mục vào một quyển sách, Lúc đó, họ không còn đáp ứng với các cảm giác do giác quan nhận được bởi đủ thứ mùi hương, cảnh vật và âm thanh chung quanh họ. Tự đặt chính mình vào tình trạng đó một cách tùy ý là pratyahara (nghĩa là hoàn toàn kiềm chế các giác quan), và đó là cách chuẩn bị cho việc thiền định thực sự thành công.

163 Diệt trừ sao cho nó không còn linh hoạt trở lại không hàm ý gì khác hơn là các giác quan, giống như loại chó thuần tính, sẽ nằm xuống khi được lệnh làm thế, và sẽ không đứng

https://thuviensach.vn

dậy trở lại mãi cho đến khi chúng được gọi dậy. Ở giai đoạn này, có một cước chú như sau:

Câu này (câu kinh 85- ND) hàm ý rằng trong giai đoạn phát triển thứ sáu, mà theo hệ thống huyền linh học đó là Dharana, dưới hình thức là một quan năng cá biệt, mọi giác quan phải bị "diệt trừ" (hay là bị làm tê liệt) tại cõi này, chuyển vào và hòa nhập với giác quan thứ bảy, giác quan thiêng liêng nhất.

Như có ghi trong Yoga Sutra, Dharana (định trí) là bước thứ sáu của yoga. Chính sự định trí mà chúng ta đã nghiên cứu (trang 40 ở trước), nó đi theo giai đoạn pratyahara. Vì lẽ trí (mind hay là chitta) được xem như là *giác quan thứ sáu*, khi giai đoạn Dharana được hoàn tất, nhờ đó trí ngưng hoạt động so với các đối tượng của ngoại giới, thì *trực giác* (intuition), ở đây được gọi là *giác quan thứ bảy*_xuất hiện. Sự sống dạy chúng ta theo hai cách, bằng bài học (tuition) mà cõi đời mang lại cho chúng ta, và bằng trực giác, tức là sự hoạt động (working) của Nội Ngã([1]). Khi con người tiếp tục tiến hóa trên con đường hành hương, trực giác của họ sẽ tăng lên và họ không còn tùy thuộc quá nhiều vào sự chỉ dạy mà cõi đời mang lại như trước kia nữa. Đây là một cách khác để nói rằng người nào vận dụng được các khả năng bên trong của mình đều có thể học hỏi được nhiều điều từ một ít kinh nghiệm, hơn là người có thể trải qua nhiều kinh nghiệm mà không vận dụng được năng lực bên trong. Bởi vì nhờ sự hoạt động của trí thông minh nội tại của mình mà người đã tiến hóa có thể thấy được ý nghĩa lớn lao của ngay cả những việc nhỏ bé, còn loại trí óc kém tiến hóa chỉ đầy tính tò mò. Nó

[1] Nội Ngã: Inner Self, tức là Chân Ngã (ND)

https://thuviensach.vn

164 luôn luôn thèm khát cái mới mẻ, bởi vì kém cỏi trong tư duy, loại trí óc này không đủ sức hiểu ý nghĩa hiển nhiên của các sự việc tầm thường. Thể trí này thuộc loại đang khao khát các điều huyền diệu có liên quan với các kinh nghiệm về tôn giáo của nó vì nó không nhận thức được vô số các điều huyền nhiệm (miracles) luôn luôn ở chung quanh nó.

86.- Hãy giữ cho trí ngươi tách rời khỏi mọi đối tượng bên ngoài, mọi cảnh quan bên ngoài. Hãy kiềm chế các hình ảnh bên trong, để khỏi bị chúng phủ bóng tối lên ánh sáng của Linh Hồn ngươi.

87.- Giờ đây, ngươi ở vào giai đoạn định trí, tức giai đoạn thứ sáu.

Trong khi thực hành việc định trí, luôn luôn cần phải xem xét các nguồn gây gián đoạn ở cả bên ngoài lẫn bên trong. Phải ngăn lại, đừng để cho thể trí để tâm vào bất cứ đối tượng bên ngoài nào, vì nếu không làm thế, thì một tiếng động thật nhỏ cũng sẽ khơi dậy tính hiếu kỳ của nó và phá hỏng việc định trí. Cũng còn phải ngăn chận thể trí, không để cho trí nuôi dưỡng trong chính nó các hình ảnh liên quan đến quá khứ hoặc tương lai. Trong khi thực hành, người ta phải hoàn toàn không chú ý vào những gì xảy ra ngày hôm qua, hoặc những gì rất có thể xảy ra vào ngày mai. Khi việc định trí này được thành công hoàn toàn rồi, giai đoạn kế tiếp và giai đoạn thứ bảy, tức giai đoạn thực hành bắt đầu, giai đoạn này được gọi là dhyana, nghĩa là thiền định (meditation).

88.- Khi đã chuyển vào giai đoạn thứ bảy, thì hỡi kẻ hạnh phúc, ngươi sẽ không còn thấy Tam Giác thiêng nữa, vì bản thân ngươi đã trở thành Tam-Giác đó. Ngươi và thể trí

https://thuviensach.vn

ngươi, giống như một cặp sinh đôi ngang hàng nhau, ngôi sao vốn là mục tiêu của ngươi đang chiếu sáng trên đầu. Tam Giác thiêng vốn đang ở trong vinh quang và sự toàn phúc khôn tả, giờ đây không còn danh tánh trong cõi Hão Huyền.
165 *Chúng đã trở thành ngôi sao duy nhất, ngọn lửa (fire) vốn là Vận Cụ (Upadhi, hiện thể) của Lửa Thiêng (flame).*

89.- Hỡi kẻ luyện yoga thành công, đây là giai đoạn mà con người gọi là Thiền Định, tiền thân cần phải có của Đại Định.

Khi chuyển từ dharana đến dhyana, tức là từ định trí đến thiền định, người chí nguyện trên Thánh Đạo này đi vào tâm thức Bồ Đề. Bấy giờ cái đó (that) là "chính ngươi" ("thyself"). Thể trí được nói đến ở đây là Thượng Trí, vì hạ trí đã được làm cho yên lặng. Nguyên khí trí tuệ đã được nâng lên thành nguyên khí Bồ Đề, thế là cả hai giống như "một cặp song sinh ngang hàng nhau", hai góc dưới của một tam giác, như được nêu ra trong cước chú sau:

Trong pháp môn Raja Yoga, mỗi giai đoạn phát triển được tượng trưng bằng một hình hình học (geometrical figure). Hình này là tam giác thiêng (sacred triangle) và báo trước việc định trí. Hình ∆ [1] là dấu hiệu (sign) của các đệ tử cao cấp, trong khi một loại tam giác khác là dấu hiệu của các Đạo Đồ[2] cao cấp. Đó là biểu tượng "I" ("Ngã") mà Đức Phật đã thuyết giảng và đã dùng như một biểu tượng của hình thức nhập thể của Như Lai (the embodied form of Tathagata) khi buông thả ba phương pháp Bát Nhã (methods of the Prajna). Một khi đã vượt qua các giai đoạn sơ khởi và

[1] Ký hiệu ∆ được gọi là hình tam giác. (ND)

[2] Đạo đồ: Initiate = đệ tử được điểm đạo (ND).

https://thuviensach.vn

thấp, đệ tử không còn thấy Δ [1] mà là đường gạch thẳng (—), là viết tắt của –, bộ bảy đầy đủ (the full septenary). Hình thức thực sự của nó không được đưa ra ở đây, vì hầu như chắc chắn nó sẽ bị một số kẻ bịp bợm vớ ngay lấy và bị báng bổ bằng việc sử dụng hình ảnh đó vào các mục đích lừa gạt.

Ngôi sao đang tỏa chiếu trên đầu là atma. Nhưng như bà Blavatsky giải thích trong một cước chú khác, ngôi sao đó cũng liên quan đến ngôi sao Điểm Đạo, vốn soi sáng trên đầu
166 của vị Đạo Đồ. Khi mục tiêu phải đạt đến là cuộc Điểm Đạo thứ tư, là cuộc Điểm Đạo của vị La Hán, chính ngôi sao điểm đạo đó dẫn dắt đến cõi Niết Bàn, đó là mục tiêu của vị đạo đồ.

Ở giai đoạn này, thay vì ngước nhìn lên bằng tư tưởng và xem Tam Thượng Thể (Atma-Buddhi-Manas) như ở trên chính mình, giống như trường hợp từ trước đến giờ, người ta thấy chính mình ở vào trạng thái Bồ Đề, Thượng Trí (Manas) trở nên được hợp nhất với thể Bồ Đề (Buddhi) dưới hình thức Manas-taijasi (Trí tuệ tỏa sáng). Ở giai đoạn này, "việc thiền định" của vị đạo đồ, cuối cùng sẽ dẫn đến sự hợp nhất xa hơn của thể Bồ Đề và Linh Thể (Atma). Dựa vào việc thành tựu sự hợp nhất đó, Tam Thượng Thể sẽ trở thành ngôi sao duy nhất, được mô tả trong một cước chú như là "cơ sở (basis), là Upadhi, của ngọn lửa không bao giờ có thể đạt đến, chừng nào mà nhà tu khổ hạnh vẫn còn trong cõi đời này". Nhiên liệu là phàm ngã; lửa (fire) là tinh thần tam phân này, ngọn lửa (flame) là Chân Thần. Ngay cả vị Cao Đồ (Adept), trong khi còn luân hồi trong xác phàm, cũng không hoàn toàn nhập vào trạng thái Chân Thần. Bà Blavatsky nói:

https://thuviensach.vn

Thiền Định (Dhyana) là giai đoạn cuối trước giai đoạn cuối cùng trên cõi trần này nếu người ta không trở thành một vị Đại Thánh (Mahatma) hoàn thiện. Như đã nói, trong trạng thái này vị Raja Yogi, về mặt tâm linh vẫn còn có ý thức về bản ngã và sự hoạt động của các nguyên khí cao của mình. Thêm một bước nữa, vị cao đồ này sẽ ở trên cõi vượt ngoài cõi thứ bảy, tức là cõi thứ tư theo một số trường phái. Các phái này, sau khi thực hành Pratyahara – một luyện tập mở đầu để kiểm soát thể trí và tư tưởng – gộp chung cả Định trí , Thiền Định và Đại Định (Samadhi), đặt cả ba dưới tên chung là Tam đoạn thiền (Sannyama).

167 ***Samadhi là trạng thái mà trong đó vị cao đồ mất ý thức về mọi biệt ngã, luôn cả chính mình. Người trở thành Tổng Thể (the All).***

Điều đó có nghĩa là cả ba giai đoạn đều mất đi tên gọi của chúng. Chúng không phải là hình tướng, vì cõi của chúng là cõi của tâm thức. Các cõi thấp của phàm ngã là các cõi sắc tướng; kế đó là cõi của danh nghĩa hay "ý nghĩa" ("meaning"), còn Chân Thần thì nằm ngoài danh nghĩa (name), vượt quá những gì mà con người gọi là tâm thức.

Kinh văn tiếp tục nêu ra rằng, khi đã đạt đến việc thực hành nhập định, người tìm đạo giờ đây đã trở thành một vị La Hán và đã đạt đến mục tiêu của nỗ lực được bàn đến trong đoạn kinh văn này.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 13

MỤC TIÊU

90.- Giờ đây tiểu ngã của ngươi bị mất trong Đại Ngã, bản thân ngươi trở thành Đại Ngã, hòa nhập vào Đại Ngã đó, nơi mà ngươi được xạ ra lúc đầu.

91.- Hỡi đệ tử, biệt ngã của ngươi ở đâu, bản thân đệ tử ở đâu? Đó là tia lửa (spark) bị mất trong ngọn lửa (fire), giọt nước bên trong đại dương, tia sáng hằng hữu trở thành Tổng Thể (the All) và ánh sáng vĩnh cửu (eternal radiance).

92.- Hỡi đệ tử, giờ đây ngươi là kẻ hành động và cũng là kẻ chứng kiến, là vật phát xạ và cũng là sự phát xạ, là ánh sáng trong âm thanh và cũng là âm thanh trong ánh sáng.

C.W.L.- Khi một người vươn lên trong cuộc sống đến chỗ nhận thức rằng phàm ngã chỉ là "nó"("it"), và do đó, nâng trung tâm ý thức của y đến Chân Ngã, như thế sẽ đến một lúc mà y khám phá ra, với tư cách là một sự kiện của kinh nghiệm, ý thức đó chỉ là "ngôi thứ hai"("you"), chứ không phải là "ngôi thứ nhất" ("I") (Xem lại trước, trang 72, 81). Khi điều đó xảy ra, vào lúc hoặc khoảng chừng Cuộc Điểm Đạo Thứ Tư, thì phàm ngã trở nên không còn nữa trong Chân Ngã, đồng thời những gì mà con người đã nghĩ hoặc đã cảm

https://thuviensach.vn

thấy như là cá tính của y sẽ biến mất. Và ngay khi y đã đạt đến trạng thái Bồ Đề, y sẽ công nhận và chấp nhận tâm thức
169 của kẻ khác như là tâm thức của chính y và cảm nhận các vui buồn của những người này như là của chính y; vì thế giờ đây người này chỉ nhận thấy một "cái ngã" ("I") thật sự và duy nhất trong vạn vật.

Kinh Bhagavad-Gita có đưa ra điểm dị biệt giữa sự nhận thức của vị đạo đồ cấp thấp với sự nhận thức của vị La Hán, giữa tâm thức của cõi Bồ Đề với tâm thức của cõi Niết Bàn. Trong trạng thái của người trước, y thấy cùng một Cái Ngã như nhau ngự trong vạn vật; trong trạng thái của người sau, y thấy rằng vạn vật đều ở trong Cái Ngã độc nhất.

Theo Yoga Sutra, đây là trạng thái Kaivalya, là trạng thái "đơn nhất" ("oneness"), trạng thái tự tại (freedom), khi hoàn toàn đạt đến trạng thái đó, thì sự phân biệt giữa người quan sát (seer) với vật được quan sát (seen), giữa chủ thể (subject) với khách thể (object) bị thủ tiêu.

93.- Hỡi kẻ chí phúc, ngươi đã quen với năm chướng ngại. Ngươi là kẻ chinh phục năm chướng ngại; làm chủ chướng ngại thứ sáu, là người nói về bốn phương thức chân lý.

Ngươi đã chiếu rọi ánh sáng lên bốn phương thức, hỡi kẻ đã từng là đệ tử, nhưng giờ đây là Huấn Sư.

Và trong bốn phương thức chân lý

94.- Há ngươi đã không trải qua hiểu biết về mọi điều khổ – tức chân lý thứ nhất hay sao?

95.- Há ngươi đã không chinh phục được Ma Vương nơi Tu, cánh cổng tập hợp – tức chân lý thứ nhì hay sao ?

https://thuviensach.vn

96.- Há ngươi đã không diệt trừ tội lỗi ở cổng thứ ba, và đạt được chân lý thứ ba hay sao ?

97.- Há ngươi đã không tiến nhập vào Tau, con đường dẫn đến tri thức, chân lý thứ tư hay sao ?

170 Bà Blavatsky giảng thêm:

Theo Phật Giáo Bắc Tông, bốn phương thức chân lý (four modes of truth) là: Ku, tức đau hoặc khổ; Tu, tức tập hợp các cám dỗ; Mu, tức sự diệt các cám dỗ; và Tau, đường Đạo.

Năm chướng ngại là: hiểu biết về cái khổ, sự thật về tính chất nhu nhược của con người, các gò bó khó chịu, nhu cầu hoàn toàn tách khỏi mọi trói buộc của đam mê, và ngay cả của các ham muốn. "Con đường cứu rỗi" là cái cuối cùng.

Đức Phật dạy cho thế gian Tứ Diệu Đế (Bốn Chân Lý Cao Quý). Các chân lý này là:

- Khổ (Sorrow, Khổ đế)
- Căn nguyên của khổ (Sorrow's Cause, Tập đế) ([1])
- Cách diệt khổ (Sorrow's Ceasing, Diệt đế)
- Đường đạo (Way, Đạo đế)([2])

---

[1] Tập: tụ tập, tập hợp. Tập đế: Chân Lý về những điều tập hợp lại để tạo ra cái khổ, tức là căn nguyên cái khổ, đó là "ái" (Trishra, B.Ph. hay Tanha, N. Ph., ham muốn, mong cầu, như ham sống lâu, ham giàu, ham danh vọng, quyền lực, ham sắc đẹp, ham ăn uống, ham vui sướng…)

[2] Đạo đế: Chân lý về con đường dẫn đến diệt khổ. Đây là chân lý chính yếu và gồm tám con đường để diệt khổ, tức là Bát Chánh Đạo. (Trích Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn).

https://thuviensach.vn

Các diệu đế này đã được Sir Edwin Arnold trình bày cho thế giới Tây phương bằng bài thơ có một không hai với sự chính xác và nét đẹp tuyệt vời trong quyển "Light of Asia" của ông mà các câu thơ sau đây được trích ra từ đó. Ai muốn tìm nguồn hứng cảm trên Thánh đạo nên cố gắng đọc toàn bộ tác phẩm.

Này những kẻ muốn theo Trung Đạo,
Lẽ sáng ngời vạch lối dễ đi.
Ai muốn đạt cõi cao Niết Bàn
Lắng nghe Diệu Đế giải bày trước sau.

*

* *

***Đế thứ nhất** ấy là Phiền Não*
Chớ coi thường khinh rẽ ai ơi !
Cuộc đời bao kẻ quý yêu,
Chỉ là khổ não triền miên kéo dài.
Chỉ duy nỗi khổ lưu tồn,
Cái vui nhẹ cánh bay như chim trời
Sinh là khổ, khổ chuỗi ngày vô vọng
Khổ tuổi xuân hoa mộng sắp tàn
Khổ những năm u buồn lạnh lẽo
Khổ những khi tử biệt nghẹn ngào.
Vơi đầy trong kiếp sống lao đao
Ngọt ngào trong tình thương tríu mến
Rồi đến lúc lửa tóc tang đốt cháy
Tấm hình hài êm ái thuở nào
Bao phen gối dựa môi kề,
Như cơn gió thoảng bay về nẻo xa
Dầu dũng mãnh kiêu hùng như vua chúa,
Xuôi tay rồi kên quạ đến rỉa xương.
171 *Đẹp thay quả đất huy hoàng*
Tiếc thay vạn vật tương tàn hại nhau.
Chốn rừng sâu sát phạt không ngừng

https://thuviensach.vn

Chỉ vì tranh sống mà đành giết nhau
Bầu trời lam ngọc xinh sao
Nhưng khi đói khát nước nào thấy đâu
Hỏi xem kẻ yếu đau than khóc,
Kẻ ngã xiêu chống gậy cô đơn,
"Cuộc đời có đáng yêu không ?"
Xin thưa: Lũ trẻ khôn ngoan
Lọt lòng đã biết khóc than cho đời.

*

* *

***Đế thứ hai**: Căn Nguyên Sự Khổ*
Khổ đau nào lại tự nảy sinh ?
Chẳng qua tham dục hữu hình,
Bốc lên ngọn lửa đốt người hại ta
Khi giác quan cùng đối tượng gặp gỡ,
Hòa nhau mau lẹ lửa mê cháy bùng
Thế rồi ái, dục, khát, thèm
Dấy lên ngọn lửa đốt lòng thế nhân.
Kẻ háo hức bám theo bóng tối,
Lòng khát khao mê đắm mộng mơ
Bên trong giả - ngã [1] vun trồng
Tạo ra thế giới hão huyền chung quanh.
Lòa ánh mắt thấy đâu đỉnh sáng,
Ngơ đôi tai trước những diệu âm
Nhẹ nhàng vẳng tiếng thoảng qua
Cõi trời Đao Lợi [2] ở miền thẳm xa
Làm ngơ trước lệnh truyền sống chân thật,
Giữ riêng mình cách sống thiếu nghĩa nhân.

---

[1] Giả ngã: False-self, tức phàm ngã hay là cái tôi giả tạm.

[2] Cõi trời Đao Lợi: Indra's sky. Theo Ấn Giáo, Indra là vua ở cõi trời Đao Lợi (ND)

https://thuviensach.vn

Mãi đua tranh cho thỏa khát tâm
Tạo nên giặc giã lan tràn thế gian.
Đau khổ thay con tim bị lừa đảo,
Mắt tuôn tràn những giòng lệ đắng cay:
Chất cao ham, muốn, hận thù,
Tháng năm nhuốm máu cứ chồng mãi thêm.
Đôi chân yếu dãi dầu mưa nắng,
Đem gieo trồng hạt giống tốt tươi,
Tiếc thay cỏ dại mọc tràn
Rễ ác, hoa độc giăng hàng khắp nơi.
Khó cho giống tốt tìm ra,
Chỗ đâu rơi xuống để mà nảy sinh
Uống chất nhiễm độc hồn rời cõi thế.
Theo cơn khát cháy, nghiệp quả quay về;
U-mê bản ngã bắt đầu,
Giác quan bị khơi lại nên phỉnh lừa mới nảy ra

*

* *

***Đế thứ b**a ấy là Diệt Khổ*
Đem an hòa thắng ái ngã [1] khát thèm
Đam mê bén rễ trong tâm.
Cần nhổ tận gốc, để lâu khổ lòng.
Làm tĩnh lặng tranh giành trong nội ngã[2]
Đem tình thương giữ Cái Đẹp Vĩnh Hằng
Vinh quang thay ai làm chủ được bản thân [3]
Lạc thú thay ai sống vô cùng thánh thiện [4]
Kho của cải trời cho bất tận,
Những ai biết phụng sự hết lòng
Bao nhiêu bổn phận cũng làm xong

---

[1] Ái ngã: love of self
[2] Tranh giành trong nội ngã: inward strife.
[3] Làm chủ bản thân: to be Lord of self
[4] Sống vô cùng thánh thiện: To live beyond the gods.

https://thuviensach.vn

Với lòng nhân, cùng dịu dàng lời nói.
Trải bao ngày chẳng nhiễm một vết nhơ:
Tài sản ấy sẽ còn hoài trong kiếp sống,
Lúc lìa đời không một tiếng chê bai.
Bấy giờ phiền não mất tăm,
Bởi sinh và tử đâu còn theo ta.
Đèn cháy được đâu khi dầu đã cạn ?
Nợ xấu cũ được hoàn toàn tẩy sạch,
Nợ mới sinh lại được lọc trong,
Thế là người đã hài lòng.

*

* *

***Đế thứ tư**, ấy Đường Diệt Khổ.*
Con đường này mở rộng thênh thang
Ai ơi hãy bước chân lên,
Con đường vừa dễ vừa gần biết bao.
Bát Chánh đạo, tám con đường thẳng tắp,
Chốn an bình ẩn náu để tu tâm.
Bao lối mòn đưa đến đỉnh đệ huynh (1)
Với bao tuyết trắng mây vàng cuộn quanh.
Theo dốc đứng dốc lài người leo cũng đến,
Chốn tách rời thế giới bên kia (2)
Chân cứng cáp thích chọn con đường lởm chởm
Đương đầu cùng dông bão, đỉnh núi hiểm cao,
Chân yếu đuối phải đi quanh mép bờ,
Chậm trễ vì bao chỗ dừng, chỗ nghỉ.
Phúc thay Bát Chánh Đạo đem an bình khắp chốn,
Đỉnh thấp, đỉnh cao nào nó cũng giúp vượt qua.
Nếu vững chãi, linh hồn sẽ nhanh bước,

---

1 Đỉnh đệ huynh: sister-peaks.

2 Thế giới bên kia: other world.

https://thuviensach.vn

Còn yếu ớt, linh hồn tiến chậm hơn.
Ai ai rồi cũng sẽ đến vùng,
Ngập tràn tuyết trắng, chan hòa ánh dương.

(*Light of Asia*, q. VIII).

Năm chướng ngại trên bước đường đi đến quả vị La hán của đạo sinh có thể được nghiên cứu dưới nhiều hình thức khác nhau. Đó là năm chướng ngại mà bà Blavatsky nhắc đến trong cước chú vừa được trích dẫn, tức là năm xiềng xích đầu tiên hay là năm Kleshas (chướng ngại) được nhắc đến trong Yoga Sutra có bàn ở trang 49-52.

98.- Giờ đây hãy an nghỉ dưới cội Bồ Đề, vốn là sự hoàn thiện mọi tri thức, vì hãy biết rằng, ngươi là bậc thầy về Đại Định – trạng thái tri kiến không lầm lạc.

173 ***99.- Nhìn xem! ngươi đã trở thành linh quang (light), ngươi đã trở thành diệu âm (sound), ngươi là Thầy và là Thượng Đế của ngươi. Chính ngươi là đối tượng tìm kiếm của ngươi: tiếng nói không gián đoạn, vang dội suốt muôn đời, không thay đổi, bảy diệu âm trong một, tức Tiếng Vô Thinh.***

100.- Aum Tat Sat.

Âm tiết cuối Aum Tat Sat là một trong các "đại châm ngôn" (Maha-vakyams hay là great sayings) của Ấn Giáo. Chúng ta đã xem xét ý nghĩa của Thánh ngữ Aum (xem lại trước, tr. 84-85). Tat liên quan đến Đấng Tối Cao (the Supreme). Về phương diện triết học, các đại danh từ "he" và "she" không thích hợp để chỉ Đấng Tối Cao, thế nên Tat, nghĩa là "That" ("Cái Đó") được dùng. Vượt ngoài (beyond) "it" và "you" là That, vốn là "I". Thế nên thành ngữ ám chỉ rằng nó là *Cái Đó* (it is *That*), *That* là *Thực Tại* (*the Real*). Mọi

https://thuviensach.vn

công việc hữu ích đều bắt đầu và chấm dứt bằng ý tưởng này.

https://thuviensach.vn

PHẦN II

HAI CON ĐƯỜNG

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG I

CÁNH CỬA ĐỂ NGÕ

C.W.L.- Nay chúng ta sang Phần Thứ Hai mà bà Blavatsky dịch từ quyển Kim Huấn Thư (Book of the Golden Precepts) có tựa đề là Hai Con Đường. Không nhất thiết là Phần này tiếp theo Phần Thứ Nhất, (được gọi là Tiếng Nói Vô Thinh) mặc dầu nó nhất định là bắt đầu bằng cách nói với người vừa đạt đến quả vị La Hán. Không có điều gì chứng minh rằng ba Đoạn này tiêu biểu cho bất luận mối liên hệ đặc biệt nào với nhau. Thực ra cả ba đều là các sách riêng biệt bàn về cùng đề tài với cùng cách thức ít nhiều như nhau. Tuy nhiên, người tìm đạo sẽ được lợi rất nhiều khi lại nghe thuyết giảng về Đường Đạo dưới các hình thức hơi khác một ít. Điều đó sẽ làm mới lại nhiệt tình của người tìm đạo, lôi kéo y chú tâm vào những điểm mà có thể y bỏ sót, và thường làm cho y thấy xa trông rộng hơn nữa.

Phần này bắt đầu bằng cách nhắc cho người vừa đạt đến đỉnh cao Thánh Đạo, và vấn đề nảy sinh là: Vị này sẽ thẳng tiến đến chí phúc cõi Niết Bàn, không để ý đến những người ở đàng sau, hoặc là vị này lúc đến ngưỡng cửa sẽ quay trở lại để giúp kẻ khác đang leo lên, nói cách khác vị này sẽ chọn sự giải thoát cho chính mình, hay sẽ ở lại để giúp đỡ thế gian?

https://thuviensach.vn

178 ***101.-Giờ đây xin Đức Thầy Từ Bi, hãy chỉ đường cho kẻ khác. Ngài hãy nhìn xem, bao nhiêu người đang gõ cửa mong được thu nhận, đang ngóng chờ trong cảnh vô minh và tăm tối, muốn thấy cánh cổng của Diệu Pháp được mở ra!***

Tiếng của Đạo sinh:

102.- Hỡi Đức Thầy Từ Bi. Ngài sẽ không mặc khải tâm pháp hay sao? Ngài sẽ từ chối dẫn dắt những kẻ phụng sự của Ngài bước lên Con Đường Giải Thoát sao?

Đối với chúng ta ngày nay, đoạn mở đầu của Phần này trước tiên, có vẻ hơi kỳ lạ. Chúng ta đều quen với ý tưởng rằng Thánh đạo mở rộng cho mọi người ở mọi nơi, không cần biết đến chủng tộc, tôn giáo, phái tính, giai cấp hoặc màu da, tức là những kẻ sống cuộc đời vì đạo. Vậy thì, tại sao lại có những kẻ đang chờ trong tăm tối và vô minh để cửa đạo mở ra cho họ?

Sự thật là, vào thời đó khi Đức Phật giảng dạy ở nước Ấn, đạo Bà La Môn đã trở nên rất nghiệt ngã. Lúc đầu, tôn giáo này rất hỷ xã (joyous) và phóng khoáng (free), nhưng theo thời gian qua giới tăng lữ và giới cai trị đã nới rộng hệ thống giai cấp ra đủ mọi chi tiết.

Vào khoảng mười ngàn năm trước T.C., khi người Aryans tiến vào, thì các bình nguyên xứ Ấn đã có rất đông người Atlantis và người Atlant-Lemuria. Thế nên Đức Bàn Cổ (Manu) thấy cần phải ngăn cấm việc kết hôn với người khác chủng tộc (intermarrige), và khoảng 8.000 năm trước T.C., Ngài qui định hệ thống giai cấp để không xảy ra sự pha trộn thêm nữa, và để cho các giống dân này có thể được lưu truyền mãi, lúc đầu Ngài chỉ lập ra ba giai cấp là Brahmana,

179

https://thuviensach.vn

Rajan và Vish. Giai cấp thứ nhất là người Aryan thuần chủng, thứ hai là người Aryan và Toltec, giai cấp thứ ba là người Aryan và Mông Cổ (Mongolian).

Do lẽ đó, các giai cấp được gọi là Varnas hay là sắc dân (colours) – Aryans thuần chủng sắc trắng, giống Aryan và Toltec có sắc đỏ pha trộn nhau, còn giống Aryan và Mông Cổ sắc vàng. Trong số chính các giai cấp này thì các giai cấp được quyền kết hôn lẫn nhau, nhưng một cảm giác nhanh chóng nảy sinh rằng các cuộc hôn nhân nên được hạn chế bên trong giai cấp (within the caste) mà thôi. Về sau, những người không một mảy may thuộc về Aryan cũng được gom vào dưới cách gọi tổng quát là Shudras, nhưng ngay cả ở đây, trong nhiều trường hợp có thể có một số nhỏ nào đó có dòng máu Aryan. Nhiều người thuộc các bộ lạc vùng đồi cao (hill tribes) có một phần thuộc giống Aryan – một số ít thì hoàn toàn như thế, giống như dân tộc Siaposh và các bộ lạc Gipsy.

Có nhiều đoạn trong các kinh văn Ấn Giáo cho thấy rằng, đối với các cá nhân có tư chất và năng lực phi thường thì có thể được nâng lên giai cấp cao hơn, nhưng đó là trường hợp rất hiếm có, và điều chắc chắn là vào thời kỳ trước khi Đức Phật ra đời, thông thường người ta tin rằng chỉ có người thuộc giai cấp Brahmana([1]) mới có hy vọng giải thoát, còn bất cứ ai muốn đạt đến mục tiêu đó, thì trước nhất phải cố gắng được sinh ra trong giai cấp Brahmana. Đây không phải là một triết lý mang nhiều hy vọng đối với đa số người dân, vì

[1] Brahmana: giai cấp Bà La Môn, giai cấp cao nhất ở Ấn Độ, có độc quyền về tôn giáo, giao tiếp với Thượng Đế và thần linh, các hàng vua chúa (giai cấp thứ nhì) cũng phải kiêng nể. (Phật Học Từ Điển, q.I, trang 193. Đoàn Trung Còn)

https://thuviensach.vn

người Brahmanas không bao giờ đông đúc và họ không cho phép người thuộc giai cấp thấp kém học hỏi các kinh sách thiêng liêng của họ.

Nhưng giáo lý của Đức Phật đã đẩy bật ra các cánh cửa. Phật dạy rằng phải đối xử tôn trọng như nhau đối với người thuộc bất cứ giai cấp nào biết sống đúng theo đạo lý (lived the life), trái lại, một người Bà La Môn mà không sống đúng
180 theo đạo lý thì không đáng tôn trọng, như các câu kinh sau đây trong Vasala-Sutta:

Chẳng phải việc ra đời làm cho con người thuộc vào giai cấp thấp,
Chẳng phải việc ra đời làm cho người trở thành người Bà La Môn,
Chỉ bởi các hành động mà người ta trở thành người thuộc giai cấp thấp.
Chỉ riêng bởi hành động của mình mà người ta trở thành người Bà La Môn.

Nhiều người Brahmanas cho tôi biết rằng họ thực sự cảm nhận được chân lý này trong cuộc sống thực tế. Họ cảm thấy chính họ bị thu hút vào những người thuộc giai cấp thấp mà sống theo các lý tưởng của đời sống theo Ba La Môn nhiều hơn là bị thu hút vào các thành viên thuộc giai cấp của chính họ mà chểnh mãng với lý tưởng Bà La Môn và sống theo mức thấp kém.

Mục đích của Đức Phật không phải là lập ra một tôn giáo mới, mà chỉ muốn cải cách lại Ấn Giáo (Hinduism). Có một thời hầu như mọi người Ấn gọi chính mình là Phật Tử (Buddhist). Có những người Ấn Giáo thuộc Phật hệ

https://thuviensach.vn

(Buddhist Hindus), cũng như hiện nay ở vùng Tây Bắc có nhiều người tự gọi chính họ là người Ấn Giáo thuộc hệ Sikh (Sikh Hindus).

Dưới hình thức một tôn giáo, Phật Giáo đã biến mất khỏi Ấn độ từ lâu. Nhưng cái hiệu quả mà Đức Phật muốn tạo ra vẫn còn tồn tại ở một mức rộng lớn trong Ấn Giáo ngày nay. Một thí dụ của hiệu quả này là việc tế lễ bằng súc vật (animal sacrifices) mà Đức Phật phản đối rất quyết liệt. Trước thời của Đức Phật, việc tế lễ bằng súc vật rất thịnh hành, nhưng ngày nay việc đó rất ít xảy ra. Thêm nữa, ngày nay, ở Ấn Độ, tất cả những người có đời sống thánh thiện đều được mọi người nhìn với sự tôn kính, dù cho giai cấp của người đó là gì trước khi trở thành vị chân tu (sannyasi). Đồng thời con người trên khắp thế gian đều tôn trọng kinh Bhagavad-Gita (Chí Tôn Ca) như là bộ kinh có uy tín nhất, tuy đó là bộ kinh có tính chất phóng khoáng nhất. Trong kinh này, Đấng Chí Tôn nói:

181 ***Đối với chúng sinh ta vẫn như nhau; đối với ta, không ai đáng ghét, cũng không ai đáng yêu. Thực ra, kẻ nào tôn trọng ta với lòng sùng kính, kẻ ấy ở trong ta, và ta cũng ở trong kẻ ấy. Cho dù kẻ có trọng tội đi nữa mà tôn kính ta với cả tấm lòng, kẻ ấy cũng phải được xem là công chính, vì kẻ ấy đã có quyết định đúng; này Kaunteya, kẻ ấy mau chóng trở thành người có trách nhiệm và nhanh chóng đi đến an bình vĩnh cửu; ngươi nên biết chắc chắn rằng kẻ tôn kính ta thì không bao giờ bị hủy diệt. Này, Partha kẻ nào ở trong ta, dù***

https://thuviensach.vn

là ở trong lòng tội lỗi, là phụ nữ, thuộc giai cấp Vaishya[1], thậm chí Shudras[2] đi nữa, họ cũng đang bước trên con đường cao nhất. (Chí Tôn Ca, IX, 29 – 32).

Đừng nên cho rằng, ở đây Đức Shri Krishna[3] đặt phụ nữ và những người khác vào mức độ thấp kém, mà chính là Ngài đang bài bác một số các mê tín trong dân gian, trong số đó có ý tưởng cho rằng những kẻ ở trong thân xác nữ nhân tất nhiên là thấp kém và vì thế không thể đạt được kết quả trong các mục đích tinh thần cao siêu.

Trong phần cước chú, bà Blavatsky giải thích rằng trong Phật Giáo có hai triết phái, phái bí truyền và phái công truyền, được gọi tuần tự là "tâm pháp" ("heart doctrine") và "nhãn pháp"("eye doctrine"). Tâm pháp xuất phát từ tâm của Phật, trong khi nhãn pháp là công trình của đầu óc Ngài. Một cách giải thích khác được đưa ra cho tôi có liên quan đến các tên gọi mắt và tim của đạo sinh: hệ thống các sự vật có thể được học hỏi bằng mắt, nhưng con đường cao siêu chỉ có thể được tiến nhập khi tâm (heart) được điều hợp với sự sống nội tâm (inner life).

---

[1] Vaishya (Vaisya): Phệ xá chủng hay Tỳ xá chủng. Giai cấp thứ ba trong bốn giai cấp ở Ấn Độ trước kia. Giai cấp này chuyên về thương mãi.

[2] Shudras (Sudra): Thủ đà chủng, giai cấp thứ tư trong bốn giai cấp ở Ấn Độ xưa kia. Giai cấp này lo việc ruộng nương. (Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn).

[3] Đức Shri Krishna là một tiền thân của Đức Christ. (Trích "Cung và Điểm đạo", A. Bailey, trang 254).

https://thuviensach.vn

Toàn bộ đoạn này được dựa trên sự đắn đo được cho là của Đức Phật về việc liệu Ngài có nên thuyết giảng hay không. Truyền thuyết kể lại rằng, vào buổi sáng tiếp theo thời điểm Ngài được Toàn Giác, khi ngồi dưới cội bồ Đề, Đức Phật phân vân liệu không biết thế gian có hiểu được và nghe theo Ngài hay không, mãi đến lúc Phật nghe thấy một tiếng dường như tiếng của địa cầu khổ đau vẳng lại: "*Chắc hẳn ta không còn nữa rồi; cả ta lẫn sinh vật của ta nữa!*" và kế đó lại
182 thêm: "*Hỡi Đức Thế Tôn, cầu mong cho Diệu Pháp (great Law) của Ngài được ban ra!*" (Ánh Sáng Á Châu, q. 7)

Đức Thầy dạy:

103.- Đường thì có hai; đại toàn bích có ba; có sáu đức hạnh biến đổi cơ thể thành cây tri thức.

Bà Blavatsky đưa thêm cước chú sau vào câu kinh này:

Cây tri thức (tree of knowledge) là một chức danh mà các môn đệ của Bodhidarma (Tôn Giáo Minh Triết) gán cho những bậc đã đạt đến đỉnh cao của tri thức huyền nhiệm, đó là các Adepts (Thánh Trí). Đức Nagarjuna, nhà sáng lập Trường phái Trung Luận (Madhyamika School, Phái Trung Quán Luận), được gọi là Cây Rồng (dragon-tree, Long Thọ), vì rồng được xem như là một biểu tượng của minh triết và tri thức. Cây được tôn vinh, vì chính ở dưới Cây Bồ Đề (Bodhi tree) mà Đức Phật được sinh ra, được toàn giác, thuyết giảng bài pháp đầu tiên và nhập diệt.

Đại Đức T.Subba Row lý giải về biểu tượng cây này hơi khác một chút. Ông nói rằng cơ thể của đạo sinh đã trở thành một vận hà tri thức (và chúng ta có thể thêm rằng cũng là vận hà của thần lực), sao cho nó là một trong các nhánh trên Cây vốn là toàn bộ minh triết của thế gian. Chúng ta cũng có thể

https://thuviensach.vn

thêm ý kiến rằng vị Điểm Đạo Đồ là một phần của cái cây vĩ đại là Thánh Đoàn, tức Đại Đoàn Huynh Đệ, vốn có cội nguồn tận các cõi cao, và các cành của nó phân nhánh vào mọi bộ phận của đời sống nhân loại, và thậm chí xuống đến các giới thấp hơn nữa. Những độc giả nào có đọc các chương sau của bộ *Chân Sư và Thánh Đạo* sẽ hiểu rõ hơn về biểu tượng cổ này của cây tri thức, vì trong đó có trình bày làm thế nào mà các nhánh của Đại Đoàn Chưởng Giáo mọc ra từ một Cội Rễ vĩ đại.

Trong phát biểu này về hai con đường, ba đại hoàn thiện và sáu đức hạnh, chúng ta có một thí dụ về tính cách có phương pháp trong giáo lý của Đức Phật. Ngài luôn luôn giúp cho các đệ tử nhớ lại giáo lý của Ngài bằng cách đưa giáo lý dưới hình thức bản liệt kê. Chẳng hạn như Tứ Diệu Đế, mỗi chân lý được trình bày bằng một từ ngữ đơn lẻ để gợi nhớ lại trọn bộ các ý tưởng hoàn toàn rõ ràng. Rồi đến Bát Chánh Đạo, Thập Ác Nghiệp (Ten Sins), được phân thành ba tội thuộc về thân, bốn tội thuộc về lời nói và ba tội thuộc về ý([1]), và Thập Nhị Nhân Duyên (Twelve Nidanas)([2]) hay là các

---

[1] Thập Ác nghiệp hay Thập Ác, gồm:

Ba tội do thân tạo ra: 1- Sát sinh; 2- Trộm cắp; 3- Tà dâm.

Bốn tội do lời nói tạo ra: 4- Vọng ngữ (nói càn, nói láo); 5- Ỷ ngữ (lời nói nhơ nhớp, bất chính); 6- Lưỡng thiệt (lối nói không đúng sự thật để tạo bất hòa cho hai bên); 7- Ác khẩu (hay chửi rủa, nói điều độc dữ, dùng lời nói để hại người khác)

Ba tội do ý tạo ra: 8- Tham; 9- Sân; 10- Si

[2] Thập nhị nhân duyên gồm: 1- Vô minh, 2- Hành, 3- Thức, 4- Danh sắc, 5- Lục nhập, 6- Xúc, 7- Thọ, 8- Ái, 9- Thủ, 10- Hữu, 11- Sanh, 12- Tử. (Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn).

https://thuviensach.vn

nguyên nhân kế tiếp của đời sống vật chất và phiền não đối với con người.

Các đức hạnh siêu việt, hay các Ba-la-mật (Paramitas) đôi khi được tính là sáu, đôi khi là bảy, nhưng thường hơn thì là mười. Khi ở Ceylon (Tích Lan, nay là nước Sri Lanka – ND) tôi được đại sư Sumangala dạy cho biết là có mười, Ngài nói sáu ba la mật đầu là bố thí (perfect charity), đạo đức (perfect morality, trì giới), chân thật (perfect truth), năng lực (perfect energy, tinh tấn), tử tế (perfect kindness) và sáng suốt (perfect wisdom, trí tuệ). Bốn cái khác đôi khi được thêm vào, nhất là đối với các đạo sư là: Bền chí (perfect patience), nhẫn nhục (perfect resignation), quyết tâm (perfect resolution), xả bỏ (perfect abnegation).

Trong kinh Awakening of Faith của Ashvagosha([1]) do Teitaro Suzuki dịch ra Anh Ngữ, thì các Ba-la-mật được liệt kê như sau: Bố thí (dana), Trì giới (sila), Nhẫn nhục (Ksanti). Tinh tấn (virya), Thiền Định (dhyana), Trí huệ (prajna), còn bốn Ba-la-mật phụ là: Expediency (upaya, Phương tiện thiện
184 xảo Ba la mật), Prayer or vow (pranidhara, Nguyện Ba la mật), Strength (bala, Lực Ba la mật), Knowledge (Jnana, Trí Ba la mật).

Trong phần cước chú cho quyển Tiếng Nói Vô Thinh, ấn bản 1924, có một bản liệt kê được rút ra từ quyển Chinese Buddhism của Eitel như sau: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh Tấn, Thiền Định và Trí huệ, riêng đối với các đạo sư thì có

[1] Ashvagosha: Mã Minh Bồ Tát, Tổ sư thứ 12 của Phật Giáo Ấn Độ (thế kỷ thứ hai), tác giả của hai bộ kinh Bouddhacacarita (Phật sở Hành Tán) và Sutrâlamkara. (Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn).

https://thuviensach.vn

thêm: sử dụng đúng phương tiện (use of right means), tinh thần khoa học (science), hết lòng vì đạo (pious vows) và sức mạnh của mục tiêu (force of purpose).

Khi còn ở Ceylon, tôi có dịp so sánh các diễn đạt của các nhà Đông phương học với các cảm nghĩ của chính các Phật Tử. Có một dị biệt lớn giữa hai bên, vì cách diễn đạt thứ nhất thường là rất cứng nhắc (very wooden), còn cách diễn đạt sau (của Phật tử) thì tràn đầy sinh khí. Tuy thế, các tu sĩ học rộng lại có một sự chính xác về kiến thức ít nhất cũng ngang bằng với mức chính xác của các nhà Đông Phương học uyên bác nhất. Trong quyển Ánh Sáng Á châu, Sir Edwin Arnold đã đưa ra một cách trình bày rất chính xác về khía cạnh linh hoạt của Phật Giáo. Một số người nói rằng ông đã chuyển đổi các ý tưởng và xúc cảm của Cơ Đốc Giáo thành Phật Giáo, nhưng điều đó chẳng đúng một chút nào, tôi có thể trưng ra bằng cớ là các tình cảm được mô tả trong bài thi thực ra đã có trong dân gian của người theo đạo Phật.

104.- Ai sẽ tiến đến hai con đường đó?

105.- Ai sẽ bước vào hai con đường đó trước tiên?

106.- Ai sẽ nghe được truớc tiên giáo lý về hai con đường trong một, chân lý được hiển lộ về Tâm Pháp Bí Nhiệm? Dù tránh việc học hỏi, định luật giảng dạy minh triết, lại tiết lộ một chuyện đau thương.

107.- Hỡi ôi, hỡi ôi, mọi người sẽ có Alaya, vốn là một với Đại Hồn, và khi có nó, Alaya sẽ chẳng có giá trị bao nhiêu cho họ!

https://thuviensach.vn

185 ***108.- Xem kia, giống như vầng trăng được phản chiếu trong các gợn sóng tĩnh lặng, Alaya cũng được phản chiếu bởi những vật nhỏ và lớn, được phản chiếu trong các nguyên tử nhỏ nhất, tuy thế lại không thể đến được tâm của vạn vật. Hỡi ôi, thế nên rất ít người hưởng được lợi của món quà đó, ân huệ vô giá ấy là học hỏi được chân lý, nhận thức đúng các sự vật đang tồn tại, biết được cái phi hiện tồn!***

Tâm pháp Bí nhiệm là giáo lý nội môn. Đó là một biểu tượng vốn dĩ truyền đến chúng ta từ thời Atlantis. Trong điện thờ thâm sâu nhất của ngôi đền lớn ở Kim Môn Thành (City of the Golden Gate) có đặt trên bàn thờ một hộp lớn bằng vàng hình quả tim, chỗ mở bí mật của hộp chỉ có vị tư tế cao cấp mới biết được mà thôi. Hộp này được gọi là "Trái Tim của Thế Giới", và theo họ, nó biểu hiện cho các bí pháp thâm viễn nhất mà họ biết được. Trong đó họ lưu giữ các thánh vật quí trọng nhất của họ, nhiều hệ thống ký hiệu (symbolism) của họ được tập trung chung quanh đó. Họ biết rõ rằng mọi nguyên tử đều đập nhịp giống như quả tim, và họ cho là mặt trời có một chuyển động tương tự như vậy, mà họ liên kết với chu kỳ xuất hiện đốm mặt trời (sun-spot period, chu kỳ nhật ban). Trong các sách của họ, đôi khi người ta tình cờ gặp những đoạn mang lại cho chúng ta cảm giác rằng họ hiểu biết nhiều hơn chúng ta về các vấn đề khoa học, mặc dầu họ xem xét mọi việc đó theo quan điểm thi ca hơn là theo quan điểm khoa học. Thí dụ họ nghĩ rằng quả đất hít thở và hoạt động, và điều chắc chắn rằng mới gần đây thôi, các nhà khoa học khám phá ra rằng có một sự dịch chuyển (displacement) đều đặn hằng ngày của mặt địa cầu, sự dịch chuyển này có thể được nghĩ đến như là có tương ứng theo một cách nào đó với sự hô hấp.

https://thuviensach.vn

186 Khi dùng thuật ngữ "tâm pháp bí nhiệm" ("secret heart"), Đức Aryasanga cũng ám chỉ tất cả các bí pháp bên trong (inner mysteries). Còn phần cước chú của bà Blavatsky thì ghi:

Tâm pháp là giáo lý nội môn.

Khi bảo "tránh việc học hỏi", chắc chắn ở đây Đức Thầy có ý nói rằng có những lúc chúng ta cần chuyển sự chú tâm của chúng ta ra khỏi việc chỉ thu lượm tri thức từ bên ngoài qua các giác quan, mà chúng ta nên dành thì giờ để phát triển việc học hỏi bên trong qua trực giác. Chúng ta không thể có được minh triết mà không có đủ học hỏi hoặc tri thức liên quan với các sự việc mà chúng ta phải đối phó trong cõi đời, trong phạm vi riêng biệt đối với bổn phận của chúng ta. Mặt khác chúng ta sẽ mắc nhiều sai lầm nếu chúng ta tưởng rằng điều quan trọng nhất trong cuộc sống là chất chứa thật nhiều tri thức, hoặc là nếu ngay cả tưởng tượng rằng tri thức đó có giá trị thực sự, tách biệt với việc sử dụng những gì mà chúng ta có thể vận dụng được để phụng sự nhân loại.

Ở Tây phương có một khuynh hướng tiếp cận với các sự việc và nghiên cứu chúng từ bên ngoài, trong khi phương pháp ở Đông phương là thích xem xét các sự việc từ bên trong. Ở tình trạng tiến hóa hiện tại của chúng ta, cả hai phương pháp đều cần thiết. Khi hiện thể Bồ đề được phát triển, và từ cõi đó trực giác xuống được bộ óc xác thân, nó sẽ mang lại cho chúng ta minh triết đích thực, tri thức hoàn hảo, nhưng chỉ có một số ít người mới có trực giác phát triển đầy đủ.

https://thuviensach.vn

Cho dù chúng ta có thể giữ đầu óc của chúng ta giữa các đám mây đi nữa, điều cần thiết là chân chúng ta phải trụ vững trên mặt đất, và chúng ta phải xử sự với các ấn tượng đến từ bên trong với sự phán đoán công bằng, giống như
187 chúng ta áp dụng lương tri đối với kinh nghiệm thuộc đời sống hằng ngày. Điều này rất cần thiết, bởi vì rất dễ nhầm lẫn các xung lực đến từ thể tình cảm, với trực giác đến từ Chân Ngã. Thí dụ, đôi khi xảy ra việc một người chết thấy rằng chúng ta chú ý tới một điểm đặc biệt nào đó, nên người này đưa ra một gợi ý trên cõi tình cảm và gợi ý này đi xuống não bộ và có vẻ giống như trực giác. Tuy nhiên, thực ra, người chết đó có thể là một kẻ quan sát kém cỏi trên cõi cảm dục, và do đó có thể đưa ra thông tin rất sai lầm.

Lời khuyên "tránh việc học hỏi" không những hữu ích đối với kẻ đang ở trên Thánh Đạo, mà còn hữu ích đối với mọi kẻ rất hiếu học, nếu chúng ta xem lời khuyên đó hàm ý, như nó vẫn hàm ý đó, rằng chúng ta nên tránh chỉ có học hỏi mà thôi. Một số lớn việc học hỏi chỉ ở bên ngoài các sự việc thường đưa đến chủ nghĩa duy vật. Bởi vì họ chỉ thấy chung quanh họ các tai họa lớn, sự hy sinh, sự áp bức, phiền não và đau khổ, đồng thời biết bao lời cầu xin mà không có sự đáp ứng hoặc được ban đặc ân nào, nên nhiều người đi đến chỗ nghĩ rằng xung đột và đấu tranh là luật của sự sống, rằng tạo hóa không có lòng xót thương. Nhưng muốn nghiên cứu thế giới càng đầy đủ càng tốt, lúc nào cũng nên xem nó như một trường học lớn dành cho sự sống chứa đựng trong vô số hình thức của nó, đưa đến minh triết, giúp cho ta thấy rằng mọi vật đều đang cùng hoạt động vì cái thiện hảo. Khi con người phát triển được nhãn thông cảm dục và các hình thức nhãn thông cao hơn nữa, thì sự thật này, đó là mọi vật đều tiến tới

https://thuviensach.vn

chỗ tốt lành không còn là vấn đề cần được hiểu bằng lập luận kỹ càng nữa; nó lập tức hiện ra trước mắt. Không một người nào có được nhãn thông như thế mà có thể trở thành một kẻ duy vật bao giờ.

Từ ngữ Alaya chỉ hàm ý là một trú sở (a dwelling) hoặc ngôi nhà. Về mặt nội môn, bà Blavatsky nói từ ngữ ấy có ít
188 nhất một nghĩa đôi, đó là Linh Hồn Vũ Trụ (universal soul) và Chân Ngã (the Self) của một vị Chân Tu tiến hóa (advanced Adept). Đó là trú sở thực của con người, trạng thái vũ trụ (universal aspect) của cái vốn là Buddhi trong Tam Thượng Thể Tinh Thần nơi con người. Đó là trạng thái dương hay trạng thái tích cực của Linh Hồn Vũ Trụ, tức Thượng Đế (Logos). Đó là Oversoul của Emerson, Chân Ngã đại đồng của mọi sinh linh. Đó là cái mà Plato gọi là Nous([1]), một nguyên khí không lệ thuộc vật chất nhưng tác động theo chủ định, tức jivatma của người Ấn Giáo, cội nguồn của tư tưởng sáng tạo thiêng liêng. Nói cách khác nó ở trong Thượng Đế Ngôi Hai, tức Linh Hồn Thiêng Liêng Vũ Trụ (the Universal spiritual soul), mà Buddhi trong mỗi người là một tia của nó.

Người nào có được "hiểu biết về cái phi-hiện tồn" (the non-existent) chắc chắn có vẻ kỳ dị với những người không biết ý nghĩa triết học chính xác của từ ngữ cuối cùng này. To exist (hiện hữu) có nghĩa là đứng bên ngoài (to stand outside of), có được cái tự thể bên ngoài hay tự thể biểu lộ (to have

[1] Nous (tiếng Hy Lạp): Thuật ngữ do triết gia Plato đặt ra để chỉ Thượng Trí hay Linh Hồn. Nó có nghĩa là Tinh Thần (Spirit) khi tách biệt khỏi sinh hồn (animal soul-psyche). (Theosophical Glossary 1971).

https://thuviensach.vn

external or objective being). Loại tự thể vốn được gọi là sự hiện tồn (existence) thì thuộc về mọi thế giới được nhìn thấy ở ngoài chúng ta, nhưng sự sống hay tâm thức bên trong có trạng thái hiện tồn riêng của nó – gọi nó là "istence" nếu bạn muốn gọi thế, mà không phải là "existence". Không thể có gì thực (real) hơn là cái thực tại (reality) của sự sống hữu thức này, mà chúng ta cũng đang có bởi vì chúng ta là thành phần của cùng một vị Thượng Đế – và đó là "cái phi hiện tồn" mà người tìm đạo phải hiểu biết. Về bản thể, mọi người đều thiêng liêng; nhưng muốn hiểu được điều đó, con người phải đứng bên ngoài ánh sáng riêng của mình – lúc bấy giờ sẽ không còn bóng tối, không còn ảo tưởng nào nữa.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 2

Kiến thức uyên bác và Minh Triết Linh Hồn.

Đệ tử hỏi:

109.- Bạch Thầy, con sẽ làm gì để đạt được minh triết?

110.- Hỡi đấng minh triết, con sẽ làm gì để được hoàn thiện?

111.- Hãy tìm đạo. Nhưng, hỡi đệ tử, phải có tấm lòng trong sạch trước khi ngươi bắt đầu cuộc hành trình. Trước khi cất bước chân đầu tiên, hãy học cách phân biệt chân với giả, cái vô thường với cái thường tồn. Trên hết hãy học cách phân biệt việc học rộng (head-learning) với minh triết của linh hồn, nhãn pháp với tâm pháp.

C.W.L.- Những gì được nói đến ở đây về đề tài chân với giả đều đã được bàn đến một cách đầy đủ trong phần luận giải "Từ cõi giả xin dắt tôi đến cõi chân" trong quyển Dưới Chân Thầy (Giảng Lý Dưới Chân Thầy, ch. IV).

112.- Phải, vô minh giống như cái chậu đậy kín không có không khí; Linh hồn giống như con chim bị nhốt trong chậu đó. Chim không còn hót líu lo, cũng không thể vỗ cánh nữa, mà con chim hay hót này sẽ ngồi lặng câm và mê mệt, và chết vì mòn mỏi.

https://thuviensach.vn

190 ***113.- Nhưng dẫu sao vô minh cũng còn hay hơn là học rộng mà không có minh triết của Linh hồn để soi sáng và dẫn dắt nó.***

Không một chút tiến bộ về mặt huyền linh nào có thể xảy ra cho một người khi y cực kỳ dốt nát, dù cho y có thể mở mang nhiều ở các phương diện khác. Nếu không có một kiến thức nào đó về Chân Lý và về Thánh Đạo, y sẽ không hành động theo một hướng rõ rệt được. Đa số người có rất ít kiến thức về những gì có ý nghĩa để thật sự là một con người, những gì là các tính chất và hành động đưa tới sự tiến bộ, và những gì đưa tới sự thoái bộ, và họ không hề có một ý niệm nào về cái vận mệnh cao cả mà tất cả mọi người đang dần dần tiến đến. Do đó sự tiến bộ của họ rất là chậm chạp. Chúng tôi có dịp xem xét bằng nhãn thông hàng trăm kiếp sống kế tiếp nhau của một số pitris hạng hai, tức những người thuộc cấp đẳng thứ hai, chúng tôi thấy rất ít có sự phát triển đáng kể nào ở cuối của loạt khảo cứu đó.

Tuy nhiên, có một sự tiến hóa đều đặn mặc dù chậm chạp của toàn thể khối sự sống vốn luôn luôn tiếp diễn, và con người đã dự phần vào sự tiến bộ chung này. Về mặt tuyệt đối, y đã tiến tới, nhưng y tương đối tiến rất ít. Ông Sinnett có so sánh sự tiến bộ này với sự tiến bộ của một người đang đi vòng quanh một cái tháp hết vòng này sang vòng khác bằng một cầu thang uốn quanh. Người này đến cùng vị trí và quang cảnh giống nhau hết lần này đến lần khác, nhưng mỗi lần cao hơn trước một ít. Có vẻ hầu như là con người đang được đối xử hơi tốt hơn là họ xứng đáng như vậy, vì chúng tôi thấy rằng thậm chí người dốt nát, mà trong tư tưởng của y thì hết chín trong số mười trường hợp là ích kỷ, đang tiến tới bằng cách này. Nhưng sự thật là dù chỉ có một lực nhỏ được

https://thuviensach.vn

hướng đến các sự việc cao cả thì vẫn có sức mạnh nhiều hơn là một lực lớn được hướng vào các việc thấp hèn. Nếu chỉ có
191 một phần mười tư tưởng của một người có tính tinh thần thì người đó cũng vượt qua mức trung bình rồi; ngay cả trong trường hợp một người đang thực hiện chín bước lùi cho một bước tiến tới, nhưng may mắn là chín bước lùi rất ngắn, còn một bước tiến tới lại rất dài. Phải có một kiếp sống xấu xa lắm mới làm cân bằng cái thiện và cái ác, còn để thụt lùi trở lại thì người đó phải hết sức xấu xa. Ngoài ra, hiệu quả của một điều lành nhỏ lại rất sâu xa do sự liên kết chặt chẽ vẫn tồn tại giữa những con người, và kẻ nào phát khởi điều lành sẽ nhận được nhiều thiện quả.

Nhưng nếu sự vô minh là một chướng ngại lớn cho sự tiến bộ, thì kiến thức mà không được áp dụng cũng kém giá trị đi; nó không có giá trị gì nhiều. Thậm chí nếu một người có quan tâm đến các vấn đề huyền linh học đi nữa, y có thể hình như vẫn còn ở nguyên một trình độ hết kiếp này sang kiếp khác, vì nếu kiến thức không được áp dụng thì nó chỉ tạo chút ít quả lành mà thôi. Đưa sự hiểu biết vào thực hành là một điều kiện tuyệt đối cần thiết để có được sự tiến bộ nhanh chóng.

114.- Hạt giống minh triết không thể nẩy mầm và lớn lên ở nơi thiếu không khí. Muốn sống và gặt hái kinh nghiệm, thể trí cần hiểu biết rộng sâu và cần có các điểm kéo thể trí hướng về Linh Hồn Kim Cương. Chớ nên tìm các điểm đó trong cõi Hão Huyền, mà hãy bay vút lên vượt qua huyễn tưởng, hãy tìm kiếm Hữu Thể Tuyệt Đối (SAT) vĩnh hằng và bất biến, đừng tin vào các ám thị giả dối của huyễn tưởng.

https://thuviensach.vn

Trong phần cước chú, bà Blavatsky nói rằng Hồn Kim Cương (Diamond Soul), tức Vajrasattva, một thánh danh của Tối Thượng Phật (Supreme Buddha), vị Chúa của mọi bí pháp, được gọi là Vajradhara và Adi-Buddha. Tuy thế, trong
192 bộ Giáo Lý Bí Nhiệm, bà nêu ra sự dị biệt giữa Vajrasattva với Vajradhara. Vajra là một viên kim cương; trong mối liên hệ theo cách này, sattva có nghĩa là "theo bản chất" ("by nature"), nghĩa là một tính chất hay linh hồn, thế thì Vajrasattva là người có bản chất hay tính chất (nature or character) giống như kim cương. Dhara có nghĩa là giữ (holding) hoặc mang (bearing), vậy Vajradhara là người giữ một viên kim cương.

Avalokiteshvara, "vị Chúa hiển lộ" ("the Lord who is seen"), là Vajrasattva, tức Hồn Kim Cương hay là Tâm Kim Cương (Diamond-Heart), và là thực tại tổng hợp của tất cả các Dhyani-Buddhas. Thượng Đế Ngôi Một là Vajradhara hay là Vajrapani, Đấng Nắm Giữ Kim Cương (Diamond-Holder), hay là Đấng Trao Kim Cương (Diamond-Handed One), ở Tây Tạng còn gọi là Dorjechang. Ngài là Đấng vượt ngoài mọi quy định hoặc biểu lộ, nhưng Ngài gửi vào thế giới biểu lộ nội tâm sự biểu hiện của Tâm Ngài – Vajrasattva hay Dorjesempa, Thượng Đế Ngôi Hai. (Xem lại trước, trang 73 – 74).

Cần có những điểm đặc biệt để đưa đạo sinh vào tiếp xúc đầy đủ với Cái Đó (That) tương tự với những gì mà chúng ta đã thấy trong tiến trình thoát kiếp thú của một con thú. Trong trường hợp này, các điểm đó là những tính chất tốt đẹp mà con thú đang phát triển như là tình thương và sự tận tụy (devotion), nhờ đó con thú mới đạt đến trạng thái tâm thức con người. Thể trí con người cũng phải phát huy được

https://thuviensach.vn

những điểm đặc trưng riêng biệt ngõ hầu nó có thể hợp nhất với Linh Hồn, và đối với vị Điểm Đạo Đồ, các điểm đặc trưng này phải vươn lên đến thể Bồ Đề, vốn là nguyên khí trong Chân Ngã luân hồi tương ứng với Vajrasattva ở một mức độ còn cao siêu hơn nữa. Đại Đức T. Subba Row nói rằng điều đó ám chỉ Atma thu hút Chân Ngã vào Chân Thần. Cách so sánh tương tự có thể dùng được như thế ở nhiều trình độ khác nhau.

115 ***115.- Vì thể trí giống như cái gương; nó hứng bụi mà vẫn phản chiếu lại bụi.***

Bà Blavatsky nói, câu này xuất phát từ triết lý của Thần Tú (Shin-Sien). Thần Tú dạy rằng trí người giống như cái gương; gương vừa thu hút, vừa phản chiếu lại mọi hạt bụi cực nhỏ, nên giống như tấm gương đó, trí cần phải được xem xét và tẩy bụi mỗi ngày([1]). Thần Tú là tổ thứ sáu (sixth patriarch) ở phía Bắc Trung Hoa, Ngài dạy giáo lý nội môn (esoteric doctrine) của Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma)([2]).

Trong bộ Giáo lý Bí Nhiệm, bà Blavatsky giải thích sứ mệnh (position) của Tổ Bồ Đề Đạt Ma như sau:

---

[1] Tham khảo thêm bài kệ của Thần Tú:

Thân thị bồ đề thọ (Thân là cội bồ đề)
Tâm như minh cảnh đài (Tâm như đài gương sáng)
Thời thời cần phất thức (Luôn luôn phải lau chùi)
Mạc sử nhạ trần ai (Chớ để dính bụi bặm)

(Trích: Sử 33 Vị Tổ Thiền Tông Ấn Hoa, 178-179. Thích Thanh Từ)

[2] Đức Bồ Đề Đạt Ma là Tổ thứ 28 của Phật Giáo Thiền Tông Ấn Độ, tức là Tổ thứ nhất ở Trung Quốc, không rõ năm sinh, chỉ biết năm mất là 529 (ND).

https://thuviensach.vn

Khi việc lạm dụng kinh sách chính thống của giáo điều đạo Phật lên đến cực điểm, tinh thần chân chính của triết lý Đức Phật hầu như mất đi, thì nhiều nhà cải cách bên Ấn Độ xuất hiện, các nhà cải cách này lập ra giáo lý khẩu truyền. Đó là Bồ Đề Đạt Ma và Long Thọ (Nagarjuna), tác giả của hầu hết các kinh sách quan trọng của Thiền Tông ở Trung Hoa trong các thế kỷ đầu của kỷ nguyên chúng ta. (Giáo Lý Bí Nhiệm, Ấn bản Adyar, q.V, 410).

Bụi dính trên gương tiêu biểu cho các thành kiến, các ảo tưởng (illusions)([1]) và các vọng tưởng (fancies)([2]) vốn thuộc về thể tình cảm và thể hạ trí.

Các thứ này hiện ra rõ ràng đối với người có thể nhìn thấy lần lượt các cõi ấy, hiển nhiên đây là các chướng ngại đối với tư tưởng hoặc tình cảm tốt lành. Hậu quả của các chướng ngại này và các phương tiện để dẹp bỏ chúng đã được xem xét kỹ lưỡng trong quyển Giảng Lý Dưới Chân Thầy (ở ch. 1, Kiểm soát Trí).

115.- Cần có các cơn gió nhẹ của minh triết của Linh hồn để quét đi lớp bụi ảo tưởng của chúng ta. Hỡi kẻ sơ cơ, hãy tìm cách hòa nhập thể trí và Linh hồn của ngươi với nhau.

116.- Hãy xa lánh vô minh đồng thời cũng xa lánh ảo tưởng. Hãy quay mặt đi trước các phỉnh lừa của thế gian;
194 ***đừng tin vào các giác quan của ngươi, chúng là giả đó. Nhưng bên trong cơ thể ngươi – chốn linh thiêng của các cảm giác của ngươi – hãy tìm kiếm Con Người Vĩnh Cửu trong con người vô cảm đó, và khi tìm ra con người vĩnh cửu, hãy nhìn vào trong: ngươi vốn là Phật.***

[1] Ảo tưởng: tưởng nghĩ không đúng sự thật.

[2] Vọng tưởng: tưởng nghĩ sai quấy.

https://thuviensach.vn

Kinh nghiệm thông thường cho chúng ta biết rằng cần phải nghi ngờ các giác quan. Chẳng hạn, các cảm giác về thị giác phải được hiệu chỉnh bằng cách nghiên cứu các sự kiện một cách kỹ càng và phán đoán về chúng, như trong vấn đề chuyển động biểu kiến của mặt trời chung quanh địa cầu. Tuy nhiên cần phải thận trọng với câu nói này, đừng hiểu theo ý tưởng rằng các giác quan không nên dùng đến. Trên mọi cõi giới đều phải dùng đến giác quan để thu lượm tri thức và để thi hành công việc cùng nhiệm vụ mà nếu không có chúng sẽ không có tiến bộ.

Con người Vĩnh Hằng là Chân Ngã luân hồi, sự sống của Chân Ngã kéo dài đời đời kiếp kiếp so với sự sống của phàm ngã, nó vẫn tồn tại xuyên qua toàn bộ chuỗi sinh tử của kiếp người của chúng ta.

Từ ngữ Phật (Buddha) được dùng theo ba nghĩa riêng biệt (từ ngữ này trong câu kinh 116 – ND). Đôi khi, như trong trường hợp này, nó chỉ có nghĩa là giác ngộ, khai ngộ, hay là minh triết. Đôi khi nó được dùng để chỉ thánh danh của Đức Gautama (Phật Thích Ca). Trong các trường hợp khác nó hàm ý là chức vụ cao (high office) trong Đại Đoàn Huyền Linh của Đấng Chủ Quản Cung Hai, bộ môn vĩ đại về giáo huấn và tôn giáo mà tôi có mô tả trong bộ sách *Chân Sư và Thánh Đạo*. Các Phật tử có một danh sách với hai mươi bốn Đức Phật, trong đó vị nắm giữ chức vụ hiện giờ là Đức Cồ Đàm (Lord Gautama), trong tương lai xa, Ngài sẽ được Đức Di Lặc (Lord Maitreya) nối tiếp.

195 ***117.- Này kẻ mộ đạo, hãy tránh xa lời tán tụng: lời tán tụng dẫn đến sự tự dối mình. Thân xác ngươi không phải là***

https://thuviensach.vn

Chân Ngã, trong chính Chân Ngã ngươi không có thân xác, không lời tán tụng hoặc khiển trách nào tác động đến Chân Ngã được.

118.- Hỡi đệ tử, việc tự tán tụng mình thì cũng giống như kẻ điên cuồng ngạo mạn trèo lên được tháp cao. Y tự đắc ngồi một mình nơi đó và không được ai nhận thấy trừ chính y.

Rất nhiều người đã bị làm hư hỏng bởi lời khen tặng quá đáng; khen tặng đưa đến sự kiêu hãnh nơi tất cả ai không thấy rõ những gì nằm trước mắt họ hoặc bên trên họ. Các đệ tử nào có nhãn thông đủ để thấy được các Chân Sư thì thường không dễ lâm vào nguy cơ này như nhiều người khác, bởi vì họ không thể so sánh sự nhỏ bé của chính họ với sự cao cả của Chân Sư, ánh sáng yếu ớt chẳng đáng gì của chính họ với ánh dương rực rỡ của Chân Sư. Chính người chỉ nhìn xuống và so sánh mình với những kẻ thấp kém hơn mình, mới dễ rơi vào chỗ kiêu căng.

Cách hay hơn hết là không nghĩ đến chính mình, mà luôn luôn bận tâm đến công việc của Chân Sư. Đối với tất cả mọi người trong chúng ta, mỗi ngày có quá nhiều việc cần phải làm so với khả năng mà chúng ta có thể làm được; và chỉ tổ làm giảm đi sức lực và thời gian mà thôi nếu chúng ta phí phạm nó vào việc nghĩ về bản ngã nhỏ bé của chúng ta. Chắc chắn là có nhiều lý do giải thích tại sao các Chân Sư không chịu xuất hiện nhiều hơn trước những người mới ở trong giai đoạn bắt đầu phụng sự các Ngài. Một trong các lý do đó là đệ tử, khi thấy Chân Sư vượt hơn mình quá xa, có thể bị chôn vùi vào sự tầm thường của chính mình và mất tin tưởng vào năng lực của chính mình để làm việc cho Chân Sư. Thế nên,
196 một mặt cần tránh sự kiêu căng, còn mặt khác thì người ta

https://thuviensach.vn

cũng phải tránh sự đánh giá thấp năng lực của mình. Ở đây, trung đạo vẫn luôn luôn là con đường đúng đắn.

Cách so sánh (sự kiêu hãnh- ND) với một cái tháp quả thật là cách so sánh rất đúng, vì lòng kiêu hãnh chắc chắn làm cho con người cách biệt với huynh đệ của mình. Thí dụ, nếu một người tư hào về sự hiểu biết của mình, người đó sẽ mong muốn giữ cho những người khác dốt nát hơn mình, để thích thích thú với địa vị cao của mình, và thậm chí khi người này có dịp trao ra kiến thức, thì điều đó sẽ chỉ cốt ý là phô trương kiến thức mà thôi. Người như thế thì lúc nào cũng bận rộn vào việc mở rộng hố ngăn cách giữa y với người khác, để cho y có thể từ trên cao nhìn xuống kẻ khác.

119.- Tri thức sai lầm bị người thông thái bác bỏ và bị Diệu Pháp rải tung theo gió. Bánh xe của Diệu Pháp quay vòng cho mọi người, kẻ khiêm tốn lẫn kẻ kiêu căng. Nhãn pháp dành cho quần chúng, tâm pháp dành cho người được chọn. Hạng người trước nhắc lại trong sự kiêu hãnh: "Xem đây, tôi biết"; hạng sau, những người đã thu nhặt trong sự khiêm tốn, thú nhận khe khẽ: "Tôi đã nghe như thế".

Theo thời gian, mỗi tôn giáo đều có góp nhặt chung quanh nó nhiều suy đoán và các thêm thắt khác. Thí dụ, trong Ấn Giáo, người ta đọc thấy trong kinh Puranas hàng tá sự việc mà con người được dạy rằng họ được phép làm hoặc không được phép làm; nhiều điều trong số đó đã được các giáo sĩ đặt ra, hoặc để thuận tiện và lợi ích cho riêng họ, hoặc vì đánh giá quá đáng giá trị của nhiều lời cầu nguyện và các
197 nghi thức. Cũng có các giải thích đặc biệt về các châm ngôn trước kia được mở rộng thành các giáo điều và gắn vào giáo

https://thuviensach.vn

lý ban đầu, chẳng hạn như giáo lý về địa ngục đời đời kinh khủng vẫn còn tồn tại trong hầu hết những người Cơ Đốc giáo.

Giáo lý nội môn tức thì tung các tín điều đó cho gió, vì giáo lý này đưa con người chú ý trở lại vào các chân lý căn bản và thiết yếu. Lại nữa, hành động từ trái tim là phương cách chỉ của một người dũng cảm và tiến hóa mà thôi. Đối với đại chúng, vốn đi thơ thẩn chậm chạp theo con đường tiến hóa rộng rãi uốn quanh co thoai thoải bên sườn đồi, thì kinh sách vẫn còn là người dẫn dắt chính yếu. Những người này chưa ở vào vị thế mà kinh Garuda Purana mô tả như sau: "*Sau khi đã thực hành kinh Vedas và Shatras, và đã biết Chân Lý, người minh triết có thể bỏ đi mọi kinh sách, giống như người có nhiều lúa thì liệng bỏ rơm rạ vậy*".

Mọi kinh sách Phật Giáo đều bắt đầu bằng câu "Kinh dạy.." hoặc "Tôi có nghe rằng". Đó là một sự mở đầu khiêm tốn. Kinh không nói: "Điều này tuyệt đối là thế, ngươi phải tin theo", mà lại nói: "Đây là những gì đã được nói đến, ắt hẳn là tốt để cố hiểu được nó, có như thế mới đi đến chỗ hiểu biết được những sự kiện chân thật". Đó là thái độ tìm hiểu, không có tính cách giáo điều. Tuy nhiên, điều lạ lùng là có những người hiểu việc đó theo cách khác và hoàn toàn theo nghĩa sai trái. Họ nói "Thật là vô ích khi đề xuất bất cứ điều gì khác về vấn đề này, vì nó được nói ra như thế với đầy đủ thẩm quyền !"

120.- Này đệ tử, "cái rây lớn" là tên gọi của tâm pháp.

198 ***121.- Bánh xe Diệu Pháp quay nhanh. Nó xay nghiền cả đêm lẫn ngày. Các lớp vỏ vô dụng bị tách khỏi phần hạt quí báu, phế phẩm bị tách ra khỏi bột. Bàn tay nghiệp quả dắt***

https://thuviensach.vn

dẫn bánh xe; các vòng quay đánh dấu nhịp đập của trái tim nghiệp quả.

122.- Tri thức chân chính là bột, sự học hỏi sai lầm là vỏ trấu. Nếu muốn ăn bánh minh triết, ngươi phải nhồi bột bằng nước Trường Sinh tinh khiết. Nhưng nếu ngươi nhồi cả vỏ trấu với loại sương Hão Huyền, thì ngươi chỉ có thể tạo được thức ăn cho những chim bồ câu đen của sự tử, những con chim của sự sinh, suy vong và phiền não.

Tâm pháp được gọi là cái Rây lớn (Great Sifter), vì khi người ta làm việc trong cõi đời theo cách hướng dẫn của nó, thì các lỗi lầm và khuyết điểm của con người từ từ được sàng lọc và tống khứ. Nếu làm việc mà không có các lý tưởng của triết lý nội môn, người ta có thể tiếp tục phạm cùng loại lỗi lầm, tái đi tái lại, hết kiếp này sang kiếp khác.

Bà Blavatsky đã viết ở đâu đó rằng mong muốn làm điều lành là một điều, còn biết được điều gì tốt lành để làm là điều khác. Tuy kiến thức của chúng ta hãy còn bất toàn, chúng ta cũng phải tiến tới và làm hết sức mình. Điều này cũng đại loại như học một thứ ngôn ngữ. Thật là điều sai lầm khi cố học ngôn ngữ đó hoàn toàn theo sách vở trước khi cố gắng nói thứ ngôn ngữ đó. Người ta phải lao vào đó, phải chịu lầm lẫn trong đó, để rồi nhờ gắng sức, cuối cùng người ta sẽ học được cách nói mà không còn lỗi nữa. Dĩ nhiên điều đó sẽ đến chỉ khi nào ta có dịp đàm thoại với những người đã biết rành thứ ngôn ngữ đó.

199 Tương tự như thế, mặc dầu chưa thấy được Chân Sư, nhưng Ngài sẽ dẫn dắt đệ tử nào thành tâm cố làm hết sức mình, gặp được các kinh nghiệm giúp sàng sẩy hết mọi lỗi

https://thuviensach.vn

lầm. Luôn luôn tin chắc rằng cái tốt lành cuối cùng tất sẽ phải đến, và hãy để cho tâm ngập tràn tình thương; bấy giờ bạn sẽ làm việc mà không còn sợ gặp lỗi lầm nữa. Lỗi lầm sẽ trở nên ngày càng nhỏ, ngày càng ít và sau cùng sẽ không còn nữa.

Từ sự tương đồng của bột và bánh, chúng ta sẽ rút ra được một bài học. Tri thức chân chính mà bạn có được, không mang lại bánh cho bạn, chỉ có bột mới làm ra được bánh minh triết. Việc nhồi bột là hành động của Chân Ngã, nó tác động lên kinh nghiệm và biến đổi kinh nghiệm thành minh triết thực tế. Nơi con người thông thường, hầu hết việc nhồi bột diễn ra trong thời gian ở Devachan nhưng đệ tử của Chân Sư đã mở rộng vận hà giữa Chân Ngã với phàm ngã đến nỗi đệ tử lúc nào cũng thu lượm được minh triết.

Kẻ nào chỉ nhận được tri thức hời hợt bên ngoài và nghiên cứu nó một cách sơ sài bằng hạ trí, trong ánh sáng của chỉ riêng nhu cầu và lạc thú cá nhân, thì chắc chắn đó là nhồi vỏ trấu với nước sương của hão huyền. Kẻ đó không chuẩn bị cho sự chiến thắng của Chân Ngã; y không muốn bước lên Thánh Đạo, mà là đang chuẩn bị nghiệp quả của những cuộc sinh tử trong tương lai, vì các hiện thể và các phàm ngã tương lai sẽ suy vi và tàn tạ.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 3

CUỘC SỐNG HOẠT ĐỘNG

123.- Nếu có ai bảo rằng để trở thành La Hán, ngươi phải chấm dứt việc thương yêu vạn vật, hãy bảo cho họ biết rằng họ nói không đúng.

124.- Nếu có ai bảo rằng để được giải thoát, ngươi phải ghét mẹ, thờ ơ với con, chối bỏ cha, và gọi ông ấy là người quản gia, từ bỏ mọi tình thương đối với người lẫn thú, hãy bảo với họ rằng họ nói quấy.

125.- Chỉ có những người Tirthika, tức kẻ không có đức tin, mới giảng dạy như thế.

126.- Nếu ai dạy rằng tội lỗi sinh ra do hành động, muốn được toàn phúc thì tuyệt đối không làm gì cả, hãy bảo với người đó rằng họ sai lầm. Không bền lòng với công việc của con người, giải thoát tâm trí khỏi vòng kiềm tỏa nhờ dứt hết lỗi lầm, đó là điều không dành cho Chân Ngã Luân Hồi. Tâm pháp dạy như thế.

C.W.L. Khi gọi một người là quản gia (householder) ấy là bảo rằng các quan tâm của người này vẫn còn tập trung vào các sự việc trần tục, nhưng khi gọi với ý coi thường như trong câu kinh, chắc chắn là muốn chỉ ra các tính chất kiêu hãnh và khắc khổ của bên tả đạo dẫn đến các đỉnh cao của

https://thuviensach.vn

các nhà hắc đạo, họ xem tình yêu nhân loại cao cả nhất chẳng là gì mà chỉ là tính ủy mị. Ngay dẫu cho đạo sinh có thể đã
201 vượt lên trên các ham muốn riêng tư đi nữa, y cũng không thể khinh thường những kẻ vẫn còn ở giai đoạn tiến hóa ban đầu, cũng như không thể không biết đến họ. Lòng trắc ẩn và nỗi khát khao giúp đời là các đức tính thuộc bản chất của hàng đệ tử.

Trong một cước chú, bà Blavatsky cho rằng cách nói "người quản gia" phải được hiểu theo nghĩa ẩn dụ như sau:

Trong quyển truyện thần thoại có tên là Rathapala Sutrasanne, vị Đại La Hán Rathapala xưng hô với phụ thân của Ngài như thế. Nhưng vì tất cả các thần thoại như thế đều có tính chất biểu tượng (thí dụ, phụ thân của Rathapala có một ngôi nhà gồm bảy cửa), do đó, những ai hiểu thần thoại theo nghĩa đen cũng đều đáng trách.

Bà Blavatsky mô tả những người Tirthikas là "những người Bà-la-môn khổ hạnh, thường lui tới các nơi thờ cúng, nhất là các bãi tắm thiêng liêng". Theo nghĩa đen, Tirtha là một "chỗ vượt qua" ("crossing-place"). Như vậy, đó là một bến đỗ (landing place), hay bãi tắm, hoặc bất cứ thánh điện nào, vốn là chỗ vượt qua để đến các thế giới khác hoặc là đến sự sống cao siêu hơn. Như thế, một thánh điện là một chỗ có sự tiếp nối đặc biệt giữa thế giới nội tâm với thế giới bên ngoài. Có thể những người Bà-la-môn và người Ấn Giáo chính thống nói chung, đi đến các Tirthas như thế, thí dụ Benares hoặc Hardwar, đều được gọi là những kẻ vô tín ngưỡng, bởi vì trong hầu hết các trường hợp, họ không tin theo Đức Phật khi Phật xác định rằng "phải tìm kiếm sự giải thoát trong chính mình".

https://thuviensach.vn

Trong quyển "Giảng Lý Dưới Chân Thầy", chúng tôi có xem xét tỉ mỉ về sự cần thiết phải hành động, và làm thế nào
202 để khi thân xác hoạt động tích cực, mà con người bên trong vẫn tĩnh lặng, kiên định, thanh thản và vững vàng.

Theo bà Blavatsky, Deva Egos có nghĩa là Chân Ngã luân hồi (reincarnating Egos), nhưng Đại Đức T. Subba Row giải thích rằng thuật ngữ này có nghĩa là những người khao khát làm việc với Thiên Thần (Devas) và cứu giúp cõi đời.

Hiển nhiên là giáo lý trong Kim Huấn Thư nhắm vào những người muốn theo đường lối hoạt động ấy. Hiện nay không có nhiều lắm các Chân Ngã đang luân hồi sẵn sàng cho việc dạy dỗ và luyện tập này – chẳng hạn như sẽ không hữu ích bao nhiêu khi tìm kiếm trong số cư dân ở khu vực đông dân ở phía Đông London những người sẵn sàng trở thành đệ tử của các Chân Sư. Nhưng theo thời gian qua, số người cần được quan tâm sẽ tăng lên rất nhanh, và trong vòng một vài trăm năm, phải có nhiều vị La Hán được chuẩn bị để dạy dỗ họ. Như vậy sẽ cần đến rất nhiều người phụng sự, và đó là công việc mà nhiều người trong chúng ta được kêu gọi tham gia.

127.- Nhãn pháp là hiện thân của giáo pháp bên ngoài và không trường cửu.

128.- Tâm pháp là hiện thân cho minh triết (Bodhi), tức giáo pháp thường tồn và vĩnh cửu.

Ở đây thuật ngữ dharma có thể được dịch là "hình thức tôn giáo" hay là "đức tin", còn Bodhi chỉ là "minh triết".

https://thuviensach.vn

129.- Đèn cháy tỏ khi tim và dầu tinh sạch. Muốn cho chúng được tinh sạch, cần có người tẩy rửa. Ngọn lửa không cảm nhận được việc thanh tẩy đó. "Cành cây bị gió lay động, nhưng thân cây vẫn bất động".

203 ***130.- Cả hành động lẫn bất động đều có chỗ nơi ngươi; thân ngươi bị lay động, trí ngươi thì yên tịnh, Linh Hồn ngươi thì trong suốt như hồ nước trên núi.***

Bất cứ đau khổ nào xảy ra trên con đường tiến hóa thì cũng chỉ có một mình phàm ngã trải nghiệm. Chân Ngã ngự bên trong biết được giá trị ngay cả của kinh nghiệm đau khổ và do đó hoàn toàn hài lòng.

Nhiều người không hiểu rằng phần lớn đau khổ là một vấn đề của thái độ. Trong quyển "*Cơ Đốc Giáo Nội Môn*", bà Annie Besant có giải thích tại sao mà một số vị thánh tử đạo cao cả tràn đầy hân hoan trong khi trải qua những gì mà đối với kẻ khác là cái đau khủng khiếp, bởi vì họ đang nghĩ đến cái vinh hạnh lớn lao của họ để chịu đau khổ như thế vì Đức Chúa của họ. Vì thế, quả thật rốt cuộc chính các ý tưởng sai lầm hoặc sự vô minh mới là cơ sở của mọi khổ đau.

Đau khổ về thể xác khó đối phó nhất. Đôi khi chúng ta có thể rút ra khỏi thể xác khi nó đang đau đớn, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta đã chế ngự được cơn đau. Nếu đó là kết quả của một bệnh đặc biệt do vi trùng tạo ra, thì không có sự cả quyết nào có thể giúp cho một người bình thường đẩy lùi được cơn đau; nhưng trong mọi trường hợp, một thái độ lạc quan sẽ tạo được một dị biệt lớn lao. Đa số con người đều có thể chế ngự cái đau ở thể cảm dục, nếu họ tự đề ra nhiệm vụ cho mình; họ có thể từ chối không chịu để cho cảm xúc của họ trụ vào ý tưởng nào đem lại sầu não cho

https://thuviensach.vn

họ. Những tình cảm bất hảo như ganh tị, ham muốn, kiêu hãnh và sợ sệt, có thể được xem như là các bệnh thuộc thể tình cảm. Các bệnh này luôn luôn có thể bị quét sạch bằng cách luôn luôn cố gắng cảm nghĩ đến các tình cảm trái ngược lại.

Đau khổ thuộc thể trí, nhất là sự lo nghĩ thì còn dễ kềm
204 chế hơn nữa.

Trong thể nguyên nhân, một người có thể có một cảm giác không thoải mái về sự bất toàn hoặc khiếm khuyết – nhưng không có gì hơn nữa. Mặc dầu y có thể cảm thấy thất vọng trước các khuyết điểm của đại diện thấp kém của mình (tức phàm ngã - ND), y thừa biết cần phải nhẫn nại và bền chí. Y không thiếu hiểu biết; nhưng chính sự thiếu hiểu biết mới làm cho nỗi đau của chúng ta thấm sâu hơn ở đây. Trong thời thơ ấu, khi chúng ta hãy còn rất thiếu hiểu biết, một nỗi ưu phiền kéo dài trong một ngày lại dường như một bi kịch khủng khiếp; nếu chúng ta thi hỏng, thì cái ý tưởng chờ đợi trọn một năm mới có cơ hội trở lại, đối với chúng ta, dường như là một tai họa, mặc dầu sau đó, một năm dường như không phải là một khoảng thời gian dài. Đối với phàm ngã, một thất bại trong kiếp sống có thể dường như là một bi kịch, nhưng đối với Chân Ngã, là thực thể đã biết hàng trăm hoặc hàng ngàn lần luân hồi, thì thất bại đó có thể dường như không quá quan trọng như thế.

Chân ngã phóng ra phàm ngã giống như một ngư phủ quăng lưới cá. Ngư phủ không trông đợi là mỗi mẻ lưới đều sẽ thành công, ông ta cũng không lo lắng quá nếu có lần thất bại. Chăm sóc một phàm ngã chỉ là một trong các hoạt động

https://thuviensach.vn

của Chân Ngã, thế nên Chân Ngã có thể được tự an ủi nhiều với các thành công trong những đường lối hoạt động khác. Bất luận thế nào, đó cũng chỉ việc mất đi một ngày, và Chân Nhân có thể nói: "Thôi nào, chúng ta sẽ hy vọng làm hay hơn vào ngày mai".

Thường khi phàm nhân muốn Chân Nhân ở bên trên nó quan tâm nó nhiều hơn, và nó có thể chắc chắn rằng nó sẽ nhận được điều đó ngay khi nó xứng đáng với điều đó, ngay khi Chân Nhân nhận thấy nó xứng đáng. Ông Sinnett có trình bày ước mơ này của phàm ngã một cách khôi hài bằng cách nói rằng điều cần là có một trường để dạy cho Chân Ngã chú ý đến phàm ngã của mình.

205 Một giai đoạn cao hơn, trong cõi Bồ Đề, con người bắt đầu tiếp xúc với cảm xúc mãnh liệt của sự chí phúc (bliss), vốn là sự sống của Thượng Đế. Cùng lúc đó con người đi đến chỗ tiếp xúc chặt chẽ hơn với những người khác. Trên các cõi thấp, y bắt đầu chia sẻ nỗi đau của họ, nhưng ở khía cạnh cao hơn, y biết họ là các tia sáng của thiên tính, và điều đó mang lại niềm chí phúc không thể tả, nó làm cho đau khổ có vẻ như không là gì cả. Như vậy sự bất hạnh và đau khổ chỉ dành cho phàm ngã mà thôi, và chúng chỉ tồn tại khi tâm thức bị gắn chặt vào các cõi thấp.

131.- Ngươi có muốn trở thành một nhà Yogi ở trong vòng của thời gian hay chăng? Vậy thì, hỡi đệ tử:

132.- Ngươi chớ nên tin rằng ngồi trong rừng sâu, ẩn dật một cách kiêu hãnh và tách biệt khỏi mọi người; chớ tin rằng sự sống nhờ vào cây củ, làm dịu cơn khát bằng tuyết của Rặng Núi lớn, hỡi kẻ sùng tín, chớ tin rằng việc đó sẽ dắt ngươi đến mục đích giải thoát cuối cùng.

https://thuviensach.vn

133.- Chớ có nghĩ rằng hễ tự làm cho mình gãy xương, rách thịt thì hợp nhất được với Bản Ngã tĩnh lặng của mình. Chớ có nghĩ rằng khi những tội lỗi của hình hài thô trược của ngươi bị chế phục, thì, hỡi nạn nhân của hình bóng của ngươi, nhiệm vụ của ngươi được thiên nhiên và con người làm cho hoàn hảo.

Ở đây, một lần nữa Đức Aryasanga thuyết giảng chống lại việc mưu tìm giải thoát chỉ dưới hình thức thoát khỏi bánh xe sinh tử. Nhà yogi ở trong vòng thời gian (time's circle) là kẻ tự nguyện ở lại chịu sự cưỡng tỏa của thời gian (process of time) vì lý do trợ giúp kẻ khác.

206 Khi xét đến thời gian rộng lớn mà Đức Phật và Đức Di Lặc tự chuẩn bị cho công việc vĩ đại của các Ngài (có giải thích trong "Chân Sư và Thánh Đạo", ch. XIV) người ta không thể chỉ cảm thấy bị đè nặng bởi ý tưởng về các thời kỳ luân hồi to tát đó. Tuy nhiên, đối với các Ngài, chắc chắn thời gian không thể thật đúng như thời gian đối với chúng ta. Cho dù câu "dưới cái nhìn của các Ngài, ngàn đời cũng giống như một buổi chiều trôi qua" không áp dụng cho các Ngài, thì ý thức về thời gian của các Ngài cũng phải cách biệt rất nhiều với ý thức thời gian của chúng ta. Chắc hẳn là các Ngài cũng vô cùng hạnh phúc trong công việc của các Ngài, và như mọi người đều biết do bởi kinh nghiệm riêng, nơi nào có hạnh phúc, thì thời gian không còn đáng kể nữa, thật ra, với các trường hợp đó, chúng ta luôn luôn mong muốn rằng thời gian có thể được kéo dài ra.

Các ý tưởng rất sai trái nảy sinh trong hầu hết các tôn giáo về vấn đề khổ hạnh. Trong tiếng Hy Lạp thuở đầu, từ

https://thuviensach.vn

ngữ "asketes" chỉ có nghĩa là một người tự tập luyện như một vận động viên (athlete). Nhưng tổ chức giáo hội trưng thu từ ngữ này và thay đổi ý nghĩa của nó, áp dụng nó vào việc thực hành việc từ bỏ (self-denial) dưới nhiều cách thức khác nhau với mục đích đạt được tiến bộ tinh thần, dựa vào lý thuyết cho rằng bản chất xác thân cùng với các đam mê và dục vọng của nó đã là thành trì của tội lỗi có sẵn trong con người từ khi Adam sa ngã, do đó, tội lỗi phải bị trấn áp bằng việc ăn kiêng và sám hối.

Trong các tôn giáo Đông Phương, đôi khi chúng ta cũng gặp một ý tưởng tương tự, dựa vào khái niệm xem vật chất như là cốt lõi của tà vạy, để rồi dựa theo đó mà suy diễn ra rằng việc tiến tới lý tưởng tốt lành hoặc là việc thoát ra khỏi các khổ đau của cuộc sống chỉ có thể thực hiện được bằng cách đánh bại thân xác hoặc là hành xác.

207 Trong cả hai lý thuyết này đều có sự mơ hồ thảm hại về ý tưởng. Thân xác và các ham muốn của xác thân tự chính chúng không hề xấu hoặc tốt gì cả, mà đúng ra trước khi có thể đạt được tiến bộ thực sự, chúng phải được đặt dưới sự kiểm soát của Chân Ngã bên trong. Chế phục xác thân là điều cần làm, nhưng hành xác lại là việc điên rồ.

Dường như có một ảo tưởng lan rộng cho rằng để thực sự tốt lành, người ta phải luôn luôn ở trong trạng thái không tiện nghi (uncomfortable) – rằng chính trong sự thiếu tiện nghi (discomfort) mới trực tiếp làm hài lòng Thượng Đế. Thật không có một ý tưởng nào lố bịch hơn là ý tưởng này. Vô phúc thay, ở Âu Châu, lý thuyết thông thường này lại là một trong nhiều di sản đáng tởm còn sót lại do sự báng bổ nghiêm trọng của giáo phái Calvin. Bản thân tôi đã thực sự được nghe một đứa trẻ nói: "Tôi cảm thấy hạnh phúc đến nỗi

https://thuviensach.vn

tôi chắc chắn rằng tôi phải rất xấu xa (wicked)" – một kết quả thật sự đáng sợ của giáo huấn bị biến dạng một cách tội lỗi.

Một lý do khác đối với phúc âm (gospel) về sự thiếu tiện nghi, đó là sự lẫn lộn giữa nguyên nhân với hậu quả. Có một nhận xét rằng người tiến bộ thật sự thì có những thói quen đơn giản và thường không để ý đến một số lớn các thứ xa xỉ thứ yếu (minor luxuries) mà người bình thường xem là quan trọng và thực sự cần thiết. Tuy nhiên việc không để tâm đến cái tiện ích này là kết quả, chứ không phải là nguyên nhân của sự tiến hóa của người đó. Người tiến hóa không hề bận tâm đến các vấn đề nhỏ nhặt này, bởi vì hầu như người đã vượt qua được chúng và chúng không còn làm cho người này chú ý đến nữa, ít ra không phải vì người này xem chúng như là sai trái; còn kẻ nào, trong khi vẫn còn thèm khát chúng, mà bắt chước người tiến hóa bằng cách kiềm chế chúng, thì vẫn không nhờ đó mà tiến hóa.

Đúng ra, khi chúng ta thanh luyện được chính mình thì nhiệm vụ của chúng ta đối với thế gian chưa phải đã hoàn
208 tất. Thật ra nhiệm vụ đó có thể được chu tất khi chúng ta làm việc hết sức cho đồng loại chúng ta, vì trong đời sống cao cả, câu châm ngôn: *"Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" ("From each according to his power, to each according to his need")* đang thịnh hành, nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta bắt đầu ở điểm này, khi mà các hình bóng, tức các thể thấp, đã bị chế ngự.

Theo lời bà Blavatsky thì trong đoạn này, Bản Ngã tĩnh lặng (silent Self) ám chỉ nguyên khí thứ bảy, là Atma. Các nghiên cứu của chúng ta trong Phần 1 đã cho thấy cách thức

https://thuviensach.vn

mà ý tưởng về sự tịch lặng này lại được gắn với phần đó của Thượng Ngã.

134.- Các bậc thánh nhân xem thường cách hành động như thế. Bậc Đắc Pháp Dũng Mãnh, Đấng Từ Bi, do nhận thức được nguyên nhân đích thực của nỗi thống khổ của con người, nên lập tức từ bỏ việc an nghỉ êm đềm nhưng ích kỷ ở chốn hoang vu tĩnh mịch. Từ một vị Aranyaka, Ngài trở thành Đức Bổn Sư của nhân loại. Sau khi Đức Như Lai (Julai) nhập Niết Bàn, Ngài đi thuyết pháp trên non cao lẫn đồng bằng, trình bày giáo pháp cho Thần, cho người và Chư Thiên ở nơi thị tứ.

Mọi truyền thuyết Phật Giáo Bắc Tông và Nam Tông đều đồng quan điểm rằng Đức Phật rời bỏ sự cô tịch của Ngài ngay khi Ngài đạt đến sự khai ngộ bên trong và đã giải đáp được vấn đề của sự sống, và ngay khi đó Ngài bắt đầu thuyết giảng trước công chúng.

Thuật ngữ Aranyaka có nghĩa là người ẩn cư trong rừng. Kinh sách ghi rằng Đức Phật đi vào rừng để thiền định, Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề và quyết tâm đạt đến giác ngộ. Khi đạt được rồi, Ngài tự hỏi có nên đưa giáo lý của Ngài ra cho
209 thế gian không. Ngài biết rằng đa số con người không hiểu được giáo lý đó và do đó có thể có hại. Nhưng lúc bấy giờ, như chúng ta đã đọc thấy ở phần đầu của đoạn nghiên cứu này, tiếng nói của địa cầu truyền đến Ngài, van xin Ngài hãy giảng dạy. Tôi không hiểu một cách đích xác ý nghĩa của tiếng nói của địa cầu là gì, nhưng người ta nói rằng tiếng nói đó đã đưa Phật đến quyết định dạy dỗ cho nhân loại trên cõi trần.

https://thuviensach.vn

Trong đoạn này có nhiều tước danh được dùng để chỉ Đức Phật. Ngài được gọi là Julai. Đó là danh xưng Trung Hoa để chỉ Tathagata (Như Lai)([1]) vốn là một hồng danh để chỉ mọi Đức Phật. Tathagata theo nghĩa đen là "người cũng đã ra đi", người đã noi theo các bước chân của các đấng đi trước.

Trong thực tế, khi Phật thuyết pháp, ngoài con người còn có những loài khác tụ tập chung quanh để lắng nghe giáo lý và có được lợi ích nhờ hào quang của Phật.

135.- Hãy gieo việc lành, rồi ngươi sẽ gặt được quả của việc lành. Không làm một việc nhân từ lại chính là làm một tội lớn.

Tôi đã dẫn chứng điều này trong phần bình giảng quyển Dưới Chân Thầy. Mỗi người đều có trách nhiệm về việc vận dụng các quyền năng của tâm thức mà y đã phát triển được cho đến giờ. Nếu y không nỗ lực và quên dùng các quyền năng đó, y phạm vào tội chểnh mãng, tội này cũng nặng như tội phạm pháp vậy. Thí dụ trong các trường hợp của việc sai trái hoặc tàn ác, như là sự tàn ác đối với thú vật hoặc trẻ con, chúng ta có bổn phận phải can thiệp, và khi chúng ta có thể làm thế mà không chịu làm, thì điều đó có hại hơn là có lợi. Người khôn ngoan khi thấy những việc như thế, sẽ không để cho lòng căm phẫn chế ngự. Y cũng phải
210 cảm thấy như thế đối với kẻ đang phạm tội ác. Tình trạng của kẻ phạm tội, về nhiều mặt, còn đáng thương hơn là tình trạng

[1] *Như Lai:* Như: Chơn Như, Chân Như, tức đạo thật đời đời không biến đổi. Chơn Như còn được gọi là Phật Tánh. Lai: đến. Như Lai: nương theo Phật Tánh mà đến.

(Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn).

https://thuviensach.vn

của nạn nhân của y nữa, và đến phiên y sẽ chịu đau khổ theo đúng luật nghiệp quả. Thế nên, nếu chúng ta có thể thuyết phục cho y thấy được cái sai lầm của y và ngưng lại hành vi độc ác, thì chúng ta làm được việc tốt lành cho cả hai người. Khi nào chúng ta có bổn phận phải can thiệp mà chúng ta không làm như thế, thì chúng ta chia sẻ nghiệp quả của hành động sai trái đó. Sự việc cũng đúng như thế khi chúng ta để cho kẻ khác làm hại chính chúng ta mà không phản đối. Đó là chúng ta tạo cơ hội cho họ dễ làm điều sai trái; đó là chúng ta đang thúc đẩy họ và tiếp tay cho họ, vậy là chúng ta có một phần nghiệp quả trong đó.

Thánh hiền có nói:

136.- Ngươi có kiêng tránh hành động chăng? Không phải làm như thế thì Linh Hồn ngươi có được sự tự do đâu. Muốn đạt đến Niết Bàn, người ta phải đạt đến sự Tự Tri, và sự Tự Tri là con đẻ của các hành vi bác ái.

Chỉ khi nào bắt đầu làm việc vì kẻ khác thì chúng ta mới có thể hoạch đắc tri thức thực sự về sự sống. Nhờ cố gắng, chúng ta mới biết được chúng ta đang đứng nơi đâu và cần phải mở mang tính chất nào.

Có một ông lão mù lòa sống ở miền Nam xứ Ấn. Ông cho biết bệnh mù đó gián tiếp trở thành nguồn hạnh phúc lớn cho ông. Là một người nghèo mạt, ông lang thang hết làng này sang làng khác, nơi đâu ông cũng thường khuyên bảo những người lâm cảnh khốn khó, và cũng trợ giúp nhiều người trong một số trường hợp bằng các quyền năng yoga của mình. Ông thường kể chuyện làm cách nào mà nhờ thiền định ông đã tìm được cách khơi lại ký ức về các tiền kiếp của mình. Ông nhớ lại rằng, vài trăm năm trước đây, ông là một

https://thuviensach.vn

người rất giàu và có thế lực; ông đã dùng thế lực của mình để hãm hại những kẻ đã vô tình làm những gì mà ông không ưa. Ông nhận thức được rằng sự mù lòa và nghèo khổ của mình là do các hành vi sai lầm trong kiếp sống trước đó. Ông nói, nếu còn là một người giàu sang, chắc chắn là không bao giờ ông có thể học được bài học yêu thương đồng loại mình, vì ông đã hoàn toàn bị đặt vào con đường sống ích kỷ. Nhưng giờ đây ông đã phải hòa đồng với bao người khác, mà hầu hết là những kẻ đã biết đau khổ; những người này đã rất tử tế với ông ấy, còn ông thì đã học được bài học yêu thương họ. Ông cho biết hạnh phúc của tình thương đó khi đem so sánh với tình trạng trước đây của ông, là một cái gì đó vĩ đại và không thể so sánh đến nỗi theo ý ông, không có nỗi đau nào quá lớn để trả giá được nó. Ông này tuyên bố mình là một đệ tử của một trong các Đức Thầy của chúng ta, và chắc chắn ông là một minh họa của giáo lý nói rằng sự tự tri là con đẻ của các hành vi bác ái.

137.- Hỡi kẻ tìm đạo, hãy kiên nhẫn như kẻ không sợ thất bại, không mong thành công. Linh hồn ngươi hãy chú mục vào ngôi sao mà ngươi là tia sáng của nó, đó là ngôi sao rực rỡ chiếu rọi bên trong các chốn thâm sâu không ánh sáng của bản thể hằng hữu, các lãnh vực vô biên của cái bất khả tri.

Đệ tử không sợ sự thất bại nào bởi vì người biết rằng Thiên Cơ sẽ được xúc tiến; không có sự thất bại của một ai có thể tạo ra bất kỳ sự sai lệch nào cho thiên cơ. Chúng ta có thể có cơ hội thực hiện một phần nhỏ công việc của Thượng Đế. Nếu chúng ta không làm được, thì phần nhỏ đó sẽ được làm theo cách khác xuyên qua một người khác.

https://thuviensach.vn

Đối với Thượng Đế thì điều đó không khác nhau, mặc dầu đối với chúng ta thì sự khác nhau rất lớn. Luôn luôn xảy ra chuyện con người để lỡ cơ hội, nhưng các kế hoạch lớn lao
212 đều có cân nhắc đến mọi bất trắc. Khi chúng ta để mất cơ hội, các Chân Sư của chúng ta dường như không bao giờ quan tâm, nhưng tôi nghĩ rằng các Ngài biết rõ việc đó. Bà Blavatsky đôi khi thường hay nói về một người nào đó: "Anh ta đã giành được quyền để có được cơ may cho mình". Các Chân Sư luôn luôn cho rằng chúng ta sắp có được cơ hội của chúng ta.

Đạo sinh nào đã cố gắng làm một công việc hữu ích nào đó, và nhận thấy có các mãnh lực đối kháng quá lớn đối với mình, thì y sẽ không thất vọng hoặc mất kiên nhẫn, nếu y hiểu được rằng mọi cố gắng được đưa ra để hướng về sự tốt lành, ắt phải tạo ra một kết quả tương xứng theo một cách nào đó, và mặc dầu người ta có thể không thấy các kết quả, và mặc dầu phàm nhân có thể không được thỏa mãn khi không trông thấy việc tốt lành được thực hiện. Trong trường hợp công việc ở cõi cảm dục vào ban đêm cũng giống như vậy. Công việc đó tuy vậy vẫn tốt đẹp và có hiệu quả mặc dầu người thi hành công việc không có khả năng nhớ lại chút gì về việc đó khi trở lại bộ óc xác thịt. Các định luật của tạo hóa vẫn luôn luôn tác động mặc dầu chúng ta không thể thấy được kết quả, hoặc không nhớ được những gì chúng ta đã làm.

Đôi khi có người đã làm được công việc vĩ đại nhất cho thế gian lại không thấy được thành quả của việc đó. Thí dụ ba năm đi rao giảng của Đức Christ. Ngài chết như một kẻ phạm tội, bị quần chúng nguyền rũa, vào lúc Ngài mất, số tín

https://thuviensach.vn

đồ của Ngài chỉ vỏn vẹn có một trăm hai mươi người, ngày nay con số đó là nhiều triệu([1]).

William Wilberforce, một người kiên trì làm việc trong hơn 40 năm bất chấp mọi nghịch cảnh, đòi bãi bỏ chế độ nô lệ trong các thuộc địa của Anh Quốc, chỉ ba ngày trước khi chết, ông mới biết tin rằng, sau cùng việc bãi bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ đã trở thành luật.

213 Tất cả chúng ta đều ở trong cùng hoàn cảnh, theo những cách thức khiêm tốn của chúng ta. Không một ai mà không thể chọn một công việc tốt lành nào đó và lao vào công việc đó với sự kiên nhẫn vô tận không biết mệt, không bận tâm đến sự thành công hoặc thất bại trước mắt.

"Ngôi sao mà tia sáng của nó là ngươi" luôn luôn là cái chiếu rạng bên trên chúng ta; đối với người này thì đó là Chân Ngã, đối với người khác tiến hóa hơn thì đó là Chân Thần, cứ thế cho đến Hành Tinh Thượng Đế và thậm chí Thái Dương Thượng Đế của Thái Dương Hệ chúng ta nữa. Biết được ngôi sao của chính chúng ta là cũng biết được cung của chúng ta – vốn thuộc về bảy cung lớn và là cung nối liền chúng ta một cách đặc biệt với Thượng Đế. Bảy cung này được nêu ra trong chương bàn đến các vị Chohans đứng đầu mỗi cung trong "*Chân Sư và Thánh Đạo*" và trong quyển "*Bảy Cung*" của Giáo Sư Ernest Wood. Khi Chân Ngã là chủ nhân của phàm ngã, thì đối với vị đệ tử, Chân ngã trở nên có thể chuyên về công việc của cung mà Chân Ngã đó thuộc về, và

[1] Theo The World Almanac 2007, con số tín đồ Cơ Đốc Giáo (Christians) trên toàn thế giới hiện nay là 2.106.962.000 người (ND).

https://thuviensach.vn

lúc bấy giờ đệ tử có thể tiến bộ rất nhanh về quyền năng và về tính hữu dụng.

138.- Hãy nhẫn nại như kẻ đang làm việc để tồn tại muôn đời. Các hình bóng của ngươi sống và tàn tạ; còn cái ở trong ngươi sẽ sống mãi, cái ở trong ngươi vốn hiểu biết (vì đó là tri thức), nó không phải là cuộc sống phù du: đó là Con Người đã, đang và sẽ tồn tại, với con người đó, thời gian sẽ không bao giờ có ảnh hưởng.

214 Ngoài sự kiên nhẫn, chúng ta còn cần sự kiên trì, và không điều gì có thể mở mang được đức tính này nơi chúng ta có hiệu quả hơn là một nhận thức rõ ràng về sự kiện mà chúng ta chịu đựng qua khắp các thời đại, còn cái chết chỉ là một sự kiện thoáng qua, không có năng lực làm cho chúng ta đi lệch khỏi con đường của chúng ta. Đôi khi người ta đặt câu hỏi: "Tại sao tôi nên đảm nhận một công việc nào đó? Có lẽ tôi không thể hoàn tất nó trong kiếp này".

Nhưng thật ra chỉ có một đời sống thực sự: đó là đời sống của Chân Ngã, vốn kéo dài mãi mãi, dành cho mọi mục đích thực tiễn. Thật là điều khôn ngoan khi bắt đầu bất cứ công việc gì mà bạn quan tâm đến, hoặc là công việc lớn lao nào để loại bỏ các lỗi lầm, cho dù lúc lớn tuổi, vì tất cả mọi việc lành đã được làm, đều được đưa sang thân xác kế tiếp, và trong thân xác mới sẽ có sự thôi thúc để tiếp tục công việc cũ, điều này sẽ được cảm nhận trong khi hãy còn trẻ. Nếu người ta hoãn lại công việc qua kiếp sau, thì một lần nữa tuổi già lại đến trước khi người ta có cơ hội hướng sự chú ý vào việc đó. Nếu bây giờ bạn đang ở tuổi chín mươi, và bạn mới vừa biết đến Minh Triết Thiêng Liêng, bạn muốn tìm hiểu nó trong kiếp tới vào lúc còn trẻ, thì bạn hãy lăn xả vào giáo lý đó ngay bây giờ với bất kỳ sức mạnh nào bạn có thể có. Cũng

https://thuviensach.vn

còn có cái lợi ích lớn lao có được trong thời gian ở devachan (trừ phi bạn có được cơ hội trở thành một trong những người có đặc ân có thể từ chối giai đoạn ở devachan đó) vì trong thời kỳ này, bất cứ công việc gì mà bạn đã làm (lúc còn ở cõi trần – ND), đều được nghiềm ngẫm và biến đổi thành quan năng, để rồi quan năng này sẽ trở thành một sự trợ giúp lớn lao trong kỳ luân hồi sắp tới.

Cũng cần có sự kiên nhẫn bởi vì không một công việc lớn lao nào có thể được hoàn thành trong một thời gian ngắn cả. Thí dụ, hãy nghĩ đến một nghệ sĩ đang vẽ một bức tranh lớn; trong vài ngày đầu, thậm chí có thể vài tuần, ông ta chỉ vẽ được rất ít, và cũng rất có thể ông ta không được hài lòng với những gì ông ta đạt được vào cuối vài tuần lễ, cho nên ông ta phải bắt đầu tất cả lại lần nữa.

Một bài học rất hữu ích về sự kiên nhẫn có thể được rút ra từ việc nghiên cứu lịch sử của Hội Minh Triết Thiêng
215 Liêng trong những ngày đầu. Hai nhà sáng lập, tức bà Blavatsky và Đại Tá Olcott, không thể thành công trong việc thiết lập Hội một cách lâu dài và đem lại cho Hội chất liệu để phát triển về sau này, nếu hai vị sáng lập không có được cái nhìn sáng suốt vào khía cạnh bên trong của các sự việc, nếu không có được nhận thức rằng công việc của hai vị là một phần của một kế hoạch kéo dài vô tận và do đó chắc chắn thành công. Hai vị thành lập Hội ở New York vào năm 1875, và làm việc cật lực để cho bộ Isis Unveiled được xuất bản đúng lúc. Tuy thế, khoảng năm năm sau, hầu như chỉ còn một mình hai vị tiếp tục công việc, và hai vị thấy cần phải đi sang Ấn Độ, để cùng với một số huynh hữu ở đó để làm lại từ đầu. Vào lúc đó có biết bao việc phiền hà, hết năm này

https://thuviensach.vn

sang năm khác, những chuyện hầu như làm điên đầu bất cứ ai. Bà Blavatsky với một thân xác ít khi được hoàn toàn khỏe mạnh, vẫn phải vất vả làm việc để có thể đưa ra bộ sách Giáo Lý Bí Nhiệm và các tác phẩm có giá trị khác, vì bà biết các Chân Sư và khía cạnh bên trong của các sự việc.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 4

THÁNH ĐẠO HUYỀN BÍ

139.- Hỡi đệ tử, nếu muốn gặt hái sự an bình và yên nghỉ dịu dàng, ngươi hãy gieo những hạt giống công đức lên các cánh đồng của những mùa gặt tới. Hãy chấp nhận các bất hạnh của kiếp nhân sinh.

C.W.L.- Lúc nào Đức Aryasanga cũng cố gắng thuyết phục đệ tử noi theo con đường từ bỏ cao siêu, và đừng chấp nhận cái an bình của Niết Bàn. Sự sống trong cõi Niết Bàn đã được định nghĩa như là sự nghỉ ngơi trong toàn tri (omniscience), nhưng chúng ta phải hiểu rằng đó là sự nghỉ ngơi chỉ theo ý nghĩa rằng không có ý thức nỗ lực nào mà sự mệt mỏi theo sau. Trên cõi đó có sự hoạt động mãnh liệt nhất; đó là chính tinh hoa của bản chất hiện tồn trên cõi đó như tôi đã cố gắng giải thích (ở trước, trang 96).

Con người muốn nghỉ ngơi vì cảm thấy mệt mỏi, nhưng khi ra ngoài thể xác với tâm thức đầy đủ, người ta thấy rằng sự mệt mỏi tiêu tan và lúc đó người ta không còn muốn nghỉ ngơi nữa. Trong các tình huống như thế chúng ta xem sự nghỉ ngơi hơi giống như chúng ta nghiên cứu về sự chết tại cõi trần vậy. Chúng ta không muốn có ít hơn mà là nhiều hơn sức mạnh và nghị lực.

https://thuviensach.vn

Thái Dương Thượng Đế không hề ngơi nghỉ, cho dù chỉ một sát-na (a moment)([1]). Nếu Ngài làm thế, dù chỉ trong một giây, tất cả chúng ta sẽ không tồn tại.

Nhiều vị vốn đã đạt đến cõi Niết Bàn, không còn liên quan tới sự tiến hóa của thế gian nữa, tuy nhiên đối với bất cứ vị nào đã đạt đến cảnh giới đó, dường như không thể xảy ra việc không tuôn đổ cái vinh quang và rực rỡ lên những người còn ở bên dưới. Ngay cả trong trường hợp vị đó sùng tín đến nỗi luôn luôn hướng mọi tư tưởng của Ngài lên cao chứ không hướng xuống thấp đi nữa, người ta sẽ nghĩ rằng Ngài không thể ngừng ban rải lòng sùng tín đó lên những ai còn ở bên dưới.

Có bảy thánh đạo mở rộng trước mặt vị Chân Sư, và đa số các con đường được chọn đều tách xa với địa cầu, tuy tất cả đều là những con đường phụng sự Thượng Đế. Có lẽ mọi Chân Sư đều sẵn sàng đi đến nơi mà Ngài được cần đến nhất và có thể phụng sự được nhiều nhất, nhưng ít nhất nếu được kêu gọi khi cần, các Ngài cũng hoàn toàn sẵn sàng ở lại và chấp nhận "các phiền muộn của kiếp nhân sinh" ("the woes of birth"). Bất luận thái độ nào khác và nhất là ý tưởng lẩn tránh thế gian một cách ích kỷ, sự giải thoát cho biệt ngã (separate self) của mình, đều không thể đưa người tìm đạo lên cao như thế được. Xem ra, đối với chúng ta, việc ở lại với nhân loại và trợ giúp họ là việc tốt đẹp nhất nên làm, và điều đó cũng rất tự nhiên, vì nếu chúng ta không thể yêu thương

[1] Sát na: phiên âm từ tiếng Bắc Phạn ksana hoặc Nam Phạn khanika. Anh ngữ: a moment. Sát na chẳng gì khác hơn là thời gian mà một nguyên tử cần có để rời vị trí trong không gian mà nó đang chiếm và đạt tới điểm kế tiếp. (Trích "Ánh Sáng của Linh Hồn, 363)

https://thuviensach.vn

những người đã từng gần gũi và quen biết với chúng ta như thế, thì làm sao chúng ta sẽ yêu thương được những người hãy còn xa lạ với chúng ta? Hơn nữa, chúng ta không được quên rằng nếu các Hỏa Tinh Quân (Lords of the Flame) từ Kim Tinh đã không rời hệ thống của các Ngài và giáng nhập vào hệ thống chúng ta để giúp đỡ chúng ta, thì chúng ta sẽ bị chậm ít nhất là một vòng tuần hoàn(1) so với vị trí mà chúng ta đã đạt được cho đến nay. Có lẽ nhiệm vụ của một số người trong chúng ta sau này là đi trợ giúp một hệ thống nào khác kém tiến hóa hơn hệ thống chúng ta.

218 Đồng thời, không hề có vấn đề là ngày càng nhiều các đệ tử tiến hóa của các Chân Sư sẽ được cần đến để tiến hành công việc của các Ngài trên cõi trần. Vị La Hán được phép không chịu thêm những lần sinh ra trên cõi trần nữa nếu người chọn như thế(2); nhưng hiển nhiên là các Chân Sư của chúng ta muốn chúng ta tiếp tục tái sinh vì công việc.

140.- Hãy bước ra khỏi ánh sáng mặt trời, đi vào bóng râm, nhường chỗ cho bao kẻ khác. Những giọt lệ tưới lên mảnh đất khô cằn vì đau khổ và phiền não, sẽ sinh ra những hoa và trái theo luật nghiệp quả báo phục. Từ lò luyện của đời người và làn khói đen của nó, ngọn lửa chắp cánh bay lên, những ngọn lửa tinh luyện, bay vút lên trên, dưới con mắt

---

1 Vòng tuần hoàn (Round) là đoạn đường đi của một Chân Thần từ bầu A đến bầu hành tinh Z (hay bầu G). (Trích GLBN I, 221 – ND)

2 Nguyên văn: It is open to the Arhat to take no more physical births if he so chooses.

https://thuviensach.vn

nghiệp quả, cuối cùng dệt nên lớp vải chói ngời của ba pháp phục[1] trên Thánh Đạo.

Đoạn mở đầu của câu kinh này dường như hàm ý rằng không có đủ ánh sáng mặt trời cho tất cả. Nhưng chắc chắn là không phải thế. Tất cả đều có thể được hạnh phúc. Chúng ta đều tạo ra cái bóng riêng của chúng ta, giống như trái đất cũng làm như thế. Bao phiền não và khó khăn đều do chính chúng ta tạo ra; chúng đều là quả báo của chính chúng ta, giống như mọi việc đang xảy đến cho chúng ta. Những gì mà Đức Aryasanga muốn nói, đó là người ta nên luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ kẻ khác, cho dù phải trả giá bằng cái phiền toái hoặc thua thiệt đối với chính mình.

Có một vài loại hành vi đem lại đau khổ lớn về nghiệp quả. Dĩ nhiên trong đó có sự tàn ác và một vài hành vi khác nữa.

Nhưng đa số đau khổ hiện nay của con người đều đến bằng cách họ nhận lấy những bất lợi của cuộc sống mà karma đưa đến cho chúng. Lúc đó đau khổ rõ rệt là "quả báo nhãn tiền" ("ready-money karma"). Thí dụ, đó là sự than khóc ích kỷ đối với những ai đã chuyển qua một trạng thái hiện tồn
219 sung sướng hơn, điều đó gây đau khổ cho mọi người có liên quan, thường thường gồm luôn cả người chết, khiến họ cảm thấy vô cùng nản lòng và sầu não. Karma nào xảy đến cho một người cũng không bao giờ vượt quá khả năng chịu đựng của người đó và cũng dễ dàng để hứng chịu; nhưng đó không phải là trường hợp mà y thêm tư tưởng, cảm xúc và hành động thiếu sáng suốt vào karma.

---

[1] Pháp phục hay pháp y hay đạo phục (vesture): lớp y phục của đạo mầu.

https://thuviensach.vn

141.- Ba pháp phục này là: Nirmanakaya, Sambhogakaya và Dharmakaya, là lớp áo tối thượng.

Ba pháp phục này sẽ được bàn thảo đầy đủ khi chúng ta nghiên cứu về Phần thứ ba này. Chúng tiêu biểu cho ba khả năng mở ra cho người đã đạt đến quả vị Chân Sư. Ngài có thể nhập Niết Bàn tức khắc, hoặc chọn Niết Bàn sau khi đã vượt qua các kinh nghiệm tâm linh cao siêu khác, hoặc ở lại tiếp xúc với cõi trần dưới hình thức một vị Nirmanakaya để đáp ứng nguồn dự trữ tinh thần (spiritual reservoir), hoặc là Ngài có thể chọn công việc nơi các bầu hành tinh hoặc hệ thống tiến hóa khác. Dĩ nhiên cách lựa chọn cuối cùng này chẳng một chút nào ích kỷ; không thể nào giả định rằng tính chất ích kỷ lại có thể có được ở trình độ như thế.

Trong ấn bản đầu tiên của sách này có đề cập đến "các vị Phật ích kỷ" ("selfish Buddhas"), nhưng, sau khi bỏ cõi trần, bà Blavatsky đã yêu cầu bà Besant bỏ đoạn nói về việc đó, vì đoạn đó gây ra rất nhiều hiểu nhầm nguy hại. Đoạn đó nói đến các Đấng được gọi là Độc Giác Phật (Pratyeka Buddhas). Các Đấng này là các Đại Adepts, ở vào trình độ của Đức Phật, nhưng thuộc Cung một. Vì lẽ "eka" có nghĩa là "độc nhất" ("one"), nên một số Phật Giáo đồ Bắc Tông nghĩ rằng một Pratyeka Buddha là một Đấng làm việc cho riêng mình mà thôi, từ đó xuất phát ý tưởng báng bổ cho bất luận người nào biết được quả vị các Ngài. Ba Hỏa Tinh Quân là
220 Pratyeka Buddhas nguyên là đệ tử của Đấng Cai Quản Địa Cầu (Lord of the World). Các Ngài đến với địa cầu để trợ giúp và thúc đẩy sự tiến hóa của địa cầu theo hướng của cung một, trong khi Đức Phật (Buddha, Phật Thích Ca) hoạt động theo cung hai. Thật là dại dột khi chỉ trích các Ngài vì không làm công việc vốn không thuộc về các Ngài. Có phải là

https://thuviensach.vn

hợp lý chăng khi tìm thấy khuyết điểm với một thẩm phán vì không phải là một thầy giáo, khi nói: "Xem kìa, ông ta chăm sóc việc giáo dục trẻ con kém cỏi quá chừng !"

Về các Đấng cao cả này, tôi có cố gắng đưa ra vài nét sơ lược trong "Chân Sư và Thánh Đạo" (chương XV).

142.- Áo Shangna thực sự có thể đạt được ánh sáng vĩnh hằng. Chỉ một mình áo Shangna đem lại Niết Bàn tịch diệt; nó ngăn chận sự tái sinh, nhưng hỡi đệ tử, nó cũng tiêu diệt lòng từ bi. Đức Phật trọn lành, tức là Đấng khoác vào cái huy hoàng của Pháp Thân, chẳng còn có thể giúp vào việc cứu độ con người. Hỡi ôi Đại Ngã (selves) sẽ bị hy sinh cho tiểu ngã (self); nhân loại sẽ bị hy sinh cho hạnh phúc của các đơn vị chăng ?

143.- Hỡi kẻ sơ cơ, hãy biết rằng đây là con đường mở, con đường đưa đến sự chí phúc ích kỷ, các Bồ Tát chuộng Tâm pháp, các Đức Phật từ bi đều xa lánh.

Áo Shangna là loại kém xa bất cứ thứ nào trong ba loại áo nói ở trên. Ở đây nó hàm ý việc làm quân bình karma, và sự hủy diệt phàm ngã bằng cách dập tắt mọi dục vọng, kể cả lòng ham sống. Nó hàm ý một sự tiến hóa của thể nguyên nhân cao hơn nhiều so với mức mà đa số người đã đạt được, nhưng không có sự phát triển tình thương và lòng từ bi, và ý muốn giúp đời. Một người đã tự giải thoát mình khỏi nhu
221 cầu tái sinh như thế có thể sống với tư cách một Chân Ngã (ego) trên các cõi phụ cao của cõi trí trong một thời gian rất dài.

Trong đoạn này, gần như thể Đức Aryasanga than phiền những vị đã có được áo Dharmakaya, và ẩn dật vào các cõi xa xăm hoặc các hệ thống xa xăm. Nhưng thật sự Đức

https://thuviensach.vn

Aryasanga không thể làm điều đó. Ngài không thể nghĩ rằng có các Đức Phật ích kỷ. Chắc chắn là các Độc Giác Phật đều ở cùng trình độ thành đạt như Phật Thích Ca. Các Độc Giác Phật cũng có tính chất từ bi như Phật Thích Ca, nhưng các Ngài không cùng nhiệm vụ. Nếu hàng ngàn năm trước các Ngài đạt tới các đỉnh cao như thế thì hẳn là các Đấng Cao Cả này phải hoàn toàn không còn chút gì ích kỷ. Chúng ta phải nhớ rằng quyển *Tiếng Nói Vô Thinh* do một đệ tử của Đức Aryasanga viết lại sau khi Ngài qua đời, vì thế Ngài hoàn toàn không có trách nhiệm đối với quyển đó, và ở đây có lẽ vị đệ tử ắt hẳn đã để cho quan niệm sai lầm của riêng mình làm nhuộm màu (colour) ý tưởng của Thầy mình.

144.- Sống để đem lại lợi ích cho nhân loại là bước đầu tiên. Thực hành sáu hạnh cao quý là bước thứ hai.

145.- Khoác chiếc áo khiêm tốn của bậc Nirmanakaya là từ bỏ chí phúc vĩnh hằng đối với bản ngã, để giúp cứu độ con người. Đạt được chí phúc của Niết Bàn, nhưng khước từ nó là giai đoạn tối cao, cuối cùng – là giai đoạn cao siêu nhất trên con đường từ bỏ.

146.- Hỡi đệ tử, hãy biết rằng đây là con đường huyền bí mà các Đức Phật trọn lành đã chọn, các Ngài đã hy sinh Đại Ngã (the Self) cho các bản ngã yếu đuối hơn (weaker selves).

228 Sáu hạnh cao quý chính là các ba-la-mật (paramitas) đã được xem xét ở chương I, phần II. Chúng tiêu biểu cho một trong các phương pháp đi trên đường đạo. Một phương pháp khác được đưa ra trong nhóm các đức tính nổi bật trong "*Dưới Chân Thầy*", được theo sau bằng bốn giai đoạn của Thánh Đạo đích thực.

https://thuviensach.vn

Cho rằng vị Nirmanakaya từ bỏ chí phúc thì không hoàn toàn đúng, vì quả vị Chân Sư tự nó là sự đạt được chí phúc rồi. Điều đúng đó là vị Chân Sư có thể vẫn luôn luôn ở trên các cảnh giới tuyệt diệu mà Ngài đã đạt đến, nhưng thay vì vậy, Ngài lại xuống cõi thấp để cứu độ. Tuy làm như thế, Ngài cũng không từ bỏ chí phúc vĩnh cửu vốn có sẵn trong Ngài, Ngài chỉ là quyết định hoạt động ở các cõi thấp mà thôi.

147.- Tuy nhiên, nếu tâm pháp quá cao xa đối với ngươi, nếu ngươi cần giúp chính mình và ngại giúp kẻ khác, thì bấy giờ, hỡi kẻ rụt rè kia, hãy còn kịp cảnh giác: hãy bằng lòng với nhãn pháp của Thiên Luật. Hy vọng vẫn còn. Vì nếu ngày nay chưa đạt đến Thánh Đạo huyền nhiệm, thì ngày mai, con đường đó sẽ nằm trong tầm tay ngươi. Hãy biết rằng không một cố gắng nào, ngay cả cố gắng nhỏ bé nhất – dù theo hướng đúng hoặc sai – lại có thể biến mất khỏi cõi nguyên nhân. Thậm chí làn khói vô dụng vẫn không phải không còn dấu vết. "Một lời nói cay nghiệt được thốt ra trong những kiếp quá khứ không bị hủy diệt, mà luôn quay trở lại". Dây tiêu sẽ không sinh ra hoa hồng, cũng như ngôi sao bạc của hoa lài thơm ngát không sinh ra gai bao giờ.

148.- Ngày hôm nay ngươi có thể tạo ra các cơ may cho ngày mai của ngươi. Trong cuộc đại hành trình, các nguyên nhân được gieo mỗi giờ sẽ sinh ra mùa gặt quả của nó, vì công 223 ***lý nghiêm minh cai trị thế gian. Với hành động lướt qua mạnh mẽ không bao giờ lầm lạc, công lý nghiêm minh đó mang đến cho thế nhân các kiếp sống hạnh phúc hoặc bất hạnh, là kết quả thuộc nghiệp báo của mọi tư tưởng và hành động trước kia của chúng ta.***

https://thuviensach.vn

149.- Này kẻ có lòng kiên nhẫn, hãy nhận lãnh phần thưởng trong chừng mức mà ngươi dự trữ cho ngươi. Hãy dũng cảm và bằng lòng với số phận. Đó là Karma của ngươi, Nghiệp Quả của chu kỳ luân hồi của ngươi, số phận của những kẻ mà trong nỗi khổ đau và phiền não của họ, họ được sinh ra cùng với ngươi, hân hoan và than khóc hết kiếp này đến kiếp khác, bị ràng buộc vào các hành động trong các kiếp trước của ngươi.

Nếu người ta không thể ngay lập tức hạ quyết tâm trở nên hoàn toàn vị tha thì cũng không cần thất vọng. Người ta phải tiếp tục hành động theo chiều hướng đúng cho đến khi đạt đến vị thế mà ở đó lý tưởng đó sẽ dường như hoàn toàn tự nhiên và tương đối dễ hoàn thành. Đôi khi người ta cảm thấy rằng vì họ không thể hoàn thành một lý tưởng vĩ đại được đưa ra trước mắt họ, nên không có gì mà họ có thể làm lại đáng làm. Tất nhiên, họ mất hết nhuệ khí và không còn làm được một chút gì. Nhưng đó là một lỗi lầm lớn. Đức Phật rất sáng suốt khi giao tiếp với mọi hạng người, và Ngài thận trọng tránh hạng người thiếu can đảm này, bằng việc chỉ nói về con đường cao siêu nhất cho các đệ tử thân cận của Ngài mà thôi. Phật thuyết giảng trung đạo cho quảng đại quần chúng, dạy cho họ sống cuộc đời cao quý nhất mà họ có thể noi theo, ngõ hầu sau này họ sẽ được gia nhập vào Huyền Giai của Ngài. Ngài dạy họ rằng ngày nay, họ đang tạo các cơ
224 hội cho ngày mai của họ, tức là cho kiếp tới của họ. Không nên thất vọng, vì người nào biết nắm lấy một cơ hội, sẽ nhận được cơ hội gấp mười lần hơn, còn người nào vận dụng được các khả năng mà mình đang có một cách đầy đủ hết sức mình, mà không làm căng thẳng chính mình, chắc chắn sẽ phát triển được các năng lực này với một tốc độ phi thường.

https://thuviensach.vn

Đoạn cuối đề cập đến những kẻ được sinh ra cùng với nhau. Thực ra những người tiến hóa trong các nhóm, cũng chính là những người đến cùng với nhau một cách mật thiết trong các mối liên hệ khác nhau hết lần này đến lần khác. Điều gì xảy đến cho một người trong bất luận nhóm nào như thế đều tác động trở lại rất nhiều lên những người khác, cả tốt lẫn xấu. Điều đó sẽ là một động cơ thêm vào cho những ai đang có hoài bão để nhận thức rằng bất cứ điều gì mà họ có thể đạt được sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho một số người mà số phận của những người đó được ràng buộc chặt chẽ với số phận của chính họ.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 5

CHU KỲ SỰ SỐNG

150.- Hôm nay ngươi hành động vì kẻ khác, thì ngày mai kẻ khác sẽ hành động vì ngươi.

151.- Chính do cái mầm từ bỏ của bản ngã mà quả ngọt của sự giải thoát cuối cùng mới nảy sinh.

152.- Kẻ nào vì e sợ Ma Vương mà không chịu giúp đỡ nhân loại, e rằng y chỉ hành động cho bản ngã, nên kẻ đó sẽ chịu hủy diệt.

Kẻ hành hương mệt mỏi, muốn tắm mát tay chân trong dòng nước xiết, nhưng không dám lao vào vì sợ dòng nước thì có nguy cơ chết vì nóng.

Không dám hành động vì sự sợ sệt ích kỷ, có thể chỉ nhận lấy quả xấu mà thôi.

153.- Người sùng đạo ích kỷ thì sống không có mục đích. Người nào không vượt qua công việc được ấn định của mình trong kiếp sống, ấy là đã sống một cách vô ích.

154.- Hãy tuân theo bánh xe sự sống, tuân theo bánh xe bổn phận đối với chủng tộc và họ hàng, đối với bạn và thù, không màng đến sướng vui, đau khổ. Hãy làm cạn kiệt luật báo phục do nhân quả. Cố đạt được quyền năng cao siêu (Siddhis) cho kiếp hậu lai của ngươi.

https://thuviensach.vn

C.W.L.- Có nhiều người cảm thấy rằng vì họ không thể làm những việc lớn lao hay tạo ra tiến bộ nhanh chóng thì không
226 đáng bỏ công ra làm. Thật là một lầm lẫn lớn. Ít nhất họ có thể sống để giúp những người mà nghiệp quả mang họ tiếp xúc với nhau. Họ sẽ không bao giờ tìm cho họ một vị trí thuận lợi hơn cho đến khi họ tận dụng được tối đa hoàn cảnh hiện tại của họ. Nếu họ quyết tâm làm điều này, thì khi thời cơ đến với họ để thực hiện nỗ lực lớn liên quan đến việc nhận được Điểm Đạo lần một, các bạn bè thân thiết sẽ có mặt để trợ giúp. Những người bạn thực sự đều là bạn của Chân Ngã. Các bạn bè loại này không bao giờ trói buộc con người cốt để thỏa mãn các tình cảm riêng tư, rất có giới hạn, và thường vô cùng ích kỷ của con người. Họ luôn luôn mang lại cho con người sự tự do cần thiết để theo đuổi con đường cao siêu.

Một số người tốt tránh không chịu giúp kẻ khác, vì ngại rằng chính họ có thể bị thôi thúc bởi một động lực ích kỷ. Rất thường khi hành động bác ái được ban ra cho những người bất hạnh không phải thực sự với ý muốn cứu giúp họ, mà là để làm cho kẻ ban phát giảm đi sự không vui mà người này cảm thấy khi nhìn thấy sự đau khổ. Một người như thế sẽ không bao giờ đi ra ngoài con đường của mình để tìm kiếm những người trong cơn khốn khó để giúp đỡ họ.

Ngoài ra, có những người khác sắp xếp cống hiến một phần lợi tức lớn lao của họ cho các tổ chức từ thiện, ngõ hầu họ có thể vui hưởng phần còn lại mà không có những sự ray rứt của lương tâm. Biết được điều này, một đệ tử đôi khi nên đặt câu hỏi cho chính mình để xem coi động lực riêng của y có trong sạch hay không. Còn cố tránh giúp đỡ chỉ vì nghi ngờ động lực của chính mình, thì chắc chắn đó là một hình thức ích kỷ. Dù cho động lực của chúng ta có ra sao đi nữa,

https://thuviensach.vn

chúng ta cũng phải cứu giúp, dẫu sao cũng chỉ có sự cứu giúp đó mới được xem như là tiến bộ thực sự trên Thánh Đạo, việc làm này thuần là để cứu giúp kẻ đau khổ mà không nghĩ đến mình.

227 Cần phải dùng tính phân biện trong việc cứu giúp. Người Ấn hay nói, việc cứu giúp cần được dành cho đúng người, đúng lúc và đúng chỗ. Tuy thế đừng để cho việc cần phải suy tưởng đó tạo ra sự do dự. Giữa hai đường hướng hành động, không phải lúc nào chúng ta cũng có thể biết chắc đường lối nào là khôn khéo hơn, nhưng dù sao đi nữa chúng ta cũng phải quyết định dựa vào một trong hai đường lối đó, sao cho cơ hội để làm việc lành không thể hoàn toàn bị bỏ lỡ. Đôi khi chúng ta có thể trợ giúp chỉ bằng tư tưởng, nhưng như tôi có nói ở trước, đó là trợ giúp rất quan trọng. (Xem lại trước q.I, phần II, chương 2, 5). Sức mạnh của nhiều người đang làm việc tích cực trên thế gian, phần lớn xuất phát từ nhiều người khác đang tham dự vào việc xạ ra mãnh lực tinh thần trong lúc tham thiền.

Bánh xe nhiệm vụ đối với chủng tộc và họ hàng, đối với bạn và thù, dưới hình thức một vấn đề thực tiễn, chắc chắn đang đưa ra cơ hội thuận tiện nhất cho sự tiến bộ. Các Nghiệp Quả Tinh Quân (Lords of Karma) đảm bảo chắc chắn là mỗi người được dành cho các điều kiện thích hợp cho sự phát triển của mình. Các Ngài ban cho mỗi người một công việc đặc biệt rất thích hợp để phát triển các tính chất mà người đó cần. Ở một trình độ phát triển thấp, có thể có đến mười ngàn vị trí mà một người có thể có các điều kiện cần cho sự tiến bộ của mình. Nhưng khi một người tiến hoá cao hơn, thì môi trường chung quanh người ấy phải được chọn

https://thuviensach.vn

lựa hết sức thận trọng, vì mỗi người phải được tuyệt đối đặt vào vị thế nơi mà người này có thể tiến nhanh nhất. Do đó thật là hoàn toàn thiếu chính xác khi nói rằng một người sẽ thành công bất chấp các hoàn cảnh của mình; nhiều khó khăn được đặt để trên con đường của y sao cho y có thể vượt qua được chúng và sao cho tính tình và năng lực của y có thể phát triển được.

Người nào thi hành được các bổn phận hằng ngày của mình một cách chu đáo, thì chẳng bao lâu sẽ được giao phó nhiệm vụ cao hơn. Mọi người đều có thể được các Đấng Dẫn
228 Dắt vận mệnh nhân loại phó thác cho làm công việc một cách hữu ích và một cách tận tâm, đó là nỗi mong muốn thiết tha của các Ngài. Như Thánh Kinh có nói, hãy thành tâm trong các việc nhỏ thì bạn sẽ được làm cho trở nên kẻ cai quản nhiều việc khác nữa. Trở thành kẻ cai quản được nhiều việc có nghĩa là ở vào vị thế có trách nhiệm, trong huyền linh học, vị thế này chỉ được dành cho những người đã tỏ ra thành tâm trong các việc nhỏ. Đó là thử thách mà Đức Thầy đưa ra. Nhiều người tỏ ra thờ ơ với bổn phận đơn giản hằng ngày, để rồi mơ tưởng những việc xa xăm mà tính chất hữu ích hãy còn đáng ngờ và đặc biệt là không được dự tính cho họ. Cũng có nhiều người hối tiếc các ràng buộc mà họ đã tạo ra trước khi họ biết được Minh Triết Thiêng Liêng, mà giờ đây họ thấy rằng các ràng buộc đó đang gây trở ngại. Nhưng những người này cứ làm bổn phận của họ. Các ràng buộc không còn thích hợp đó sẽ mất đi khi đến lúc thích hợp, khi cái tự do đó sẽ trở nên hữu ích nhất cho sự phát triển của người tìm đạo và những gì quan trọng hơn cho công việc của thế gian. Nhưng nếu các ràng buộc đó bị phá vỡ sớm thì chúng sẽ chỉ

https://thuviensach.vn

làm vướng bận con người trở lại, đồng thời nhiều phiền toái và đau khổ sẽ được tạo ra.

155.- Nếu ngươi không thể làm mặt trời thì hãy làm hành tinh khiêm tốn. Đúng thế, nếu ngươi bị ngăn không chiếu sáng được giống như mặt trời giữa trưa trên đỉnh núi tuyết vạn niên tinh khiết, thì, hỡi tân đệ tử, hãy chọn con đường khiêm tốn hơn.

156.- Hãy chỉ đường – dù đường này còn mơ hồ và chìm mất trong đám đông – như sao hôm chỉ đường cho những kẻ đang bước đi trong bóng tối.

157.- Hãy nhìn Migma, khi trong các tấm màn đỏ thẩm của nó, mắt của nó đang quét qua Địa Cầu đang say ngủ. Hãy xem hào quang chói sáng của bàn tay Lhagpa duỗi dài ra trong tình thương che chở trên đầu của các nhà tu khổ hạnh
229 ***của nó. Giờ đây cả hai đều là người phụng sự cho Nyima, mà trong khi vắng mặt, đã để lại những kẻ canh gác im lặng trong đêm tối. Tuy nhiên trong các Thiên Kiếp đã qua, cả hai đều là các Nyimas sáng chói và có thể trong các thời kỳ tương lai lại trở thành hai mặt trời. Đó là những thăng trầm của luật karma trong thiên nhiên.***

158.- Hỡi đệ tử, hãy giống như họ. Hãy cung cấp ánh sáng và tiện nghi cho khách hành hương nhọc nhằn, và hãy tìm ra y, kẻ mà sự hiểu biết còn kém hơn ngươi; kẻ mà trong sự cô độc đáng thương, đang ngồi trong sự thiếu đói bánh minh triết và bánh mì nuôi thân, không một người Thầy, hy vọng, hay sự an ủi, và hãy cho y nghe thấy Diệu Pháp (the Law).

Trong một cước chú, bà Blavatsky viết:

https://thuviensach.vn

Trong chiêm tinh học Tây Tạng, Nyima là mặt trời. Migmar hay Hỏa Tinh được biểu tượng bằng một con mắt, và Lhagpa, hay Thuỷ Tinh, được biểu tượng bằng một bàn tay.

Ở đây có vài điểm tương đồng lý thú. Hai hành tinh được nói đến đều cho ánh sáng vào ban đêm, khi mặt trời lặn và mọi vật đều tối đen. Với chúng ta cũng thế. Chúng ta phải trợ giúp những người ở trong bóng tối nhiều hơn chúng ta nữa. Không một người nào không thể tìm được một người còn vô minh hơn chính y, để y có thể dạy dỗ. Thậm chí, nếu những người chung quanh chúng ta không sẵn sàng bước vào Thánh Đạo đi nữa, thì chúng ta vẫn có thể dẫn dắt họ đi theo đúng hướng về phía Thánh Đạo.

Vào thời kỳ sự sống chuyển từ nguyệt cầu sang địa cầu, thì hai hành tinh này đã tỏa sáng giống như các mặt trời nhỏ. Nhưng phần lớn Hỏa Tinh ngày nay là một hoang mạc, và điều đó giải thích tại sao Hỏa tinh phản chiếu ánh sáng vàng
230 hoặc hơi đỏ. Theo quan điểm của nhà thơ là tác giả của các câu thơ này, thì hiện nay các hành tinh đó đang làm công việc hữu ích nhất của chúng là ban phát ánh sáng cho con người. Ý tưởng này minh hoạ sự thật là khi chúng ta chiếu sáng nhiều nhất, chúng ta không nhất thiết là đang thực hiện công việc tốt đẹp nhất của chúng ta,. Cũng thế, khi phải dựng lên một công trình kiến trúc nào, thì việc trước tiên phải làm là đặt các nền móng. Xét theo bề ngoài thì nền móng không có gì là quan trọng vì chúng bị che khuất khỏi tầm mắt chúng ta, nhưng công trình kiến trúc sẽ được dựng lên trên các nền móng đó. Vì thế, trong công việc thông thường hằng ngày, đạo sinh đang thực hiện việc phụng sự hữu ích cho xã hội, và đồng thời cũng đang phát triển các quyền năng cao siêu vốn là các quyền năng tinh thần của Chân Ngã.

https://thuviensach.vn

Giờ đây vị Huấn Sư dạy cho đạo sinh những gì cần nói với những kẻ mà đạo sinh đang cố gắng dẫn dắt vào Thánh Đạo.

159.- Hỡi đạo sinh, hãy nói với kẻ hành hương rằng ai bắt tính kiêu hãnh và vị kỷ trở thành tôi tớ cho lòng sùng tín; ai trung thành với sự sống, nhưng vẫn đặt sự kiên nhẫn và phục tùng của mình vào Thiên Luật, như đặt đoá hoa thơm dưới chân Đức Shakya-Thub-pa (Đức Phật), kẻ ấy sẽ trở thành một Srotapatti (Kẻ Nhập Lưu) trong kiếp sống này. Các thần thông có thể lóe lên xa xa. Nhờ bước được bước đầu, tức nhập vào dòng nước, kẻ hành hương có thể có được nhãn lực của chim ưng trên núi, có được thính lực của con hươu nhút nhát.

160.- Hỡi kẻ tìm đạo, hãy cho y biết rằng lòng sùng đạo chân chính có thể hoàn lại cho y tri thức, cái tri thức mà y đã có trong các tiền kiếp. Nhãn thông và nhĩ thông không thể có được trong một kiếp sống ngắn ngủi.

231 Shakya-Thub-pa là Phật Thích Ca. Như đã giải thích, Srotapatti là "người bước vào dòng nước" (kẻ nhập lưu).

Một sự tương tự có thể được rút ra giữa hành động bên ngoài của việc đặt việc phụng sự của một người dưới chân của Đức Thầy với việc thay đổi bên trong, khi manas (nguyên khí trí tuệ) được phát triển đầy đủ nhận ra sự hiện hữu của buddhi (nguyên khí bồ đề) và cúi mình trước nguyên khí cao đó, từ đó về sau quyết tâm sử dụng mọi năng lực của nó trong sự phục tòng mệnh lệnh của buddhi.

Trong cuộc sống thông thường của con người, thường thường thể hạ trí được phép có tiếng nói quyết định. Thí dụ

https://thuviensach.vn

trong vấn đề giải phẩu sinh thể(1), nhiều người cảm thấy rùng mình kinh tởm khi thực hành việc đó, nhưng vẫn quyết định phải tiến hành nó, vì họ nghĩ đó là cách duy nhất để có được một số kiến thức sẽ giúp ích cho nhân loại. Nhưng một thiểu số bênh vực lẽ phải, nói rằng:"Không, không thể nào việc giải phẩu sinh thể có thể đưa đến tốt lành được. Bản chất cao của chúng ta nói rõ ràng rằng việc đó hoàn toàn sai lầm". Nếu những người này chiếm đa số, họ sẽ chấm dứt điều đó, và rồi một cách khác nào đó sẽ được tìm ra để bảo đảm sức khỏe con người; thể trí sẽ được đưa vào hoạt động tuân theo trực giác cao siêu để tìm ra một cách tốt đẹp hơn.

Người nào cảm thấy có nhiệt tình khi nghe nói về Thánh Đạo thì chắc chắn là người đó đã hoạt động về lãnh vực đó trong một kiếp trước, hay có lẽ trong nhiều kiếp trước đây. Thật là đáng khích lệ khi biết được điều này, vì bấy giờ người ấy có thể hy vọng phục hồi nhanh chóng các thành đạt của các kiếp sống trước kia, là nhãn thông (deva-sight) và nhĩ thông (deva-hearing), vốn là các quan năng để đáp ứng với tiếng nói bên trong và để thấy sự sống và thế giới bằng con mắt của tinh thần.

232 ***161.- Hãy khiêm tốn, nếu ngươi muốn đạt được minh triết.***

162,- Càng khiêm tốn hơn khi ngươi có đươc minh triết rồi.

163.- Hãy hành xử như biển cả đang tiếp nhận mọi suối sông. Vẻ trầm mặc oai hùng của đại dương vẫn không dời đổi; đại dương không cảm nhận được sông suối.

---

1 Giải phẩu sinh thể (vivisection): mổ xẻ trên mình con vật còn sống để nghiên cứu về khoa học (ND).

https://thuviensach.vn

164.- Hãy kềm chế phàm nhân bằng Chân Nhân.

165.- Hãy kềm chế Chân Nhân bằng Chân Thần.

166.- Ôi cao cả thay kẻ nào giết chết được dục vọng.

167.- Càng cao cả hơn nữa khi Chân Ngã trong kẻ đó tiêu diệt được chính ý thức dục vọng.

168.- Ngươi hãy canh chừng phàm ngã kẻo nó làm vấy bẩn Chân Ngã.

Như tôi có nói trước đây, kẻ nào đứng trước các Chân Sư thì không còn cách nào khác là phải khiêm tốn, vì y biết rằng có một hố ngăn cách lớn giữa các Ngài với y. Tuy thế không phải sự hiện hữu trong xác phàm của Chân Sư gây nên sự bồn chồn hoặc rủn chí, trái lại, đứng trước Chân Sư, chúng ta cảm thấy phấn khích hăng hái và chúng ta nhận thức được rằng chúng ta có thể đạt tới đích bởi vì Ngài đã đạt tới đích. Với việc thu lượm tri thức thì cũng thế. Người nào có thể hiểu được một số ý tưởng lớn, thì cũng có thể thấy những gì còn lại cần phải học hỏi mà cho đến nay y chưa biết, và biết bao điều bí nhiệm nằm trong các sự việc quen thuộc mà những kẻ khác cho là rất đơn giản và đã hiểu nó. Thế nên, kẻ nào có nhiều kiến thức, đều cũng trở thành khiêm tốn, và người tìm đạo được cảnh báo rằng khi nào sự kiêu hãnh xuất hiện nơi y, thì đó là dấu hiệu cho thấy rằng y vô tình đóng lại trước mặt mình cánh cửa dẫn tới tri thức cao xa hơn.

Đạo sinh cũng phải tập cách hoạt động giữa các xáo trộn
233 của thế gian lúc nào cũng tác động vào y – vào thể xác, thể tình cảm và thể trí – và không để cho chúng làm khuấy động y. Y cũng phải luyện sao cho các hiện thể thấp sẽ không đáp

https://thuviensach.vn

ứng với tiếng gọi bên ngoài này, mà đáp ứng với các mệnh lệnh bên trong. Chân Ngã vốn thiêng liêng, và với sự trợ giúp của Chân Ngã, phàm ngã phải được kềm chế, và khi việc này đã được thực hiện, thì đến lượt Chân Ngã sẽ phải được Chân Thần, tức Bản Ngã Vĩnh Cửu (eternal Self), kiềm chế. Để cho mọi việc nói trên có thể được thực hiện, đệ tử phải luôn luôn trông chừng các hiện thể, để tâm đến sự tinh khiết của thức ăn, thức uống và từ điện, để tâm đến sự tinh khiết của lời nói, cảm xúc và tư tưởng, như đã có giải thích đầy đủ trong *Chân Sư và Thánh Đạo.*

169.- Con đường đưa đến sự tự do cuối cùng ở trong Chân Ngã (Self) của ngươi.

170.- Con đường đó bắt đầu và kết thúc ở ngoài tiểu ngã (self).

171.- Khiêm tốn thay người mẹ của mọi dòng sông không được con người tán dương dưới cái nhìn kiêu hãnh của Tirthika. Hình hài con người trống rỗng mặc dầu chứa đầy nước thuần khiết của Amrita, dưới cái nhìn của kẻ kém khôn ngoan. Tuy vậy nơi sinh ra các con sông linh thiêng đều là thánh địa, và người có minh triết đều được mọi người tôn trọng.

Người Cơ Đốc giáo chính thống thường cho rằng có ba giai đoạn trong sự phát triển của linh hồn. Thứ nhất con người làm việc lành vì sợ địa ngục. Thứ hai, con người làm lành với ước muốn lên thiên đàng. Thứ ba, con người làm lành vì yêu thương Chúa, Đấng tự hy sinh chính mình để đưa con người đến tình trạng cảm nhận đó.

Tuy nhiên hãy còn giai đoạn thứ tư, khi con đường được tìm ra bằng việc nhận thức chính chúng ta vốn là một

https://thuviensach.vn

với Đại Ngã (the Self). Vào lúc đó con người làm điều lành chỉ vì đó là điều lành, chớ chẳng phải vì lý do làm hài lòng Chân Sư hay để tỏ lòng biết ơn đối với Ngài. Như vậy, sự giải thoát của chúng ta đến từ bên trong. Không một lý do bên ngoài nào có thể định đoạt các bước tiến của chúng ta trên Thánh Đạo. Không có vấn đề chúng ta phải ở vào một trình độ nào đó trong bao lâu, chúng ta sẽ đạt được giai đoạn kế tiếp khi chúng ta đã phát triển được các tính chất và các năng lực cần thiết trong chính chúng ta. Không một ai cần lo lắng về điều này, vì theo một ngạn ngữ[1] Tamil thì: "*Quả chín muồi không thể ở lại trên cành*".

Như chúng ta đã thấy ở trước, Tirthika là người tu khổ hạnh thuộc phái Bà La Môn, họ đi viếng nhiều thánh điện thiêng liêng, và hiển nhiên là ở đây họ có phần nào hãnh diện vì đã làm như thế. Giống như thế, một số người Hadjis – tức là những người theo Hồi Giáo đã hành hương đến Mecca – cũng lấy làm hãnh diện vì đã hành hương ở Mecca. Những người đó hơi giống với con người trong xã hội ở thời đại của chúng ta: họ hãnh diện khi nói rằng họ đã xem vở kịch mới nhất, hoặc đã đọc quyển sách mới được xuất bản ngày đầu tiên, mặc dầu những gì mà họ đã học được trong tiến trình đó có thể thật là khó nói. Có lẽ người sao chép lời của Đức Aryasanga vốn là Phật Tử, không vượt khỏi tình cảm môn phái, vì dường như y xem tất cả mọi người Tirthika như là thuộc loại này!

[1] Ngạn ngữ (proverb): Câu nói, lời nói có từ lâu đời được truyền lại.

https://thuviensach.vn

Sự thu hút lớn lao của Benares, Hardwar, Kumba-Konam và các Tirthas khác là việc tắm trong các dòng sông thiêng. Ở chỗ được gọi là thánh địa chót này, những người hành hương dùng đến một bể nước khổng lồ mà họ tin rằng bể đó được cung cấp ở dưới đất bằng nước của sông Hằng. Nhưng người chép kinh Phật của chúng ta, với một chút hãnh diện ở bề ngoài, cho biết rằng cội nguồn của các dòng sông thiêng chính thức ở Ấn Độ là khu đất thiêng, đó là Tây Tạng. Một sự kiện đáng để ý là các con sông lớn như Hằng Hà (Ganges), Ấn Hà (Indus) và sông Airavati hay là Irrawadi, tất cả đều cùng xuất phát rất gần dãy Himalayas (dãy Tuyết Sơn), chạy theo các hướng khác nhau, tức Đông, Nam và Tây, chạy vòng quanh và bao bọc phần trên của Ấn Độ bằng một vòng ôm khổng lồ của chúng đến hàng ngàn dặm. Những tu sĩ khổ hạnh kiêu hãnh này không biết rằng Tây Tạng, một xứ mà họ coi thường, lại là mẹ của các sông thiêng của họ, nhà văn này nói, và ông ta còn vạch rõ sự tương đồng giữa Tây Tạng với Ấn Độ, cho thấy Ấn Độ là phần thân, chứa thứ nước thuần khiết của sự bất tử chỉ theo cái nhìn không đúng của những kẻ ngốc, còn Tây Tạng, cội nguồn của minh triết, được mọi người tôn vinh, tất cả những người này mới không phải là người ngu!

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 6

CON ĐƯỜNG CỦA VỊ LA HÁN

172.- Các La Hán và các Thánh Hiền có tầm nhìn vô giới hạn thì hiếm có như hoa của cây Udambara[1]. Các La Hán được sinh ra vào lúc nửa đêm, cùng với cây thiêng có chín và bảy thân, đoá hoa thiêng mở rộng và trổ ra trong bóng tối, nhờ sương tinh khiết và trên luống giá lạnh của các đỉnh cao phủ tuyết, các đỉnh mà không bàn chân tội lỗi nào dẫm lên.

C.W.L.- Ở giai đoạn tiến hóa hiện nay, số người đạt đến trình độ La Hán hãy còn rất ít. Đó là lẽ đương nhiên, vì nhân loại được mong đợi đạt đến cuộc điểm đạo của bậc Asekha (điểm đạo thứ năm – ND) chỉ vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy, còn giai đoạn La Hán thường trước cuộc điểm đạo thứ năm chỉ khoảng bảy kiếp sống mà thôi.

---

[1] Udambara tree: Cây Ưu đàm (hay Ưu đàm ba la), Linh thọ. Theo truyền thuyết, cây này được 3.000 năm mới trổ hoa một lần (gọi là Ưu đàm hoa hay hoa đàm). Mỗi lần ra hoa sẽ có Phật ra đời, hoặc có Luân Vương (hay Chuyển Luân Vương, hay Chuyển Luân Thánh Vương) xuất thế.

Chuyển Luân Vương: Vị vua xoay chuyển bánh xe (luân) đạo đức, tức cai trị bằng đạo đức.

(Phật Học Từ Điển – Đoàn Trung Còn)

https://thuviensach.vn

Tuy vậy, quả vị La Hán vẫn hoàn toàn ở trong tầm tay chúng ta. Vấn đề chính yếu là sự hiểu biết của chúng ta nhắm vào mục đích gì, và kế đó là dùng ý chí của chúng ta để đạt mục đích đó. Dưới ảnh hưởng của Đức Phật, nhiều ngàn người đã trở thành La-Hán. Tất cả đều là nhờ từ điển phi thường của Ngài. Chẳng bao lâu, người kế vị của Ngài sẽ ở cùng chúng ta, và bấy giờ chúng ta cũng sẽ có những hoàn cảnh thuận lợi phi thường.

Tính biểu tượng của đoạn kinh văn này có lẽ có nhiều cách giải thích khác nhau. Thời điểm nửa đêm (midnight
237 hour) có thể được xem như lúc tối tăm nhất trước lúc bình minh, lúc mà thí sinh dường như bị mọi người bỏ rơi, ngay cả Thầy của y nữa. Chính ở cuộc Điểm Đạo thứ tư mà nguyên khí thứ bảy([1]) bắt đầu hoạt động, khi đạo sinh tiến đến cõi Niết Bàn.

Linh thọ (cây thiêng) có bảy thân có thể tượng trưng cho điều này, và con số chín cũng thế, bởi vì nguyên khí thứ bảy đó thật sự là ba trong một, nguyên khí này cùng với sáu nguyên khí kia làm thành chín. Người theo Ấn giáo (the Hindus) xem con số chín là con số thiêng liêng nhất.

Chỉ bằng cách vượt qua các thử thách lớn lao nhất, bằng cách lao xuống tận các vực sâu thẳm tăm tối, mà thí sinh mới có thể đạt được các đức tính cần có cho cuộc điểm đạo này.

---

[1] Trong con người có 7 nguyên khí: 1) Prana (thể dĩ thái); 2) Kama (thể cảm dục); 3) Manas thấp (thể hạ trí); 4) Manas cao (thể Chân Ngã); 5) Buddhi (thể trực giác); 6) Atma (Linh Thể); và 7) Chân Thần là nguyên khí thứ bảy (seventh principle). (Trích: Ánh Sáng của Linh Hồn, trang 74). Nguyên khí là phương thức (mode) để biểu lộ sự sống. (Trích Minh Triết Nghìn Xưa, trang 89).

https://thuviensach.vn

Đoá hoa thiêng mở rộng và nở ra trong bóng tối đó, nhưng điều đó dẫn đến sự phát triển trên cõi Bồ Đề.

173.- Hỡi đệ tử, không một ai trở thành La Hán trong kiếp sống mà lần đầu tiên Linh Hồn bắt đầu khao khát sự giải thoát cuối cùng. Tuy nhiên hỡi kẻ đang nóng lòng kia, không một chiến sĩ nào sẵn sàng chiến đấu trong cuộc chiến khốc liệt giữa sống và chết, cũng như không một chiến sĩ mới nào bị từ chối quyền bước vào con đường dẫn đến chiến trường.

174.- Bởi vì hoặc ngươi sẽ thắng, hoặc ngươi sẽ bại.

175.- Đúng vậy, nếu thắng, ngươi sẽ đạt đến Niết Bàn. Trước khi ngươi quăng bỏ hình bóng, tức vòng cuộn hữu tử của mình, cái nguyên nhân quan trọng của nỗi thống khổ và đau đớn vô hạn đó, con người sẽ vinh danh một vị Phật vĩ đại và thánh thiện trong ngươi.

238 ***176.- Và nếu có vấp ngã, thì ngay cả sự vấp ngã ấy cũng không vô ích; các kẻ thù mà ngươi giết được trong trận chiến cuối cùng sẽ không còn sống trở lại trong kiếp hậu lai nữa, kiếp sống đó sẽ thuộc về ngươi.***

177.- Nhưng nếu ngươi muốn đạt đến Niết Bàn, hoặc không nhận lấy phần thưởng đi nữa, thì cũng đừng để cho kết quả của sự hành động và không hành động là động cơ của ngươi, hỡi kẻ có trái tim dũng cảm.

178.- Hãy biết rằng bậc Bồ Tát đổi sự tự do lấy sự từ bỏ để nhận chịu các đau khổ của đời sống huyền bí, được gọi là Đấng được vinh danh ba lần, hỡi kẻ chịu phiền muộn qua khắp các chu kỳ.

https://thuviensach.vn

Đại Đức T. Subba Row lý giải sự đấu tranh giữa sống với chết như là sự đối đầu giữa những kẻ hiểu biết với kẻ thiếu hiểu biết. Nên nhớ rằng cách phân biệt này cũng được Đức Thầy Kuthumi dùng để dạy Alcyon. Ngài giảng rằng chỉ có hai hạng người, đó là kẻ hiểu biết và kẻ không hiểu biết, tức những người đã thấy được đường đạo và kẻ chưa thấy đường đạo. Ngài cũng nói rằng những kẻ đáng được thương hại nhất không phải là kẻ có tư tưởng hẹp hòi (the bigoted) và kẻ thiếu khoan dung, mà là hàng triệu người không biết rằng còn có một điều gì đó nằm ngoài cái thế giới đáng phấn đấu này, và hạnh phúc trong sự vô minh của họ.

Bà Blavatsky thì giải thích rằng sự đấu tranh giữa sống với chết chính là sự đấu tranh diễn ra giữa Chân Ngã bất tử với phàm ngã thấp kém.

Đối với những ai thực sự muốn tiến gần hơn đến con đường huyền linh, cánh cửa không bao giờ đóng lại. Người nào muốn làm thế, chắc chắn được cho cơ hội để thử thách. Và khi đó cho dù thất bại, việc đó cũng sẽ không trở thành vô ích, vì một số kẻ thù địch của y, tức là các tật xấu và các
239 nhược điểm của y, sẽ bị huỷ diệt và sẽ không gây phiền toái cho y trở lại. Ít có người nào phạm sai lầm tệ hại đến nỗi bị đặt trở lại vào một trình độ thấp kém hơn một cách rõ rệt trong kiếp sống, chẳng hạn như ở Ấn Độ, bị đặt vào một giai cấp thấp kém; nhưng nếu một người thực hành ma thuật chứa nhiều tà lực mạnh mẽ và tự mình nỗ lực nhiều theo đường lối đó, thì y có thể giật mạnh toàn bộ phàm ngã ra khỏi Chân Ngã, và tạo ra nghiệp quả xấu đến nỗi cần phải để cho y đi lùi trở lại vào các tình trạng sơ khai. Các trường hợp như thế rất ít khi xảy ra. Một người thực sự không xứng hợp với giai cấp của mình thì thường thường bị đẩy trở lại vào các

https://thuviensach.vn

hoàn cảnh không thuận tiện trong cùng giai cấp đó hay là ngay dưới giai cấp đó. Tuy nhiên, sẽ là cực kỳ thiếu sáng suốt nếu không cố gắng vươn lên bởi vì có thể có nguy cơ rơi ra khỏi một vị thế cao và nhiều trách nhiệm hơn.

Mặt khác, theo câu kinh nói trên, một người đạt đến Niết Bàn sẽ được tôn vinh như là một vị Phật vĩ đại và thánh thiện (a great and holy Buddha). Dĩ nhiên, theo nghĩa chuyên môn, vị La Hán không phải là một vị Phật (Buddha). Nhưng Ngài là Phật theo nghĩa là sáng suốt (wise) hay là giác ngộ (enlightened).

Bà Blavatsky lý giải rằng "đời sống huyền bí" ("the secret life") là đời sống của Đấng Ứng Thân (Nirmanakaya). Sự cao cả của Ngài nằm khuất khỏi tầm mắt con người, tuy Ngài vẫn tiếp tục sinh hoạt trong thế giới này.

240 Ở đây thuật ngữ này được dùng theo một nghĩa tổng quát, không những để chỉ các vị ở lại trên ngưỡng cửa giải thoát để làm đầy kho chứa năng lực tinh thần, mà còn chỉ tất cả những vị vẫn ở lại sau, như vậy gồm cả các Thành Viên chính thức của Đại Đoàn Chưởng Giáo, chẳng hạn như các Chân Sư của chúng ta. Tuy vậy thường thường ngày nay chúng ta dùng danh xưng đó để chỉ các vị đi theo một trong bảy con đường lớn, sau khi được điểm đạo lần thứ năm. Đó là các vị bổ sung cho kho năng lượng.

Ở đây, một lần nữa, chúng ta gặp ý niệm về "con đường đau khổ" (path of woe). Cách diễn tả này có hơi sai lầm, và đúng hơn đó là sự lạm dụng thuật ngữ "đau khổ". Chính xác là một Chân Sư đang sử dụng thể xác thì không có được cái lạc phúc hoạt động trên cõi Niết Bàn, nhưng Ngài sẽ bật cười

https://thuviensach.vn

với ý tưởng cho rằng Ngài đang đau khổ. Khi có được Niết Bàn thức (nirvanic consciousness), người ta không hề mất nó khi còn giữ xác thân, trừ khi tích cực đặt tâm trí vào các cõi thấp. Bất cứ lúc nào, giữa khi viết hai lá thư hoặc phụ trách hai phần của công việc trên cõi trần, người có Niết Bàn thức có thể lướt nhanh tức khắc vào tâm thức cao, và tiến hành công việc trên cõi đó một cách vô cùng vừa ý, và, nói chung đầy nét rực rỡ, đầy lạc phúc hơn là bất luận người nào có thể tưởng tượng ở cõi trần.

Quả thực là khi từ các cõi cao trở lại cuộc sống hồng trần cũng giống như đi từ nơi có ánh mặt trời vào ngục tối; nhưng bạn sẽ không còn cho cảnh đó tối tăm nữa nếu trong chỗ đó có người nào mà bạn rất thương mến và mong muốn giúp đỡ. Cuộc sống hồng trần nhất định dính líu đến việc từ bỏ cái huy hoàng ở cõi cao: nhưng rõ ràng là mục đích giúp đời làm tràn ngập linh hồn đến mức mà chắc chắn là linh hồn không có đau khổ nào nữa. Thật ra, dù ở một trình độ tiến hóa rất thấp kém đi nữa, khi một người biết được rằng có người nào đó đang đau khổ và đang cần sự giúp đỡ thực sự mà mình có thể đem lại, tuy thế y lại làm ngơ mà xa lánh để tìm vui nơi khác, thì sau đó y cảm thấy rất băn khoăn vì ân hận, cho nên nỗi buồn khổ của y cuối cùng sẽ trở thành lớn hơn là nếu y từ bỏ thú vui của mình ngay lúc đầu. Thực ra, cái hạnh phúc lớn nhất đối với tất cả chúng ta đều xuất phát từ cách làm điều tốt lành nhất mà chúng ta biết được.

241 Có một số lớn đạo sinh không thực sự thất bại, nhưng lại có hiểu biết thiếu chính xác nên khó tiến bộ. Nhiều người trong số đó đôi khi lại bị nản chí và có cảm giác rằng nỗ lực của họ trở thành vô ích, bởi không có một cái gì chứng tỏ họ tiến bộ. Các đạo sinh này đừng nên để cho mình bị ngã lòng,

https://thuviensach.vn

vì việc đó làm hỏng bầu khí cõi cảm dục đối với người khác, như vậy là ích kỷ. Nhưng hoàn toàn tách ra khỏi việc đó, thì thực là thiếu sáng suốt, bởi vì họ nên hiểu rằng lúc nào họ cũng đang tạo ra tiến bộ thực sự ở bên trong. Từ lâu với bộ óc hồng trần, họ cũng biết được điều đó, ấy là thể cảm dục và có lẽ thể trí nữa, đã được sắp xếp ngăn nắp nhờ sự thiền định của họ, và có thể họ đang làm được công việc rất rõ ràng và rất hữu ích ở các thế giới bên trong theo những cách nào đó. Toàn bộ sự sống có thể dường như là một thất bại, tuy nhiên nhiều điều đã làm sẽ lại được tiến hành trong kiếp sống sau, và bấy giờ, có thể tạo ra một tiến bộ nổi bật nào đó, có lẽ ngay trên cõi trần.

Trong bất cứ kiếp sống đã định nào, con người đều phát triển cả tính xấu lẫn tính tốt. Các tính xấu tự lộ ra trong bốn cõi phụ thấp của cõi cảm dục. Vì các cõi phụ này phản chiếu lại ảnh hưởng của chúng chỉ trên bốn cõi phụ thấp của cõi trí mà thôi, cho nên chúng không tác động đến Chân Ngã một chút nào. Các tình cảm tốt nhất có thể kích động được trong ba cõi phụ cao của cõi cảm dục đều thuộc loại tốt lành như là tình thương, thiện cảm và sự tận tụy/sùng tín (devotion). Các tình cảm này tác động vào Chân Ngã trong thể nguyên nhân (causal body), vì thể này khu trú trong các cõi phụ tương ứng của cõi trí. Do đó, mọi tình cảm và tư tưởng thuộc loại cao đều có thể được nhìn thấy, ngay cả một cách máy móc, có kết quả kéo dài trong Chân Ngã. Vì lẽ chính Chân Nhân bước
242 vào Thánh Đạo, nên Chân Nhân mới tạo ra những bước tiến bộ hoàn toàn rõ rệt theo mọi nỗ lực đúng đắn. Thế nên không có lý do gì để thất vọng cả, cũng như không có lý do gì để gác

https://thuviensach.vn

lại ngày mai những gì mà chúng ta có thể làm ngày hôm nay chỉ vì chúng ta không thể làm mọi việc cùng một lúc.

179.- Hỡi đệ tử, Thánh Đạo chỉ có một, tuy nhiên cuối cùng là hai. Các giai đoạn của nó được đánh dấu bằng bốn cổng và bảy cổng. Ở một đầu là sự toàn phúc ngay trước mắt, còn ở đầu kia là sự toàn phúc bị trì hoãn. Cả hai đều xứng với phần thưởng: tuỳ ngươi chọn lựa.

180.- Một con đường trở thành hai, là hiển (open) và mật (secret). Con đường thứ nhất dẫn đến mục tiêu, con đường thứ hai đưa đến việc tự hy sinh.

181.- Khi hy sinh cái phù du để lấy cái trường tồn, thì phần thưởng thuộc về ngươi; giọt nước trở lại nơi mà nó phát sinh. Con Đường công khai (the open Path) đưa đến sự biến chuyển bất di bất dịch – là Niết Bàn, trạng thái tuyệt đối đầy huy hoàng, sự chí phúc vượt ngoài sự tưởng nghĩ của con người.

182.- Như vậy, con đường thứ nhất là sự giải thoát.

Vâng, chỉ có một con đường, và đó là bằng việc khai mở cá tính. Về phương diện này không có giới hạn nào đối với các năng lực của Chân Ngã. Các tính chất cao quí nhất của những người vĩ đại nhất đều tồn tại dưới dưới dạng chồi non trong mọi huynh đệ chúng ta và sớm hoặc muộn cũng sẽ nỡ ra thành hoa. Cuối cùng khi con người đã làm xong tất cả những gì có thể có được trong giới nhân loại, với các giới hạn của bộ óc con người và hoàn cảnh chung quanh, con đường trở thành hai, và người ta phải chọn giữa sự giải thoát với sự từ bỏ. Ở đây, thuật ngữ giải thoát có nghĩa là chấp nhận Niết
243 Bàn, mặc dù đôi khi thuật ngữ đó được dùng để chỉ việc

https://thuviensach.vn

thoát khỏi vòng luân hồi, như chúng ta đã thấy khi nghiên cứu quyển *Dưới Chân Thầy*.

Những ai không theo Huyền Môn (White Lodge) thì dùng các phương pháp khác, thường mở được các quyền năng tâm thông đến một mức độ tương đối cao. Nhưng vì con đường bán chính bán tà (the path of grey magic) không bị rào quanh bởi các hạn chế, như là những gì được Huyền Môn giảng dạy, nên chẳng sớm thì muộn con người cũng lạm dụng các quyền năng của mình vì sự cám dỗ quá mạnh. Tuy nhiên, đôi khi những người đi theo các con đường khác, cuối cùng nhờ tiếp xúc được với giáo lý chân chính, nên chính họ tự nguyện tiến đến với Huyền Môn. Đặc biệt ở Châu Mỹ có một số lớn giáo lý về huyền linh học được phổ biến hoặc ít hoặc nhiều thuộc loại bán chính bán tà. Nhưng con đường đích thực chỉ có một, đó là Con Đường Thánh Thiện, là xây dựng tính cách (character).

Bốn cổng được nói đến ở đây là bốn cuộc điểm đạo đưa đến quả vị La Hán, được mô tả chi tiết trong *Chân Sư và Thánh Đạo*. Một cách sắp xếp khác chia con đường thành bảy giai đoạn, như chúng ta sẽ thấy trong Đoạn ba của sách này.

Ở các trình độ thành đạt cao siêu nhất trên đường Đạo này, người tìm đạo sẽ phục hồi ký ức về các kiếp sống đã qua, mặc dù đồng thời, tâm thức của người tìm đạo sẽ mở rộng phi thường, để thu nhận vào tâm thức của những đám sinh linh lớn lao, và y sẽ nhận thức rằng năng lực và tình thương của y không phải là của riêng y, mà là của Thượng Đế. Chỉ có sự chia rẽ biến mất, và nhìn lại sau y sẽ thấy rằng mình đã đang sống dưới một ảo tưởng của sự chia rẽ. Y cũng

https://thuviensach.vn

sẽ thấy rằng các tiền kiếp của y rất tầm thường; rằng bước ngoặt trong các kiếp sống đó thường không phải là các biến cố mà y xem như là nổi bật và quan trọng nhất khi y đang trải qua chúng, mà rất thường khi các sự việc nhỏ của đời sống hằng ngày mới là các biến cố thật sự tạo ra sự tiến bộ quan trọng nhất.

183.- Nhưng Con Đường thứ hai là từ bỏ, do đó được gọi là Con Đường đau khổ.

184.- Con đường huyền bí đưa vị La Hán đến sự khổ trí không thể tả, khổ vì thấy người sống mà như chết và xót thương nhưng bất lực trước những người chịu khổ đau vì nghiệp báo ứng; các bậc Thánh cũng không dám làm giảm nhẹ hậu quả của karma.

185.- Sách có câu: "Hãy dạy tránh xa mọi nguyên nhân, còn cơn sóng của hậu quả, như đợt sóng thần, ngươi sẽ để mặc cho nó lướt qua."

Câu nói "nỗi khổ tâm không thể tả" của vị Arhan (cách viết khác của chữ Arhat) trên con đường huyền bí có ý nói là nỗi khổ xuất phát từ sự đồng cảm. Vị La Hán thấy được mọi nỗi đau của thế gian; nhưng cùng lúc đó, người cũng thấy được mọi nỗi vui. Người cảm thấy nỗi thương cảm thật lớn lao đối với "kẻ sống mà như chết" ("the living dead"), nghĩa là, đối với đa số nhân loại, những kẻ thậm chí không biết rằng có một điều gì đó cần phải nỗ lực đạt tới.

Kế đến, hàm ý thứ hai đó là "nỗi thương xót nhưng bất lực" ("helpless pity") dâng lên khi thấy cái khổ đau do nghiệp báo, tức là những hậu quả của hành động dại dột mà vị La Hán không thể – đúng hơn chúng ta nên nói là không dám – làm cho nhẹ bớt. Chúng ta có thể giảng giải cho con

https://thuviensach.vn

người nguyên lý của nghiệp báo, để họ có thể lãnh nhận kinh nghiệm đau khổ của mình theo cách tốt nhất, như thế làm giảm nhẹ nỗi khổ đến một mức nào đó, chứ chúng ta không thể hoá giải được những hậu quả của các hành động trong tiền kiếp.

245 Ngay như trong Cơ Đốc giáo công truyền, việc "xá tội" ("forgiveness" of sins) cũng không được giải thích theo ý nghĩa rằng những hậu quả của tội lỗi sẽ được xóa bỏ. Thí dụ trong Giáo Hội Anh Giáo(1), khi một giáo sĩ được thụ phong và được trao cho quyền xá tội, theo đúng các lời được cho là của Đức Christ trong Thánh Kinh Cơ Đốc giáo đó là "***Bất kể tội lỗi như thế nào mà ngươi tha thứ, các tội đó sẽ được tha, bất cứ tội nào mà ngươi giữ lại, chúng sẽ được giữ lại***", câu này được giải thích cho vị giáo sĩ rằng những gì mà vị giáo sĩ có thể làm là đặt kẻ phạm tội trở lại con đường công chính theo với Chúa, khi mà do tội lỗi của y, kẻ phạm tội đã tự đặt mình vào chỗ sai trái, hay là nói cách khác, vị giáo sĩ có thể chuyển hướng người đó một lần nữa vào đường tiến hóa, sau khi y đã đặt chính y theo hướng ngược lại và như thế làm bế tắc sự tiến bộ của chính y. Đàng sau quan niệm của Cơ Đốc Giáo đó có một ý tưởng đẹp đẽ, nhưng đẹp hơn cả vẫn là nhận thức của Khoa Minh Triết Thiêng Liêng rằng người ta không bao giờ có thể tách rời khỏi Đấng Thiêng liêng (the

[1] Anh Giáo (Anglican): Một trong 5 phái của Cơ Đốc giáo, đa số tín đồ ở tại Anh, Nữ Hoàng Anh là vị lãnh đạo thế tục của Anh Giáo, có quyền bổ nhiệm chức Tổng Giám Mục, Giám Mục. Hiện tại (2007) có khoảng 78.745.000 tín đồ.

https://thuviensach.vn

Divine), rằng cho dù con người rơi vào chốn a-tỳ(1) thì cũng vẫn là một phần của Thượng Đế.

Thường xảy ra sự việc là các đạo sinh có đức hạnh và có lòng nhiệt thành lại cố tránh chuyện giúp đỡ vì e ngại mình can thiệp vào nghiệp báo của một người nào đó. Không một ai có thể can thiệp vào Luật Nghiệp Quả cả, cũng như không thể can thiệp vào luật hấp dẫn vậy. Nếu bạn giữ một quyển sách trong tay, nó mang thế năng của trọng lực, lúc mà lực bạn đang dùng để giữ quyển sách bị thu hồi lại, quyển sách sẽ rơi xuống. Luật karma cũng tác động giống như thế. Karma chưa được thanh toán cũng giống như thế năng (potential energy); nó có thể bị treo trong nhiều ngàn năm hay trong hàng trăm kiếp sống, nhưng khi đến lúc, karma sẽ tự biểu lộ(2).

---

1 *A-tỳ*: phiên âm từ thuật ngữ Avichi hay Avitchi. Một trạng thái (state) không nhất thiết chỉ có sau khi chết hay ở giữa hai lần hóa sinh (birth), vì trạng thái này có thể cũng xảy ra trên cõi trần (on earth). Nghĩa đen: "vô gián địa ngục" ("interrupted hell"). (Theosophical Glossary, 1971)

2 Karma, tức nghiệp báo sẽ hiện ra trong một kiếp sống ở cõi trần dưới hình thức nhiều thứ bệnh (như ung thư, động kinh, đau bao tử…) hoặc dưới hình thức các khuyết tật (như lưng gù, dị dạng, mù loà, câm điếc…). Ngoài ra trước lúc đi đầu thai, trạng thái cao nhất của Linh Hồn, tức là Hồn Thiêng, được tham khảo ý kiến xem có sẵn sàng thanh toán nghiệp quả trong kiếp sống tới hay không, nếu Hồn Thiêng chưa nhận trả, thì Karma còn được gác lại. Muốn biết thêm về cách tác động của nghiệp quả, xin đọc quyển The Wheel of Rebirth của tác giả H.K. Chalonner (1894-1987), một đệ tử của Chân Sư. Sách này đã được dịch dưới tên "Vòng Luân Hồi". (ND).

https://thuviensach.vn

246 Đôi khi người ta nghĩ tưởng Karma là một luật nghiệt ngã (merciless). Nhưng không phải như thế đâu. Luật karma cũng vô tư (impersonal, không thiên lệch bên nào) như bất cứ luật thiên nhiên nào khác. Trên cõi trần, các thiên luật tác động mà không bận tâm đến các ý định xấu hoặc tốt gì cả. Nếu một đứa trẻ rơi vào vực sâu, thì mức độ bị thương mà nó hứng chịu sẽ tuỳ thuộc vào độ cao lúc rơi, đất cứng hoặc mềm, chứ không tuỳ thuộc chút nào vào lý do đạo đức như là đứa trẻ đang cố gắng kéo một người bạn ra khỏi chỗ nguy hiểm, hay là đứa trẻ muốn hái hoa cho mẹ nó, hoặc là nó tự lao mình theo một cơn cảm xúc mạnh mẽ. Tương tự, nếu một người nắm vào một thanh sắt nóng, y có thể làm như thế để ngăn chặn không cho thanh sắt ngã vào kẻ khác, hoặc với ý định đánh người bằng thanh sắt đó, trong cả hai trường hợp bàn tay sẽ bị thương như nhau. Đó là cách mà karma tác động trên cõi trần. Nhưng trên cõi trí thì các ý định có giá trị rất đáng kể, vì chúng ta tạo ra chính tính tình chúng ta trong tương lai bằng việc suy tư của chúng ta.

Thế nên đừng bao giờ lẩn tránh việc giúp đỡ khi có thể giúp được. Khi bạn đã làm hết sức mình mà vẫn thất bại, lúc ấy bạn có thể nói: "Nghiệp quả của người này không cho phép y được giúp đỡ", hoặc là nói cách khác, "Nghiệp quả của tôi không để cho tôi có đặc ân giúp đỡ người đó", nhưng chỉ thế thôi. Tất cả những gì thực sự có ý nghĩa đó là chúng ta làm việc vì kẻ khác. Việc làm có tính chất rộng mở và chất chứa lại. Nếu bạn dẫn dắt một người đến với Minh Triết Thiêng Liêng, thì người này có thể dẫn dắt thêm mười người khác, và mỗi một trong số mười người này, lại dẫn dắt thêm cho mười người khác nữa.

https://thuviensach.vn

Câu kinh "dẫu cho thánh hiền cũng không dám làm nhẹ bớt hậu quả của karma" chúng ta có thể hiểu theo một nghĩa khác, đó là dù cho một vị Chân Sư cao cả muốn hóa giải một điều xấu rõ rệt nào đó – ví dụ như hóa giải mọi cảnh nghèo
247 khổ – Ngài sẽ không tạo nên một sự tốt lành thực sự, mà chỉ đi ngược lại Thiên Luật thôi. Tôi không có ý nói rằng Thượng Đế muốn điều tệ hại như thế. Sẽ là điều báng bổ khi nói rằng kế hoạch của Ngài tất yếu bao gồm cả sự đau khổ, rằng Ngài gây ra điều đó. Đau khổ chỉ đến do chúng ta làm những gì mà Thượng Đế đã dứt khoát bảo ta đừng làm. Thành thật mà nói, mọi người đều gặp đau khổ. Theo chỗ chúng ta biết, xưa nay không một ai đã luôn luôn chọn điều đúng và không bao giờ tạo ra những lỗi lầm, nhưng sự đau khổ đã luôn luôn bắt chúng ta vào đúng chỗ khi mà chúng ta không chịu học theo bất cứ cách nào khác, và như thế thiên luật đã làm cho tất cả chúng ta chắc chắn cuối cùng sẽ đạt đến cái chí phúc khôn tả của Niết Bàn.

186.- Ngay khi đạt đến mục tiêu của nó, con đường hiển (open way) sẽ khiến ngươi loại bỏ thân Bồ Tát, và làm cho ngươi nhập vào ba trạng thái huy hoàng của Dharmakaya (Pháp Thân), quên đi thế gian và con người mãi mãi.

187.- Con đường mật (secret way) cũng dẫn đến chí phúc của cõi Đại Niết Bàn, nhưng mà vào lúc kết thúc vô số Thiên Kiếp. Niết Bàn có được và bị mất đi do lòng thương xót và từ bi vô lượng dành cho cõi trần gian của chúng sinh nhẹ dạ.

188.- Nhưng lời tục có nói: "Cái cuối cùng sẽ là cái vĩ đại nhất". Samyak Sambuddha, Đức Thầy hoàn thiện, đã từ bỏ cái Ngã của mình để cứu độ thế gian, bằng cách dừng lại ở ngưỡng cửa Niết Bàn, trạng thái thanh khiết.

https://thuviensach.vn

Chúng ta đã xem xét về tam thân (three vestures)([1]) và thấy rằng không một ý tưởng vị kỷ nào còn có thể gắn liền với vị đã chọn thân nào trong tam thân đó. Giống như các huyền giai đại định (contemplative orders), các Đấng Ứng Thân([2]) cung ứng thần lực thiêng liêng (spiritual force) vào kho dự trữ để cho các Chân Sư sử dụng, vì các Chân Sư có tiếp xúc với thế giới chúng ta. Có khoảng 50 hoặc 60 trạm (posts) mà các Đấng này có thể cung ứng thần lực. Đấng Nirmanakaya vẫn giữ lại các nguyên tử thường tồn của Ngài, và do đó, theo tôi nghĩ, khi cần, Ngài có thể thế vào một trong các trạm này, nếu nó bị bỏ trống. Trạm của Đức Bồ Tát trở nên khuyết một lần trong mỗi căn chủng, nhưng, có sẵn nhiều Đấng Ứng Thân được bổ nhiệm để thế vào chức vụ

---

[1] Tam thân: ba thân (Anh: Three vestures; Pháp: Trois corps). Theo các Kinh Phật, cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa, Đức Phật tuy là một thân mà gồm cả ba thân. Đó là:

a/ Pháp Thân (B.Ph.: Dharmakaya; Pháp ngữ: Corps d'essence), chính là Chơn Thân, Chơn Như, Tự Tánh, vẫn thường trụ, không sinh, không diệt, không mắc vào tứ khổ (sinh, lão, bệnh, tử).

b/ Báo Thân (Sambhogakaya): Cái thân hiện ra do quả báo, thân này còn chịu tứ khổ.

c/ Ứng Thân, hay Ứng Hoá Thân, hay Hóa Thân (Nirmanakaya): Tuỳ cơ duyên của chúng sinh, Phật có thể hiện thành các thân khác như Bồ Tát, Thinh Văn, Chư Thiên, nhân loại… để giáo độ. (Trích Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn).

[2] Đấng Ứng Thân: Nirmanakaya. Hầu hết các Đấng Ứng Thân đều đã được điểm đạo lần thứ sáu hoặc thứ bảy. (Trích "Cung và Điểm Đạo" của A. Bailey trang 735). Muốn biết thêm công việc của các Đấng Nirmanakaya, hãy tra mục từ này trong quyển "Thuật Ngữ Huyền Học". (ND).

https://thuviensach.vn

(office) đó rất lâu về sau này, hiện giờ các Ngài đang được chuẩn bị. Nhiều vị trong số đó đã trở thành La Hán trong kỳ lâm phàm của Đức Phật, vẫn còn ở dưới hình thức các Đấng Nirmanakayas nhờ vào giáo lý của Phật.

Tất cả các chức vụ và vị trí đó đều phải được điền vào và những vị từ bỏ Niết Bàn chỉ tự nguyện làm những gì mà chúng ta có thể gọi là công việc khổ ải (dirty work). Nếu người ta có thể diễn tả được như thế, thì vị Adept không cảm thấy sự mất mát quá nhiều lạc thú, vì cái tri thức đang hoạt động trên cõi Niết Bàn sẽ có hiệu quả nhiều hơn cả triệu lần so với cõi bên dưới. Và tuy thế phải có một người nào chịu đảm trách công việc thấp đó. Trong hệ thống của Thượng Đế, một chút việc nhỏ nhất cũng cần thiết như việc lớn nhất, giống như việc tra dầu mỡ cho một đầu máy lớn cũng cần thiết như việc lái cái máy đó vậy.

Thân Bồ Tát (Boddhisattvic body) được nói đến ở đây là thân của tất cả những vị (đã giải thoát – ND) còn ở lại để giúp đỡ ([1]) thế gian (to help the world) – chứ không phải chỉ có thân của một số rất giới hạn của những vị sẽ thành Phật sau này.

Dừng lại ở ngưỡng cửa Niết Bàn có nghĩa là một vị đã giải thoát không nhập vào Niết Bàn và hoàn toàn rời bỏ các cõi thấp, như một số vị đã làm, và như Đức Phật có thể đã làm nếu Ngài chọn cách đó. Như thế, vị nào chọn cách ở lại, đều có tâm thức cao đến mức độ đầy đủ nhất, và cũng giữ được tâm thức cao đó cho dù xuống tận cõi trần, và như thế, có thể hoạt động trên bất luận cảnh giới nào khi cần.

[1] Hộ độ: giúp đỡ (hộ) và dìu dắt (độ)

https://thuviensach.vn

Người ta nói rằng, ở trình độ của Ngài, Đức Phật được tự do trong thái dương hệ này, Ngài có thể đi đến bất luận hành tinh nào trong số các hành tinh của thái dương hệ, giống như một số người trong chúng ta có thể di chuyển đến các hành tinh khác thuộc dãy hành tinh chúng ta. Tuy thế, ngay cả đối với Ngài, hẳn phải có một giới hạn, vì Ngài chưa nhập vào tâm thức của Thượng Đế. Tôi không biết liệu tâm thức của Phật có bao gồm mặt trời hay không. Có lần Đại Đức T. Subba Row nói rằng mặt trời là một nơi có sự sống mãnh liệt đến nỗi ngay cả một vị Dhyan Chohan cũng khó nhập vào.

Dường như cõi Bồ Đề có thể đưa chúng ta đến bất cứ nơi nào trong khắp dãy hành tinh chúng ta. Tâm thức Niết Bàn muốn ám chỉ là tâm thức ở bất cứ nơi nào trong thái dương hệ. Ở cuộc điểm đạo thứ tư, con người đạt đến cõi Niết Bàn, nhưng điều đó không có nghĩa là có được tâm thức đầy đủ của cõi này. Đó chỉ mới tiến nhập vào phần thấp nhất (lowest part, cõi phụ thấp nhất) của cõi Niết Bàn, và người ta vẫn phải tiến lên, hết cõi phụ này (sub-plane) đến cõi phụ khác, cho đến khi có được tâm thức đầy đủ của cõi Niết Bàn.

Về trường hợp Đức Phật, người ta tin rằng Ngài đã đạt đến Đại Niết Bàn (Paranirvana). Như vậy Ngài có thể xem xét các mức độ khác của cõi Nirvana – tức là các cõi phụ khác của cõi Atma (cõi Niết Bàn), rồi đến hai cõi trên đó của hệ thống chúng ta (là cõi Đại Niết Bàn và Tối Đại Niết Bàn – ND), và tiếp tục đi vào các cõi vũ trụ cao hơn([1]).

[1] Bảy cõi của Thái Dương Hệ chúng ta (từ cõi hồng trần cho đến cõi Tối Đại Niết Bàn) đều thuộc về cõi Hồng Trần Vũ Trụ, vậy "các

https://thuviensach.vn

189.- Giờ đây ngươi biết được hai con đường. Hỡi linh hồn nhiệt tình kia, sẽ đến lúc chọn lựa khi ngươi đã đến được cuối đường và đã vượt qua được bảy cổng. Tâm trí ngươi sáng tỏ. Ngươi không còn bị vướng mắc vào các ý tưởng lừa dối, vì ngươi đã học được tất cả. Chân lý hiện ra và nghiêm nghị nhìn vào mặt ngươi. Chân lý lên tiếng:

250 *190.- "Ngọt ngào thay những quả của sự an nghỉ và giải thoát cho bản ngã; nhưng những quả của nhiệm vụ lâu dài và cay đắng còn ngọt ngào hơn: ấy là sự từ bỏ vì kẻ khác, vì những huynh đệ đang đau khổ".*

191.- Vị Bồ Tát đã thắng được cuộc chiến, nắm được phần thưởng trong tay, tuy nhiên, với lòng từ bi thiêng liêng, Ngài nói:

192.- "Vì lợi ích của những người khác, tôi nhường phần thưởng to tát này", như thế Ngài hoàn thành được hạnh từ bỏ vĩ đại.

193.- Ngài là Đấng Cứu Thế.

* * * *

194.- Xem này ! Mục tiêu của sự chí phúc và Thánh Đạo dài đầy đau khổ ở nơi tận cùng xa thẳm. Ngươi có thể chọn một trong hai, hỡi kẻ chí nguyện hướng tới phiền não, suốt các chu kỳ sắp đến !

Aum vajrapani hum….

Việc từ bỏ lớn hơn là từ bỏ công việc cao cả, sau khi gặp được nó, để làm một việc kém quan trọng mà chúng ta thấy

---

cõi vũ trụ cao hơn" có lẽ là Cõi Cảm Dục Vũ Trụ, Cõi Trí Vũ Trụ v..v… (ND).

https://thuviensach.vn

là cũng cần thiết. Vấn đề như là việc từ bỏ các ham muốn của phàm ngã là một từ bỏ hoàn toàn thấp hơn.

Ở đây chúng ta đừng nên đưa vào trong tư tưởng chúng ta bất cứ một chút ý tưởng thường thấy nào của Cơ Đốc Giáo về một Đấng Cứu Thế sẽ đến để cứu chúng ta ra khỏi sự hành phạt đời đời. Dĩ nhiên ý tưởng này không gì khác hơn là một sự lệch lạc khủng khiếp của giáo huấn đích thực có từ thuở đầu của Cơ Đốc giáo, về thí dụ nói rằng của Origen, kẻ tin vào việc con người được thánh hoá qua Đức Christ. Bất cứ người nào đã lên đến sự hiệp thông đích thực (true
251 communion) với Chơn Sư thì đã trở nên đồng nhất với Ngài, và an toàn hay chắc chắn hoàn tất việc bước vào Thánh Đạo trong chu kỳ hiện nay. Ý nghĩa ban đầu của thuật ngữ "cứu độ" ("saved") đã được giải thích trong "*Chân Sư và Thánh Đạo*".

Khi chúng tôi nói các Đấng Nirmanakaya như là Bức Tường Bảo Vệ (Guardian Wall), thì chúng tôi chưa bao giờ hình dung rằng các Ngài đang bảo vệ chúng ta chống lại các tà lực vốn đang chờ cơ hội để chụp xuống nhân loại. Như có nói ở trước, các Ngài bận rộn trong việc cung ứng thần lực cho kho chứa để Đại Đoàn Chưởng Giáo sử dụng vào việc cứu giúp và dìu dắt một cách sáng suốt bất cứ nơi đâu cần, đồng thời cứu nhân loại thoát khỏi nhiều lỗi lầm mà nếu không làm như thế thì nhân loại có thể phạm phải, và thoát khỏi đau khổ có thể do đó sinh ra.

Phần này không kết thúc với câu "Om mani padme hum" như phần thứ nhất, mà với một thần chú (formula) khác: "Aum Vajrapani hum", Vajra có nghĩa là một tiếng sét

https://thuviensach.vn

(a thunder-bolt), cũng có nghĩa là một viên kim cương. Thuật ngữ này nhắc chúng ta về Thần Jove(1) với những tiếng sét của Ngài, và nhớ đến Thần Thor của Na Uy (Norse God Thor). Tiếng sấm này là dorje, tức quyền lực trượng (the rod of power) mà tôi có nói qua trong "*Chân Sư và Thánh Đạo*".

[1] Thần Jove tức là Jupiter trong thần thoại La Mã, tức Vương Thần Zeus trong thần thoại Hy Lạp. (ND).

https://thuviensach.vn

PHẦN III

BẢY CỬA ĐẠO

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG I

CÁC ĐỈNH CAO BA LA MẬT.

196.- Bạch Thầy (Acharya), vì khao khát minh triết, con đã chọn lựa. Giờ đây Thầy đã vén lên bức màn che trước con đường mật, và giảng dạy Pháp Môn vĩ đại nhất. Kẻ phụng sự Ngài đây sẵn sàng tuân theo sự dẫn dắt của Ngài.

C.W.L.- Có một cước chú(1) cho từ ngữ Acharya, nó có nghĩa là một huấn sư tinh thần (spiritual preceptor hay là guru). Trong Phật giáo Bắc Tông, các vị này được chọn trong số những người thánh thiện có học hỏi về gotrabhu-jnana. Gotrabhu là người sẵn sàng cho bất cứ một cuộc điểm đạo nào, người có mọi đức tính và chỉ còn chờ được phép xuất hiện trong cuộc điểm đạo. Gotrabhu-jnana là tri thức về các phẩm tính này. Các Chân Sư – các Cao Đồ (Adepts) thu nhận đệ tử hoặc đệ tử dự bị – là các vị có được tri thức đó.

Thuật ngữ Yana đã được nói đến trong Chương 1, Phần thứ nhất.

---

[1] Cước: chân, phần cuối cùng. Cước chú: chú thích nằm ở cuối trang (footnote).

https://thuviensach.vn

197.- Này hỡi Thinh văn. Hãy tự chuẩn bị, vì ngươi sẽ phải tiếp tục đi một mình. Thầy ngươi chỉ có thể chỉ đường mà thôi. Đối với mọi người, Thánh Đạo chỉ có một, còn các phương tiện để đạt mục tiêu phải thay đổi tuỳ theo kẻ hành hương.

Từ ngữ Shravaka (thinh văn) xuất phát từ ngữ căn "*shru*" có nghĩa là lắng nghe (to listen). Theo cước chú (của bà Blavatsky – ND) thì "Người lắng nghe" ("listener", hàng thinh văn([1])) là người để tâm chăm chú vào các huấn điều tôn giáo, và khi nào, từ lý thuyết, y chuyển thành thực hành hoặc tu khổ hạnh thì y trở thành shramana (sa môn hoặc tỳ kheo), do "*shramay*" là "sự nỗ lực" ("exertion")([2]). Hai thuật ngữ này có nghĩa tương tự như *akoustikoi* và *askitai* trong tiếng Hy Lạp.

Tất cả những ai bước trên Thánh Đạo đều phải đạt được cùng các đức tính (qualities) hay là các hạnh (virtues), nhưng cách luyện tập thì rất khác nhau.

Có bảy mẫu người chính, hay là bảy cung (rays) và tùy theo cung mà mỗi người tìm đạo được thu hút đến các huấn sư thuộc cung của mình. Ngay cả trong cùng một kiểu mẫu, việc dạy dỗ cũng được làm cho thích hợp với các nhu cầu cá nhân, thế nên các đệ tử của một Chân Sư thường nhận được cách huấn luyện hoàn toàn khác nhau. Như thế một Chân Sư có thể gửi một trong các đệ tử của Ngài vào chỗ ẩn cư

---

[1] Thinh: thinh âm hoặc âm thanh: tiếng; văn: nghe. Người tu hạnh xuất gia, thường theo hầu Phật mà nghe pháp.

[2] Sa-môn (shramana) còn gọi là Tỷ kheo, Tỳ kheo (Bhiksu): Người tu xuất gia theo đạo Phật, giữ 250 giới, đi khất thực và ăn ngọ. (Phật Học Từ Điển.)

https://thuviensach.vn

(seclusion), còn đệ tử khác ở bên ngoài, vào nơi tranh đấu của thế gian. Ngài có thể dạy cho một đệ tử thật nhiều kiến thức, còn đệ tử khác thì không được dạy kiến thức đó trong một thời gian dài. Trong "*Chân Sư và Thánh Đạo*" có nêu ra một số điều đáng kể về cách huấn luyện và các hạng đệ tử khác nhau này.

198.- Hỡi kẻ có lòng quả cảm, ngươi sẽ chọn con đường nào? Con đường Thiền định có bốn bậc của nhãn pháp, hay là đi theo con đường xuyên qua sáu Ba La Mật, tức các cổng đức hạnh cao quý, dẫn đến Bồ Đề (Bodhi) và đưa đến Bát Nhã (Prajna), giai đoạn thứ bảy của minh triết?

199.- Con đường gồ ghề của bốn bậc thiền định quanh co đi lên. Kẻ nào leo lên tới chóp đỉnh, kẻ ấy đích thực vĩ đại gấp ba.

257 ***200.- Phải vượt qua một con đường còn dốc hơn nữa, mới đến được các chóp đỉnh Ba La Mật. Ngươi phải mở đường vượt qua bảy cổng, bảy thành trì trấn giữ bởi các mãnh lực hung tàn, tinh ranh, tức là hiện thân của đam mê.***

Trong phần này, bốn bậc thiền định ít được nói đến, mà đề cập nhiều về các Ba La Mật (paramitas). Các giai đoạn thiền luôn luôn được nói đến như là có ba, như chúng ta đã thấy trong khi nghiên cứu Phần thứ nhất và các giai đoạn này được gộp chung lại và được gọi là tam đoạn thiền (sannyama). Đó là dharana, dhyana và samadhi, hay định trí, thiền định và đại định (nhập định), có thêm thực hành mở đầu, tức là hườn hư (pratyahara, trừu xuất, giai đoạn hoàn toàn kềm chế các giác quan) tạo thành giai đoạn thứ tư.

https://thuviensach.vn

Chúng ta cũng đã nghiên cứu các ba-la-mật trong Phần thứ hai. Ở đây, con đường để đạt đến các hạnh (virtues) được nói đến như là có bảy cổng, mà ở mỗi cổng, đạo sinh phải tranh đấu và phải diệt cho được một khuyết điểm (fault) hay tội lỗi (sin) lớn.

Dường như có một sự sai lầm nho nhỏ khi nói việc thiền định và việc phát triển các đức tính này mâu thuẩn với nhau vì cả hai đều cần thiết. Người ta không thể thiền định mà không có các đức tính này, và người ta không thể phát triển các đức tính đến chỗ hoàn mỹ mà không tham thiền. Có thể là ngay vào thời của Ngài, Đức Aryasanga muốn vạch ra cái tương phản giữa con đường ẩn dật (path of retirement) của người trốn tránh các khó khăn và cái thú vui của thế gian hầu chính mình đi đến thiền định tách khỏi con người, với con đường của cuộc sống tinh thần ở giữa cõi nhân gian, con đường này đòi hỏi việc thực hành các lý tưởng trong mọi việc của cuộc sống hằng ngày. Lúc bấy giờ, Ngài nói đến con
258 đường trước như là con đường cao quí, còn con đường sau như là con đường còn vĩ đại hơn hay là còn dốc hiểm hơn nhiều. Các trường hợp của những người đạt được hoàn thiện đang lúc đảm đương công việc của cuộc sống hằng ngày, có rất nhiều trong các kinh sách Ấn giáo. Trong Mahabharata([1]) các đại đạo sư (great gurus) tỏ ra tích cực trong phòng họp lẫn trên chiến trường, và một thương gia cũng được nhắc đến, chính là Tuladhara. Trong Chí Tôn Ca có dạy về con

[1] Mahâbhârata (BP): nghĩa đen: cuộc đại chiến. Thiên anh hùng ca nổi tiếng của xứ Ấn (có lẽ là trường thi dài nhất trên thế giới) kể cả Ramayana và Bhagavad Gîta (the Song Celestial: Chí Tôn Ca). Hiện giờ người ta sưu tập được 110.000 sloka (câu thơ kép, tức hai câu một vần) của tác phẩm này. (Theosophical glossary 1971).

https://thuviensach.vn

đường của bổn phận và hành động, còn Đức Shri Krishna dạy Arjuna, đệ tử của Ngài, rằng Janaka và những người khác đạt được hoàn thiện bằng hành động, và Arjuna nên làm giống như vậy, hoàn thành hành động mà không ràng buộc cá nhân vào kết quả của hành động đó, chỉ làm vì nhân loại mà thôi (Chí Tôn Ca, III, 20).

Nhìn qua các điều ngược lại với các ba-la-mật, người ta nhận ra bản chất của các mãnh lực độc ác, quỷ quyệt cần phải bị đánh bại. Người nào chỉ biết trụ vào chính mình (self-centred, ích kỷ) thì quên rằng mình là một đơn vị trong một tổng thể, quên rằng, như Epictetus đã nói, không có nhân loại chung quanh mình, thì mình không còn là người nữa. Lòng nhân ái (charity) và sự phát triển luân lý chung hay tính chất đạo đức theo ý nghĩa đầy đủ của nó sẽ loại bỏ được tính duy ngã (self-centredness, tự xem mình là trung tâm) và mở rộng con người mình để nghĩ đến kẻ khác nhiều hơn chính mình, và trở thành kẻ từ tâm đối với người đau khổ, một người bạn tốt đối với mọi người, và là một đệ tử sẵn sàng đáp ứng với Thầy của mình.

Nhiều người thường để cho sự nhẫn nại của họ bị xáo trộn bởi sự bực tức. Họ "cảm thấy bị tổn thương" và bất mãn than phiền ở bên trong, nếu không lộ ra bên ngoài. Điều này có nghĩa là họ quên rằng dù là có một luật công bằng lúc nào cũng tham dự vào việc thanh toán các món nợ trong quá khứ giữa con người với con người, tất phải có một số sự bất công
259 ở bề ngoài. Đôi khi có người muốn thấy kết quả của chính công việc của mình ở giai đoạn ban đầu bởi vì người đó nghĩ đến chính mình, chứ không phải nghĩ đến công việc, và muốn phô trương việc đó, hay ít nhất muốn tự hào về sự

https://thuviensach.vn

thành đạt của mình. Ở một giai đoạn sau, y hối tiếc vì các nỗ lực của y được làm với một mục đích tốt lành dường như thất bại; vẫn còn có một điều gì đó bất mãn và thiếu kiên nhẫn trong đó. Về sau y sẽ thấy rằng chính sự cố gắng mới là điều quan trọng chứ không phải là các kết quả. Khi các tình cảm này không còn làm y phiền muộn nữa, thì y mới đạt được tính kiên nhẫn.

Thêm nữa, bản chất con người là trây lười. Hắn ta chỉ thích ngồi tắm nắng chớ không chịu tự nỗ lực, cho tới khi cơn đói thôi thúc y, hoặc là nổi lên cơn ham muốn khoe khoang là treo thêm nhiều da đầu (scalps) kẻ khác vào dây lưng của mình, chính cái ý muốn đó thúc cho y đứng dậy, trong khi con người còn man rợ của y còn lim dim ngủ. Nghị lực bất khuất, không mệt mỏi không phải "tự nhiên mà có" ("natural"). Hãy quan sát bà Besant mà xem, bà dùng hết mọi thời khắc trong ngày, luôn luôn làm việc, không bao giờ để phí thời gian. Bạn tưởng rằng bản tính của bà từ trước là luôn luôn làm việc sao? Sở dĩ bà làm việc như thế là vì bà đã thấy được cái tốt đẹp của mục tiêu, đó là trở thành một người cứu giúp nhân loại.

Việc tham thiền cũng không phải "tự nhiên mà có". Nó gây nhiều phiền toái, nó đòi hỏi một nỗ lực mạnh mẽ của tâm trí, và giữ cho xác thân ở dưới sự phục tùng. Việc hoạch đắc minh triết cũng bao gồm việc học hỏi và cố gắng, và đôi khi sự can đảm để đối diện với các kinh nghiệm không thoải mái và thậm chí nguy hiểm nữa.

201.- Hỡi đệ tử, hãy dũng cảm; hãy ghi nhớ qui luật vàng. Một khi ngươi đã vượt qua cửa Srotapatti, tức "kẻ nhập lưu"; một khi chân ngươi đã đặt vào lòng con suối đến 260 ***Niết Bàn trong kiếp này hay bất luận một kiếp tương lai nào,***

https://thuviensach.vn

thì trước mắt ngươi chỉ còn bảy kiếp sống nữa, hỡi kẻ có ý chí rắn như kim cương.

Bảy kiếp là thời gian trung bình giữa lần Điểm Đạo thứ nhất với thứ tư, nhưng nếu ý chí đủ vững mạnh, người ta có thể mất ít thời gian hơn để đạt đến mục tiêu. Điều này cũng tương tự như việc chuẩn bị cho một thí sinh trong một kỳ thi. Người ta thấy rằng tuy cần một thời gian nào đó mới thích hợp cho một thí sinh bậc trung để vượt qua, nhưng bất luận một người nào cũng có thể mất một thời gian dài hơn hoặc ngắn hơn. Thường thường một người phải mất hai kiếp sống từ cuộc Điểm Đạo thứ nhất đến quả vị La Hán, một số ít người đạt được mục tiêu đó trong một kiếp sống. Bấy giờ thì cùng qui luật đó vẫn đúng để đạt được quả vị Chân Sư, vì vị La Hán chỉ mới đi được nửa đường.

202.- Hãy xem. Ngươi thấy gì trước mắt, hỡi kẻ khao khát minh triết thiêng liêng ?

203.- "Lớp áo choàng của bóng tối trên vực thẳm vật chất, con đang đấu tranh bên trong các nếp gấp của nó. Hỡi Đấng Chí Tôn, dưới cái nhìn của con, nó càng sâu thêm; nó bị xua tan dưới cái vẫy tay của Ngài. Một cái bóng chuyển động, bò đi giống như các khúc cuộn của con rắn đang duỗi ra…. Cái bóng lớn lên, phồng to và biến mất trong bóng tối."

204.- Đó là bóng của chính ngươi bên ngoài Thánh Đạo, bị ném lên bóng tối tội lỗi của ngươi.

Ở đây, người ta thích nói các lỗi lầm và các nhược điểm hơn là các tội lỗi. Trên Thánh Đạo, những điều này trở nên nguy hiểm hơn nhiều so với trước đây. Do đó cần phải có
261 một quyết tâm sắt đá để tiêu diệt chúng hoàn toàn và ngay

https://thuviensach.vn

tức khắc để bước lên đường đạo. Khi thấy được một lỗi lầm nơi chính mình, người ta nên tiến hành thực hiện thật đúng điều ngược lại, không chùn bước và vững vàng, cho đến khi nó mất đi hoàn toàn. Ít người sẵn lòng để làm điều này. Đôi khi, họ van xin người ta cởi mở với họ và bảo cho họ biết chính xác những gì đang giữ họ lại. Nhưng nếu người ta làm điều đó, người ta có nguy cơ mất đi tình bạn. Thông thường, họ trở nên phẫn nộ và nói rằng họ biết họ có nhiều lỗi lầm đấy nhưng không phải cái lỗi mà bạn đã chỉ ra cho họ thấy, và họ cho rằng họ không quan tâm bao nhiêu về sự phán đoán hay trực giác của bạn. Tuy là có các ngoại lệ, nhưng đây là qui luật chung.

Trên Thánh Đạo, một người phải sống theo các qui luật riêng của y, chớ không chỉ tuân theo các qui luật hoặc các tục lệ của môi trường xã hội mà y đang ở trong đó. Điều này chỉ làm tăng thêm các khó khăn và các nguy cơ của y mà thôi. Y đang cố gắng hết sức mình, chúng ta có thể đoan chắc về việc đó, vì nếu không cố gắng, y sẽ đánh mất các thành quả của các nỗ lực trong nhiều kiếp sống, và đó sẽ là điều dại dột. Những kẻ khác đều không có cách nào để phán đoán y. Y nắm được trong tay y một chiếc chìa khoá mà những người khác không có, do đó đối với y, mọi sự việc đều mang một khía cạnh mới. Y cần các tư tưởng tử tế của kẻ khác – chứ không phải sự chỉ trích về những gì mà họ không hiểu – vì y không phải là kẻ vô cảm, nên các tư tưởng tử tế sẽ giúp y vươn lên nhanh chóng và trở thành một sức mạnh để nâng thế gian lên.

205.- "Hỡi Đức Thầy, con nhìn thấy Thánh Đạo; chân nó ở trong bùn, đỉnh của nó mất hút trong ánh sáng chói lọi cõi

https://thuviensach.vn

Niết Bàn. Và giờ đây con thấy các cánh cửa luôn nhỏ hẹp trên con đường lởm chởm và gai góc dẫn đến Tri Thức"

206- Này đệ tử, ngươi đã nhìn thấy chính xác. Các cửa này đưa người tìm đạo băng qua mặt nước đến bờ bên kia.

"Bờ bên kia" ("the other shore") là một cụm từ hay được dùng đến. Có hai hình thức biểu tượng riêng biệt lợi dụng ẩn dụ này. Theo một hình thức, toàn bộ sự sống được ví với đại dương, con người được chở qua bờ bên kia, đến trạng thái nằm ngoài sự tử và sự tái sinh, bằng cổ xe lớn (Mahayana, Đại Thừa) hoặc cổ xe nhỏ (Hinayana, Tiểu Thừa). Hình thức thứ hai có ý nghĩa chuyên môn hơn. Ở cuộc Điểm Đạo lần thứ nhất, một người bước ra khỏi giai đoạn tiến hoá chung, mà giờ đây người này đã hoàn tất, và bắt đầu giai đoạn tiến hóa đặc biệt. Những gì được phép nói về diễn tiến lúc đó của cuộc lễ đã được in ra trong sách *Chân Sư và Thánh Đạo*, bao gồm các lời: "***Con đã nhập lưu. Chẳng bao lâu nữa con có thể đến bờ bên kia.***" (*Chân Sư và Thánh Đạo*, chương 7)

Dĩ nhiên, bờ bên kia là quả vị Chân Sư (Adeptship)

207- Mỗi cửa có một chìa khoá vàng để mở cánh cửa của nó, các chìa khoá này là:

1- Dana[1], chìa khoá của bác ái và tình thương bất diệt.

Đây không phải lòng bác ái theo ý nghĩa ban phát của bố thí, cũng không phải là những gì được gọi theo lối thông thường là thái độ từ thiện, mặc dầu điều này có giá trị hơn cái trước nhiều. Nó hàm ý sự hoàn toàn sẵn sàng cống hiến chính mình và tất cả những gì mình có vào việc phụng sự. Trên thế

[1] Dàna (B.Phạn): Bố thí (alms-giving)

https://thuviensach.vn

gian này không có được bao nhiêu người đạt đến trình độ đó, tức là những người sẵn sàng dùng hết thì giờ, năng lực, tiền bạc, tình cảm và tư tưởng của mình vào mục đích này. Và thậm chí đối với những người đã đạt đến trình độ này, còn có thêm một giai đoạn nữa, vì có thể có lỗi lầm là đồng hoá công việc với bản thân mình thay vì đồng hoá bản thân mình với
263 công việc. Có nhiều người sẵn sàng chọn công việc lớn, nhưng lại có ít người muốn quên mình để chọn làm bất cứ công việc nhỏ nhặt tầm thường không được ai chú ý và không nhận được một lời cảm ơn nào. Đệ tử của Chân Sư phải cân nhắc và xem những gì cần làm mà mình có thể làm được nhưng chưa ai làm. Đệ tử đừng nên nhìn công việc thấp kém với vẻ ghét bỏ, rồi nghĩ: ”Ta thừa sức làm việc đó”. Trong công việc của Chân Sư, không phần nào quan trọng hơn phần nào mặc dầu có một số phần việc khó hơn các phần khác, và do đó cần sự luyện tập đặc biệt hoặc các năng khiếu đặc biệt.

Muốn có được sự hy sinh toàn vẹn, bạn cũng phải hy sinh tình cảm của bạn. Nếu các tình cảm này có thể bị tổn thương, bạn sẽ lảng phí một số thần lực cho việc bị xúc phạm này, mà đáng lẽ lực này sẽ được đưa vào công việc. Bạn phải luôn luôn làm hết sức mình, chớ đừng ngưng lại để nghĩ rằng: ”Ta là một người giỏi giang biết bao”.

Kế đến chúng ta cũng phải có “tình thương bất diệt” (“love immortal”). Tennyson nói về người chết: *Giống như Thượng Đế, họ nhìn thì giờ trôi qua, với đôi mắt rộng hơn, khác hơn mắt chúng ta, để chiếu cố đến tất cả chúng ta.*

Thượng Đế thông hiểu mọi sự và Ngài không hề mất kiên nhẫn. Chúng ta thường mất kiên nhẫn với nhau, và mau trở nên chán việc chiếu cố đến nhau, nhưng Thượng Đế thì

https://thuviensach.vn

không. Người Pháp có câu nói diễn tả điều này rất rõ: *Hiểu tất cả, ấy là tha thứ tất cả. (Tout comprendre, c'est tout pardonner)*[1].

208.- 2. Shila, chìa khóa đem lại hài hoà trong lời nói và hành động, chìa khóa tạo cân bằng cho nhân và quả, không để chỗ cho nghiệp tác động.

264 Từ ngữ Shila thường được dịch chỉ là "hạnh kiểm" ("conduct"), nhưng ở đây tác giả nhấn mạnh ý tưởng về ý tưởng hài hòa. Người nào thực hành Shila thì bao giờ cũng sẽ chăm chú vào thiên trách (dharma) của mình, chú trọng đến những gì mình có thể làm với các năng lực mà mình có được ở vị thế mà nghiệp quả đặt để cho mình. Đây cũng là đức tính giúp đóng lại bản kết toán nghiệp quả của y càng nhanh càng tốt và khiến cho y có được sự tự do và cơ hội làm điều tốt lành ngày càng nhiều.

209.- 3. Kshanti, sự kiên nhẫn dịu dàng, để cho không chuyện gì có thể làm xáo động.

Ở giai đoạn này trong cuộc hành hương của mình, đạo sinh phải có được một mức độ lớn đức tính này, về sau, đức tính đó vẫn phải được làm cho hoàn hảo hơn. Giữ được hoàn toàn điềm tĩnh là một trạng thái rất cao siêu. Vị La Hán được nói đến như là người hoàn thiện – bậc đáng kính – tuy thế người có năm xiềng xích cần phải vất bỏ trước khi đạt được quả vị Chân Sư, và trong số các xiềng xích này, cái cuối cùng là khả năng bị mất bình tĩnh bởi bất cứ điều gì.

---

[1] Câu trên được ghi bằng tiếng Pháp; rồi ở phần cước chú được đổi ra tiếng Anh: "To understand all is to pardon all". Cả hai câu, ý nghĩa đều giống nhau (ND).

https://thuviensach.vn

210.- 4. Vairagya, là sự dửng dưng trước lạc thú và đau khổ, chiến thắng ảo tưởng, nhận thức chân lý.

Toàn bộ phần thứ ba trong giảng lý của chúng tôi về quyển *Dưới Chân Thầy* được bàn về đức tính vairagya, trong đó nó được dịch là tính vô sở dục (desirelessness). Như đã nói trước đây, từ ngữ này thường được dịch là sự lãnh đạm (indifference) hoặc thản nhiên (dispassion).

Người nào có được đức tính này thì tỉnh táo nhạy bén (keenly alert) trong công việc của mình, nhưng không bao giờ để cho các lý do riêng tư cản đường mình. Y đã bỏ các tình cảm có thể gây hại, nhưng không đánh mất lòng thiện cảm. Y
265 dửng dưng đối với các sự việc vốn thường ảnh hưởng con người, không bị xáo trộn bởi các đam mê, mà có sự phán đoán bình tĩnh, trầm tĩnh. Tính được gọi là lãnh đạm này không có nghĩa là người đó sẽ không đặt lòng nhiệt thành vào công việc của mình, mà là y sẽ luôn có nhiệt tình khi gặp công việc khó nhọc và vất vả, cũng nhiều như khi công việc đầy thú vị. Khi đức tính này được phát triển đầy đủ, người ta sẽ thấy rằng hầu hết các sướng vui và đau khổ của chúng ta đều là các ảo tưởng (illusions) và được gây ra bởi cách tiếp nhận sự việc một cách sai lầm. Chừng đó người ta sẽ thấy được chân lý của câu ngạn ngữ của người theo Thuyết Khắc Kỷ (Stoic)([1]) thời cổ đưa ra, đó là, chính ý kiến của chúng ta

[1] Thuyết Khắc Kỷ: Stoicism, do triết gia Hy Lạp Zeno (Zénon) (khoảng 335-264 trước T.C.) sinh ở Cyprus (đảo Chypre) đưa ra. Từ ngữ Stoicism do tiếng Hy Lạp Stoa, nghĩa là cái cửa, vì Zeno quen thuyết giảng tại cửa Pecile ở Athene. Chủ trương: ta phải triệt để tuân theo lý trí mà diệt dục, diệt ham thích khoái lạc. (Từ Điển và Danh Từ Triết Học, T.S. Trần Văn Hiến Minh).

https://thuviensach.vn

về các sự vật gây phiền muộn cho chúng ta hơn là chính các sự vật.

211.- 5. Virya, nghị lực kiên cường mở ra con đường đến chân lý cao siêu, vượt ngoài vũng lầy dối trá trần gian.

Mỗi người tiếp cận Thánh Đạo đều có các đức tính đặc biệt của riêng mình, do đó, y sẽ thấy một số trong các cửa này đặc biệt dễ vượt qua, còn các cửa khác thì khó qua. Thí dụ tính nhẫn nại thường dễ hơn nhiều đối với đệ tử Đông Phương, còn đối với đệ tử Tây Phương là nghị lực.

Khi bản liệt kê này được đưa ra lần đầu, một số người trong chúng ta tự hỏi tại sao các đức tính khó đạt lại được đặt ở đầu. Thật ra không phải thế. Đức Phật là một người Ấn nên Ngài thảo bản liệt kê đó cho dân Ấn, và có lẽ Ngài đặt lên đầu danh sách những bước mà người Ấn thấy dễ dàng nhất.

Khi một người đã phát triển trước tiên một số lớn nghị lực, hay là Virya, thì chắc chắn là y khó mà đạt được tính kiên nhẫn dịu dàng, hay là Kshanti, về sau. Một người có nghị lực này và nghe nói đến đường đạo thì lập tức muốn bước lên đó
266 và đi đến cuối đường – nhưng nếu không có kiên nhẫn, y sẽ gây nên phiền nhiễu suốt dọc con đường và tạo nên một số nghiệp phiền toái đến nỗi y sẽ làm cho chính mình bị trì hoãn một cách đáng kể. Trái lại người có kiên nhẫn và không có nghị lực, có lẽ sẽ hài lòng đi theo đường đạo một cách rất chậm, và sự tiến bộ của y vì vậy sẽ thực là chậm chạp.

Hiện nay, ở phương Đông có một khuynh hướng thuộc loại này. Lúc ở Tích Lan (tức Sri-Lanka ngày nay - ND) có lần tôi được nghe kể rằng, vào thời cổ, con người thực sự đã đạt đến Niết Bàn, nhưng thời nay xấu xa – được gọi là thời hắc

https://thuviensach.vn

ám (dark age), tức kali yuga – các thành đạt này không còn xảy ra nữa, mặc dầu có lẽ trong tương lai xa, thời hoàng kim, thì chúng sẽ trở lại như thế. Nhưng các Đại Huấn Sư vẫn còn ở lại với chúng ta, và mặc dầu, theo Thánh Kinh Cơ Đốc Giáo, cánh cửa vẫn chật và con đường vẫn hẹp, nhưng bây giờ cũng như bao giờ, người ta vẫn có thể tìm thấy cửa đó và vẫn có thể bước lên con đường đó.

Trong các vấn đề này, không một ai có thể nói mình đang đứng nơi đâu. Minh Triết Thiêng Liêng đến với nhiều người dưới hình thức một hồi ức (recollection), điều đó có nghĩa là họ biết được ít nhiều về Minh Triết Thiêng Liêng trong các tiền kiếp. Nếu trong các kiếp sống đó, một người đã làm việc gian khổ để đạt đến Thánh Đạo, thì trong kiếp sống này, một ít cố gắng nữa sẽ đưa y đến cửa Đạo. Nhưng nếu chỉ hiện giờ y mới bắt đầu nỗ lực đó, thì y có một con đường dài cần phải đi, và đó sẽ gần như là một kỳ công phi thường đối với y để thành kẻ nhập lưu trong kiếp này.

Các nỗ lực mà nhiều nhà Thông Thiên Học đang thực hiện, đưa đến một sự căng thẳng lớn lao. Điều đó giải thích tại sao đôi khi có rất nhiều biến động trong Hội Minh Triết Thiêng Liêng, rất nhiều sự kích động (irritability) và bất đồng (quarrelling). Tôi có nghe người ta nói rằng các Hội khác có ít hơn nhiều sự phiền toái thuộc loại này. Đây là trường hợp tự nhiên thôi. Nếu bạn gia nhập vào Hội Địa Lý, hoặc Hội Địa Chất Học hoặc một Hội tương tự nào khác, thì bạn chỉ gia nhập vào một nhóm người đang cùng nhau hoạt động để thu lượm thêm kiến thức, thường thường thuộc một loại đặc biệt. Còn trong Hội Minh Triết Thiêng Liêng, nhiều người đang đặt một căng thẳng lớn lao vào các thể cảm dục và thể trí của họ, rồi căng thẳng đó lại phản ứng lên thể xác của họ. Do đó

https://thuviensach.vn

tôi nghĩ rằng vì chúng ta sẽ tiếp tục giao tiếp với một nhóm người nhạy cảm và chưa hoàn thiện, họ đang hối thức sự tiến hoá nhanh hơn là trạng thái tự nhiên theo con đường tiến hoá thông thường được định trước, cho nên lịch sử của Hội Minh Triết Thiêng Liêng có lẽ sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều sự xáo trộn nữa, mặc dầu sẽ đến lúc mỗi người trong số các Hội viên sẽ có được "tính nhẫn nại dịu dàng mà không gì có thể làm xáo động".

212.- 6. Thiền Định (Dhyana), cánh cửa vàng của nó một khi được mở ra sẽ đưa vị Narjol đến thiên giới Sat vĩnh hằng và sự đại định không ngừng của nó.

Trong các ấn bản trước đây của sách này bạn thấy chữ "narjol" bị viết sai thành "naljor". Đây là một sự nhầm lẫn, trong các ấn bản sau lỗi đó được sửa lại. Sở dĩ có sự viết sai như trên là do sự kiện là bà Blavatsky đọc chữ ở cõi tình cảm. Khi đọc một quyển sách ở cõi tình cảm, bạn sẽ đồng thời thấy những gì được viết ở mặt trước trang giấy và cũng thấy luôn phần đảo ngược của các ký tự (characters) giống như nhìn từ phía sau. Dĩ nhiên, bạn đừng để ý đến mặt ngược lại của chữ in hoặc chữ viết, mà bạn chỉ để ý một cách bình thường vào trang đang mở trước mặt bạn – những trang này hoàn toàn rõ rệt, và mặt sau lúc bấy giờ sẽ nằm ngoài tâm điểm chú ý. Tuy thế, đọc theo cách này rất dễ lầm lẫn và nhận được một số điều bị đảo ngược. Điều này đặc biệt đúng đối với các số. Bạn có thể nhận ra ngay nếu bạn xem số 7 ngược chiều, nhưng số 18 thì có thể dễ bị nhầm lẫn với 81.

Bà Blavatsky đôi khi có những số bị đảo ngược theo cách này. Với những sách hiếm có, bà thường dùng cách đọc

https://thuviensach.vn

ở cõi cảm dục, loại sách này chỉ có một hoặc hai bản mà thôi, và một vài người trong chúng tôi phải đi đến Bảo Tàng Viện Anh quốc để xác minh đoạn trích dẫn mà bà nói là ở trang 139, nhưng chúng tôi lại thấy đoạn đó ở bên trang 931. Thường thường chúng tôi thấy các đoạn trích của bà đều chính xác, mặc dù đôi khi có những sai sót nhỏ. Tôi còn nhớ, có lần bà bỏ sót chữ "not", nên đã làm cho ý nghĩa hoàn toàn khác! Do chỗ bà Blavatsky không biết Bắc Phạn, Nam Phạn hoặc Tây Tạng ngữ và phải hoàn toàn tuỳ thuộc vào trí nhớ của bà khi dùng các từ bằng các thứ ngôn ngữ này, như bà rất thường làm, điều ngạc nhiên là không phải bà phạm một vài lỗi, mà là bà phạm lỗi rất ít.

Từ ngữ narjol – đã đưa chúng ta hơi ra ngoài đề tài – là thuật ngữ Tây Tạng có nghĩa là adept hay thánh nhân (saint), hay đúng hơn là nhà luyện yoga (yogi). Từ ngữ này xuất phát từ một chữ có nghĩa "an bình" ("peace"). Do đó, narjol là kẻ cố gắng để có được an bình nội tâm.

Chính Dhyana hay thiền định mới mở ra các cánh cửa của Chân Ngã. Hầu hết kiến thức về Minh Triết Thiêng Liêng của chúng ta và về những gì được ghi trong kinh sách cổ xưa đã đến với chúng ta theo con đường của nhãn quan sáng suốt (clairvoyance).

269 Còn có một số lớn điều tìm tòi đang chờ được khám phá bằng nhãn quan sáng suốt. Thí dụ như trong hoá học huyền linh (occult chemistry), chúng ta đã khảo sát các nguyên tố (elements) và một số hợp chất (compounds), nhưng có một công trình lớn lao cần được thực hiện trong lãnh vực đó bởi người nào có được năng khiếu nhãn thông dĩ thái (etheric

https://thuviensach.vn

vision)([1]), năng khiếu phóng đại (magnification) và có được kiên nhẫn để quan sát và đếm các nguyên tử lặp đi lặp lại nhiều lần.

Các Đoạn Thiền Kinh (Stanzas of Dzyan) phải được viết ra bởi người có thể đọc được trí của các Thiên Thần hướng dẫn (directing Devas) và như thế thấy được những gì mà các thiên thần đang nhắm vào. Những gì mà chúng ta nói về các dãy hành tinh (rings) và các cuộc tuần hoàn (rounds) có thể không chính xác, nhưng kiến thức được đưa ra về cõi tình cảm và cõi trí, vốn là kết quả của hàng ngàn lần quan sát thì khá chắc chắn là đúng như thế. Các sai lầm vẫn có thể xảy ra do việc khái-quát-hoá một cách vội vàng – việc đó xảy ra trong mọi khoa học – do sự nhầm lẫn cái không bình thường với cái bình thường, hoặc do sự sơ suất về một loại các hiện tượng nào đó có liên quan tới một lý thuyết tổng quát. Chẳng hạn như quan niệm trước kia của chúng ta về thời gian tạm nghỉ (interval) giữa các kiếp sống, và cách mà Linh hồn đầu thai đều đặn trong các phụ chủng kế tiếp, vốn được cho biết như là diễn trình tiến hóa bình thường, cho đến khi chúng ta khám phá ra một loại linh hồn khác hầu như phần lớn ở trong một phụ chủng và đầu thai hai lần thường xuyên như các linh hồn khác. Có lẽ có đến nửa tá các loại nữa mà chúng

---

[1] *Nhãn thông dĩ thái:* _là loại nhãn thông giúp nhìn thấy được loại vật chất tinh anh hơn (finer matter) của cõi trần, tức là nhìn thấy những gì được gọi là các chất dĩ thái. (Trích "*Tâm thức của Nguyên Tử*", A.A.Bailey, tr.132).

Xin nhắc lại, cõi hồng trần có 7 loại chất: chất đặc, lỏng, khí, dĩ thãi 4, dĩ thái 3, dĩ thái 2 và dĩ thái 1. Dĩ thái 1 là chất tinh anh nhất thuộc về cõi trần (ND).

https://thuviensach.vn

ta biết; tất cả những gì mà chúng ta có thể nói đó là chúng ta chưa có dịp gặp các linh hồn đó.

Các kinh sách cổ có giá trị đặc biệt bởi vì chúng được viết ra bởi những người có thể thấy bằng nhãn thông. Nhiều người không thích loại kinh sách cổ đó bởi vì cách trình bày ý tưởng trong đó, đôi khi theo phong cách quá cổ. Mỗi thời đại đều có những phương pháp diễn đạt riêng của thời đó. Cách diễn đạt hiện đại của chúng ta là hoàn toàn phô bày ra. Chúng ta trình bày các sự việc một cách thẳng thắn hết mức. Lấy thí dụ khác, vào thời Ai Cập cổ, mọi sự việc đều được kể lại dưới một bề ngoài rất thi vị. Các kinh sách của phái Ngộ Đạo (Gnostic books) bao bọc mọi sự việc theo một nghệ thuật biểu tượng phức tạp. Do đó, nếu người nào muốn nghiên cứu *Tử Thư (Book of the Dead*) hay là *Pistis Sophia*([1]), ngay cả khi giả dụ rằng người đó có được một bản dịch chính xác đi nữa (mà không phải luôn luôn gặp được trường hợp này), người đó vẫn phải cố tự đặt mình trở lại vào thái độ trí tuệ của thời mà các kinh sách đó được viết ra, và điều đó quả là thiên nan vạn nan. Việc đó cũng chiếm thì giờ – nhiều hơn là con người hiện nay có thể thường dành cho việc đó, nếu người đó cũng còn phải tham gia vào việc kiếm sống theo một cách khác nào đó.

---

[1] *Book of the Dead* (Tử Thư): Một tác phẩm về huyền linh học và nghi thức của Cổ Ai Cập, được cho là của Thot-Hermes. Được tìm thấy trong quan tài chứa các xác ướp cổ. (Theosophical Glossary, 1971)

Pistis Sophia: "Knowledge-Wisdom". Một thánh thư (sacred book) của các Triết Gia Thần Bí ban sơ (early Gnostics) hay là các Tín Đồ Cơ Đốc thuở đầu (primitive Christians). (Theosophia Glossary, 1971- H.P.Blavatsky).

https://thuviensach.vn

Vào thời xa xưa, khắp nơi trên thế giới, cuộc sống nhàn nhã hơn nhiều. Chính tập quán làm cho mọi sự việc trở thành thoải mái và dễ dàng cho mọi người, và thường hoãn lại đến ngày mai bất cứ công việc gì có thể tránh được ngày hôm nay.

Khi tra cứu một số lớn các kiếp sống đã qua, tôi nhận thấy cùng một sự việc xảy ra ở khắp nơi. Không có việc bắt xe lửa để đi, hay nhật báo hoặc tạp chí xuất bản vào một giờ nhất định trong ngày hay vào một ngày nhất định nào đó. Sự gần giống gần nhất mà tôi đã nhận thấy với một chuỗi xuất bản đều đặn là một loạt văn hóa phẩm được đưa ra với các khoảng cách rất dài và hoàn toàn thất thường đến mức mà đôi khi giữa các lần phát hành lại cách nhau đến nhiều tháng.

Bất chấp mọi điều này, vào thời đó, con người cũng đạt đến quả vị Chân Sư, nhưng ắt hẳn họ đã thấy khó có được hạnh virya (tinh tấn), tức nghị lực dũng mãnh cần có trên đường đạo. Tuy nhiên, sự hoạt động không ngừng, cuộc sống luôn luôn vội vã của thế giới Tây phương hiện nay của chúng ta, lại không đúng cùng một thứ như virya.

271 Thường thường do sự ép buộc bên ngoài mà người ta mới chứng tỏ năng lực của họ. Nếu họ không giữ đúng giờ giấc và cần mẫn trong công việc, thì sự cạnh tranh trở nên gay gắt đến nỗi những người khác sẽ vượt lên trên họ và họ sẽ không thể còn cách sinh nhai nữa. Nhưng đạo sinh huyền linh học bị thôi thúc bởi sự ép buộc bên trong của riêng y và luôn luôn làm việc đều đặn – nhưng không vội vã hoặc náo động, vì y muốn công việc của mình phải được hoàn thành mỹ mãn.

https://thuviensach.vn

Có lẽ nguy cơ chính yếu trong vấn đề này là ở chỗ làm quá ít, hoặc để cho các sự việc cần phải làm lại trôi qua đi. Tuy thế, có người lại làm hỏng việc do đảm trách quá nhiều việc. Bà Besant là một tấm gương điển hình về đường lối trung dung. Bà luôn luôn làm việc và sắp xếp thì giờ của bà sao cho thuận lợi nhất, nhưng bà không cố làm những gì quá sức của bà. Bà thường nói về một việc: "*Đây không phải là công việc của tôi, vì tôi không có thì giờ dành cho việc đó*".

Có một chân lý trong câu nói rằng người bận rộn nhất là người luôn luôn có thì giờ nhiều nhất. Sở dĩ có như thế là vì người này quản lý rất hữu hiệu thì giờ của mình. Nhưng lại có người gom vào chính mình nhiều công việc hơn là khả năng thực sự của họ, đôi khi vì họ có cảm nghĩ (có thể là có căn cứ) rằng không một người nào khác trong số những người chung quanh họ có thể làm công việc đó một cách hoàn hảo. Nhiều năm trước đây có xảy ra trường hợp này với một vị Tổng Thư Ký của một trong các Chi Bộ của Hội Thông Thiên Học. Ông này là một nhà hoạt động sáng chói có nhiều năng lực, ông ta nghĩ rằng mình có thể làm nhiều việc một cách hoàn hảo nhất. Nhưng vì ông ấy đảm trách quá nhiều đến nỗi công việc bị bỏ dở không làm vì thiếu thời gian nên dồn đống lại, cho đến khi người kế nhiệm của ông đến nhận nhiệm sở, thì sự việc ở trong tình trạng bề bộn hầu như vô vọng.

272 Trong vấn đề này tốt hơn là chọn con đường trung dung, phân chia công việc của bạn một cách kỹ càng và dành một ít thời gian để giảng dạy và huấn luyện công việc cho kẻ khác. Thường là gặp nhiều phiền phức khi chỉ dẫn cho một người khác cách làm một mảng công việc (piece of work) hơn là chính mình làm việc đó, nhưng người ta hy vọng rằng, khi

https://thuviensach.vn

một người đã được chỉ dẫn một hoặc hai lần, hoặc nếu cần, mười lần, thì người ấy sẽ có thể làm việc đó một mình một trăm lần, cho nên cuối cùng sẽ có lợi.

213.- 7. Prajna, chìa khóa giúp con người thành Đấng Siêu Phàm, tạo con người thành Bồ Tát, con của các Dhyanis.

214.- Đó là các chìa khóa vàng đưa đến cửa đạo.

Giờ đây chúng ta đến đức tính cuối cùng. Một lần nữa, Prajna (Bát nhã) có nghĩa là minh triết (wisdom) – với ý nghĩa là một quan năng của tâm thức hơn là của tri thức, đó là minh triết bởi vì nó thấu nhập vào sự sống đàng sau sắc tướng. Jnana([1]) cũng được dịch là minh triết, nhưng không phải là một quan năng (faculty), còn prajna mới là quan năng.

Đức tính này được cho là tạo nên Bồ Tát. Thuật ngữ Bồ Tát ở đây được dùng theo nghĩa rộng. Theo đúng nghĩa, Bồ Tát là Đấng được ấn định để trở thành một Đức Phật, vị Bồ Tát đã phát nguyện với một Đức Phật tại thế (a living Buddha) rằng trong một kiếp tương lai, Ngài sẽ đảm nhiệm chức vụ của Phật. Nhưng tất cả mọi người cũng sẽ trải qua trình độ của vị Bồ Tát, theo các đường khác nhau. Có bảy con đường hành tinh vĩ đại, và các Đức Thầy đang thu nhận đệ tử đều đang hoạt động theo mỗi một trong các đường đó. Mỗi người, dù đang đi theo con đường riêng của mình, sau cùng sẽ được thu hút đến với một Đức Thầy đang đứng ở đầu con đường đó. Tuy nhiên một người có thể đổi từ đường này
273 sang đường khác qua việc tận tuỵ với một Đức Thầy đặc biệt, nhưng việc này đòi hỏi một số nghiên cứu và nỗ lực vượt bực

[1] Jnana: phát âm là "nha-na".

https://thuviensach.vn

nào đó; vì khi ở trên con đường (tức cung - ND) của chính mình, thì con người mới thích hợp với việc huấn luyện huyền linh học dễ dàng nhất.

Vị Bồ Tát nào muốn trở thành Phật thì nhiều ngàn năm trước đã có nguyện với một Đức Phật đương thời, và người ta cho rằng từ lúc đó trở đi, ảnh hưởng của Phật phù trì Ngài, và rằng, khi đúng lúc Ngài đạt được quả vị Phật, thì ảnh hưởng to tát của vị Phật thiêng liêng (spiritual Buddha) sẽ lượn lờ (hovers) trên vị Phật nhập thế (incarnate Buddha). Đức Phật Cồ Đàm (Lord Gautama, Phật Thích Ca) được nói là phát nguyện với Phật Nhiên Đăng (Buddh Dipankara)([1]) và người ta cho rằng Phật Nhiên Đăng cũng đã có mặt ở hậu cảnh trong những năm mà Đức Phật Thích Ca đang thuyết pháp. Về các vấn đề cao siêu này, người ta chỉ có thể lặp lại những gì đã được nghe nói, nhưng chắc chắn đó là một ý niệm rất đẹp. Đó cũng là một ý niệm tự nhiên mà thôi, vì chúng ta biết được rằng ở một trình độ thấp hơn nhiều, Chân Sư luôn luôn phù trì (overshadowing) đệ tử vì đệ tử là một phần của tâm thức Chân Sư.

[1] Nhiên: đốt, đốt cháy; Đăng: ngọn đèn.

Nhiên Đăng Phật (còn được viết: Dipankara), nghĩa đen là "Định Quang Phật" ("Buddha of Fixed light") là Đấng tiền nhiệm (predecessor) của Phật Cồ Đàm. (Theosophical Glossary, 1971. H.P. Blavatsky).

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 2

ĐIỀU HỢP TÂM.

215.- Hỡi kẻ dệt tự do cho mình, trước khi có thể tiến gần đến cửa cuối cùng, ngươi phải làm chủ được các Ba-la-mật hoàn hảo nhưng khó thực hiện này – đó là sáu và mười đức hạnh siêu việt – dọc theo con đường gian khổ.

216.- Bởi vì, này đệ tử, trước khi ngươi được làm cho xứng đáng để gặp tận mặt Sư phụ ngươi, hòa nhập ánh sáng của ngươi với Chân Sư của ngươi, ngươi đã được dạy những gì?

217.- Trước khi có thể đến gần cửa quan trọng nhất, ngươi phải học cách tách thân xác ngươi ra khỏi trí óc ngươi, xua tan bóng tối, và sống trong vĩnh hằng. Muốn thế, ngươi phải sống và hít thở trong vạn vật, giống như tất cả những gì mà ngươi nhận thấy đang hít thở nơi ngươi; để cảm nhận ngươi đang ở trong mọi vật, mọi vật ở trong Đại Ngã.

C.W.L.- Câu "Gặp được Chân Sư của ngươi, ánh sáng hoà vào ánh sáng" diễn tả một chân lý kỳ diệu. Khi đệ tử bắt đầu tiếp xúc với tâm thức của Chân Sư của y, và lần đầu tiên Chân Sư bao phủ đệ tử, thì hào quang của đệ tử tỏa chiếu rực rỡ theo với ánh sáng của Chân Sư, như tôi đã giải thích trong *Chân Sư và Thánh Đạo* (ch.V).

275 Các câu kinh này lướt qua trở lại nhiều vấn đề đã được xem xét kỹ ở phần đầu của Đoạn thứ nhất. Tách rời xác thân ra khỏi trí, theo nghĩa đen là người ta phải học cách tạo ra mayavi rupa (huyễn thể), còn theo nghĩa ẩn dụ là người ta phải phân biệt những gì là thực tại, và hiểu rằng con người

https://thuviensach.vn

không phải là thân xác. Thể cảm dục là cái bóng của thể xác; nên không được huỷ diệt thể này, nhưng đừng để cho nó có ảnh hưởng lên đệ tử. Con người phải sử dụng thể đó, nhưng không cho phép nó chế ngự con người.

"Sống trong vĩnh cửu" không phải là rời bỏ thế gian, mà là lúc nào cũng xét đoán sự việc theo quan điểm sự sống vĩnh cửu. Tất cả các điều này, chúng tôi đã xem xét khi nghiên cứu "*Dưới Chân Thầy*".

Người nào học cách sống theo quan điểm của sự sống vĩnh cửu của Chân Ngã đang luân hồi, thì chẳng bao lâu sẽ biết được rằng bất cứ một điều gì xảy ra với con người từ bên ngoài đều không đáng kể chút nào.

Khi đọc quyển "*Các kiếp sống của Alcyone*", chúng ta thấy rằng nhiều nhân vật trong các kiếp sống đó phải trải qua biết bao đau khổ. Một số trong các nhân vật này là chính chúng tôi, và chúng tôi biết rằng sự đau khổ là tạm thời và bây giờ không còn ảnh hưởng đến chúng tôi. Khi nhìn trở lại, đôi khi chúng tôi tự hỏi làm thế nào mà một số các nhân vật đó chịu đựng đau khổ như thế. May thay, họ đã chịu đựng được và vượt qua đau khổ một cách an toàn. Không phải luôn luôn dễ dàng cảm thấy rằng người ta sẽ vượt qua sự đau khổ hiện tại một cách bình thường, bởi vì người ta đang ở giữa sự đau khổ đó thay vì nhìn nó theo cách đánh giá. Người ta không thể mong đợi thấy được một cách rõ ràng toàn bộ một kinh nghiệm hoặc một biến cố mà người ta thực sự bị cuốn hút vào trong đó. Chẳng hạn, một người lính trên chiến trường thấy rất ít những gì đang diễn ra, và thường thường không biết tầm quan trọng của cuộc chuyển quân đặc biệt hay cuộc điều quân mà mình có tham dự trong đó; phần chia sẻ công việc của người lính này dường như không đáng kể, tuy thế nó có

https://thuviensach.vn

thể là một nhân tố hệ trọng trong việc định đoạt cuộc chiến, hoặc việc đó có thể gây được ấn tượng và nổi bật, tuy thế lại không thực sự thiết yếu cho sự thành công về phía người lính.

Tuy thế, tôi không nghĩ là chúng ta có thể đánh giá quá cao sự quan trọng của Hội Minh Triết Thiêng Liêng. Đó là một trong các phong trào quan trọng nhất mà thế giới từng chứng kiến. Đối với thế giới bên ngoài, là các nhà cai trị và các chính khách, Hội có vẻ giống như bất cứ Hội nào khác – chỉ là một nhóm nhỏ con người. Tuy nhiên Hội được hai Chân Sư lập ra, các Ngài sẽ là các vị Đứng Đầu (Heads) của căn chủng thứ sáu, và các Ngài đang chọn trong số chúng ta, những người thích hợp để góp phần vào giống dân đó trong giai đoạn phát triển ban đầu của nó. Nhưng chúng ta có thể rất dễ dàng đánh giá quá cao phần đóng góp cá nhân của riêng chúng ta trong công việc của Hội. Không một ai là tối cần, khi chúng ta có cơ hội tìm ra trong diễn tiến của lịch sử Hội. Ngay cả các nhà lãnh đạo cao cả của chúng ta, bà Blavatsky và Đại Tá Olcotte, đã qua đời, nhưng Hội đã vượt qua sự mất mát đó, và tiếp tục truyền bá các lý tưởng của Hội và làm thấm nhuần thế giới bằng các lý tưởng đó, bởi vì các Chân Sư vẫn còn hiện hữu.

Các đệ tử của các Chân Sư phải học cách đồng nhất hóa tâm thức của họ với tâm thức của huynh đệ chung quanh và do đó một số bài thực tập thường được đưa ra cho mục đích đó. Các kết quả thường tạo bất ngờ khi đạo sinh bắt đầu bằng cách cố gắng nhập vào tâm thức của các động vật khác nhau. Chúng có các đường lối tưởng nghĩ rất giới hạn, còn các hành động của chúng (mà theo đó con người thường qui cho

https://thuviensach.vn

chúng các động lực được rút ra từ kinh nghiệm của con người) thường lại là do một điều gì đó khác hẳn. Mặt khác,
277 chúng tuân theo vài lề thói tư tưởng của chúng xa hơn nhiều so với người ta thường hiểu, cho nên, ở vài phương diện, chúng ta gán cho chúng quá nhiều khả năng hơn là chúng có, còn ở những phương diện khác lại cho chúng có quá ít khả năng.

Thường khi một đệ tử được đưa vào cơ thể của một người khác để cho y có thể hiểu hoàn cảnh (position) của kẻ khác đó, đồng thời cũng để cho y có thể nhận thức được chính mình dưới các hình tướng khác nhau. Một kinh nghiệm khá mạnh mẽ thuộc loại đó được huynh Damodar K. Mavalanka thuật lại cho tôi biết cách nay nhiều năm. Một ngày nọ, huynh được tách ra khỏi xác thân của mình và lao vào xác của một thuỷ thủ say rượu ở một bến tàu nào đó trong một xứ xa lạ. Huynh ấy là một người Bà-la-môn với mọi tính thu rút lại, được kế thừa của người Bà-la-môn (tạm mô tả như thế) khỏi sự tiếp xúc với những gì thấp kém hay là không tinh khiết – vốn là một cảm giác mạnh mẽ hơn mà hầu như bất cứ người Tây phương nào cũng có thể hoàn toàn hiểu được. Dĩ nhiên đó là một cơn sốc khủng khiếp. Huynh ấy thấy mình bị nhấn chìm trong cái mà đối với huynh đáng tởm không thể tả. Tuy ở giữa cái hoàn cảnh kinh khủng vốn thình lình giáng vào mình, huynh vẫn có thể tiếp tục nhận ra chính mình và bảo thầm: "Tôi không phải là người này, tôi là Damodar". Và huynh có thể lấy lại bình tĩnh, và suy nghĩ : "Người này cũng là nhân loại, tôi cũng phải cảm thông với người này". Thế là huynh thoát ra khỏi cuộc thử thách với sự tự tin.

https://thuviensach.vn

Nếu phải chịu một cuộc thử thách như thế, nhiều người sẽ vô cùng bối rối, họ nghĩ đó là một ác mộng khủng khiếp, và trong khi tranh đấu điên cuồng để thoát ra, họ đã làm hại chính họ. Có lẽ đối với nhiều người cảm giác đầu tiên sẽ là một cảm giác ghê tởm. Nhưng một Chân Sư không cảm nhận giống như vậy. Ngài không bỏ qua bất cứ sai sót nào. Ngài hiểu điều đó nhiều hơn chúng ta, nhưng Ngài không ghê tởm. Ngài nhận ra mọi giai đoạn của kiếp người. Ngài nhớ
278 rằng Ngài đã từng vượt qua giai đoạn nào đó giống như giai đoạn này cách đây nhiều kỷ nguyên, có lẽ trên một hành tinh khác nào đó. Tâm thức Bồ Đề của Ngài cũng hoàn toàn khai mở, và khi trường hợp này xảy ra, người ta có thể bao trùm (enfold) những kẻ tội lỗi trong chính mình. Không hề có lòng ghê tởm đối với người đang phạm sai lầm; người ta chỉ cảm thấy mong muốn đưa ra bất cứ sự trợ giúp nào có thể được. Tuy nhiên, thường thường, sự trợ giúp chỉ có thể ban phát một ít cho người ở trong các giai đoạn này, và nó phải được ban phát một cách thận trọng nữa. Không những cần có thiện cảm, mà còn cần có sáng suốt để hiểu được những gì mà người ấy có thể đáp ứng được, và sự kiên nhẫn và tế nhị để giúp cho y nhận thức được cái tuyệt diệu của một cuộc sống cao cả hơn một ít so với cuộc sống mà người đó đang có.

Chính là nhờ kinh nghiệm đồng nhất hóa này mà người ta học được sự cảm thông sáng suốt, và tôi nghĩ rằng đó là cách duy nhất mà sự cảm thông có thể thực hiện một cách hoàn hảo. Lúc đó người ta mới thấy được tại sao một người đang làm những việc nào đó và làm cách nào mà các việc đó

https://thuviensach.vn

xuất hiện với y. Những ai chưa có được kinh nghiệm đó(1) thì phải hết sức để cố gắng thấy các sự việc theo quan điểm của kẻ khác.

218.- Ngươi chớ để cho các giác quan của ngươi thành sân chơi của cái trí của ngươi.

219.- Ngươi chớ tách bản thể của ngươi ra khỏi Đại Bản Thể và phần còn lại, mà hãy nhập đại dương vào giọt nước, giọt nước vào trong đại dương.

220.- Như thế ngươi sẽ hoàn toàn hòa hợp với mọi sinh vật; hãy đối xử yêu thương với mọi người như thể họ là anh em bạn của ngươi, đệ tử cùng một Thầy, con của cùng một từ mẫu.

279 Câu thứ nhất trong đoạn kinh này nhắc người ta nhớ đến đoạn trước đây của Phần thứ nhất, đó là câu: "***Trí là tay đại tàn sát sự thật. Đệ tử hãy diệt trừ kẻ tàn sát đó***".

Trí trở thành kẻ tàn sát (slayer) vì chúng ta để cho các thành kiến nảy sinh trong đó. Thông thường, chúng ta không bao giờ thực sự hiểu biết được kẻ khác mà chỉ có tư tưởng của chúng ta biết về người đó thôi. Tuy nhiên, "tiêu diệt kẻ tàn sát" không có nghĩa là chúng ta cố giải quyết công việc mà không cần đến trí phán đoán (the intellect) và chỉ tin vào các sức thôi thúc của chúng ta, vốn thuộc về một trình độ thấp hơn. Chúng ta phải vươn lên đến mức độ trực giác, trình độ này cao hơn trí tuệ, và để cho trực giác đó định đoạt xem tư tưởng của chúng ta sẽ được hướng vào mục tiêu nào.

---

1 Tức kinh nghiệm lúc Damodar K. Mavalanka nhập vào xác của một thủy thủ say rượu ở đoạn trên. (ND)

https://thuviensach.vn

Phải chi người ta có thể thấy được hậu quả của thành kiến trong thể trí, họ sẽ vô cùng kinh ngạc. Chất liệu của thể đó đang ở, hoặc sẽ ở, trong một dòng chảy liên tục, nhịp nhàng, còn các phần khác của nó, hay là các vòng (rings), có liên quan với tư tưởng theo các đường khác nhau. Nếu người ta có một thành kiến theo một đường lối suy tưởng nào đó, thì có một sự tắc nghẽn trong cái vòng vốn có liên quan với đường lối đó; vật chất trong chỗ đó không còn tuôn chảy một cách thông suốt nữa. Vẻ ngoài được tạo ra trên thể trí bởi sự tắc nghẽn này giống hệt như vẻ ngoài của một mụn cóc lớn.

Chúng ta ắt hẳn có thể nhìn ra ngoài qua bất cứ phần nào của thể trí, nhưng ảnh hưởng của mụn cóc đó gây cản trở tầm nhìn của chúng ta. Khi chúng ta cố nhìn ra ngoài qua phần này của thể trí, thì các sự vật sẽ có vẻ lệch lạc, như đã giải thích trước đây. (Xem lại ch. 1, Phần IV: *Control of Mind*).

Chính do điều này mà thể trí trở thành kẻ huỷ diệt sự thật. Cho dù là người ưu việt nhất đi nữa, họ cũng có một số thành kiến. Thí dụ một người nào tự hào rằng mình thoát khỏi các thành kiến theo một chiều hướng nào đó – như về
280 giai cấp hoặc màu da – thì sẽ có các thành kiến theo một hướng khác, có lẽ về cách xử sự (manners). Y không để ý đến nước da của một người nào đó là nâu, hoặc trắng, hoặc đỏ, hoặc vàng, nhưng nếu người này ngẫu nhiên ăn bằng con dao, hoặc phát âm theo giọng nhà quê, thì y không thể không để ý đến.

Thành kiến tệ hại nhất thường thường là các thành kiến về cuộc sống mà chúng ta hoàn toàn không biết, có lẽ chúng ta lớn lên từ thuở còn bé với chúng. Các thành kiến này cực

https://thuviensach.vn

kỳ khó xoá bỏ. Cách duy nhất để thắng được chúng là dùng tình thương. Nếu cách hành xử của một người nào đó xúc phạm đến chúng ta, thì y sẽ học được cách hành xử khéo léo hơn chẳng sớm thì muộn – nếu không phải trong kiếp hiện nay, thì cũng trong kiếp tới – nhưng y là một thành phần của Thượng Đế, giống như chúng ta. Tình thương của Thượng Đế, cũng như sự an bình của ngài, vượt quá sự hiểu biết, chẳng những lượng thứ tất cả, mà còn cảm thấy không cần lượng thứ (excuse).

Chúng ta phải học cách đối xử thương yêu với mọi người như thể họ là anh em bạn của chúng ta vậy. Sự ràng buộc giữa các đệ tử của cùng một Chân Sư là sự ràng buộc bền bĩ nhất trên thế gian, ngoài sự ràng buộc hiện có giữa các thành viên của Huynh Đệ Đoàn (the Brotherhood). Chẳng sớm thì muộn, đạo sinh sẽ học được cách mở rộng phẩm chất bác ái mà đệ tử đã hoạch đắc được dưới các trạng thái hợp nhất này, cho đến khi y cảm nhận tình thương đó hướng tới tất cả mọi người mà y gặp gỡ.

221.- Có nhiều vị Thầy: Hồn Thống Soái là một, là Alaya, Linh Hồn vũ trụ. Hãy sống trong vị Chân Sư đó vì tia sáng của Ngài ở trong ngươi. Hãy sống trong các huynh đệ của ngươi giống như họ sống trong Ngài vậy.

Đây là cùng các ý tưởng về sự hợp nhất, được đưa ra một cách đẹp đẽ hơn nhiều.

281 ***222.- Trước khi ngươi đứng trên thềm Thánh Đạo; trước khi ngươi vượt qua cửa quan trọng nhất, ngươi phải hoà nhập hai thành một và hy sinh bản ngã cá nhân cho Chân Ngã, và như vậy hủy bỏ đường phân cách giữa cả hai – đó là Antahkarana.***

https://thuviensach.vn

Đối với chúng ta, ý nghĩa tổng quát của Câu kinh này rất rõ ràng, nhưng cách dùng thuật ngữ antahkarana thì có hơi khác thường, nhất là theo cách bà Blavatsky chú giải. Bà nói: "*Antahkarana là hạ trí, con đường thông thương hay hiệp thông giữa phàm ngã với Thượng Trí hay Nhân Hồn (human Soul). Lúc chết, con đường này bị phá hủy với tư cách là con đường hay là phương tiện thông thương, và những phần còn lại của nó sống sót dưới hình thức là Kamarupa - cái vỏ*".

Trong phần sau của quyển 3, bộ Giáo Lý Bí Nhiệm, bà Blavatsky đôi khi dùng từ kama-manas để chỉ cái mà bây giờ chúng ta gọi là hạ trí, nghĩa là phần trí mà đặc tính của nó được tạo thành trong kiếp sống phàm ngã dưới ảnh hưởng của Kama (dục vọng)([1]). Antahkarana khi đó có thể được xem như là hạ trí thuần khiết và không bị ô nhiễm, là tia sáng của Thượng Trí.

Khi còn sống, con người có thể tiếp xúc được với Thượng Trí thông qua vận hà đó, và như chúng ta đã thấy trong Chân Sư và Thánh Đạo (ch. VIII), vị đệ tử chú tâm vào công việc mở rộng vận hà đó sao cho nó luôn luôn mở ra hoàn toàn, và Thượng Trí năng động luôn luôn có thể tự biểu lộ trong phàm ngã. Nhưng sau khi qua đời, kẻ thường nhân([2]) không có được tự do mà y đã có trước đó để bắt đầu

---

[1] Kama chính là sự sống đang biểu lộ trong thể tình cảm và bị thể này chi phối . (ND)

[2] *Thường nhân:* (average man, kẻ thường nhân) là một thuật ngữ riêng biệt được dùng trong huyền học để chỉ con người thuộc đủ mọi trình độ, chưa ở trên con đường đi tìm đạo. Sơ đồ sau cho thấy vị thế của kẻ thường nhân: Thường nhân → Người ở trên đường dự bị → Các thứ bậc đệ tử chưa được điểm đạo → Bốn bậc đệ tử

https://thuviensach.vn

282 các hoạt động mới hoặc để thử qua các thí nghiệm mới. Giờ đây y đang ở trong thế giới hậu quả của các nguyên nhân mà y đã làm phát sinh trong kiếp sống ở cõi trần, và trước hết y phải thanh toán hết các cảm xúc thấp kém đã tích tụ của y trên cõi tình cảm, kế đó là các xúc cảm cao hơn đã tích tụ của y trên cõi hạ trí, trong trạng thái Devachan. Thế nên, theo một ý nghĩa, tuyến antahkarana của y đã ngưng hoạt động với vai trò một vận hà đi xuống. Tuy nhiên, điều này không áp dụng cho người nào đã làm chủ được các cảm xúc và tư tưởng của chính mình hoặc không áp dụng được cho hàng đệ tử có khả năng đi lại tuỳ ý trên cõi tình cảm và cõi hạ trí.

Trong lúc còn sống, ở trong thể nguyên nhân, Chân Ngã (ego) dành ra một số năng lượng của riêng nó, cho là vậy, để tìm kiếm kinh nghiệm hữu ích thích hợp với phàm ngã, trong chừng mực mà phàm ngã thất bại trong nhiệm vụ của nó, thì năng lượng đó, là các tia sáng của thượng trí, đã bị thất thoát đi, chỉ còn lại dưới hình thức một trung tâm cho cái vỏ, hay thậm chí cho việc tạo ra một tổng quả báo (dweller on the threshold) nếu chúng đủ mạnh để kéo dài đến lần luân hồi kế tiếp.

Theo cách nói hiện nay của Khoa Minh Triết Thiêng Liêng, thì sau khi chết, con người ở lại trong cõi cảm dục trong một thời gian, dài hay ngắn tùy theo số lượng và độ mạnh của các dục vọng ích kỷ của người đó, tùy theo các dục vọng đó thuộc loại thô tục hoặc được thanh luyện hoặc pha trộn cả hai. Kế đó, người này trải qua cái chết thứ hai, tức là cái chết của thể tình cảm rồi mới đi vào Devachan – một trạng

---

được điểm đạo → Quả vị Chân Sư trở lên. (Trích "Điểm Đạo Thái Dương và Nhân Loại", A.A.Bailey, trang 49).

https://thuviensach.vn

thái đặc biệt trên cõi hạ trí – bằng thể hạ trí của mình. Nơi Devachan, con người cải thiện đến mức hoàn hảo mọi dục vọng và tham vọng không ích kỷ của mình. Trong khi con người còn ở trong trạng thái sau này, thì một số phần của cái xác cảm dục bị tách ra có thể vẫn còn trôi dạt đó đây trong một môi trường có cùng bản chất, nếu thể đó thuộc loại thô trược. Tất cả mọi điều này đã được giải thích rất đầy đủ trong
283 quyển sách nhỏ của tôi, "*Cõi Tình cảm và Cõi Devachan*". Việc mô tả đầy đủ về các trạng thái sau khi chết ở đây sẽ làm cho quyển sách này trở thành to lên và cồng kềnh.

Khi viết và đưa mục Đánh Mất Linh Hồn (Lost Souls) vào quyển The Inner Life, tôi nghĩ đến một cách giải thích đơn giản về sự liên hệ giữa thượng trí với hạ trí. Một thành phần lớn của Chân Ngã thuộc về cõi phụ cao nhất của cõi trí; một phần nhỏ hơn thuộc về cõi phụ thứ hai, một phần ít hơn nữa thuộc về cõi phụ thứ ba. Do đó, chúng ta có thể hình dung ra một sơ đồ tiêu biểu cho Chân Ngã ở trên ba cõi phụ này dưới hình thức một cái gì đó có hình dạng giống như trái tim thông thường, thuôn nhỏ thành một điểm ở dưới đáy([1]). Nơi người thông thường, chỉ có một điểm nhỏ đó xuống đến

[1] Nếu ở đây tác giả hình dung ra Chân Ngã giống như một hình tam giác úp ngược ▽, nghĩa là đầu nhọn quay xuống dưới thì có lẽ dễ hiểu hơn chăng? Lúc đó Chân Ngã sẽ nằm theo hình vẽ:

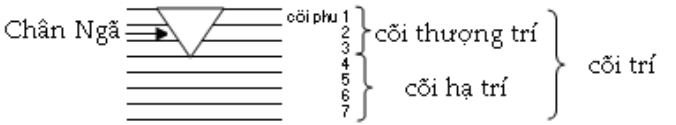

(Chú thích của người dịch)

https://thuviensach.vn

phàm ngã – vì thế chỉ một phần rất nhỏ của Chân Ngã được linh hoạt có liên quan tới phàm ngã.

Nơi người chưa tiến hoá, có lẽ không quá một phần trăm (a hundredth part) của Chân Ngã được linh hoạt. Với các đạo sinh huyền linh học, một ít chất thuộc cõi phụ thứ nhì nói chung cũng trở nên hoạt động. Các đạo sinh tiến hoá hơn có được một số lớn chất của cõi phụ đó hoạt động, và trong giai đoạn dưới giai đoạn La hán, có khoảng một nửa Chân Ngã trở nên linh hoạt.

Ảnh hưởng mà Chân Ngã có được trên các hiện thể thấp của nó chỉ rất hạn chế, do đó antahkarana có thể được xem như là cánh tay kéo dài ra giữa phần nhỏ của Chân Ngã, phần này đã được khơi hoạt, với phần đưa xuống tức bàn tay, phần này thường quên mất cái cao, đã thế hay chống đối lại phần cao nữa. Khi cả hai được nối liền hoàn toàn, thì sợi dây này (tức antahkarana – ND) mảnh đi và biến mất.

Trong Bắc Phạn Ngữ, antahkarana có nghĩa là cơ quan bên trong (inner organ) hay là khí cụ bên trong (inner instrument) khi cơ quan này bị hủy diệt, thì điều đó có nghĩa
284 là Chân ngã không cần đến dụng cụ này nữa, mà sẽ tác động trực tiếp lên phàm ngã. Chân ngã thực sự mất đi một phần của chính nó khi sự nối kết (cohesion) của Chân Ngã nói chung lại yếu hơn là các lực vướng mắc (forces of entanglement), nhưng Chân ngã cũng thu lượm được một điều gì đó trong cuộc sống, và thường thường (luôn luôn trừ trường hợp một đời sống cực kỳ tệ hại) việc thu lượm vẫn nhiều hơn việc mất mát kéo dài do sự vướng mắc với hạ trí. Một ít của chính Chân Nhân và một ít của hạ trí bị bỏ lại trong Kama-rupa (ma hình) vào lúc chết lần thứ hai. Do đó antahkarana nên được xem như khoen nối dùng nối liền

https://thuviensach.vn

Chân ngã với phàm ngã, và sẽ biến mất khi người ta vận dụng được cả hai.

223.- Ngươi phải được chuẩn bị để trả lời cho Dharma, định luật nghiêm khắc, tiếng của luật này sẽ cật vấn ngươi ở bước thứ nhất, tức là bước đầu tiên của ngươi:

224.- "Hỡi kẻ có nhiều cao vọng, ngươi có tuân thủ theo mọi qui luật chưa?"

225.- "Ngươi có điều hợp tâm và trí của ngươi với đại tâm và trí của toàn nhân loại không? Vì, giống như tiếng reo của dòng sông linh thiêng, mà theo đó mọi âm thanh của thiên nhiên được vọng lại, cũng giống thế, tâm của kẻ muốn nhập lưu cũng phải run lên đáp ứng với mọi tiếng thở dài và ý tưởng của mọi sinh linh đang sống và thở".

Ở đây, bà Blavatsky đưa ra cho chúng ta một cước chú dài giải thích rằng các Phật Tử Bắc Tông và thực ra mọi người Trung Hoa, đều tìm ra trong tiếng reo bí ẩn (deep roar) của một số sông vĩ đại và linh thiêng có ẩn tàng chủ âm (keynote) của tạo hóa. Bà vạch rõ đó là một sự kiện được biết rõ trong
285 vật lý học, cũng như trong huyền linh học, rằng âm tổng hợp (aggregate sound) của thiên nhiên – như là âm nghe được trong tiếng reo của các sông lớn, tiếng động tạo ra bởi các ngọn cây lay động trong rừng sâu, hoặc tiếng động của một thành phố nghe được ở xa xa – là một đơn âm xác định (definite single tone) có một âm độ hoàn toàn có thể cảm nhận được. Mọi điều đó đều chính xác, và ai học cách làm như thế đều có thể luôn luôn nghe được âm điệu cơ bản (underlying tone) của thiên nhiên. Mọi hành tinh cũng có âm riêng của nó; nó ngân lên âm điệu riêng của nó khi nó di

https://thuviensach.vn

chuyển qua không gian, và nhờ âm điệu này, Thượng Đế biết được mọi việc có đang diễn tiến tốt đẹp với các thế giới của Ngài hay không, điều này có hơi giống như cách mà một chuyên viên máy móc thành thạo, qua âm thanh có thể cho biết liệu bộ máy của anh ta có vận hành hoàn hảo hay không. Thế nên, người tìm đạo lúc nào cũng phải lắng nghe sự sống nơi vạn vật chung quanh mình. Điều này đưa chúng ta trở lại với tính chất cảm thông mà sách này thường nhấn mạnh. Thường khi chúng ta nghĩ rằng chúng ta hiểu rõ các bạn bè thân nhất của chúng ta, nhưng thực ra không hẳn như thế, vì một người quan sát bên ngoài thường dễ dàng thấy rõ điều đó([1]).

Nhưng một Đức Thầy luôn luôn hiểu đúng, Ngài không thể hiểu sai được. Ngài có thể nói rằng Ngài không đồng ý về một điều gì mà Ngài thấy, tuy nhiên Ngài luôn luôn hoàn toàn cảm thông và hiểu mà không cần nói một lời nào. Chúng ta phải cố gắng tìm hiểu những kẻ khác bằng cách nỗ lực để thấy những sự việc giống như những kẻ đó đang thấy, bằng cách tìm hiểu những gì mà họ đang nghĩ tưởng, chớ chẳng phải bằng cách làm những gì mà họ đang làm.

226.- Đệ tử có thể được ví như dây đàn vina đang vọng lại tiếng của linh hồn; nhân loại được ví như thùng đàn; bàn
286 ***tay vuốt trên đàn được ví như làn hơi du dương của Đại Hồn Thế Gian. Dây đàn nào không đáp ứng dưới ngón đàn của Đức Thầy để hài hòa êm ái với mọi dây khác, sẽ đứt và bị ném đi. Tâm trí tập thể của hàng đệ tử Thinh Văn cũng như thế. Chúng phải điều hợp được với tâm trí của Đức Thầy – hợp nhất với Đại Hồn – nếu không sẽ bị loại ra.***

[1] Xem lại q.I, Phần II, ch.4 và Phần V, ch. 2.

https://thuviensach.vn

Đại Đoàn Chưởng Giáo sử dụng đệ tử giống như các dây đàn vina, nhạc điệu huy hoàng của hành khúc tiến hóa có thể ngân vang trên dây đàn, để rồi tất cả những gì của bản nhạc đó sau đó có thể ngân trở lại trong nhân loại. Nếu là người đánh đàn thì bạn sẽ làm gì với một dây vốn không muốn tự hài hòa với các dây khác mà lại cố tự làm cho chính mình nổi bật lên nữa? Bạn sẽ ném dây đó đi. Bất luận người nào có một động cơ cá nhân, kẻ muốn có tri thức hoặc tự do, hoặc bất cứ điều gì khác cho chính mình, đều không thích hợp để trở thành một đệ tử của Chân Sư. Với ý định này, mọi đệ tử đều sẽ được thử thách. Đệ tử sẽ được phân cho các phần việc mà nếu đệ tử lơ là với các phần việc đó, công việc sẽ bị bỏ dở. Nếu là công việc quan trọng, Chân Sư sẽ luôn luôn có sẵn một người thay thế (understudy), nhưng khi đó chỉ là những việc không quan trọng, nó có thể bị bỏ lại và sợi dây đó sẽ bị gạt sang một bên.

Chẳng những đệ tử phải có được sự hài hòa với mục đích lớn của Chân Sư, mà còn phải hài hòa với phần còn lại của những người phụng sự. Mỗi người đều phải làm công việc thuộc phần hành riêng của chính mình và không can dự vào công việc của kẻ khác. Khi công việc của họ có liên quan với công việc của y, thì y chỉ có thể hoặc là trợ giúp hoặc là ngăn trở họ, và chính bổn phận của y là giúp đỡ để làm cho
287 sự việc càng dễ dàng càng tốt cho huynh đệ mình. Sự khoan dung và tương trợ này tác động giống như dầu trong cổ máy, khi thiếu dầu, cổ máy có thể vẫn chạy, nhưng không được trơn tru hay là trôi chảy, và cần nhiều năng lượng hơn mới làm cho nó chạy được. Nếu người ta đặt tất cả năng lực của mình vào công việc, tuy thế lại phí phạm nhiều năng lực đó

https://thuviensach.vn

do sự va chạm, bất hòa, thì hầu như cùng một năng lực đưa ra, nhưng chỉ đạt được một phần kết quả. Người ta phải ghi nhớ, không phải chỉ hướng về sự tiến bộ riêng cho mình, cũng không phải cho sự thành công của riêng lãnh vực của mình, mà là hướng về cái tốt lành cho toàn thể.

227.- Cách hành động của huynh đệ tả đạo là như thế, đó là những kẻ giết linh hồn mình, phái Dad-Dugpa đáng sợ.

Suốt các tác phẩm của bà, bà Blavatsky đều dùng danh xưng Dugpa để chỉ các huynh đệ tả đạo – tức các nhà hắc thuật, như chúng ta thường gọi họ. Có thể đó là một tên gọi không hay ho gì lắm, vì lẽ những người theo phái Mũ Đỏ (Dugpas) hoàn toàn không xứng đáng với mọi công việc cực đoan mà bà đã nói về họ.

Trước khi Phật Giáo du nhập vào vùng đất Tây Tạng, việc thờ phụng các tinh linh và tinh linh thiên nhiên rất thịnh hành, các lễ vật có tính cách chuộc tội được thường kỳ hiến tế cho chúng. Tôn giáo lúc đó đang ở vào trình độ thấp kém giống như mọi tôn giáo có bản chất chuộc tội khác gặp phải. Bà Blavatsky nói: "Các phái Bhons và Dugpas, cùng các chi phái khác thuộc hệ phái 'Mũ Đỏ' ('Redcaps') được xem như là phái thông thạo nhất về tà thuật (sorcery). Họ cư ngụ ở phía Tây và vùng Tiểu Tây Tạng và Bhutan". Tôn giáo cổ còn tồn tại như thế đó.

Trong các tôn giáo khác cũng xảy ra chuyên y như thế. Chẳng hạn trong Cơ Đốc giáo mà tôi có nêu ra ở trước (q. I, phần V, ch. 5: Mê tín) Jehovah – một vị thần bộ tộc (tribal deity) – vẫn còn ganh tị với các thần khác.

Còn dân Do Thái vẫn chưa biết gì về Đức Thượng Đế Tối Cao mãi đến khi họ bị lưu đày vào Assyry; lúc đó họ mới

https://thuviensach.vn

cố đồng hóa Vị Thượng Đế Tối Cao mà họ nghe nói đến ở đó với vị thần bộ tộc của riêng họ, và từ đó mới dẫn đến biết bao lộn xộn mơ hồ. Điều không may là Cơ Đốc giáo lại vướng mắc vào việc này và việc đó vẫn còn xuất hiện trong Lễ Ban Thánh Thể Anh quốc (English Communion Service). Trong phần mở đầu của buổi lễ đó, Mười Giới Răn của Do Thái được tuyên đọc, lúc đó một vị Thượng Đế ganh tị được nói đến, nhưng sau đó, trong cùng buổi lễ, chúng ta thấy Thượng Đế đó được gọi là "Thượng Đế của Thượng Đế, Ánh Sáng của Ánh Sáng, Đấng Tối Linh của Đấng Tối Linh". Ý niệm cổ xưa về sự chuộc tội (propitiation) cũng được truyền vào Cơ Đốc giáo, bằng ý tưởng lạ lùng, đó là Thượng Đế được mua chuộc bằng cái chết của chính Con của Ngài.

Ở Tây Tạng, mặc dù Phật giáo đã gửi không dưới ba phái bộ đến xứ đó, và dân chúng hầu hết là tín đồ Phật giáo giả hiệu, tôn giáo cổ xuất hiện hết lần này đến lần khác, vì nó đã có ảnh hưởng lớn trong lòng người dân. Hiện tượng tương tự cũng có thể được nhận thấy trong vùng Appenines của Ý, nơi mà tôn giáo cổ của xứ Etruria([1]) xa xưa hơn tôn giáo La Mã cũng còn tồn tại. Giáo hội Cơ Đốc chống đối lại tôn giáo này nhưng vô ích, Một trường hợp khác rõ ràng hơn ở Ceylon (nay là Sri-Lanka - ND). Dân nơi đó đều theo đạo Phật, có một ít theo đạo Cơ Đốc, là con cháu của những người bị người Bồ Đào Nha bắt cải đạo. Tuy vậy vào những lúc thật khẩn thiết – hoặc bệnh nặng, hoặc gặp tai họa – tín đồ đạo Phật và đạo Thiên Chúa cũng trở lại hình thức "tôn sùng ma quỷ" ("devil-worship") như cũ. Nếu bạn hỏi tại sao họ làm

[1] Etruria: một xứ cổ ở Ý, nơi có nền văn minh Tiền - La Mã (pre-Roman civilization). (Tự Điển Oxford 1992).

https://thuviensach.vn

như thế, họ sẽ trả lời: "Dĩ nhiên chúng tôi theo đạo Phật hoặc đạo Chúa và đều văn minh; nhưng nói cho cùng, có thể có một điều gì đó nữa trong đức tin cũ, và không có hại gì khi làm cho sự việc hoàn toàn an toàn".

289 Âm tiết cuối "pa" chỉ có nghĩa là "người" ("people"). Như vậy, các môn đồ của Chân Sư Kuthumi được gọi là Kut-Hum-pa, ở Tây Tạng.

Bhon-pa là các môn đồ của tôn giáo bản địa ở Tây Tạng. Con cháu của những người cải đạo (converts) do cuộc truyền giáo lần đầu được gọi là Ninma-pa. Cuộc xâm nhập thứ nhất của Phật giáo đã nhanh chóng bị tôn giáo bản địa làm cho hư hỏng.

Phái Kargyu tiêu biểu cho những người cải đạo của giáo đoàn thứ hai, giáo đoàn này được gửi đến Tây Tạng vài thế kỷ muộn hơn giáo đoàn thứ nhất. Dug-pa hay là Mũ Đỏ thuộc về phái này, và như thế là hai, tách khỏi Bhon-pa. Phái này cũng trở thành kém trong sạch và để cho các tín ngưỡng bản địa xưa kia len lỏi vào.

Kế đến là cuộc cải cách thứ ba và là cuộc cải cách cuối cùng do Ngài Tsong-ka-pa đưa ra. Các môn đồ của phái này là Gelug-pa hay là Mũ Vàng (Yellow-caps). Phái này dưới quyền của Dalai Lama và Teshu Lama (Đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma), và là chính phủ lúc đó của Tây Tạng([1]). Hai Chân Sư của chúng ta cũng thuộc về phái này về mặt ngoại môn (outwordly). Người của phái này mặc đạo phục

[1] Chính phủ từ trước năm 1959. Hiện nay Tây Tạng đã bị sát nhập vào Trung Hoa nên chính quyền riêng của Tây Tạng không còn nữa. (ND)

https://thuviensach.vn

màu vàng và đội mũ giống như mũ sắt có chóp cao lạ mắt vào các dịp trọng đại.

Đức Aryasanga thuộc vào phái Mũ Vàng; cho nên tất nhiên Alcyon cũng thuộc phái này trong lần đầu thai vừa qua, vì ông là đệ tử của Đức Aryasanga. Có lẽ Alcyon có hơi cường điệu về cách diễn tả của sư phụ ông ấy khi nói đến phái Mũ Đỏ. Khi gọi phái Mũ Đỏ là "những kẻ giết chết linh hồn của họ", ý của ông là muốn nói họ gần như không tuân giữ được tinh thần của Đạo Phật.

Lúc đó phái Dug-pa không hoàn toàn xấu tệ như người ta mô tả. Họ cũng là người theo đạo Phật, nhưng lại thêm vào việc tôn thờ quyền lực thiên nhiên (nature-worship). Những kẻ thù của phái này nói rằng việc thờ phụng cổ xưa này bao
290 gồm các cuộc hiến tế động vật, và thậm chí hiến tế cả con người cùng một lúc.

Phái Mũ Vàng phản đối phái Mũ Đỏ, vì phái Mũ vàng đang nỗ lực duy trì một đạo Phật thanh khiết hơn. Các giới luật của họ nghiêm minh hơn, và ít chấp nhận việc tôn thờ sức mạnh thiên nhiên hơn nhiều, mặc dầu họ không thể hoàn toàn giữ cho thoát khỏi việc thờ cúng đó, cho nên một ngày nào đó có thể cần có cuộc cải cách mới.

Một số người của phái Dug-pa gia nhập phái Mũ Vàng và đã thu hút sự chú ý của các Chân Sư của chúng ta, như vậy họ không thể hoàn toàn xấu. Phái Bhon-pa thì không tiến bộ lắm hoặc là loại cao quý trong phái tả đạo, thế nên gọi họ là "huynh đệ tả đạo" là gán cho họ cái danh tiếng nhiều hơn là họ đáng nhận được, cho dù là ở trên đường hướng riêng của họ.

https://thuviensach.vn

228.- Hỡi kẻ quyết chí tìm về nẻo sáng, ngươi có hoà hợp bản ngã của ngươi vào nỗi đau lớn lao của nhân loại không?

229.- Ngươi đã hòa hợp rồi ư?... Ngươi có thể bước vào. Tuy nhiên trước khi ngươi đặt chân trên con đường u ám đầy phiền não đó, tốt hơn hết ngươi phải học cách nhận ra các cạm bẫy trên con đường của ngươi.

Một lần nữa chúng ta có ý tưởng về con đường đau khổ. Không có phiền não gì cả trên Con Đường này; chỉ có nỗ lực bền bĩ nơi đây, nhưng theo cùng nỗ lực đó chính là niềm vui lớn nhất trong công việc. Nhiều huấn sư có nói đến niềm vui này, với kết quả một đôi khi xảy ra là đệ tử của các Ngài, vừa gặp những khó khăn ban đầu, đã đâm ra thất vọng. Hiển nhiên là Đức Aryasanga lo lắng không muốn cho bất luận đệ tử nào của Ngài hiểu sai về dụng ý của Ngài, vì thế Ngài mới nhấn mạnh vào các khó khăn.

291 Có một giai đoạn khó khăn mà tất cả mọi người đều phải trải qua – đó là giai đoạn ở giữa hai sự xác tín. Trong giai đoạn này, nhiều người không bận tâm gì vào các sự việc thế gian. Thí dụ, họ không để ý xem coi liệu họ có tiền bạc, nhà đẹp và quần áo đẹp đẽ hay là không. Nếu của cải đến với họ thì đó hẳn là một trách nhiệm mà họ phải đối phó giống như bất cứ trách nhiệm nào khác, song họ cũng được hài lòng nếu họ có vừa đủ. Các sự vật thấp kém đã mất đi, còn các sự việc cao cả hơn vẫn còn là các vấn đề về đức tin, không thuộc tri thức và kinh nghiệm. Trong tình trạng này, tất nhiên con người có một thời gian nhàm chán và đôi khi là một thời gian khốn khổ, nó có thể kéo dài trong một giai đoạn dài hoặc ngắn, và có thể xảy đến nhiều lần.

https://thuviensach.vn

Nhưng khi họ đã thấy rõ ràng những sự việc cao siêu thì tất cả đều thay đổi, và Đường Đạo trở nên rực rỡ đầy hạnh phúc. Lúc bấy giờ các sự vật thấp kém đã mất hết mọi sức thu hút. Hãy xem trường hợp bà Besant. Nếu bà dốc hết thì giờ và tài năng của bà vào các mục đích trần tục, thì chắc chắn bà có thể đạt được địa vị và tiếng tăm lớn theo đường lối này hoặc đường lối khác; nhưng nếu bạn hỏi bà xem bà có vui lòng từ bỏ tất cả những gì mà bà đã chọn để đi theo con đường tham vọng trần tục, thì chắc chắn bà sẽ nói: "Dĩ nhiên là không, tại sao tôi làm thế? Không gì có thể sánh được với niềm vui khi phụng sự Chân Sư".

Có một niềm vui rất lớn trong cuộc đời một đệ tử so với bất cứ cuộc đời thế tục nào, cho dù hoàn cảnh chung quanh có thể tươi đẹp đến đâu. Đệ tử từ bỏ mọi thứ của cải riêng tư, bởi đệ tử có cần gì những thứ của cải ấy nữa? Ở xứ Ấn thường xảy ra chuyện một nhân vật có chức quyền, có thể là vị Thủ Hiến của một Bang (Prime Minister of a State) đang có ảnh hưởng, tiếng tăm và tài sản lớn, một ngày nào đó lặng lẽ bỏ hết mọi thứ, khoác vào chiếc áo choàng màu vàng([1]), bỏ đi
292 mà không sở hữu bất cứ một thứ gì nữa. Ông làm như thế là vì hoàn toàn biết rõ cả hai hình thức sống, và thấy rõ ràng rằng cuộc sống mà ông ta đã từ bỏ nghèo nàn về sự phong phú và niềm vui chân thật khi so với cuộc sống mà ông sẽ hướng tới dưới hình thức một ẩn sĩ hoặc một du tăng (wandering sannyasi).

[1] Nguyên văn: puts on a yellow robe. Có lẽ là xuất gia đi tu theo Phật giáo mới vận y phục màu vàng. (ND)

https://thuviensach.vn

Đó cũng thường là trường hợp mà một nhân vật ở một địa vị nổi bật, chẳng hạn như cố Sa Hoàng của nước Nga, lại chỉ có thể làm được rất ít việc để giúp cho thế gian. Do đó, một địa vị như thế không hấp dẫn đối với nhà huyền linh học. Tôi nhớ lại trường hợp của một đạo sinh tiến hóa cao, đạo sinh này được ban cho việc chọn lựa giữa việc vẫn làm một người ít ai biết đến, với việc vươn lên địa vị lãnh đạo ở một trong các quốc gia hùng mạnh nhất trên thế giới. Đạo sinh ấy chọn cách thứ hai, và theo đúng trình tự, trở thành Thủ Tướng của nước Anh. Ở địa vị đó, ông thấy mình bị gò bó bởi những quan tâm về quyền lực và lợi lộc ích kỷ, và bị thế lực của Giáo Hội chống đối. Nhận thức được trọng trách của mình, ông hướng vào chính sách Hòa giải. Mặc dầu các mục tiêu của ông là mang lại nền tự do lớn lao cho dân tộc và củng cố Vương Quốc, và ông đã đạt được thành công trong mục đích sau, ông vẫn luôn luôn hối tiếc cho sự lựa chọn của mình – mặc dù đó là một mục tiêu hoàn toàn vô vị lợi – và ông đã chết như một người không thỏa nguyện.

https://thuviensach.vn

293

CHƯƠNG 3

BA CỬA ĐẦU TIÊN

230.- Được trang bị bằng chìa khóa nhân từ, bác ái và sự khoan dung dịu dàng, ngươi trở nên an toàn trước cánh cửa Dana, cánh cửa ở ngay lối vào Thánh Đạo.

C.W.L.- Giờ đây, Đức Aryasanga duyệt lại một lần nữa bảy cái cổng, xem chúng như các giai đoạn trên đường đạo và đặc biệt là nhìn chúng theo quan điểm chúng là những cạm bẫy gây nguy hiểm cho người tìm đạo. Khía cạnh sáng sủa hơn của vấn đề, là sự khích lệ và sức mạnh mà đạo sinh nhận được, là dành cho thời điểm không được nghĩ đến ấy; điều đó thật đáng ao ước khi nhớ lại điều này, nếu không Thánh Đạo sẽ dường như quá buồn chán.

Như đã giải thích, Dana mang nhiều ý nghĩa hơn là chỉ có việc bố thí mà thôi (simple almsgiving), nó có ý nghĩa thậm chí còn nhiều hơn cả xúc cảm về bác ái nữa; nó hàm chứa việc hoàn toàn xả thân cho công cuộc phụng sự nhân loại, không giữ gì lại cho mình.

231.- Hỡi kẻ hành hương hữu phước, hãy nhìn mà xem! Cổng đối diện với ngươi vốn cao và rộng, có vẻ dễ tới. Con đường đi xuyên qua đó vốn thẳng tắp, bằng phẳng và xanh
294 ***tươi. Nó giống như một trảng rừng thưa ngập nắng trong rừng***

https://thuviensach.vn

sâu tăm tối, một điểm trên cõi trần được phản chiếu từ chốn cực lạc của Phật A Di Đà. Nơi đây, loài họa mi mang hy vọng và các loài chim có bộ lông rực rỡ đang hót, chúng đậu trong các vòm cây xanh, ca ngợi sự thành công của những kẻ hành hương can đảm. Chúng ca tụng năm hạnh của Đức Bồ Tát, năm nguồn cội của mãnh lực Bồ Đề, và bảy giai đoạn tri thức.

232.- Hãy vượt qua! Vì ngươi có được chìa khóa; ngươi sẽ được an toàn.

Câu kinh này diễn tả cho chúng ta một quang cảnh đẹp đẽ và thi vị của Thánh Đạo, là phần đầu của Thánh Đạo diễn ra trước mắt kẻ hành hương có diễm phúc. Trước tiên, kẻ hành hương nghĩ con đường đó tràn ngập nỗi vui, và thật là thích thú và dễ dàng khi bước lên đó. Khi người ta đã thấy được Chén Thánh(1) rồi, thì thật là dễ dàng để từ bỏ mọi thứ khác và đi theo đối tượng ấy. Nhưng sau một thời gian, hình ảnh có thể mờ nhạt (fade), lòng nhiệt thành lúc đầu tự nó suy yếu dần, con người bắt đầu trở nên chán nản. Đó là vì bản chất của con người luôn luôn muốn thay đổi. Hãy xem người ta đổ xô chạy theo một sự vật mới lạ như thế nào, và rồi sau một thời gian ngắn, sự chú ý của họ giảm bớt, việc theo đuổi trở nên nhạt nhẽo, buồn chán ra sao, và họ chuyển sự chú tâm của họ vào một cái khác nữa.

Khi nghiên cứu về các kiếp sống của Alcyon, chúng ta thấy rằng đa số con người tiến bộ rất chậm, ngay cả trong một loạt hai mươi hoặc ba mươi kiếp. Một người, sau khi biết

---

[1] Chén Thánh: Holy Grail, tức là cái chén do Chúa Jesus dùng tại bữa ăn cuối cùng trước khi bị đóng đinh trên Thập Giá. Nghĩa bóng: đối tượng được truy tìm (any object of a quest). (Tự điển Oxford, 1994).

https://thuviensach.vn

được mình mang tên gì trong cuốn *Các Tiền Kiếp* đó, và khi biết rằng hiện giờ y rất giống với năm mươi ngàn năm về trước, đã viết thư cho tôi như sau: "Nếu có ai đó trước đó đã nói với tôi rằng cách đây hai mươi lăm ngàn năm, tôi chỉ là một người bán khai (savage) ở trong rừng, tôi không thể tin được điều đó." Tôi đã trả lời người đó như sau: "Nếu cách đây hai mươi lăm ngàn năm, huynh là một người bán khai ở trong rừng, thì các khả năng là huynh vẫn còn là người đó ngày hôm nay".

Tuy nhiên, nếu một người trở nên nhiệt tình đối với một mục đích tâm linh, thì tức khắc người đó tiến bộ nhanh chóng; nếu y không thể tiếp tục lòng nhiệt thành của y thì thật là điều đáng tiếc, nhưng có lẽ trong lúc vội vã, y đã hoàn thành tới mức tối đa những gì đã được hoạch định cho y trong kiếp sống hiện tại. Giờ đây chúng ta không chỉ có động lực thúc đẩy tới trước, mà chúng ta còn có một số lớn tri thức cho phép chúng ta tiến tới như thế, và điều đó giúp ngăn cho chúng ta không bị rơi lại phía sau.

Chúng ta phải luôn luôn cố gắng duy trì lòng nhiệt thành nơi chúng ta, không để cho chính chúng ta bị tác động bởi các cơn bốc đồng (moods), đến nỗi lòng nhiệt thành đó bị phó mặc cho những gì xảy ra làm ảnh hưởng đến chúng ta trên cõi trần, hoặc trên các cõi tâm linh.

Chúng tôi đã có được một thử thách lớn về lòng nhiệt thành của chúng tôi khi bà Blavatsky từ trần. Tôi nhớ là lòng nhiệt thành đó có khuynh hướng tàn tạ như thế nào khi bà rời khỏi chúng tôi. Bà có được năng lực để giữ cho tất cả chúng tôi hoạt động, và khi bà ra đi, chúng tôi cảm thấy thiếu

https://thuviensach.vn

sức sống, mặc dù một số người trong chúng tôi đã thành công trong việc tiếp xúc trực tiếp với các Chân Sư.

233.- Và đến cửa thứ hai, con đường cũng còn xanh ngát, nhưng nó dốc và uốn lượn lên cao, đúng vậy, đến tận đỉnh đá của nó. Các đám sương mù xám phủ trên đỉnh đá lởm chởm, và xa hơn nữa thì mọi vật đều tối tăm. Khi y tiếp tục tiến tới, khúc ca hy vọng ngân lên yếu ớt hơn trong lòng kẻ hành hương. Sự chấn động vì hoài nghi giờ đây đang ập lên y, bước chân kẻ hành hương trở nên kém vững vàng.

234.- Hỡi đạo sinh, hãy cảnh giác với hiện tượng đó. Hãy coi chừng nỗi sợ hãi, giống như đôi cánh đen không phát ra âm thanh của loài dơi ăn đêm, nó đang dang rộng ra giữa
296 ***ánh trăng của Linh Hồn ngươi với mục tiêu to tát của ngươi đang lờ mờ hiện ra ở xa.***

235.- Hỡi đệ tử, sự sợ hãi tiêu diệt ý chí và làm trì hoãn mọi hành động. Nếu thiếu hạnh trì giới, kẻ hành hương sẽ vấp ngã, và sỏi đá nghiệp quả làm thâm tím chân kẻ hành hương dọc theo con đường đầy sỏi đá này.

Đệ tử thường bắt đầu bằng một sự bột phát ngoạn mục, kế đó chậm lại. Sở dĩ xảy ra như thế là vì đệ tử mong đợi rằng cuộc đời mình sắp sửa được thay đổi hoàn toàn, mặc dầu y không thể thú nhận điều đó ngay cả với chính mình. Có lẽ y tưởng tượng rằng y sẽ có một cuộc sống đầy các sự kiện phi thường, hoặc là y tưởng tượng rằng y sẽ luôn luôn nhận thấy sự hiện hữu của Chân Sư, và vì thế có thể luôn luôn giữ ở mức độ cao nhất của mình. Cuộc sống của y có thay đổi, nhưng không theo cách mà y tưởng.

Khi sự hoài nghi xuất hiện, thì đối với một số đạo sinh, đó là sự hoài nghi về toàn khối tri thức Minh Triết Thiêng

https://thuviensach.vn

Liêng. Họ chưa có sự tiếp xúc hữu thức với các Chân Sư, và họ bắt đầu hoài nghi chính sự hiện hữu của các Ngài, và tự hỏi liệu họ có đang theo đuổi một ảo tưởng (ignis fatuus) chăng. Tôi hy vọng không có một nghi ngờ như thế xảy đến với bất cứ ai trong chúng ta, nhưng nếu điều đó xảy ra thì tốt hơn hết là quay trở lại các nguyên tắc đầu tiên. Hãy trở lại lúc bắt đầu; xem xét lại các động lực của bạn; thẩm tra lại bằng chứng.

Kế đó có sự hoài nghi về chính mình, loại này đôi khi tấn công kẻ sơ cơ(1). Người ta không thể biểu lộ được tính chất thiêng liêng mà người ấy mong muốn. Nhưng y phải tiếp tục cố gắng, không chút nghi ngờ, bởi vì sự thành công hoàn toàn chắc chắn đối với mọi người, và sự hoài nghi là một trở ngại lớn cho việc thành đạt. Hãy để một người cố học
297 bơi, dù ngay từ lúc đầu y tin chắc rằng y sẽ không thể làm được điều đó. Y sẽ không bao giờ học bơi được. Sự nghi ngờ làm cho y chìm dưới nước nhiều hơn là bất cứ khó khăn thực sự nào. Còn một người khác, có sự tự tin, sẽ học bơi hầu như ngay lập tức.

Đối với nhiều người tìm đạo, cái khó trên Đường Đạo mà họ gặp phải là sự hoài nghi về việc họ có thể thành công hay không. Nào, họ phải tiếp tục cố gắng và tống khứ hết thành kiến của mình đi bằng cách lập luận theo hướng khác. Họ phải tự nhủ: "Tôi sẽ làm việc đó, dù cho tôi có khả năng hay không!"

Các so sánh của Đức Aryasanga đều luôn luôn đẹp đẽ. Ở đây Ngài nói đến ánh trăng của linh hồn. Ánh trăng chiếu

[1] Kẻ sơ cơ (beginner): kẻ mới bắt đầu tìm tòi đạo lý. (ND)

https://thuviensach.vn

sáng với một ánh sáng phản chiếu từ Thượng Đế, là mặt trời, và cũng từ hồn tinh thần, là buddhi, và tinh thần, là Atma. Kẻ hành hương phải đừng để cho vật gì chen vào giữa, nếu không, linh hồn sẽ bị bỏ lại trong bóng tối.

"Đôi cánh không phát ra tiếng động của loài dơi ăn đêm" nêu ra một hình ảnh linh hoạt về cách mà sự lo sợ len lỏi vào con người. Lo sợ là một trong các điều tệ hại nhất, nó đè nặng lên chúng ta ở mọi mặt, vì thế giới tràn đầy lo sợ dưới đủ loại hình thức. Thí dụ, tầng lớp doanh nhân ở trong trạng thái không ngớt ít nhiều xao động vì lo sợ; kẻ làm công sợ điều mà cấp trên sẽ nghĩ về mình, hoặc sợ mất chỗ làm. Người có tín ngưỡng thì sợ chết, sợ địa ngục, sợ cho số phận những bạn bè đã chết của họ, và còn mọi điều ngớ ngẩn khác. Nhiều trẻ con sống trong nỗi lo sợ thường xuyên đối với cha, anh và thầy giáo, như tôi có giải thích trong phần giảng luận ở trước. (Xem q.I, Phần V, Chương 4, Sự Độc Ác).

298 Đức Aryasanga nói rõ: "Hãy cảnh giác với sự lo sợ". Nó làm u ám linh hồn và làm cho linh hồn trở thành một hình ảnh lờ mờ của Thượng Đế. Thượng Đế là tình thương, Thánh John có nói: "Sự yêu thương trọn vẹn thì cất bỏ sự sợ hãi"([1]).

Đức tính Trì Giới (Shila) là hạnh kiểm hài hòa (harmony), và tốt đẹp (good). Nhà huyền linh học có một chuẩn mực đạo đức khác với chuẩn mực đạo đức của thế gian – khác ở chỗ nó nghiêm nhặt hơn nhiều. Nhà huyền linh học không bị ràng buộc bởi các luật lệ và các qui ước của xã hội, mà được ràng buộc bởi một cái gì đó còn mạnh mẽ hơn

[1] Nguyên văn: "Perfect love casteth out fear". (I, John 4, 18). Bản dịch: "Thánh kinh Tân Ước, trang 256, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, Hà Nội 2003

https://thuviensach.vn

nhiều – đó là các nguyên tắc của đời sống tâm linh, các nguyên tắc này không để cho nhà huyền linh học đi lệch khỏi (dù là rất ít) chân lý, bác ái và một cuộc sống phụng sự, không có chỗ nào cả cho sự đam mê lạc thú cá nhân.

236.- Hỡi đạo sinh, hãy vững tâm tiến bước. Hãy rửa sạch linh hồn ngươi trong tinh chất Kshanti; vì giờ đây ngươi tiến gần đến cánh cửa có tên gọi đó, là cửa kiên cường và nhẫn nại.

Chúng ta đã đến được cửa thứ ba. Kshanti là nhẫn nại và kiên cường. Cần có lòng nhiệt thành kiên định; không phải là loại nhiệt thành dễ bị kích động, nôn nóng, đột biến, vốn làm suy yếu kẻ có nó, trước khi nó hoàn tất được điều gì hữu ích.

237.- Đừng nhắm mắt mà cũng đừng làm ngơ với Dorje. Mũi tên của Mara bao giờ cũng đánh bại kẻ nào không đạt được Vairagya.

Mara là chúa tể của dục vọng, là sự nhân cách hóa dục vọng, thế nên người ta cho rằng, mũi tên của Ma Vương bao giờ cũng bắn trúng kẻ nào không đạt đến tình trạng Vairagya tức tính vô sở dục (desirelessness).

299 Bà Blavatsky chú giải về Dorje hay là vajra, là tiếng sét (thunderbolt), là Quyền Lực Trượng (Rod of Power), cũng đã được nói đến trong Phần 2. Bà nói:

"Dorje, theo Bắc Phạn ngữ là Vajra, một vũ khí hay là khí cụ trong tay của một số Thần Linh (tiếng Tây Tạng là Dragshed, là các vị Thần [Devas] che chở con người), và được xem như là có cùng sức mạnh huyền linh để trục đuổi các

https://thuviensach.vn

ảnh hưởng xấu bằng cách thanh lọc không khí, giống như khí Ozone trong hóa học. Đó cũng là một Mudra, tức một tư thế (gesture) và toạ thế (posture) được dùng trong khi ngồi thiền. Tóm lại đó là một biểu tượng của sức mạnh khống chế được tà lực vô hình, dù là dưới hình thức một tư thế hay một linh phù. Tuy nhiên, phái Bhons và Dugpas (Mũ Đỏ), chiếm lấy biểu tượng đó, lạm dụng nó cho các mục tiêu của tà thuật. Với phái Mũ Vàng hay Gelugpa, đó là một biểu tượng của quyền lực, giống như thập giá đối với người Thiên Chúa giáo, trong khi biểu tượng đó không hề có tính cách mê tín nữa. Với phái Bhons, nó giống như tam giác đôi đảo ngược, là dấu hiệu của tà thuật."

Quyền Lực Trượng, vốn được lưu giữ tại Shamballa và được sử dụng trong các cuộc Điểm Đạo và ở những dịp khác, có lẽ là linh phù (talisman) mạnh nhất trên hành tinh này. Đồng thời nó là một biểu tượng vĩ đại của quyền năng không thể cưỡng lại được, mà, khi chúng ta cảm nhận được nó, thì nó sẽ làm cho chúng ta không còn sợ hãi nữa.

Linh phù không phải chỉ là các di tích của tình trạng mê tín Thời Trung Cổ như một số người tưởng nghĩ. Nếu một người nào đó có mức độ nhạy cảm tối thiểu, có dịp đến gần tủ kính trưng bày đặt trong Bảo Tàng Viện Anh Quốc có chứa các bảo thạch (gems) của Triết gia Thần Bí cổ thời, người ấy có thể dễ dàng tin tưởng vào sự kiện đó, vì ảnh hưởng đang
300 tỏa ra từ một số bảo thạch đó được cảm nhận rõ ràng. Một linh phù là một vật nhỏ có nạp từ điện, mục đích của nó là xua đi mọi ảnh hưởng không hòa hợp với loại từ điện mà nó được tích nạp. Cách hoạt động của nó có thể được so sánh với

https://thuviensach.vn

cách hoạt động của một con quay hồi chuyển(1), con quay này xoay tròn theo cách nào mà đôi khi nó sẽ gãy vỡ thành nhiều mãnh hơn là để cho chuyển động của nó bị đổi hướng. Đá quý / ngọc (jewel) dùng làm linh phù tốt nhất vì là loại khoáng thạch cao cấp nhất, nên nó giữ được từ điện bền bĩ nhất. Trong các trường hợp thông thường, sự sợ hãi bắt đầu một cách yếu ớt và chỉ gom góp sức mạnh một cách từ từ. Trong tất cả các trường hợp như thế, một linh phù được nạp (charged) bằng đúng loại từ điện sẽ trở thành một sự trợ giúp, vì linh phù xua đi các rung động yếu ớt đầu tiên này. Như vậy, người đeo linh phù sẽ có thời gian thu người lại để kêu gọi sức mạnh của chính y, và để phát động trong thể tình cảm của y các rung động thuộc loại đối nghịch (với sự sợ hãi – ND)

Đức Aryasanga trở lại đề tài sợ hãi:

238.- Hãy cảnh giác với sự lo sợ. Dưới luồng hơi lo sợ, chìa khoá Kshànti trở thành rỉ sét; chìa khoá rỉ sét không còn mở được cửa.

239.- Càng tiến tới, chân ngươi càng gặp nhiều cạm bẫy. Con đường tiến tới được soi sáng bằng ngọn lửa duy nhất –

---

[1] *Con quay hồi chuyển:* Gyroscope. Vật rắn có một trục đối xứng, có moment (mô-măng) quán tính đối với trục đó tương đối lớn và quay nhanh quanh trục đó, trục quay này lại có thể quay quanh một điểm cố định. Ứng dụng: chế tạo la bàn hồi chuyển; thiết bị chống tròng trành; máy tự động điều chỉnh phương… (Từ Điển Vật Lý, Hà Nội 1982)

La bàn hồi chuyển: La bàn dùng để chỉ mặt phẳng kinh tuyến địa lý. (Từ Điển Vật Lý).

https://thuviensach.vn

ánh sáng dũng cảm đang bùng lên trong tim. Người nào càng dũng cảm, càng nhận được nhiều ánh sáng. Người nhiều lo sợ, ánh sáng đó sẽ yếu ớt hơn, và chỉ có ánh sáng đó mới có thể dẫn đường. Vì như tia nắng còn rơi rớt lại trên đỉnh núi cao đang chiếu sáng, sẽ tắt đi khi bóng đêm ập đến, thì ánh sáng
301 *trong tim cũng thế. Khi ánh sáng đó tắt, bóng tối đe doạ từ chính tim ngươi sẽ phủ xuốngThánh Đạo, và gắn chặt chân ngươi tại chỗ với nỗi hãi hùng.*

240.- Hỡi đệ tử, hãy cảnh giác với cái bóng nguy hại đó. Không ánh sáng nào tỏa chiếu từ Tinh Thần có thể xua đi bóng tối của linh hồn phía dưới, trừ phi mọi tư tưởng ích kỷ đều đã chạy trốn khỏi đó, và kẻ hành hương cất tiếng: "Tôi đã từ bỏ được cái hình hài phù du này; tôi đã huỷ diệt cái nhân; còn quả, tức cái bóng được hắt ra, không thể tồn tại được". Vì giờ đây trận chiến lớn cuối cùng, tức trận chiến giữa Chân Ngã với phàm ngã đã xảy ra. Hãy xem, chính bãi chiến trường giờ đây bị nhấn chìm trong trận đại chiến và không còn nữa.

241.- Nhưng một khi ngươi đã vượt qua cổng Kshànti, tức là qua được bước thứ ba. Xác thân ngươi là nô lệ của ngươi.

Rõ ràng các câu kinh này nói rằng đạo sinh phải tập đặt phàm ngã sang một bên hoàn toàn. Sự lo sợ vốn thuộc về phàm ngã, vì Chân Ngã không thể có gì để lo sợ dù có gì xảy ra trên đời – một triết gia thời cổ La Mã có nói: *nỗi sợ duy nhất mà một người chân chính có thể có là bản thân y mình không thể sử dụng toàn bộ tất cả các đức hạnh hay năng lực để làm điều lành.*

Tính ích kỷ cũng thuộc về phàm ngã, và trong vấn đề này, thói quen của hàng trăm lần luân hồi có thể phải bị đảo ngược; vì đôi khi người ta có thể thấy chính mình có phần ích

https://thuviensach.vn

kỷ cho dù khi tâm đã dứt khoát chống lại tính đó; điều đó có thể so sánh với những gì xảy ra khi đầu máy của tàu chạy hơi nước thình lình bị đảo ngược để dừng lại, nhưng tàu vẫn chạy tới trước, ngược lại với đầu máy. Nhưng chẳng bao lâu, đà chạy tới sẽ hoàn toàn bị hóa giải, kế đó chiếc tàu sẽ hoàn toàn tuân theo đầu máy.

Chỉ khi nào người ta xoá bỏ được tính ích kỷ này thì Chân Ngã mới có thể soi sáng phàm ngã hoàn toàn. Chân Ngã, hay Linh Hồn, bản thân nó có thể có những cái có vẻ như ích kỷ, mặc dầu tính ích kỷ đó hoàn toàn khác với cái ích kỷ của phàm ngã. Chân ngã có thể không biết đến các Chân Ngã khác, nếu nó vẫn chỉ là manas (thượng trí) đơn thuần chớ không phải manas-taijasi, tức là manas có liên lạc chặt chẽ với buddhi, và như thế có thể ích kỷ theo cách đó, nhưng nó có thể không bao giờ mắc phải lỗi lầm khi tưởng nghĩ rằng nó có thể thu lợi (gain) nhờ việc mất mát của kẻ khác, một lỗi lầm vốn thường có ở cõi đời này. Thí dụ, trong việc doanh thương, con người thường làm những điều mà họ biết là sai trái; họ nghĩ rằng họ đã thu được lợi, rằng họ đã vượt qua những người láng giềng của họ, nhưng họ đã phạm một lỗi lầm lớn. Hoàn toàn tách rời khỏi luật karma, (luật này được ràng buộc vào hành động) con người đã để tâm vào việc hoạch định làm cách nào để lừa gạt và y sẽ phải hứng chịu đau khổ vì phản ứng của mọi mãnh lực của tư tưởng và dục vọng mà y đã phát khởi theo chiều hướng đó. Y đã tạo ra một thói quen, và lần tới khi mà có dịp để làm một điều gian trá nào đó, y sẽ dễ nhượng bộ hơn trước sự cám dỗ và khó hơn một ít trong việc kiềm hãm chính mình để làm điều chính trực. Phải chi y có thể thấy được toàn bộ ảnh hưởng qua lại

https://thuviensach.vn

(transaction) chớ không phải chỉ có một góc cạnh nhỏ của sự việc, thì y sẽ nhận thức được rằng y không được lợi, mà đã mất mát rất nhiều.

Một Chân Nhân (Ego) không thể thiếu vô minh như thế. Kẻ nào hay lừa gạt là vì kẻ đó chỉ thấy các kết quả trước mắt trên cõi trần, giống như một ông tướng không chú ý vào tất cả các chỗ còn lại của chiến trường mà chỉ nhắm vào một vị trí nhỏ. Ông tướng có thể chiếm được vị trí đó, nhưng ông ta sẽ thất trận.

Nếu bạn đạt đến giai đoạn huỷ diệt được tính ích kỷ, thì bạn có thể nói: "Tôi đã diệt được nhân"; nguyên nhân của mọi khó khăn và phiền não ở trần gian.

Chiến trường giờ đây đã bị chôn vùi và không còn nữa, và giác tuyến (antahkarana) biến mất khi Chân Ngã đã nuốt chửng phàm ngã, và nó không còn tồn tại nữa.

Dường như Đức Aryasanga có trong bối cảnh thể trí của Ngài cái ý tưởng về sự tương ứng giữa bảy cổng này với bảy nguyên khí trong con người. Ba cổng đầu có liên quan ở một chừng mực nào đó với ba nguyên khí thấp trong phàm ngã, trong khi cửa thứ tư có liên quan với hạ trí thuần tuý (pure lower mind) vốn dĩ là tia sáng của Thượng Trí và là antahkarana. Ở điểm này, các cám dỗ bắt đầu trở thành những cám dỗ của các nguyên khí cao, và như vậy thuộc về con người nội tâm.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 4

CỬA THỨ TƯ

241.- Giờ đây hãy chuẩn bị cho bước thứ tư, cửa có nhiều cám dỗ để gài bẫy con người nội tâm.

242.- Trước khi ngươi có thể đến gần mục tiêu đó, trước khi bàn tay ngươi nhấc lên mở chốt cửa thứ tư, ngươi phải đã chủ trị được mọi biến chuyển trí tuệ nơi chính ngươi và tiêu diệt đạo quân cảm giác của tư tưởng, chúng vừa tinh tế vừa hiểm độc, âm thầm len lỏi vào tận Thánh Điện chói sáng của Linh Hồn.

C.W.L. Chính trong kinh nghiệm của nhiều người chí nguyện muốn tiến vào Thánh Đạo, các lỗi lầm thông thường đã gặp phải và đã bị chinh phục trong cuộc sống thông thường, lại tái xuất hiện về sau dưới một hình thức khác. Ví dụ bạn đã diệt được sự kiêu hãnh dưới hình thức đời thường, thì nay nó sẽ tái hiện lại dưới hình thức kiêu hãnh về tinh thần (spiritual pride). Cũng thế, bạn có thể đã diệt được cái ham muốn về lợi lộc trần thế, nhưng nó lại đến dưới hình thức ham muốn cho sự tiến bộ cá nhân, hoặc ham muốn kiến thức để thỏa mãn cho riêng mình, để cảm thấy rằng mình là con người có hiểu biết.

Kế đó, thậm chí khi sự thông cảm bắt đầu làm cho nó thành một sức mạnh trong đời sống, thì tính vị kỷ cố chiếm

https://thuviensach.vn

lấy nó và khiến cho bạn chỉ muốn tống khứ cái nguyên nhân của sự bất tiện và bất hạnh của chính bạn, bằng cách đặt đối tượng của đau khổ ra ngoài tầm mắt. Điều này giống như trường hợp bà nội trợ – nếu có bà nội trợ thuộc loại này – không thích thấy bụi bặm trong phòng, thế nên quét bụi vào dưới tấm thảm, thay vì giữ cho căn phòng được sạch sẽ hoàn toàn.

Ngay cả sự thù ghét cũng xuất hiện trở lại, thật khó tin là một tật xấu thô bỉ như thế lại có thể xuất hiện trong số những người đang nỗ lực sống một cuộc đời thanh cao. Nguy hiểm là một số đạo sinh của chúng ta tiến gần đến tật xấu đó, nếu có ai khác bất đồng với họ về bất cứ chủ đề nào, ví dụ như đề tài về các dãy hành tinh, hoặc là về vấn đề liệu Hỏa Tinh (Mars) và Thuỷ Tinh (Mercury) có thuộc về dãy địa cầu chúng ta hay không! Dĩ nhiên, nếu người ta hỏi thẳng thừng: "Bạn có ghét người này hoặc người nọ vì ý kiến ông ta về điểm này khác với ý kiến của bạn chăng"? thì y sẽ phủ nhận điều đó; nhưng y sẽ không qua lại thăm viếng người kia, và nếu họ có dịp gặp gỡ, thì y sẽ cảm thấy rất bối rối và tỏ vẻ khó chịu, nếu không, y sẽ che đậy cảm xúc đó bằng một vẻ thoải mái giả tạo, một bề ngoài thân thiện, giống như lớp dầu trên nước.

Đây là một lỗi lầm dai dẳng khác thường, và nó chịu trách nhiệm cho một số các phiền toái lớn trên thế giới. Chẳng phải là toàn thể giới Thiên Chúa giáo bị xáo trộn và bị chia cắt vụn ra vào thế kỷ thứ tư vì một dấu chấm (dot) trên một mẫu tự (letter) của một từ ngữ (word) đó sao? Nó tạo ra sự dị biệt trong từ ngữ đó về việc có phải Thượng Đế Ngôi Hai có cùng bản thể (same substance) với Thượng Đế Ngôi Một hay là có bản thể *giống nhau* (*like* substance). Đây là toàn

https://thuviensach.vn

bộ cuộc tranh luận diễn ra ác liệt khắp cả thành Alexandria giữa cái được gọi là những người Arians(1) và những người chính thống (orthodox). Và ngày nay, chẳng phải hàng triệu người Thiên Chúa giáo ở về một phía và hàng triệu người Thiên Chúa giáo ở về phía khác tách biệt ra, tất cả chỉ vì vấn đề về việc liệu Thượng Đế Ngôi Ba xuất phát trực tiếp từ Thượng Đế Ngôi Một hay là từ Ngôi Một thông qua Ngôi Hai? Đây là cuộc "tranh luận thần học" nổi danh về cái được gọi là Sự Nhiệm Xuất (Procession) của Chúa Thánh Thần(2), cuộc tranh luận này dẫn đến sự xáo trộn giữa hai đại môn phái của Giáo Hội Cơ Đốc. Giáo Hội Đông Phương (Eastern Church) hay Giáo Hội Hy Lạp, chủ trương rằng Chúa Thánh Thần, tức Thượng Đế Ngôi Ba, xuất phát từ Chúa Cha – tức nhiệm xuất đơn (single procession) – nhưng Giáo Hội Tây Phương, hay Giáo Hội La Mã chủ trương rằng Chúa Thánh Thần xuất phát từ Chúa Cha và Chúa Con – tức nhiệm xuất đôi (double procession). Cuộc tranh cãi xoay quanh một điều mà không một ai có thể biết chút gì cả và không có chút quan trọng thực sự nào đối với bất luận ai. Theo các sơ đồ mà chúng tôi được chỉ dạy, thì những nhà nghiên cứu Minh Triết

[1] Arians: thành phần của các dân tộc nói bất cứ ngôn ngữ nào thuộc họ ngôn ngữ Indo-European (Ấn-Âu). (Tự Điển Oxford, 1994)

[2] Procession of the Holy Ghost: Nhiệm xuất của Chúa Thánh Thần. (Có lẽ nên hiểu "nhiệm xuất" là "xuất hiện mầu nhiệm" - ND). Thuật ngữ thần học này do Ban Giáo sư Đại Chủng Viện Bùi Chu đối dịch. (Trích "Danh Từ Thần Học và Triết Học", do Trí Đức Thư Xã xuất bản, Hà Nội 1953)

https://thuviensach.vn

Thiêng Liêng chúng tôi có thể suy luận rằng cả hai phía đều có lý, nhưng không phía nào chịu đón nhận đề xuất đó cả.

Hãy lấy một thí dụ khác, trong Phật giáo, hai phái lớn của những người cùng đạo (coreligionists) bị chia rẽ bởi vấn đề phải chăng bảo đàn (platform) dựng trên nước để cử hành một số nghi lễ nên được làm bằng ba hay là bốn tấm ván (planks)? Thế rồi họ cử hành các buổi lễ của họ một cách riêng biệt vì lý do đó!

Dù cho Hỏa Tinh và Thuỷ Tinh thuộc về dãy hành tinh của chúng ta hay không, thì có gì là quan trọng? Chúng ta có thể cũng vẫn là người nam và nữ có đức hạnh, cũng như là người công dân gương mẫu, cũng như là những nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng có tâm huyết, những người phụng sự đắc lực cho Chân Sư, và chúng ta hy vọng đều trở thành bạn tốt dù cho ý kiến chúng ta có ra sao đi nữa. Riêng tôi, tôi nghiên cứu và quan sát một cách thận trọng khi tôi có thể, và kế đó đưa ra những gì tôi biết, vì tôi có bổn phận phải làm thế, nhưng tôi không bao giờ tự phụ là không thể sai lầm, mỗi ngày qua tôi đều trau giồi thêm kiến thức. Tôi sẽ không bao giờ nghĩ đến việc tìm ra lỗi lầm nơi bất cứ người nào không đồng ý với những gì mà tôi nói. Thực ra, đã hơn một lần tôi được nghe bà T.S. Besant nói một câu thâm thuý biết bao, đó là bà mong rằng không một người nào sẽ biến những gì mà bà đã nói thành giáo điều, và đưa bà vào vị thế thành một trở ngại cho sự tiến bộ sau này trong Hội Minh Triết Thiêng Liêng, và trở thành một nguyên nhân chia rẽ. Nếu bà có bất cứ lo âu nào thì đó là lo về cái nguy cơ chia rẽ này vậy.

Các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng được cho là đã từ bỏ ý tưởng về sự bất khả sai lầm của bất cứ nguồn tri thức đặc biệt nào. Vấn đề đối với chúng ta khi một ý tưởng

https://thuviensach.vn

mới được truyền bá là "Ý tưởng đó nghe có vẻ là thật không? Ý tưởng đó có truyền cảm hứng (inspire), có nâng cao tinh thần (elevate), có đưa tới giác ngộ hay không?" – chứ không phải là, "Ai đã phát biểu ý tưởng đó? Bạn đã lấy ý đó từ sách nào?" Tuy nhiên, có một số người đã từ bỏ niềm tin mù quáng vào Thánh Kinh (Bible), và chuyển niềm tin đó vào bộ sách *Giáo Lý Bí Nhiệm (The Secret Doctrine)*([1]) mặc dầu là một nguồn minh triết kỳ diệu, bộ sách đó vẫn chưa hoàn hảo, theo lời tác giả của bộ sách. Bà nói bộ sách này chỉ là một chọn lọc các đoạn giáo lý căn bản của học thuyết huyền bí (secret doctrine), chú tâm đặc biệt vào một số sự kiện mà các tác giả khác nhau([2]) đã nắm vững, và bị biến dạng không còn giống với chân lý nữa. Bà trích dẫn các lời của Montaigne (đọc: Mông-tên-nhờ)([3]): *"Ở đây tôi chỉ tuyển lựa ra các đóa hoa và dùng dây buộc chúng lại thành bó mà thôi."*

Bộ Giáo Lý Bí Nhiệm sẽ là một kho tàng cho các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng trong hàng trăm năm; chúng ta đừng nên gắn vào nó lời nguyền rủa của chủ nghĩa giáo điều (curse of dogmatism). Trong huyền linh học, không

---

[1] Tác giả về mặt công truyền của bộ sách này là bà H.P. Blavatsky (ND).

[2] Sở dĩ ở đây ông Leadbeater dùng cụm từ "các người viết khác nhau" là vì bộ sách Giáo Lý Bí Nhiệm do ba vị Chân Sư viết ra qua bàn tay của bà Blavatsky, có lúc Chân Sư làm thức động Chân Ngã của bà để bà viết thay cho Ngài, có lúc các Chân Sư nhập xác bà để viết ra, đó là những điều mà bà Blavatsky viết trong bức thư gửi cho bà cô ruột. (ND)

[3] Michel Ey'quem'de Montaigne (1533-1592): Văn sĩ Pháp, chuyên viết tiểu luận (essayist) (ND).

https://thuviensach.vn

một ai có thể nói lời cuối cùng. Tri thức mà chúng ta có được cho đến nay chỉ giống như việc vén lên một góc nhỏ của bức màn vĩ đại; chúng ta không có một khái niệm nào về những gì có thể được tiết lộ khi vén lên phần khác.

Đức Aryasanga nói, trước khi người ta có thể hy vọng vượt qua cổng thứ tư này, người ta phải chế ngự các thay đổi trong trí của chính mình. Các tâm trạng đến rồi đi, chúng tác động tới nhân sinh quan (outlook, cách nhìn) của con người rất nhiều. Thật khó cho một người hiểu được rằng khi y ở trong một đám mây chán nản, thì thế giới ở bên ngoài thật ra không hề đen tối hơn thế giới trước đó. Khi gặp một phiền muộn lớn gây xáo trộn xảy tới cho mình, thì y sẽ bị sốc khi y bước ra ngoài và thấy rằng mặt trời vẫn đang tỏa chiếu, còn người ta đang mỉm cười, thậm chí còn vui cười nữa.

Một người đang rất khốn khổ cho bản thân mình, đôi khi cảm thấy vô cùng tức giận khi thấy kẻ khác vẫn hạnh phúc như bình thường. Người đó cho rằng người đời thiếu từ tâm và không chịu quan tâm nhiều đến mình. Y quên rằng, chỉ mới hôm qua, khi y sống trong hạnh phúc, còn những người khác gặp sầu khổ, y đã không ngó ngàng gì đến họ, mà vẫn tiến tới hoàn toàn thoải mái. Tôi biết rằng sự chán nãn là một sự kiện rất hiện thực, nhưng nó luôn luôn do ta tạo ra hoặc do ta cho phép xảy ra. Đôi khi nó xảy đến do sức khỏe yếu kém, mệt mỏi quá mức hoặc căng thẳng thần kinh. Có khi nó xuất phát từ cõi cảm dục, nơi đó có nhiều người tạm gọi là người chết([1]) đang ở trong trạng thái chán nãn

[1] Nguyên văn: Where there are many so-called dead people. Sở dĩ ông Leadbeater thêm vào cụm từ "so-called" ("tạm gọi thế") là vì Linh Hồn (soul) không bao giờ chết. Lúc đó Linh Hồn ở trạng thái

https://thuviensach.vn

(depression, trầm cảm). Do đó sự trầm cảm xảy đến không phải luôn luôn do lỗi của chúng ta, nhưng chúng ta có lỗi nếu chúng ta để cho nó ở lại.

Một số lớn người dường như cho rằng thái độ của họ đối với các sự việc sẽ có ảnh hưởng quan trọng lên sự việc đó.

Người đó sẽ nói: "Ồ, không, bạn sẽ không bao giờ làm cho tôi tin được điều đó đâu!", người đó cho là việc không tin của mình sẽ giải quyết xong vấn đề đang bàn đến. Nhưng nếu một sự việc là một sự kiện có thật, thì nó vẫn là một thực kiện, dù cho y có tin nó hay không. Đây là một trong các lề thói nhỏ nhen kỳ quặc mà tính tự phụ của con người `tự lộ ra.

Nhân Hồn (Human soul), sau khi bỏ lại thể xác ở cõi trần, sẽ tiếp tục sống trong thể hạ trí cùng thể tình cảm (thể cảm dục) và hoạt động trong cõi tình cảm (hay cõi cảm dục). Khi thể tình cảm tách ra, Nhân hồn tiếp tục sử dụng thể hạ trí và hoạt động trong cõi hạ trí. Đến lúc thể hạ trí tách ra, Nhân hồn mới nhập vào cõi phụ thứ tư của cõi trí, tức là cõi phụ cao nhất thuộc phần hạ trí hay còn gọi là cõi Thiên Đường tạm, tức *Devachan*. Đến đây là hoàn tất tiến trình *siêu thoát* (nhưng chưa phải là giải thoát, vì còn phải luân hồi nữa). Sau một thời gian ở lại Devachan để đồng hoá các kinh nghiệm đã học hỏi được lúc còn ở trong ba thể thấp (thể xác, tình cảm và thể hạ trí) có thể lâu đến 1500 năm (theo bà Blavatsky), Nhân hồn mới vào cõi Thượng Trí, tái hòa nhập với Hồn Tinh Thần hay Hồn Thiêng (Spiritual soul= Divine soul) đang ngự tại cõi phụ thứ ba (nếu là thường nhân) hoặc cõi phụ thứ nhì (nếu là đệ tử điểm đạo) của cõi trí (tức phần Thượng Trí) để chuẩn bị đi đầu thai. Các diễn tiến như thế cứ tiếp diễn đến nhiều trăm (khoảng hơn 700) kiếp luân hồi cho đến khi Linh Hồn đạt được lần điểm đạo 5, trở thành Chân Sư, mới hoàn toàn giải thoát hay là trở thành Đấng Bất Tử. Như vậy cái chết không có thực (ND).

https://thuviensach.vn

Ta cũng phải đề phòng những ý tưởng ngẩu phát[1], không để cho chúng cản trở cuộc sống phụng sự của ta, cũng như không để ta bị che khuất trước cơ hội phụng sự tốt lành cho một người nào đó chỉ vì lý do ta không ưa một điểm nào đó nơi người này – chẳng hạn lối cắt tóc của y. Một việc như thế nghe có vẻ nhỏ nhặt tầm thường thật đấy, nhưng nó để lộ tình trạng tâm trí và tính tình của ta. Chính một ý tưởng về chủng tộc, giai cấp hoặc đẳng cấp mới thường tạo ra chướng ngại. Ở xứ Ấn, người thuộc giai cấp Bà La Môn[2] thường xao lãng bổn phận của mình đối với các giai cấp khác vì lý do đó. Mọi người đều phải có một cơ may để nâng chính mình lên về mặt xã hội và đạo đức càng nhiều càng tốt cho mình. Dĩ nhiên, người ta không thể thay đổi tình trạng của hàng triệu người trong một thời gian ngắn, nhưng người ta có thể luôn luôn biểu lộ sự ân cần nhất và quan tâm nhiều đến những người này và trợ giúp bất cứ người nào trong số đó, vì đây là những người rất cần được giúp đỡ.

243.- Nếu không muốn bị chúng làm hại, thì ngươi phải làm cho những gì do ngươi tạo ra trở thành vô hại, những cái đó là những đứa con do tư tưởng ngươi sinh ra, chúng vô hình, khó cảm thấy, nhung nhúc quanh nhân loại, quanh đám con cháu và người thừa kế nhân loại, và những của cải trần gian của nhân loại. Ngươi phải nghiên cứu sự trống rỗng của cái dường như tràn đầy, sự tràn đầy của cái dường như trống rỗng.

Sự tràn đầy của cái dường như trống rỗng là một cụm từ nhiều ý nghĩa. Câu đó dùng cho nhiều điều kiện khác

[1] Ngẩu phát: phát sinh một cách đột ngột, tình cờ.

[2] Xin xem lại cước chú về giai cấp này ở trang 197 (ND).

https://thuviensach.vn

nhau. Trước tiên người ta nghĩ đến Koilon, tức hậu thiên khí của không gian (aether of space). Thông thường người ta nghĩ đến không gian như là một cái gì đó trống rỗng, nhưng thật ra nó chứa đầy một chất liệu có mật độ dày đặc khó tưởng tượng nỗi. Đó là loại chất rắn đặc bề ngoài nhưng lại "trống rỗng". Vật chất (matter) mà chúng ta nhìn thấy, gồm các lỗ hổng (holes) trong vật chất đích thực (real matter), của các bong bóng (bubbles) được thổi trong koilon.

Như một nhà khoa học người Pháp mới đây có nói: "Không còn vật chất nào nữa. Không có gì ngoài những lỗ trong chất dĩ thái (ether)". Nhận định mới nhất của khoa học về dĩ thái không gian là mật độ của nó gấp mười ngàn lần mật độ của nước, và khoảng năm trăm lần mật độ của kim loại nặng nhất, thứ đậm đặc nhất mà bạn có thể nghĩ tới.

Tín đồ Ấn Giáo nói tới vật chất–gốc (root-matter) hay là Mulaprakriti, theo tôi nghĩ, koilon là một hình thức đậm đặc hóa (densification) của Mulaprakriti. Họ nói rằng khi Thượng Đế nhận thức (realizes) chính Ngài, khi Ngài phân hóa (differentiates) chính Ngài ra khỏi Cái Tuyệt Đối (the Absolute) và dường như là Ngài nhìn lại để xem xét cái Tuyệt Đối đó thì Ngài không thấy nó nữa, mà chỉ thấy một bức màn che ngang qua đó – và bức màn đó là mulaprakriti. Trong bộ sách *Giáo Lý Bí Nhiệm*, bà Blavatsky trích dẫn các lời của Đại Đức T. Subba Row về đề tài này như sau:

> Thuở xưa, khi Cái Đó (It) [nghĩa là Thượng Đế (Logos), "… sự biểu lộ đầu tiên (hay trạng thái) của Parabrahman"] bắt đầu hiện hữu như một thực thể hữu thức,… theo quan điểm khách quan của Cái Đó,

https://thuviensach.vn

> Parabrahman hiện ra trước Cái Đó dưới hình thức Mulaprakriti. Vui lòng ghi nhớ điều này,… vì đây là căn cội của toàn bộ cái khó khăn về Purusha và Prakriti được các nhà trước tác khác nhau về triết học Vedanta cảm nhận được… Mulaprakriti này là vật chất đối với Cái Đó (Thượng Đế) cũng như bất luận đối tượng vật chất nào đối với chúng ta. Mulaprakriti này không hơn gì Parabrahman, so với một bó các thuộc tính của một cây cột là chính cây cột đó. Parabrahman là một thực tại tuyệt đối và không bị qui định (unconditioned reality), còn Mulaprakriti là một loại màn che vắt ngang qua thực tại đó. Một mình Parabrahman không thể được nhìn thấy theo đúng thực tướng. Parabrahman được Thượng Đế (Logos) nhìn thấy với một bức màn vắt ngang qua đó, và bức màn đó là bầu trời hùng vĩ bằng Chất Vũ Trụ (Cosmic Matter)… (GLBN I, 462).

Thượng Đế được nói đến ở đây là Thượng Đế của Đại Vũ Trụ chúng ta (our UNIVERSE), trong đó có *nhiều triệu Thái dương hệ*[1] – không phải là Thượng Đế của chỉ một Thái Dương Hệ. Chính Đấng Thượng Đế đó đã truyền linh khí của Ngài vào vật-chất-gốc (root-matter), Ngài xoi các lỗ (holes) trong không gian, để cho vũ trụ (universe) xuất hiện. Mười bốn ngàn triệu (14.10^9) bọt này tạo thành một nguyên tử vật chất (a physical atom, nguyên tử hồng trần), và mười tám (18) bọt này tạo thành một nguyên tử khinh khí (atom of

[1] Một Vũ Trụ Thượng Đế chỉ làm linh hoạt 7 Thái Dương Hệ, (xem A Treatise on Cosmic Fire, A. A. Bailey), như vậy Đấng này tiến hoá rất cao. Có lẽ Đấng vĩ đại này nên gọi là Thiên Hà Thượng Đế. (ND)

https://thuviensach.vn

hydrogen), vốn là nguyên tố (element) nhẹ nhất trong các nguyên tố hoá học.

Do đó, quả thật là tất cả những gì mà chúng ta biết được dưới hình thức vật chất, không gì khác hơn chỉ là các lỗ trong vật chất thực sự. Sức ép (pressure) của vật-chất-gốc đó là nhiều triệu tấn(1) mỗi inch vuông(2). Khi con người biết được cách loại trừ được áp lực này, thì họ có thể vận dụng sức mạnh khủng khiếp đó để làm vận chuyển máy móc của họ. Con người sẽ có thể sử dụng sức mạnh của Thượng Đế vốn hiện hữu trong nguyên tử, sức mạnh này giữ cho chính nguyên tử chống lại sức ép vĩ đại đó. Nhưng sức mạnh này đầu tiên sẽ là sức mạnh liên quan đến việc phân rã của nguyên tử vật chất vốn sẽ được rút ra.

Sự đầy đủ của cái dường như rỗng không và sự rỗng không của cái dường như đầy đủ có thể được nghiên cứu theo nhiều thứ kinh nghiệm quen thuộc. Bầu không khí chứa đầy các ý tưởng của biết bao con người và sinh linh khác nhau. Điều này được nói đến trong quyển *Thế Giới Huyền Linh*.

> Mọi tư tưởng do con người tạo nên đều thâm nhập vào nội cảnh giới và trở thành một thực thể linh hoạt bằng cách kết hợp chính nó và liên kết, tạm gọi thế, với một tinh linh (elemental) – nghĩa là với một trong các mãnh lực bán-thông-tuệ (semi-intelligent forces) của các giới (kingdoms). Tinh linh này tồn tại dưới hình thức một trí

---

1 Tấn: (Anh: 1016 kg; Mỹ: 907,2 kg; Pháp: 1.000kg).

2 Inch: 2,54 cm. Inch (đọc: in-sơ) vuông: 2,54 cm x 2,54 = 6,4516 cm^2

https://thuviensach.vn

khôn linh hoạt (active intelligence) – một sinh vật do trí tạo ra – trong một thời gian hoặc dài hoặc ngắn tương xứng với sức mạnh ban đầu của bộ óc tạo ra nó. Như vậy tư tưởng tốt lành được duy trì dưới hình thức một mãnh lực linh hoạt mang lại lợi ích, một ý tưởng xấu xa được duy trì dưới hình thức một ác quỷ. Và như thế con người liên tục làm đầy không gian bằng dòng tư tưởng của mình, với một thế giới của riêng mình, đông đúc với những con cháu của các tưởng tượng, các ham muốn, các thôi thúc và các đam mê của mình; bằng dòng tư tưởng vốn tác động trở lại vào bất cứ bộ máy thần kinh bén nhạy nào có dịp đến tiếp xúc với nó, tương xứng với độ mạnh của nó([1]).

Ngoài ra, một người có thể thiền định trong một phòng trống trải hoặc đầy người. Trong trường hợp sau, căn phòng có thể trống rỗng đối với người này, bởi vì những người khác đều không có ảnh hưởng nhiều đến y. Tuy nhiên trong trường hợp trước, căn phòng có thể đầy các nhân vật không thấy được nhưng mạnh mẽ và các ảnh hưởng được thu hút đến đó bằng sự thiền định, các nhân vật này chú tâm tuôn đổ sức mạnh của họ vào người tham thiền, người này dường như thấy chỉ ở một mình mà thôi.

Trong các trường hợp khác của đời sống, người ta cũng có thể thấy một điều giống như vậy. Nhiều biến cố dường như trọng đại xảy ra trước chúng ta và không tác động vào chúng ta, trong khi một sự kiện nhỏ nhặt nào đó có thể ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc sống. Cái chết của một người họ hàng gần, hay là việc mất mát tài sản có vẻ trọng đại khi nó

[1] Thế Giới Huyền Linh, trang 111.

https://thuviensach.vn

xảy ra đến nỗi người ta nghĩ việc đó sẽ tạo ra một bước ngoặt lâu dài trong đời sống một người, tuy nhiên cuối cùng nó ít khi tạo được sự dị biệt. Tôi đã từng trải qua kinh nghiệm như thế. Khi còn trẻ, tôi đã mất tất cả số tiền đáng kể mà tôi có được trong thảm họa tài chính lớn vào năm 1866. Lúc đó, dường như là một biến cố lớn lao; tuy nhiên việc đó lại không đáng kể đối với tôi. Nhưng việc tôi tình cờ gặp được một người, để rồi người ấy nói với tôi về bà Blavatsky lại rất quan trọng cho đời tôi. Cuộc gặp này dường như do sự tình cờ, nhưng nó hẳn đã được dự tính và sắp xếp trong cái dường như trống rỗng đó, nghĩa là thực ra rất đầy đủ theo mọi cách có thể có được.

Giống như vậy, vào một sáng Chúa nhật, khi tôi đang đàm đạo với một số nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng tại Adyar, thì một vị Thiên Thần (Deva) đang di chuyển ngang qua, ghé vào chỗ tôi. Vị Thiên Thần này chỉ cho tôi một vài cách thức mà các Thiên Thần muốn tạo ảnh hưởng lên con người qua tôn giáo trong buổi đầu của căn chủng thứ sáu. Lúc ấy tôi nghĩ việc này chỉ là hành động tử tế của một người bạn qua đường mà thôi, nhưng giờ đây tôi tin chắc việc đó đem lại lợi ích hơn thế nữa, theo quan điểm của những gì do đó mà ra. Việc đó đưa chúng ta đến chỗ hiểu biết rất nhiều về lúc bắt đầu giống dân mới, đưa đến việc tìm tòi, nhờ đó phần thứ hai của quyển sách "Con Người: Từ Đâu Đến và Đi Về Đâu" được soạn thảo, rồi sau đó ít lâu được nhập vào phần sưu khảo của bà Besant và của chính tôi, để hoàn tất phần đầu của quyển sách trên. Nhìn xa vào tương lai, tôi cảm thấy rằng bà sẽ được đông đảo con người ghi nhớ

https://thuviensach.vn

nhờ quyển sách đó, khi mà tất cả những gì bà đã viết ra trước kia sẽ bị quên đi.

243.- Hỡi kẻ tìm đạo can đảm, hãy nhìn sâu vào nguồn cội của chính tâm ngươi rồi hãy trả lời. Ngươi có biết các quyền năng của Chân Ngã chăng, hỡi kẻ nhận thức được các bóng tối bên ngoài?

Thanh khiết là một điều quan trọng, nhưng chưa đủ. Hài nhi vốn trong sạch, bởi vì nó không biết gì về thiện hoặc ác cả. Tri thức cũng cần để cho chúng ta có thể hành động, và cũng cần có ý chí để đưa tri thức đó vào hành động. Loài động vật vốn thanh khiết hơn con người, loài thực vật còn thanh khiết hơn nữa; chúng không có sự tưởng tượng như con người, chính sự tưởng tượng đó khiến cho con người tìm kiếm thú vui vật chất không tuân theo hay xem thường các định luật thiên nhiên. Tuy nhiên con người cần phải trải qua kinh nghiệm với vật chất, ngõ hầu con người có thể có được tri thức và rồi có thể quay trở lại với Đấng Thiêng Liêng mà con người đi xuống từ đó, để lấy lại tính thanh khiết của y. Chúng ta phát xuất từ Thượng Đế dưới hình thức một đám mây thiêng liêng, nhưng khi trở lại với Ngài thì thành một thực thể thiêng liêng có các quyền năng rõ rệt.

Khi bước vào Thánh Đạo, con người nhận ra được Cái Ngã thiêng liêng (the divine Self) nơi chính mình, và đang thoát ra khỏi ảnh hưởng của thế giới của các hình bóng (world of shadows). Thực tại của các hình bóng đó chỉ có tính cách tương đối, và giờ đây không có thực tại nào đối với con người ngoài cái thực tại của đời sống nội tâm, vốn mang lại cho con người một lĩnh vực kinh nghiệm hữu thức vô cùng phong phú hơn so với sự kích thích được tạo ra bởi các tác động của các sự việc bên ngoài. Con người đã nghĩ rằng các

https://thuviensach.vn

hình bóng đó có thật, tuyệt đối thật, hiện thực hơn là bất cứ gì khác, suốt trong nhiều kiếp luân hồi, và thật ra tất cả đều cần thiết, vì nếu không có sức thu hút của chúng, y sẽ không bao giờ thức tỉnh, không bao giờ chú ý, không bao giờ học hỏi chút gì cả.

244.- Nếu ngươi không làm được thì ngươi sẽ bị thất bại.

245.- Vì, trên con đường thứ tư, cơn gió nhẹ nhất của đam mê hoặc dục vọng cũng sẽ làm khuấy động ánh sáng ổn định trên các bức tường trắng thanh khiết của Linh Hồn. Gợn sóng nhỏ nhất của mong mỏi hoặc tiếc nuối đối với các món quà viễn vông của Hão Huyền chạy dọc theo Antahkarana – con đường nằm giữa Tinh Thần với bản ngã của ngươi, con đường cảm giác, kẻ khơi dậy thô thiển của Ahamkara – thì một ý tưởng thoáng qua như tia chớp cũng sẽ làm cho ngươi mất đi ba phần thưởng – những phần thưởng mà ngươi đã có được.

Giờ đây Đức Aryasanga đang nói về việc dứt bỏ (vairagya, xã ly), và Ngài cho rằng khi người ta cố gắng hoàn thành việc đó, thì sự đáp ứng ít nhất đối với tính chất thu hút của các sự việc, hoặc là sự mong muốn về chúng, sẽ ném người ta rơi trở lại vào hàng ngũ của những người còn bị nhiễu loạn. Điều này gợi lại sự so sánh linh hồn trong trẻo như cái hồ trên núi trong phần thứ hai([1]). Nơi đây Ngài lấy sự so sánh với một ngọn đèn để diễn tả sự kiên trì cần phải được đạt đến trong giai đoạn này.

[1] Xem lại ở trước, trang 203 (số trang trong bản Anh Ngữ - ND).

https://thuviensach.vn

Ngay cả một ý tưởng tình cờ cũng sẽ ném người ta lại đằng sau; quả đúng vậy, nhưng chúng ta phải nhớ tính chất này: nếu đó là ý tưởng của chính mình. Như trước đây tôi có giải thích, nếu đó chỉ là một phản ảnh tư tưởng của một người khác, chỉ là một hình tư tưởng đang trôi giạt đã thu hút sự chú ý, và hình ảnh đó không được nhặt lấy và làm cho nó thành hình ảnh riêng của mình, thì bấy giờ sẽ không có sự xáo trộn nào đối với sự thanh khiết và an tịnh, đối với sự xả ly/ dứt bỏ của con người.

Đôi khi những người rất thánh thiện lại chịu phiền muộn vì các ý tưởng thoáng qua như thế, và họ cảm thấy rằng ắt hẳn họ phải rất xấu xa mới có các ý tưởng như thế. Nhưng nếu họ đừng nhận chúng vào, nuôi dưỡng chúng làm tăng cường sức mạnh cho chúng, rồi gửi chúng ra để làm công việc phá hoại lớn hơn, thì họ thực sự không phạm một lỗi lầm nào cả. Đúng ra thì chúng ta sẽ không biết một ý tưởng xấu xa hoặc thiếu trong sạch nào nếu ý tưởng đó không tiếp xúc với một cái gì đó tương tự với nó trong chúng ta. Nhưng điều đó chỉ có nghĩa là chúng ta chưa hoàn thiện. Nếu một ý tưởng thuộc loại đó thoáng qua trí của một vị Cao Đồ (Adept), vị này sẽ không hề để ý đến nó, nhưng nếu có nhiều ý tưởng ấy bao quanh, Ngài có thể buộc phải xua chúng sang một bên, giống như người ta xua đi ruồi muỗi vậy. Do đó, đừng nên lo lắng một cách không cần thiết về các xáo trộn theo bản năng của cơn giận, hoặc tính ích kỷ, hoặc các ý tưởng bất hảo tản mạn; chúng là một di sản từ quá khứ, hoặc chúng thuộc về môi trường chung quanh của bạn. Nhưng đừng nên nhận nó vào chúng, vì nếu bạn làm thế, bạn sẽ không chỉ thất bại trong việc đạt được tính dứt bỏ, mà sẽ

https://thuviensach.vn

mất đi ba phần thưởng đã có, và bắt đầu leo lên trở lại từ ngay lúc bắt đầu Đường Đạo.

Antahkarana ở đây được gọi là con đường của giác quan (highway of sensations). Đó là phương tiện huyền bí, nhờ đó các sự việc vật chất có thể tác động vào tâm thức, là vận hà giữa khách thể và chủ thể, những gì gây nên một tác động trên một cơ quan cảm giác để hiện ra trong tâm thức dưới hình thức một cảm giác. Một cảm giác như thế, tức sự nhận thức trực tiếp về các sự vật, thì sinh động hơn bất cứ mô tả nào bằng ngôn từ. Việc nghe, thấy hoặc cảm nhận một điều gì đó sẽ cho người ta một cảm giác ấn tượng hơn về tính chất thực của điều đó so với việc chỉ có ý tưởng về điều đó mà thôi. Đó là lý do giải thích tại sao việc hiểu biết về các cõi khác bằng nhãn thông lại có giá trị hơn rất nhiều so với các mô tả mà chúng tôi có thể trình bày. Đó cũng là lý do giải thích tại sao các sách nói về yoga cho rằng mọi chứng cớ của biết bao người khác, và tất cả các phán đoán của người tìm đạo về các sự việc mà cho đến nay, người này chưa nhìn thấy, sau cùng sẽ phải được thay thế bằng nhận thức trực tiếp của chính người tìm đạo, chỉ một mình việc đó mới có thể mang lại một linh thị rõ ràng về chân lý.

Ở đây, các cảm giác được gọi là tác nhân thức động thô sơ (rude arousers) của ahamkara. Aham có nghĩa là "I" ("Ngã"/cái Ta"), còn kara là "tạo ra" (making"). Như thế, ahamkara có nghĩa là "tác-nhân-tạo-ngã" ("I-maker", ý niệm về cái tôi, ngã thức). Chính sự sinh động của kinh nghiệm trực tiếp đó làm thức động sự sinh động của cảm thức chúng ta về cuộc sống của chính chúng ta bằng sự tương phản. Và khi tiến trình này xảy ra ở mọi mức độ, nó cũng khơi dậy sự

https://thuviensach.vn

sinh động của phàm ngã giả tạo (false personality) trong khi con người vẫn còn ở trên thế gian; nhưng khi con người hoàn toàn ở trên Thánh Đạo và ảo tưởng về bản ngã cá nhân đã hoàn toàn bị huỷ diệt, nó mới làm thức động Chân Ngã vốn là Atma, tức ý chí, trong con người tinh thần. Trong phần thứ nhất (xem lại trang 71), chúng ta đã nghiên cứu hình thức cao này của ahamkara, thường được nhắc đến trong triết học của Ấn Giáo.

246.- Vì nên biết rằng Cái Vĩnh Hằng không biết thay đổi.

Tóm lại, người ta phải sẵn sàng từ bỏ cái thấp vì cái cao; người ta không thể mang của cải thế tục vào cõi trời. Các định luật và điều kiện của cõi cao sẽ không thay đổi để thích hợp với ước muốn của bất luận người tìm đạo nào.

247.- "Hãy vĩnh viễn từ bỏ tám khổ nạn. Bằng không chắc chắn ngươi không thể đến được với minh triết, cũng như không thể đạt đến giải thoát" đó là lời của Đức Đại Tôn Sư, Đức Như Lai trọn lành, tức là "Đấng đã đi theo bước chân của các Đấng Tiền Nhiệm của Ngài".

Tám khổ nạn là: ác ý, lười nhác, kiêu căng, hoài nghi, tham dục, ảo tưởng, vô minh và các kiếp sống tương lai. Mới nhìn qua, khổ nạn cuối cùng có vẻ kỳ lạ; nhưng ý nghĩa lại rất rõ ràng – sự sống trong thế giới này thì khốn khổ so với những gì mà các cõi cao phải mang đến cho chúng ta.

Thánh danh Như Lai (Tathagata) ở đây được diễn dịch là "Đấng đi theo bước chân của các vị tiền nhiệm của Ngài". Ở Ceylon(1), chúng tôi được dạy rằng thuật ngữ ấy có nghĩa

[1] Nay là nước Sri-Lanka (ND).

https://thuviensach.vn

là "Đấng đã được gởi đi đúng cách". Câu đó hàm ý là Ngài được Huyền Môn (Great White Brotherhood) gửi đi với tư cách là Sứ Giả của Huyền Môn để cứu độ thế gian, và Đấng nào được gửi đi như thế tất nhiên sẽ noi theo các giai đoạn của các Đấng đã đi trước Ngài. Điều đó giải thích tại sao câu chuyện về Điểm Đạo xuất hiện với ít biến thiên trong truyền thống của các quốc gia khác nhau, nhất là dưới hình thức của những gì được gọi là thần thoại thái dương.

248.- Nghiêm khắc và nhiều cố gắng là đức hạnh xả ly (vô sở dục)([1])

Nếu muốn chủ trị con đường vô sở dục, ngươi phải giữ cho tâm trí và nhận thức của ngươi tránh hành động gây tổn hại nhiều hơn trước.

249.- Ngươi phải tự thấm nhuần chính mình với Alaya thuần khiết, trở nên hợp nhất với Hồn-tư tưởng (Soul-thought) của thiên nhiên. Khi hợp nhất với nó, ngươi trở thành bất khả chiến bại; khi tách rời khỏi nó, ngươi trở thành sân chơi của Samvritti, cội nguồn của mọi ảo tưởng trên thế gian.

Có một cước chú dài giải thích chữ Samvritti như sau:

Samvritti là một trong hai chân lý (truths) nêu ra tính chất ảo tưởng (illusive character) hay là tính trống không của vạn vật. Trong trường hợp này, thì nó là chân lý tương đối. Phái Đại Thừa giảng dạy sự khác nhau giữa hai chân lý này – Paramarthasatya (Chân Lý Tuyệt Đối, Không Luận) và

[1] Xả ly / vô sở dục: Vairagya. Trong quyển Tiếng Nói Vô Thinh (không có phần giảng luận), thuật ngữ này được viết là Virâga (ND).

https://thuviensach.vn

Samvritti – satya (satya là Chân lý). Đây là sự tranh chấp về quan điểm giữa Madhyamikas (Phái Trung Luận, Trung Quán Luận) với Yogacharyas (Trường Phái Thần Bí). Phái trước phủ nhận, còn phái sau khẳng định rằng mọi vật tồn tại nhờ vào một nguyên nhân có trước hay bởi một chuỗi sự kiện nối tiếp (concatenation). Phái Trung Luận đều là những người nhiệt liệt theo Chủ Nghĩa Hư Vô (Nihilists) và là những người phủ nhận (deniers), đối với họ mọi sự việc đều là Parikalpita, là một huyễn tưởng và một sai lầm trong thế giới tư tưởng và trong vũ trụ chưa biểu lộ, cũng nhiều như trong vũ trụ biểu lộ. Phái Yogacharyas là những người nhiệt thành theo thuyết duy linh (spiritualists). Do đó, Samvritti, dưới hình thức chân lý tương đối duy nhất, là cội nguồn mọi ảo giác (illusion).

Chính tính phân biện, đức tính thứ nhất trong số bốn đức tính, mới có thể giúp người ta luôn luôn phân biệt giữa cái thực (real) với cái tương đối thực mà đôi khi chúng ta gọi là cái giả (unreal). Mỗi lần người ta xuyên qua cái giả và thấy được cái chân, thì việc làm lại điều đó càng trở nên dễ dàng, bởi vì nhờ đó mà chúng ta nhận ra được cái chân là Thượng Đế bên trong chúng ta. Thượng Đế nội tâm càng được khơi hoạt thì ta sẽ càng dễ dàng thấy được mục tiêu của Thượng Đế trong vạn vật và sự sống của Thượng Đế nơi những người khác.

Cùng một Alaya thuần khiết, ở trong chúng ta và cũng ở sau Thiên Trí trong thiên nhiên, đã được các nhà có nhãn thông của mọi tôn giáo nhận biết được. Một người Hồi Giáo học rộng có lần cho tôi biết rằng, câu nói nổi danh của đạo Hồi: "La ilaha ilia Ilah", không có nghĩa là "Không có Thần Thánh nào ngoài Thượng Đế" ("There is no God but God")

https://thuviensach.vn

như người ta thường dịch, mà là "Không có gì khác ngoài Thượng Đế" ("There is nothing but God"). Người này giải thích rằng ngôn ngữ Ả Rập có thể được hiểu theo nghĩa đen để có nghĩa trước, còn nghĩa sau là nghĩa bí truyền (esoteric meaning), được truyền dạy kín đáo trong số các tín đồ. Đây là tuyên ngôn đích thực về chủ nghĩa độc thần (monotheism); không chỉ là có nhiều Thượng Đế, mà chỉ một Thượng Đế duy nhất là xứng đáng với tên gọi và đáng tôn thờ. Cách diễn giải theo nội môn này, nếu chính xác, sẽ tạo ra một khoen nối vững chắc với Ấn giáo, tôn giáo này nói đến "Đấng Độc Nhất Vô Nhị", theo lời họ đó là Đấng mà trong Ngài có cả hữu thể (being) lẫn phi hữu thể (non-being).

250.- Mọi thứ đều là vô thường nơi con người, ngoại trừ cái tinh hoa sáng ngời thuần khiết của Alaya. Con người là tia sáng trong suốt của nó; một tia sáng không chút tỳ vết ở bên trong, một hình tướng bằng đất sét ở trên mặt ngoài phần dưới thấp. Tia sáng đó là kẻ hướng dẫn cuộc đời của ngươi và là Chân Ngã của ngươi, là kẻ quán sát và chủ thể tư tưởng thinh lặng, là nạn nhân của phàm ngã ngươi. Linh Hồn ngươi không thể bị thương tổn ngoại trừ qua thân xác lầm lỗi, hãy kiểm soát và chế ngự cả hai, ngươi sẽ được an toàn khi vượt qua "cánh cửa thăng bằng" sắp đến.

Không có gì là thường tồn ngoại trừ Đấng Duy Nhất. Phàm ngã của một người kéo dài trong một thời gian rất ngắn – cho đến cuối thời kỳ ở Devachan của y mà thôi. Chân ngã kéo dài suốt toàn bộ loạt luân hồi của con người, có thể đến mức độ của một chu kỳ dãy hành tinh (chain-period). Chắc chắn Chân Thần kéo dài còn lâu hơn nhưng dù vậy vẫn không thường tồn. Chỉ có Đấng Duy Nhất còn lại. Không

https://thuviensach.vn

phải vì đó mà chúng ta sẽ mất đi chính chúng ta. Theo Emily Bronte (Ê-mi-li Brong-tê), chúng ta có thể thực tình nói rằng:

"Dù cho trái đất và con người mất đi, mặt trời và vũ trụ không còn tồn tại nữa, và bạn bị bỏ lại một mình, thì mọi sự sống vẫn sẽ tồn tại trong bạn."

Chân Thần nơi con người là một tia của ngọn lửa duy nhất. Cứ vào đúng lúc, Chân Thần sẽ xuất hiện để tiến hóa. Có thể nói với lòng tôn kính sâu xa nhất, là ngay cả Thượng Đế dường như cũng làm điều tương tự. Ngài đáp ứng với tất cả những gì tốt lành nhất và cao cả nhất trong nhận thức của chúng ta về Thượng Đế, nhưng thật ra Ngài sẽ không như cũ vào cuối Thái Dương Hệ này như lúc bắt đầu của Ngài; vì Thái Dương Hệ đối với Ngài chỉ là một kiếp luân hồi.

"Hình tướng bằng đất sét" ("form of clay material") chỉ hữu ích cho con người chừng nào mà nó còn giúp cho sự phát triển tia lửa thiêng nơi con người. Phần vật chất không thể ảnh hưởng đến tia lửa thiêng theo ý nghĩa thực sự làm hại nó, nhưng nó có thể đẩy nhanh hoặc làm chậm trễ sự khai mở của linh hỏa này, điều đó tương đương với sự giúp đỡ hoặc làm hại. Do đó tia lửa thiêng được gọi là nạn nhân của phàm ngã..

Cửa thứ tư được gọi ở đây là cửa thăng bằng (gate of balance) vì nó liên quan đến nguyên khí giữa([1]) (middle

[1] Nguyên khí (principle) là các phương thức (modes) để biểu lộ sự sống. (Trích "Minh Triết Ngàn Xưa" trang 89, tác giả A. Besant).

Trong con người có 7 nguyên khí từ thấp đến cao là [1] Prana, [2] Kama, [3] Manas thấp, [4] Manas cao, [5] Buddhi, [6] Atma, [7] Monad. (Trích Ánh Sáng của Linh Hồn, tr. 74, tác giả A.A. Bailey). Vậy nguyên khí giữa/ trung có lẽ là Manas cao (Thượng Trí) – ND.

https://thuviensach.vn

priniple) trong con người. Luôn luôn có câu hỏi là liệu nguyên khí ngoài hay nguyên khí trong(1) sẽ chiếm ưu thế vào lúc này; đạo sinh đã phát triển và thanh luyện các nguyên khí thấp của mình, là xác thân, cảm dục và hạ trí, giờ đây phải chịu trách nhiệm đối với các nguyên khí cao, và đặt việc phát triển chúng thành công việc chính yếu của y.

251.- Hãy phấn khởi lên, hỡi kẻ hành hương dũng cảm muốn tiến đến bờ bên kia. Đừng để ý đến tiếng nhỏ to của đạo binh của Ma Vương; hãy cách xa những kẻ cám dỗ, những loài yêu tinh có bản chất bất hảo, loài Lhamayin ganh tỵ trong không gian vô tận.

Có một chú giải dành cho từ ngữ Lhamayin, đó là các tinh linh và ma quái chống lại con người và là kẻ thù của con người. Không có một sinh vật nào làm ác chỉ vì thích điều ác, nhưng có các tinh linh(2) vốn có hại cho con người; chúng đang sống cuộc đời riêng của chúng, và chúng ta lại đi vào lối

---

1 Nguyên khí ngoài (outer), nguyên khí trong (inner) so với nguyên khí giữa. (ND)

2 Tinh linh (đôi khi còn được gọi là tinh linh thiên nhiên) là các tạo vật có liên quan đến 4 lãnh vực (kingdoms) hay các bản tố (elements) Địa (Earth), Phong (Air), Hỏa (Fire), Thủy (Water). (Trích Điểm Đạo Thái Dương và Nhân Loại, tr 217 tác giả A.A.Bailey).

- Tinh linh là tinh hoa của vạn vật (essence of things). Chúng là các tạo vật sơ đẳng của thái dương hệ, chúng thuộc 4 loại, vì chúng ta biết chúng trong chu kỳ thứ tư trên bầu hành tinh thứ tư, tức địa cầu. Bốn nhóm tinh linh là: thổ tinh linh, thủy tinh linh, phong tinh linh và hỏa tinh linh. (Thư về Tham Thiền Huyền Linh, A.A. Bailey, tr 174).

https://thuviensach.vn

của chúng. Các tinh linh rất giống với các sinh vật hoang dã. Chúng không phải là kẻ thù của con người, nhưng chúng không thích con người xâm nhập vào lãnh địa của chúng, và chúng cảm thấy oán giận vì con người đã đối xử tàn tệ với chúng.

Các tinh linh thiên nhiên (nature spirits) là các sinh linh thích vui đùa; cái tệ nhất mà ta có thể nói về chúng là chúng hay bày các trò tinh quái nho nhỏ mang tính chất quấy phá đối với những người có dính líu đến chúng. Chúng không ưa con người, vì lẽ con người làm rất nhiều điều đáng ghét đối với chúng, và là một cội nguồn của phiền toái. Chúng sống một cách vui tươi và thích chí nơi thôn dã, thích đùa giỡn với các sinh vật hoang dã còn non nớt, và chúng yêu thích các loài này, và hoa lá, cỏ cây. Chúng không gặp phiền toái nào trong cuộc sống vô tư lự của chúng; chúng không chịu một áp lực nào về nhu cầu, vì chúng không cần làm việc vất vả để có cái ăn, cái mặc như con người.

Con người đang xâm nhập vào cái hạnh phúc nơi sơn lâm hoang dã ấy. Họ đi săn và giết hại động vật vốn là bạn của tinh linh, họ đốn chặt cây cối mà chúng yêu thích để gieo trồng mùa màng, hoặc xây cất nhà cửa; họ làm ô nhiễm không khí bằng các phát tán dơ bẩn của rượu và thuốc hút. Mọi miền thôn dã đẹp xinh của tinh linh bị biến thành một vùng hoang dã kinh khủng đối với chúng, nên chúng bị buộc phải lánh xa. Chúng có thể cảm nhận một phần nào giống như một nghệ sĩ cảm nhận khi thấy một cảnh đẹp nào đó bị hủy hoại và làm thành gớm ghiếc với các nhà máy mà các ống khói của chúng phun ra khói đen, và hơi bốc ra giết chết cỏ cây hoa lá. Chúng ta gọi đó là phát triển; đối với chúng ta, thì nó là thế, nhưng tinh linh thiên nhiên cảm thấy khác hẳn,

https://thuviensach.vn

vì trú sở của chúng bị hủy hoại, còn bạn hữu của chúng bị giết hại.

Vì thế tất nhiên là các tinh linh thiên nhiên xa lánh con người, và khi một người dạo bước trong rừng hoặc đi theo đường mòn, các tinh linh này sẽ chuồn đi khi con người đến gần. Con người có thể vượt qua ác cảm này của các tinh linh, giống như đôi khi người ta có thể thắng được tính nhút nhát của động vật hoang dã. Một vị yogi có thể vuốt ve các thú hoang đến gần mình khi ngồi tham thiền. Bạn thử đi vào chỗ hoang vắng và ép mình nằm yên không động đậy trong một hoặc hai giờ, thì các loài vật nhỏ sống nơi hoang dại như sóc và chim sẽ đến gần mình. Tương tự như vậy nếu người ta sống ở chỗ nào đó trong một thời gian lâu, thì các tinh linh thiên nhiên dần dần nhận ra rằng đó là mẫu người không gây tổn hại của nhân loại, rồi đến lúc tinh linh thiên nhiên sẽ rất muốn kết bạn, và sau cùng sẽ đến nô đùa quanh con người, và rất hãnh diện được làm bạn với con người. Nơi cõi cảm dục, các sinh linh này xem con người như là những kẻ xâm nhập có tính quấy rối và nguy hiểm, cũng như cách chúng ta đối với đạo quân xâm lược vậy. Do đó, các tinh linh này coi công việc của chúng như là phải cố làm cho kẻ mới đến sợ hãi. Tuy nhiên chúng không phải là những kẻ cám dỗ. Thực ra phần lớn các hình tư tưởng xấu xa của chính con người mới đóng vai trò đó.

Có một số người mà đôi khi chúng ta gọi là bàng môn tả đạo, họ hoạt động chống lại với sự tiến bộ tâm linh của nhân loại, họ thành thực tin rằng các tình cảm cao cả của chúng ta không phải là các điều tốt lành, mà là các vết tích của các ham muốn và tình cảm của con vật. Các nhà huyền thuật như thế

https://thuviensach.vn

có thể nhìn thấy một người đang ở trong một tình huống đặc biệt nào đó, người này đang tiến bộ nhanh trên Thánh Đạo, và có thể ở thời điểm một tình trạng bị tác động của họ. Lúc bấy giờ có lẽ đáng công cho họ để phái đến một tinh linh chống lại người này, nhằm làm cho người này bị xáo trộn, và như thế gây ra một phiền nhiễu làm ngăn chận công việc của Đức Thầy. Đây là một việc tương tự nhất với ma quỷ cám dỗ theo tín ngưỡng dân gian của người Thiên Chúa Giáo. Dù vậy, người tìm đạo không nên lo ngại những điều này, vì hạng tà đạo nguy hiểm nhất đi nữa cũng không thể làm gì đối với một người, hay qua một người đã nhất tâm chỉ nghĩ đến công việc của Đức Thầy, chớ không nghĩ đến mình.

252.- Hãy vững tâm ! Giờ đây ngươi rất gần với cổng giữa, cổng phiền muộn, với muôn vàn cạm bẫy của nó.

253.- Hãy làm chủ tư tưởng của ngươi, hỡi kẻ nỗ lực tiến đến hoàn thiện, nếu ngươi muốn vượt qua ngưỡng cửa đó.

254.- Hãy làm chủ Linh Hồn của ngươi, hỡi kẻ tìm kiếm các chân lý bất diệt, nếu ngươi muốn đạt đến mục tiêu.

255.- Hãy tập trung sự chú mục của Linh Hồn ngươi vào ánh sáng thuần khiết duy nhất, thứ ánh sáng không vướng vào luyến ái, và hãy vận dụng chiếc khóa vàng của ngươi.

Có thể Đức Aryasanga thường hay nói nhiều về hàng ngàn cạm bẫy, đó là vì đạo sinh nhiều lần nghĩ rằng mình đã đạt được vairagya hay là vô sở dục, nhưng chỉ thấy rằng mình cứ gặp cùng những cái bẫy đó trở đi trở lại dưới hình thức tinh anh nào đó. Ngay cả linh hồn, tức thượng trí([1]),

[1] Chữ Linh hồn ở đây được tác giả viết là "soul", nhưng người đọc nên hiểu đó là "Human Soul" (Nhân Hồn), tức là một tia sáng

https://thuviensach.vn

cũng phải ở dưới sự chế ngự của bản chất bồ đề. Như chúng ta đã thấy, ở cuộc điểm đạo thứ nhất, sự sống cõi bồ đề (buddhic life) bắt đầu, nếu không nói là sớm hơn, và đạo sinh bước lên hết cõi phụ này đến cõi phụ khác của cõi bồ đề. Công việc này chỉ có thể được xúc tiến đến chỗ hoàn hảo, nếu chính linh hồn, tức thượng trí, chịu hợp tác và trở thành một người phụng sự cho nguyên khí cao đó. Bấy giờ, khi công việc này được hoàn tất, và khi đạo sinh sẵn sàng bước vào cõi kế tiếp, y sẽ nhận được Cuộc Điểm Đạo thứ tư của y và bước qua một ngưỡng cửa khác.

Thoát khỏi luyến ái ở đây có nghĩa là không còn bị cảm nhiễm; như chúng ta đã thấy, đó là ý nghĩa của vô sở dục.

---

của "Divine Soul" (Hồn Thiêng). Chỉ có Nhân Hồn mới xuống các cõi thấp để học hỏi kinh nghiệm, còn Hồn Thiêng luôn luôn ngự tại cõi phụ thứ ba của cõi trí vì Hồn này quá tinh anh không xuống thấp hơn được - (ND).

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 5

CỬA THỨ NĂM VÀ CỬA THỨ SÁU

256.- Công việc nhàm chán đã xong, nỗi nhọc nhằn của ngươi hầu như đã qua. Cái vực thẳm rộng lớn há hốc để nuốt ngươi gần như được bắc cầu.

257.- Giờ dây ngươi đã vượt qua được đường hào bao quanh cổng tham dục của loài người. Giờ đây, ngươi đã thắng được Ma Vương và đạo quân hung hăng của nó.

258.- Ngươi đã lấy sự ô nhiễm ra khỏi tim ngươi và đem nó ra khỏi dục vọng ô trược.

C.W.L.- Chúng ta đừng nên hiểu sai rằng phát biểu trên có ý nói là công việc nhọc nhằn của đạo sinh hầu như chấm dứt. Ở mức độ cao thâm của Ngài, Đấng Nirmanakaya([1]), vẫn nỗ lực làm việc, và ta cũng có thể nói như thế về Đức Thượng Đế. Nhưng có lẽ nên phân biệt giữa sự vất vả của công việc loại

[1] Nirmanakaya còn được gọi là Đấng Đại Định Thiêng Liêng (Divine Contemplatives), Đấng Ứng Thân, Đấng Hóa Thân, các Đấng này hầu hết đã đạt được điểm đạo lần 6 và 7, nhưng đã khước từ trạng thái Niết Bàn, chọn cuộc sống quên mình, trở thành thành viên của Thánh Đoàn vô hình, để bảo vệ nhân loại trong các giới hạn nghiệp quả. (Trích Thư Về Tham Thiền Huyền Linh, trang 356 – 357, tác giả A.A. Bailey) –ND.

https://thuviensach.vn

bỏ các lỗi lầm của phàm ngã với công việc vinh quang được nối tiếp trên các cõi cao sau khi phàm ngã bị chinh phục.

Cùng một ý tưởng như thế áp dụng cho câu hỏi về sự căng thẳng. Làm việc không ngưng nghỉ là một sự căng thẳng lớn cho xác thân, nhưng trên các cõi của Chân Ngã, sự làm việc là một nỗi vui hoàn toàn; khi đó không có sự dị biệt giữa làm việc và vui chơi, như ở các cõi thấp (xem lại trước, trang 96).

Một khi một người đã thấy được sự hy sinh vĩ đại của Thượng Đế, và cách mà các Chân Sư lao mình vào công việc của Ngài, thì y không thể nào làm gì khác ngoài việc lao mình vào dòng sinh hoạt đó, và làm tất cả mọi việc hết khả năng của mình để trợ giúp thiên cơ.

Tuy vậy, chúng ta sẽ xem xét trường hợp một người không hoàn toàn trong sạch, bởi vì người này vẫn có thể còn đôi chút ích kỷ. Một tư tưởng ô nhiễm khi nó còn có một chút dấu vết của bản ngã trong đó, dù về mặt khác thì nó có thể thuộc loại tốt lành. Có thể có một chút ít tư tưởng hãnh diện, chẳng hạn như: "Người ta sẽ nghĩ tốt về mình khi mình làm chuyện này". Ý tưởng đó có thể được gọi là thiếu trong sạch, khi chúng ta xem xét theo mức độ cao này của Thánh Đạo. Chẳng những chúng ta phải tránh xa sự thiếu trong sạch, mà chúng ta còn phải thấy rằng nó sẽ không bao giờ xảy đến cho chúng ta một chút nào nữa.

258.- Nhưng này, chàng chiến binh quang vinh, nhiệm vụ của ngươi chưa xong đâu. Hỡi đệ tử, hãy xây bức tường cao rào quanh hòn đảo thiêng, hàng rào này sẽ giữ cho tâm trí

https://thuviensach.vn

ngươi khỏi sự hãnh diện và vui thích với các ý tưởng về những kỳ công to tát đã đạt được.

259.- Một cảm thức kiêu căng sẽ làm hỏng công việc. Đúng thế, hãy xây cái rào cho vững, kẻo những đợt sóng chiến đấu hung hãn, chúng nổi lên đập vào bờ từ bên ngoài đại dương của Đại Thế Giới Hão Huyền, sẽ nuốt chửng kẻ hành hương và đảo thiêng – thật vậy, cho dù khi đã chiến thắng.

260.- 'Hòn đảo' của ngươi là con hươu, tư tưởng của ngươi là bầy chó săn mệt nhoài đuổi theo con hươu đang tiến đến dòng suối sự sống. Khổ thân cho con hươu nếu bị bầy quỷ đang tru sủa bắt kịp trước khi nó đến được thung lũng trú ẩn – có tên là "Jnana-marga", "con đường tri thức thuần túy".

Để giữ vững vị thế mà y đã có được, hầu chống lại áp lực mạnh mẽ của tư tưởng hàng triệu người khác ở chung quanh mình, mà chúng tôi rất thường nói đến, người tìm đạo bây giờ cần có sự định trí mạnh mẽ và năng lực tư tưởng tích cực. Sức mạnh này thật cần thiết trước khi người tìm đạo có thể tiến hành thành công việc thiền định vốn sẽ nâng y lên các cõi phụ cao nhất của cõi bồ đề.

Bà Blavatsky dạy cho chúng ta rằng "hòn đảo" ("isle") chính là Thượng Ngã (higher ego) hay là Chân Ngã suy tư (thinking self). Mọi tư tưởng thấp kém phải được xua ra khỏi đảo đó, để cho các tư tưởng cao siêu có thể hiện ra. Tuy nhiên người ta không phải trở thành đồng tử theo bất cứ nghĩa nào. Có một sự dị biệt lớn lao giữa việc tạo ra một chỗ trống với việc để cho một người nào đó từ bên ngoài xâm nhập vào và chiếm chỗ đó. Đó chính là sự dị biệt giữa người luyện yoga với đồng tử. Ở đây cũng hàm ý sự dị biệt giữa nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng với nhà Thần Linh Học

https://thuviensach.vn

(Spirituallist). Cả hai đều đồng ý rằng con người vốn bất diệt và sự tiến hóa của con người là vô hạn. Nhưng nhà Thần Linh học cho rằng, đối với con người, tốt hơn hết là nên làm đồng tử cho các vị hảo thần (good spirits). Trong khi các nhà nghiên cứu Minh Triết Thiêng Liêng nhấn mạnh vào việc giữ gìn tâm thức tích cực của chính mình dưới mọi hoàn cảnh, đồng thời chủ trương rằng không có điều gì mà trạng thái đồng cốt thụ động có thể đưa ra, lại không có thể đạt được bằng sự sáng suốt có ý thức (conscious clairvoyance).

Đức Aryasanga nói "Khổ thân cho con huơu nếu nó bị đuổi kịp". Câu đó có nghĩa là bất hạnh sẽ đến với Chân Ngã nào rơi vào thành kiến vì y đã bị đánh bại bởi sức ép của các tư tưởng bên ngoài. Bấy giờ y không thể nào đạt đến vị trí của tư tưởng chân thực.

Bà Blavatsky nói đến con đường tri thức thuần khiết, hay là Jnana-marga, mà theo nghĩa đen, đó là con đường Jnana, tức là con đường của tri thức thuần túy, của Paramartha (Chân Lý Tối Cao) hay Svasam-vedana (tiếng Bắc Phạn), tức là tự suy xét rõ ràng hay tự phân tích. Nơi người theo Ấn Giáo, Jnana là tri thức cao thâm, tức minh triết, không phải là tri thức thấp kém về thế gian, vốn được gọi là Vijnana.

261.- Trước khi ngươi có thể trụ trong Jnana-marga và gọi đó là con đường của mình, Linh Hồn ngươi phải trở nên như quả xoài chín; mềm mại và dịu ngọt như lớp nạc vàng tươi của xoài đối với các bất hạnh của kẻ khác, cứng chắc như cái hột xoài đối với các đau đớn và phiền não của chính ngươi, hỡi kẻ chinh phục hạnh phúc và thống khổ.

https://thuviensach.vn

262.- Hãy luyện cho Linh Hồn ngươi trở nên rắn rỏi để chống chọi với các cạm bẫy của bản ngã; làm cho nó xứng đáng với danh gọi Linh Hồn Kim Cương.

263.- Vì, giống như Kim Cương được chôn sâu trong trong trái tim đang đập của địa cầu không bao giờ có thể phản chiếu lại các ánh sáng cõi trần, thể trí và Linh Hồn ngươi cũng thế, khi được đi sâu vào Con Đường Minh Triết (Jnana-marga), chúng không còn phản chiếu một chút gì lĩnh vực hão huyền của Maya nữa.

Về phiền não của cá nhân chúng ta, Longfellow đã hát:

Giờ đây nó đã rời khỏi ta.
Nó đã chìm sâu vào bể cả,
Và chỉ có những phiền não của kẻ khác
Còn phủ bóng lên trên ta.

Chúng ta phải đi xa hơn thế và đừng để cho bất cứ phiền não nào phủ bóng lên chúng ta. Khi mà bạn chỉ cảm thấy nỗi khổ của một người khác, thì bạn không giúp ích gì cho y, mà chỉ làm tăng thêm nỗi khó khăn của y; nhưng khi bạn cảm thấy sự thông cảm thật sự thì bạn đang tuôn ra các rung động yêu thương, và đang đưa ra sự trợ giúp thực sự cho y. Chân Sư luôn luôn cảm thông, mà không bao giờ thương hại. Ngài không thể đau khổ, cho dù Ngài thật sự hòa mình làm một với những kẻ đang đau khổ, bởi vì Ngài hợp nhất với họ và biết được nỗi hân hoan của cuộc sống của họ trên các cõi cao, và cái huy hoàng kỳ diệu của trạng thái mà họ đang phát triển hướng tới đó với một sự chắc chắn không sai lầm.

Cái nguy hiểm đối với đa số con người là khi họ loại bỏ phiền não ra khỏi tâm họ, thì họ cũng có khuynh hướng đánh

https://thuviensach.vn

mất sự cảm thông, và trong trường hợp như thế, họ có thể đi vào tả đạo, tức con đường ma thuật. Các huynh đệ bóng tối trở nên hoàn toàn chai đá trước các tình cảm (feelings) của kẻ khác, cũng như của chính họ; họ nhẫn tâm trấn áp mọi tình cảm dựa vào lý do là các tình cảm đó chỉ làm phí phạm sức lực.

264.- Khi đạt đến trạng thái đó, thì các cánh cổng mà ngươi phải chinh phục trên đường đạo mở tung ra để cho ngươi đi qua, và các lực lượng dũng mãnh nhất của thiên nhiên cũng không có khả năng ngăn chận con đường của ngươi. Ngươi sẽ làm chủ Thánh Đạo có bảy cửa; nhưng vẫn chưa đến lúc đó đâu, hỡi thí sinh, vì các thử thách còn hơn cả lời nói.

Có lẽ dường như các thử thách còn hơn cả lời nói không phải là các nguy hiểm và các khó khăn lớn đến nỗi hoàn toàn không thể tả được, nhưng thuộc loại mà kẻ thông thường không thể biết và chỉ có Chân Ngã mới nhận ra. Con đường mà theo đó Đức Aryasanga dẫn dắt con dân của Ngài là con đường nội tâm dành cho Chân Ngã. Khi phàm ngã đã được khống chế ở các cõi ngoài, thì Chân Ngã phải leo lên các đỉnh cao của các cõi ở trên nó, do đó phải làm những gì không thể tả ra được.

Có thể có một cách lý giải khác, đó là đạo sinh nhận thấy mình giờ đây có thể làm được những gì mà lúc đầu y không thể tin rằng mình có thể làm được. Thí dụ, kẻ thông thường hay có khuynh hướng nói rằng sự thanh khiết và không vị kỷ mà chúng ta luôn luôn nói đến đều vượt quá khả năng của y, và hoàn toàn không thể đạt đến được, rằng

https://thuviensach.vn

chúng là một lời khuyên hay nhưng khó làm theo. Nhưng một ngày nào đó, nếu y cố gắng đạt được các đức tính này, nếu y tiếp tục khao khát có nó và cố gắng thêm, y sẽ thức tỉnh để nhận ra rằng y sẽ có được các đức tính này một cách rất tự nhiên và thật dễ dàng.

Con người bình thường thì nói rằng điều này, điều nọ không thể làm được, và thế là anh ta không cố gắng; nhưng chúng ta nên học theo cách của Napoleon, tức là xóa từ ngữ đó (từ ngữ "không thể" – ND) ra khỏi tự điển của chúng ta. Quả thật, đối với người đọc trang sách này thì việc đạt được quả vị Chân Sư trong vòng hai mươi bốn giờ là không thể được; việc đó chỉ sẽ xảy ra nếu người đó có ý chí đầy đủ, tuy nhiên, dường như không một ai có được một ý chí như thế cả. Nhưng chừa lại vấn đề thời gian, thì người đó có thể đạt đến quả vị Chân Sư, nếu y chăm chú nhìn vào mục tiêu, và thẳng tiến đến trước mà không nghĩ ngợi gì về sự trôi qua của thời gian, thì người đó sẽ tương đối sớm thấy mình ở nơi đó.

265.- Từ giờ cho đến đó, một nhiệm vụ còn khó hơn nhiều vẫn đang chờ ngươi; ngươi phải tự mình cảm nhận mọi tư tưởng, và tuy vậy hãy trục xuất mọi tư tưởng ra khỏi Linh Hồn ngươi.

266.- Ngươi phải đạt đến sự định trí sao cho không một cơn gió nào, dù mạnh thế nào đi nữa, có thể thoảng đưa một tư tưởng trần tục vào trong trí. Muốn được thanh luyện như thế, thánh điện phải không còn mọi hoạt động, âm thanh, hoặc ánh sáng trần tục nào, giống như con bướm, chạm phải giá lạnh, té chết nơi ngưỡng cửa – mọi ý tưởng trần tục phải ngã chết trước chốn thiêng liêng.

https://thuviensach.vn

Kinh Bhagavadgita có ghi:

267.- "Trước khi ngon lửa vàng có thể cháy lên với ánh sáng đều đặn, ngọn đèn phải được cẩn thận đặt ở nơi khuất gió".

Khi bị phơi trước luồng gió chuyển động, tia sáng sẽ chập chờn, còn ngon lửa run rẩy sẽ ném ra các bóng hình phỉnh gạt, đen tối và luôn luôn thay đổi, trên thánh điện thanh bạch của Linh Hồn.

Đây là một cách mô tả đầy thi vị về việc định trí. Thượng trí được cố định đến nỗi không gì từ bên ngoài có thể xâm nhập vào tận cõi đó. Việc định trí này giống như dharana có nói đến ở Phần Thứ Nhất (trang 40) mặc dầu trong Phần này, nó được gọi là virya, có nghĩa là sức mạnh – dĩ nhiên không phải là sức mạnh thể chất mà là dũng khí bất khuất và không gì lay chuyển của Chân Ngã.

Trong phần thứ nhất, Dharana được gọi là giai đoạn thứ sáu, còn ở đây virya là cửa thứ năm. Không hề có sự lầm lẫn nào về các con số ở đây, vì cửa thứ năm dẫn đến giai đoạn thứ sáu. Trong giai đoạn đó, con người sẽ sử dụng tính chất mà y đã hoạch đắc được trong giai đoạn thứ năm để được phép vào giai đoạn thứ sáu qua cửa thứ năm.

Cũng tính chất đó sẽ là giấy thông hành đi vào cõi Bồ Đề. Khi con người lên đến trình độ này thì bấy giờ y đã làm tĩnh lặng hoạt động của thượng trí, và bây giờ, thay vì là tư tưởng riêng của y, y tự mình cảm thấy mọi tư tưởng – y trở nên hợp nhất với những kẻ khác, và các tư tưởng của họ trở thành tư tưởng của y. Ở giai đoạn này, y cảm nhận được tính chất hợp nhất của Thái Dương Thượng Đế; đối với y, giờ đây

https://thuviensach.vn

tính chất đó trở thành một thực tại rõ rệt, một vấn đề kinh nghiệm trực tiếp, không còn là một ý tưởng đẹp đẽ hoặc là một linh hứng gây xúc động không thường xuyên nữa. Về việc liệu mọi điều này sẽ đi xuống đến bất kỳ mức độ nào trong bộ óc hồng trần hay không – đó là một vấn đề khác; hầu hết là không thể. Và việc định trí và tham thiền ở các giai đoạn cao này được thực hiện phần lớn ở ngoài xác thân trong lúc ngủ.

Chúng ta thường nói về các cảm giác và các ý tưởng đấu tranh ở cõi trần. Đó là một giai đoạn mà người ta đang đặt mình vào tình trạng ngang bằng với chúng; nhưng giai đoạn mà chúng ta đang nói đến hiện nay là giai đoạn mà chúng đã ngã gục (fall dead) trước ngưỡng cửa hào quang. Tốc độ rung động của các thể tương ứng đều mãnh liệt đến nỗi các hình tư tưởng thấp kém bị hất sang một bên và không thể xâm nhập vào được. Ở cõi trần có nhiều minh họa về việc này. Nếu một bánh xe đang quay chậm, người ta có thể ném một quả bóng lọt qua các cây căm, nhưng không thể làm thế nếu bánh xe quay nhanh. Nếu một tia nước phun đủ mạnh, người ta không thể cắt nó bằng một thanh kiếm; vũ khí này sẽ bị đẩy ngược trở lại cứ như nước là chất rắn vậy. Một trong các câu chuyện thần tiên nổi tiếng của trẻ con kể về một người có thể đứng dưới mưa và xoay tít thanh gươm phía trên đầu nhanh đến nỗi không một giọt nước nào có thể lọt qua vòng tròn và rơi vào người y!

Dẫn chứng về ngọn đèn được lấy trong kinh Bhagavad-Gita. Kinh này còn thêm: "Điều đó ví như vị yogi đã khuất phục được tư tưởng, chìm đắm vào sự hợp nhất với Chân Ngã" (Bhagavad Gita VI, 19), và tiếp tục giải thích rằng lúc đó vị yogi thấy được chính Chân Ngã (the Self by the Self), và

https://thuviensach.vn

mãn nguyện trong Chân Ngã, người cho rằng không còn lợi lộc lớn lao nào khác cao hơn sự hợp nhất đó, và người không còn bị lay chuyển gì nữa, cho dù bởi sự phiền não lớn lao đến đâu. (Bha. Gita VI, 22).

Kinh nghiệm này của vị yogi là một trực giác thực sự, vì nó đến từ bên trong, từ phần bản thể còn thâm sâu hơn cả các phân cảnh của Chân Ngã (causal levels). Làm cách nào mà một trực giác như thế sẽ xuống đến phàm ngã, nếu có xảy ra như thế, thì trực giác này tùy thuộc vào mẫu người trải nghiệm nó. Có hai cách thức chính để truyền trực giác – một cách là đi từ cõi thượng trí xuống cõi hạ trí, còn cách kia là đi trực tiếp từ thể bồ đề (thể trực giác – ND) đến thể cảm dục.

Đường lối nào trong hai đường lối này sẽ dễ dàng đi theo hơn tùy vào cách mà con người đã được biệt lập ngã tính (individualized, tức là thoát kiếp thú để đi đầu thai thành người), tách khỏi giới động vật từ thời xa xưa. Một số người đạt được mức độ đó qua việc hiểu biết sâu xa, một số khác nhờ việc tuôn đổ tình cảm cao cả, có thể do lòng tận tụy đối với người chủ. Theo cách trước, trực giác sẽ vào hạ trí dưới hình thức một xác tín (conviction), không cần một lý luận nào để thiết lập chân lý của nó ngay bây giờ, mặc dầu chân lý đó đã phải được hiểu rõ trong các tiền kiếp hoặc ở ngoài xác thân trong cõi hạ trí. Trong trường hợp những người biệt lập ngã tính nhờ xúc cảm (emotion), thì trực giác được tiếp nhận thông qua các cảm xúc (feelings), chứ không qua thể trí.

Trong cả hai trường hợp, các trực giác này không thể đi qua một cách thỏa đáng nếu các hiện thể không được ổn

https://thuviensach.vn

định. Điều đó giống như việc truyền một nốt nhạc. Nếu âm thanh đó không chỉ đi xuyên qua không khí, mà còn xuyên qua một bức tường dày, nó có thể không được nghe rõ, và âm thanh có thể trở nên hoàn toàn khác với lúc đầu. Nếu âm thanh đó phải vượt qua một nhiễu loạn (disturbance) nào đó – thí dụ một trận bão chẳng hạn – nó sẽ còn kém rõ ràng hơn. Cách so sánh sau rất đúng với trường hợp khi thể cảm dục và thể trí chứa đầy xáo trộn.

268.- Và lúc bấy giờ, hỡi kẻ theo đuổi chân lý, tâm trí ngươi sẽ trở nên giống như con voi điên lồng lộn trong rừng sâu. Vì tưởng lầm các cây rừng là những kẻ thù sống động, voi bỏ mạng trong khi cố giết những cái bóng luôn lay động, nhảy múa trên vách đá ngập tràn ánh nắng.

Tôi không biết liệu một việc như thế có thực sự xảy ra trong rừng sâu hay không; còn cái ý tưởng là khi con voi trở nên cuồng, hoặc do nó ngộ nhận cây cối là kẻ thù sống động của nó, hoặc một cái gì đó còn tệ hơn thế nữa, nên nó tấn công vào đá và thiệt mạng. Cũng giống như thế, một số người có kinh nghiệm là khi thể trí cảm nhận được năng lượng mới được khơi hoạt của Chân Ngã từ trên cao tuôn xuống, thể trí sẽ nổi loạn với cơn bùng nổ vô cùng mãnh liệt, chống lại với chủ nhân mới của nó, và trong sự hung hăng và sợ hãi của nó, nó miễn cưỡng từ bỏ sự độc lập của nó mà nó đã được thụ hưởng bấy lâu nay. Bấy giờ nó lồng lộn lên, và rồi lực lượng trừ bị cuối cùng của đạo quân nghi kỵ và ngờ vực được đua ra khỏi mọi hang sâu và hốc kín, tiến ra chiến đấu chống lại ánh sáng vì nhầm lẫn mỗi hành động của ánh sáng là một kẻ thù đáng ghét. Thể trí là một thành trì của sự tự cao, và những gì còn lại của tính chất đó chỗi dậy với sự căm ghét chống lại cấp trên của nó, giống như những kẻ

https://thuviensach.vn

ngược đãi Đức Jesus đã nổi dậy và giết Ngài, vì không thể chịu được sự so sánh tính chất trong sạch và cao cả của Ngài với tính tình trần tục của chính họ.

269.- Hãy cảnh giác, vì e rằng trong khi bận tâm về Bản Ngã, Linh Hồn ngươi có thể làm mất vị trí của nó trên mảnh đất tri thức thiêng liêng.

270. -Hãy cảnh giác, vì e rằng khi quên đi Bản Ngã, Linh Hồn ngươi sẽ mất kiểm soát thể trí đang lo sợ của nó, và như thế để mất đi thành quả chính đáng của việc chinh phục nó.

Như trước đây *có* nói, tri thức Thiên Thần (Deva-knowledge) nói ở đây ám chỉ đến tri thức thiêng liêng ẩn bên dưới mọi biểu lộ. Có một nguy cơ là, do nôn nóng muốn thấy mình đi đúng đường, đạo sinh sẽ trở nên, không phải ích kỷ, mà là duy ngã (self-centred, tập trung vào chính mình). Có một dị biệt thực sự giữa hai tính chất này. Không một ai trong chúng ta tự ý lấy một cái gì đó cho mình khi biết rằng việc đó sẽ làm hại người khác. Khuyết điểm đó sẽ biểu thị trong hào quang bằng một màu xám nâu buồn tẻ. Nhưng có một nguy hại khi trở thành duy ngã, đó là xem xét mọi việc theo quan điểm riêng của mình quá nhiều. Điều đó được biểu thị trong hào quang bằng một sự xơ cứng ở mặt ngoài, ngăn cản các ấn tượng không vào được bên trong.

Còn một cảnh báo khác liên quan đến Bản Ngã duy nhất (the one Self) cần phải ghi nhớ. Đó là người tìm đạo lúc nào cũng phải nhớ rằng tất cả đều là một, rằng nhất nguyên thiêng liêng hiện hữu trong mỗi người. Đây là một huấn thị thực tiễn đối với mọi cõi. Ở cõi trần, con người phải sạch sẽ, thành thật, đúng đắn để không làm ô uế xã hội; về mặt tình

https://thuviensach.vn

cảm và trí tuệ, các tình cảm và tư tưởng của y phải thanh khiết và cao quý, không phải để cho y có thể có nỗi vui vì được như thế, mà là vì mọi người chung quanh.

271.- Hãy cảnh giác với sự thay đổi, vì thay đổi là kẻ đại thù của ngươi. Sự thay đổi này sẽ đẩy lùi ngươi và ném ngươi trở lại, ra khỏi con đường mà ngươi đã bước lên, lún sâu vào bãi lầy nhầy nhụa của hoài nghi.

Trước hết lời cảnh báo chống lại thay đổi có vẻ hơi kỳ lạ, nhất là khi chúng ta nhớ rằng tất cả chúng ta đều luôn luôn thay đổi, và khi bước lên Thánh Đạo, chúng ta đã trở nên Thánh Đạo đó, và như vậy chúng ta rất bận rộn khi tham dự vào việc thay đổi chính chúng ta. Thực ra, điều đó hàm ý là người ta phải thận trọng trong thời kỳ thay đổi, không nên thay đổi thái độ căn bản hay chính yếu của mình. Có một thời gian gay go khi người ta bỏ hết các sự việc hồng trần mà người ta thường coi trọng và chưa có được chỗ dựa vững vàng vào các sự việc mới mẻ và cao siêu. Các sự việc cao siêu này có thể thấy được trong các khoảnh khắc đặc biệt khi mà chúng ta ở vào trạng thái phấn khởi nhất, nhưng chúng ta đã rời bỏ chúng nhiều lần, đi vào tình trạng khô cằn tâm linh mà rất nhiều nhà thần bí có nói đến. Những gì cần làm là người ta nên cố giữ vững linh thị đó qua suốt các thời kỳ dao động này, không thay đổi lập trường chính yếu đó.

Các thay đổi này có thể được tạo ra theo nhiều cách. Đôi khi chỉ do bộ óc bị ứ máu nhẹ (sung huyết nhẹ) hoặc là do thiếu máu; việc đó tác động lên các hiện thể, nhưng không được để cho nó tác động lên Chân Nhân. Khi xảy ra các dao động đó, chúng ta nên nói: "Tôi biết việc này sẽ đến thôi. Tôi biết rằng trước đây tôi đã thấy tỏ tường rồi. Giờ đây linh thị này đang mờ nhạt và tôi bắt đầu hoài nghi; nhưng tôi biết

https://thuviensach.vn

rằng tôi sẽ vượt ra khỏi sự nản lòng này, đó chỉ là một dao động trong thể tình cảm của tôi mà thôi".

Đôi khi đó là một cú sốc và thử thách lớn đối với người ta để từ bỏ đức tin sinh động của thời thơ ấu của họ, khi họ nhận thấy rằng nó không thể thích hợp với các thực tế của đời sống, và không còn có thể thỏa mãn các nhu cầu của tâm trí nữa. Lúc đó thường xảy ra tình trạng nghi ngờ mọi thứ, và một tình trạng không có bánh lái, mà trong các trường hợp cực độ, được biết là kéo dài đến nhiều kiếp sống. Trong trường hợp đó, người ta phải nghe, đọc, suy gẫm và giữ lại các giả thuyết nào giải thích thỏa đáng nhất các sự kiện, cho đến khi nỗi nghi ngờ tan mất hết, dựa vào sự hiểu biết vốn sớm muộn gì cũng chắc chắn sẽ xảy ra. Dĩ nhiên không cần phải trải qua một giai đoạn hoài nghi, người ta hoàn toàn có thể bỏ qua những sự phát triển dần dần và mở rộng niềm tin của ta từ từ, cho đến khi người ta đi đến chỗ hiểu được thông điệp của Minh Triết Thiêng Liêng.

272.- Hãy chuẩn bị và hãy biết trước kịp thời. Nếu ngươi đã cố gắng và gặp thất bại, thì hỡi chiến binh anh dũng, đừng nên nản chí, hãy tiếp tục chiến đấu, và hãy quay lại với bổn phận, và lại tiếp tục.

273.- Người chiến binh dũng cảm, dù cho dòng máu sự sống quí báu của ngươi tuôn ra từ các vết thương rộng toác, sẽ vẫn tấn công quân địch, đuổi hắn ra khỏi thành trì của ngươi, đánh bại kẻ thù, trước khi bản thân ngươi trút hơi thở cuối cùng. Thế thì, hỡi tất cả những ai thất bại và đau khổ, hãy hành động, giống như chiến binh dũng cảm kia; hãy xua đuổi mọi kẻ thù của ngươi ra khỏi thành trì của Linh hồn

https://thuviensach.vn

ngươi – tham vọng, sân hận, căm thù, thậm chí cái bóng của dục vọng nữa – ngay cả khi ngươi đã thất bại….

274.- Hãy nhớ rằng ngươi đang chiến đấu cho sự giải thoát của con người, mỗi thất bại là một thành công, và mỗi cố gắng chân thành cuối cùng sẽ nhận được phần thưởng của nó. Các mầm mống thánh thiện vẫn nẩy mầm và lớn lên, dù không thấy được, trong Linh hồn của đệ tử, thân của chúng lớn mạnh ở mỗi cuộc thử thách mới, chúng cong xuống giống như loài lau sậy mà không bao giờ gảy, chúng cũng không bao giờ có thể bị tiêu diệt. Nhưng thời điểm đã đến, chúng sẽ trổ hoa.

275.- Nhưng nếu ngươi đã sẵn sàng thì không có gì phải sợ.

Trong một cước chú cho đoạn này, H.P.B. đề cập đến niềm tin nổi tiếng là mỗi vị thánh mới thêm vào là một tân chiến sĩ trong đạo binh của các vị đang làm việc cho sự giải thoát nhân loại, và trong các xứ Phật Giáo Bắc Tông, nơi mà giáo lý về các Đấng Nirmanakaya được dạy ra, mỗi Tân Bồ Tát đều được gọi là một Đấng Giải Thoát của nhân loại. Dĩ nhiên chúng ta phải nhớ rằng, bà Blavatsky nói đến tất cả những vị đã trở thành La Hán, chớ không chỉ nói đến các Đấng Cao Cả điền vào quả vị Bồ tát mà thôi. Mỗi người tiến bộ là tạo tiến bộ cho tất cả.

Đạo sinh không thể có tham vọng cá nhân trên con đường này. Ý tưởng muốn có vinh quang cho riêng mình là ích kỷ, và trước khi đạt đến giai đoạn này thì người tìm đạo đã cương quyết đặt ý chí của mình chống lại các ham muốn như thế. Đệ tử của Chân Sư không nghĩ "Tôi cần điều gì?" mà là "Chân Sư cần điều gì?" Khi chúng ta hiểu được rằng

https://thuviensach.vn

chúng ta là các tia của Ngọn Linh Hỏa thì chúng ta chỉ có thể nghĩ đến những gì mà Thượng Đế muốn mà thôi.

Chúng ta là các phần nhỏ của Ngài; nếu tách riêng ra, chúng ta không có vinh quang nào cả; thế nên ý tưởng về sự vinh quang cho bản thân mình hoàn toàn là một ảo tưởng.

Không một người nào liên tục cố gắng mà có thể gặp thất bại bao giờ. Có thể người đó không thành công khi chỉ làm những gì mà y muốn làm ở một thời điểm nào đó; nhưng nếu người đó đặt hết sức lực vào trong nỗ lực của mình, thì nỗ lực đó không thể bị uổng phí, và vì tác động và phản tác động bằng nhau và ngược chiều nhau, mỗi lần mà người đó cố gắng, thì lực đó phản ứng lại trên chính y để mang lại cho y sức mạnh lớn lao hơn trong tương lai. Hơn nữa, bất cứ người nào biết cố gắng ắt phải thành công, bởi vì toàn bộ khuynh hướng tiến hóa đều ở về phía người đó. Người này không biết bề dày của bức tường chướng ngại của nghiệp quả mà y phải phá vỡ có thể là gì, y cũng không biết lúc nào y có thể qua khỏi để đến được ánh sáng ở bên kia.

Dưới các tình huống này thì thật là điên rồ khi mất hết hy vọng hoặc ngưng cố gắng, chỉ bởi cho đến nay người ta không có được thành công hiển nhiên nào. Trong thi phẩm tuyệt diệu của Frederick Myers nhan đề Thánh Paul, chúng ta đọc thấy:

"*Này hỡi con người, tại sao ngươi mất hết hy vọng? Thượng Đế sẽ tha thứ cho ngươi mọi sự, trừ sự thất vọng*". Thất vọng là phạm lỗi đối với Chúa Thánh Thần, thất vọng về năng lực của bạn là thất vọng về năng lực của Chúa Thánh Thần đang tác động qua bạn, vì như thế là bạn tự ngăn cách với Ngài.

https://thuviensach.vn

Đức Aryasanga dặn dò đạo sinh hãy giống như kẻ chiến binh đang chiến đấu, và thắng được cuộc chiến ngay khi y trút hơi thở cuối cùng. Y phải kiên trì chịu đựng cho đến lúc chết và không bao giờ chịu thua. Vị huấn sư biết rằng cái chết chỉ là một sự việc không đáng kể, không được tính đến trong công lao sự nghiệp của chúng ta. Cái chết sẽ đến với mỗi người trong chúng ta vào thời điểm thích hợp của nó; một số người lớn tuổi vẫn có thể còn sống nhiều năm, còn nhiều người khác tuy trẻ trung vẫn bất ngờ chết đi. Chúng ta sẽ tiếp tục công việc chúng ta sau khi cái chết đến giống như chúng ta đã làm trước kia.

276.- Từ đây con đường của ngươi trở nên quang đãng thẳng tắp đến cửa Virya (tinh tấn), cửa thứ năm trong bảy cửa. Giờ đây người đang trên con đường đưa đến nơi an trú Thiền Định, là cửa thứ sáu hay cửa Bồ Đề.

277.- Cửa Thiền Định giống như chiếc lọ bạch ngọc trắng trong; trong lọ có ngọn lửa vàng vững chãi đang cháy, đó là ngọn lửa Bát Nhã, tỏa sáng từ Atma.

278.- Ngươi là cái lọ đó.

Ở đây chúng ta có một minh họa tuyệt mỹ – cái lọ bạch ngọc (alabaster, minh thạch cao), với ngọn lửa vàng ổn cố bên trong. Minh họa này tiêu biểu cho thể hay lớp vỏ Bồ Đề, thể này hoàn toàn trong suốt và không gây một trở ngại nào cho việc hợp nhất sự sống ở trình độ đó. Dhyana là trạng thái thiền định cao siêu trong thể đó – trong trạng thái đó, người ta chọn một cái gì đó và cố gắng tìm hiểu ý nghĩa sâu xa nhất của điều đó, hoặc là trong đó người ta tập trung tư tưởng vào một Đấng Cao Cả và cố hiểu chính mình như là một phần của Ngài. Không còn bất cứ tri thức bên ngoài nào nữa; không

https://thuviensach.vn

còn việc đứng bên ngoài và nghĩ về đối tượng như tách ra khỏi chính mình nữa; người ta nhận thức bản chất của nó bằng cách trở thành một với nó, suy ngẫm về nó từ bên trong.

279.- Ngươi đã tự xa lánh khỏi các đối tượng của giác quan, đã đi qua con đường nhận thức bằng thị giác, con đường nhận thức bằng thính giác, và trụ lại trong ánh sáng tri thức. Giờ đây ngươi đã đạt đến trạng thái Titiksha.

280.- Hỡi Narjol, ngươi đã được an toàn.

Như chúng ta đã thấy, cùng thuật ngữ titiksha đã được áp dụng cho một trong các đức tính, một trong các phẩm chất của hạnh kiểm tốt, nó có nghĩa là tính chịu đựng (endurance). Hiện giờ thuật ngữ này lại được dùng ở một trình độ cao hơn. Trong một cước chú, bà Blavatsky nói nó có nghĩa là "sự dửng dưng cực độ; sự phục tùng (submission), nếu cần, đối với những gì được gọi là 'lạc thú và đau khổ đối với mọi người', nhưng chuyển hóa từ sự phục tùng đó nên không thấy lạc thú cũng không thấy đau khổ; tóm lại, trở nên dửng dưng và vô cảm (insensible) về mặt thể chất, tâm trí và đạo đức đối với lạc thú hoặc đau khổ".

Điều đó được trình bày một cách không rõ ràng lắm. Đạo sinh không hành động theo những cân nhắc về lạc thú và đau khổ. Y chỉ làm những gì mà y biết là bổn phận của mình. Y vẫn còn cảm nhận được lạc thú và đau khổ trong các hiện thể của mình, giống như bao nhiêu người khác. Tuy nhiên, có thể nói rằng niềm vui quá lớn lao ở trình độ này, những tư tưởng được cố định vào mục tiêu quá tập trung, đến nỗi lạc thú và đau khổ đã mất đi sức mạnh của chúng. Mặc dầu Đức Christ có thể cảm thấy tuyệt vọng và kêu to,

https://thuviensach.vn

"*Chúa ơi, Chúa ơi, sao Ngài đã bỏ rơi con?*", trong lòng Ngài vẫn vang lên tiếng kêu, *"Chúa ơi, Chúa ơi, Ngài đã vinh danh con biết bao"*, như tôi đã giải thích trong phần mô tả cuộc Điểm Đạo thứ tư, trong sách "*Chân Sư và Thánh đạo*" (ở chương X).

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 6

CỬA THỨ BẢY.

281.- Hỡi kẻ chiến thắng tội lỗi, hãy biết rằng một khi một Sowani[1] đã vượt qua con đường thứ bảy, thì vạn vật sẽ rung động với sự tôn kính đầy hân hoan và cảm thấy bị chinh phục. Ngôi sao bạc lúc này nhấp nháy báo tin cho loài dạ hoa (night-blossoms), dòng suối nhỏ róc rách câu chuyện cùng sỏi đá; những đợt hắc triều gào báo tin đó cho các tảng đá có sóng bủa chung quanh, những cơn gió nhẹ ngát hương ca mừng tin đó với các thung lũng, còn những cây thông oai vệ thì thào một cách bí ẩn: "Một Chân Sư đã xuất hiện, một Chân Sư của thời Hiện Đại".

C.W.L.- Chân Sư của thời Hiện Đại (Master of the Day) có nghĩa là Đấng đã trở nên an toàn trong chu kỳ hiện tại; do đó câu này cũng đề cập đến đạo sinh đã được Điểm Đạo lần thứ nhất, cũng như đối với người đã đến bờ bên kia. Sự kiện vạn vật đều hân hoan trước một biến cố như thế là một sự thực giản đơn, sự kiện đó được diễn tả ở đây một cách rất đẹp đẽ và đầy thơ mộng. Trước một thời điểm như thế, nhiều người cảm thấy mình hạnh phúc khôn tả, và đôi khi nhận thấy có

[1] Sowani: Người đi vào con đường sowan, tức con đường thứ nhất, trong bốn con đường đưa đến Niết Bàn.(ND)

https://thuviensach.vn

một chấn động tâm linh rõ rệt. Đa số con người của giống dân văn minh của chúng ta hiếm khi đủ nhạy cảm để nhận biết các biến cố này, nhưng các cá nhân nhạy cảm có thể cảm nhận rất rõ: "Ngày hôm nay tôi sung sướng một cách khác thường. Tôi tự hỏi không rõ điều gì đã xảy ra". Trong thiên nhiên, điều đó cũng được cảm nhận giống như vậy: như là một cảm giác phúc lạc mơ hồ.

Đa số con người đang bận phát triển thể trí, hậu quả là họ mất đi nhiều tính chất nhạy cảm, tính nhạy cảm này vốn nảy sinh với việc phát triển các cảm giác và xúc động nhiều hơn là với việc phát triển thể trí. Những loại người sơ khai cao cấp đều nhạy cảm hơn nhiều trong nhiều mặt, nhưng thường thường chỉ theo cách mơ hồ và không rõ ràng, và không thể kiểm soát tính nhạy cảm của họ. Họ nhận được các ấn tượng và thường có thể nói trước các biến cố một cách chung chung. Tất cả điều này trở lại với chúng ta nhưng theo một hình thức rõ ràng và xác định trên một vòng xoắn ốc cao hơn, với việc phát triển các cảm xúc cao hơn. Khi sự khai mở đó đến, chúng ta sẽ không chỉ cảm nhận cảm giác phúc lạc và sung sướng về các sự kiện đặc biệt lớn lao này, mà cũng sẽ biết được tại sao chúng ta cảm thấy nữa, và từ trung tâm nào phát ra khúc hoan ca vĩ đại đó. Phần còn lại của thiên nhiên, mặc dù ở dưới trình độ của chúng ta, chưa bị tập trung vào các sự việc vật chất nhiều như nhiều người. Trừ phi nó quá bận rộn với một ham muốn xuất phát từ cái đói hoặc một nhu cầu nào đó của thể xác, còn thì một con vật sẽ thường đáp ứng phần nào với sự chấn động này.

Mục tiêu lớn lao của Hội Minh Triết Thiêng Liêng không phải là để cung cấp sự phát triển trí tuệ, mà là để nâng đỡ những ai sẵn sàng đáp ứng với các ảnh hưởng của cõi Bồ

https://thuviensach.vn

Đề, để khơi hoạt lại tính nhạy cảm của những người của Hội trên một vòng xoắn ốc cao hơn, và chuẩn bị họ cho giống dân mới. Hội không phản đối việc phát triển trí tuệ – hoàn toàn không phải như vậy – nhưng Hội chuẩn bị cho giai đoạn kế tiếp, khi lòng bác ái có tính trực giác sẽ tạo ra sự hài hòa và tình huynh đệ, và sẽ dùng trí tuệ đã phát triển để xây dựng một nền văn minh mới, dựa trên các lý tưởng này. Hội của chúng ta, có sự đồng cảm chặt chẽ với các cõi cao, nên rất nhạy cảm với các thần lực được phóng thích ra khi thêm một "Con của Nhân Loại" ("Son of Man") xuất hiện. Hội nhận được sự tiếp xúc trước tiên đối với luồng phóng xuất (outrush) vĩ đại, và luồng phóng xuất này mang lại cho Hội sức đẩy mới. Công việc của Hội gia tăng và lan rộng, và có sự phát triển về số lượng Hội Viên và về tình thân hữu.

Tuy nhiên đôi khi sự kích thích này của sự sống lại tạo ra sự bất đồng do bởi việc mất ý thức cân xứng. Một ý tưởng lớn nào đó nẩy sinh trong trí của một Hội Viên; luồng chảy vào của thần lực tăng cường cho ý tưởng đó – và điều đó sẽ rất tốt nếu y là một người rất quân bình, và có thể theo đuổi các ý tưởng riêng của y mà không coi thường ý kiến của người khác. Nhưng ở đâu có sự mất quân bình và tính hẹp hòi, thì các dị biệt về ý kiến có thể bị làm cho mạnh hơn. Chúng ta có các đường lối hoạt động đặc biệt của chúng ta trong Minh Triết Thiêng Liêng. Một số người chọn hình thức hoạt động này, còn một số người chọn hình thức khác, nhưng nguy cơ phát sinh khi một người bắt đầu nghĩ rằng đường lối của y là đường lối mà toàn thể Hội nên chọn và chú trọng. Khi những người khác cố gắng theo đuổi đến cùng ý kiến của họ, thì người nói trên có khuynh hướng nghĩ rằng những

https://thuviensach.vn

người sau này không hết sức làm việc cho Hội, vì những người này không đến và hỗ trợ cho y. Điều đó không phải là bất thường, khi lòng nhiệt thành đôi khi sẽ tạo nên sự bất hòa trong các trường hợp như thế, khi mà tình thương trong huynh đệ và lòng khoan dung thực sự bị đặt ở phía sau một chút.

Bà Hội Trưởng của chúng ta (bà Besant) thỉnh thoảng có giải thích cách thức mà bà đã thường làm việc với những người khác có "ý kiến tốt nhất thứ hai hay thứ ba" của những người này. Bà biết điều gì là đúng nhất, nhưng vẫn kín đáo nhường nhịn vì sự hòa hợp, và để mọi người có thể có kinh nghiệm xúc tiến ý tưởng của họ. Nếu một người đến bà để trình bày một kế hoạch nào đó mà y rất tự hào, mặc dù kế hoạch đó thường không phải là tối ưu, bà không làm cho người này nản lòng, mà nói rằng: "Hãy tiếp tục tiến tới, hãy thử nó đi, và sẽ thành công". Người đó cố làm, rồi có lẽ sau một hoặc hai năm, y sẽ thấy rằng đó không phải là kế hoạch hay nhất, và y sửa đổi nó; nhưng đôi khi đi theo cách này cũng mang lại được các kết quả tốt đẹp.

Hầu như luôn luôn là điều khôn ngoan khi để cho người ta thử nghiệm các ý tưởng của họ, nhưng luôn luôn là điều đáng buồn khi họ quá nhấn mạnh chúng lên những người khác. Kinh nghiệm cho chúng ta biết là điều quan trọng nhất trong Hội luôn luôn là sự hài hòa ngày càng nhiều giữa các Hội viên. Thực vậy, có thể nói rằng sự hòa hợp giữa các Hội viên quan trọng hơn sự thành công trong bất cứ phần hành nào của công việc. Thế nên, hãy để cho mỗi người đi theo sự cảm hứng tốt nhất đến với y, nhưng y hãy có sự cảm thông đầy đủ nhất có thể có đối với những kẻ khác trong ý tưởng cá nhân của họ. Nếu không có nguy hại nào đối với

https://thuviensach.vn

tinh thần hòa hợp vốn làm cho Hội trở thành một vận hà hoàn hảo cho các thần lực cao siêu, một cánh cửa mở ra với các Đấng Cao Cả, thì chúng ta có thể tham gia vào một hoạt động mạnh mẽ, điều đó quả thật rất tốt, nếu không thì mọi chuyện sẽ khác đi.

Ngôi sao bạc được nói đến trong đoạn kinh văn trên cũng có thể được nghĩ đến như là ngôi sao Điểm Đạo. Đó là dấu hiệu của tư tưởng và sự hiện diện của Đấng Tối Cao (the King). Trong lễ Điểm Đạo, vị chủ lễ thay cho Ngài, tức Đấng Điểm Đạo Duy Nhất (One Initiator), kêu gọi Ngài chuẩn y cho những điều đã được thực hiện, và câu trả lời là sự chớp lóe lên của ngôi sao bạc.

282.- Giờ đây Ngài đứng như một cây cột trắng hướng tới phương Tây, trên mặt trụ, mặt trời đang mọc của tư tưởng vĩnh cửu tuôn đổ ra các làn sóng huy hoàng nhất đầu tiên của nó. Thể trí của Ngài, giống như một đại dương tĩnh lặng vô bờ bến, trải rộng ra trong không gian vô hạn. Ngài nắm giữ sự sinh tử trong bàn tay mạnh mẽ của Ngài.

283.- Quả vậy, Ngài thật là đại hùng. Quyền năng sinh động tự do thể hiện nơi Ngài, quyền năng đó vốn là chính Ngài, nó có thể nâng thánh điện của ảo tưởng lên cao, bên trên các vị Thần, bên trên Đại Brahma và Indra.

Thông qua Đại Huynh Đệ Đoàn, mọi Ánh Sáng đến với thế gian vốn để làm giảm nhẹ sự đen tối của kiếp nhân sinh và thúc đẩy nhanh sự tiến hóa của nhân loại. Thường thì biểu tượng hướng Đông đã được dùng để tiêu biểu cho vị thế của Huynh Đệ Đoàn, và từ đó, thành viên nào công khai chuyển

https://thuviensach.vn

sang giúp đỡ thế giới bên ngoài, do đó có thể được gọi là quay sang hướng Tây.

Ảo tưởng (illusion) được nói đến ở đây là ảo tưởng chia rẽ. Giờ đây, người tìm đạo đã thoát khỏi ảo tưởng đó, và trên Thánh Đạo, người này sẽ từng bước tự nâng mình lên, hết cõi này đến cõi khác, cho đến khi y đã hủy diệt được ảo tưởng trên mỗi cõi, và trở thành chủ nhân của chính mình trên mọi cõi của kiếp nhân sinh. Dường như không có giới hạn nào đối với đỉnh cao mà một người có thể vươn lên, thế nên việc ám chỉ đến Brahma và Indra ([1]) vẫn không quá đáng, mặc dầu câu kinh văn đó chắc chắn được dùng theo một nghĩa tổng quát. Câu đó cũng nhắc chúng ta nhớ lại dòng chữ trong "*Ánh sáng Á Châu*" như sau "Ngươi có thể nâng vận mệnh của ngươi lên cao hơn vận mệnh của Indra". (Sách đã dẫn, tập 8).

Một liên quan thực tiễn của sự minh họa này là ở việc thay đổi cung (ray), được mô tả trong "*Chân Sư và Thánh Đạo*".

Trong Huyền Giai của địa cầu chúng ta, có thể tiến bộ hơn nữa trên cung một so với trên cung hai, và tiến bộ hơn nữa trên cung hai so với trên bất cứ cung nào thuộc năm cung còn lại; vì thế, bất cứ vị nào đã tự nâng mình đến cuộc Điểm Đạo Thứ Bảy trên một trong năm cung cuối cùng đều

[1] Brahma: (Phạm Thiên) là Nguyên Lý (Principle) vô ngã, tối cao và không thể nhận biết được của Vũ Trụ, từ tinh hoa của Nguyên Lý đó xuất phát ra vạn vật và vạn vật cũng quay về lại với Nguyên Lý đó.

Indra (Đế Thích): Thần của bầu trời, Chúa Tể của các thần trong Vũ Trụ. (Trích Theosophical Glossary, H.P.Blavatsky 1971).

https://thuviensach.vn

phải đổi sang cung hai hoặc cung một, nếu vị đó muốn tiếp tục đi tiếp đến cuộc Điểm Đạo Thứ Tám, và tiếp tục đổi sang cung một chỉ khi nào vị đó muốn tiến xa hơn nữa. *Giáo Lý Bí Nhiệm* so sánh Indra với Thượng Đế Ngôi Hai, là Thái Dương Thượng Đế (the Sun-God), còn Brahma là Thượng Đế Ngôi Ba, là Đấng Sáng Tạo (the Creator). Trong Đại Đoàn Chưởng Giáo, hai Đấng này được tiêu biểu bằng:

1)- Đấng Đứng Đầu (the Head) cung hai, là Đức Phật, và

2)- Đức Văn Minh Bồ Tát (Mahachohan), là Đấng Cai quản năm cung, từ cung ba đến cung bảy.

Đấng Cai Quản Địa Cầu (Lord of the World) ở trên cung một, và Ngài đã nâng vận hội (lot) của Ngài lên cao hơn vận hội của hai Đấng kia.

283.- Giờ đây chắc chắn Ngài sẽ đạt đến phần thưởng lớn lao của Ngài.

284.- Phải chăng Ngài sẽ không dùng các tặng phẩm mà nó trao tặng cho sự an tịnh và phúc lạc của riêng Ngài, cho hạnh phúc và vinh quang xứng đáng của Ngài – Đấng đã chiến thắng đại huyễn tưởng?

285.- Ồ không, hỡi kẻ tìm kiếm kiến thức ẩn giấu của thiên nhiên! Nếu kẻ nào muốn đi theo bước chân của Đức Tathagata[1] thánh thiện, thì các tặng phẩm và quyền năng đó không dành cho bản ngã.

286.- Như vậy, ngươi có muốn ngăn chận dòng nước sinh ra từ núi Sumeru hay không? Ngươi sẽ chuyển hướng dòng

[1] Tathagata: Như Lai (xem lại chú thích ở trang 209, bản Anh ngữ).

https://thuviensach.vn

suối cho lợi ích của riêng ngươi, hay là gửi nó trở lại cội nguồn ban đầu của nó theo các đợt sóng của các chu kỳ?

Một lần nữa chúng ta đến với vấn đề giải thoát khỏi bánh xe sinh tử, với ý tưởng về sự an nghỉ đi kèm với sự giải thoát đó. Ở giai đoạn này không thể có cảm giác mệt mỏi và cực nhọc như chúng ta có ở cõi trần, nhưng nhìn từ mức độ thấp, số phận của một vị Cao Đồ (Adept) vẫn còn khoác lấy xác thân (embodied) trong nhiều triệu năm, thì có vẻ đáng chán kinh khủng. Hơn nữa, đạo sinh mà Đức Aryasanga đang nói đến, đang nhìn từ mức độ thấp, và vị Huấn sư mong muốn rằng đạo sinh sẽ không có sự miễn cưỡng khi đối mặt với tương lai đó, mặc dầu hiện nay có thể y chỉ thấy mặt ảm đạm hơn của bức tranh. Có lẽ Ngài không thể mô tả các niềm vui của đời sống cao siêu đó. Chúng không thể được diễn tả bằng các thuật ngữ về bất cứ hạnh phúc trần gian nào mà chúng ta biết; do đó có phần nào nguy hiểm khi đưa ra các nỗi vui đó để hấp dẫn đạo sinh, vì nó có thể khiến cho đạo sinh đặt tâm trí mình vào một hình thức hạnh phúc thấp kém nào đó, hoàn toàn không cố ý, và việc đó sẽ làm chậm trễ sự tiến hóa của đạo sinh.

Núi Meru hay Sumeru, là núi của các Thần, tương ứng theo một cách tổng quát với núi Olympus của người Hy Lạp. Mọi tốt lành đều từ cội nguồn đó tuôn ra. Dòng suối đó tuôn chảy vào mỗi thành viên của Huynh Đệ Đoàn (Brotherhood), và nó sẽ chảy xuyên qua vị đó để đến thế gian – nếu không thì theo nghĩa đen, vị đó sẽ chận đứng dòng suối. Nhưng trong trường hợp đó, dĩ nhiên vị đó sẽ trở thành một trong những kẻ thất bại.

287.- Nếu ngươi muốn cho dòng tri thức khó kiếm đó, vốn là minh triết xuất phát từ cõi trời, vẫn còn là dòng nước

https://thuviensach.vn

lưu chuyển thuần khiết, thì ngươi đừng để cho nó trở thành ao nước tù đọng.

288.- Hãy biết rằng, nếu ngươi muốn trở thành kẻ cộng tác với Đức Amitabha, tức Đấng Vô Lượng Thọ, thì ngươi phải ban rải ánh sáng đã hoạch đắc được, giống như hai vị Bồ Tát đang làm, lên cả ba cõi.

Về đoạn này, bà Blavatsky có chú giải sau: Trong biểu tượng học của Phật Giáo Bắc Tông, Amitabha (A-Di-Đà-Phật) hay không gian vô tận (Parabrahman) được cho là trong Cực Lạc quốc (paradise) của Ngài có hai vị Bồ Tát – Quán Thế Âm (Kwan-shi-yin) và Đại Thế Chí (Tashishi) – luôn luôn phóng chiếu linh quang khắp ba cõi (worlds) mà các Ngài đã sống, kể cả cõi của chúng ta, để giúp vào việc giáo huấn các vị yogis bằng ánh sáng (tri thức) này, đến phiên mình, các yogi sẽ cứu độ lại nhân loại. Sở dĩ các nhà yogi có được địa vị cao quý trong cõi giới của Đấng Amitabha là do các hành vi nhân từ mà hai vị Bồ Tát đã thục hiện trên cõi trần khi còn là các nhà Yogis như thế, nói theo ẩn dụ.

Chú thích trên có hơi phức tạp và cần được giải thích thêm. Ở đây bà Blavatsky cho rằng Amitabha tương đồng với Parabrahman, nhưng thật khó mà thấy rằng làm sao có thể như thế được khi Amitabha là Ánh Sáng Vô Biên (Boundless Light), Minh Triết Vô Biên (Boundless Wisdom), Tinh Hoa của mọi Đức Phật. Parabrahman là thành viên thứ nhất trong Ba Ngôi Cao Cả (great Trinity), còn Avalokiteshvara là thành viên thứ hai, và cũng là Amitabha, được mô tả như là "bản

https://thuviensach.vn

nguyên(1) trung gian" ("middle principle") của Đức Phật (Buddha). Với bản nguyên thứ hai hay bản nguyên trung gian đó, chúng ta có thể trở nên những kẻ đồng cộng tác (co-workers), nhưng không thể đồng cộng tác với Parabrahman.

Tuy nhiên, bà Blavatsky thường nói đến hai vị như là một, vì Parabrahman là minh triết ẩn giấu, và Ngài biểu lộ dưới hình thức Avalokiteshvara, tức Ishvara hiển lộ, tức Thượng Đế (Logos). Khi từ bên dưới nhìn lên, có một Thượng Đế hiển lộ (a God who is seen) (Ngôi Hai trong Ba Ngôi) và một Thượng Đế ẩn tàng (Ngôi Một trong Ba Ngôi)(2), trong chúng ta và trong tất cả mọi người.

Bản nguyên trung gian cũng còn được gọi là Boddhi-sattva và được mô tả là lưỡng tính (dual), tức hùng và thư (male and female, nam và nữ, dương và âm), mệnh danh là Kwan-shi-yin, tức trạng thái nam (male aspect) và Kwan-yin, tức trạng thái nữ (femal aspect) của Avalokiteshvara. Người ta tin rằng Đấng này có thể "khoác lấy bất cứ hình tướng nào tùy thích để cứu độ thế nhân".

Phần cước chú (của bà Blavatsky – ND) dạy rằng tất cả ba cõi (three worlds) ám chỉ đến "ba cõi hiện tồn (three planes of being), tức cõi hồng trần, cõi astral và cõi tinh thần (spiritual plane)". Ở đây, bà Blavatsky dùng thuật ngữ "astral" theo một cách khác thường, giống như bà cũng đã từng dùng trong bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm* khi nói đến chủ đề hiện bàn. Bà nói đến toàn bộ con người từ Chân Thần (Monad) xuống đến các thể vật chất, và chia con người thành ba phần, trước tiên là phần tinh thần, đó là Chân Thần, thứ hai là phần

---

1 Bản nguyên (principle): Nguồn gốc ban đầu.

2 Xem lại trang 68.

https://thuviensach.vn

astral (đẩu tinh), bao gồm atma-buddhi-manas của chúng ta, tức là rupa (sắc tướng) vượt ngoài giác quan; và thứ ba là phần vật chất hay hồng trần, bao gồm các thể hạ trí, cảm dục và thể xác của chúng ta.

Chúng ta cũng có thể nói đến hai vị Bồ Tát theo một ý nghĩa khác, có liên quan đến hai Huynh Hữu Vĩ Đại, là Đức Phật Gautama (Cồ Đàm, tức Phật Thích Ca) và Đức Di Lặc (Lord Maitreya), các ngài tiêu biểu cho bản nguyên trung gian trong Đại Đoàn Chưởng Giáo (Hierarchy), Đức Phật thì chăm lo cho các cõi cao, còn Đức Di Lặc, có vẻ như là đã chuyển xuống dưới, để chăm lo cho các phàm ngã của con người (personalities of men) trong các cõi thấp. Câu chuyện về sự cố gắng và hy sinh kỳ diệu của hai Đấng Huynh Đệ này đã được kể lại trong sách *Chân Sư và Thánh Đạo* (chương XIV).

Nhưng có lẽ cách giải thích thực tế nhất của biểu tượng theo quan điểm con người là thế này: Đức Gautama trở nên hợp nhất với Amitabha có nghĩa là Ngài đã trở thành Phật. Ngài tiếp tục công việc của Ngài trên các cõi cao, nhưng trong thế giới loài người, Ngài hoạt động qua vị Bồ Tát lưỡng tính, mà hình thức nam (male form) là Kwan-shi-yin, tức Đức Di Lặc, còn hình thức nữ là Kwan-yin, là người đồng hành huyền bí và là nữ thần (shakti)([1]) của Kwan-shi-yin trong hầu hết mọi tôn giáo.

[1] Thuật ngữ "shakti" có nhiều nghĩa như sau: Thần Lực (Force), Tinh Lực (Energies), Quyền năng (Power), Nữ thần (Goddess), Quyền năng sinh sản (Generative power), Đại hão huyền (Mahamaya)…

https://thuviensach.vn

289.- Hãy biết rằng dòng tri thức siêu nhân loại và Minh triết Thiên Thần mà ngươi gặt hái được, từ chính ngươi, tức vận hà của Alaya, phải được tuôn đổ vào một lòng sông khác.

290.- Hỡi Narjol, người của thánh đạo bí mật, hãy biết rằng dòng nước tinh khiết mát mẻ của con đường đó phải được dùng để làm dịu đi các làn sóng đắng cay của đại dương – cái biển khổ bao la đó do suối lệ của thế nhân tạo thành.

Có lẽ tri thức siêu nhân loại ám chỉ đến chìa khóa tri thức vốn được ban cho vị đạo đồ khi người này đạt được giai đoạn đầu của mình. Người nào đã trải qua nhiều Cuộc Điểm Đạo, đều có những mảng tri thức nhất định mà y không được phép truyền đạt cho kẻ khác. Người đó hành động theo tri thức đó, và tất nhiên điều đó tạo ra một số dị biệt nơi những gì mà y làm và trong cách sinh hoạt của y. Những người khác có thể quan sát các sự việc này và làm theo bằng cách bắt chước hoặc nhờ sự tôn sùng. Những người có bản tính hay phản đối lại không tán thành lối bắt chước theo những người cao cả. Họ nêu ra sự chú ý đến sự kiện rằng một người nào đó có thể tuyệt vời ở một vài phương diện, nhưng lại không như vậy chút nào ở nhiều phương diện khác, nếu người nào bắt chước theo, có thể dễ dàng rơi vào sự mê tín, giống như người ta đã làm trong câu chuyện con mèo và cây trụ giường. (Xem lại Q. 1, Phần IV, Ch. 3, Sự Khoan dung). Họ cũng nói rằng một cuộc sống tự dựa vào sức mình (self-reliance) giúp phát triển năng lực. Mọi điều nêu trên đều đúng cả; nhưng trong cả hai phương pháp đều có lợi lẫn có nguy hiểm; Thế nên mỗi người nên đi theo cách hợp với bản chất của mình, cùng lúc đó nên thận trọng cố gắng tìm hiểu và tôn trọng người đang theo con đường khác. Nếu ta bắt chước hành động của một người hiểu biết hơn ta đôi chút, thì đó không

https://thuviensach.vn

phải là không có lý. Một đứa trẻ bắt chước người lớn bởi vì đứa trẻ tin rằng người lớn hiểu biết nhiều hơn nó, và trong đa số trường hợp thì đứa trẻ có lý. Cũng giống như trường hợp đứa trẻ bậc trung xem cha của nó như là người vĩ đại nhất trên đời, và người ta không nên nghĩ đến chuyện bảo cho nó biết rằng ý nghĩ của nó là sai lầm.

Minh triết -Thiên Thần (Deva-wisdom) rất có thể là Minh Triết Thiêng Liêng (Divine wisdom) mà chúng ta gọi là Theosophy([1]). Đó là tri thức về các cõi là trú sở (the dwelling-place) của sự sống Thượng Đế, chớ không chỉ là các vùng bên ngoài mà thôi. Đức Aryasanga luôn luôn phân biệt giữa những gì người ta thật sự biết với những gì người ta chỉ tin. Nếu Ngài nói chuyện ở một trong các buổi hội họp về Minh Triết Thiêng Liêng, có thể Ngài nói: "Các bạn nên tin vào sự hiện hữu của các cõi cảm dục và cõi trí, bởi vì đó là quy luật tất yếu hợp lý. Nhưng các bạn vẫn không biết nó cho đến khi nào các bạn có kinh nghiệm trực tiếp". Kiến thức đó có tính siêu nhân loại chỉ ở ý nghĩa là nó ở ngoài tầm của nhân loại bình thường hiện nay, mặc dù nó sẽ ở trong tầm của người bình thường vào đúng lúc.

Kinh nghiệm trực tiếp tạo ra một dị biệt lớn lao đối với nhận thức của chúng ta về các chân lý này. Tôi còn nhớ có lần ông W.T. Stead nói rằng ông ấy đã có những nghiên cứu và

[1] Khi Hội Thông Thiên Học Việt Nam được ông Bạch Liên Phạm Ngọc Đa (là Hội Trưởng đầu tiên) và một nhóm huynh đệ thành lập năm 1952, từ Theosophy được dịch là Thông Thiên Học. Về sau, thấy thuật ngữ này không còn đúng, nên chính ông Bạch Liên, trong bộ sách do ông viết năm 1971, đã sửa lại là "Khoa Minh Triết Thiêng Liêng" (ND).

https://thuviensach.vn

tìm tòi rộng khắp vào các vấn đề tâm linh, nhưng một ngày nọ khi ông có được nhãn thông, thì ông mới biết được sắc thái và thực tại mới mẻ về mọi vấn đề đó. Khi ngủ thiếp đi, ông thấy trước mắt mình một bức tranh nho nhỏ về bờ biển, với những lượn sóng vỗ vào các tảng đá. Đó là một điều nhỏ nhặt, nhưng nó lại dạy cho ông nhiều điều. Ông nói: "Giờ đây tôi mới hiểu được những gì mà một người có nhãn thông muốn nói đến khi người ấy nói rằng ông ta thấy được điều này hoặc điều nọ".

Có một dị biệt lớn lao đối với bà Besant và chính tôi khi chúng tôi bắt đầu thấy được các nội cảnh giới (inner planes) bởi chính chúng tôi. Chúng ta quen với các sự kiện về cõi cảm dục và cõi trí từ bên ngoài, nhưng cái thấy trực tiếp mới cung cấp sự sống cho chúng đối với chúng ta. Thậm chí đối với các vấn đề ở cõi trần, người nào chỉ học từ sách vở thì có một loại kiến thức bị cắt xén và khô khan, nhưng người nào đã *sống* với kiến thức của mình, thì sẽ có sự hiểu biết đầy màu sắc và ánh sáng. Tôi nhớ rõ sự dị biệt này trong số các nhà sư Phật Giáo mà tôi thường gặp ở Ceylon (nay là Sri-Lanka – ND). Một người vốn là bậc thầy thông thạo kinh sách và có thể dẫn chứng các kinh sách để minh họa mọi quan điểm về tôn giáo của mình; trong khi người kia đã có kinh nghiệm nào đó trong việc hành thiền, sẽ ít dẫn chứng kinh sách nhưng nói rộng hơn nhiều.

Nhãn thông không nảy sinh một cách đột ngột trong cuộc sống, theo một hình thức mà nó có thể được dựa vào. Cần phải có nhiều sự tập luyện kỹ càng để người có nhãn thông có thể thấy một cách chính xác, nhận thức được ý nghĩa của những gì mà người này thấy được, và loại bỏ tình thế thay đổi do con người (the personal equation, yếu tố nhân

https://thuviensach.vn

sai). Người ta có thể đặt kính viễn vọng vào tay một người nào đó và mong đợi rằng khi đó y sẽ biết được mọi chuyện về các tinh đẩu – nhưng y sẽ biết được rất ít cho đến khi y đã được luyện tập để sử dụng kính một cách thích hợp, và đã sử dụng nhiều kiến thức và trí thông minh liên quan tới những gì mà y thấy. Các nhà thiên văn học thấy rằng họ cũng phải thừa nhận yếu tố nhân sai trong các xem xét của họ.

Trong khi vận dụng nhãn thông, yếu tố nhân sai này hiện ra dưới nhiều hình thức. Chẳng hạn người ta có thể thấy các sự vật hơi quá lớn, hơi quá xanh hoặc quá đỏ, v.v… Thiên kiến cá nhân (personal bias) cũng hiện rõ dưới hình thức thành kiến. Thí dụ, một mệnh phụ phu nhân (lady) có nhãn thông, bà này cũng là một tín đồ Cơ Đốc nhiệt thành sẽ khăng khăng liên kết các ý tưởng về lễ rửa tội với bất cứ hành động rót nước nào mà bà có thể tình cờ trông thấy, và bà rất bực mình khi kẻ khác không thể đồng ý với quan điểm của bà. Dù hết sức cố gắng, chúng ta cũng không thể thấy các sự việc một cách đầy đủ, vì lẽ cần phải có sự chính xác hoàn toàn. Có thể là, ngay cả ở trình độ Adept của các Ngài, các Chân Sư cũng phải thừa nhận các "yếu tố nhân sai" của các Ngài khi hoạt động ở các cõi thấp.

Tuy nhiên Vị Đạo Đồ có được sự chắc chắn tuyệt đối, do kinh nghiệm, đối với một số vấn đề, kinh nghiệm này cho phép vị đạo đồ trở thành một vận hà cho các thần lực cao siêu. Kinh nghiệm này thay đổi sự an trụ (polarity) của thể trí và thể nguyên nhân của vị điểm đạo đồ, để cho vị đạo đồ có thể được sử dụng, trong khi những người khác không thể được sử dụng, cho dù họ có thể được phát triển cao đến đâu theo các đường lối khác.

https://thuviensach.vn

291.- Than ôi! Một khi ngươi đã trở nên giống như ngôi sao được cố định trên trời cao, thì từ nơi không gian sâu thẳm, thiên thể chói sáng đó phải soi chiếu cho vạn vật, ngoại trừ cho chính nó; hãy ban ánh sáng cho muôn loài mà đừng giành lấy ánh sáng của một ai.

Đừng nên cho rằng ngôi sao đang hối tiếc khi phải tỏa chiếu; nó làm thế là vì nó không thể không làm điều đó. "Vạn vật đều tuân theo bản chất riêng của chúng, sự kiềm chế sẽ có lợi gì ?" Kinh Bhagavad Gita nói như thế (III, 33).

Sự kiềm chế luôn luôn tạo ra phiền não; ai yêu thương thế gian đều muốn soi sáng nó mãi mãi; sẽ là phiền não nếu y không thể làm như thế.

Một tấm gương vĩ đại của việc này được các Đấng đại hùng (the mighty entities) đưa ra, các thực thể này đang sống dưới hình thức của các hạt lúa hoặc lá dương liễu dưới ánh mặt trời, để nhờ chúng mà ánh sáng, nhiệt và sinh lực có thể được tỏa ra khắp thái dương hệ. Điều này luôn luôn được nói đến như là một hy sinh về phía các thực thể đại hùng. Nhưng điều đó có tính cách tự phát, đó là cách biểu hiện bản chất bên trong của chúng. Thay vì sống một cuộc sống với hoạt động huy hoàng trên các cõi cao nào đó mà chúng ta không thể hình dung được, các thực thể này lại giữ lấy các thể vật chất và sinh hoạt nơi đó vì lợi ích của các thế giới đang bồng bềnh quanh mặt trời chúng ta. Nói một cách thật chính xác thì các thực thể này tạo thành một bức tường bảo vệ, một vận hà mà nhờ đó Alaya có thể đổ vào một luống đất khác.

292.- Than ôi ! Một khi ngươi đã trở nên giống như tuyết thuần khiết trong thung lũng núi, lạnh buốt và không cảm giác khi chạm đến, ấm áp và che chở cho hạt giống ngủ dưới

https://thuviensach.vn

sâu trong lòng nó – cho đến giờ lớp tuyết đó phải hứng chịu cái rét cắt da, những cơn gió phương bắc, nhờ thế che chở lớp đất bên dưới tránh khỏi hàm răng bén nhọn hung ác, để rồi lớp đất duy trì được vụ mùa hứa hẹn, vụ mùa này sẽ nuôi sống kẻ đói.

Lối so sánh bằng hình ảnh lớp tuyết che chở như trên thật là tuyệt, nhưng đừng nên đi quá xa. Bậc đệ tử phải cố gắng trở nên giống như tuyết tinh khiết, tức là trắng trong, không nhiễm bẩn. Chắc là khi Đức Aryasanga nói đến điều này với các đệ tử của Ngài, Ngài cũng chỉ cho đệ tử thấy những đỉnh núi phủ đầy tuyết luôn luôn ở trước mắt.

Lớp tuyết vô cảm giác (unfeeling) không phải có nghĩa là nó trở thành có hại theo bất cứ cách nào mà vì chính nó không bị tác động bởi cái lạnh.

Bất luận nhiệt độ của khí trời có thể trở nên lạnh buốt đến đâu đi nữa, tuyết vẫn y như thế. Vì lẽ chính nó không bị tác động, nên nó có thể che chở cho lớp đất khỏi cái lạnh còn khốc liệt hơn. Đó là tình huống mà người tìm đạo phải vươn tới. Người tìm đạo phải tỏ ra vô cảm chỉ với ý nghĩa là y không bận tâm liệu bản thân y có bị rối loạn hoặc bị tổn hại hay không bởi bất cứ ngoại vật nào, dù có ra sao đi nữa, nhưng y vẫn phải bảo vệ hạt giống đang ngủ bên dưới.

Hạt giống là Đấng thiêng liêng (deity) trong con người. Nó bắt đầu thức tỉnh trong tất cả những ai đang chuyển sự chú tâm của họ vào các sự việc cao siêu và đang cố gắng tự phát triển. Chính mầm mống này phải được nuôi nấng ấp ủ

https://thuviensach.vn

nơi những người khác. Một đoạn kinh Upanishad(1) ghi rằng trong quả sồi có cây sồi ở dạng tiềm tàng. Nó chỉ phải tự nảy mầm và rút từ trong không khí, đất và ánh sáng mặt trời những gì sẽ khiến nó biểu lộ. Theo cách giống như thế, tia sáng thiêng liêng bên trong chúng ta, tức Chân Thần, cũng có toàn bộ khả năng của Thượng Đế mà một ngày nào đó chúng ta sẽ trở thành, nhưng Chân Thần vẫn phải tự khai mở.

Chúng ta phải cung cấp cho các hạt giống thiêng liêng này những điều kiện mà nhờ đó chúng có thể tự nẩy mầm thuận lợi nhất ở các cõi thấp. Vì thế, chúng ta phải nhận chịu cái lạnh cắt da, hứng lấy cơn gió phương bắc để che chở cho kẻ khác khỏi bị nó ảnh hưởng và bị nó đẩy lùi lại. Có một số người sẵn sàng tiếp nhận giáo huấn tâm linh, và họ cần phải được nuôi dưỡng bằng loại thức ăn tinh thần đó. Đây là những người đang đói, và chúng ta cần phải mang lại cho họ loại thức ăn mà họ cần để phát triển (về mặt tinh thần – ND). Họ hoàn toàn không biết họ cần gì, nhưng ngay khi thức ăn đó được đặt trước mặt, họ liền chộp lấy. Đó là kinh nghiệm của một số người trong chúng tôi đối với Minh Triết Thiêng Liêng (Theosophy). Vào lúc giáo lý đó xuất hiện trước chúng tôi, chúng tôi cảm thấy: "Đó đúng là những gì tôi đang chờ đợi từ lâu", mặc dầu trước khi chúng tôi nghe nói đến nó, chúng tôi không biết chúng tôi cần gì. Có nhiều người khác đang chờ đợi giống như vậy để nhận biết nó, và chúng ta phải giống như tuyết, mà nhiệm vụ của nó là che chở trong

[1] Upanishad: Áo Nghĩa Kinh, gồm phần lớn là những đoạn kết của kinh Veda, nên còn được gọi là kinh Vedanta. Hiện có khoảng 150 bản kinh Upanishad, trong đó dưới 20 bản được coi là chính truyền. Kinh nhằm vào ba mục tiêu: Tri thức tuyệt đối, Đời sống tâm linh và Giải thoát sau cùng (ND)

https://thuviensach.vn

khi cái lạnh kéo dài, rồi khi mặt trời chiếu xuống, tuyết tan ra và tự xóa hết dấu vết.

Điều này thật đúng như những gì mà chúng ta làm đối với trẻ con trong nhà. Khi gặp lúc gian nan hoặc có sự phiền toái bất cứ loại nào, chúng ta giữ không cho con trẻ biết điều đó. Nếu thiếu thức ăn, trẻ con được cho ăn trước, còn cha mẹ chịu thiếu thốn. May thay, có rất nhiều bản năng thiêng liêng nơi chúng ta nên ta biết rằng chúng ta có bổn phận che chở kẻ non trẻ và cần sự giúp đỡ.

Cũng tinh thần đó phải được đưa vào các phân chi khác của đời sống. Chúng ta tiến bộ hơn đôi chút đối với những người không biết gì. Họ là hạng người cần được thương hại nhất, không phải là những người nghĩ rằng họ đang gặp phiền toái và khó khăn lớn về trí tuệ, đang đấu tranh hướng về ánh sáng, chẳng hạn như những người đang lo lắng vì tôn giáo của họ không biểu lộ cho họ tất cả những gì mà họ cần; những người này không phải là những người cần sự cảm thông nhiều nhất, bởi vì ít nhất họ đang thức tỉnh và đang phấn đấu hướng về ánh sáng. Chính là phần lớn nhân loại mồ côi, tức những người không biết rằng có một điều gì đó cần phấn đấu để có được, là những người cần sự cảm thông nhất. Chúng ta không thể làm gì nhiều cho họ được. Điều duy nhất mà người ta có thể làm cho một con gà con còn ở trong trứng là giữ cho nó đủ ấm mà thôi. Hơi ấm là sự sống mà chúng ta có thể tuôn đổ ra ngoài. Chúng ta phải tỏ ra thân ái, có tình huynh đệ và chính trực. Khi nhân loại cần sự giáo huấn, chúng ta có thể cung cấp cho họ; nhưng chúng ta có thể *luôn luôn* mang đến cho họ tình thương và tạo ra các tư tưởng đẹp đẽ cho họ, vì mặc dầu họ sẽ không nhận được đúng ý

https://thuviensach.vn

tưởng này, họ cũng sẽ cảm nhận được hơi ấm, giống như gà con nhận hơi ấm trong quả trứng vậy.

Người ta cho rằng thật là rất tốt đẹp khi thuyết giảng và dạy dỗ, nhưng bài thuyết giáo vĩ đại nhất trong mọi bài là một cuộc sống cao thượng. Một lý do để giải thích việc đó là việc thuyết giảng như thế sẽ ảnh hưởng đến người chưa biết họ muốn gì. Đại đa số con người chỉ lo cho kiếm sống và chăm sóc gia đình của họ, chính họ không bận tâm về giáo lý Minh Triết Thiêng liêng hoặc tôn giáo gì cả. Ở xứ Anh, vốn được xem như một quốc gia có tín ngưỡng ở Âu Châu, tiện nghi được cung cấp ở những nơi thờ phụng không đủ cho một phần mười dân số. Các nhà thờ, nhà nguyện (chepels) đủ loại, thường thường cũng không đầy tới một nửa, thế nên chúng ta có thể nói rằng không hơn một phần hai mươi dân số thường xuyên tham dự bất cứ loại lễ tôn giáo nào. Các bài giảng đẹp đẽ về Minh Triết Thiêng Liêng của chúng tôi cũng chỉ tạo được ấn tượng ít oi hoặc không có chút ấn tượng nào trên số quần chúng này; việc làm đó cũng chỉ có thể có tác dụng như tấu lên một giai điệu êm tai hoặc diễn ngâm một bài thơ mà thôi. Nhưng họ luôn luôn quan sát những người phát triển và có giáo dục nhiều hơn, và họ hình thành ý kiến riêng của họ về những người được đánh giá tốt đẹp về mặt giáo dục và xã hội. Như vậy, người nào có một đời sống thánh thiện, chân thật, trong sạch, vị tha thì thực sự đang luôn luôn thuyết giảng cho tất cả những ai vốn không thể bị tác động bởi bất cứ những gì được nói.

Nhiều cố gắng của các nhà truyền giáo bị bài bác bởi lẽ họ coi trọng lời thuyết giảng hơn là việc nêu gương. Chẳng hạn một nhà truyền giáo sống trong căn nhà gỗ một tầng ở một thị trấn miền quê Ấn Độ, gần với viên chức tư pháp và

https://thuviensach.vn

người thu thuế châu Âu. Gần như tất cả những người theo Ấn giáo chung quanh đó đều là người ăn chay nghiêm nhặt và hoàn toàn kiêng rượu, còn nhà truyền giáo kêu giết thịt cho ông ta, và thường có sẵn bình rượu whisky hoặc thức uống có chất rượu khác ở trong tầm tay, ngay cả khi ông ta không tham gia vào việc săn bắn chim và thú nhỏ mà đám bạn bè Âu Châu của ông ta tự cho phép họ làm việc đó. Rồi ông ta giảng về sự khiết bạch và tình thương của Đức Christ, và đôi khi còn dám lạm dụng các đối tượng được sùng kính của người dân. Thường ông không có được kết quả nào cả, ngoại trừ nơi một số người giả nhân giả nghĩa, tức là những người có thể thu được lợi lộc vật chất qua việc quen biết với ông ta. Nơi trường học, ông ta thường tìm cách hủy hoại niềm tin tôn giáo của các đứa trẻ mà không ghi khắc được tôn giáo của chính ông. Hiếm khi ông ta chuyển đổi được một người theo Ấn giáo sùng đạo thành một người Ki-Tô-giáo thuần thành, mà trong bất cứ trường hợp nào, việc đó không có lợi, mà đôi khi ông lại biến đổi một người Ấn giáo tốt lành thành một người Cơ Đốc giáo thờ ơ. Sẽ là điều tốt đẹp hơn nếu ông ta tự đặt mình sống một cuộc đời thánh thiện như là người Ấn giáo có thể hiểu được, và bấy giờ hãy nói đến Đức Christ với cương vị là Đạo Sư thiêng liêng của ông, Đấng đã truyền cảm hứng cho ông và đưa ông đến địa vị ngày nay. Ngay cả vì mục đích riêng của ông, thì việc này cũng sẽ là một cách tuyên truyền hữu hiệu, bởi vì người theo Ấn giáo có đầu óc cởi mở và thường sẵn sàng cho phép những Đấng mà kẻ khác thờ phụng có một chỗ bên cạnh Các Đấng Hóa Thân Linh Thiêng của riêng họ.

https://thuviensach.vn

Chúng ta thường nghe người ta nói rằng các vùng đất Phương Đông đang nhanh chóng bị Cơ Đốc hóa, điều đó có nghĩa là các vùng đất đó đang đón nhận văn minh hiện đại – đó là ánh sáng điện khí và hệ thống vệ sinh, và rời bỏ một vài tập tục xã hội, như là sự cách ly của phụ nữ giai cấp khá giả và tục tảo hôn, vốn khá phổ biến ở Châu Âu theo Cơ Đốc giáo cách nay một hoặc hai thế kỷ. Có lẽ họ đã quên đi cách nào mà những người Cơ Đốc Chính Thống ở Âu Châu đã chống lại với cải cách khoa học và cải cách xã hội, và làm cách nào mà các cải thiện này phải giành lấy con đường của chúng bất chấp loại "Cơ Đốc giáo" mà phần lớn các nhà truyền giáo còn đang thuyết giảng. Tình huống này thật là khôi hài, nếu không muốn nói là cả hai đều có tính cách đạo đức giả và độc ác.

293.- Tự ép mình để sống qua các Thiên Kiếp (Kalpas)[1] sắp đến, không được con người nhận ra và biết ơn; bị xếp chặt như một hòn đá với vô số các hòn đá khác, tạo thành Bức Tường Bảo Vệ, đó là tương lai của ngươi nếu ngươi qua được cửa thứ bảy. Được xây bởi bàn tay của biết bao Đức Thầy từ bi, được dựng lên bằng khổ hình của các Ngài, được gắn lại bằng huyết của các Ngài, bức tường đó che chở nhân loại, từ khi con người trở thành người, bảo vệ con người tránh khỏi đau khổ và phiền não lớn lao hơn và nhiều hơn nữa.

[1] Kalpa: Thiên kiếp, một Đời hay Ngày và Đêm của Brahma, tương đương với 4.320.000.000 năm mặt trời (Solar year).

Kalpa còn được gọi là Manvantara, tức chu kỳ Khai nguyên (thời gian từ cơ sáng tạo này đến cơ sáng tạo khác, do một Đức Manu cai quản). (Trích Theosophical Glossary-1972)

https://thuviensach.vn

294.- Vả lại, con người không thấy được điều đó, sẽ không nhận ra điều đó, cũng như con người sẽ không chú ý đến lời minh triết … vì lẽ con người không biết được lời đó.

295.- Nhưng ngươi đã nghe được lời đó, ngươi biết được tất cả, hỡi kẻ có tâm hồn nhiệt thành, chân thật… và ngươi phải lựa chọn.

Kế đó, hãy lắng nghe lại.

Tôi không thể không nghĩ rằng, về một vài phương diện, các đệ tử của Đức Aryasanga hẳn đã có phần kém cỏi, bởi vì nhiều lần dường như Ngài thấy cần lặp lại rằng họ đừng nên mong chờ bất cứ điều gì cho bản thân họ. Điều đó cũng đã được nói với chúng ta, nhưng tôi mạo muội hy vọng rằng chúng ta là các đạo sinh huyền linh học, đã đạt đến trình độ mà chúng ta không còn quan tâm về việc được kẻ thế nhân nhận biết hoặc tri ân nữa.

Ý nghĩ muốn có các thừa nhận như thế, dường như có nghĩa là thuộc một trình độ còn hơi thấp. Người ta không nên tìm kiếm bất cứ sự tri ân nào hoặc niềm vui nào có dính dáng đến các kết quả thuộc công việc của mình, tuy thế người ta nên hành xử một cách thận trọng và với sự thấy trước.

Bổn phận của nhà huyền linh học là phải thấy trước những gì có thể sẽ là hậu quả của hành động hoặc lời nói của mình, và không làm điều gì thiếu suy nghĩ. Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm hết sức mình để nhận ra rằng thất bại không phải do chúng ta thiếu cố gắng, mà mọi sự đều như nhau đối với chúng ta, dù cho ta có thấy được kết quả hay là không.

https://thuviensach.vn

Chẳng hạn giả sử rằng, có một thành viên trong Hội chúng ta được gửi ra ngoài để lập một Chi Bộ ở một khu vực mới nào đó. Người này dành hết mọi sự tận tụy mà y có, cho thấy mọi việc xử trí trong tầm kiểm soát của y, và làm hết khả năng mình bằng mọi cách. Sau đó dù cho nhiều người hoặc ít người gia nhập, việc đó không làm cho y bận tâm. Sẽ là điều dại dột đối với y khi nói một cách tiếc rẻ rằng: "Nếu một người nào khác ở đây, có lẽ họ sẽ thành công hơn". Người được gửi đến đó để làm hết khả năng của mình, chứ không phải với khả năng của người khác. Thật là lỗi lầm đối với một người khi so sánh y với những người khác.

Thành ngữ "Bức Tường Bảo Vệ" ("Guardian Wall") đã gây ra rất nhiều hiểu lầm. Đó là một biểu tượng đẹp, nhưng giống như các biểu tượng khác, biểu tượng đó không nên được đưa đi quá xa. Không có bất cứ điều xấu xa nào đe dọa con người mà không phải do chính con người tạo ra. Chính chúng ta mới có thể là kẻ thù của chúng ta mà thôi. Không một ai có thể làm hại một người trừ ra chính người đó, và không một ai có thể thực sự giúp người đó trừ chính y. Những người khác chỉ có thể đưa y vào con đường để y học cách tự giúp đỡ cho chính y, hoặc đặt y vào tình thế mà nếu y không thận trọng, y có thể làm hại cho chính mình. Người ngoài cuộc nói rằng y bị tổn thương do người khác lăng mạ y; nhưng sự thực là khi y giận dữ thì con người trong cơn giận của y làm hại chính y. Y không cần cảm thấy phẫn nộ. Người ta nói rằng, nổi giận như thế là điều tự nhiên. Điều đó có thể là tự nhiên đối với người kém phát triển, nhưng không tự nhiên đối với kẻ đã học hỏi được ít nhiều.

Thành ngữ "từ khi con người trở thành người" ("since man is man") có thể có hai nghĩa. Nó có thể được hiểu như

https://thuviensach.vn

một ám chỉ rằng Bức Tường Bảo Vệ đã tồn tại từ đó đến giờ, từ lúc con người trở thành người, hoặc câu ấy có thể có nghĩa rằng bức tường xuất hiện bởi vì con người chỉ là con người và do đó có thể làm cho chính mình bị thiệt hại rất nặng, trừ phi con người nhận được sự giúp đỡ, bảo vệ và dẫn dắt từ cõi cao. Có thể cả hai nghĩa đều đúng. Chúng ta biết rằng Đại Đoàn các Đấng Cao Cả hiện hữu từ thời xa xưa, trước khi nhân loại chúng ta đạt đến trình độ có thể tạo nên các Chân Sư, và vào thời đó, các Đấng Cao cả này thuộc về các dãy hành tinh khác có trước.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 7
Thánh Đạo Arya

296.- Hỡi Srotapatti, trên con đường Sowan, ngươi được an toàn. Thật thế, trên Marga đó, nơi mà kẻ hành hương mệt mõi không gặp gì khác ngoài bóng tối, nơi mà bàn tay rỏ máu vì gai góc, chân bị cắt đứt vì đá cứng và sắc bén, còn Ma Vương thì sử dụng các vũ khí mạnh mẽ nhất của nó – nơi đó có một phần thưởng lớn nằm ngay phía bên kia.

297.- Bình thản và không bị lay chuyển, kẻ hành hương lướt theo dòng nước dẫn đến Niết Bàn. Y biết rằng chân y càng tuôn máu thì chính y càng được rửa sạch. Y biết rõ rằng sau bảy kiếp lai sinh ngắn ngủi phù du, y sẽ đạt đến Niết Bàn.

298.- Đó là con đường Thiền Định, nơi trú ẩn của nhà yogi, mục tiêu thiêng liêng mà các vị Srotapatti mong mỏi.

C.W.L.- Sowan là một thuật ngữ khác của Phật giáo, nó có cùng nghĩa với Srotapatti (người được Điểm Đạo Lần Thứ Nhất). Vào cuối giai đoạn mà ở đây được gọi là con đường thiền định (path of dhyana), việc tham thiền mà qua đó vị Srotapatti tiến bộ đều đặn hướng lên các cõi phụ của cõi Bồ Đề, nhận được cuộc Điểm Đạo Thứ Tư, và lập tức tiến nhập cõi Niết Bàn.

Tuy nhiên người không nghỉ lại ở trình độ đó, mà vẫn bước trên con đường La Hán đến cổng Bát Nhã. Chắc chắn là

https://thuviensach.vn

thuật ngữ này liên quan đến việc vứt bỏ xiềng xích cuối cùng, là vô minh (ignorance) hay là avidya. Có một gợi ý là theo cách dịch thông thường, thuật ngữ "vô minh" không được thích hợp lắm, nên dịch là "kém sáng suốt" ("unwisdom") có lẽ đúng hơn. Ngụ ý là cho dù có được biết bao tri thức về các sự việc khi được thấy từ bên ngoài, một người nào đó có thể vẫn còn vô minh; nhưng khi người ấy nhận biết được các sự việc đó từ bên trong, khi người đó nhận thức được cùng Chân Ngã, là Đấng Duy Nhất đồng thời ngự nơi tất cả mọi người, thì y có thể thấy được khía cạnh bên trong của tất cả các sự vật này, lúc bấy giờ y mới có minh triết. Jnana là minh triết, còn Jna trong prajna có cùng nghĩa, tiếp đầu ngữ pra hàm ý là hoạt động hay di chuyển tới trước. Do đó, prajna đôi khi được dịch là tâm thức, còn đôi khi được dịch là trí thông tuệ (intelligence), tính phân biện (discernment) hay chỉ là minh triết.

Trong thực tế, điều đó không có nghĩa là vị Cao Đồ (Adept) có tất cả mọi tri thức, mà chỉ có nghĩa là người ở vào một vị thế để có được kết quả của bất cứ tri thức nào mà người muốn. Thí dụ, Chân Sư Morya, khi lần đầu tiên tôi có đặc ân được gặp Ngài, thì Ngài nói tiếng Anh không được hoàn hảo lắm và nói với cách phát âm nặng. Kể từ đó Ngài đã đạt được trình độ thông thạo hơn nhiều về Anh ngữ, mặc dầu có chút gì đó về cách phát âm vẫn còn. Chân Sư Kuthumi, theo chỗ chúng tôi biết, luôn luôn nói tiếng Anh rất trôi chảy và không có dấu vết nào về cách phát âm, nhưng đồng thời có một hoặc hai đặc điểm nhỏ giống như bất cứ người nào có thể có, đặc điểm này giúp cho người ta nhận ra văn phong (style) của Ngài.

https://thuviensach.vn

Tôi còn nhớ một kinh nghiệm trước đây khi một trong các Chân Sư muốn gửi một bức thư bằng tiếng Tamil(1). Vì Ngài không biết thứ ngôn ngữ đó, nên Ngài dạy một đệ tử của Ngài biết thứ tiếng đó hãy nghĩ đến những gì mà Ngài muốn nói; kế đó Ngài quan sát trong trí người đó cách mà các ý tưởng sẽ được diễn tả như thế nào, và thế là Chân Sư thảo ra mau lẹ một bức thư chính xác, mặc dù trong xác thân, Ngài không biết ý nghĩa của các ký hiệu được dùng để viết ra chữ Tamil.

Tôi nhớ rằng các cảm nghĩ bên trong của tôi về lòng tôn sùng và kính ngưỡng đã hơi bị thương tổn trước ý nghĩ một Chân Sư mà không biết tiếng Tamil, nhưng tôi sớm nhận ra rằng đối với một vị Chân Sư không đáng phí công để biết hết mọi chuyện theo quan điểm của chúng ta. Tôi nhớ một nhận xét được đưa ra của một người rất thành thạo đối với một vấn đề nào đó về thiên văn học hoặc một khoa học nào khác. Một người bạn của ông này đã tỏ ra kinh ngạc khi thấy ông ta tỏ ra không biết về vấn đề đó, và nói: "Sao? có phải anh muốn nói rằng anh không biết chuyện đó sao?" Ông ta đáp: "Không, tôi không biết việc đó, và ngay cả lúc này đây dù anh có bảo cho tôi biết, tôi cũng sẽ đặt ý tưởng đó sang một bên và có lẽ sẽ quên đi tất cả về chuyện đó. Đầu óc tôi sẽ chỉ giữ lại một số thông tin nhất định, và tôi sẽ làm một nhà chuyên môn theo đường lối riêng của tôi".

Năng lực của bộ óc vốn có giới hạn, muốn có được rất nhiều thông tin thuộc loại ít khi liên quan đến đời sống và

---

[1] Ngôn ngữ Tamil: Tamil language, đây là một trong các ngôn ngữ được chính thức dùng ở Ấn Độ và Sri-Lanka (Tích Lan cũ) – ND.

https://thuviensach.vn

công việc của chúng ta là điều không khôn ngoan. Tôi từng biết một thanh niên, y nói với tôi rằng y là một độc giả rất nhiệt thành của các sách thuộc một thư viện tham khảo rộng lớn ở miền Bắc Anh quốc, cho đến một ngày nọ, anh ta làm một bài tính để xem coi anh ta mất bao nhiêu thời gian chỉ để đọc tất cả các sách mà anh ta muốn nghiên cứu chỉ riêng trong thư viện đặc biệt đó. Bài tính của anh ta cho thấy rằng anh ta phải mất khoảng năm trăm kiếp sống nếu anh ta tiêu phí tám giờ một ngày cho công việc đó! Sau đó anh ta đã quyết định chọn các sách sẽ đọc một cách thật kỹ lưỡng.

Một trong các vấn đề lớn của cuộc đời là quyết định xem chỉ loại kiến thức nào mà người ta nên cố gắng hoạch đắc. Karma mang lại trong tầm tay chúng ta tất cả những gì chúng ta cần biết cho sự tiến hóa trước mắt chúng ta. Chúng ta có thể vượt xa hơn mức đó và dành hết thì giờ và năng lực của chúng ta vào việc học hỏi những gì không hữu ích trong các kiếp sống của chúng ta, mặc dù việc đó có thể quan trọng đối với người khác. Càng học hỏi chúng ta càng thấy choáng váng trước cái bao la bất tận của các sự vật; chúng ta giống như các côn trùng nhỏ nhít ở trong một căn phòng to, đang nhìn căn phòng từ một hốc kẹt.

Chúng ta nhận thức được một điều gì đó về cái mênh mông bát ngát này khi xem xét một chuỗi dài các kiếp sống. Đối với thời gian dài rắc rối, chúng ta phải dùng tuế sai phân điểm (precession of the equinoxes) ([1]) để ghi dấu các khoảng

[1] Tuế - sai phân - điểm (precession of the equinoxes).
Tuế: năm , sai: sai số.

https://thuviensach.vn

thời gian; các nhà thiên văn học ước tính khoảng thời gian đó độ chừng hai mươi lăm ngàn năm, nhưng người có nhãn thông cao cho biết nó phải là ba mươi mốt ngàn năm. Sự kém chính xác của tài liệu khoa học trong các vấn đề này là do bởi các sưu khảo có thể kéo dài qua khoảng thời gian bị hạn chế – vài trăm năm, hoặc là vài ngàn năm nếu tính theo các ghi nhận của người Chaldea (hay là Babilonia – ND). Như thế các quan sát bị giới hạn đến một vòng cung rất nhỏ của một vòng tròn, mà các số đo của toàn bộ đã được tính toán theo đó, thế nên, sai số tối thiểu do phỏng chừng, trở thành được nhân lên nhiều lần. Nhưng cái sai lệch đó không là gì khi so với một Kiếp (an Age) của Brahma, với con số 311.040 tỉ năm (311.040.000 million years). Còn các khoảng cách lớn nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng một cách rõ ràng đều không đáng kể so với các quang niên (light years, năm ánh sáng) phân cách các tinh tú.

Chúng ta có thể hình dung ra hai loại nhà nghiên cứu. Một loại có thể trở nên thông thái bằng cách thu thập một số lượng rất lớn kiến thức; còn loại kia, thu thập kiến thức bằng cách gom vào mình một tập hợp các sách được chọn kỹ và biết bắt tay làm việc như thế nào với các sách này và rút ra từ chúng thông tin mà mình cần. Tri thức của Chân Sư có phần giống với tri thức của loại thứ hai. Chân Sư không nhất thiết

---

Tuế sai: chuyển động kiểu con quay của trục Địa Cầu làm cho trục đó vạch ra, trong 26.000 năm, một vòng tròn có bán kính 23,30′ quanh cực hoàng đạo. (Từ Điển Thiên Văn Học, Hà Nội 1983).

Phân điểm (equinoxe): Điểm mà mặt trời đi qua xích đạo của địa cầu làm cho 2 bán cầu có ngày và đêm dài bằng nhau. Trong 1 năm có 2 phân điểm là xuân phân (21/3) và thu phân (23/9).

https://thuviensach.vn

có các sách này, nhưng Ngài có khả năng lấy bất cứ tri thức nào mà Ngài cần có hầu như trong chốc lát. Nếu Chân Sư cần có hiểu biết về một chủ đề đặc biệt nào đó, thì Ngài có thể làm cho Ngài thành một với đối tượng đó và nhập vào tâm của nó ngay tức khắc, kế đó quan sát các chi tiết chung quanh theo như Ngài có thể cần đến chúng.

Chân Sư tiếp cận chủ đề từ một cõi cao, do đó đối với chúng ta, có thể trên các cõi thấp có nhiều điều mà Ngài không biết. Theo tôi dường như có thể có chuyện nếu một Chân Sư hoạt động giữa chúng ta, chúng ta có thể thấy rằng chúng ta biết nhiều hơn Ngài trong một số đường lối nào đó. Nhưng nếu chúng ta tiến đến chỗ bàn đến các thực tại, đến cốt lõi của vấn đề, đến việc hiểu biết thực sự về các tính chất cơ bản (essentials) của nó, thì Chân Sư sẽ biết nhiều hơn là bất cứ người nào trong chúng ta. Chúng ta hãy thử tìm hiểu điều đó bằng việc nghiên cứu địa chất học. Sinh viên mua một số sách giáo khoa và nghiên cứu môn học đó hết tháng này đến tháng khác, có lẽ hết năm này đến năm khác nữa. Một Chân Sư sẽ làm gì nếu Ngài muốn biết về địa chất học? Ở một nơi nào đó trên cõi Bồ Đề hoặc Niết Bàn, Ngài muốn hiểu ý tưởng nằm ở sau môn học này và tự Ngài đồng nhất hóa với ý tưởng đó. Sau đó, từ quan điểm đó, Ngài muốn vươn ra tận bất cứ chi tiết nào Ngài có thể cần. Do đó, điều chắc chắn là trong khi một số người trong chúng ta có thể có được hiểu biết đi vào chi tiết về những gì mà một Chân Sư không có được, thì Chân Sư có được các khả năng hiểu biết khác với khả năng của chúng ta.

Khi muốn đặt hết thì giờ và năng lực vật chất của Ngài vào các mục tiêu thật rõ rệt mà Ngài luôn luôn có trước mắt,

https://thuviensach.vn

Chân Sư có thể gác qua một bên nhiều sự việc và không bận tâm đến chúng nữa. Thêm vào đó, chúng ta phải để ý đến sự kiện là tâm thức của Ngài chẳng những rộng lớn hơn tâm thức của chúng ta một cách rõ rệt, mà còn thuộc về loại khác nữa, và chắc chắn là hoàn toàn không thể mô tả được đối với chúng ta, những kẻ chưa đạt đến trạng thái đó.

Theo quy luật chung, vị La Hán còn bảy kiếp sống nữa trước khi đạt đến quả vị Chân Sư, nhưng các Ngài không cần phải sống trong xác thân hồng trần. Ngài phải xuống tận cõi cảm dục, còn việc chọn lấy hiện thể hồng trần trong bảy kiếp sống này thì hoàn toàn có tính cách không bắt buộc. Trong lúc ở trong thể cảm dục, vào bất cứ lúc nào tùy ý, người có thể có được tâm thức cõi Niết Bàn, còn khi ở trong thể xác, người chỉ có thể đạt đến cõi bên dưới cõi cao nhất mà người có thể đạt đến trong khi ở trong thể cảm dục([1]), vị La Hán khoác lấy xác thân hồng trần có thể có được kinh nghiệm cõi Niết Bàn chỉ khi nào người rời bỏ thể xác của mình trong lúc ngủ hoặc trong cơn xuất thần (trance). Trú sở (home) thông thường của tâm thức vị La Hán là cõi Bồ Đề. Nếu người muốn nói chuyện với bất cứ ai ở cõi trần, hoặc làm một phần việc nào cần có sự chú tâm, thì tâm thức của người sẽ được hướng vào bộ óc hồng trần, nhưng khi người quay sang một bên và nghĩ trong một thoáng chốc, thì tâm thức đó lướt trở lại vào trú sở thông thường của nó (tức là cõi Bồ Đề - ND). Vị La Hán có một số cõi giới mở ra cho người, và có thể tập trung tâm thức của người vào bất cứ cảnh giới đặc biệt nào

[1] Câu này có thể diễn dịch cho dễ hiểu hơn như sau: khi khoác lấy xác thân,vị La Hán chỉ có thể đạt đến tâm thức ở cõi Bồ Đề chứ không thể đạt đến tâm thức ở cõi Niết Bàn. (ND)

https://thuviensach.vn

khi người chọn, mặc dù luôn luôn sẽ có một bối cảnh của tâm thức Bồ Đề hoặc tâm thức Niết Bàn.

Ta phải thận trọng đừng phán đoán sai lệch người quen vận dụng tâm thức cao. Có những trường hợp mà một người có tâm thức cao như thế rất dễ bị hiểu lầm bởi một người nào đó khi người này nói chuyện với người có tâm thức cao và không lập tức nhận được một câu trả lời có thể hiểu được, bởi vì sự thật là sự chú ý của người có tâm thức cao này bị rút ra (abstracted, trừu xuất) vào lúc đó. Đôi khi người ta có ấn tượng về sự lạnh lùng hoặc xa cách trong các trường hợp này. Nếu khôn ngoan, người ta nên cảnh giác để tìm hiểu điều gì đang xảy ra, và nếu chúng ta nhận được một câu trả lời lơ đảng, thì tốt hơn nên rút lui và chờ lần khác. Nhiều lần tôi đến viếng Chân Sư tại nhà riêng của Ngài, khi chú ý nhìn vào bề ngoài hào quang của ngài, thấy rằng Ngài đang bận; trong trường hợp như thế, người ta nên chờ cho đến khi Chân Sư xong công việc; hoặc nên rút lui để làm việc nào khác, rồi sau đó mới quay lại.

Trong đoạn này và các đoạn tương tự khác, mọi cách nói bóng dáng về người hành hương mỏi mệt bị gai cào rách và chảy máu v.v… đều có hơi khó chịu đối với tôi. Dĩ nhiên đó là một lối thiên về vật chất để diễn tả các nỗi khó khăn mà mọi người tìm đạo đều cảm nhận được ở một mức nào đó, nhưng tôi thích dùng các minh họa dễ chịu hơn. Đương nhiên mỗi người đều có ý thích khác nhau và người ta nhận ra rằng những gì có vẻ hầu như ghê tởm đối với một số người, thì rất dễ được những người khác chấp nhận như là việc tất nhiên. Tôi không bao giờ có thể bắt ép chính tôi ưa thích khoa biểu tượng của tín ngưỡng Hồi giáo (sufi

https://thuviensach.vn

symbolism) mà trong đó họ nói đến việc hấp thụ minh triết như rượu vang, hoặc một vài phần của Biểu tượng học trong Kinh Puranas tượng trưng một cách hoàn toàn tó tính vật chất lòng tôn sùng của Gopis dành cho Shri Krishna.

Dĩ nhiên tôi biết điều mà Sufi[1] muốn ám chỉ – đó là giống như một người chứa đầy rượu thì người ấy sẽ quên hết mọi việc khác, cũng thế người đó phải đươc chất chứa đầy minh triết thiêng liêng cho đến khi minh triết đó trở thành mọi thành phần đối với y. Tôi thích nói theo Thi Thiên (Psalm) hơn: "Đức Chúa Trời ôi, linh hồn tôi mơ ước Chúa như con nai cái thèm khát khe nước"[2]. Tuy nhiên chúng tôi không muốn chỉ trích những ai dùng biểu tượng khác với biểu tượng của chúng tôi.

299.- Không còn là như thế khi vị Srotapatti vượt qua và chiến thắng con đường La Hán.

300.- Nơi đây Klesha (tính yêu thích lạc thú) bị hủy diệt mãi mãi, các cội rễ của Tanha (ý chí muốn sống) bị nhổ tận gốc. Nhưng hỡi đệ tử, hãy còn một lời nữa. Ngươi có thể hủy diệt lòng từ bi thiêng liêng chăng? Từ bi không phải là thuộc tính. Đó là định luật tối thượng – sự hài hòa vĩnh cửu, Đại Ngã của Alaya, một tinh hoa vũ trụ không bờ bến, ánh sáng của sự công chính miên viễn, và sự thích hợp của vạn vật, định luật bác ái vĩnh hằng.

301.- Càng trở nên hợp nhất với lòng từ bi, bản thể của ngươi tan hòa vào bản thể của nó, thì linh hồn ngươi càng

[1] Sufi: Phái thần bí trong Hồi giáo. (ND)

[2] Thi Thiên 42, 1. (Bản dịch Kinh Thánh, nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội 2003)

https://thuviensach.vn

hợp nhất với những gì hằng hữu, ngươi sẽ càng trở nên từ bi không giới hạn.

302.- Đó là con đường Arya, con đường của các Đức Phật hoàn thiện.

Trong các cước chú cho đoạn này, bà Blavatsky viết: "*Klesha là sự yêu thích lạc thú hoặc yêu thích hưởng thụ cuộc đời, dù xấu hay tốt*", còn "*Tanha, tức ý chí muốn sống, là những gì tạo ra luân hồi*". Trong những người theo Ấn giáo, các kleshas, về mặt chuyên môn, được xem như là năm hình thức ràng buộc với cõi đời, vốn là các phiền toái và chướng ngại lớn lao của đường đạo. Chúng đã được bàn đến trong phần giảng luận của chúng tôi ở phần I.

Như đã giải thích ở trước, Tanha là nỗi khao khát của Chân Ngã muốn có được các rung động mạnh mẽ của cuộc sống vật chất, mà trong các giai đoạn ban sơ của bước tiến hóa, các rung động này giúp cho Chân Ngã thức tỉnh với một sự nhận thức sinh động hơn về cuộc sống của chính Chân Ngã.

Cũng có một cước chú về đề tài từ bi như sau:

Lòng từ bi này không được xem trong cùng ánh sáng như "Thượng Đế, Lòng Bác Ái thiêng liêng" của các Nhà Hữu Thần (Theists). Lòng từ bi ở đây là một định luật trừu tượng, vô tư, mà bản chất của nó vốn là sự hài hòa tuyệt đối, lại trở thành sự hỗn loạn bởi sự bất hòa, đau khổ và tội lỗi.

Tôi luôn luôn cảm thấy rằng có lẽ Nhà Sáng Lập vĩ đại của (Hội Minh Triết Thiêng Liêng – ND) chúng ta đã hành xử hơi kém công bằng đối với các Nhà Hữu Thần ở chỗ này. Bà

https://thuviensach.vn

nói rằng người ta đừng nên nghĩ đến lòng Từ Bi Tuyệt Đối dưới hình thức Thượng Đế, tức Lòng Bác Ái Thiêng Liêng. Bản thân tôi tin rằng người ta nên nghĩ như thế, chỉ vì lý do rằng người ta nên làm cho ý tưởng về Thượng Đế của mình, tức Lòng Bác Ái Thiêng Liêng, thành một đối tượng cao quý, một đối tượng vĩ đại và cao cả hơn là nhiều người đã từng nghĩ.

Trong nhiều kinh cầu nguyện, ý tưởng về Thượng Đế quả thật đã được tạo ra rất là con người. Trong một số kinh cầu nguyện của Giáo Hội Thiên Chúa La Mã và trong kinh sách của những người theo Dòng Tu Kín (Quietists)([1]), chúng ta tìm thấy các thành ngữ như "Đức Christ, Đấng Yêu Thương của Giáo Hội của Ngài" vốn thích hợp hơn với tình yêu giữa con người trên cõi trần (xem lại phần trước, các trang 49 – 52).

Ở Ấn Độ cũng thế, những người theo Chaitanya([2]) và một số người khác nữa, cũng dùng các thành ngữ vật chất tương tự; họ nói đến một tình yêu, giống như tình yêu của con người, mặc dầu được tôn vinh.

---

[1] Dòng Tu Kín (Quietism) còn gọi là Tịch Tính Chủ-Nghĩa, Vô Vi Chủ Nghĩa, do Molinos (1627- 1696) một tu sĩ và thần bí gia Tây Ban Nha lập ra, chủ trương đời sống con người hoàn toàn do một sức ở ngoài chi phối, nên con người không cần phải cố gắng hoạt động hay chiến đấu, mà cứ giữ thái độ im lìm vô vi cũng sẽ được hạnh phúc. (Trích Từ Điển và Danh Từ Triết Học, T.S. Triết học Trần văn Hiến Minh)

[2] Chaitanya (B.Phạn): Nhà sáng lập một phái thần bí ở Ấn Độ. Đúng hơn là nhà hiền triết hiện đại, được tin là một hóa thân của Đức Krishna. (Theosophical Glossary, 1971).

https://thuviensach.vn

Có thể bà Blavatsky nghĩ về những sự việc này và cảnh báo chúng ta đừng nên đánh đồng (identify, coi như nhau) lòng từ bi tuyệt đối với ý tưởng về lòng bác ái thiêng liêng đó. Lòng bác ái thiêng liêng mạnh mẽ hơn lòng từ bi đó, tuy nhiên lại quá trừu tượng, không thể diễn tả thành lời; nó không phải là một phẩm đức (a quality) của Thượng Đế, mà chính là *Thượng Đế*. Thượng Đế là toàn bộ tình yêu, và không có gì không phải là tình yêu. Thế nên tôi nghĩ lòng từ bi tuyệt đối này đơn giản chỉ là những gì chúng ta muốn nói đến bằng thuật ngữ Thượng Đế, không phải là Thượng Đế hữu ngã (personal God), mà là Thực Tại tuyệt đối (utter Reality) nằm đàng sau vạn vật. Và vì đó là tình yêu tuyệt đối, nên chúng ta, vốn là một với tất cả những kẻ khác trong tình yêu đó, chúng ta phải cảm thấy có nhu cầu giúp đỡ những kẻ khác.

303.- Dẫu sao, các cuộn thánh thư hàm ý điều gì khi chúng khiến cho ngươi nói rằng:

304.- "Aum ! Tôi tin rằng không phải tất cả các vị La Hán đều nhận lấy thành quả ngọt ngào của con đường đến Niết Bàn".

305.- "Aum ! Tôi tin rằng không phải tất cả các vị Phật đều tiến nhập vào Nirvana-dharma".

306.- Phải rồi, giờ đây trên Thánh Đạo Arya, ngươi không còn là Srotapatti nữa, ngươi là một vị Bồ Tát. Dòng sông đã được vượt qua.

Khi nói rằng không phải mọi Đức Phật đều tiến nhập vào nirvana-dharma, thuật ngữ Đức Phật được dùng theo ý nghĩa tổng quát, nghĩa là những người được soi sáng

https://thuviensach.vn

(illuminated), hay giác ngộ (enlightened) hay có minh triết (wise). Bà Blavatsky nói: "Theo cách nói của Phật giáo Bắc Tông, thì tất cả các La Hán, các Chân Sư và các vị thánh vĩ đại đều được gọi là Phật (Buddhas)". Và khi nói: "Ngươi là một vị Bồ Tát", điều đó có nghĩa là người ấy đang chuẩn bị trở thành một Đức Phật theo nghĩa tổng quát đó, và có thể được xem như tương đương với thuật ngữ La Hán. Ở đây, câu kinh nói đến Thánh Đạo Arya (Arya path), chỗ mà trước kia nó nói là "arhata path" (La Hán đạo). Từ ngữ "jirya" có nghĩa là cao quý (noble) và có thể là từ ngữ Arhat được dùng để chỉ con đường đó có một chút nghĩa tổng quát là "xứng đáng" (worthy) hay là "đáng kính" (venerable), cho nên nó sẽ không chỉ là con đường của vị La Hán mà thôi, nó còn là con đường đáng kính hay con đường cao quý, khi phân biệt với con đường khác, là con đường nhập vào Niết Bàn, mà, như chúng ta đã thấy trước đây, Đức Aryasanga hoặc thuyết trình viên của Ngài có khuynh hướng xem thường.

Như đã giải thích, từ ngữ Bodhisattva có ít nhất ba nghĩa, trong đó một nghĩa chỉ chức vụ trong Đại Đoàn Chưởng Giáo của vị Phật sau này, đó là Đức Chưởng Giáo (Teacher) của Thiên Thần và con người cho một căn chủng riêng biệt. Trong một cước chú ở chỗ này, bà Blavatsky nói rằng, cảm tình của dân gian đặt Đấng cao cả này ở vị trí tôn kính thậm chí còn cao hơn một Đức Phật toàn thiện nữa. Dĩ nhiên Đức Phật ở chức vụ cao hơn, nhưng vì đối với căn chủng chúng ta, Đức Bồ tát là Đức Di Lặc, là Đức Đại Huấn Sư trong các cõi thấp, nên có thể nói là Ngài giao tiếp trực tiếp và mật thiết với nhân loại, do đó có thể có vị trí quan trọng và sinh động hơn nơi lòng sùng tín của dân gian, giống như tình cảm và lòng trung thành đối với một Ông Hoàng

https://thuviensach.vn

nào đó đứng đầu một địa phương lại có thể lớn lao hơn tình cảm và lòng trung thành đối với vị Hoàng Đế vĩ đại ở xa xôi, người mà dân chúng ít khi hoặc không bao giờ nhìn thấy mặt.

Người ta thường nêu ra câu hỏi: "Các Phật Tử có tôn sùng Đức Phật hay không ?"

Khi viết sách "Phật Giáo Cương Yếu" (Buddhist Catechism), Đại tá Olcott phải giải quyết câu hỏi: "Đức Phật có phải là Thượng Đế hay không?" Phật tử Miến Điện (tức Myanmar ngày nay – ND) đưa ra câu trả lời "Không", mặc dù Phật tử người Sri-Lanka hoàn toàn đồng ý. Ở Tích Lan (ngày nay là Sri-Lanka - ND) Đức Phật được xem như là Con Người Toàn Thiện (Perfect Man), một Đức Bổn Sư được tôn kính sâu xa nhất. Nhưng ở Miến Điện, tôn giáo này nhuốm lòng sùng tín nhiều hơn, và Đức Phật thực sự được tôn sùng. Theo một ý nghĩa, thì cả hai quan điểm này đều đúng. Bản chất mọi người đều thiêng liêng. Nơi những người còn bất toàn thì thiên tính bị che lấp, còn nơi Đức Phật, thì Thượng Đế đã tỏa sáng.

Các dị biệt theo địa phương này về quan điểm triết lý và sùng tín đều là do dân tộc tính của hai quốc gia; đạo Phật chứa đựng cả hai khía cạnh đó. Mỗi tôn giáo lớn đều bắt đầu bằng việc chuẩn bị cho mọi loại người; nhưng trong mỗi trường hợp, qua nhiều thế kỷ, một vài phần hay là vài khía cạnh của giáo lý phai mờ dần, trong khi các khía cạnh khác lại nổi bật lên. Ngày nay Cơ Đốc Giáo hầu như dành độc quyền cho mẫu người sùng tín; phần tri thức và triết lý mà

https://thuviensach.vn

tôn giáo này có được dưới hình thức giáo lý của phái Ngộ Đạo (thần bí) chỉ còn lại một ít.

Đạo Hồi cũng thu hút yếu tố sùng tín là chủ yếu, mặc dầu cũng có triết lý trong những người Sufis (phái Thần bí của Hồi Giáo). Do Thái giáo cũng có cùng cảnh ngộ tuy thế trong Do Thái giáo, kinh Talmud cũng đưa ra một hệ thống triết lý.

Trong tất cả các tôn giáo, có lẽ chỉ có Ấn giáo hiện giờ đang có được cả khía cạnh triết lý lẫn sùng tín với cùng mức độ rực rỡ và tha thiết như nhau.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 8

TAM THÂN

306.- Thực ra thì ngươi có quyền khoác lấy Dharmakaya; còn Sambhogakaya thì cao trọng hơn một vị Nhập Niết Bàn, và cao trọng hơn nữa là một Nirmanakaya – là vị Phật Từ Bi.

C.W.L.- Giờ đây chúng ta sang qua vấn đề tam thân (three vestures) mà bà Blavatsky có chú thích rất dài, và tôi sẽ luận giải từng cái một.

Tam thân ám chỉ các đường lối hoạt động mở ra cho vị đã được Điểm Đạo lần thứ 5. Rất ít điều được nói đến về bảy con đường nằm sau quả vị Chân Sư, nhưng chúng tôi đã tóm lược thông tin có thể có được trong đoạn sau đây([1]):

Khi vượt qua Giới Nhân Loại, con người đứng trên ngưỡng cửa của cuộc sống siêu nhân loại của mình, là một Chơn Linh giải thoát (liberated Spirit), thì có bảy con đường mở ra trước mặt để Ngài lựa chọn:

– Ngài có thể tiến nhập vào sự toàn tri và toàn năng đầy chí phúc của Niết Bàn, có các hoạt động vượt ngoài sự hiểu

[1] Quyển "Con Người Từ Đâu Đến" trang 14 - 15.

https://thuviensach.vn

biết của chúng ta, để trong một thế giới tương lai nào đó, có thể trở thành một Đấng Hóa Thân (Avatar), hay Hóa Thân thiêng liêng (divine Incarnation): việc này đôi khi được gọi là "mặc vào Pháp thân" ("taking the Dharmakaya vesture").

– Ngài có thể tiến vào "Thời Kỳ Tâm Linh" – một giai đoạn bao gồm các ý nghĩa chưa biết rõ, trong số đó có lẽ là ý nghĩa "mặc vào Báo Thân" ("taking the Sambhogakaya vesture").

– Ngài có thể trở thành một phần của kho báu các thần lực tinh thần mà các Đấng Thừa Hành (Agents) của Thượng Đế rút ra để điều hành công việc của các Ngài, đó là "mặc vào Ứng Thân" ("taking the Nirmanakaya vesture").

– Ngài có thể vẫn là một thành viên của Đại Đoàn Huyền Môn có nhiệm vụ cai quản và bảo vệ thế giới mà trong đó Ngài đã đạt đến hoàn thiện.

– Ngài có thể chuyển qua Dãy Hành Tinh kế tiếp để giúp vào việc kiến tạo hình hài.

– Ngài có thể nhập vào đường Tiến Hóa Huy Hoàng của Thiên Thần.

– Ngài có thể hiến mình cho công việc phụng sự trước mắt của Thượng Đế, để được Thượng Đế sử dụng vào một nhiệm vụ nào đó của Thái Dương Hệ, là Kẻ Phụng Sự và Sứ Giả của Thượng Đế, là người chỉ sống để thực thi Thiên Ý và thực hiện công việc của Thượng Đế trên khắp cả Thái Dương Hệ mà Đức Thượng Đế cai trị. Giống như vị Tướng có Ban Tham Mưu của mình, các thành viên của Ban này chuyển các thông báo đi đến bất cứ nơi nào của chiến trường, cũng thế các Đấng trong Ban Tham Mưu của Thượng Đế điều khiển

https://thuviensach.vn

mọi việc, "Các Công Sứ của Ngài thực hiện ý muốn của Ngài".

Trong những thời kỳ đầu ở dãy nguyệt cầu, các con đường này có lẽ mở ra trước vị La Hán, vì đó là trình độ thành đạt được ấn định cho nhân loại trong dãy đó. Con đường của các vị còn lại trong Đại Đoàn Chưởng Giáo trên địa cầu chúng ta, đưa đến Cuộc Điểm Đạo thứ sáu, điểm đạo của vị Đế Quân (Chohan), và còn hơn nữa đến cuộc Điểm Đạo thứ bảy, điểm đạo của Đức Mahachohan. Đó là cuộc Điểm Đạo cuối cùng có thể xảy ra trên các cung từ ba đến bảy, nhưng ở trên cung hai có thể có thêm một bước nữa, là cuộc Điểm Đạo của Đức Phật, và trên cung một còn thêm một bước nữa là cuộc Điểm Đạo của Đấng Cai Quản Địa Cầu.

Trong cách phân chia bảy con đường thành ba phần như được đưa ra ở đây, chắc chắn là con đường phụng sự trong Đại Đoàn Chưởng Giáo sẽ được bao gồm trong số những người được mô tả trong vai trò các Đấng Nirmanakayas, cùng với con đường kia của Đấng Nirmanakaya đích thực. Các Chân Sư của chúng ta, vốn còn giữ xác thân hồng trần vì một vài mục đích liên quan đến công việc của các Ngài, vẫn còn giúp đỡ con người trên các cõi cao. Các Ngài thường xuyên tác động vào thể nguyên nhân của con người, và đôi khi tác động trên thể Bồ Đề và Linh Thể (atmic sheath).

Đấng Nirmanakaya thường giữ lại thể nguyên nhân của Ngài, đó là thể Quang Huy (Augoeides), thể quang vinh (glorified form) mà Ngài đã tạo ra trong diễn trình tiến hóa của Ngài. Cùng với thể đó, Ngài cũng thường giữ lại các vi tử

https://thuviensach.vn

thường tồn của thể hạ trí, thể cảm dục và thể xác, để cho bất cứ khi nào cần thiết (vốn là một chuyện rất hiếm), Ngài có thể tạo ra cho chính Ngài một hiện thể ở bất cứ cõi nào trong các cõi này, và tự hiện ra trong cõi đó. Thông thường, Ngài sinh hoạt trong thể nguyên nhân (causal body) của Ngài([1]) và dành thì giờ của Ngài vào việc sản sinh ra mãnh lực tinh thần (spiritual force), lực này được tuôn đổ vào kho dự trữ (reservoir) và sau đó được phân phối bởi các Đấng trong Đại Đoàn Chưởng Giáo và các đệ tử các Ngài. Bà Blavatsky nói, cả hai huyền giai (classes) này đều "thích vẫn ở trạng thái vô hình (trong tinh thần, tạm gọi thế) trong thế gian, và góp phần vào công cuộc cứu chân độ thế bằng cách gieo ảnh hưởng vào nhân loại để họ tuân theo Thiên Luật".

Bà còn giảng thêm về vị Nirmanakaya như là "thể tinh anh (ethereal form) mà một người sẽ khoác lấy khi rời bỏ xác thân, sau đó người ấy sẽ xuất hiện trong thể cảm dục của mình – có thêm mọi hiểu biết của một Chân Sư. Vị Bồ Tát phát triển thể đó trong chính Ngài khi Ngài tiến trên Thánh Đạo. Khi đã đạt được mục tiêu và từ chối thành quả của mục tiêu đó, Ngài vẫn ở lại cõi trần giống như một Chân Sư. Và khi Ngài bỏ xác (dies), thay vì đi vào Niết Bàn, Ngài vẫn ở lại

---

[1] Chân Ngã Thể là trung tâm của Chân Ngã Thức, được tạo ra bằng sự kết hợp của Tuệ giác thể và Thượng Trí. Chân Ngã Thể tương đối trường cửu và trải qua suốt chu kỳ dài của các lần luân hồi và chỉ bị tan rã sau cuộc điểm đạo thứ tư, khi con người không cần luân hồi thêm nữa.

* Chân Ngã Thể đôi khi được gọi (dù không chính xác) là karana sarira, ở cõi phụ thứ ba của cõi trí, tức cõi trừu tượng thấp nhất. (Trích Điểm Đạo Thái Dương và Nhân Loại, trang 217 và Luận về Lửa Càn Khôn, trang 707).

https://thuviensach.vn

trong thể sáng chói đó mà Ngài đã dệt nên cho chính Ngài, vô hình đối với người chưa được điểm đạo, để trông coi và bảo vệ nhân loại".

Ở đây, bà Blavatsky dùng thuật ngữ astral body theo một nghĩa hoàn toàn khác với nghĩa mà bà thường dùng và hiện giờ nghĩa đó đang thông dụng, nhưng bà dùng nghĩa đó theo cách này cũng trong đề mục về *Sự Huyền Bí Của Đức Phật* trong quyển 3 của bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm*. Nơi mục này bà giải thích rằng Đức Shri Shankaracharya, người xuất hiện ở Ấn Độ một thời gian ngắn sau khi Đức Phật rời bỏ xác, *theo một ý nghĩa*, là một sự tái sinh (reincarnation) của Phật, bởi lẽ rằng Ngài sử dụng các tàn tích "đẩu tinh" (the "astral" remains) của Phật Cồ Đàm (Gautama, tức là Phật Thích Ca – ND), đồng thời bà giảng giải: "các thể đẩu tinh" ("astral bodies") như thế phải được xem xét dưới ánh sáng của các Quyền Năng hay các Đấng Linh Thiêng (Gods) riêng biệt hoặc độc lập, hơn là các đối tượng vật chất". Bà kết luận: "Do đó, cách chính xác để trình bày chân lý sẽ là nói rằng các nguyên khí khác nhau (various principles) của Đức Phật, vì đã không nhập vào Niết Bàn, nên Đức Bồ Tát đã tái-kết-hợp (re-united) để tạo ra nguyên khí giữa (middle principle) Shankaracharya, là một Thực Thể ở cõi trần (the earthly Entity) (GLBN q. V, trang 368, Ấn bản Adyar).

Để hiểu được cái bí nhiệm này của Đức Phật, trước tiên chúng ta phải hiểu được cách cấu tạo của các nguyên tử vật chất và kế tiếp tìm hiểu làm cách nào mà các nguyên tử này tiến hóa bằng cách được sử dụng trong cơ thể con người, cả theo cách thông thường để tạo ra các thành phần của nó, lẫn

https://thuviensach.vn

theo cách đặc biệt dưới hình thức các vi tử thường tồn (nguyên tử thường tồn).

Khi quan sát cực vi tử hồng trần (physical ultimate atom) bằng nhãn thông dĩ thái (etheric sight)([1]), trước tiên bạn thấy nó giống như một cái lồng bằng dây kim loại (wire cage). Kế đó, nhìn kỹ hơn, bạn sẽ thấy mỗi dây được làm bằng một cuộn thanh mảnh hơn, và trong tất cả đều có bảy bộ vòng xoắn như thế. Một trong bảy vòng xoắn này được đưa vào hoạt động trong mỗi cuộc tuần hoàn([2]) của cơ tiến hóa, vì hiện giờ chúng ta đang ở vào cuộc tuần hoàn thứ tư của cuộc tiến hóa của dãy địa cầu do đó chỉ có bốn loa tuyến (spirillae, đường xoắn ốc) đang hoạt động hiện nay trong hầu hết các vi tử. Vào mỗi cuộc tuần hoàn một bộ loa tuyến mới sẽ được phát triển, để cho trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, toàn bộ bảy loa tuyến sẽ hoạt động. Do đó, trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, các vi tử sẽ trở thành các vi tử tiến hóa hoàn hảo hơn là mức tiến hóa của chúng hiện giờ, và nhờ đó con người sống trong cuộc tuần hoàn đó sẽ thấy dễ dàng hơn con người ngày nay khi muốn đáp ứng với các vấn đề nội tâm (inner things) và muốn sống cuộc sống cao thượng hơn.

---

[1] Nhãn thông dĩ thái: (Etheric sight / vision) là loại nhãn thông nhìn thấy được vào thứ vật chất tinh anh hơn thuộc cõi trần, tức là nhìn thấy những gì được gọi là các chất dĩ thái. Đây là năng khiếu đang phát triển nhanh chóng của mắt người mà sau rốt sẽ nhìn thấy hào quang sức khỏe của mọi hình hài trong bốn giới của thiên nhiên. (Trích Tâm Thức Của Nguyên Tử, trang 132, và Ánh Sáng của Linh Hồn, trang 68).

[2] Cuộc tuần hoàn (Round) là đoạn đường đi của Chân Thần từ bầu A đến bầu Z (tức bầu G). (Trích Giáo Lý Bí Nhiệm 1, trang 221).

https://thuviensach.vn

Sự khơi hoạt hay là sự tiến hóa của các vi tử là do bởi chúng được dùng trong cơ thể của các sinh vật, từ khoáng thạch đến con người. Mọi vật đều được kiến tạo bằng các vi tử, vốn đang bồng bềnh (floating) chung quanh chúng ta nhiều không thể tưởng. Có một số vi tử không bao giờ được dùng tới lần nào, nhưng các vi tử khác thường được đưa vào và ném ra khỏi cơ thể của sinh vật. Một số ít luôn luôn trải qua kinh nghiệm kết hợp với con người, được chọn làm các vi tử thường tồn, được mang theo từ kiếp này sang kiếp khác suốt nhiều chu kỳ luân hồi của con người.

Như vậy, các nguyên tử sống với chúng ta và tạo thành cơ thể (bodies) chúng ta. Người ta nói rằng một lần trong bảy năm, mỗi phần tử (particle) trong thể xác được thay đổi; một số nhà khoa học cho rằng chu kỳ đó là ba năm. Có lẽ cấu trúc của xương thay đổi chậm hơn nhiều, nhưng, theo tôi, dường như hữu lý hơn khi cho rằng chất liệu làm thành nhục thân (fleshy material) được đổi mới hoàn toàn trong khoảng ba năm. Các thành phần của máu thay đổi còn nhanh hơn nữa; người ta sẽ không ngạc nhiên khi biết rằng chúng hoàn toàn được thay thế cứ mỗi vài ngày([1]).

Mọi nguyên tử được thu hút vào sinh vật đều được thay đổi một cách đáng kể. Các nguyên tử tạo ra thành phần của đất rất ít tiến hóa bằng cách đó, nhưng các nguyên tử cấu thành đá quý thì phát triển rất đáng kể. Các loài thực vật và động vật có được cơ hội còn thuận lợi hơn nữa, nhưng cách tiến hóa hay nhất có thể có được đối với các nguyên tử là

[1] Có lẽ nhận xét này e rằng không còn đúng với khoa học ngày nay (ND).

https://thuviensach.vn

được thu hút vào các thể của con người. Trong con người, những ai đang sống cuộc sống huyền linh đều có được các điều kiện thuận tiện hơn những người kém tiến hóa, vì lẽ họ có các thể tinh khiết hơn do những gì họ ăn và uống (hay đúng hơn do bởi những gì họ không ăn cũng như không uống).

Khi chúng ta tiến hóa, chúng ta cũng thu hút được các nguyên tử tiến hóa hơn và các thể của chúng ta ngày càng có khuynh hướng loại ra các nguyên tử kém tiến hóa.

Khi một người đạt đến quả vị Chân Sư, người đó không thể tự biểu lộ qua các nguyên tử thông thường mà chúng ta tìm thấy chung quanh chúng ta. Các nguyên tử đó phải là các nguyên tử đặc biệt tiến hóa và được thanh luyện, vì lẽ các hiện thể của Chân Sư cần phải rất thanh khiết hơn các hiện thể của chúng ta nhiều, và có thể rung động ở những tốc độ mà các hiện thể của chúng ta không thể rung động nỗi.

Khi một người đạt đến trình độ của Phật, thì người ấy hoàn toàn không thể tìm được các nguyên tử hữu ích cho mình, ngoại trừ đó là các nguyên tử đã được sử dụng dưới hình thức các nguyên tử (vi tử) thường tồn (permanent atoms), và do đó nằm sẵn trong con người vào mọi lúc, ngoại trừ trong các khoảng cách giữa các lần luân hồi. Các vi tử thường tồn này tiến hóa nhiều hơn các vi tử khác rất xa. Chúng đều ở mức phát triển đầy đủ nhất của các vi tử ở cuộc tuần hoàn thứ bảy nơi những người sắp trở thành Chân Sư. Chúng phát triển cao tới mức mà các nguyên tử có thể phát triển được, và chứa đủ các tính chất mà chúng đã mang lại được từ các lần luân hồi trước.

https://thuviensach.vn

Tất cả các vi tử thường tồn của tất cả những người có liên quan với thế giới này hay có lẽ ngay cả chuỗi thế giới này, đã đạt được quả vị Chân Sư và đã thải các vi tử đó ra, đều được Đức Phật Thích ca gom chung lại, hoặc là dành cho Ngài. Ngài là vị Phật đầu tiên của nhân loại chúng ta. Tất cả các vị Phật trước Ngài đều đến từ một hệ thống tiến hóa khác và chắc chắn đã mang theo bất cứ gì mà các Ngài cần để tạo ra các thể bằng các vi tử thường tồn đó.

Nhưng Phật Cồ Đàm, Ngài thực sự là Đức Phật đầu tiên của nhân loại, phải tìm kiếm các thể của Ngài từ vật liệu của dãy hành tinh này. Do đó Ngài, hoặc một vài Đấng Cao Cả hơn so với Ngài, đã tạo ra các thể này. Thể nguyên nhân của Ngài được làm bằng "các tàn tích" ("remains") hay là các vi tử thường tồn của tất cả các thể nguyên nhân mà các Đấng Cao Cả nói trên đã sử dụng. Thể hạ trí của Ngài được tạo ra bằng các vi tử thường tồn hạ trí được góp nhặt từ các Đấng Cao Cả đó, còn thể cảm dục của Ngài được tạo ra bằng các vi tử thường tồn cảm dục của các Đấng ấy. Hoàn toàn không có đủ các vi tử thường tồn này để tạo ra toàn bộ hiện thể, thế nên có một số nguyên tử thông thường, loại tốt nhất, cũng được dùng đến; nhưng các vi tử này được thúc đẩy đi vào hoạt động bởi các vi tử thường tồn khác, và chúng được thay thế bằng các vi tử thường tồn nhận được từ mỗi vị Tân Chân Sư, tức là các vị nhận lấy Báo Thân hoặc Pháp Thân([1]). Một tập hợp các thể (set of bodies) vốn là duy nhất tuyệt đối đã được tạo nên như thế. Trong thế gian này không có các thể nào khác được tạo ra như thế, và cũng không còn chất liệu

[1] Xem lại chú thích về 2 danh từ này ở trang 247.

https://thuviensach.vn

nào để tạo ra một tập hợp các thể như thế nữa. Các thể này được Phật Thích Ca sử dụng, rồi sau đó được lưu giữ lại.

Bây giờ chúng ta mới dễ dàng hiểu được cách nói của bà Blavatsky, đó là các nguyên khí (principles) của Đức Phật được dùng làm các nguyên khí giữa (middle principles) của Đức Shri Shankaracharya, nhưng Đức Shankaracharya bằng xác thân (the physical Shankaracharya) hoàn toàn là một người khác, và Linh Thể (Atma) của Đức Shankaracharya thì tuyệt đối khác với Linh Thể của Đức Phật. Ba thể trung gian này (intermediary bodies) được Đức Shankaracharya sử dụng, và giờ đây chúng đang được Đức Di Lặc sử dụng.

Trong một bài viết, bà Blavatsky dùng một cách gọi tên kỳ lạ. Thánh Paul phân chia con người làm ba phần: Tinh Thần, Linh Hồn và Xác thân. Khi dùng thuật ngữ tinh thần, Thánh Paul muốn ám chỉ cái mà chúng ta gọi là Monad, còn linh hồn để chỉ Chân Ngã (ego) và xác thân để chỉ phàm ngã (personality), chắc là thế. Bà Blavatsky cũng nói bóng gió về cách chia làm ba phần đó; nhưng bà thêm rằng Đức Phật là một nhân vật quá tôn quý đến nỗi bạn không thể nghĩ đến các nguyên khí thiêng liêng tạo nên Ngài theo cùng cách thức như các nguyên khí của con người. Thế nên, thay vì nói đến Chân Thần của Đức Phật, bà gọi đó là Thiền Định Phật (Dhyani Buddha). Kế đó bà gọi các nguyên khí thiêng liêng trung gian (intermediate priciples) là Bồ Tát (Bodhisattva) của Ngài. Thứ ba, bà gọi thể hồng trần của Đức Phật là Nhân Gian Phật (Manushya Buddha). Như thế chúng ta có ba đối tượng sau đây được xem như các nguyên khí thiêng liêng của Đức Phật: Chân Thần của Phật mà vì lẽ Ngài hợp nhất với Chân Thần này theo cách không giống trường hợp chúng ta hiện giờ, nên gọi là Dhyani Buddha; kế là Bodhisattva, và sau

https://thuviensach.vn

rốt là Manushya Buddha, vốn là biểu lộ của Phật trên cõi trần. Các thể cảm dục và hạ trí, vốn không bị tan biến, cũng được bao gồm trong Boddhisattva.

Trước tiên, nhiều người trong chúng ta rất rối trí bởi cách dùng thuật ngữ của bà Blavatsky, nhưng các sự kiện trở nên được hiểu rõ hơn đối với chúng ta nếu chúng ta bắt đầu hiểu những gì mà bà muốn ám chỉ khi bà giảng rằng Manushya Buddha sẽ chết và tan biến, Dhyani Buddha nhập vào Niết bàn, còn Bodhisattva vẫn ở lại trên cõi trần để tiến hành công việc của Phật (Buddha). Bodhisattva có nghĩa là các nguyên khí thiêng liêng của Buddha mà Bodhisattva hiện tại đang sử dụng. Khi Đức Di Lặc đang vận dụng các nguyên khí thiêng liêng này, đó không phải là các nguyên khí mà chúng ta thấy vào ngày lễ Wesak(1), vì đó là Hình Bóng của Phật (xem *Chân Sư và Thánh Đạo*, ch. XIV). Đó chỉ là một hình ảnh của Phật theo cùng cách giống như hình ảnh sinh động là một hình ảnh của thể cảm dục và thể trí của đệ tử (*Chân Sư và Thánh Đạo*, ch. V) mà đệ tử đang hoạt động qua nó và vận dụng nó.

Trong *Chân Sư và Thánh Đạo*, tôi có giải thích rằng theo một phương diện nào đó mà chúng ta chưa hiểu hết được, công đức của Phật chưa hoàn toàn viên mãn.

Phật và Đức Di Lặc đều cùng tiến xa so với nhân loại còn lại; nhưng vào lúc mà vị Phật đầu tiên của nhân loại được cần đến, thì không vị nào trong hai Ngài hoàn toàn đủ tiến hóa để đảm trách quả vị cao đó. Vào lúc ấy, với lòng bác ái vô

[1] Phát âm: Quê – zắc.

https://thuviensach.vn

biên đối với nhân loại, Đức Cồ Đàm tuyên bố rằng, với bất cứ giá nào, Ngài cũng sẽ tự làm cho thích hợp để lấp vào vị trí đó, rằng Ngài sẽ thực hiện cuộc đại hy sinh cần thiết để thúc đẩy chính Ngài tiến tới thật nhanh (Sđd, ch. XIV).

Ngài đã làm được điều này và toàn bộ giới Phật Giáo đều tôn kính Ngài về việc đó đến một mức độ mà không ai có thể hiểu được trừ người đã sống ở đó. Ngài trải qua cuộc đời của Đức Phật và hoàn thành công phu tu tập, và đối với chúng ta, việc đó dường như có vẻ là một cuộc sống huyền diệu. Không thể tìm thấy bất cứ khuyết điểm nào trong đó, không thể tìm ra bất cứ điểm bất toàn nhỏ nào trong cuộc đời, trong giáo lý và trong công việc của Ngài, tuy thế có người nói rằng một vài phần của công việc đó dường như không được hoàn tất một cách viên mãn. Để bù đắp cho những gì còn khiếm khuyết, có hai sự sắp xếp (arrangements) được đưa ra. Việc thứ nhất, đó là chính Đức Phật đảm trách việc xuất hiện mỗi năm một lần và ban ra ân huệ của Ngài. Ngài hiện ra vào Lễ Wesak và ban ra huyền lực tinh thần, lực này giúp cho thế gian rất nhiều. Kế đó có một cuộc lâm phàm (incarnation) hầu như ngay sau khi Phật bỏ xác phàm, và đòi hỏi đó được điền khuyết bằng sự ra đời (birth) của Đức Shri Shankaracharya.

Đầu tiên, chúng tôi nghe nói đến sự liên quan về mặt huyền linh giữa Đức Phật với Đức Shri Shankaracharya do giáo lý được đưa ra trong quyển Esoteric Buddhism của huynh Sinnett. Trong sách đó huynh Sinnett nói rằng Đức Phật lâm phàm dưới danh xưng Shri Shankaracharya, rằng Đức Shankaracharya chỉ là Đức Cồ Đàm trong một thân xác mới. Giờ đây, chúng tôi sớm biết rằng không hẳn như thế, vì lý do – bên cạnh nhiều lý do khác nữa – rằng Đức Shanka-

https://thuviensach.vn

racharya là người thuộc cung thứ nhất, còn Đức Phật đứng đầu cung thứ hai. Bà Blavatsky dẫn chứng nhận xét đó của ông Sinnett và nói rằng điều đó đúng theo một ý nghĩa huyền linh nào đó, nhưng thật rất dễ lầm lẫn khi nói như thế. Khi người ta hỏi bà rằng có phải Đức Shankaracharya là Đức Cồ Đàm dưới một sắc tướng mới (new form) hay không, câu trả lời của bà là có Đức Cồ Đàm dưới hình thức dĩ thái (astral Gautama) ở bên trong, còn bên ngoài là Đức Shankaracharya, tuy nhiên thể Atma của Đức Shankaracharya vẫn là kiểu mẫu nguyên hình thiêng liêng (divine prototype) của chính Ngài, tức là đứa con thiêng liêng trí sinh của Linh Quang (the heavenly mind-born son of Light).

Khi bà Blavatsky nói rằng Đức Shri Shankaracharya là một Buddha, mà không nói là một hóa thân (incarnation) của Buddha, thì bà có ý nói rằng Ngài là một Pratyeka Buddha, có nghĩa là một Buddha ở trên cung thứ nhất. Ngài vẫn sinh hoạt ở Shamballa trong xác thân mà Ngài mang qua từ Kim Tinh (Venus). Các thể của các Hỏa Tinh Quân (Lord of the Flame) đều không giống với các thể của chúng ta chút nào. Chúng không thay đổi các cấu tử (particles) của chúng, mà được so sánh với các thể bằng kính (bodies of glass); chúng giống như các thể của chúng ta, nhưng rực rỡ hơn rất nhiều, và tôi cho rằng các Ngài mang chúng hoàn toàn từ Kim Tinh sang đây, và nghĩ rằng chúng được tạo ra bằng chất hồng trần (physical matter) của hệ thống tiến hóa đó. Bà Blavatsky nói rằng Đức Shankaracharya là một Đấng Hóa Thân (Avatara)([1]) theo ý nghĩa đầy đủ của thuật ngữ này, trú sở

[1] Avatâra (B.Phan): Sự Hóa Thân Thiêng liêng. Hậu duệ của một Đấng thiêng liêng (God) hay một Đấng Thế Tôn (exalted Being),

https://thuviensach.vn

của một linh hỏa của Đấng Cao Cả nhất trong số các Thực Thể Tinh Thần biểu lộ. Theo nghĩa đen, một Đấng Hóa Thân là Đấng "băng qua" ("crosses over") hay "giáng xuống" ("descends"), không phải là một người trong nhân loại chúng ta, thuật ngữ được áp dụng chặt chẽ trong trường hợp này, vì Đức Shankaracharya là một trong ba Hỏa Tinh Quân đến từ Kim Tinh, các Ngài ở lại trên địa cầu chúng ta với tư cách là các Đấng Phụ Tá (assistants) và là đệ tử của Đức Chưởng Quản Địa Cầu (Lord of the World, Đức Ngọc Đế).

Trở lại chủ đề tổng quát về các Đấng Nirmanakaya, bà Blavatsky nói thêm ở phần cước chú: "Đối với Phật Giáo Bắc Tông công truyền, người ta tôn vinh tất cả các nhân vật vĩ đại nói trên như là các Thánh và thậm chí van vái khấn nguyện với các Ngài, giống như những người Hy Lạp và người Cơ Đốc Giáo thỉnh nguyện các Thánh bảo trợ của họ vậy. Mặt khác, giáo lý nội môn không hề chấp thuận sự việc như thế".

Khi dùng thuật ngữ người Hy Lạp (Greeks), bà muốn nói đến các thành viên của Giáo Hội Hy Lạp – những người Hy Lạp thời cổ thường không có tục lệ cầu nguyện và chắc chắn là không cầu nguyện các Thánh. Khi bà nói rằng giáo huấn nội môn không chấp nhận việc cầu khấn các Đấng

---

Bậc đã tiến hóa vượt ngoài sự cần thiết của các lần luân hồi vào thân xác của một kẻ thế nhân thông thường. Đức Krihna là một Đấng Hóa Thân (Avatar) của Vishnu. Đalai Lama được xem như một Hóa Thân của Avalokiteswara, còn Teschu Lama (Ban Thiền Lạt Ma) được xem như một Hóa Thân của Tson-kha-pa, tức là Amitâbha (A Di Đà Phật). Có hai hạng Hóa Thân: các hóa thân được người nữ sinh ra và hạng vô phụ mẫu (the parentless, the anupapadaka). (Trích Theosophical Glossary, H.P.B. 1971).

https://thuviensach.vn

Nirmanakayas, đó là bà muốn nói rằng không một môn sinh huyền bí học nào muốn thỉnh cầu một Đấng Nirmanakaya trợ giúp mình cả, vì y biết rằng các Đấng ấy không có liên hệ chút nào với các cá nhân, mà chỉ hoàn toàn tham dự vào việc tuôn đổ các năng lượng tuyệt diệu của các Ngài vào đường lối hoạt động riêng của các Ngài.

Hơn nữa, người ta còn nói rằng các Đấng Cao Cả này tức các Đức Phật Từ Bi, được sùng kính rộng rãi khắp nơi và nhiều hơn các Đấng đã chọn các con đường khác. Bà Blavatsky cũng nói: "Với sự tôn sùng rộng rãi đó, người ta cũng dùng danh hiệu "Phật Từ Bi" ("Buddhas of Compassion") để gọi các vị Bồ tát, các vị này, nhờ đã vượt qua địa vị của một La Hán (nghĩa là đã hoàn tất được con Đường thứ tư hoặc thứ bảy), từ chối chuyển vào trạng thái Niết Bàn, tức là "chọn lấy Pháp thân và đến bờ bên kia"([1]), vì lúc bấy giờ việc đó mới trở nên thích hợp với năng lực trợ giúp con người của Các Ngài cho dù rất ít oi trong mức độ giới hạn của karma".

Các ý chính ở đây hoàn toàn rõ ràng, nhưng thuật ngữ thì hơi khó hiểu. Mỗi Chân Sư đều đã đi qua bờ bên kia, nghĩa là kết thúc con đường mà Ngài bắt đầu bước lên khi tiến vào dòng tiến hóa. Theo cách diễn tả trong câu kinh: "đi qua dòng nước" trước khi chọn lựa một trong tam thân, và chính Chân Sư, chớ không phải vị La Hán theo nghĩa thông thường, mới đưa ra sự chọn lựa. Vị chọn lấy Pháp Thân

[1] Nguyên văn: Cross to the other shore (đáo bĩ ngạn).

https://thuviensach.vn

(Dharmakaya vesture) mới băng qua tới bờ bên kia, nhưng theo ý nghĩa đầy đủ hơn.

Bà Blavatsky nói tiếp: "Đấng Báo Thân (Sambhsgakaya) cũng tương tự như thế, nhưng có thêm nét rực rỡ của ba tuyệt hảo mà một trong ba ấy là hoàn toàn xóa bỏ mọi mối liên hệ hồng trần, "Ngài tiến nhập vào một đường lối tiến hóa tinh thần và đạt đến Niết Bàn ở một giai đoạn sau đó. Ngài giữ lại nguyên tử Niết Bàn (nirvanic atom), linh thể (nirvanic body), mà tôi nghĩ không có nguyên tử nào thuộc loại nguyên tử thấp kém. Ở trình độ đó, Ngài thường tự biểu lộ dưới hình thức tinh thần tam phân (triple spirit). Bao gồm trong đẳng cấp này có lẽ nên kể cả huyền giai các con người hoàn thiện, các vị này đã nhập vào Ban Tham Mưu (Staff Corps) của Thái Dương Thượng Đế. Đặc biệt là các vị này không còn liên hệ với Địa Cầu chúng ta, nhưng đang phụng sự Thái Dương Thượng Đế, được Ngài phái đến bất cứ nơi nào trong Thái Dương Hệ của Ngài.

Kế tiếp là Pháp Thân (Dharmakaya robe), vốn là "Pháp Thân của một Đức Phật viên mãn (complete Buddha), nghĩa là không phải là thể (body, sắc tướng) một chút nào, mà là một linh khí lý tưởng (ideal breath); tâm thức hòa nhập vào tâm thức vạn hữu (universal consciousness), hay là linh hồn hoàn toàn không có mọi thuộc tính". Điều này hàm ý là người nào khoác lấy Pháp Thân thì rút vào Chân Thần. Vị này bỏ hết các vi tử thường tồn của mình, và chỉ làm việc trên các cõi cao, đối với vị này, cõi thấp nhất là cõi Niết Bàn. Có thể nói là Ngài đốt hết các tàu bè ở sau Ngài và bắt đầu vào cuộc sống vũ trụ, nhưng tôi tin rằng nếu muốn, Ngài có thể chọn tự biểu lộ dưới hình thức tinh thần tam phân, nhưng tôi nghĩ, Ngài không giữ lại ngay cả vi tử Niết Bàn.

https://thuviensach.vn

Qua suốt cuộc tiến hóa của chúng ta, mọi người chúng ta giữ lại cùng một thể nguyên nhân cho đến khi chúng ta có thể nâng tâm thức chúng ta đến cõi Bồ Đề, và lúc bấy giờ chỉ hành động tập trung chính mình vào thể bồ đề sẽ làm cho thể nguyên nhân biến mất. Tuy nhiên, ngay khi người ấy đem tâm thức xuống lại cõi thượng trí, thì Chân Ngã thể lại xuất hiện; thể này không còn giống như thể trước kia nữa, vì các thành phần đã bị tan rã, nhưng dường như về mọi phương diện thì nó vẫn giống nhau một cách chính xác. Một tiến trình tương tự cũng xảy ra trong trường hợp của Pháp Thân. Khi một nhân vật đã bỏ vi tử Niết Bàn của mình, tức bỏ biểu lộ trên cõi Niết Bàn của mình, nhưng tôi tin rằng nếu nhân vật đó tạm thời đưa chính mình xuống cõi đó, thì lập tức người lại thu hút vào chính mình một nguyên tử đúng y như thế, tức là một lớp áo cõi Niết Bàn (a nirvanic vesture) nhờ đó người có thể biểu lộ dưới hình thức tinh thần tam phân.

Khi so sánh tam phân, có thể nói rằng Đấng dùng Pháp Thân không lưu giữ những gì dưới Chân thần, mặc dù trên cõi riêng của Chân Thần, chúng ta không biết lớp áo của Chân Thần có thể là gì.

Đấng Báo Thân giữ lại thể biểu lộ của Ngài dưới hình thức tinh thần tam phân và tôi nghĩ Ngài có thể hạ xuống và tự biểu lộ trong một Thể Quang Huy tạm thời (temporary Augoeides).

Đấng Ứng Thân hình như vẫn giữ thể Quang Huy và giữ lại mọi vi tử thường tồn của Ngài, do đó Ngài có thể tự hiện ở bất cứ cõi nào tùy ý. Tuy thế, tất cả Tam thân đều phát triển ngang bằng nhau, sự dị biệt chỉ ở chỗ là Đấng nào bỏ

https://thuviensach.vn

sang một bên các vi tử thường tồn thì không thể làm cho mình trở thành hữu hình trên các cõi thấp, và sở dĩ Ngài ném chúng đi bởi vì Ngài không còn cần đến chúng cho loại công việc của mình nữa. Vị nào giữ lại các vi tử thường tồn sẽ có khả năng xuống những cõi thấp và hoạt động nhờ vào chúng, nhưng nếu nói rằng các Đấng nào chọn làm công việc khác, bất cứ cách nào, sẽ kém quan trọng, ít giá trị hoặc kém vinh dự hơn, thì cũng là nói không đúng. Nếu chúng ta cho rằng vị đang ở cõi cao, có liên quan với các thần lực Thái Dương vĩ đại thì quan trọng hơn, đó sẽ là một lầm lẫn, vì toàn thể thái-dương-hệ đều là một biểu lộ của Thái Dương Thượng Đế.

Bà Blavatsky nói về tất cả các Kayas (thể) này([1]) như là các thể Bồ Đề (buddhic bodies). Khi làm thế, bà đang dùng thuật ngữ "buddhic" dưới hình thức là một tính từ của buddha, và bà đang dùng buddha dưới hình thức một danh từ tương đương với Asekha Adept, Đấng đã vượt qua được cuộc Điểm Đạo thứ năm. Chúng ta giới hạn danh từ đó, chỉ dùng cho các Đấng đã đạt cuộc Điểm Đạo của Phật. Các Chân Sư của chúng ta ở vị trí thấp hơn quả vị đó hai bậc, nhưng ở Tây Tạng, các Ngài được nói đến như là các "Phật sống" ("living Buddhas").

Trong phần chú thích, đoạn kết thúc ghi nhận:

"Trường phái nội môn dạy rằng Đức Phật Cồ Đàm (tức Phật Thích Ca), với vài vị La hán của Ngài, là một Đấng Nirmanakaya như thế, mà, do sự từ bỏ lớn lao và sự hy sinh vĩ đại của Ngài cho nhân loại, người ta không biết có ai cao cả hơn Ngài nữa".

[1] Kaya: body. Trikaya: Tam thân, Three Bodies. (Theosophical Glossary, 1971).

https://thuviensach.vn

Chúng ta đừng xem câu này có nghĩa rằng là Phật Thích ca và một vài vị La Hán của Phật tạo thành Đấng Hóa Thân duy nhất, mà phải xem là Ngài vốn trở thành một Đấng như thế và nhiều vị trong số các môn đồ của Ngài cũng chọn cùng đường lối này. Vậy thì có thể nói rằng nhân loại không biết có ai cao cả hơn nữa. Phát biểu này cũng hoàn toàn chính xác nếu nó hàm ý rằng đối với nhân loại chúng ta, chưa có ai đạt đến một trình độ cao như Phật Thích Ca. Ngay cả Đức Bồ tát, tức là chính Đức Di Lặc, từ thời xa xưa vốn ngang mức tiến hóa với Phật, như tôi có giải thích trong *Chân Sư và Thánh Đạo*, vẫn chưa đạt đến giai đoạn giúp Ngài thành Phật. Nếu Ngài làm được như thế, có thể Ngài không ở địa vị hiện nay, đó là Đấng Lãnh Đạo bộ phận giáo hóa thế gian (tức là Đức Chưởng Giáo – ND). Ngài thường được các Phật Tử gọi là Phật Di Lặc (Maitreya Buddha), nhưng đó chỉ là một danh hiệu tôn xưng thôi.

Trong Đại Đoàn Chưởng Giáo, còn có một đẳng cấp cao hơn đẳng cấp của Đức Phật, đó là đẳng cấp Đại Đế (the Great King), Ngài là Đấng Điểm Đạo Độc Nhất[1], nhưng vì Ngài là một trong các Hỏa Tinh Quân đến từ Kim Tinh, rốt lại điều vẫn đúng ấy là Đức Phật Thích Ca là nhân vật tiến hóa cao nhất trong nhân loại chúng ta.

307.- Giờ đây hãy cúi đầu và lắng nghe kỹ, hỡi Đức Bồ Tát, lòng từ bi lên tiếng: "Có thể nào có được toàn phúc khi

[1] One Initiator, Đấng Điểm Đạo cao nhất trên địa cầu chúng ta mà thôi, vì ở quả vị cao hơn còn có Đức Hành Tinh Thượng Đế, Thái Dương Thượng Đế v.v… (ND).

https://thuviensach.vn

mọi sinh linh phải đau khổ? Có phải ngươi sẽ được cứu rỗi rồi nghe cả thế gian than khóc chăng ?

308.- Giờ đây ngươi đã nghe những gì đã được nói ra;

309.- Giờ đây ngươi sẽ đạt được bước thứ bảy và băng qua cánh cổng tri thức cuối cùng, nhưng chỉ để kết hợp với đau khổ – nếu ngươi muốn trở thành Như Lai, hãy nối bước các bậc tiền bối của ngươi, vẫn giữ lòng vị tha đến vô tận.

310.- Ngươi đã giác ngộ – hãy chọn lấy đường của mình.

.....

Thêm một lần nữa Đức Aryasanga đưa ra ý tưởng thường thấy của Ngài và thôi thúc các đệ tử của Ngài chọn con đường từ bi, Ngài nói người ta không thể bỏ mặc huynh đệ của mình khi họ đang đau khổ. Chúng ta đã xem xét vấn đề đau khổ rất đầy đủ, và nhận ra rằng mặc dầu vị La Hán có thể còn làm việc trong cõi đời đầy đau khổ, tâm thức của Ngài ở trên cõi cao vẫn biết cái vinh quang ở đàng sau nó, biết được các đỉnh cao của hạnh phúc mà mọi người tất yếu sẽ đạt tới, cho nên vị La Hán không thể đau khổ như thường nhân, tức là kẻ thấy được rất ít cái vinh quang của sự sống. Vị La Hán ở đây được nhắc đến như là một Đức Bồ Tát, ở vào hoàn cảnh chia sẻ khúc ca khải hoàn của Đức Phật, như được diễn tả hay biết bao trong sách The Light of Asia:

> *Ngươi không còn bị ràng buộc nữa! Linh hồn của vạn vật dịu dàng.*
> *Tâm của Đấng Cao Cả là chốn an tịnh ở cõi trời.*
> *Vững mạnh hơn đau khổ đó là Ý Chí; đó vốn là Thánh Thiện.*
> *Hành động đưa đến Tốt Lành – Tuyệt hảo.*

https://thuviensach.vn

Ta, tuy là Phật, nhưng đã khóc với cả nước mắt của các đệ huynh.
Kẻ mà tim tan vỡ bởi nỗi đau của cả thế gian.
Cười lên và ta hân hoan, vì có được tự do!

(*Ánh Sáng Đông Phương*, q.VIII)

Khi Đức Aryasanga thôi thúc các môn đồ của Ngài hãy giữ lòng vị tha đến vô tận, Ngài dùng cách diễn tả khác thường giống với một câu mà trong Cơ Đốc giáo được dịch là "Thế giới vô tận" ("World without end"), tiếng La Tinh là "in secula seculorum", nghĩa là hết đời này đến đời khác. Nó hàm ý là cho đến cuối các bầu thế giới của chúng ta, hay có lẽ cho đến cuối dãy hành tinh hiện tại của chúng ta. Gợi ý được đưa ra là chúng ta sẽ vẫn giao tiếp với nhân loại cho đến khi công việc của chu kỳ hiện tại của con người được hoàn tất và nhân loại đã đạt được mục tiêu của mình.

Phương pháp cống hiến của riêng chúng tôi hơi khác với phương pháp đó; chúng tôi tự đặt mình hoàn toàn dưới sự khiển dụng của các Chân Sư, không đòi hỏi rằng các Ngài sẽ giao cho chúng tôi việc này hoặc việc khác, mà tuyệt đối để phần quyết định đó cho các Ngài, bằng cách nói: "Con đã sẵn sàng, xin giao bất cứ việc nào cho con". Ý muốn của Đức Aryasanga là các đệ tử của Ngài nên theo đường lối mà chính Ngài đã chọn. Có lẽ Ngài cảm thấy rằng cần có thêm nhiều kẻ phụng sự trong môi trường đặc biệt đó. Ngài đang nói đến một giai đoạn lịch sử Ấn Độ nào đó, trong triều đại của Quốc Vương Harsha, thời mà dường như tôn giáo đã suy tàn, thời mà con người tưởng nghĩ đến hình thức bên ngoài nhiều hơn là sự sống chân thật ẩn đàng sau, khi mọi việc đã trở nên chuyên biệt hóa nhiều và có phần nào giả tạo, dưới các hoàn

https://thuviensach.vn

cảnh này, có lẽ Ngài thấy cần có nhiều huấn sư hơn để làm sống lại nếp sống theo tôn giáo và lý tưởng phụng sự.

Sau rốt Ngài thúc đẩy các đệ tử trở thành Tathagata (Như Lai), noi theo các bước của Đức Phật. Ngài bảo họ rằng giờ đây họ đã giác ngộ và nên chọn con đường của họ. Kế tiếp là một hàng dấu chấm (sau câu kinh 310 - ND) – trong khi người đang chọn, một cách rõ rệt và kế đó Ngài đột ngột đưa vào trong hàng có dấu chấm những câu tuyệt diệu:

311.- Hãy nhìn xem, ánh sáng êm dịu tràn ngập bầu trời phương đông. Cả trời và đất cùng biểu lộ các dấu hiệu tán dương. Và từ các quyền năng biểu lộ của bốn yếu tố chính (tứ đại), khúc hát yêu thương nổi lên, cả từ ngọn lửa đang cháy sáng lẫn dòng nước đang tuôn chảy, và từ vùng đất thơm ngát đến cơn gió ào ạt thổi.

312.- Hãy lắng nghe! ...từ cơn lốc xoáy sâu không đáy của ánh kim quang mà Kẻ Chiến Thắng tắm mình trong đó, tiếng vô thinh của toàn thể vạn vật cất lên với ngàn giọng ngợi ca:

313.- An lạc trở về với người, hỡi kẻ trong cõi nhân gian.

314.- Một khách hành hương từ bờ bên kia đã quay về.

315.- Một vị Tân La Hán được sinh ra.

Tôi đã nói đến cách mà vạn vật bày tỏ hân hoan khi một Tân Đạo Đồ được sinh ra. Người ta cho rằng cả trời và đất đều kết hợp trong nỗi vui này. Tinh linh địa cầu (spirit of the earth) có được một cảm giác phúc lạc gia tăng. Tinh linh đó là một đại thực thể (great entity), không ở trên đường lối tiến hóa của nhân loại chúng ta chút nào, đối với thực thể này toàn thể địa cầu đóng vai trò như là một thể xác. Thật khó mà

https://thuviensach.vn

hiểu được bản chất của một thực thể như thế. Khi chúng ta nghĩ đến địa cầu chỉ như một bầu hành tinh khổng lồ, xoay tít xuyên qua không gian mà không có các cơ quan chuyên biệt nào, chúng ta có thể tự hỏi làm sao nó có thể dùng một thực thể nào đó để làm một cơ thể (body). Nhưng nếu mọi sinh vật đang sống trên địa cầu đều góp phần vào tâm thức của Tinh Linh địa cầu, thì nó sẽ không cần con mắt nào khác hơn là con mắt của các sinh vật đó. Tinh linh địa cầu sinh hoạt trong sự sống của các sinh vật này, và thu thập kinh nghiệm bằng cách đó. Lại nữa, địa cầu chuyển động trên đường đi của nó với tư cách một hành tinh trong đội hợp xướng hùng vĩ gồm nhiều hành tinh, mỗi hành tinh đều phát ra nốt riêng của nó trong bản nhạc của các bầu hành tinh, chứa trong chính nó muôn vàn sự vật mà chúng ta phải cố mới hiểu được.

Thực thể này sinh hoạt theo một giai tầng (scale) rất khác với giai tầng của chúng ta. Cơ thể chúng ta ngẫu nhiên có một kích cỡ nào đó và sống trong một thời gian nào đó; đối với chúng ta điều đó dường như là tiêu chuẩn chính xác, vì thế một sinh vật nhỏ bé với một kiếp sống ngắn dường như đáng khinh, còn một sinh vật to lớn có một kiếp sống dài lại đáng trọng. Nhưng kích cỡ và độ dài của kiếp sống không phải là tiêu chuẩn của sự phát triển hoặc tiến bộ. Một số động vật thời tiền hồng thủy rất to lớn, hơn cả voi nữa, nhưng chúng rất kém thông minh, giống như loài tê giác và hà mã ngày nay kém trí khôn hơn loài chó. Do đó chúng ta không cần cho rằng vì lẽ Tinh Linh của địa cầu có một hình cầu là tám nghìn dặm đường kính dành cho thân thể, và vì lẽ đối với Tinh Linh này một kiếp sống (incarnation) là toàn bộ một

https://thuviensach.vn

chu kỳ thế giới, nên Tinh Linh đó thông minh hơn chúng ta. Nơi mỗi người chúng ta, tâm thức là một điểm. Tâm thức của Tinh Linh địa cầu dường như gồm nhiều thành phần một cách kỳ lạ, và mặc dầu kích thước to lớn, song ở vài phương diện, lại ít tiến hóa hơn tâm thức của nhiều Đại Thiên Thần đang hoạt động chung quanh thân của Tinh Linh địa cầu.

Nếu chúng ta đứng trên một ngọn đồi và nhìn khắp vùng bao quanh, chúng ta sẽ thấy vùng đó thấm nhuần một cái gì đó của sự sống của tinh linh địa cầu. Sự sống đó dường như tự phân chia thành nhiều phần (parts) một cách tạm thời hoặc thường xuyên. Một quang cảnh mỹ lệ mà nhiều người thán phục, được làm cho sinh động (ensouled) bởi một cá tính mơ hồ (vague individuality) vốn là một phần của tinh linh đó. Sự thán phục như thế, dù là từ phía con người hoặc phía Đại Thiên Thần, dường như cũng đều kích động sự sống trong phần đó, cho nên sự sống đó đáp ứng với cảm giác vui thích. Khi chúng ta ngắm một cảnh đẹp, cảnh đó tác động vào chúng ta, nhưng chúng ta cũng tác động vào cảnh đó nữa. Sự đáp ứng này được đưa thêm vào những gì được cảm nhận bởi sự sống trong giới khoáng chất, giới thảo mộc và giới động vật.

Khi một người được điểm đạo (initiated), thì ảnh hưởng mà người đó tự điều chỉnh được trên các cõi cao sẽ tuôn vào khắp mọi phần của cơ thể người đó. Mặc dầu có ít hiệu quả trong các chất rắn, chất lỏng và chất khí thuộc cõi trần, song lại có một số lớn bức xạ (radiation) từ thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí, tỏa ra, và như chúng ta đã thấy, số bức xạ này được cảm nhận bởi các giới trong thiên nhiên và bởi những người đang ở vào tình trạng dễ đáp ứng.

https://thuviensach.vn

Quyền năng của tứ đại có thể biểu lộ là các quyền năng của đất, nước, gió, lửa – bốn Đại Thiên Vương (Devarajas hay là Maharajas), là các Đấng cai quản nghiệp quả của chúng ta tại cõi trần, dường như các Ngài là thuộc cấp của các Đấng Lipika, tức là các Nghiệp Quả Tinh Quân Cao Cả. Theo tín đồ Ấn Giáo, các Ngài có danh xưng là Dhritarashtra, Virudhaka, Virupaksha và Vaishravana, và mỗi vị lại đứng đầu một đường phát triển riêng.

Được biết Dhritarashtra là vị đứng đầu các Gandharvas, tức các thần của không khí (spirits of the air), tức các Đại Thiên Thần tự biểu lộ bằng âm nhạc; luôn luôn phương Đông (the east) được giao cho các thần này, và các Ngài luôn luôn được tượng trưng bằng màu trắng (white), dưới hình ảnh các kỵ sĩ mặc y phục trắng, cưỡi bạch mã, cầm khiên cẩn ngọc trai.

Dưới Virudhaka là các thần Kumbhandas. Đây là các Thiên Thần của phương Nam (South), các thủy thần (spirits of water), được liên kết như thế vì phần phía nam của địa cầu có nhiều nước hơn là đất. Các thần này được tượng trưng bằng màu lam (blue), màu của nước, mang khiên cẩn lam ngọc (sapphire).

Dưới Virupaksha là các Nagas, Thiên Thần của phương Tây (West), hỏa thần, thuộc màu đỏ, cầm khiên san hô. Ezekiel mô tả các thần này như là các sinh vật rực lửa đầy các con mắt bên trong, và cũng như là các bánh xe có cánh.

Kế đến là các Yakshas, được cai quản bởi các Vaishravana. Các thần này được giao cho phương Bắc (North); đây là các Thiên Thần của đất (earth Devas or

https://thuviensach.vn

Angels) luôn luôn có màu vàng (gold) – màu của vàng ẩn trong đất.

Bà Blavatsky giải thích Myalba như sau "quả đất của chúng ta – đúng ra được gọi là địa ngục, và là địa ngục lớn nhất trong số các địa ngục, theo trường phái nội môn. Giáo lý nội môn không biết có địa ngục nào hay nơi chốn trừng phạt nào khác hơn là hành tinh đang cưu mang con người tức là địa cầu. Avichi (A-tỳ) là một trạng thái (state), không phải là một vị trí (locality)". Mặc dầu một số người chịu đau khổ sau khi chết ở cõi cảm dục, điều đó hoàn toàn không thể được xem như là sự trừng phạt. Họ chịu đau khổ do các tưởng tượng rối loạn của chính họ hay là các dục vọng thấp kém của họ, và mặc dầu các sự việc này có thể đôi khi xảy ra trên cõi đó, cái tệ hại nhất của nó không hàm ý như thế và xấu xa như một số các sự việc hay xảy ra ở cõi trần. Tất cả những ai đã có kinh nghiệm trên các cõi cao sẽ đồng ý với bà Blavatsky rằng ở bất cứ nơi nào khác, không có điều gì hoàn toàn quá tệ hại như sự sống ở cõi trần.

"Một khách hành hương từ bờ bên kia đã quay trở lại", câu này hiển nhiên có nghĩa là một người nào đó đã đạt đến trình độ cao, nhưng vẫn chọn ở lại và làm việc cho nhân loại trong thế gian này. Thường thường chúng ta nghĩ đến bờ bên kia là Cuộc Điểm Đạo Thứ Năm, không phải cuộc Điểm Đạo Thứ Tư, nhưng ở đây, nó được dùng theo ý nghĩa hạn chế.

Đức Aryasanga khép lại bằng lời chào:

Vạn Vật Thái Bình (Peace To All Being)

Lời chúc tương tự này được thấy có nơi cuối của mọi kinh sách Phật giáo hoặc Ấn giáo. Đức Aryasanga chấm dứt quyển kinh của Ngài bằng nỗi hoan hỉ vô cùng. Đôi khi Ngài

https://thuviensach.vn

nói đến con đường đau khổ, nhưng Ngài kết thúc với một khúc ca hân hoan kỳ diệu và sự an bình đẹp đẽ.

https://thuviensach.vn